Nghiên cứu
về sự chia rẽ trong Giáo hội Cổ truyền

Thánh Dimitri Rostovsky (Tuptalo)

Mục lục:

Gửi đến độc giả sáng suốt ... 3
Lời nói đầu ... 3
Đức Giám mục khiêm nhường Dimitri, nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, Tổng Giám mục Rostov và Yaroslavl ... 4
Phần I. Về đức tin ly giáo ... 5
Bài thứ nhất. Liệu đức tin của họ có phải là đức tin chân chính không? ... 5
Chương 1. Đức tin là gì? ... 5
Chương 2. Đức tin là điều mà mắt không thấy, tay không sờ được ... 6
Chương 3. Tất cả những gì mắt thấy và tay sờ được, đều không phải là đức tin ... 7
Chương 4. Niềm tin ly giáo đặt vào những vật thể có thể nhìn thấy và sờ thấy ... 8
Chương 5. Tính chính thống của đức tin Chính thống giáo về các bức tượng thánh ... 9
Chương 6. Về Thánh giá ... 12
Chương 7. Về bánh thánh ... 13
Chương 8. Về các sách cổ và sách mới ... 13
Chương 9. Các Thánh Tổ phụ không được cứu rỗi nhờ các cuốn sách ... 13
Chương 10. Những cuốn sách mới không làm thay đổi đức tin ... 14
Chương 11. Về các tập tục cổ xưa của Giáo hội ... 15
Chương 12. Về những điều mới được đưa vào ... 16
Chương 13. Về những điểm bất đồng giữa các Thánh Tông đồ ... 17
Chương 14. Về lời cầu nguyện của Chúa Giê-su ... 18
Chương 15. Về danh xưng của Chúa Giê-su ... 19
Bài thứ hai. Liệu đức tin của họ có phải là đức tin cổ xưa không? ... 21
Chương 16. Đức tin cổ xưa bao gồm những gì? ... 21
Chương 17. Về Đức Thánh Ba Ngôi ... 22
Chương 18. Về sự nhập thể của Đấng Christ. Đức tin của Avvakum ... 24
Chương 19. Về việc Chúa Kitô xuống địa ngục ... 25
Chương 20. Về tên gọi của các tu viện Bryn ... 26
Chương 21. Về các truyền thuyết của Giáo hội ... 28
Chương 22. Về việc tôn kính Thánh Kinh ... 29
Chương 23. Về những người chưa được thụ phong nhưng lại thực hiện các nghi lễ thánh ... 30
Chương 24. Về Phúc Âm của Avvakum ... 30
Chương 25. Về Fedka, người phó tế ... 31
Chương 26. Về chức chỉ huy của Avvakum ... 31
Chương 27. Về giấc mơ của Avvakum ... 31
Chương 28. Về những người Akhefalit ... 32
Chương 29. Niềm tin ly giáo trong các phong tục ... 32
Chương 30. Tính chính thống của đức tin Chính thống ... 33
Phần II. Về giáo lý ly giáo ... 33
Bài viết thứ nhất ... 34
Chương 1. Giáo lý phải xuất phát từ một vị thầy chân chính ... 34
Chương 2. Giáo lý phải xuất phát từ một vị thầy tài giỏi ... 35
Chương 3. Giáo lý phải xuất phát từ một vị thầy có đời sống trong sạch ... 36
Chương 4. Giáo lý chân chính phải được rao giảng công khai, chứ không phải bí mật ... 37
Chương 5. Những lời dối trá gây chia rẽ về Antichrist ... 37
Chương 6. Cách hiểu sai lệch của họ về của lễ thánh ... 43

Chương 7. Về một số người.....44
Chương 8. Về Tin Mừng và sự tuyệt thông.....45
Chương 9. Về Hội Thánh do con người dựng nên.....46
Chương 10. Về nhà tù.....53
Chương 11. Về việc thờ phượng.....56
Chương 12. Về các hình ảnh thánh.....60
Chương 13. Cuộc tranh luận của Thánh Grigori Omirit về các bức tượng thánh với Ervan, người Do Thái.....68
Chương 14. Cuộc tranh luận giữa Thánh Stephanos Mới và Copronymus.....70
Chương 15. Về di cốt các thánh.....72
Chương 16. Về thời kỳ cuối cùng.....79
Chương 17. Về đức tin trên trần gian.....95
Chương 18. Về hình ảnh và sự giống như Thiên Chúa nơi con người.....97
Chương 19. Về râu.....100
Chương 20. Về ria mép.....115
Chương 21. Về các câu chuyện trong Phúc Âm và các dụ ngôn.....116
Chương 22. Về việc bố thí thầm lặng.....127
Bài thứ hai.....128
Chương 23. Về giáo lý dị giáo ở Brynyany.....128
Phần thứ ba.....128
Chương 24. Sự phỉ báng của phe ly giáo đối với Thánh giá bốn đầu, và cuộc truy tìm Thánh giá.....128
Chương 25. Về dấu hiệu Thánh giá.....154
Chương 26. Về sự phỉ báng của những kẻ ly giáo đối với cách sắp xếp các thanh ngang.....160
Chương 27. Về sự phỉ báng của họ đối với các mầu nhiệm thiêng liêng.....162
Chương 28. Về các khoản thuế dành cho các linh mục.....164
Chương 29. Về đời sống của các linh mục.....168
Chương 30. Về Chiên Con Thánh bị hiến tế và bị giết.....170
Chương 31. Lại những lời phỉ báng của những kẻ ly giáo đối với các mầu nhiệm thiêng liêng.....173
Chương 32. Sự phỉ báng của họ đối với chức vụ giám mục.....173
Chương 33. Phản bác hai lời phỉ báng chính yếu nhất của những kẻ ly giáo đối với Hội Thánh của Đức Chúa Trời.....174
Phần III. Về các hành vi ly giáo.....176
1. Về tính chất nghiêm trọng của các hành vi ly giáo.....176
Điều 1.....176
Chương 2. Về những việc tưởng chừng là tốt, nhưng không biết có làm đẹp lòng Chúa hay không.....176
Chương 3. Về những việc làm giả dối.....179
Chương 4. Về những việc làm tốt nhưng vô ích; vì xuất phát từ lòng kiêu ngạo.....181
Chương 5. Về những việc làm tốt nhưng vô ích; bởi vì nằm ngoài Giáo hội Chính thống.....183
Chương 6. Về phong cách của những nhà giáo đạo đức giả.....184
Chương 7. Cuộc sống đạo đức không chứng thực đức tin sai lầm.....184
Bài thứ hai.....186
Chương 8. Về những việc làm xấu xa của những kẻ ly giáo, và về các thầy giáo.....186
Chương 9. Về Kapiton, Avvakum và những người khác.....187
Chương 10. Cô gái rước lễ bằng nho khô.....188
Chương 11. Quỷ dữ vui mừng trước những người bị thiêu sống.....188
Chương 12. Về trái tim trẻ thơ bị rạch ra trong nghi lễ phù phép.....188
Chương 13. Những người bị thiêu sống kêu gào dưới lòng đất: Ôi, chúng ta đã chết rồi!.....190
Chương 14. Về những phép thuật huyền bí, và về vị linh mục bị ném vào hang lửa.....191
Chương 15. Về phép thuật của người Do Thái và những kẻ ly giáo.....192
Chương 16. Về những người mê tín dị đoan.....193
Chương 17. Không coi đó là tội dâm dục, mà là tình yêu của Chúa Kitô.....194
Chương 18. Về các tu viện Bryn.....195
Chương 19. Danh sách những việc làm ly giáo mà họ tự cho là tốt.....199
Chương 20. Phân tích các vấn đề liên quan đến sự ly giáo.....199
Chương 21. Mọi việc làm tốt mà gây chia rẽ Giáo hội đều là điều ác.....204
Chương 22. Thông báo thẳng thắn về các hành vi ly giáo, vì chúng không phải là những việc làm đẹp lòng Chúa.....205
Chương 23. Phần kết của cuốn sách, và lời khuyên nhủ dành cho những người có đức tin chân chính.....207

Nghiên cứu về tín ngưỡng ly giáo ở Bryn, về giáo lý và hành vi của họ, cùng lời khẳng định rằng tín ngưỡng của họ là sai lầm, giáo lý của họ gây hại cho tâm hồn và hành vi của họ không đẹp lòng Chúa

Hãy lắng nghe: làm sao chúng ta có thể nhận biết các thầy giáo ly giáo?
Từ những lời lẽ mà họ dùng để ca ngợi tín ngưỡng của mình,
từ giáo lý giả dối và báng bổ của họ, và
Từ lối sống đạo đức giả của họ.

Gửi đến độc giả sáng suốt

Tác phẩm khiêm tốn này của tôi, nếu có may mắn được một độc giả sáng suốt và thông thạo Kinh Thánh nào đó đọc, tôi xin khẩn cầu, đừng ngạc nhiên trước ngôn ngữ bình dân và cách viết không trau chuốt ở đây, vì những dòng này không được viết ra dành cho những người khôn ngoan và thông thạo Kinh Thánh, mà là dành cho những người dân thường nhất, những người chưa hiểu được sức mạnh của Kinh Thánh, những người mà ngay cả một cuộc trò chuyện đơn giản cũng khó mà hiểu được. Đối với những người như vậy, các Thánh Tổ và các vị Thầy xưa kia cũng đã dùng ngôn ngữ bình dân để truyền đạt lời dạy của mình, như Thánh Zlatoust, người ban đầu có thói quen soạn thảo những lời giảng một cách uyên bác: nhưng sau khi được vợ khuyên nhủ, ngài đã gác lại lối diễn đạt hùng hồn, và chuyển sang dùng ngôn ngữ bình dân. Một lần nọ, khi ngài đang giảng dạy cho mọi người trong nhà thờ, có một người phụ nữ trong đám đông cất tiếng nói: "Thầy tinh thần ơi, hay nói đúng hơn là Gioan Vàng Miệng! Ngài đã đào sâu vào mỏ vàng của giáo lý thánh thiêng, nhưng trí tuệ của chúng con thì hạn hẹp, không thể nào hiểu thấu được." Ngài, sau khi suy ngẫm trong lòng rằng không có ích gì khi dùng những lời lẽ phức tạp để giảng dạy cho dân chúng, từ đó đã cố gắng trang trí bài giảng của mình không bằng những lời lẽ hoa mỹ, mà bằng những lời lẽ đơn giản, mang tính giáo huấn, để ngay cả người nghe đơn sơ nhất cũng có thể hiểu và thu được lợi ích. Cũng vậy, vị thánh tử đạo Alexander, Giám mục Komana[1] , (như được ghi chép trong tiểu sử của ngài): Ngài không bận tâm đến vẻ đẹp của ngôn từ trong những bài giảng dành cho dân chúng, mà chỉ quan tâm đến lợi ích cho tâm hồn; và trong lời giảng của ngài có nhiều điều đơn giản; được nói ra vì những người đơn sơ, nhưng lại vô cùng có ích cho tâm hồn. Và khi ngài bị một triết gia Attica nào đó chế giễu vì lối nói giản dị; thì vị triết gia ấy đã có một thị kiến như sau: Ông tưởng như thấy một đàn chim bồ câu trắng, vô cùng lộng lẫy, tỏa sáng bởi một ánh sáng kỳ diệu, theo lời trong Thánh Vịnh: *"Cánh chim bồ câu được mạ bạc, và phần giữa cánh lấp lánh như vàng*" ([2]), và có một tiếng nói vang lên với người đang chứng kiến cảnh đó: Đây chính là những lời của Giám mục Alexander, người mà ngươi đã chế giễu! Nhà triết học bừng tỉnh khỏi cơn mơ, cảm thấy hổ thẹn vì tội lỗi của mình. Nhưng chính Đức Kitô – Đấng Cứu Thế của chúng ta – khi trò chuyện với những người thông thái, với các thầy dạy Do Thái khôn ngoan, Ngài đã truyền đạt cho họ những lời của Thiên Chúa, tràn đầy sự khôn ngoan, dẫn chứng từ các sách Tiên tri: còn khi truyền giảng cho dân chúng bình thường, Ngài giải thích cho họ về Nước Trời qua những dụ ngôn đơn giản, và nói rằng: *Nước Trời giống như một người chủ nhà,* giống như *người gieo hạt giống tốt trên ruộng mình,* giống như *người buôn bán,* giống như *hạt cải,* và giống như *men mà người vợ lấy ra và giấu* vào *ba thúng* bột*, cho đến khi cả khối bột lên men*[3] . Và vì sự khiêm nhường của tôi, người mà dân chúng đơn sơ đã tin tưởng giao phó cho tôi chăm sóc, tôi phải dùng những lời lẽ đơn giản để khuyên răn những ai đang sa vào sự lầm lạc của sự ly giáo. *Đấng Christ đã sai tôi* (như tôi đã nói cùng với các Tông đồ) *để rao giảng Tin Mừng, không phải bằng sự khôn ngoan của lời nói*[4] .

Lời nói đầu

Để đối phó với sự ngoan cố của những kẻ ly giáo, hai cuốn sách xuất sắc do các vị Thượng phụ Moscow thánh thiện trước đây cùng với Hội đồng Thánh đã soạn thảo là đủ, tên của hai cuốn sách đó là: "Cây gậy cai trị" và

[1] Ngày 32 tháng 8, trang 661, mặt sau.
[2] Thi thiên 67:14.
[3] Ma-thi-ơ, chương 13.
[4] 1 Cô-rinh-tô 1:17.

"Lời khuyên thiêng liêng". Và không cần những lời đáp trả hay hơn nữa trước những phản bác vô lý của những kẻ thù điên rồ chống lại Giáo hội Thánh; nhưng vì tôi không biết liệu những cuốn sách đó có còn tồn tại ở đâu trong giáo phận Rostov của chúng ta hay không, và chúng hầu như không còn nữa: bởi vì bàn tay đáng ghét của những kẻ ly giáo đang tiêu diệt chúng. Vì lý do đó, tôi đã viết cuốn sách nhỏ này theo bổn phận của mình: bởi vì khi có con sói rình rập đàn chiên, người chăn chiên không được phép chìm trong giấc ngủ.

Đức Giám mục khiêm nhường Dimitri, nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, Tổng Giám mục Rostov và Yaroslavl

Gửi các vị Archimandrite đáng kính, các vị Iguumen, và toàn thể hàng tu sĩ,

các linh mục đáng kính, các phó tế và các giáo dân, đang hiện diện tại tất cả các thành phố và làng mạc trong giáo phận của chúng ta,

Cùng toàn thể dân Kitô hữu chính thống thuộc Giáo phận Rostov, thuộc mọi tầng lớp và lứa tuổi, những anh em yêu dấu và các con cái thiêng liêng của tôi,

Xin Chúa Giêsu Kitô ban phước lành và bình an cho chúng ta.

* * *

Sự khiêm nhường của chúng tôi đối với các bạn, hỡi những người thân yêu! không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt lời nói bằng miệng, mà còn phải truyền đạt những lời hữu ích qua văn bản. Bởi vì lời nói chỉ được nghe thấy trong phạm vi gần, còn những gì được ghi chép lại thì sẽ lan tỏa đến tận cùng vũ trụ. Lời nói bằng miệng sẽ nhanh chóng bị xóa khỏi trí nhớ con người; còn những gì được viết ra thì sẽ tồn tại mãi mãi. Vì vậy, những điều tôi đã nói bằng miệng và những điều tôi đã dạy các con, tôi quyết định ghi chép lại và gửi đến Giáo phận; bởi vì bản thân tôi không thể, vì một số lý do, đi khắp nơi để chăm sóc đoàn chiên của chúng ta và dạy dỗ dân Chúa bằng lời nói và sự hiện diện trực tiếp ở mọi nơi. Vậy, lá thư này của tôi sẽ thay mặt tôi, đi qua các thành phố và làng mạc trong Giáo phận của chúng ta, để dạy dỗ và khuyên nhủ các bạn, đừng để bị lừa dối bởi những giáo lý sai lầm của những kẻ ly giáo, nhưng hãy đứng vững trong đức tin Chính thống, bám chặt vào Giáo hội Thánh Tông đồ, Mẹ của chúng ta.

Trước hết, tôi bày tỏ với các con nỗi buồn và sự trăn trở trong lòng tôi về các con, vì tôi nghe *nói rằng những con sói hung ác* đang xâm nhập *vào giữa các con*[5] , xuất phát từ những khu rừng sồi và sa mạc Bryn, và bằng những lời nói dối trá cùng những lời thì thầm bí mật (như con rắn đã lừa dối Ê-va) những con chiên của Đấng Christ, không phải để được cứu rỗi, mà là để dẫn đến sự hủy diệt: chúng hành hạ đàn chiên của Đức Chúa Trời, dạy dỗ sai lầm, và dụ dỗ những linh hồn thiếu hiểu biết; chúng nuốt chửng và tiêu diệt họ bằng những tà thuyết của mình, rồi kéo họ xuống cái bụng không bao giờ no của địa ngục. Nhưng *ngay cả từ chính các ngươi* (như ta nghe nói)*, đã nổi lên những kẻ nói những lời sai lạc, nhằm lôi kéo các môn đệ* (tôi gọi là dân chúng bình thường) *theo sau họ*[6] . Vì điều đó mà tôi cảm thấy đau khổ và buồn phiền không ít, cũng như Đa-vít, người đã than thở và nói về những kẻ như vậy: *"Sự buồn phiền bao trùm tôi vì những kẻ tội lỗi, những kẻ bỏ luật pháp của* Ngài"[7] .

Sau khi tuyên bố điều đó, tôi nói với các bạn cùng với Đấng Christ, Đấng Cứu Rỗi của tôi: *hãy cảnh giác trước những nhà tiên tri dối trá*[8] , tức là, hãy đề phòng những thầy giáo dối trá. Bởi vì xưa kia, các thầy giáo được gọi là các nhà tiên tri. Cũng như Sứ đồ đã nhắc đến người Crete trong thư gửi cho Tít, khi nói: *"Có người trong số họ tự xưng là tiên tri của họ: Người Crete luôn dối trá*[9] . Vị tiên tri đó của họ (theo lời kể của Thánh Giuse Kim Khẩu) là Epimenides, người Crete, người từng là nhà thơ, nhà triết học, thầy tế lễ thờ thần tượng, và là người dạy luật Hy Lạp cho người Crete. Vì vậy, khi Chúa Kitô khuyên những ai theo Ngài hãy đề phòng các tiên tri dối trá, Ngài cũng khuyên họ hãy đề phòng các thầy dạy dối trá, những kẻ xuất phát từ các tu viện ly giáo của Bryneki,

---

[5] Công vụ 20:29.
[6] Công vụ 20:30.
[7] Thi Thiên 118:83.
[8] Ma-thi-ơ 7:15.
[9] Tít 1:12.

giống như những kẻ xuất phát từ tổ quỷ. Hãy đề phòng những kẻ ấy, hỡi những người yêu dấu! Hãy đề phòng *những kẻ đến với các con trong bộ áo cừu, nhưng bên trong lại là những con sói, những kẻ săn mồi*[10] .

Nhưng các con sẽ hỏi: Làm sao để nhận biết ai là sói, ai là người tốt? Đức Kitô đáp lại rằng: *Các con sẽ nhận biết họ qua hoa trái của họ;* cũng như *cây* được nhận biết *qua hoa trái của nó*. *Cây tốt sinh trái tốt, cây xấu* sinh *trái xấu*: *cây* xấu không thể *sinh trái tốt* được. Cũng vậy, những kẻ ấy, Ta nói, là *những thầy dạy dối trá, những con sói mặc áo cừu*, *sẽ được nhận biết qua trái của chúng*[11] , vì chúng thuộc về lời của Thánh Tông Đồ: *cây mùa thu, vô sinh, đã chết hai lần*[12] , mất đi trái và lá, đã từ bỏ đức tin và hy vọng cứu rỗi, bị nhổ tận gốc khỏi Giáo hội, không có trái tốt, ngoại trừ trái xấu, giống như những quả táo của Sodom.

Thánh Zlatoust viết *rằng ở vùng đất ấy, nơi xưa kia là Sodom, có những cây mọc lên và kết quả*[13] . Còn quả của cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời chính là ký ức. Những cây táo đứng đó, mang vẻ đẹp rực rỡ, và mang lại cho người không biết nhiều niềm hy vọng về hương vị. Nhưng nếu chúng được cầm lên trong tay, khi bẻ ra, thì không có quả nào cả, mà chỉ lộ ra bên trong đầy bụi và tro tàn. Đó chính là những cây thầy giáo ly giáo, và đó cũng là trái của họ: bề ngoài, những giáo lý quyến rũ của họ dường như đẹp đẽ và có ích cho linh hồn; nhưng khi phân tích và xem xét kỹ lưỡng giáo lý của họ, người ta sẽ thấy rằng, giống như quả táo của Sodom, chúng đầy bụi bặm, dối trá và mùi hôi thối của sự hủy hoại tâm hồn. Và chính *từ trái của họ, các ngươi sẽ nhận biết họ.*

Để chứng minh điều này, chúng ta sẽ trình bày ở đây ba trái cây chính của những cây trong vườn Bryn, tức là những vị thầy ly giáo:

Niềm tin của họ,
Giáo lý của họ và
Hành động của họ,

và bằng sự điều tra chân thực, bằng sự thử thách, cùng với lý luận và sự xem xét sáng suốt, chúng ta sẽ thấy những gì có trong đó.

Tại đây, sự CHÍNH ĐÁNG CỦA ĐẠO TIN LÀNH cũng sẽ được trình bày tóm tắt trong phần đầu tiên.

Phần I. Về đức tin ly giáo

Đầu tiên, như trái đầu tiên của vườn ly giáo, chúng ta sẽ xem xét đức tin của họ, vốn được họ tô điểm bên ngoài bằng những lời nói dối trá, trước những người dân thường thiếu hiểu biết, họ tuyên bố rằng đức tin của họ là chính thống, đức tin của họ là cổ xưa, và chỉ có đức tin chân chính duy nhất là ở các tu viện Bryn: còn ở các thành phố, trong các nhà thờ, ở các Giám mục và các linh mục thì không có đức tin chân chính, họ đã thay đổi đức tin, bóp méo đức tin, và một đức tin mới đã xuất hiện.

Vậy chúng ta hãy tìm hiểu hai điều sau đây:
I. Liệu đức tin của họ có phải là đức tin chân chính không?
II. Liệu đức tin của họ có phải là đức tin cổ xưa không?

Bài viết thứ nhất. Liệu đức tin của họ có phải là đức tin chân chính không?

Bắt đầu cuộc tìm hiểu đầu tiên về đức tin Bryn: liệu đức tin của họ có phải là đức tin chân chính không? Trước tiên, tôi đặt ra câu hỏi:

Chương 1. Đức tin là gì?

Hãy để tất cả các nhà truyền giáo ly giáo, những người từ Bryn bí mật đến với các bạn, những người mà các bạn đang che chở trong các hang động ngầm của mình, hãy tập hợp lại và trả lời câu hỏi này:

Đức tin là gì?

---

[10] Ma-thi-ơ 7:15.
[11] Ma-thi-ơ 7:10 và các đoạn khác.
[12] Thư Giu-đe, câu 12.
[13] Thánh Zlat. về Thư 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4, bài giảng 8, trang 2265.

Tất cả đều sẽ nói: Đức tin là tin vào Đức Chúa Trời duy nhất được tôn vinh trong Ba Ngôi Thánh, là Cha, Con và Thánh Thần, như đã được ghi trong Kinh Tin Kính: *"Tôi tin vào Đức Chúa Trời duy nhất,"* v.v.

Việc xưng nhận đức tin bằng lời nói là điều tốt; các ngươi hãy nói: *vì "bằng lòng tin vào lẽ thật"* (theo Thánh Tông Đồ), *thì "bằng miệng xưng nhận để được cứu* rỗi"[14] ; nhưng ta không hỏi về điều đó, tức là các ngươi tin vào ai và tin như thế nào, mà là các ngươi có tin vào Đức Chúa Trời duy nhất hay không? Thật vậy, tất cả những ai đã được soi sáng bởi phép Rửa tội thánh đều tin vào Đức Chúa Trời duy nhất trong Ba Ngôi; nhưng câu hỏi của tôi là: đức tin là gì? Tôi chỉ hỏi về chính từ (tên) này, *"Đức Tin":* ý nghĩa của từ này là gì? Tại sao đức tin lại được gọi là đức tin?

Tôi biết rằng các bạn không trả lời được, vì các bạn cũng không biết: các bạn dạy về đức tin, nhưng lại không biết đức tin là gì; bởi vì chính các bạn cũng không thể giải thích được ý nghĩa của từ *"Đức tin"* đó.

Vậy hãy học hỏi từ Thánh Tông Đồ Phaolô, trong Thư gửi người Do Thái, Chương II, câu đầu tiên, nơi ngài phán như sau: *"Đức tin là sự chắc chắn về những điều mình hy vọng, là bằng chứng về những điều không thấy"*[15] . Thánh Gioan Damascene giải thích những lời của Thánh Tông Đồ này như sau: *"Đức tin là bản thể* (cấu trúc) *của những điều được trông đợi*, là *sự chứng thực những điều không thấy được"*[16] . Còn Thánh Xa-lô-môn Vàng Miệng thì nói như sau: *"Đức tin quả thực là cái nhìn vào những điều chưa biết, đưa những điều không thấy được trở thành những điều có thể thấy được"*[17] .

Các ngươi có hiểu sức mạnh của những lời này không, hỡi Brynyan? Các ngươi có thấy rõ điều này không, *rằng đức tin là sự mặc khải,* hay (theo Thánh Damascene), *là bản thể của những điều vô hình?* Nếu ngài chưa hiểu, xin hãy lắng nghe lời giải thích ngắn gọn nhưng rõ ràng của các nhà thần học, những người đã nói như sau: Đức tin là gì, nếu không phải là việc tin vào những điều mà ngài không thấy? Đó là lời giải thích về từ (danh từ) này, *"Đức tin":* tin vào điều mà mình không thấy; chính vì lý do đó mà đức tin được gọi là đức tin, vì người ta tin vào điều mà mình không thấy. Vẫn còn ai chưa hiểu rõ chăng? Vậy hãy lắng nghe lời giải thích chi tiết hơn về điều này.

Chương 2. Đức tin là điều mà mắt không thấy, tay không sờ được

Đức tin là điều mà đôi mắt xác thịt của ngươi không thấy, bàn tay ngươi không sờ nắn được, nhưng trái tim và trí tuệ của ngươi khẳng định chắc chắn trong lòng rằng điều đó đúng là như vậy, chứ không phải khác đi: đó chính là Đức tin.

Chúng ta không thấy Thiên Chúa, vì *"không ai đã từng thấy Thiên Chúa"* ([18]), như Thánh Gioan Thần Học đã nói; nhưng chúng ta chắc chắn tin rằng Thiên Chúa hiện hữu: đó chính là Đức Tin.

Chúng ta không thấy ba Ngôi trong một Thiên Chúa, cũng không thể hiểu được làm sao Ba Ngôi lại là một, và một lại là Ba Ngôi, nhưng chúng ta tin chắc chắn rằng trong Ba Ngôi chỉ có một Thiên Chúa duy nhất: đó là Đức Tin.

Chúng ta không thấy, cũng không thể hiểu bằng trí tuệ của mình về sự nhập thể và sự sinh ra của Đức Kitô, rằng trong lòng trinh nữ, Lời Thiên Chúa đã trở nên xác thịt, và Ngài đã sinh ra một cách bất hoại, giữ cho Mẹ Ngài, Đấng Trinh Nữ, vẫn là Trinh Nữ trước khi sinh, trong lúc sinh, và sau khi sinh; chúng ta tin chắc chắn rằng điều đó là như vậy: đó là Đức Tin.

Chúng ta không thấy, cũng không thể nhìn thấy bằng mắt xác thịt hai bản tính riêng biệt, bản tính Thiên Chúa và bản tính con người, trong một nhân vị duy nhất và không thể tách rời của Đức Kitô; nhưng chúng ta tin chắc chắn rằng điều đó là như vậy: đó là Đức Tin.

Chúng ta không thấy Đấng Cứu Thế của chúng ta; Ngài đang ngự trên ngai Thiên Chúa trên trời với thân xác được tôn vinh trong vinh quang không thể tiếp cận, đồng trị với Cha Ngài và Thánh Thần, nhưng chúng ta tin chắc chắn rằng điều đó là như vậy: đó là Đức Tin.

Chúng ta không thấy Thiên Chúa của chúng ta, Đấng hiện diện khắp mọi nơi, Đấng luôn ở cùng chúng ta, bằng đôi mắt xác thịt, nhưng chúng ta tin chắc rằng Ngài hiện hữu như vậy: đó là Đức Tin.

---

[14] Rô-ma 10

[15] Hê-bơ-rơ 11:1.

[16] Sách 4, chương 11 về đức tin.

[17] Bình luận về Thư gửi người Do Thái, bài giảng *số 21,* trang 2978, chương 11.

[18] Giăng 1:18.

Chúng ta không thấy Thánh Thần trong Bí tích Rửa tội thánh thiêng, cũng như trong các Bí tích khác của Giáo hội, nhưng chúng ta tin rằng Thánh Thần ngự xuống và Ngài thực hiện mọi Bí tích: đó là Đức Tin.

Trong các Bí tích thánh khiết của Chúa Kitô, dưới hình thức bánh có thể nhìn thấy, chúng ta không thấy thân thể con người đích thực của Chúa Kitô, và dưới hình thức rượu có thể nhìn thấy, chúng ta cũng không thấy máu con người đích thực của Ngài; nhưng chúng ta tin rằng đó thực sự là thân thể đích thực của Chúa Kitô, được che giấu dưới hình thức và hương vị của bánh; và đó chính là máu thật của Chúa Kitô, được che giấu dưới hình thức và hương vị của rượu: đó là Đức Tin.

Hơn nữa, chúng ta cũng hãy thêm điều này:

Chúng ta không nhìn thấy bằng đôi mắt xác thịt của mình Đức Mẹ Thiên Chúa, Đấng đang ngự trị trên trời cùng Con của Mẹ và là Thiên Chúa, và đang cầu thay cho chúng ta, những tôi tớ tội lỗi của Mẹ; nhưng chúng ta tin rằng Mẹ đang ngự trị cùng Chúa Kitô và đang cầu thay cho chúng ta: đó là Đức Tin.

Chúng ta không thấy các Thánh nhân được Chúa hài lòng, đang đứng trước ngai Chúa trong nhà thờ long trọng, và cầu nguyện cho chúng ta trước mặt Chúa; nhưng chúng ta tin rằng họ đang đứng đó và cầu nguyện: đó là Đức Tin.

Chúng ta không thấy Thiên Thần Bản Mệnh của mỗi người, nhưng chúng ta tin rằng mỗi người đều có một Thiên Thần Bản Mệnh, được ban cho từ khi chịu phép Rửa Tội: đó là Đức Tin.

Chúng ta không thấy những vương miện vinh quang trên trời, được dành sẵn cho những ai yêu mến Thiên Chúa, cũng như không thấy những cực hình địa ngục dữ dội và vĩnh cửu dành sẵn cho những kẻ tội lỗi không ăn năn; nhưng chúng ta tin rằng: người lành sẽ được thưởng lành, kẻ ác sẽ bị trừng phạt ác, mỗi người tùy theo việc làm của mình: đó là Đức Tin.

Chúng ta không thấy những người chết sống lại từ quan tài, nhưng chúng ta tin và trông đợi sự sống lại của người chết vào Ngày Sau Cùng: đó là Đức Tin.

Và tôi xin tóm tắt như sau: Đức tin là điều chúng ta không thấy, nhưng chúng ta tin chắc chắn. *Đức tin là sự chắc chắn về những điều không thấy*[19] .

Chương 3. Mọi điều mà mắt thấy và tay sờ được, đều không phải là đức tin

Ngược lại.

Tất cả những gì mắt chúng ta nhìn thấy và tay chúng ta sờ nắn được, không phải là đức tin, mà là vật chất có thể nhìn thấy và sờ nắn được, như Thánh Tông Đồ đã nói: *"Niềm hy vọng có thể nhìn thấy thì không phải là niềm hy vọng; vì ai đã thấy thì không còn hy vọng nữa"*[20] ?

Và vì những gì nhìn thấy và sờ thấy không phải là đức tin, mà là vật chất, nên rõ ràng là như vậy, và từ đó, Thánh Tông Đồ đã nói: *"Bây giờ chúng ta nhìn thấy* (Thiên Chúa) *như trong gương mờ, nhưng sau này sẽ mặt đối mặt; bây giờ tôi hiểu một phần, nhưng sau này tôi sẽ nhận biết như chính tôi đã được nhận biết." Hiện nay, ba điều này vẫn còn tồn tại: Đức Tin, Đức Hy Vọng và Tình Yêu; trong ba điều đó, Tình Yêu là lớn nhất*[21] .

Hãy lưu ý, Tình Yêu lớn hơn cả Đức Tin và Hy Vọng. Tại sao lại lớn hơn? Bởi vì (theo lời của chính vị Tông Đồ ấy) *tình yêu không bao giờ phai nhạt*[22] . Hãy lưu ý lời này: tình yêu không bao giờ phai nhạt, tình yêu không bao giờ ngừng yêu thương.

Vậy thì Đức Tin cùng với Hy Vọng có bao giờ chấm dứt không? Chắc chắn là có. Hãy hiểu điều tôi đang nói: chừng nào chúng ta còn sống trên đất này, chừng nào chúng ta chưa được nhìn thấy Thiên Chúa mặt đối mặt, chừng nào chúng ta chưa thấy và chưa nhận được những ân huệ đã được chuẩn bị sẵn trên trời dành cho những ai yêu mến Thiên Chúa, những điều mà mắt chúng ta chưa từng thấy; thì cho đến lúc đó, đức tin và hy vọng mới ở lại trong chúng ta, cho đến khi thời gian đó đến. Chúng ta tin rằng trong cuộc sống tương lai, chúng ta sẽ được nhìn thấy Đức Chúa Trời; chúng ta tin cho đến khi đó, cho đến khi chúng ta được nhìn thấy Ngài. Chúng ta hy vọng sẽ nhận được những ân huệ trên trời; chúng ta hy vọng cho đến khi đó, cho đến khi chúng ta nhận được chúng. Vì đức tin và niềm hy vọng chỉ tồn tại cho đến khi chúng ta được chiêm ngưỡng Đấng được tin bằng chính đôi mắt mình,

---

[19] Hê-bơ-rơ 11:1.
[20] Rô-ma 8:24.
[21] 1 Cô-rinh-tô 13:12 và 13.
[22] Cùng đoạn, câu 8.

cho đến khi chúng ta nhận được điều mình mong đợi; còn tình yêu thì mãi mãi không bao giờ phai nhạt. Vì khi chúng ta được ân sủng để ở trong Nước Trời (nếu ai được Thiên Chúa ban ân sủng), và được chiêm ngưỡng Thiên Chúa ở đó, thì đức tin sẽ chấm dứt: bởi vì lúc đó chúng ta sẽ được chiêm ngưỡng Ngài mặt đối mặt, Đấng mà chúng ta đã tin. Hy vọng cũng sẽ chấm dứt, bởi vì lúc đó chúng ta sẽ nắm giữ trong tay chính điều mà chúng ta đã hy vọng. Còn tình yêu thì sẽ không bao giờ chấm dứt; vì ở đó, chúng ta sẽ mãi mãi yêu mến Thiên Chúa và các Thánh của Ngài, cũng như yêu mến lẫn nhau. Các con có tin vào những điều ta nói không? Ta nghĩ là các con không tin. Vậy, các anh em đừng tin lời tôi, mà hãy tin Thánh Gioan Vàng Miệng, Đấng đã phán như thế *này*: *"Đức tin và hy vọng, khi những điều tốt lành mà chúng ta đã tin và trông đợi đã đến, thì sẽ chấm dứt"*[23] . Và để minh chứng điều này, Thánh Phaolô đã nói: *"Niềm hy vọng mà ta thấy thì không còn là niềm hy vọng nữa, vì ai đã thấy thì không còn hy vọng gì nữa*[24] ?" Và lại: *"Đức tin là* nền tảng của *những điều ta hy vọng*, *là bằng chứng về những điều không thể thấy được."* Vì vậy, những điều này sẽ chấm dứt khi chúng được bày tỏ; còn tình yêu thì lúc đó sẽ càng được khơi dậy và trở nên mãnh liệt hơn. Đến đây là lời của Thánh Xa-lô-tô. Từ Thánh Xa-lô-tô, chúng ta thấy rõ rằng đức tin và niềm hy vọng vào cuộc sống tương lai, tức là trong Nước Trời, sẽ chấm dứt; chỉ có tình yêu là sẽ còn mãi mãi, không bao giờ phai nhạt. Vậy tại sao đức tin và niềm hy vọng lại chấm dứt? Bởi vì những gì chúng ta hiện đang tin, chúng ta sẽ được thấy bằng chính đôi mắt mình ở đó; và những gì chúng ta hiện đang hy vọng, chúng ta sẽ nhận được ở đó.

Từ đoạn Kinh Thánh của các Tông Đồ đã nêu trên, cũng như từ lời giải thích của Thánh Giuse Kim Khẩu, chúng ta được biết rõ rằng: đức tin chính là điều không thể nhìn thấy bằng mắt, mà chỉ tin bằng lòng: *đức tin là sự chắc chắn về những điều không thấy*[25] . Tuy nhiên, những gì mắt thấy và tay sờ được thì không phải là đức tin, mà là vật chất hữu hình, có thể sờ mó được; và bất cứ ai tin vào vật chất hữu hình, có thể sờ mó được, thì không có đức tin Kitô giáo chân chính, cũng không được hiệp thông với các tín hữu, mà phần của người ấy là ở cùng những kẻ thờ ngẫu tượng; vì họ đã tin vào những vật thể có thể nhìn thấy và sờ mó được, họ đã tôn thờ những tác phẩm do chính tay mình tạo ra, và họ đã thờ phượng những vật thể có thể nhìn thấy và sờ mó được như thể đó là Thiên Chúa.

Ở đây, chúng ta sẽ bắt đầu tìm hiểu điều khoản đầu tiên.

Chương 4. Đức tin ly giáo vào những vật thể có thể nhìn thấy và sờ thấy

Niềm tin ly giáo có phải là niềm tin chân chính không?

Các thầy giáo ở Bryn tuyên xưng đức tin vào một Đức Chúa Trời duy nhất, nhưng lại tìm kiếm Thần tính trong những vật thể có thể nhìn thấy và sờ thấy được, và đặt niềm tin của mình vào những vật thể có thể nhìn thấy và sờ thấy được.

Bức tượng cổ, đó là niềm tin của họ.

Thập tự giá tám cánh, đó là đức tin của họ.

Bảy chiếc bánh thánh trong nghi lễ Thánh lễ, đó là đức tin của họ.

Những cuốn sách cổ, đó là đức tin của họ.

Cách xếp các ngón tay theo thói quen của họ, đó là đức tin của họ.

Hỡi những kẻ điên rồ, mù quáng, lầm lạc, tâm trí bị che phủ bởi lớp bồ hóng đen tối! Liệu bức tượng thánh có phải là Đức Chúa Trời không? Liệu số sừng trên Thánh giá có phải là Đức Chúa Trời không? Liệu số bánh thánh có phải là Đức Chúa Trời không? Liệu những cuốn sách cũ nát có phải là Đức Chúa Trời không? Liệu cách xếp ngón tay của các ngươi có phải là Đức Chúa Trời không?

Hình thánh là thánh thiện và đáng kính, nhưng không phải là Đức Chúa Trời. Thánh giá là thánh thiện và đáng kính, nhưng không phải là Đức Chúa Trời. Bánh thánh, được đóng dấu bằng dấu thánh giá, là thánh thiện, nhưng không phải là các vị thần. Các sách Thánh Kinh là đáng kính, nhưng không phải là các vị thần. Những ngón tay tạo thành hình thánh giá, dù được xếp theo cách nào, cũng đáng kính, nhưng không phải là Chúa. Tất cả những vật chất có thể nhìn thấy, sờ thấy được, đều không phải là Chúa.

Và vì chúng không phải là các vị thần: nên cũng không phải là đức tin.

---

[23] Zlat., về 1 Cô-rinh-tô 13, bài giảng 34, trang 967.

[24] Rô-ma 8:24.

[25] Hê-bơ-rơ 11:1.

Chẳng lẽ bạn lại nói rằng truyền thống của tổ tiên, vốn dạy các tín hữu phải tôn kính những vật thánh một cách trang nghiêm, lại không phải là chính đức tin, vốn không dựa trên bất kỳ lý do nào khác, mà chỉ dựa trên một Đức Chúa Trời vô hình duy nhất?

Và trong các ngươi, có bao nhiêu bức tranh thánh cổ, bao nhiêu cây thánh giá tám cánh, và bao nhiêu vật thể hữu hình, có thể sờ thấy khác nữa mà các ngươi tin tưởng, thì cũng có bấy nhiêu vị thần và bấy nhiêu tín ngưỡng. Các ngươi không còn đặt niềm tin và hy vọng cứu rỗi của mình vào Đức Chúa Trời vô hình nữa, mà đặt vào những vật thể hữu hình và có thể sờ thấy; và như vậy, hỡi Brynyan, các ngươi thật là vô ích! Trong lời tuyên xưng đức tin, các ngươi nói: *"Tôi tin vào một Đức Chúa Trời duy nhất."* Các ngươi lẽ ra phải nói: "Tôi không tin vào một, mà tin vào nhiều vị thần: vào những bức tượng thánh cũ kỹ, vào những cây thánh giá tám cánh, vào bảy chiếc bánh thánh, vào những cuốn sách cổ và vào cách xếp ngón tay theo phong tục Bryn." Nhưng ngay cả trong vô số vật chất hữu hình và có thể sờ thấy ấy, các ngươi cũng không tìm thấy đức tin chân chính của mình: bởi chính các ngươi trong đức tin của mình lại không có đức tin, cứ tranh cãi, bàn luận xem phải thế này hay thế khác? Và đã có những kẻ trong các ngươi, không chỉ muốn thờ lạy các bức tượng mới, mà còn cả những bức tượng cũ nát, thậm chí không muốn đeo dấu thánh giá trên người, hành động một cách điên rồ và mâu thuẫn với chính mình. Vì người này dạy thế này, người kia dạy thế kia: nhưng tất cả đều không biết mình đang tin vào điều gì, và đang giảng dạy điều gì. Về những người như vậy, Thánh Tông Đồ đã nói: *"Họ đã phạm tội và sa vào những lời vô nghĩa; họ muốn làm thầy dạy luật, nhưng không hiểu cả những gì họ nói lẫn những gì họ khẳng định"* ([26]). Làm sao họ có thể hiểu được, khi họ không biết Kinh Thánh cũng như quyền năng của nó? Dù có ai đọc đi chăng nữa, họ cũng không hiểu, và dù có giải thích, họ cũng giải thích sai. Vì người chưa được học hành, và chưa được soi sáng bởi ánh sáng của trí tuệ từ sách vở, thì thật khó để thấu hiểu chiều sâu của Kinh Thánh, và giải thích những mầu nhiệm khó hiểu của nó; điều đó chỉ dành cho những ai tin tưởng rằng mình biết rõ như đen trên trắng, và lang thang trong các cuốn sách: Còn những bí ẩn trong Kinh Thánh Thánh thì người ấy chỉ nhìn thấy được bao nhiêu, cũng giống như người mù nhìn thấy những tia nắng mặt trời.

Này, hỡi những người yêu dấu, chúng ta đã dùng lý luận để bóc tách trái đầu tiên của vườn Bryn, nhằm tìm kiếm đức tin của họ, xem liệu đức tin ấy có đúng đắn hay không? Và chúng ta đã phát hiện ra rằng, bên ngoài nó được tô điểm bằng những lời dối trá và nịnh hót, giống như người phụ nữ trang điểm khuôn mặt mình, còn bên trong, như đã đề cập trước đó, chính là "quả táo Sodom" được mô tả trong các bài giảng của Thánh Xê-đô-ni-ô, bề ngoài trông đỏ thắm, nhưng bên trong lại đầy bụi bặm và tro tàn hôi thối: giống như một cỗ quan tài được quét vôi trắng, bên trong chứa đầy xương cốt bốc mùi hôi thối[27] .

Vậy, hãy kết thúc bài viết đầu tiên này bằng một luận chứng rõ ràng như sau:

Ai không tin vào một Đức Chúa Trời duy nhất vô hình, mà lại tin vào nhiều vật chất hữu hình và có thể sờ thấy được, thì người ấy tin sai lầm.

Và bởi vì những kẻ ly giáo không tin vào một Đức Chúa Trời duy nhất vô hình, mà tin vào nhiều vật thể hữu hình và có thể sờ thấy được: vào những bức tượng cổ, vào những cây thánh giá tám cánh, vào số bánh thánh, vào những cuốn sách cũ, vào cách xếp ngón tay theo phong tục của họ;

nên đức tin của họ không phải là đức tin chân chính, mà là đức tin sai lầm, tìm kiếm Thần tính trong những vật thể hữu hình và có thể sờ thấy được.

Tại đây, để đối lập với sự sai lầm rõ ràng của đức tin ly giáo đã nêu trên, xin được trình bày tóm tắt sự chính đáng đích thực của Đức Tin Chính Thống Thánh Khiết của chúng ta.

Chương 5. Sự chính đáng của Đức Tin Chính Thống về các bức tượng thánh

Còn Đức Tin Kitô giáo chân chính của chúng ta, không phải do những kẻ ly giáo ở Bryn hay những người dân thường dạy cho chúng ta, mà là do chính Đức Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, Đấng thường xuyên giảng dạy chúng ta trong các Phúc Âm thánh, và do các Thánh Tông Đồ của Ngài truyền lại, và chúng ta đã được củng cố trong Đức Tin ấy qua bảy Công Đồng Toàn Cầu: niềm tin ấy tin vào một Thiên Chúa duy nhất và vô hình, chứ không tìm kiếm Thần tính trong những vật thể hữu hình và có thể sờ mó được.

---

[26] 1 Ti-mô-thê 1:6.

[27] Ma-thi-ơ 23:27.

Chúng ta tôn kính các Thánh Tượng, hôn lên chúng, thờ lạy chúng, nhưng không thờ phượng chúng như thần linh, không nói rằng Thánh Tượng là Đức Chúa Trời, mà chỉ là hình ảnh phản chiếu của Đức Kitô, hoặc Đức Mẹ, hoặc một vị Thánh nào đó. Như Thánh Gioan Damasceno đã nói rõ: *hình ảnh thánh là câu chuyện về Chúa Kitô và các Thánh của Ngài, được kể lại bằng nghệ thuật hội họa, cũng như được thuật lại bằng lời văn.* Chính vị Thánh ấy trong bài giảng của Ngài về tuần lễ Chính Thống Giáo đã phán như sau: *"Cả những người viết bằng lời và những họa sĩ đều ghi chép; những người này dùng lời để tô điểm, còn những người kia thì vẽ lên tấm ván*[28] ." Bởi vì người viết đã ghi chép Phúc Âm, và tất cả những gì được ghi chép trong Phúc Âm – tức là hình ảnh của Chúa Kitô khi Ngài ở trong xác phàm – đã được trao lại cho Giáo Hội. Tương tự, họa sĩ cũng đã sáng tạo, bằng cách vẽ trên tấm ván vẻ đẹp thiêng liêng của Giáo hội từ A-đam đầu tiên cho đến Lễ Giáng Sinh của Chúa Kitô, cùng với toàn bộ hình ảnh Chúa Kitô trong thân xác và những cuộc tử đạo của các Thánh, rồi trao lại cho Giáo hội đó. Vì thế, cả hai đều đã ghi chép cùng một câu chuyện và dạy dỗ chúng ta. Đến đây là lời của Damascene.

Còn chúng ta, khi lắng nghe những lời của ngài, thấy rằng việc vẽ tranh thánh cũng giống như việc viết sách. Bởi vì không phải ai cũng biết đọc sách, vì nhiều người Kitô hữu không biết chữ; nhưng những gì được thể hiện trên tranh thánh thì ai cũng hiểu, kể cả những người dân thường không biết chữ. Họ nhận ra bức tranh thánh của Chúa Kitô, hình ảnh Lễ Giáng Sinh Thánh Thiêng của Ngài, Lễ Cắt Bì, Lễ Rửa Tội, Lễ Biến Hình, cùng các phép lạ khác của Ngài, sự chịu khổ tự nguyện vì chúng ta, việc bị đóng đinh và hạ quan tài, sự Phục Sinh, và sự tái lâm đáng sợ lần thứ hai – những điều này cần phải kể lại rất nhiều bằng lời nói: nhưng khi ngước mắt nhìn vào những hình ảnh được vẽ, người ta lập tức thấu hiểu, nhận thức và nắm bắt được tất cả những điều đó bằng trí tuệ; nghệ thuật hội họa chính là câu chuyện nhanh chóng, rõ ràng và dễ hiểu nhất, hơn hẳn những câu chuyện trong sách vở.

Cũng vậy, với Đức Trinh Nữ Maria, Đấng Mẹ Thiên Chúa, đang ôm trong vòng tay người mẹ Hài Nhi Kitô từ thuở ban đầu, ai cũng nhận ra bức tranh thánh này, và hiểu được những việc làm trong cuộc đời thánh thiện của Mẹ, bắt đầu từ ngày Mẹ sinh ra, được đưa vào Nhà thờ Chúa, Lễ Truyền Tin, và cách Người đã quấn tã cho Con Thiên Chúa do Người sinh ra, đặt Ngài vào máng cỏ, và bế Ngài trên tay để cho bú. Cách Mẹ đứng bên thập giá khi Chúa Kitô bị đóng đinh, khóc lóc và than thở; cách Mẹ đặt Ngài vào quan tài, chứng kiến Ngài sống lại, và tiễn đưa Ngài lên trời bằng ánh mắt đầy yêu thương; cách sau đó chính Mẹ cũng về với Con của Mẹ và Thiên Chúa, và hiện diện trên trời bên hữu ngai Thiên Chúa.

Cũng vậy, bất kỳ hành động nào của các Thánh, được kể lại qua các bức tranh thánh, đều dễ hiểu đối với mọi người: sự ăn năn của Thánh Phêrô, sự xác tín của Thánh Tôma, việc Thánh Stephano bị ném đá, sự kêu gọi của Thánh Phaolô trên đường gặp Chúa Kitô, và những câu chuyện khác của các Thánh. Và cũng như chúng ta tôn kính và hôn lên câu chuyện về cuộc đời Chúa Kitô được ghi chép trong sách Phúc Âm; thì cũng vậy, chúng ta tôn kính và hôn lên khuôn mặt của Chúa Kitô được khắc họa trên bức tranh thánh, không phải vì vật chất, mà vì câu chuyện, chúng ta cúi đầu trước câu chuyện đó, theo lời của chính Thánh Gioan Damascene, người đã nói về điều này như sau: *"Hãy nói cho tôi biết, trong Tin Mừng, bạn thờ lạy ai*, vật chất *hay câu chuyện?" Ngươi sẽ đáp lại: "Vì câu chuyện về dung nhan của Chúa Kitô." Cũng vậy, ta không tôn kính tấm ván, cũng không tôn kính bức tường, cũng không tôn kính* vật chất *hữu hình, mà là hình ảnh thân thể* (của Chúa Kitô) *và dung nhan của Chúa.* Đến đây là lời của Thánh Damascene[29] .

Vì vậy, khi chúng ta cúi lạy trước các thánh tượng, chúng ta không cúi lạy trước tấm ván, cũng không phải trước các lớp sơn, các bản dịch, sự cũ kỹ hay sự mới mẻ, bởi vì chúng ta không tìm kiếm chất liệu trong thánh tượng, cũng không tôn kính chất liệu trong thánh tượng; nhưng chúng ta hướng mắt về sự thánh thiêng, tôn kính sự thánh thiêng, và cúi lạy trước hình ảnh được khắc họa. Theo lời dạy của Thánh Basil Đại Đế, sự thờ phượng của chúng ta hướng về Đấng Nguyên Thủy, Đấng đang ngự trên trời.

Vì khi đứng trước bức tượng của Đấng Cứu Thế của tôi, khi tôi muốn thờ lạy, tâm trí tôi ngay lập tức hướng về chính Đấng Kitô, Đấng Cứu Thế của tôi, Đấng đang ngự trị trên trời cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, và tôi thờ lạy Ngài qua bức tượng của Ngài: và sự tôn kính mà tôi dành cho bức tượng của Đấng Cứu Thế như vậy, hướng về nguyên mẫu, tức là hướng về chính Đấng Cứu Thế, Đấng đang ngự trị trên trời.

---

[28] Trong Tập hợp các bài giảng lớn đã in, trang 325.

[29] Mặt sau trang 325.

Tương tự như vậy, khi đến trước bức tượng Đức Mẹ, mỗi khi tôi muốn thờ lạy, trước tiên tôi hướng tâm trí mình lên chính Đức Mẹ Thiên Chúa vô cùng tinh khiết, Đấng đang ngự trị trên trời cùng Con của Mẹ và là Thiên Chúa, và tôi thờ lạy Mẹ trước bức tượng của Mẹ; và sự tôn kính mà tôi dành cho bức tượng cũng hướng về nguyên mẫu của nó, tức là chính Đức Trinh Nữ Maria vô nhiễm nguyên tội, đang đứng bên hữu ngai vàng của Thiên Chúa trên trời.

Tương tự như vậy, khi muốn thờ lạy hình ảnh của một vị Thánh nào đó, trước tiên tôi hướng tâm trí về chính vị Thánh ấy, Đấng đang đứng trước ngai vàng của Thiên Chúa trên trời, và đang cầu nguyện cho chúng ta trước mặt Thiên Chúa: và sự tôn kính, bức tượng do tôi tạo ra, sẽ hướng về nguyên mẫu của nó, chính (tôi nói) vị Thánh đó, Đấng mà tâm trí tôi chiêm ngưỡng, và tôi thờ lạy Ngài. Ai tìm kiếm trong bức tượng những điều cũ kỹ và sai lệch, thì đang tìm kiếm vật chất, và thờ lạy vật chất, chứ không phải Đấng đang ngự trên trời; và người ấy giống như đang thờ lạy tác phẩm của bàn tay con người, vì họ đang thần thánh hóa vật chất. Sự thờ phượng như vậy là gian ác, chứ không phải là đạo đức, đã bị Công đồng Toàn cầu lần thứ bảy loại trừ, tại đó việc thờ phượng các thánh tượng một cách đạo đức đã được xác lập. Và tại Công đồng đó, các Thánh Phụ đã ban ra lời nguyền rủa đặc biệt: ai không thờ lạy các thánh tượng thì sẽ bị nguyền rủa; cũng vậy, ai tôn thờ các thánh tượng như thần linh thì cũng sẽ bị nguyền rủa. Và Giáo hội bày tỏ điều này trong các bài thánh ca của mình, rằng các con cái trung thành của Giáo hội, khi tôn kính các thánh tượng bằng lòng sùng kính, thì không thờ phượng chúng như thần linh. Chẳng hạn, vào tuần đầu tiên của Mùa Chay Lớn, trong Thánh Lễ Chiều Lớn tại Slavnik, người ta hát: "Chúng con tôn vinh hình ảnh Đấng đã nhập thể, được tôn kính một cách sùng kính, *chứ không phải được thờ phượng như thần linh."*

Và trong Thánh ca, trước khi thực hiện nghi thức nguyền rủa những kẻ dị giáo, trong bài hát thứ 5, câu thứ 2, có ghi như sau: "Khi nhìn vào hình ảnh thánh, chúng ta tôn kính sự chịu đóng đinh, yêu mến và hôn lên Chúa Kitô, cũng như dấu chỉ của Ngài, và chúng ta thờ lạy chúng *không phải như những vị thần."*

Và trong Sách Thánh của tuần đó, trong phần Thánh Lễ Sáng, có ghi những lời này: "Nếu ai không thờ lạy những hình ảnh thánh này, và không hôn chúng với lòng yêu mến – không phải *như một nghi thức thờ phượng,* cũng không phải như thờ phượng *thần linh*, mà là vì tình yêu dành cho các nguyên mẫu – thì người ấy sẽ bị nguyền rủa." Hãy chú ý đến những lời này, *đừng thờ phượng theo kiểu tôn kính*, và hãy hiểu rằng sự thờ phượng tôn kính, được người Hy Lạp *gọi là "latria",* chỉ nên dành riêng cho chính Thiên Chúa, và chỉ người có đức tin chân chính mới được phép dâng lên, chứ không phải cho bất kỳ tạo vật hay vật chất nào có thể nhìn thấy và sờ mó được. Vì vậy, khi Giáo Hội ra lệnh thờ lạy các thánh tượng một cách không mang tính phụng vụ, không phải bằng sự cúi lạy *"latria",* thì rõ ràng là để dạy chúng ta không được thờ phượng các thánh tượng như thần linh, mà chỉ tôn kính chúng như những vật thánh. Việc thờ phượng các thánh tượng một cách đạo đức là cúi lạy trước thánh tượng như một vật thánh của Thiên Chúa, chứ không phải như chính Thiên Chúa. Còn đối với chính Thiên Chúa*,* chúng ta cúi lạy *trong nghi lễ*, bằng sự thờ phượng thiêng liêng được gọi là *"latria"*, nâng tâm trí lên hướng về Ngài, và bằng đôi mắt đức tin của tâm trí, chiêm ngưỡng Đấng vô hình ấy. Còn sự thờ phượng các thánh tượng một cách bất kính là khi người ta thần thánh hóa thánh tượng, và nhìn thấy bản chất vật chất trong đó, như là các sợi chỉ và các lớp sơn, như thể đang cúi lạy chính Đức Chúa Trời vậy. Còn chúng ta, như đã nói, khi dâng sự thờ phượng trước bức tượng thánh, chúng ta hướng tâm trí lên Đấng ngự trên trời, Đấng mà dung nhan của Ngài được khắc họa trên bức tượng. Và khi cúi lạy như vậy, chúng ta không thờ phượng vật chất hữu hình và có thể sờ thấy của bức tượng, mà là thờ phượng dung nhan ngự trên trời, Đấng mà chúng ta không thể nhìn thấy. Cũng như trong Cựu Ước, dân Chúa đã tôn kính Hòm Giao Ước và những vật được đặt trong đó: chiếc bình vàng đựng manna, cây gậy của A-rôn, các bảng Giao Ước, và các thiên thần vinh quang che chở bàn thờ; khi họ thờ lạy những vật đó, họ không thờ lạy vật chất, mà là chính Đức Chúa Trời, tôn kính Đấng vô hình qua những vật thánh hữu hình. Cũng như vậy, trong ân sủng mới, chúng ta thờ lạy các thánh tượng, tôn kính Đấng vô hình qua những vật thánh hữu hình.

Và cũng như trong Giao Ước Cũ, khi Sa-lô-môn xây dựng đền thờ cho Đức Chúa Trời, ông đã tạo ra những thiên thần mới theo kiểu mới, và đặt chúng trên Hòm Giao Ước cùng với những thiên thần cổ xưa do Môi-se tạo ra; dân Y-sơ-ra-ên lúc bấy giờ đã không từ chối các chê-ru-bin mới của Sa-lô-môn, cũng không nói rằng: "Chúng tôi không muốn tôn kính các chê-ru-bin mới, mà chỉ giữ các chê-ru-bin cũ của Môi-se"; họ không nói như vậy, nhưng đã tôn kính cả các chê-ru-bin mới của Sa-lô-môn cũng như các chê-ru-bin cũ của Môi-se. Cũng vậy, chúng ta không phân biệt giữa các bức tượng thánh cũ và mới, mà tôn kính các bức tượng mới cũng như các bức tượng cũ: vì, như đã nói trước đây, chúng ta không tìm kiếm bản chất trong bức tượng, cũng không thờ lạy bản chất trong

bức tượng, mà là hình ảnh thánh thiêng. Cũng như Thánh Gioan Damascene, trong bài giảng về Tuần Lễ Chính Thống liên quan đến việc thờ phượng các bức tượng Chúa Kitô, đã viết: "Tôi không tôn kính tấm ván (ngài nói), cũng không phải bức tường, cũng không phải lớp sơn bong tróc, nhưng là hình ảnh thân thể (của Chúa Kitô) và ánh nhìn của Chúa[30] ." Cũng vậy, về các thánh tượng của các vị thánh của Đức Chúa Trời, trong bài giảng trên đây, ngài còn nói thêm: "Tôi tôn kính và hôn các thánh tượng đáng kính ấy*, không phải như thờ phượng các thần tượng,* mà là để, theo như lời Kinh Thánh cho phép, và qua các câu chuyện, tưởng nhớ những đau khổ mà họ đã chịu đựng[31] ." Đến đây là lời của Damascene.

Đây là Đức Tin Chính Thống của chúng ta, chứ không phải như Đức Tin Bryn, vốn tin vào bản chất của các bức tượng cổ và thờ lạy các bức tượng cổ như thể chúng là Đức Chúa Trời.

Chương 6. Về Thánh Giá

Chúng ta tôn kính Thánh Giá của Chúa, hay đúng hơn là hình ảnh của Thánh Giá đó, nơi Đức Kitô đã bị đóng đinh. Bởi vì chính Thánh Giá mà Đức Kitô đã bị đóng đinh không còn tồn tại nữa, vì nó đã bị vỡ vụn và được các tín hữu phân phát khắp thế giới để ban phước lành và chữa lành. Ngày nay, chỉ có hình ảnh của cây Thập tự giá đó được làm ra hoặc vẽ lên. Tuy nhiên, chúng ta tôn kính nó như chính cây Thập tự giá chân thật, nhưng không tuyên xưng điều đó; vì chính cây Thập tự giá của Chúa Kitô ấy không phải là Thiên Chúa, mà chỉ là cây gỗ và hình phạt dành cho những kẻ ác. Chúng ta tôn kính cây Thập tự giá không phải vì số lượng các đầu của nó, mà vì để tưởng nhớ sự đau khổ của Chúa; chúng ta không chỉ nhìn thấy bốn đầu hay tám đầu của nó: vì chúng ta không thờ lạy bản chất vật chất của thập tự giá, không thờ lạy Cây Thập Tự, không chỉ bốn đầu hay tám đầu, mà là Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, khi tưởng nhớ Ngài bị đóng đinh trên thập tự giá. Vì không phải Thánh Giá, mà chính Chúa Kitô, Đấng bị đóng đinh trên Thánh Giá, đã cứu chuộc chúng ta; và chúng ta không được gọi là Kitô hữu vì Thánh Giá, mà vì chính Chúa Kitô; và Thánh Giá không phải là Thiên Chúa của chúng ta, mà chính Chúa Kitô là Thiên Chúa của chúng ta. Vì thế, chúng ta không đặt niềm tin vào các đầu của Thánh Giá, mà vào chính Chúa Kitô là Thiên Chúa. Còn Thánh Giá, dù là Thánh Giá bốn đầu, tám đầu, hay có nhiều đầu hơn nữa, chúng ta đều tôn kính như nhau. Bởi vì chúng ta tôn kính Thánh Giá không phải vì chính Thánh Giá, mà vì chính Đức Kitô, Đấng đã chịu đóng đinh trên Thánh Giá; và chúng ta đặt niềm hy vọng cứu rỗi của mình không phải vào Thánh Giá vật chất, mà vào Đức Kitô, Đấng đã chịu đóng đinh trên Thánh Giá. Hãy lắng nghe vị Thánh Thầy Gioan Damasceno, Người phán: "Chúng ta cúi đầu trước hình ảnh của Thập giá cao quý và ban sự sống, dù nó được làm từ vật liệu nào đi chăng nữa, không phải vì bản chất *vật chất* của nó, *nhưng vì hình ảnh*[32] , như là biểu tượng của Đức Kitô." Vì Người đã phán với các môn đệ khi truyền lại di chúc: "Lúc đó, dấu hiệu của Con Người sẽ xuất hiện trên trời, đó là Thập giá," Người đã phán. Đến đây là lời của Thánh Damascene. Tại đây, mọi người hãy lắng nghe những lời dạy của vị Thầy ấy: chúng ta cúi đầu trước hình ảnh Thánh Giá*, không phải là bản thể*, tức là không tôn kính bản thể, mà là hình ảnh Thánh Giá, như biểu tượng của sự chịu đóng đinh của Chúa Kitô. Và một lần nữa, ngài cũng nói ở một đoạn khác: "Khi nhìn thấy hình ảnh sự chịu đóng đinh của Chúa Kitô, và nhớ lại những đau khổ cứu độ, chúng ta quỳ xuống *không phải để* thờ lạy *vật chất, mà là hình ảnh được thể* hiện[33] ." Đến đây là lời của ngài. Hãy chú ý đến những lời này: không phải vật chất, mà là hình ảnh được thể hiện, tức là không phải vật chất của cây thập tự, mà là hình ảnh được thể hiện qua sự đóng đinh của Chúa Kitô trên thập tự giá.

Đó chính là Đức Tin Chính Thống của chúng ta, chứ không phải như Đức Tin Bryn, vốn tin vào cây Thập Tự có tám đầu và thờ lạy vật chất như thể đó là Thiên Chúa.

Tôi nghe thấy những kẻ ly giáo đã mở miệng nói những lời báng bổ, và như những con chó sủa vào Thập tự giá bốn đầu của Chúa Kitô, gọi đó là dấu ấn của Antichrist và Thập tự giá La Mã. Về sự báng bổ đáng ghê tởm của họ, phần khác của cuốn sách này sẽ trả lời đầy đủ.

---

[30] Trong "Tập hợp các văn bản lớn" đã in, trang 325, mặt sau

[31] Trang 23, mặt sau

[32] Thánh Damascene, quyển 4, về Đức Tin, chương 12

[33] Trong cùng cuốn sách đó, chương 17

Chương 7. Về bánh thánh

Về bánh thánh, chúng ta khẳng định rằng bí tích không được cử hành trong năm chiếc bánh thánh hay bảy chiếc bánh thánh, mà chỉ trong một chiếc duy nhất, từ đó Chiên Con sẽ được dâng lên. Bởi vì Giáo hội Moscow và toàn thể Giáo hội Đại Nga, cùng với người Hy Lạp, khẳng định rằng những mảnh bánh thánh được tách ra để cầu nguyện cho những người còn sống và những người đã qua đời, những mảnh bánh đó không biến đổi thành Thân Thể Chúa Kitô, mà chỉ có một Chiên Con duy nhất mới được biến đổi. Nếu các mảnh bánh không được biến đổi, mà chỉ có một con chiên duy nhất: bởi vì bí tích chỉ được cử hành trên một chiếc bánh duy nhất, tức là trên một con chiên duy nhất, chứ không phải trên năm hay bảy chiếc bánh, từ đó các mảnh bánh được lấy ra chỉ nhằm tưởng nhớ những người được cầu nguyện, chứ không phải vì sự biến đổi. Thật kỳ lạ, tại sao lại có tranh cãi trong các nhóm ly giáo về số lượng bánh thánh. Ngay cả trong Giáo hội nguyên thủy, vào thời các Tông đồ, Thánh lễ chỉ được cử hành trên một chiếc bánh thánh duy nhất, như chính Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế ( ), đã truyền lại trong Bữa Tiệc Ly. Sau đó, những chiếc bánh khác cũng được thêm vào, nhằm tưởng nhớ đến những tên tuổi mà vì họ mà của lễ vô huyết được dâng lên.

Chương 8. Về các sách cũ và mới

Về các sách cổ và các sách mới, chúng tôi tuyên bố rằng chúng là một, cũng như các bức tranh thánh cổ và mới là một. Sự thay đổi của một số điều trong các sách không phải là sự thay đổi của đức tin: bởi vì các sách mới dạy chúng ta tin vào cùng một Thiên Chúa mà các sách cổ cũng dạy; các cuốn sách mới cũng chứa đựng những giáo lý đức tin giống như các cuốn sách cũ. Các cuốn sách mới cũng dạy chúng ta cầu nguyện cùng một Đức Chúa Trời, Đấng mà các cuốn sách cũ đã dạy; các cuốn sách mới cũng dạy về những việc lành giống như các cuốn sách cũ: và không có bất kỳ giáo lý trái ngược nào trong các cuốn sách mới, cũng như trong các cuốn sách cũ. Còn những ai đã sửa đổi một số câu chữ, thì không phải là bóp méo, mà là chỉnh sửa. Bởi vì trong các cuốn sách viết tay cổ xưa, đã có nhiều sai sót do những người chép lại thiếu kinh nghiệm gây ra, khi mà ở Nga thậm chí còn chưa có máy in sách. Việc in sách bắt đầu tại Moskva vào năm 7061 theo lịch Thiên niên kỷ ([34]), dưới triều đại của Sa hoàng đầu tiên của Moskva là Ioann Vasilievich, dưới thời Tổng giám mục Moskva Makarii; nhưng sau đó, trong cuộc tàn phá Moskva bởi người Ba Lan, xưởng in cùng toàn bộ cơ sở sản xuất bên trong đã bị phá hủy.

Sau đó, vào thời trị vì của Sa hoàng Mikhail Feodorovich, vào những năm cuối triều đại của ông, dưới thời Thượng phụ Thánh Joseph, nhà in đã được xây dựng lại, và đó chính là nhà in hiện nay; việc in sách lại bắt đầu vào năm 7152 (1644), và từ đó đến nay, sách vẫn tiếp tục được xuất bản. Trước đó, ở Nga chưa từng có việc in sách: tất cả đều là sách viết tay, bắt đầu từ thời Vladimir chịu phép rửa tội. Ban đầu, những người Hy Lạp đến Nga cùng với Vladimir từ Cherson, sau khi học tiếng Nga nhưng chưa hiểu rõ ngôn ngữ này, đã dịch các sách của họ sang tiếng Nga. Tương tự, người Nga sau khi học tiếng Hy Lạp nhưng chưa hiểu rõ ngôn ngữ này, cũng bắt đầu dịch các sách Hy Lạp sang tiếng Nga của họ. Trước hết, các dịch giả tiếng Hy Lạp, do chưa hiểu thấu đáo một số từ ngữ tiếng Nga, nên ở một số chỗ đã dịch không đúng theo bản gốc tiếng Hy Lạp; tương tự, các dịch giả tiếng Nga, do chưa nắm vững một số từ ngữ tiếng Hy Lạp, nên ở một số chỗ cũng đã dịch không đúng theo bản gốc tiếng Hy Lạp. Sau đó, qua nhiều lần sao chép, nhiều sai sót và biến thể đã xuất hiện: điều này có thể thấy rõ trong tất cả các sách viết tay cổ xưa, từ đó những cuốn sách in đầu tiên – hiện nay được những người ly giáo gọi là "cổ xưa" – đã được in ra. Ban đầu, chúng được in y như bản viết tay, chưa thực sự chính xác. Sau đó, nhờ sự xem xét kỹ lưỡng hơn, các sách đã được chỉnh sửa dựa trên các bản Hy Lạp: vì đức tin của chúng ta phù hợp với người Hy Lạp, nên các sách của chúng ta cũng sẽ phù hợp với sách của họ; khi chỉnh sửa các từ ngữ trong sách, họ không thay đổi đức tin: bởi vì các từ ngữ trong sách, dù cũ hay mới, không phải là đức tin, mà chỉ là các từ ngữ, như đã nói trước đó.

Chương 9. Các Thánh Tổ không được cứu rỗi nhờ các sách

Còn những kẻ ly giáo nói rằng các Thánh Tổ đã được cứu rỗi nhờ các sách cổ, thì họ đang nói dối vì sự thiếu hiểu biết của mình: vì các Thánh Tổ không được cứu rỗi nhờ các thuật ngữ và lời lẽ trong sách vở, mà nhờ đời sống đạo đức của chính họ. Trong số họ có nhiều người thậm chí không biết chữ cái, huống chi là bàn luận về các thuật ngữ trong sách vở. Không phải chữ viết hay những lời lẽ trong sách vở, mà chính lối sống đẹp lòng Chúa mới cứu rỗi.

---

[34] Vào mùa hè năm 1553 sau Công nguyên

Nếu như các vị thánh phụ xưa kia phải dựa vào các cuốn sách cổ để được cứu rỗi, thì lẽ ra họ phải dựa vào những cuốn sách viết tay chứ không phải sách in; bởi vì các cuốn sách viết tay có từ lâu đời hơn sách in, bắt đầu từ thời Vladimir cho đến tận thời vương quốc Moskva. Và tất cả các vị thánh cha Nga, vào thời các đại công tước, những người tiền nhiệm của các vị vua Moscow, đã đọc không phải từ những cuốn sách in, mà từ những cuốn sách viết tay, vì lúc đó ở Nga vẫn chưa có sách in. Và nếu sự cứu rỗi của các vị thánh tổ phụ đã được hoàn tất trong những cuốn sách cổ xưa đó, ngoài cuộc đời đạo đức của họ; thì ngay cả bây giờ cũng không nên cầu nguyện theo các cuốn sách in, mà phải theo các bản chép tay cổ xưa.

Và nếu sự cứu rỗi của các vị thánh tổ đã được ghi chép trong các sách cổ xưa, thì điều đó hẳn đã xảy ra trong vô số sai sót và lỗi lầm trong các bản chép tay; bởi vì những cuốn sách chép tay cổ xưa ấy đầy rẫy những sai sót, trong đó chỉ cần nhắc đến một hoặc hai ví dụ ở đây. Vào ngày 1 tháng 10, trong thánh lễ kính Đức Mẹ Che Chở, sau bài Polyeleos, trong các cuốn sách viết tay cổ xưa có ghi như sau: "chiếc omophorion đáng kính của ngài, tỏa sáng hơn cả chiếc áo choàng của vị cử tri"; trong khi ở những cuốn khác lại ghi là "tỏa sáng hơn cả chiếc áo choàng của vị alector"; còn trong các bản in, điều này đã được Thánh Maximus người Hy Lạp sửa lại thành: "sáng láng hơn cả Ilektra". Và những kẻ ngu dốt, vô học đã phàn nàn về Maximus, gọi ông là kẻ dị giáo, rằng: " (họ nói), hỡi kẻ dị giáo, sao ngươi dám thay đổi những lời cầu nguyện, nhờ đó các thánh tổ phụ của chúng ta đã được cứu rỗi?" Còn chúng ta sẽ xem xét ý nghĩa của các từ "elektor", "alektor" và "elektra". "Elektor" có nghĩa là người bầu cử, người bầu chọn điều gì hoặc ai đó; "alektor" có nghĩa là con gà trống, như đã được ghi trong Phúc Âm: *"Trước khi con gà trống gáy, ngươi sẽ chối Ta ba lần"* ([35]); còn "elektra" thì biểu thị ánh sáng lấp lánh của vàng tinh khiết. Hãy xem xét: Áo choàng của Đức Trinh Nữ Maria nên được so sánh với điều gì cho phù hợp hơn – với "người bầu cử", với "con gà trống", hay với "sự lấp lánh của vàng"? Thật sự, nó phù hợp hơn khi được so sánh với "electra" – sự lấp lánh của vàng – hơn là với "alektor" – con gà trống, và "elektor" – người bầu cử. Bởi vì theo quan điểm của những kẻ điên rồ và dốt nát, các vị thánh tổ đã được cứu rỗi nhờ những lời dạy xưa kia, nhờ người bầu cử và con gà trống, nếu như sự cứu rỗi nằm trong những lời dạy cổ xưa trong sách vở.

Một điều khác nữa: vào ngày 19 tháng Sáu, trong cuốn "Minei Chetii" viết tay vĩ đại – hiện được lưu giữ tại Nhà thờ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời ở Moscow – trong tiểu sử của Thánh Paissios, tại trang 459 có ghi rằng: vị tiên tri thánh Giê-rê-mi-a thường xuyên hiện ra trước Thánh Paissios. Trong đoạn văn đó có đoạn mô tả như sau: "Và tâm trí ấy đã bị những tư tưởng xấu xa chi phối bởi lòng tham lam đối với những ân huệ đã hứa ban"; thay vì "những tư tưởng thầm kín", thì lại ghi là "những tư tưởng xấu xa". Liệu vị Tiên tri Thánh có thể gieo rắc những tư tưởng xấu xa vào tâm trí vị Thánh Tông đồ không? Chắc chắn là không. Hãy chú ý điều này: nếu sự cứu rỗi của các vị Thánh Tổ phụ nằm trong những lời dạy cổ xưa trong sách vở, thì theo mô tả đó, sự cứu rỗi cũng nằm trong những suy nghĩ xấu xa; nhưng thực tế không phải vậy. Bởi vì sự cứu rỗi của họ không nằm trong những lời dạy cổ xưa trong sách vở, cũng không nằm trong những mô tả hay sai sót trong các bản thảo, mà nằm trong cuộc đời đạo đức của chính họ.

Vì những kẻ nói rằng các vị thánh tổ đã được cứu rỗi nhờ các sách cổ đều đang nói dối: chẳng ai được cứu rỗi nhờ những lời dạy trong các sách cổ, cũng chẳng nhờ những sách mới, mà là nhờ những việc làm tốt lành và đức tin trong sạch của chính họ.

Chương 10. Những cuốn sách mới không làm thay đổi đức tin

Còn về việc những kẻ ly giáo vu khống chúng ta, như thể chúng ta đã thay đổi đức tin bằng những cuốn sách mới, thì chúng ta trả lời như sau: Thánh Tông đồ Giacôbê, anh em của Đức Chúa Trời, người được chính Đức Kitô bổ nhiệm làm Giám mục đầu tiên của Giêrusalem, đã soạn thảo Thánh lễ. Thánh lễ đó đã được cử hành trong tất cả các nhà thờ phương Đông trong gần bốn trăm năm. Cũng vậy, Thánh Basil Đại Đế, trụ cột của Giáo hội và vị Thầy của toàn thể nhân loại, sau khi giữ lại Thánh lễ của Thánh Giacôbê và soạn thảo Thánh lễ của riêng mình, đã truyền lại cho các Giáo hội. Tại đây, tôi hỏi những kẻ tự cho mình là thông thái ở Bryn: liệu Thánh Basil Vĩ Đại có thay đổi đức tin cũ khi soạn thảo nghi lễ mới hay không? Theo gương ngài, Thánh Gioan Vàng Miệng đã soạn thảo nghi lễ của riêng mình – nghi lễ vẫn được cử hành cho đến ngày nay – và truyền lại cho các Giáo hội: liệu Thánh Gioan Vàng Miệng có thay đổi đức tin hay không?

---

[35] Mt 26:34.

Chương 11. Về các tập tục cổ xưa của Giáo hội

Vậy thì chúng ta sẽ nói gì về các phong tục và nghi lễ (lễ nghi) cổ xưa của Giáo hội, cũng như về các Công đồng Thánh toàn cầu và địa phương? Chẳng phải chúng ta sẽ thấy trong đó có nhiều điều đã được thay đổi, một số được sửa đổi, một số khác lại bị bỏ rơi hoàn toàn, như đã được ghi chép trong cuốn "Kormchaya", trong các quy tắc của Công đồng Laodicea, tại điều 11[36] : "Có (người nói) rằng trong thời xưa có một số phong tục, được thực hành trong các nhà thờ, nhưng theo thời gian, một số đã bị lãng quên, một số khác thì hoàn toàn chấm dứt, còn một số quy tắc khác thì bị bãi bỏ?" Đến đây là phần của Thuyền trưởng; còn chúng ta sẽ nhắc lại một số điều. Vào thời cổ xưa, một số Giám mục là người thế tục và đã kết hôn, như có thể thấy trong các quy tắc của Công đồng Đại kết lần thứ sáu, tại quy tắc số 12[37] ; vì chính Sứ đồ đã nói: *"Giám mục phải là người vô tì vết, chỉ có một vợ"*[38] . Hê-ri-môn, giám mục Ni-lô-pô-li ở đất Ai Cập, chính là người như vậy; về ông, Ê-vê-si-ô, giám mục Cêsarê-a thuộc Palestine, người ghi chép các sự kiện Giáo hội thời xưa, sống vào thời vua Constantine Đại đế[39] : cũng như nhà sử học thời kỳ cuối Nikiforos Kallistos, tác giả của các cuốn Synaxarion trong Triodion, cả hai đều nhất trí kể lại rằng vị Giám mục Herimon ấy, khi đã cao tuổi, cùng với vợ mình đã chạy trốn lên núi Aravit để thoát khỏi bàn tay tra tấn trong thời kỳ bách hại, khi đó là dưới triều đại của Hoàng đế Decius[40] .

Hơn nữa: một số linh mục và phó tế thế tục lúc bấy giờ chưa kết hôn, như có thể thấy trong điều luật thứ mười của Công đồng địa phương Agkir và điều luật thứ sáu của Công đồng toàn cầu, trong điều luật thứ sáu[41] . Trong cuốn sách luật cổ xưa viết tay cũng ghi chép rằng, từ thuở ban đầu, Thánh lễ đã được cử hành sau bữa ăn. Điều này cũng được Sozomen người Hy Lạp, một nhà biên niên sử cổ đại về các sự kiện Giáo hội, người đã sống dưới triều đại của Hoàng đế Theodosius Trẻ, làm chứng. Trong cuốn sách thứ bảy của mình, tại chương 19, ông viết rằng vào thời của ông, tại các vùng đất Ai Cập, vẫn còn nhiều thành phố duy trì phong tục này, đó là cử hành Thánh lễ sau bữa ăn, và rước Mình và Máu Thánh của Chúa Kitô. Họ thực hiện điều này theo hình thức của Bữa Tiệc Ly của Chúa, trong đó Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, sau khi dùng bữa, đã ban cho các môn đệ Thân Thể và Máu Thánh của Ngài. Theodosius Trẻ lên ngôi bốn trăm năm sau khi Chúa Kitô giáng sinh, nhưng phong tục đó vẫn còn được duy trì ở một số thành phố của Ai Cập. Điều này cũng diễn ra ở các quốc gia khác: các linh mục cử hành Thánh lễ, và dân chúng rước lễ, đặc biệt là vào Thứ Năm Thánh của Tuần Thánh. Bởi vì Công đồng địa phương Carthage (diễn ra dưới triều đại của Hoàng đế Honorius tại Roma, và dưới triều đại của Hoàng đế Theodosius Trẻ tại Constantinopolis) đã cấm các linh mục cử hành Thánh lễ và giáo dân rước lễ trong suốt cả năm, ngoại trừ Thứ Năm Thánh. Còn Công đồng Đại kết lần thứ sáu thì ra lệnh rằng ngay cả vào Thứ Năm Thánh cũng không được phép linh mục cử hành Thánh lễ, và giáo dân cũng không được rước lễ, như đã được ghi chép trong các quy tắc của Công đồng Đại kết lần thứ sáu đó, tại quy tắc số 29, trong cuốn "Kormchiya", trang 186. Một cuốn sách cổ viết tay chính thống khác cũng ghi chép rằng, trong những ngày chay tịnh, ban đầu các Kitô hữu vẫn ăn phô mai, sữa và trứng, cho đến khi họ chưa được củng cố trong việc giữ chay. Và điều này được ghi chép là vì xưa kia, phái nữ cũng có một chức vụ phụng sự trong các nghi lễ nhà thờ, tương tự như chức vụ phó tế; chính vì lý do đó mà họ được gọi là "diaconissa", và chức vụ của họ chủ yếu được thực hiện vào thời điểm những người phụ nữ và thiếu nữ từ nền văn hóa Hy Lạp được dẫn dắt đến với Chúa Kitô và được rửa tội, như có thể thấy trong các cuốn sách về cuộc đời các thánh: Thánh Cyprian, sau khi được tấn phong làm giám mục, đã phong thiếu nữ Justina làm diaconissa[42] . Thánh Non, Giám mục Heliopolis, khi làm phép rửa cho người phụ nữ lăng loàn Pelagia, đã cho nữ phó tế Romana đón nhận bà từ bể rửa thánh[43] . Thánh Zlatoust, khi bước vào lần lưu đày cuối cùng, đã gọi nữ phó tế Olympiada cùng những người khác đến, và dạy dỗ họ phải kiên định trong đức tin Chính thống[44] . Thánh nữ Feozva, vợ của Thánh Grigoria Nisska, từng là nữ phó tế[45] . Và có nhiều thiếu nữ và góa phụ đã trở thành nữ phó tế;

---

[36] Trang chỉ dẫn 74 ở mặt sau
[37] Trang 180 ở mặt sau.
[38] 1 Ti-mô-thê 3:2.
[39] Eusebius, quyển 6, chương 84.
[40] Nikifor, quyển 5, chương 31.
[41] Trang 44 ở mặt sau, và các trang 179, 566 và 567.
[42] Ngày 2 tháng 10.
[43] Ngày 8 tháng 10.
[44] Ngày 13 tháng 11.
[45] Ngày 10 tháng Giêng.

về chức vụ của họ, xin xem trong các quy tắc của các Thánh Cha: Công đồng Đại kết lần thứ nhất, quy tắc 19, trong cuốn "Kormchiya", trang 40, và Công đồng Toàn cầu lần thứ 4, quy tắc 15, trong cuốn "Kormchii", trang 99 mặt sau, và Công đồng địa phương tại Carthage, quy tắc 6, trang 120 mặt sau, và Công đồng Toàn cầu lần thứ sáu, quy tắc 14, trang 181 mặt sau. Và điều này đã được biết rõ, rằng trước đây, Thánh Thể không được ban cho những người chưa được rửa tội bằng thìa, mà là Mình Thánh Chúa Kitô được trao riêng vào tay (như hiện nay Thánh Thể giả được trao), còn Máu Thánh Chúa Kitô thì được rót riêng từ chén thánh. (Thánh Xê-la-ti-ô đã quy định rằng Thân Thể và Máu Thánh Chúa Giê-su phải được trao cùng lúc bằng thìa vào miệng, chứ không phải trao Thân Thể riêng vào tay. Xem chi tiết về điều này vào ngày 9 tháng 11, trong cuốn tiểu sử của Thánh nữ Theoktista Lezvianina), và sau đó, tất cả những tập tục đó, cùng nhiều tập tục khác, đã bị bãi bỏ tại các Công đồng, đặc biệt là tại Công đồng Đại kết lần thứ sáu.

Tại đây tôi đặt câu hỏi: khi các vị Thánh Phụ đã bãi bỏ những tập tục cổ xưa đó, liệu họ có thay đổi đức tin Chính Thống giáo cổ xưa hay không? Chắc chắn là không; vì tập tục là điều có thể sửa đổi và thay đổi, còn đức tin thì luôn tồn tại bất biến trong Hội Thánh của Chúa Kitô.

Chương 12. Về những điều mới được đưa vào

Và khi một số điều cổ xưa đã được sửa đổi, một số khác lại bị loại bỏ, thì một điều mới khác đã được đưa vào Giáo hội: điều đó là gì, hãy nghe đây. Hai nhà sử học Hy Lạp, người Constantinople, là Georgios Kedrinos và Nikephoros Kallistos, mỗi người sống vào một thời kỳ khác nhau, đều kể lại rằng trong các nhà thờ cổ xưa, ban đầu không có nghi thức thánh hóa nước vào đêm trước Lễ Hiển Linh. Tập tục này được thiết lập lần đầu tiên vào thời vua Zinon của Hy Lạp tại Antioch, dưới thời vị tổng giám mục không chính thống là Phêrô, người còn được gọi là Knafe và Fullo; chính Giáo hội đã loại trừ ông ta vì không đúng giáo lý, nhưng lại chấp nhận truyền thống của ông như một điều tốt lành. Vua Zinon lên ngôi vào mùa hè năm 474 sau khi Chúa Giêsu Kitô giáng sinh, và có thể thấy rằng ngay cả trong thời các vị Thánh Giáo Phụ vĩ đại của toàn thể Giáo Hội, là Thánh Basil Cả, Thánh Grêgôriô Thần Học và Thánh Gioan Vàng Miệng, những vị đã sống vào thế kỷ thứ tư sau khi Chúa Giêsu Kitô giáng sinh, cũng không có nghi thức thánh hóa nước vào đêm trước Lễ Hiển Linh. Các vị thánh vĩ đại và cổ xưa nhất ấy đã không thiết lập nghi thức này; nhưng vị Giám mục sau này, người không phải là thánh và cũng không chính thống, đã thiết lập nó, và Giáo hội đã chấp nhận quy định của ông, và cho đến nay nó vẫn được duy trì. Chính Phêrô , vị tổng giám mục không chính thống của Antioch (như các nhà sử học đã đề cập trước đó đã chứng thực), đã quy định rằng – "Tôi tin vào một Thiên Chúa duy nhất" – phải được tôn vinh bằng giọng lớn trong nhà thờ mỗi ngày: trước đó, chỉ vào mùa hè, vào Thứ Sáu Tuần Thánh, khi những người được rửa tội được công bố, lời tuyên xưng này mới được đọc to. Sau đó, tại nhà thờ Constantinople, việc đọc to lời tuyên xưng "Tôi tin vào một Thiên Chúa duy nhất" hàng ngày đã được Thượng phụ Constantinople Timôthê chấp nhận, như nhà giảng đạo Théodore của nhà thờ Constantinople đã ghi chép. Hơn nữa, từ thuở ban đầu, trong Thánh Lễ không có bài thánh ca này: *"Con Một và Lời của Đức Chúa Trời"*[46] , cùng các bài khác; nhưng vào triều đại của Justinian Đại Đế, chính vị hoàng đế đó đã cho đưa bài thánh ca này vào. Ngoài ra, Georgios Kedrinos, người Constantinople, trong tác phẩm "Tóm tắt Lịch sử" (Synopsis of History) đã ghi chép rằng, vào triều đại của Justinus – vị vua lên ngôi sau vị Đại đế Justinianus[47] – bài thánh ca "Cherubim" đã được quy định phải hát trong Thánh Lễ, điều mà trước đó chưa từng có. Cũng vậy, vào Thứ Năm Thánh Lớn, người ta đã quy định hát bài: *"Bữa Tiệc Thánh Bí Mật của Ngài hôm nay, Con Thiên Chúa"*[48] , vốn trước đây chưa từng được hát. Người ta còn kể rằng, bài thánh ca *"Cherubim vinh hiển nhất"* dành cho Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội đã được Giám mục Kosmas của Maium, người cùng thời với Damascene, soạn thảo và truyền lại cho các nhà thờ; còn trước đó, bài thánh ca này chưa từng tồn tại cho đến thời Kosmas của Maium. Kosmas và Damascene đều sống vào khoảng năm thứ bảy sau khi Chúa Giêsu Kitô ra đời.

Ở đây tôi đặt câu hỏi: những bài thánh ca mới này, trước đây chưa từng có trong các nhà thờ Chính Thống, khi được đưa vào, liệu đức tin Chính Thống có thay đổi không? Chắc chắn là không. Vậy thì chúng ta sẽ nói gì về vô số bài thánh ca (bài hát) nhà thờ, vốn được bổ sung trong thời gian gần đây: như Octoechos của Damascene, Triodion của Thánh Phê-ô-đô-rô Studita, các Thánh ca của Mitrophan, Kosmina, Giô-sép và những người khác?

---

[46] Skrizhal, trang 282.
[47] Trang 390.
[48] Bảng đá, trang 609.

Hơn nữa, ở Nga còn có các nghi lễ do các Thánh mới soạn thảo, vốn trước đây chưa từng có: liệu tất cả những điều được bổ sung này có làm thay đổi đức tin hay không?

Tôi đã nghe một số người thiếu hiểu biết nói rằng: không nên thêm điều gì mới vào Giáo hội; vì trong sách Khải Huyền, ở phần cuối có chép rằng: *"Nếu ai thêm vào những điều này, thì Đức Chúa Trời sẽ thêm vào người ấy những vết thương đã được chép trong sách này*[49] ." Tôi trả lời: Không nên thêm vào các giáo lý đức tin, cũng như không nên bớt đi bất cứ điều gì từ chúng; nhưng đối với việc sửa đổi các nghi thức và quy tắc của Giáo hội, cũng như để làm tăng thêm sự ngợi khen Đức Chúa Trời, thì điều đó là phù hợp và cần thiết, như chính Đa-vít đã thưa với Đức Chúa Trời: *"Con sẽ thêm vào* (ngài nói) *mọi lời ngợi khen* Ngài"[50] .

Chương 13. Về sự bất đồng giữa các Thánh Tông Đồ

Nhưng một lần nữa, tôi hướng lời nói này đến những ai đang chờ đợi và phỉ báng các sách mới. Nếu việc thay đổi một số lời nói cũ trong các sách mới đã làm thay đổi đức tin: thì theo quan điểm của các ngươi, phải nói rằng, ngay cả các Thánh Tác giả Tin Mừng, khi ghi chép một số lời nói và hành động không nhất quán, cũng đã tạo ra sự thay đổi trong đức tin giữa *họ*. Thánh Matthêu đã viết Phúc Âm[51] tám năm sau khi Chúa Kitô lên trời; Thánh Marcô viết mười năm sau; Thánh Luca viết mười lăm năm sau; Thánh Gioan viết ba mươi hai năm sau. Hãy xem những điểm không nhất quán của họ trong một số lời nói và câu chuyện. Trong Kinh Lạy Cha, Thánh Matthêu viết: *"Xin ban cho chúng con hôm nay*"[52] ; còn Thánh Luca viết: *"Xin ban cho chúng con mỗi ngày".* Thánh Matthêu nói: *"Xin tha nợ cho chúng con";* còn Thánh Luca nói: *"Xin tha tội cho chúng con"*[53] . Thánh Matthêu nói: *"Như chúng con cũng tha";* còn *Thánh Luca* nói: *"Vì chính chúng con cũng tha".* Ma-thi-ơ nói: *"người mắc nợ chúng con";* còn Lu-ca nói: *"mọi người mắc nợ chúng con".* Ma-thi-ơ viết: *"vì Nước Trời thuộc về Ngài* và những điều khác", còn Lu-ca thì không đề cập đến điều đó. Ở đây tôi đặt câu hỏi: liệu Thánh Luca, người đã ghi lại Kinh Lạy Cha sau Thánh Matthêu bằng những lời khác, có thay đổi đức tin hay không? Hay là đức tin của Thánh Matthêu khác với đức tin của Thánh Luca? Một đoạn khác liên quan đến sứ mạng mà Chúa Kitô trao cho các Tông đồ để rao giảng;. Ma-thi-ơ đã ghi chép rằng, khi Chúa Giê-su truyền lệnh cho các Tông đồ không được mang theo gì trên đường đi, Ngài phán: *"Không mang giày dép, cũng không mang gậy"*[54] ; còn Mác thì ghi chép: *"Chỉ mang một cây gậy và đi dép"*[55] . Một lần nữa, Ma-thi-ơ viết: *"Khi* Chúa Giê-su *ra khỏi Giê-ri-cô, có hai người mù đang ngồi bên đường* [56] ; còn Mác chỉ ghi lại một người mù, chính là *Bartimeus*[57] : liệu Mác có khác biệt với Ma-thi-ơ về đức tin, khi chỉ ghi lại một người mù chứ không phải hai người? Tiếp theo, Ma-thi-ơ kể lại: *khi Chúa Giê-su đến vùng Gergesa, hai người bị quỷ ám đã gặp Ngài*[58] ; còn Lu-ca thì kể lại *chỉ có một người bị quỷ ám*[59] . Hơn nữa, các Phúc Âm cũng ghi chép không nhất quán về các Phúc Âm. Matthêu ghi chép 9 Phúc Âm[60] , còn Luca chỉ ghi chép 4 Phúc Âm[61] .: Liệu Luca có thay đổi đức tin khi ghi chép không giống như Matthêu đã ghi chép trước đó không? Ngoài ra, về hai tên cướp bị đóng đinh cùng với Chúa Kitô, Matthêu và Marcô viết rằng cả hai tên cướp *đều lăng mạ Ngài;* còn Luca thì nói: *một tên lăng mạ, còn tên kia thì cầu nguyện: "Xin nhớ đến con, lạy Chúa, khi Ngài đến trong Nước của Ngài."* Ngoài ra, khi Chúa Kitô sống lại từ cõi chết, Matthêu và Marcô ghi chép rằng chỉ có một thiên thần hiện ra với các bà mang hương tại mộ; còn Luca và Gioan lại thuật lại rằng có hai thiên thần hiện ra. Luca cũng kể về hai thiên thần ấy rằng họ đang đứng: "Có *hai người đàn ông đứng trước mặt họ, mặc áo sáng chói"*[62] ; còn Gioan thì nói rằng họ đang ngồi: *"Hai thiên thần mặc áo trắng đang ngồi, một người ở đầu, người*

---

[49] Khải Huyền 22:18.
[50] Thi thiên 70:14.
[51] Théophylact, trong lời tựa sách Ma-thi-ơ.
[52] Ma-thi-ơ 6:11.
[53] Luca 11:4.
[54] Ma-thi-ơ 10:10.
[55] Mác 6:8, 9.
[56] Ma-thi-ơ 20:29, 30.
[57] Mác 10:46.
[58] Lc 8:27.
[59] Luca 8:27.
[60] Ma-thi-ơ 5:3.
[61] Luca 6:20, 21, 22.
[62] Luca 24:4.

kia ở chân, nơi xác Chúa Giêsu đã nằm"[63] . Đó là những sự khác biệt lớn lao và vô số trong các lời nói và câu chuyện được ghi chép trong các sách Phúc Âm, nhưng đức tin nơi các tác giả Phúc Âm thì thống nhất, không hề thay đổi.

Các thầy giáo ở Bryn đang nói dối, và như những con chó sủa vào Hội Thánh của Đấng Christ, nói rằng như thể một số lời lẽ được thay đổi trong các sách mới đã làm thay đổi đức tin. Chính những con chó sủa ồn ào như vậy mà Thánh Tông Đồ đã cảnh báo chúng ta phải đề phòng, khi Ngài phán: *"Hãy đề phòng những con chó"*[64] .

Chương 14. Về Kinh Lạy Cha

Những kẻ đáng nguyền rủa còn vu khống Giáo hội thánh thiện vì trong Lời cầu nguyện của Chúa Giêsu, thay vì "Con Thiên Chúa", chúng ta lại đọc là "Thiên Chúa của chúng con"; như thể chúng ta đã loại bỏ Lời cầu nguyện của Con Thiên Chúa vậy. Hỡi những kẻ thiếu hiểu biết! Điều gì là sự xúc phạm đối với Con Thiên Chúa khi chúng ta gọi Ngài là Thiên Chúa trong lời cầu nguyện? Chúng ta gọi Con Thiên Chúa là Thiên Chúa, vậy thì có gì sai đâu? Danh hiệu nào cao quý và vinh hiển hơn: Con Thiên Chúa hay Thiên Chúa? Mọi Kitô hữu Chính Thống đều được gọi là Con Thiên Chúa, như chính Thiên Chúa đã phán trong Kinh Thánh: *"Ta sẽ đón nhận các ngươi, và Ta sẽ là Cha các ngươi, còn các ngươi sẽ là con trai và con gái của Ta"* ([65]). Và Thánh Gioan Thần Học cũng đã phán trong Phúc Âm: *"Ngài đã ban cho chúng ta quyền trở thành con cái Thiên Chúa, những ai tin vào danh Ngài"* ([66]). Vậy, mọi người Kitô hữu đều được gọi là con cái Thiên Chúa, dù không phải theo bản tính, nhưng là con cái nhờ ân sủng, cũng như Thánh Basil Cả được gọi là con cái Thiên Chúa trong các bài thánh ca của Giáo hội, vào ngày 1 tháng Giêng, trong các bài thánh ca ngợi khen, nơi có chép như sau: ""Được trở thành Con Thiên Chúa nhờ ân sủng, nhờ sự tái sinh của phép rửa thiêng liêng", vậy liệu ai có thể được gọi là Thiên Chúa? Bởi vì khi chúng ta gọi Con Thiên Chúa là Thiên Chúa, chúng ta không loại Ngài ra khỏi lời cầu nguyện, mà ngược lại, chúng ta giữ Ngài trong đó, gọi Ngài bằng danh hiệu cao quý hơn, đó là Thiên Chúa. Các ngươi có từng nghe nói đến tà thuyết Arian, vốn gọi Đức Kitô, Chúa chúng ta, là Con Thiên Chúa, nhưng lại không tuyên xưng Ngài là Thiên Chúa không? Những người Arian đã nói rằng: "Con Thiên Chúa là Con Thiên Chúa, nhưng không phải là Thiên Chúa, không ngang hàng với Cha, không đồng bản thể, không đồng ngai, không đồng bản tính, và không phải là Đấng Tạo Hóa, mà là một tạo vật; Ngài chỉ được tôn kính vì được gọi là Con Thiên Chúa, chứ không phải là Thiên Chúa." Đó là những lời mà những người Arian đã nói. Các Thánh Tổ đã phán xét và ra lệnh cho những người Chính Thống gọi Con Thiên Chúa là Thiên Chúa, và nói: "Lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của chúng con, xin thương xót chúng con!" Vì khi chúng ta gọi Con Thiên Chúa là Thiên Chúa trong lời cầu nguyện, chúng ta đang tuyên xưng một cách chính thống rằng Con Thiên Chúa là Thiên Chúa. Còn những kẻ ly giáo, vì không muốn gọi Con Thiên Chúa là Thiên Chúa, nên đã tiếp tay cho những kẻ Arius xấu xa. Nhưng chẳng phải trong các sách cổ cũng đã ghi lại lời cầu nguyện của Chúa Giêsu như thế này sao: "Lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của chúng con"? Các ngươi, hỡi những người Brynyan, chẳng phải đang gọi cuốn sách mà các ngươi đề cập là "cuốn sách cổ" sao? Đó là cuốn sách của Cyril Jerusalem, được in tại Moscow vào năm 7152 theo lịch thế gian, dưới triều đại của Vua và Đại Công tước Michael Feodorovich, người có đức tin vững chắc, và trong thời kỳ làm Thượng phụ của Thượng phụ Kirill Joseph của Moscow? Trong cuốn sách đó, ở phần cuối có giải thích về Lời Cầu Nguyện của Chúa Giêsu, bắt đầu từ trang 552 mặt sau và kéo dài đến hết trang 556 . Trong phần giải thích đó, xin hãy xem Lời Cầu Nguyện của Chúa Giêsu được trình bày như thế nào, có phải là: "Lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của chúng con" không? Tại sao các ngươi lại bám víu vào những cuốn sách cũ, mà không nghe theo cuốn sách cổ dạy các ngươi phải nói: "Lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của chúng con"? Ôi sự điên rồ và sự cứng đầu của các ngươi! Tuy nhiên, trong Giáo phận của tôi, tôi không cấm việc cầu nguyện như thế này: "Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, xin thương xót chúng con!" miễn là ai cũng không ôm giữ trong lòng tà thuyết Arius đáng nguyền rủa. Còn ai muốn kết hợp cả hai danh xưng ấy lại với nhau – Con Thiên Chúa và Thiên Chúa – thì có thể cầu nguyện như thế này: "Lạy Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, Thiên Chúa của chúng con, xin thương xót chúng con!"

---

[63] Giăng 20:12.
[64] Phi-líp 3:2.
[65] 2 Cô-rinh-tô 6:17, 18.
[66] Giăng 1:12.

Xin hãy trích dẫn ở đây lời của Thánh Sofronius, Tổng Giám mục Jerusalem, làm bằng chứng cho lời cầu nguyện của Chúa Giêsu, Đấng được gọi là Thiên Chúa, Con Thiên Chúa. Trong cuốn sách của Thánh Sofronius, tại chương 51, có ghi chép rằng Đức Thánh Ephrem, Thượng phụ Antioch[67] , để thuyết phục một người tu hành trên cột đang sa vào tà giáo, đã ném chiếc áo choàng của mình vào lửa và cầu nguyện, nói rằng: "Lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa của chúng con," v.v. Và trong chương 44*:* một vị tu sĩ già đã cầu nguyện cho người môn đệ lơ là của mình đã qua đời, nói rằng: "Lạy Chúa Giêsu Kitô, Thiên Chúa chân thật của chúng con, xin cho con biết tin về linh hồn của anh em con." Và trong chương 155: Abba Giordan, khi thấy ba người Saracen đang giam giữ một thiếu niên làm tù binh, và muốn chuộc cậu ta khỏi tay họ, nhưng họ không chịu nhận tiền chuộc, nói rằng họ đã hứa với thầy tế lễ của họ sẽ dâng cậu ta làm của lễ; lúc bấy giờ vị tu sĩ già quỳ gối xuống đất, bắt đầu cầu nguyện với Đức Chúa Trời, rằng: "Lạy Chúa Giê-su Ki-tô, Đức Chúa Trời của chúng con, xin cứu tôi tớ của Ngài khỏi những kẻ man rợ vô thần này!" Ngay lập tức, cả ba tên Sa-ra-cên đều nổi giận, rút gươm ra và chém giết lẫn nhau; còn chàng trai trẻ được tự do, liền theo chân vị tu sĩ già.

Điều này đã được chứng minh rõ ràng, rằng ngay từ thời xa xưa*,* các vị thánh tổ phụ cũng đã cầu nguyện theo lời cầu nguyện của Chúa Giê-su*, Thiên Chúa của chúng ta*. Tại sao các ngươi lại nổi loạn, hỡi những kẻ chống đối Hội Thánh thánh thiện, lại than van chống lại chúng ta vì lời cầu nguyện của Chúa Giê-su, khi chúng ta gọi Con Thiên Chúa là Thiên Chúa? Các ngươi đừng phàn nàn về chúng tôi, mà hãy phàn nàn về các Thánh nhân xưa kia, nếu các ngươi không biết xấu hổ và không sợ cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời; hãy la ó lên với họ, vì họ đã cầu nguyện như thế này: "Lạy Chúa Giê-su Ki-tô, Đức Chúa Trời của chúng con!"

Chương 15. Về danh xưng của Chúa Giê-su

Và những kẻ ly giáo còn vu khống chúng ta, như thể chúng ta đã thay đổi danh hiệu của Đấng Cứu Thế, thay vì viết "ĭc ̋" thì lại viết "ĭиc̋" , và họ khinh bỉ danh hiệu thánh thiêng "ĭиc̋" ấy, và cả hình ảnh của Đấng Christ, trên đó nếu họ thấy chữ "ĭ ĭ s" được viết, họ không thờ lạy, mà lại mắng chửi chúng ta rằng: "Trong đó có 'ĭ s□̀s'." Vì vậy, những kẻ ly giáo ấy đã xuyên tạc danh thánh "ĭ ĭ s" đó, gọi là "ĭ s□̀s". Và như muốn vạch trần chúng ta, họ nói: "Khi theo luật Mô-sê, Đấng Christ được cắt bì vào ngày thứ tám, thì *người ta đã đặt cho Ngài tên* là 'ĭ s̋ , *tên do Thiên Thần đặt, ngay cả trước khi Ngài được thụ thai trong lòng mẹ*[68] ." Thiên Thần đã đặt tên cho Con Thiên Chúa trước khi Ngài được thụ thai, nhưng họ lại bỏ qua cái tên mà Thiên Thần đã đặt, tự mình đặt cho Ngài một cái tên khác là ĭиc̋ , và như vậy, trong họ, Ngài trở thành iн ĭc□̀c .

Còn chúng tôi, khi vạch trần sự suy luận điên rồ của họ, sẽ chất vấn họ: Hãy nói cho chúng tôi biết, hỡi những nhà thông thái điên rồ và những kẻ phỉ báng dâm đãng! Khi Thiên Thần báo tin cho Đức Trinh Nữ vô nhiễm về việc thụ thai Con Thiên Chúa, thì lúc đó Ngài đã dùng ngôn ngữ nào, lời nói nào để trò chuyện với bà, là tiếng Nga hay một ngôn ngữ nào khác? Và Ngài đã đặt tên cho Đấng Cứu Thế bằng ngôn ngữ nào, tiếng Nga hay một ngôn ngữ nào khác? Nếu Thiên Thần đã nói chuyện với Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm bằng tiếng Nga, thì lời các ngươi là đúng, vì Ngài đã đặt tên Con Thiên Chúa là "Iesus"; nhưng nếu Thiên Thần không nói bằng tiếng Nga, thì các ngươi sẽ bị vạch trần là đang nói dối.

Hãy mở mắt tâm trí mù quáng của các ngươi ra, và tự mình xem xét: Đức Trinh Nữ Maria thuộc dòng dõi và ngôn ngữ nào, sống ở đâu, và Thiên Thần đã dùng ngôn ngữ nào để nói với Người trong lời Truyền Tin? Thật vậy, Người là một trinh nữ thuộc dân tộc và ngôn ngữ Do Thái, chứ không phải Nga; Người sống ở xứ Do Thái, chứ không phải ở Nga: vì Thiên Thần đã nói chuyện với Người bằng tiếng Do Thái, chứ không phải tiếng Nga, khi Người là một trinh nữ Do Thái.

Ở đây, chúng tôi lại hỏi các bạn: cái tên thánh thiêng liêng ấy, theo thông lệ Hy Lạp được viết tắt dưới danh hiệu là "ĭc̋" , nhưng được gọi là *Giê-su*: xin hãy nói cho biết, trong tiếng Do Thái thì gọi là gì, nếu các bạn biết? Nhưng chúng tôi biết rằng các bạn sẽ không nói được, vì các bạn cũng không biết. Vậy thì, hỡi những kẻ dốt nát, hãy nhận biết và hiểu đi, nếu các ngươi có thể hiểu được.

Những người thông thạo chữ viết tiếng Do Thái nói rằng, danh hiệu của Đấng Cứu Thế được gọi bằng nhiều cách khác nhau tùy theo phong tục của các vùng đất Do Thái.

Ở đó, người ta gọi là: IOSVA.

---

[67] Ngày tưởng niệm thánh Martha là ngày thứ 11.

[68] Lc 2:21.

Ở một số nơi – – – IESVA.
Có nơi – – – IESKVA.
Ở đây – – – IESHVA.
Tất cả những cách gọi đó đều có cùng một ý nghĩa, đó là *Đấng Cứu Thế.*

Còn Thánh Basil Đại Đế (người mà chúng ta phải noi gương hơn hết) trong cuốn sách ngữ pháp của ngài đã nói rằng, tên "ї ѣ s" bắt nguồn từ từ tiếng Do Thái *"Ιεσούχ",* có nghĩa là sự cứu rỗi; nhưng tôi lại cho rằng (Thánh Basil nói), nó bắt nguồn từ "IAΏ", tức là *"toàn vẹn",* thì tương lai là "IAΣΩ"*,* từ đó có *"Jesus*". Đến đây là lời của Thánh Basil. Cuốn ngữ pháp của Vasilius được tìm thấy trong tập thứ ba của các tác phẩm của ông, được in bằng tiếng Hy Lạp-La Mã tại Paris, vào năm 1638 sau Công nguyên, và tập đó có 595 trang. Từ *"Iá sus*" trong tiếng Do Thái có nghĩa là *"Đấng Cứu Rỗi",* còn trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là *"Đấng Chữa Lành".* Điều này cũng được đề cập trong cuốn sách của Thánh Athanasius Đại đế, Tổng giám mục Alexandria, trong bài luận thứ 4 chống lại Apollinaris, nơi ngài nói như sau: *"Jesus"* được đặt tên từ *"Iasato",* nghĩa là "hãy chữa lành những nỗi đau khổ của dân Ngài". Ngài đã chữa lành khi Ngài vui lòng nhận lấy hình hài của một tôi tớ. Đến đây là lời của Thánh Athanasius. Rõ ràng là ngài, cũng như Thánh Basil Vĩ đại, dẫn nguồn tên thánh "Iisus" từ từ Hy Lạp Ἰάω (tức "chữa lành"), thì tương lai là Ἰάσω (Iaso), và thể mệnh lệnh là Ἴάσατο (Iasato), từ đó *có tên Iasous*. Và khi Thiên thần báo tin cho Đức Trinh Nữ vô nhiễm về việc thụ thai Con Thiên Chúa, nói với bà bằng tiếng Do Thái, đã đặt (theo lời kể của Vayeli và Athanasius) tên cho Con Thiên Chúa là Iasous (chứ không phải theo tiếng Nga là "ї s□ ̀ s") Cũng vậy, về Thánh Mát-thêu, người đã viết Phúc Âm bằng tiếng Do Thái (vì ngài là người duy nhất viết Phúc Âm bằng phương ngữ Do Thái), có nghĩa là tên của Đấng Cứu Thế được viết bằng tiếng Do Thái là Iasous (theo lời kể của Thánh Basil và Thánh Athanasius vĩ đại); chứ không phải theo cách viết tiếng Nga là "їс□ ̀с" .

Vậy tại sao trong tiếng Hy Lạp-La Mã, danh hiệu thánh thiêng liêng đó lại không được viết hay phát âm là "їас□ ̀с" , mà là "їиѓс" ? Đó là vì, do người Hy Lạp-La Mã tuân theo các quy tắc ngữ pháp của phương ngữ Ionia cổ xưa nhất, nên chữ cái A, khi đứng sau chữ cái I trong hệ thập phân, luôn được chuyển thành chữ I trong hệ bát phân, như sau: *Iatír* (bác sĩ), ở đó được chuyển thành *Iítír. Ermias* (Ermius), được viết thành *Ermiis.* Tương tự*,* tên *Jesus*, vốn là tên Do Thái, được họ chuyển thành ї ѣ s, bằng cách thay chữ A thành I. Điều này không phải là sự bóp méo hay làm sai lệch tên gọi, mà là quy tắc ngữ pháp của tiếng Hy Lạp cổ, như đã nói. Khi bốn vị Thánh Tông đồ viết các Tin Mừng của mình về Chúa Kitô, Matthêu, người viết bằng tiếng Do Thái, đã ghi tên thánh của Đấng Cứu Thế là *"Iasus"* (theo lời kể của Thánh Basil và Thánh Athanasius)*;* Marcô, người viết bằng tiếng La Mã, đã ghi là *"Iesus";* Vì người La Mã thay chữ A bằng chữ E theo quy tắc ngữ pháp của ngôn ngữ họ, cũng như người Hy Lạp thay bằng chữ I: còn Luca và Gioan, những người viết bằng tiếng Hy Lạp, đã viết là ї ѣс . Từ những người Hy Lạp đó, chúng ta, người Nga, đã tiếp nhận cách viết và phát âm danh hiệu thánh thiêng liêng ấy, cùng với đức tin Chính Thống Hy Lạp.

Cũng cần biết rằng, trong tiếng Hy Lạp, danh hiệu của Đấng Cứu Thế được viết theo hai cách: một là viết đầy đủ – bằng tất cả các chữ cái mà không có dấu, hai là viết tắt – dưới dấu. Viết đầy đủ như sau: *Isous*; viết tắt là їиѓс , và viết tắt hơn nữa là їс҃ . Dù đôi khi họ viết tên đó bằng cách viết tắt ngắn nhất, chỉ che chữ cái đầu tiên và chữ cái cuối cùng bằng dấu mũ thành "їс҃" , nhưng họ không bao giờ gọi là "Jesus", mà luôn gọi và hát là "Isaous".

Tên Thánh ấy đôi khi cũng được viết đầy đủ mà không có ký hiệu ở nước ta, như có thể thấy trong cuốn sách các bài giảng của Thánh Gioan Vàng Miệng về Thư của Thánh Phaolô, trang 1374, nơi có ghi như sau: *"Vì nếu có ai khác đến và rao giảng* về một *Đức Giêsu khác*[69] ", v.v. Tuy nhiên, ở nước ta thường viết dưới danh xưng "їс҃" , nhưng khi nói thì nên dùng cách như người Hy Lạp, không phải "Исус" mà là "Иисус", dù đôi khi họ cũng viết tắt là "їс҃" . Và bởi vì người dân Nga chúng ta chưa thành thạo, không giống như người Hy Lạp, những người phát âm theo cách đầy đủ dù viết tắt, mà khi đã viết tắt thì cũng phát âm theo cách viết tắt đó. Họ viết "їс҃" và phát âm là "Jesus"; vì lý do đó, tốt hơn là chúng ta nên viết "їиѓс" thay vì "їс҃" , để tên của Đấng Cứu Thế được phát âm đầy đủ thành ba âm tiết, như người Hy Lạp, chứ không chỉ hai âm tiết. Vì có khi viết là "ї ѣ s", có khi lại là *"Jesus".* "ї ѣ s", như chúng ta đã nói trước đó, trong tiếng Do Thái có nghĩa là *"Đấng Cứu Thế",* còn trong tiếng Hy Lạp thì có nghĩa là *"Đấng Chữa Lành*". Còn "Jesus" có nghĩa là gì, hãy chú ý nghe đây. Trong tiếng Hy Lạp là *"Isos",* trong tiếng chúng ta có nghĩa là *"bằng nhau";* còn *"Ous*" có nghĩa là *"tai":* khi ghép hai từ này lại với

[69] 2 Cô-rinh-tô 11:4.

nhau, sẽ thành *"Isous",* có nghĩa là *"người có đôi tai bằng nhau*". Nhưng chúng ta không nên gọi Đấng Christ, Đấng Cứu Thế của chúng ta, như vậy. Vì lý do đó, tốt hơn là nên viết "їисъ" thay vì "і ѕ" , và phát âm thành ba âm tiết, biểu thị *Đấng Cứu Rỗi* và *Đấng Chữa Lành* của chúng ta là Đức Kitô, chứ không phải hai âm tiết, biểu thị *"người có đôi tai bằng nhau".* Vì cả bốn tác giả Tin Mừng, bằng ba ngôn ngữ là tiếng Do Thái, tiếng Hy Lạp và tiếng La Mã, đều viết danh hiệu của Chúa thành ba âm tiết, chứ không phải hai âm tiết, như chúng ta đã nói. Trong tiếng Do Thái *là "Yeshua",* trong tiếng La Mã *là "Iesus",* còn trong tiếng Hy Lạp là *"Iisous"*, đều biểu thị Đấng Cứu Rỗi và Đấng Chữa Lành của chúng ta. Còn trong tiếng Nga, những kẻ ly giáo, khi chỉ dùng hai âm tiết để gọi là *"Исус",* thì không xưng nhận Đấng Cứu Thế và Đấng Chữa Lành linh hồn chúng ta. Quả thực, đối với họ, *"Iisus*" không phải là Chúa Giê-su chân chính, Đấng Cứu Rỗi và Đấng Chữa Lành, mà chỉ là một *"Iisus*" giả mạo. Họ còn phỉ báng Thiên Thần Truyền Tin, Đấng đã báo tin về sự thụ thai của Con Thiên Chúa cho Đức Trinh Nữ vô nhiễm, như thể Ngài đã đặt tên cho Ngài là "Iisus". Nhưng sự dối trá của họ đã bị vạch trần, và sự suy luận điên rồ của họ đã bị bẽ mặt; còn lời phỉ báng phát ra từ miệng thối nát của họ nhắm vào Danh Thánh của Chúa Giê-su sẽ quay trở lại trên đầu họ. Vì trong họ có một người tên là Giê-su, được gọi là "tai bằng"; còn trong chúng ta chỉ có một Đấng, Đấng đã có từ trước, hiện đang có, và sẽ mãi mãi là Giê-su, Đấng được gọi là Đấng Cứu Rỗi và Đấng Chữa Lành linh hồn chúng ta, Chúa Kitô, Đấng mà trong các Phúc Âm, dù được viết theo cách viết tắt ngắn gọn nhất của tiếng Hy Lạp dưới tên gọi "і ѕ" , nhưng thực ra được phát âm là "Їисоу́с" với ba âm tiết chứ không phải hai.

Trong kho sách hoàng gia, nằm tại xưởng in ở Moscow, có lưu giữ một bản Phúc Âm viết tay bằng tiếng Hy Lạp. Và như đã được ghi chép cách đây hơn 1.100 năm, điều này cũng được nhắc đến trong cuốn sách có tên "Uvet tinh thần", ở mặt sau trang 32. Trong cuốn Phúc Âm đó, trước Phúc Âm của Thánh Gioan Thần Học, tên thánh của Đấng Cứu Thế được viết theo hình chữ thập như sau:

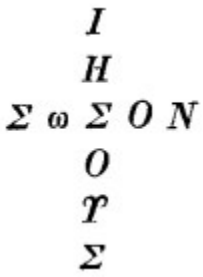

Tiếng Hy Lạp: ***ΙΗΣΟΥΣ ΣωΣΟΝ***

Tiếng Slav: Їисоу́се спасѝ

Vì vậy, rõ ràng là, đối với những người Nga thiếu hiểu biết như chúng ta, tốt hơn là nên viết tên Đấng Cứu Thế là "їисъ" thay vì "їс" , và phát âm thành ba âm tiết chứ không phải hai.

Về việc xếp các ngón tay thành hình thánh giá trên cơ thể, đã có ghi chép đầy đủ trong sách Thánh Vịnh, bắt đầu bằng lời cầu nguyện, xin hãy đọc ở đó: ai không hiểu thì hãy lắng nghe.

Đã đến lúc chúng ta phải tìm hiểu một bài viết khác.

Chương thứ hai. Liệu đức tin của họ có phải là đức tin cổ xưa không?

Chương 16. Đức tin cổ xưa bao gồm những gì?

Đức tin cổ xưa bao gồm hai phần:

1) Trong các tín điều Chính Thống, đã được các Thánh Tông Đồ và các Công đồng Toàn cầu xác nhận:

2) Và trong các truyền thống cổ xưa của Giáo hội, mà các Thánh Tông đồ và các vị Thánh Tổ phụ cổ xưa đã truyền lại để các tín hữu giữ vững đức tin Chính thống.

Để những người đơn sơ dễ hiểu, chúng ta hãy giải thích điều này như sau: ở nước Nga của chúng ta, đức tin cổ xưa này đã được Thánh Đại Công tước Vladimir, khi chịu phép rửa tội tại Cherson, đã tiếp nhận từ người Hy Lạp và mang về Nga, nhờ đó đã khai sáng đất nước Nga, và Giáo hội Nga đã được củng cố trên những giáo lý

Chính thống và truyền thống Giáo hội mà Vladimir mang về từ người Hy Lạp, và cho đến nay vẫn duy trì những điều đó, *đó chính là đức tin cổ xưa.*

Vậy chúng ta hãy xem xét cả hai điều đó, tức là các giáo lý và truyền thống giáo hội mà Đại công tước Vladimir đã mang về từ người Hy Lạp, và dựa trên cả hai điều đó, xem liệu Đạo Bryn có phải là Đạo Cổ hay không?

Xem xét đức tin cổ xưa dựa trên các giáo lý Chính thống.

Đầu tiên,

Chương 17. Về Đức Thánh Ba Ngôi

Tin và tuyên xưng rằng: Thiên Chúa trong Ba Ngôi là một, là Cha, Con và Thánh Thần, là ba Ngôi vị riêng biệt nhưng không thể tách rời về bản thể Thiên Chúa: đó chính là đức tin cổ xưa, do Vladimir mang từ Hy Lạp sang Nga.

Còn người Brynya thì không xưng nhận bản thể Thần tính duy nhất trong Ba Ngôi, mà chia nó thành ba, rồi thành bốn, như chúng ta sẽ nghe ngay sau đây.

Vì vậy, đức tin của họ không phải là đức tin cổ xưa, mà là *đức tin mới. Và* vì người Brynyane không tuyên xưng bản thể Thần tính duy nhất trong Ba Ngôi, mà chia nó thành ba và bốn phần, điều này chúng ta sẽ thấy rõ qua chính những lá thư của họ.

Gần đây, nhờ sự quan phòng của Đức Chúa Trời, chúng tôi đã nhận được các bản sao thư từ của vị thầy ly giáo nổi tiếng Avvakum, người từng là linh mục trưởng, sau đó bị tước phẩm và bị vạ tuyệt thông, nhưng người Brynya lại tôn kính ông như một vị thánh, gọi ông là vị tử đạo mới, vẽ hình ảnh của ông và thờ lạy. Trong những lá thư đó, có một bức thư gửi cho vị trưởng lão Ignatius ở Solovetsky về sự suy ngẫm về Thánh Ba Ngôi, nội dung như thế nào, thì chúng tôi trích dẫn ở đây.

Avvakum nói:

Hãy xem đây, Ignatius người Solovetsky, và hãy tin vào *Đức Thánh Ba Ngôi.*

Hãy lắng nghe, hỡi các tín hữu Chính Thống tin vào Ba Ngôi đồng bản thể, ai đã từng nghe nói đến Ba Ngôi ba bản thể? Chẳng phải các Thánh Tông Đồ và các Thánh Tổ đã dạy chúng ta tuyên xưng một bản thể duy nhất trong Thánh Ba Ngôi sao? Các văn bản và giáo lý chính thống về tín lý của họ quá nhiều, không đủ thời gian để chúng tôi, những người viết tóm tắt này, liệt kê hết; nhưng thay vì tất cả, chúng tôi chỉ nhắc đến Thánh Gioan Damascene, trong Octoechos, giọng thứ ba, trong Thánh Lễ Chiều Lớn, ngài đã hát như sau: "Con ca ngợi quyền năng của Cha và Con, và ca ngợi quyền uy của Thánh Thần, Thần Tính không thể tách rời, không được tạo dựng, *Ba Ngôi đồng bản thể,* ngự trị muôn đời."

Đó chính là Ba Ngôi đồng bản thể, chứ không phải Ba Ngôi ba bản thể, mà chúng ta tuyên xưng theo chính thống.

Còn ở những kẻ ly giáo, người ta thấy xuất hiện một hình thức tuyên xưng mới, không phải Chính Thống Giáo mà là dị giáo; họ tuyên xưng Ba Ngôi là ba thực thể riêng biệt.

Vì vậy, đức tin của họ không phải là đức tin cổ xưa, mà là một đức tin *mới*, một giáo lý mới trái ngược, chưa từng tồn tại, do Vladimir sáng tạo ra từ người Hy Lạp.

Lại nữa, Avvakum nói:

Đừng lo lắng về sự bình đẳng, đừng sợ, một bản thể duy nhất chia thành ba bản thể và bản tính.

Hỡi các tín hữu Chính Thống, hãy lắng nghe: liệu đây có phải là tà giáo và sự phỉ báng đối với Thánh Ba Ngôi, Thượng Đế duy nhất và bản chất duy nhất, lại bị chia thành ba phần hay không? Đó có phải là đức tin cổ xưa không? Liệu Giáo hội có chấp nhận đức tin như vậy từ các Thánh Tông Đồ và các Thánh Tổ Phụ hay không? Liệu Thánh Vladimir có mang đức tin như vậy từ người Hy Lạp về Nga hay không? Chắc chắn là không. Vào thời Thánh Vladimir, cùng với đức tin thánh thiện được chấp nhận, các sách thánh cũng đã xuất hiện tại Nga, được dịch từ tiếng Hy Lạp sang tiếng Slav, trong số đó chúng ta sẽ mở ra một cuốn vào lúc này, được gọi là "Octoechos", và hãy xem trong giọng thứ nhất, trong bài thánh ca dành cho Thánh Ba Ngôi Tạo Sinh, được hát trong lễ nửa đêm hàng tuần, tác phẩm của Mitrofanov, trong phần sedalnia của bài hát thứ sáu, và chúng ta sẽ đọc và thấy cách Thánh Ba Ngôi đồng bản thể được tuyên xưng như thế nào. Ở đó có viết như sau: "Thánh Ba Ngôi *chí thánh*, *không thể tách rời về bản thể,* với ba Ngôi Vị không thể tách rời, và luôn hiệp nhất *không thể chia cắt trong bản thể Thần Linh,* chúng con, những người sinh ra trên đất, kính lạy." Đây là lời giảng dạy chính thống về Thánh Ba Ngôi:

Thánh Ba Ngôi là một về bản thể, có ba Ngôi Vị, nhưng không thể tách rời, và vẫn hiệp nhất trong bản thể Thần Linh.

Còn vị thầy ly giáo Avvakum Rospopa lại dạy các môn đệ của mình ở Brynyan rằng phải chia một bản thể duy nhất của Đức Chúa Trời thành ba bản thể, và chia một bản chất duy nhất của Đức Chúa Trời thành ba bản chất. Liệu niềm tin độc ác và tà thuyết báng bổ Thiên Chúa như vậy đã từng tồn tại ở Nga chưa? Liệu nó có tồn tại vào thời các Thánh Tổ và các Thánh Hành phép lạ của Nga không? Chắc chắn là chưa bao giờ, mà là điều mới mẻ, xuất hiện trong thời đại chúng ta do những suy luận điên rồ của Avvakum và các môn đệ của ông ta.

Vì vậy, tín ngưỡng Bryn không phải là tín ngưỡng cổ xưa, mà là tín ngưỡng *mới*, bản thể và thực thể Thần Thánh Ba Ngôi vốn không thể tách rời, lại bị chia cắt và phân chia thành ba phần, điều mà trước đây chưa từng có ở Nga.

Lại nữa, Avvakum nói:

Nguồn Thần Thánh tuôn chảy thành ba, đừng nói theo Arius rằng ba bản thể không đồng đều, mà là ba bản thể hoặc thực thể đồng đều, đừng bàn luận thêm gì nữa.

Về Avvakum, kẻ điên rồ không phải là nhà thần học, mà là kẻ nói bừa, người mà với sự giáo điều độc ác này đã tỏ ra là một kẻ ngu ngốc tột độ! *Thứ nhất,* tự xưng là thầy giáo mà lại không biết tà thuyết của Arius là gì; vì Arius không nói rằng có ba bản thể Thần Thánh, mà chỉ có một trong một, đó là Cha: còn Con thì ông ta không tuyên xưng là Đức Chúa Trời, mà chỉ là Con; và ông ta nói rằng Con không phải là Đức Chúa Trời theo bản thể, mà là nhờ ân sủng. *Thứ hai,* Avvakum thật ngu ngốc, vì ông chia bản thể và thực thể của Thiên Chúa thành ba phần. Chẳng phải đó là một điều ác tương đương với việc không tuyên xưng Thánh Ba Ngôi, như Arius đã không tuyên xưng, và việc chia cắt bản thể và thực thể của Thiên Chúa thành ba phần, như Avvakum đã làm, người này, trong khi tránh tà thuyết của Arius, lại sáng tạo ra một tà thuyết không kém phần nguy hiểm, và trở nên giống như một người hoảng loạn, chạy trốn ngọn lửa, nhưng lại tự ném mình vào lò lửa, và trong cơn điên loạn, tránh vũ khí của người khác, lại dùng chính thanh gươm của mình để tự giết mình?

Nhưng Avvakum còn giải thích thêm về suy luận dị giáo của mình như sau:

Mỗi Đấng có ngai riêng: Cha, Con và Thánh Thần; ba Vị Vua trên trời ngự trị mà không ẩn mình.

Ai trong số những người tin đúng đạo lại không cười nhạo giáo lý điên rồ như vậy của vị thầy ly giáo nổi tiếng Avvakum, rằng như thể trên trời, Cha ngự riêng, Con ngự riêng, Thánh Thần ngự riêng? Chẳng phải ba Ngôi trong Ba Ngôi Thiên Chúa đang cai trị trong sự hiệp nhất của Thần Tính Ngài sao?

Đáng chú ý là, trong thời gian làm linh mục, Abakum đã không đọc "Triodion Mùa Chay" – tác phẩm của Thánh Theodoros Studites – trong Mùa Chay Thánh, hoặc nếu có đọc thì cũng không hiểu. Trong đó, vào tuần đầu tiên của Mùa Chay, trong phần kinh cầu nguyện rủa những kẻ dị giáo, ở bài ca thứ 9, phần về Ba Ngôi được đọc như sau: "Tôi ngợi khen Thần Tính của Cha, Con và Thánh Thần, *một bản thể duy nhất hiện hữu* trong ba Ngôi Vị, *không thể tách rời,* nhưng phân biệt về nhân vị, *đồng trị,* và hiện diện khắp mọi nơi." Thánh Theodoros Studites cùng toàn thể Giáo hội Chính thống tuyên xưng Thánh Ba Ngôi là Đấng cai trị duy nhất, chứ không phải ba Đấng cai trị; còn Avvakum thì lại phỉ báng rằng Thánh Ba Ngôi là ba Đấng cai trị, chứ không phải Đấng cai trị duy nhất. Liệu trong Giáo hội của Đấng Christ đã từng có sự suy luận điên rồ nào về Thánh Ba Ngôi, giống như sự suy luận ly giáo đó chưa? Chưa bao giờ: đó là sự phỉ báng Thánh Ba Ngôi do họ bịa đặt ra.

Vì đức tin ly giáo của họ không phải là đức tin cổ xưa, mà là đức tin *mới*, là nguồn gốc của những tà thuyết mới.

Ôi, Avvakum điên rồ ơi! Ngươi lẽ ra nên dùng rìu để chẻ ba khúc củi trong nhà mình, thay vì can thiệp vào việc không phải của mình, và dùng suy luận thô thiển của một người nông dân để chia cắt sự đồng bản thể của Ba Ngôi thành ba phần.

Ngay cả những nhà thần học tài giỏi nhất, những người đã dành nhiều năm để nghiên cứu thần học, khi bàn luận về Thần Tính, cũng phải thận trọng: còn ngươi, chưa từng nghe nói gì về Thần học, cũng chẳng biết Thần học là gì, lại dám mở miệng nói năng ngạo mạn để đưa ra những giáo điều về Thần tính; và dù muốn tỏ ra là nhà thần học, ngươi lại lộ ra là kẻ nói năng bừa bãi, *kẻ dị giáo*, và kẻ phỉ báng Thánh Ba Ngôi. Ngươi lẽ ra phải đọc trong cuốn "Margarita" những lời của Thánh Gioan Vàng Miệng về Đấng Khó Hiểu, và từ đó học được rằng, thà tôn kính Ba Ngôi Thánh đồng bản thể bằng sự im lặng còn hơn là phô trương những lời nói vô nghĩa về Ngài.

Lại nữa, Avvakum nói:

Đức Kitô ngự trên ngai riêng, đồng trị với Thánh Ba Ngôi.

Hỡi trời, hãy nghe và hãy truyền cho đất biết về một tà thuyết mới, chưa từng nghe thấy từ thuở xưa: Đức Kitô tách biệt khỏi Ba Ngôi Thánh. Đối với những kẻ ly giáo, Ba Ngôi Thánh đã không còn là Ba Ngôi, mà trở thành Tứ Ngôi: Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, còn Ngôi thứ tư là Đức Kitô. Đâu đã từng nghe thấy niềm tin như vậy? Khi nào ở Nga lại có niềm tin như vậy? Chẳng phải đây là một tà thuyết mới sao, khi chia Con Thiên Chúa thành hai phần, Con Thiên Chúa là một, Chúa Kitô là một, và (theo sự mê tín của họ) đã có hai Con của Thiên Chúa Cha, từ đó hình thành nên "bộ tứ"?

Đó có phải là đức tin chân chính không? Hay là đức tin cổ xưa? Có phải Vladimir đã mang nó từ người Hy Lạp về không? Hay đó là sự xưng tín Chính Thống? Hay là Kitô giáo đạo đức? Chẳng phải đây là một tà thuyết tai hại, trái ngược với đức tin thánh thiện cổ xưa, ghê tởm trước mặt Thiên Chúa, và lại là niềm vui của ma quỷ sao?

Ôi, sự điên rồ và lầm lạc tột cùng! Làm sao các ngươi, những kẻ ly giáo khốn nạn, lại dám gọi đức tin của mình là "đức tin cổ xưa", trong khi đã tự mình sáng tạo và chấp nhận những tà thuyết dữ dội đến thế? Không, quả thật không phải, đức tin của các ngươi không phải là cổ xưa, mà *là mới,* đầy rẫy những tà thuyết mới.

Chương 18. Về sự nhập thể của Đấng Christ. Đức tin của Avvakum

Ta là Avvakum, ta xưng nhận và tin như thế này: bản tính của Ngài là bất biến, nhưng Đức Chúa Trời đã đổ Lời của Ngài vào lòng Đức Trinh Nữ, sức mạnh của bản thể tự nhiên, tức là ân sủng trọn vẹn, vì sức mạnh ấy đã được gắn liền với ý muốn của Đức Chúa Trời; Ngài đã muốn và đổ Lời của Ngài một cách không thể diễn tả được, còn bản thể của Ngài thì tuyệt đối bất biến.

Ôi, những suy luận điên rồ của người nông dân! Liệu chính ông ta có biết mình đang nói những điều hoang tưởng không? Chẳng phải những lời nói của ông ta chính là bóng tối, sương mù, u ám và chính là sự hoang tưởng sao?

Trước hết, hắn nói rằng thuộc tính của Con không phải là bất biến; nhưng hắn không nói rõ, cũng chẳng biết, rằng thuộc tính của Con là gì. Ông ta cũng gọi thuộc tính đó là bản thể, mà không biết rằng trong Thánh Ba Ngôi còn có một thuộc tính khác, riêng biệt và tách biệt cho mỗi Ngôi Vị, như Thánh Mitrofan đã tuyên xưng trong Thánh ca về Thánh Ba Ngôi, rằng: Chúng ta tuyên xưng một bản thể Thần Thánh, trong ba *thuộc tính* riêng biệt *và tách biệt* của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần[70] :

Bởi vì thuộc tính của Đức Cha là sinh ra Đức Con và ban phát Đức Thánh Thần.

Tính chất của Con là được sinh ra từ Cha, nhưng không sinh ra một Con nào khác từ chính mình.

Tính chất của Đức Thánh Thần là xuất phát từ Đức Cha duy nhất. Đó chính là các tính chất của ba Ngôi trong Ba Ngôi.

Còn bản thể của Thiên Chúa là chung cho ba Ngôi, và là một, không thể chia cắt.

Cũng như (Habacuc) đã nói, rằng Đức Chúa Trời Lời đã đổ chính mình vào lòng Đức Trinh Nữ, không phải chính Ngài, mà là sức mạnh bản thể tự nhiên của Ngài. Và ông giải thích sức mạnh ấy là ân sủng để trở nên hoàn hảo, còn bản thể Con Thiên Chúa thì dường như không thể nào xuống từ trời được. Và theo suy luận của ông, đã có hai Con: một Con ở cùng Cha trên trời, còn Con kia nhập thể trong lòng trinh nữ, được sai đến bởi Con ấy, Đấng đang ở cùng Cha trên trời.

Lời tuyên xưng tà đạo của ông được thể hiện rõ ràng hơn qua những lời sau đây:

Tôi tuyên xưng quyền năng Thần Thánh trong lòng trinh nữ, chứ không phải chính Thể Thần Thánh đã xuống từ cõi cao siêu, mà là sự an bài không thể diễn tả bằng lời.

Và một lần nữa, ngài nói về điều đó như sau:

Ngài đã từ trời xuống với chúng ta bằng sức mạnh ân sủng của Ngài, hoàn toàn nhập thể trong Đức Trinh Nữ vô nhiễm: toàn bộ bản tính là sự nhân từ, còn bản thể thì hoàn toàn đồng nhất với Chúa Cha, không thể tách rời. Đến đây là những lời của Abbaqum về sự nhập thể của Đấng Christ.

Ngài cũng dạy các môn đệ của mình suy ngẫm theo cách đó, trong số đó có một người tên là Erofei Andreev, đã viết như sau trong các bức thư của mình:

Con của lòng nhân từ và sự an bài đã nhập thể, ngoài bản thể.

Ôi, một Nestorius mới, Avvakum cùng các môn đệ của ông! Vị thầy bất hạnh ấy, qua việc tuyên xưng đức tin độc hại của mình, đang dạy theo kiểu của Nestorius, như thể chính Con Thiên Chúa không nhập thể trong lòng

[70] Giọng 3, bài 7, câu 2, vào ngày Chủ nhật, trong Thánh lễ nửa đêm

trinh nữ, mà chỉ đổ sức mạnh hay ân sủng của Ngài vào đó, và sức mạnh hay ân sủng ấy như thể đã nhập thể trong lòng trinh nữ, còn chính Con Thiên Chúa thì dường như không hề từ trời xuống đất. Vì vậy, Đức Mẹ Rất Thánh (theo học thuyết dị giáo của Avvakum, cũng như theo sự xuyên tạc của Nestorius) không phải là Mẹ Thiên Chúa, mà chỉ là Mẹ Đấng Kitô; bởi vì bà không sinh ra chính Con Thiên Chúa (như họ ngợi khen một cách sai lầm), mà chỉ sinh ra một sức mạnh hay ân sủng nào đó, được gọi là Đấng Kitô. Nhưng chúng ta, những người chính thống, chớ bao giờ để ý niệm về tà thuyết này lọt vào tâm trí; vì chúng ta tin và tuyên xưng rằng Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm là Mẹ Thiên Chúa đích thực, Đấng đã sinh ra Lời Thiên Chúa đích thực, như các Thánh Tổ đã dạy chúng ta tin, tại Công đồng Toàn cầu lần thứ ba, được triệu tập tại Ê-phê-sô để đối phó với Nestorius gian ác. Và Thánh Gioan Damasceno, trong cuốn 4 về Đức Tin, chương 15, đã viết: Đức Mẹ là Mẹ Thiên Chúa một cách uy quyền và chân thật, và được gọi như vậy. Và một lần nữa: Con Thiên Chúa nhập thể từ Mẹ không phải là một con người mang Thiên Chúa, mà là Thiên Chúa nhập thể[71] . Và Thánh Mitrophan, tác giả các thánh ca, trong giọng thứ 3, trong thánh ca Ba Ngôi, trong thánh lễ nửa đêm hàng tuần, trong bài ca thứ 5, dành cho Đức Mẹ, đã nói: "Từ Ngài, Đức Kitô đã được sinh ra với *bản tính* và ý chí *đặc biệt."* Bản thể của Đức Chúa Trời, cùng với bản thể con người, đã kết hợp trong lòng Đức Trinh Nữ thành một Ngôi Vị duy nhất là Đức Kitô, và kể từ thời điểm đó, khi Đức Kitô nhập thể, Đức Chúa Trời toàn hảo, thì con người cũng toàn hảo; và con người toàn hảo, thì Đức Chúa Trời cũng toàn hảo, trong hai bản thể riêng biệt của hai bản tính, nhưng trong một nhân vị không thể tách rời. Dù Con Thiên Chúa đã nhập thể trong lòng Đức Trinh Nữ với bản tính Thiên Chúa, nhưng Ngài không tách rời khỏi Chúa Cha, chứ không phải như Abakum cùng các môn đệ của ông suy luận rằng: nếu chính Con Thiên Chúa với bản tính Thiên Chúa đã xuống lòng Đức Trinh Nữ, thì Ngài đã không còn ở trên trời cùng Chúa Cha nữa, mà đã tách rời khỏi Ngài. Ôi sự điên rồ của những kẻ điên rồ, những kẻ không hiểu bản thể Thần thánh không thể tách rời! Bởi vì, dù Con Thiên Chúa có hiện diện trên đất với bản thể của Ngài, nhưng Ngài vẫn không tách rời Thần tính của Cha đang ngự trị trên trời; và trong cùng một khoảnh khắc, Ngài ở trong âm phủ với linh hồn, ở trên thiên đàng với tên cướp, và trên ngai vàng cùng với Cha, cũng như khi Ngài ở trong lòng Đức Trinh Nữ, Ngài không xa lìa Cha, và khi sống giữa loài người, Ngài cũng không xa lìa Cha; chính Hội Thánh thánh thiện trong các bài thánh ca của lễ Thăng Thiên, tại Thánh Lễ Chiều Lớn trong Sách Thánh Ca, đã tuyên xưng như sau: "Ngài không xa lìa lòng Cha, , hỡi Đức Giêsu ngọt ngào nhất, và khi sống giữa loài người như một con người." Và trong các bài Irmos thuộc giọng thứ bảy, bài thứ 4: "Xin đừng rời xa lòng Cha, hỡi Đấng Christ, Thiên Chúa, Đấng đã ngự xuống trần gian." Nhưng chính Chúa Kitô, Chúa chúng ta, khi được thánh Philip cầu xin: *"Lạy Chúa, xin cho chúng con thấy Cha",* đã phán rằng: *"Ai thấy Ta thì đã thấy Cha; sao ngươi không tin rằng Ta ở* trong *Cha, và Cha ở* trong *Ta*[72] ?" Hãy xem đây, hỡi những người Brynyan! vì Con Thiên Chúa đích thực, bằng bản thể thần thánh của Ngài, đã nhập thể trong lòng Đức Mẹ Đồng Trinh chí thánh, chứ không phải sai một ai khác từ chính Ngài đến để nhập thể: và Đức Mẹ Đồng Trinh Maria, Trinh Nữ vô nhiễm, chính là Đấng đã thụ thai và sinh ra Thiên Chúa chân thật không thể diễn tả được. Nguyền rủa Nestorius, nguyền rủa cả Abbaqum, cùng với những kẻ đồng chí hướng với họ, những kẻ phỉ báng sự nhập thể của Đức Chúa Trời Lời, cũng như sự nhập thể của Đức Mẹ Thiên Chúa chân chính.

Hỡi những người tin đúng đạo, hãy nghe xem những kẻ ly giáo có thầy dạy là ai; từ người đó, các thầy dạy khác của họ cũng phát sinh ra. Họ có Avvakum, bạn của Arius trong việc phỉ báng Thánh Ba Ngôi, và là người đồng chí hướng với Nestorius trong việc phỉ báng sự nhập thể của Thiên Chúa. Họ chia cắt bản thể Ba Ngôi Thần Thánh vốn không thể chia cắt, và phân chia thành ba hay bốn phần, như các ngươi đã nghe: Họ không xưng nhận Con Thiên Chúa đã thực sự nhập thể trong lòng Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, mà chỉ cho rằng Ngài đã ban ân sủng của Ngài xuống cho Mẹ. Đó có phải là đức tin xưa không? Phải chăng đức tin ly giáo của họ là "cổ xưa", vì họ đã làm sống lại tà thuyết cổ xưa của Nestorius?

Chương 19. Về việc Chúa Kitô xuống địa ngục

Thầy giáo ly giáo Avvakum kia đang nói gì vậy?

Rằng linh hồn Chúa Kitô từ thập giá đã lên trời về với Cha; còn sau khi sống lại từ mộ, Chúa Kitô đã xuống địa ngục cùng với thân xác sau khi sống lại từ cõi chết.

---

[71] Xem phần dưới cùng của đoạn này.

[72] Giăng 14:8, 9 và 10.

Hỡi những người tin Chúa, hãy nghe đây: vị thầy điên rồ kia đang nói những điều hoang đường; ông ta từng là linh mục trưởng, nhưng vào ngày Phục Sinh sáng ngời, ông ta không đọc hoặc đọc mà không hiểu những lời được chép rằng: "Thân xác nằm trong mộ, còn linh hồn thì xuống địa ngục như chính Đức Chúa Trời." Đây là lời tuyên xưng chính thống của Đức tin Cổ xưa về việc Chúa Kitô xuống địa ngục, rằng Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, đã nằm trong quan tài bằng xác thịt, còn linh hồn thánh thiện của Ngài, với quyền năng Thần tính của Ngài, đã xuống địa ngục, để từ đó đưa các linh hồn của các tổ phụ thánh thiện trở về. Và Thánh Gioan Damascene đã nói về điều này như sau: "Linh hồn (của Chúa Kitô) đã được thần hóa hạ xuống địa ngục, để cũng như mặt trời chiếu sáng cho những người công chính trên đất, thì ánh sáng cũng sẽ chiếu rọi cho những ai đang ngồi trong bóng tối và bóng râm dưới lòng đất[73] ." Đến đây là lời của Damascene. Linh hồn của Đấng Christ, sau khi tách khỏi xác thịt, sẽ ngay lập tức xuống địa ngục để giải thoát các linh hồn thánh từ đó; còn Avvakum thì nói rằng linh hồn của Đấng Christ trước tiên sẽ rời khỏi xác thịt để về với Cha, rồi từ Cha lại trở về xác thịt, làm cho nó sống lại, và như vậy, sau khi Phục Sinh, Đấng Christ sẽ cùng với xác thịt xuống địa ngục. Vì vậy, đức tin của Avvakum và các môn đệ Brynyan của ông không phải là đức tin cổ xưa, mà là một đức tin *mới*, trái ngược với đức tin thánh thiện cổ xưa.

Tại đây, tôi lại nói với những người Brynyan rằng:

Nếu các ngươi, hỡi những người Brynyan, coi việc một số câu nói cổ xưa trong các sách mới bị thay đổi (mà sự thay đổi đó không trái với đức tin thánh thiện, mà chỉ là sự chỉnh sửa văn bản) là một tội lỗi lớn, thì hãy tự mình phán xét xem tội lỗi nào lớn hơn: việc thay đổi một câu nói nào đó trong sách, hay việc làm sai lệch các giáo lý của đức tin? Và điều gì làm sai lệch đức tin nhiều hơn: việc sửa đổi một câu văn trong sách, hay học thuyết dị giáo của Nestorius mà các ngươi đang theo đuổi? Tại Moscow, trong các cuốn sách đã được hiệu đính mới, những câu văn cũ cần được sửa chữa đã được sửa chữa: nhưng các ngươi không chấp nhận các cuốn sách đã được hiệu đính mới, đã từ chối đức tin Chính Thống giáo cổ xưa, và tự mình sáng tạo ra một đức tin mới mang tính báng bổ. Vậy thì ai phạm tội nặng hơn; những cuốn sách đã được sửa chữa, hay những ai đã từ chối các giáo lý chính thống của đức tin Chính Thống? Và các ngươi hy vọng được cứu rỗi bằng gì? Bằng những cuốn sách cũ, hay bằng đức tin? Nếu là bằng sách, thì các ngươi không cần đức tin; còn nếu là bằng đức tin, thì tại sao các ngươi lại từ bỏ đức tin Chính Thống cổ xưa? Điều nào cao quý hơn: những cuốn sách cũ, hay đức tin cổ xưa? Chúng tôi biết rằng các ngươi tự hào như thể đang giữ gìn đức tin cổ xưa; nhưng sự mới mẻ của đức tin các ngươi đã bị vạch trần, chứ không phải sự cổ xưa, và giờ đây trong các ngươi không còn một đức tin duy nhất, mà là nhiều đức tin: vì chúng tôi nghe nói rằng có bao nhiêu tu viện trong rừng Bryneki, thì cũng có bấy nhiêu đức tin. Chẳng phải vậy sao? Hãy tự mình xem xét đi.

Chương 20. Về tên gọi của các tu viện Bryn

Vào năm 1708 vừa qua, vào tháng 11, tại Rostov của chúng tôi có một linh mục da đen tên là Ioasaf, người đã xây dựng tu viện Spaska Roevskaya thuộc huyện Balakhonsky; ông ấy đã tặng chúng tôi những cuốn sổ nhỏ, trong đó có ghi " " – một bài phản bác chống lại những kẻ ly giáo, nhưng tên của tác giả bài viết đó thì không được ghi rõ. Trong bài viết đó có tên các tu sĩ Brynsky, được ghi như sau, và tôi ghi lại ở đây như sau:

Tên các tu sĩ Bryn:
Chủ nghĩa Kitô giáo, hay nói đúng hơn là *Chủ nghĩa Chống Kitô giáo.*
Phong trào chống thánh tượng.
Phái theo các linh mục.
Phái không có linh mục.
Những người theo chủ nghĩa cảm tính.
Những kẻ xuyên tạc.
Phái Anufriyev.
Phái Efrosin.
Phái Iosifov.
Phái Kalinov.
Kipreyanovshchina.
Ilarionovshchina.

[73] Sách 3 về đức tin, chương 29

Serapionovshchina.
Kozminshchina.
Volosatovshchina.
Isakovshchina.
Phái Stefanov.
Avvakumovshchina.
Những người đốt củi.
Những người theo Morel.

Và những nhóm khác theo tên các thầy của họ, nhưng tất cả những kẻ lừa dối đáng nguyền rủa này đều bất hòa với nhau, ghê tởm lẫn nhau, không cùng nhau uống, ăn hay cầu nguyện, và gọi nhau là những kẻ dị giáo. Đến đây là những ghi chép về tên gọi và sự bất hòa của các tu viện Brynsky nói trên.

Vào năm 1709 này, vào tháng Ba, vào ngày đầu tiên của tuần lễ tập trung trong Mùa Chay, chúng tôi đã tiếp đón những người từng đến và sinh sống trong các khu rừng Bryn, cụ thể là: Petr Ermilov, người Yaroslavl, và vị tu sĩ cao niên Andronik từ Tu viện Borisoglebsky ở Pereslavl-Zalessky; sau đó là vị tu sĩ Pakhomius, người từ thuở nhỏ đã được đưa từ huyện Poshekhonsky vào những khu rừng đó, lớn lên tại đó, và đã bị những kẻ ly giáo rửa tội lại hai lần sau khi đã được rửa tội đúng đắn tại đây. Chúng tôi đã hỏi họ về các tu viện Bryn đã nêu trên, liệu chúng có đúng như vậy không? Họ đã nói với chúng tôi rằng hiện nay không phải tất cả các tu viện nhỏ đều còn mang những tên gọi đó nữa, dù trước đây từng như vậy, bởi vì một số vị trụ trì đã qua đời, một số khác đã di cư sang các quốc gia khác, và nhiều người đã đi sang Ba Lan; bởi vì ở một số nơi ở đó, theo như người ta kể lại, họ đã định cư rất đông, còn ở đây thì những người khác đã thay thế họ.

Còn về những tu viện hiện nay nằm trong rừng Bryn, những gì họ biết, họ đã thông báo cho chúng tôi như sau:

Phong trào "Christovshchina" được gọi như vậy vì họ có một người đàn ông, được gọi là "Christ", làm thầy của mình, và họ cầu nguyện với người đó như thể đó là Chúa Kitô thật sự.

Phái Phá Tượng, những người loại bỏ tất cả các bức tượng thánh, cả cũ lẫn mới.

Phái "Po-popovshchina", những người này tiếp nhận các linh mục trốn chạy và cử hành một số bí tích theo các sách cổ.

Phái chống linh mục, những người hoàn toàn bác bỏ mọi bí tích và không chấp nhận bất kỳ linh mục nào.

Những người theo chủ nghĩa cảm tính*,* họ nói rằng Antichrist đã đến thế gian một cách rõ ràng, nhưng không tiết lộ rõ ràng danh tính của hắn là ai.

Những kẻ giải thích sai. Tất cả các tu viện của họ đều mang tên gọi "phái ly giáo", bởi vì tất cả đều giải thích sai Kinh Thánh.

Còn có *phái Anufri*, cũng như *phái Avvakum;* bởi vì các tu viện đó tuân theo giáo lý của một vị linh mục trưởng tên là Avvakum.

Cũng có *phái Serapion*, cũng như *phái Morel,* những kẻ để cho người ta chết đói (như thể vì Chúa Kitô); nhưng Serapion đã qua đời, còn giáo lý của ông thì vẫn chưa bị tiêu diệt.

Cũng có *phái Volosatov*, cũng như *phái Những Kẻ Đốt Chết,* những kẻ xúi giục nhiều người tự thiêu như thể vì Chúa Kitô, nhưng lại chiếm đoạt tài sản còn lại của những người đã bị thiêu.

Phái Ilarion. Trong phái này, những người đơn sơ không được phong chức làm linh mục, còn việc rước lễ và dầu thánh, họ cho rằng đã được Thượng phụ Nikon thánh hiến từ trước.

Phái Fedosiev. Họ khinh bỉ hôn nhân hợp pháp, gọi hôn nhân là sự dâm ô. Họ phỉ báng chế độ linh mục, nhưng không theo chủ nghĩa vô linh mục.

Phái Iosifov, họ sắp xếp các linh mục theo một thứ bậc nông dân nào đó của riêng họ.

Phái Efremov: Họ không khinh bỉ Thánh giá bốn đầu, nhưng lại phỉ báng tất cả các nghi thức nhà thờ.

Phái Iakov. Người đứng đầu phái này là Iakov, biệt danh là Zubov. Họ từ chối thánh giá bốn cánh giống như các phái ly giáo khác, nhưng lại cho các nữ tu sống chung với họ trong cùng một phòng tu; điều này cũng xảy ra ở các tu viện khác.

Những người tuân giữ ngày Sabát*,* những người ăn chay vào ngày Sabát theo phong tục Do Thái.

Và nhiều người khác còn kể rằng trong những khu rừng ấy có những tu viện lớn nhỏ, dành cho nam và nữ, với các tín ngưỡng khác nhau và những hành vi kỳ lạ; trong đó, một số trường hợp được đề cập đến trong phần thứ

ba của cuốn sách này, nơi những hành vi ly giáo, chống lại Giáo hội Thánh, sẽ được phơi bày để vạch trần sự lầm lạc của họ.

Tại đây, điều này được nêu rõ rằng: tất cả các tu viện của họ đều mâu thuẫn với nhau về tín ngưỡng, chỉ đồng thuận ở một điểm duy nhất, đó là họ đồng lòng phỉ báng Giáo hội của Đấng Christ, các Bí tích thánh và chúng ta, những người chính thống. Cũng như Phi-lát và Hê-rốt *vốn có mối thù hận với* nhau[74] , nhưng khi đến lúc giết Chúa Kitô, thì cả hai đã hợp tác với nhau: cũng vậy, những người Brynyan, dù không thống nhất trong tín lý của mình, nhưng lại thù địch lẫn nhau; họ lại hợp sức phỉ báng Giáo hội của Đấng Christ, và đồng lòng như một miệng, từ những trái tim đầy ác ý, thốt ra những lời phỉ báng tàn nhẫn, không thể nghe nổi.

Tất cả những tín ngưỡng mâu thuẫn đó của họ, chẳng phải là những tín ngưỡng mới, những điều trước đây chưa từng có sao? Và liệu sa mạc Bryn với những tín ngưỡng đó có phải là một con quái vật *huyền thoại* hay một con quái vật đáng sợ, phun ra lửa từ lỗ mũi như những gì người ta kể lại, với đầu và ngực của sư tử, bụng của dê, và đuôi của rắn[75] ? Vì sa mạc Bryn thổi hơi độc vào Nhà thờ của Chúa như ngọn lửa, gầm rú những lời phỉ báng như sư tử, lang thang một cách hoang dã, không có người chăn dắt, vô luật pháp như con dê: và giống như con rắn được thấy trong Khải Huyền, *dùng vòi của nó quét sạch một phần ba các vì sao trên trời, và quăng chúng xuống đất*[76] : Cũng như vậy, sa mạc Bryn với những cái đuôi giống rắn của nó, những vị thầy (tôi nói) giống như rắn, được gửi đến các thành phố và làng mạc, hất văng những linh hồn của người Chính Thống Giáo khỏi bầu trời Giáo Hội như những vì sao, và quăng họ xuống vực thẳm của chính nó. Không có đức tin Bryn, không có đức tin cổ xưa, mà chỉ có đức tin *mới*, *một ảo tưởng* mới.

Chương 21. Về các truyền thống của Giáo hội

Phân tích đức tin cổ xưa dựa trên các truyền thống của Giáo hội.

Từ thuở ban đầu, đức tin thánh thiện không chỉ được củng cố bởi các sách Phúc Âm, các thư của các Tông Đồ, những lời dạy của các vị thầy vĩ đại, và các tín điều của các công đồng toàn cầu, mà còn được thiết lập bởi các truyền thống của họ. Điều này có thể thấy rõ qua lời của Thánh Tông đồ Phaolô, khi ngài nói với các tín hữu Cô-rinh-tô: *"Tôi khen ngợi anh em, hỡi anh em, vì anh em nhớ tất cả những gì tôi đã dạy, và như tôi đã truyền lại cho anh em, hãy giữ vững những truyền thống ấy"*[77] , và khi ngài nói với các tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca: *"Vì vậy, hỡi anh em, hãy đứng vững và giữ vững những truyền thống mà anh em đã được dạy, dù là bằng lời nói hay qua thư từ của chúng tôi"*[78] . Về điểm này, Thánh Xê-đô-xít đã viết như sau: "Từ đây rõ ràng thấy rằng các Tông đồ không chỉ truyền lại mọi điều qua thư tín, mà còn có nhiều điều được truyền lại mà không cần văn bản[79] ; cả hai cách đều đáng tin cậy. Vì vậy, *truyền thống của Giáo hội* cũng được coi là *đáng tin cậy*, và Thánh Xê-đô-xít đã tuyên bố:

"Truyền thống là vậy, đừng tìm kiếm gì hơn nữa."

Các truyền thống được chia thành hai loại: loại thứ nhất liên quan đến các tín điều của đức tin, chẳng hạn như về bảy bí tích và việc tôn kính các thánh tích của Thiên Chúa một cách đạo đức; loại thứ hai liên quan đến nghi thức và lễ nghi (lễ nghi) của Giáo hội, chẳng hạn như về việc cử hành các lễ hội, việc tuân giữ các thời kỳ chay tịnh, về việc tưởng niệm những người đã qua đời, và về các nghi thức và quy định khác của Giáo hội; những điều này, dù không được ghi chép trong Thánh Phúc Âm và Sách Các Tông Đồ, cũng không phải là chính bản thân đức tin – như đức tin vào Đức Chúa Trời duy nhất và vô hình – nhưng vì chúng là truyền thống của Giáo hội và là dấu hiệu rõ ràng của đức tin chân chính nơi người có đức tin chính thống; vì thế, chúng ta phải gìn giữ chúng, theo lời khuyên của Thánh Xa-la-tô: "Đó là truyền thống, đừng tìm kiếm điều gì hơn thế nữa."

Còn chúng ta cần xem xét, Thánh Vladimir đã mang những truyền thống nào cùng với đức tin thánh thiện từ Hy Lạp sang Nga; và nếu ai giữ gìn những truyền thống đó, vốn được Thánh Vladimir mang đến cùng với đức tin, thì người ấy đang giữ đức tin cổ xưa: còn ai không giữ gìn những truyền thống đó, thì không có đức tin cổ xưa, mà tự mình sáng tạo ra một đức tin mới nào đó.

---

[74] Luca 23, câu 12
[75] Từ điển Onomasticon của Gesner
[76] Khải Huyền 12, câu 4
[77] 1 Cô-rinh-tô 11
[78] 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:15.
[79] Bài giảng 4

Từ thuở ban đầu của đức tin tại Nga, Giáo hội Chính thống Nga của chúng ta đã duy trì toàn vẹn và bất di bất dịch mọi bí tích của Giáo hội, theo các nghi thức và lễ nghi đã được thiết lập từ xa xưa, và được Thánh Vladimir mang đến Nga cùng với đức tin: vì đức tin của chúng ta chính là đức tin cổ xưa.

Còn những người Brynya thì không tuân giữ các bí tích của Giáo hội, mà còn khinh bỉ chúng: bởi vì đức tin của họ không phải là đức tin cổ xưa, mà là một thứ đức tin *mới* nào đó.

Và như mọi người đều biết, người Brynyan không tuân giữ các bí tích thánh.

Họ không có nghi thức Rửa tội thánh, theo nghi thức của Giáo hội.

Họ cũng không có nghi thức xức dầu thánh, vốn được thực hiện trong lễ rửa tội.

Họ cũng không có Thánh Thể, tức là việc rước Mình và Máu Thánh Chúa Kitô.

Họ cũng không có chức linh mục.

Họ cũng không có bí tích xưng tội và sự tha thứ tội lỗi.

Họ cũng không có hôn nhân chính thức, bởi vì họ kết hôn mà không có lễ cưới; và ngay cả khi họ tổ chức lễ cưới, thì cũng không đúng nghi thức, do những người tự xưng là linh mục nhưng chưa được thánh hiến, hoặc do những kẻ trốn chạy bị cấm hành nghề: điều này là do nhiều người trong số họ đã phục hồi tà thuyết của phái Nicolaít, cho phép mỗi người có nhiều vợ, điều này sẽ được đề cập trong phần thứ ba.

Cũng không có lễ xức dầu thánh trong họ.

Và bởi vì tất cả các bí tích thánh, từ xưa đến nay được Giáo hội thánh gìn giữ, và cùng với Đức Tin được Vladimir mang đến Nga, thì người Brynya đã từ chối: vì họ đã từ chối cả đức tin cũ, lại còn tự sáng tạo ra một đức tin mới cho riêng mình; và làm sao họ không cảm thấy xấu hổ khi gọi đức tin cũ của mình là "đức tin", trong khi đã từ chối mọi truyền thống cổ xưa của Giáo hội, và trong lòng họ chẳng còn chút dấu vết nào của đức tin cũ?

Từ khi đức tin bắt đầu ở Nga, các nhà thờ của Chúa đã được xây dựng, các thánh lễ được cử hành trong đó, các lễ vật và của lễ dâng lên cho những người còn sống và những người đã qua đời.

Ở Brynyan thì không có điều đó: bởi vì ở đó cũng không còn đức tin xưa nữa.

Từ khi đạo được truyền vào Nga, các bức tượng thánh cũ và mới đều được tôn kính như nhau, bởi vì lúc bấy giờ đất nước Nga không chỉ hài lòng với những bức tượng thánh do người Hy Lạp mang đến, mà còn bắt đầu vẽ những bức tượng mới tại chính đất nước mình.

Còn hiện nay, người Brynyan chỉ tôn kính các bức tượng thánh cổ, còn từ chối các bức tượng thánh mới: bởi vì trong họ không còn đức tin Nga cổ xưa nữa, mà là một đức tin *mới* nào đó.

Từ khi đạo Kitô du nhập vào Nga, cả thánh giá bốn cánh lẫn thánh giá tám cánh đều được tôn kính như nhau; bằng chứng rõ ràng cho điều này là thánh giá bốn cánh do Vladimir từ Cherson mang về, và cho đến ngày nay vẫn còn được trưng bày tại Moscow, trong Nhà thờ Chính tòa Lớn, đặt trên bàn thờ phía sau ngai thánh.

Còn người Brynya chỉ chấp nhận thánh giá tám cánh, còn thánh giá bốn cánh thì họ từ chối; bởi vì họ không còn theo đức tin cổ xưa của Nga nữa, mà là một đức tin *mới* nào đó.

Chương 22. Về việc tôn kính Thánh Kinh

Từ khi đức tin du nhập vào Nga, người ta đã tiếp nhận truyền thống của Giáo hội, đó là tôn kính cuốn Thánh Phúc Âm, được mang ra từ bàn thờ đến trước dân chúng vào các buổi lễ sáng Chủ nhật sau khi đọc Phúc Âm Chủ nhật, để mọi người có thể cúi lạy và hôn lên cuốn sách đó.

Còn những người Brynya thì dạy không nên thờ lạy Phúc Âm Thánh; bởi vì họ không theo đức tin Nga cổ xưa, mà là một đức tin *mới* nào đó.

Và việc người Brynyan dạy không được thờ lạy Sách Phúc Âm Thánh, điều này được thể hiện rõ qua các bức thư của Erofey Andreev, môn đệ của Avvakum, cùng các đồng sự của ông, những người đã viết như sau: "Việc thờ lạy Sách Phúc Âm, tức là cuốn sách được viết bằng mực, là phong tục của người Tatar."

Hỡi những người trung thành với đức tin, hãy nghe những lời của vị "hiền nhân" ly giáo điên rồ ấy, những lời đáng bị chế giễu. Hắn nói rằng việc cúi lạy Thánh Phúc Âm là phong tục của người Tatar. Liệu trong tín ngưỡng của người Tatar đã từng có Thánh Phúc Âm nào mà họ, những người Tatar, phải cúi lạy chưa? Chẳng phải rõ ràng là tên ly giáo đó đang nói dối và mê sảng, đồng thời lên án chúng ta như thể chúng ta đang cúi lạy mực mà Thánh Phúc Âm được viết bằng sao? Nhưng, hỡi kẻ dị giáo khốn nạn, kẻ đã mất đi lý trí sáng suốt và đức tin chân chính! Ngươi có biết cách những Kitô hữu chính thống tôn kính Thánh Kinh không? Nếu ngươi không biết, hãy nghe đây:

Khi chúng ta cúi lạy Thánh Phúc Âm, chúng ta không cúi lạy vật chất, không cúi lạy những tấm ván được dát bạc hay vàng, không cúi lạy giấy, không cúi lạy mực, mà là Lời Chúa được ghi chép trong Phúc Âm. Cũng như khi chúng ta cúi đầu trước các thánh tượng, chúng ta không cúi đầu trước những tấm ván, không phải trước sơn màu, không phải trước các bản vẽ, cũng không phải trước vật chất, mà là trước hình ảnh khuôn mặt của vị thánh; và cũng như khi chúng ta cúi đầu trước Thánh Giá, chúng ta không cúi đầu trước vật chất, không phải trước cây gỗ hay bất kỳ chất liệu nào, từ đó Thập tự giá được làm ra, chúng ta không nhìn thấy bốn đầu hay tám đầu, nhưng khi nhìn thấy bất kỳ Thập tự giá nào, chúng ta nhớ lại sự đau khổ của Chúa, và chúng ta cúi đầu trước sự đau khổ của Chúa: cũng vậy, khi cúi đầu trước Phúc Âm thánh, chúng ta không tôn kính vật chất, mà là Lời Chúa.

Các ngươi, những kẻ khốn nạn ở Brynya, khi từ chối tôn kính Thánh Kinh, cũng sẽ từ chối tôn kính Lời Chúa, điều mà Giáo hội thánh thiện từ xưa đến nay vẫn luôn tôn kính. Và vì các ngươi từ chối truyền thống sùng đạo cổ xưa của Giáo hội; bởi vì trong các ngươi không còn đức tin Nga cổ xưa nữa, mà là *một đức tin mới* nào đó.

Chương 23. Về những người chưa được thánh hiến mà lại thực hiện các nghi lễ thánh

Từ khi đức tin được truyền bá tại Nga, các linh mục đã cử hành các nghi lễ thánh trong Nhà thờ của Đức Chúa Trời; còn những người chưa được thụ phong không chỉ không được phép cử hành các nghi lễ thánh, mà thậm chí còn không được phép chạm vào các vật thánh của Đức Chúa Trời.

Còn ở phe ly giáo, những người đàn ông và phụ nữ chưa được thụ phong lại thực hiện các nghi lễ thánh, như đã được biết rõ tại một số nơi trong Giáo phận của chúng ta.

Tại một thành phố (tôi không nêu tên thành phố đó), có một người đàn ông chưa được thụ phong, dù biết chữ, tự xưng là linh mục, và ẩn náu trong các hầm ngầm của những ngôi nhà thuộc phe ly giáo trong một thời gian dài, đã cử hành Thánh lễ dù chưa được thụ phong, ban Thánh Thể cho những người bí mật theo phe ly giáo, và thực hiện tất cả các bí tích cho họ. Nhưng những hành động đó có ý nghĩa gì, sức mạnh ra sao, sự thánh hiến như thế nào, khi một người đàn ông chưa được phong chức lại thực hiện?

Người ta kể lại ở Rostov chúng tôi rằng, vào thời của vị tổng giám mục quá cố, người được tưởng nhớ với lòng kính trọng, Đức Cha Iona, Tổng giám mục Rostov, không xa thành phố, bên kia hồ, tại một ngôi làng nọ, có một cô gái đến từ nhóm tà giáo độc ác, ẩn náu trong hầm ngầm của một nông dân, cô ta đã bí mật cử hành một nghi lễ Thánh Thể dị giáo, nghe xưng tội và ban Thánh Thể cho mọi người, không chỉ những người dân thường mà cả các linh mục nữa: vì có một số linh mục điên rồ cũng lén lút đến xưng tội với cô ta và nhận Thánh Thể bất chính từ tay cô. Thật là sự điên rồ tột độ! Thế thì việc cử hành thánh lễ ở đó ra sao? Việc rước lễ ra sao? Việc tha tội ra sao? Việc thực hiện các bí tích khác do một người phụ nữ cử hành thì ra sao? Đó có phải là đức tin cổ xưa không? Điều đó có từng xảy ra trước đây vào thời các thánh tổ phụ của chúng ta ở Nga không? Chắc chắn là không.

Vì vậy, đức tin ly giáo không phải là đức tin cổ xưa, mà là đức tin *mới*, thậm chí còn là sự mê tín, chứ không phải là đức tin.

Trong số họ cũng có những linh mục đã được thánh hiến, nhưng là những người không có chức vụ, những kẻ trốn chạy, những người hoặc bị các giám mục của họ tước quyền cử hành thánh lễ vì một tội lỗi nào đó, hoặc tự mình đã sa ngã khỏi đức tin chân chính; những người này đang cử hành một số bí tích tại các nơi ở ở Bryn. Điều này thật kỳ lạ đối với chúng tôi, vì người Brynya không chấp nhận những cuốn sách mới in, nhưng lại chấp nhận những linh mục mới được bổ nhiệm; họ ghê tởm những cuốn sách mới, nhưng lại yêu mến những linh mục mới. Nếu các ngươi, hỡi người Brynya, từ chối những cuốn sách mới, thì các ngươi cũng nên từ chối cả những linh mục mới được bổ nhiệm; còn nếu các ngươi chấp nhận những linh mục mới được bổ nhiệm, thì các ngươi cũng phải chấp nhận cả những cuốn sách mới.

Chương 24. Về Phúc Âm của Avvakum

Từ khi đức tin được truyền bá ở Nga, chỉ có duy nhất Phúc Âm của Chúa Kitô, được viết bởi bốn vị Thánh Tông Đồ là Matthêu, Marcô, Luca và Gioan, được chấp nhận; và cho đến nay, chưa từng có Phúc Âm nào khác ngoài Phúc Âm của Chúa Kitô.

Tuy nhiên, tại Brynyan lại xuất hiện một bản Tin Mừng mới khác, không phải của Chúa Kitô, mà là của Avvakum: Vì Avvakum, một kẻ giảng dạy sai lầm, nổi tiếng trong giới ly giáo, đã viết cuốn sách của mình, chứa đầy những tư tưởng dị giáo, và đặt tên cho nó là: *"Tin Mừng Vĩnh Cửu", rằng:* "Không phải do ta viết, mà là do ngón tay của Đức Chúa Trời."

Và bởi vì ở họ, ngoài Phúc Âm cũ của Chúa Kitô, còn có một Phúc Âm mới khác của Avvakum, không phải là Phúc Âm của Chúa Kitô; nên đức tin của họ cũng trở nên *mới*, chứ không phải cũ.

Chúng tôi hoàn toàn không biết chính xác điều gì trong Phúc Âm mới đó – không phải của Chúa Kitô mà là của một nhà truyền giáo thuộc Satan – mà người ấy đã viết; bởi vì chính cuốn sách đó của ông ta chúng tôi vẫn chưa nhận được: tuy nhiên, qua các bản sao thư từ của ông ta, có thể nhận thấy rằng ông ta không viết gì khác, ngoài những lời phỉ báng chống lại Thánh Ba Ngôi, chống lại sự nhập thể của Con Thiên Chúa, như chúng tôi đã nêu rõ ở trên, và những lời nói xấu phỉ báng chống lại Giáo hội của Chúa Kitô, dựa trên những suy luận dị giáo độc ác của ông ta.

Chương 25. Về Fedka, phó tế

Chúng ta hãy nhắc lại một điều nữa từ các bản sao thư của ông ta. Avvakum viết cho Fyodor, phó tế, môn đệ của mình, về Thánh Ba Ngôi như sau: "Fyodor ơi, Fyodor ơi! Theo cách nghĩ của ngươi, Thánh Ba Ngôi chỉ là một thực thể, một khuôn mặt và một hình ảnh; ôi, thằng con của con điếm, con chó mắt lé, thằng ngốc khốn khổ! Nếu con không hiểu được sức mạnh trong sách vở, thì hãy đi hỏi một bà lão nông dân: 'Xin bà hãy nói cho con biết, thưa bà, về Thánh Ba Ngôi, Thánh Ba Ngôi là gì?' Bà ấy sẽ trả lời và nói cho con nghe; và con, Fedka, hãy cúi đầu, thằng con hoang, thằng chó mắt lé, xuống đất trước mặt bà lão đó. Thật là một điều kỳ diệu đối với tôi, kẻ tội lỗi này, khi bà lão ấy trả lời hay đến thế. Hãy hỏi bà ấy như thế này: "Thế nào là bản thể của Đức Chúa Trời?" và bà ấy sẽ trả lời và nói với ngươi."

Hỡi những người tin Chúa, các ngươi có nghe thấy không, những lời lẽ của tên truyền giáo giả mạo, kẻ ly giáo đó được soạn thảo khéo léo đến mức nào, hãy tận dụng đi. Những lời nói đó của hắn chẳng phải đáng cười sao? Sao hắn không thấy xấu hổ khi viết ra? Và sao bây giờ những kẻ ly giáo lại không thấy xấu hổ khi coi những lời nhảm nhí đó như Phúc Âm? Liệu cách diễn đạt trong các Phúc Âm của Chúa Kitô – ở Matthêu, Marcô, Luca và Gioan – có như vậy không? Ôi, trí óc của kẻ thô lỗ!

Chương 26. Về chức vụ thủ lĩnh của Avvakum

Và cùng một kẻ tự xưng là tác giả Phúc Âm giả mạo đó còn viết những điều điên rồ này trong thư từ của mình:

Và khi nào chúng ta sống lại từ cõi chết, thì Chúa sẽ phong ta làm *thủ lĩnh*.

Những lời mê sảng của tên thánh giả đó quả thực đáng cười! Ai từng nghe nói đến chức vụ thủ lĩnh trong các hàng ngũ thánh nhân? Chúng ta nghe nói đến hàng ngũ các Tiên tri, hàng ngũ các Tông đồ, hàng ngũ các vị tử đạo, hàng ngũ các vị thánh, hàng ngũ các vị đáng kính! và các hàng ngũ thánh nhân khác: nhưng chức vụ thủ lĩnh giữa các thánh nhân thì chúng ta chưa bao giờ nghe nói đến.

Đó là một chức vụ mới do Abakum, tên tu sĩ Nga, bịa ra, và đức tin của họ cũng là *đức tin mới,* chứ không phải đức tin cũ.

Chương 27. Về thị kiến của Avvakum

Chính tên Avvakum, kẻ truyền giáo giả mạo và thầy giáo giả mạo gây chia rẽ, đã củng cố những giáo lý điên rồ của mình bằng một thị kiến kỳ diệu nào đó mà hắn đã trải qua; về thị kiến đó, hắn viết như sau:

"Tôi đã nhịn ăn 14 ngày trong Mùa Chay Lớn, và thấy chính mình trở nên vĩ đại, tay, chân, răng, và toàn thân lan tỏa khắp cả bầu trời; rồi sau đó, Đức Chúa Trời đã đặt vào trong tôi cả trời, đất và mọi loài thọ tạo."

Ôi, ảo ảnh kỳ diệu làm sao! Ôi, vị thánh nhân thực sự! Ông đã nuốt chửng trời, đất và toàn thể muôn loài, nuốt chửng bằng cổ họng mình, nhét vào bụng mình! Chắc hẳn ông đã đói khát đến cùng cực, sau 14 ngày ăn chay, ông chỉ muốn ăn đến mức không chỉ đá, mà cả trái đất cùng bầu trời và toàn thể muôn loài cũng bị ông nuốt chửng. Làm sao bụng hắn lại không bị chật ních! Và thật kỳ lạ là hắn lại không nuốt chửng các môn đệ của mình. Tôi nghĩ rằng, linh hồn của họ đã bị hắn nuốt chửng từ lâu rồi, và bị hắn đẩy xuống địa ngục.

Kẻ tạo ra những phép lạ giả dối ấy đã trở thành một người khổng lồ vĩ đại; chẳng phải hắn là anh em ruột của gã khổng lồ mà thánh Antôn Vĩ Đại xưa kia đã từng thấy, người mà chính ngài đã kể lại, rằng: "Thỉnh thoảng quỷ dữ gõ cửa tu viện, và khi tôi ra ngoài, tôi thấy một người khổng lồ vượt xa mọi thước đo, đầu ngẩng cao chạm tới tận trời, và khi tôi hỏi hắn: 'Ngươi là ai?' hắn đáp: "Ta là Satan[80] ."

Nhưng Avvakum còn vĩ đại hơn cả Satan đó; vì ngài đã lan tỏa khắp cả bầu trời, và thu nạp toàn bộ muôn loài vào lòng mình. Vị thánh hành phép lạ mới này là kẻ ly giáo: chúng ta không tìm thấy một ai như vậy trong số các vị thánh hành phép lạ thời xưa; bởi vì đức tin của họ là *mới,* chứ không phải cũ.

Chương 28. Về những người Akephalites

Nếu gọi đức tin ly giáo là đức tin cổ xưa, thì chỉ vì họ đã phục hồi những tà thuyết cổ xưa mà thôi. Họ đã phục hồi tà thuyết *Nestorius,* tà thuyết phỉ báng sự Nhập Thể của Thiên Chúa, như chúng ta đã vạch trần ở trên. Họ đã phục hồi tà thuyết *Akephalites,* xuất phát từ Sevirus "không đầu", về điều này vào ngày 30 tháng Tám, trong cuốn tiểu sử của Thánh Gioan Cappadocia, Tổng Giám mục Constantinopolis,[80] có ghi như sau:

Từ Sevir đáng nguyền rủa đã nảy sinh tà giáo *Akephalites,* tức là những kẻ "không đầu", được gọi như vậy vì họ không muốn phục tùng các giám mục Chính thống, những người đứng đầu các giáo hội, giống như đầu đứng đầu các chi thể khác; nhưng mỗi người tự coi mình là người lãnh đạo và thầy dạy, theo suy nghĩ điên rồ của cái đầu mình, và dưới sự dẫn dắt của các giám mục và linh mục dị giáo của họ, họ không tuân theo nghi thức rửa tội thông thường của Giáo hội, cũng như không cử hành Thánh lễ. Họ rước lễ bằng Thân Thể Chiên Con của Chúa Kitô, vốn đã được chuẩn bị và giữ gìn từ lâu, khi tụ họp vào những ngày Lễ Phục Sinh, và chia nhỏ nó thành những phần nhỏ nhất; rồi mỗi người, tùy ý mình, tự tạo ra cho mình một đức tin sai lầm, và tự ý nhận lấy quyền giảng dạy, dạy dỗ người khác theo sự ngụy biện *của mình*, và từ họ đã nảy sinh ra nhiều tà thuyết khác, trong đó có một tà thuyết chống lại các tín hữu; về những điều này, Nikiforos Kallistos, nhà sử học Giáo hội Hy Lạp, đã viết trong cuốn 18, chương 45.

Hãy lắng nghe và suy ngẫm, hỡi những người theo Chính Thống Giáo! Liệu niềm tin ly giáo của Bryn có giống như những tà thuyết vô căn cứ ấy chăng? Quả thực là giống, và không chỉ giống, mà thực sự chính là như vậy; vì họ chẳng có nhà thờ, chẳng có linh mục, chẳng có Thánh Lễ, chẳng có việc rước lễ các Bí tích thánh, chẳng có phép rửa tội theo nghi thức Giáo hội, cũng chẳng tuân phục các giám mục Chính Thống, mà hoàn toàn không có *người lãnh đạo,* giống như những người Akefalites thời xưa. Vì vậy, do sự hồi sinh của các tà giáo cổ xưa, đức tin của họ có thể được gọi là đức tin tà giáo cổ xưa, chứ không phải là đức tin Chính Thống.

Này, hỡi những người tin lành yêu dấu, những con chiên chân chính trong đàn chiên của Đấng Christ, và những con cái chân thành của Hội Thánh thánh thiện của Ngài! Chúng ta đã dùng lý luận sáng suốt để bóc trần quả đầu tiên từ vườn Bryn, tức là *đức tin* sai lầm của họ, và qua sự điều tra kỹ lưỡng, chúng ta đã tìm ra hai điều sau:

Liệu đức tin của họ có phải là đức tin chân chính hay không?

Và liệu đức tin của họ có phải là đức tin cổ xưa không?

Và chúng ta đã tìm thấy trong quả đó, giống như trong quả táo đỏ rực của Sodom, không phải vị ngọt ngào, mà là bụi bẩn hôi thối và tro tàn; ta nói rằng: đức tin của họ không phải là đức tin chân chính, mà là đức tin sai lầm; và đức tin của họ không phải là đức tin cổ xưa, mà là đức tin mới.

Chương 29. Niềm tin ly giáo trong phong tục

Làm sao họ có thể có đức tin chân chính và đích thực, khi họ thậm chí còn không biết đức tin là gì? Chúng ta thường nghe thấy ở những người dân thường rằng, họ không chỉ coi những thói quen và phong tục của mình là không xấu, mà còn gọi những việc xấu xa nhất là đức tin. Hãy hỏi một người dân thường: Tại sao trong số các bạn lại có trộm cắp, cướp bóc, gây ra những vụ cướp? Họ sẽ trả lời: Đó là đức tin. Tại sao lại say sưa vô độ, chửi bới, cãi vã, đánh nhau? Đó là đức tin. Tại sao trong các ngươi lại xảy ra nhiều điều bất chính, lừa dối lẫn nhau, nói dối lẫn nhau, vu khống lẫn nhau? Đó là đức tin. Tại sao trong các ngươi lại xảy ra những việc xấu xa và vô cùng đồi bại, ngoại tình, dâm ô và những điều ghê tởm khác mà tai không thể nghe nổi? Đó là đức tin.

Ôi đức tin thánh thiện! Ôi danh hiệu vĩ đại và cao quý của đức tin! Ôi đức tin, chỉ an nghỉ trong một Đức Chúa Trời vô hình duy nhất! Ngươi đã bị những người dân thường làm ô uế đến mức nào, khi họ không chỉ gán ghép ngươi với những vật thể hữu hình và có thể sờ mó được, mà còn với những hành vi phạm pháp của họ, với việc trộm cắp, với sự say sưa, với những điều bất công, và với lối sống đồi bại của họ. Làm sao đức tin tốt lành lại có thể tồn tại trong những người như vậy?

---

[80] Trang 550 ở mặt sau.

Chương 30. Sự chính trực của đức tin Chính Thống

Còn chúng ta, những người Chính Thống, được hướng dẫn bởi ân sủng của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, chúng ta biết rõ đức tin là gì, và chúng ta giữ vững đức tin cổ xưa và thánh thiện, chính là đức tin mà Đức Kitô, Chúa chúng ta, đã truyền lại cho các môn đệ và Tông đồ thánh của Ngài, và các Tông đồ thánh đã rao giảng khắp toàn thế giới, đức tin ấy đã được các vị Thầy vĩ đại của Giáo hội giảng dạy, đã được các Công đồng Toàn cầu xác nhận, và đã được Thánh Vladimir mang từ Hy Lạp về Nga; trong đức tin ấy, các vị Thánh Cha và các vị Thánh làm phép lạ của Nga – những ngọn đèn sáng chói của Giáo hội và ánh sáng cho thế giới – đã tỏa sáng rực rỡ.

Chúng con tin vào một Thiên Chúa vô hình, được tôn vinh trong Ba Ngôi Thánh: Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

Trong Thánh Ba Ngôi, chúng tôi không phân chia bản thể Thiên Chúa, cũng không hòa trộn các Ngôi Vị; nhưng cùng với Thánh Anrê người Crete, chúng tôi tuyên xưng như sau: "Tôi tôn thờ Ngài là Thiên Chúa Ba Ngôi duy nhất, có bản thể không thể chia cắt, các Ngôi Vị không thể hòa trộn, là Đấng đồng trị và đồng ngai"[81] . Và như chúng ta tin bằng lòng, chúng ta cũng xưng nhận bằng miệng, ngày ngày tôn vinh Thánh Ba Ngôi không thể tách rời, và thốt lên:

Vinh quang thuộc về *Ba Ngôi Thánh, đồng bản thể,* ban sự sống và *không thể tách rời,* muôn đời, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời muôn thuở.

Chúng ta tin và xưng nhận một cách chân thật về sự Nhập Thể của Con Thiên Chúa, vì chính Ngài, với bản thể thần thánh của mình, đã nhập thể trong lòng Đức Trinh Nữ vô nhiễm, mà không tách rời khỏi Cha. Chúng ta không chia Con thành hai con, nhưng tuyên xưng Ngài là một và cùng một Đấng, vừa hiện diện trong lòng Trinh Nữ, vừa ở cùng Cha trên trời: vì Thần Tính không bị giới hạn bởi không gian.

Chúng tôi xưng nhận Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm là Mẹ Thiên Chúa đích thực, chứ không chỉ là Mẹ Đấng Kitô, mà là Đấng đã sinh ra, theo bản thể, Lời Thiên Chúa đã nhập thể trong Ngài, trong hai bản thể và hai bản tính, Thiên Chúa và con người, không hòa trộn, nhưng trong một nhân vị duy nhất của Đức Kitô, không thể tách rời.

Chúng ta không tách biệt Chúa Kitô khỏi Con Thiên Chúa, cũng không đặt Ngài trên một ngai vàng riêng biệt gần Thánh Ba Ngôi, như Avvakum và các môn đệ của ông đã làm, và chúng ta không biến Thánh Ba Ngôi thành Thánh Tứ Ngôi, nhưng chúng ta tin và tuyên xưng rằng Con Thiên Chúa và Chúa Kitô là một và cùng một thực thể, Đấng được gọi là Con Thiên Chúa và Con Người. Con Thiên Chúa theo bản tính Thiên Chúa, Con Người theo bản tính loài người; tuy nhiên, không phải là hai Con, mà là một Con duy nhất, như Giáo Hội đã hát một cách giáo lý trong Sách Lễ Tám Ngày, giọng thứ 6, trong giờ kinh chiều, rằng: "Không bị chia rẽ thành hai ngôi vị, nhưng được nhận biết trong hai bản tính không hòa trộn."

Đức tin của chúng ta không phải là mới, mà là cổ xưa: chúng ta kiên định giữ vững đức tin thánh thiện ấy, không chấp nhận bất kỳ sự mới mẻ hay tà thuyết nào. Chúng ta xưng nhận đức tin ấy, tôn kính đức tin ấy, và nhờ ân sủng và sự trợ giúp của Đức Chúa Trời, chúng ta chắc chắn sẽ được cứu rỗi nhờ đức tin ấy.

Ngoài ra, tất cả các bí tích thánh, mọi nghi thức và lễ nghi *(nghi lễ),* cùng các tập tục của Giáo hội theo truyền thống và hiến chương của các Thánh Tổ phụ, chúng ta đều tuân giữ một cách kiên định và bất di bất dịch, như Thánh Vladimir người Hy Lạp đã mang đến Nga, và cho đến nay chúng ta vẫn duy trì nhờ ân sủng của Đức Kitô.

Nhưng đã đến lúc phải bắt tay vào một cuộc tìm kiếm khác.

Phần II. Về giáo lý ly giáo

Sau khi xem xét thành quả đầu tiên từ vườn Bryn ly giáo, và sau cuộc điều tra kỹ lưỡng về đức tin sai lầm của họ, chúng ta phải đối mặt với một thành quả khác của họ, như một quả táo Sodom khác, để thử thách, đó là *giáo lý* của họ, mà họ, những kẻ thù của Giáo hội Chúa Kitô, xuất phát từ những tổ ấm ma quỷ ở Bryn, đang gieo rắc giữa những người chính thống tại các thành phố và làng mạc một cách bí mật, như cỏ dại giữa lúa mì.

Người Bryn tuyên bố giáo lý của họ là có lợi cho linh hồn.

Vậy, nền tảng cho cuộc điều tra này phải được đặt như sau:

---

[81] Bài thánh ca lớn, vào thứ Năm tuần thứ 5 của Mùa Chay, bài hát thứ 4, Lời ngợi khen.

Giáo lý nào không có dối trá, không có dị giáo, cũng không có sự phỉ báng các điều thánh thiêng thì mới là giáo lý có lợi cho linh hồn.

Còn nếu trong một giáo lý nào đó có sự dối trá, dị giáo và sự phỉ báng các điều thánh thiêng; thì giáo lý đó không có lợi cho tâm hồn, mà là có hại cho tâm hồn.

Vậy, chúng ta hãy thực sự tìm hiểu *ba điều sau đây* về giáo lý ly giáo của Bryn*:*

1) *Giáo lý của họ có phải là sự thật không?*

2) *Giáo lý của họ có phải là dị giáo không?*

3) *Liệu* trong *giáo lý của họ có sự phỉ báng các điều thánh thiêng hay không?*

Bài viết thứ nhất

Chương 1. Giáo lý phải xuất phát từ một vị thầy chân chính

Giáo lý chân chính là giáo lý xuất phát từ miệng của một vị thầy chân chính, chứ không phải giả dối.

Còn vị thầy chân chính là người không tự ý tự phong cho mình chức vụ thầy, mà được Hội Thánh của Đức Chúa Trời bổ nhiệm nhờ ân sủng của Đức Thánh Linh, và được sai đi rao giảng, giống như vào thời các Tông đồ, các thầy dạy đã được Hội Thánh sai đi bởi Thánh Thần, điều này có thể thấy trong Sách Công Vụ Các Tông Đồ, chương 15, nơi có chép như sau: *"Những người đang phụng sự Chúa và ăn chay," Thánh Thần phán: "Hãy tách ra cho Ta Ba-na-ba và Sa-lô-môn để làm công việc mà Ta đã kêu gọi họ." Sau đó, họ đã ăn chay, cầu nguyện, rồi đặt tay lên họ và tiễn họ đi. Những người này, vì được Thánh Thần sai đi, đã xuống Seleucia*[82] . Và một lần nữa, trong chương 15 có chép: *Chúng tôi* (Hội Thánh Giê-ru-sa-lem)*, những người đã tụ họp lại với lòng đồng nhất, đã quyết định sai những người được chọn đến* với *các anh em* (Hội Thánh An-ti-ô-khia), cùng với *những người thân yêu của chúng tôi là Ba-na-ba và Phao-lô, những người đã hiến dâng linh hồn mình vì danh Chúa Giê-su Christ của chúng ta: chúng tôi đã sai Giu-đa và Si-la, cùng những người cũng rao giảng điều tương tự. Vì vậy, xin hãy tuân theo Thánh Thần và chúng tôi*[83] , cùng những điều khác được ghi chép ở đó.

Còn về các Thánh Tông Đồ, chức vụ giảng dạy được đảm nhận bởi các giám mục, các linh mục và những người khác thuộc hàng giáo phẩm đã được thánh hiến. Họ đảm nhận chức vụ này theo ý muốn của Thánh Thần, bởi vì họ được bầu chọn và thánh hiến một cách đúng đắn.

Những vị thầy ấy là chân thật, không sai lầm, và giáo lý của những vị thầy ấy là chân thật, không sai lầm, vì được Thánh Thần phán truyền.

Hãy xem đây: các thầy giáo ly giáo ở Brynski được sai phái bởi ai? Phải chăng là bởi Thánh Thần? Hay bởi Hội Thánh của Đấng Christ? Hoàn toàn không phải. Họ không có Giáo hội; họ đã từ chối dấu ấn của ân sủng Thánh Thần, được ban tặng qua việc xức dầu khi rửa tội, gọi đó là dấu ấn của Antichrist, và họ cũng không có các bí tích khác được Thánh Thần hoàn tất. Vì không có các bí tích, nên họ không có Thánh Thần, Đấng ngự xuống trên các bí tích; và vì không có Thánh Thần, nên họ không được bổ nhiệm, cũng không được sai đi để rao giảng và dạy dỗ từ Ngài. Vì không được sai đi bởi Thánh Thần và Hội Thánh thánh thiện, nên họ không phải là những nhà giảng dạy chân chính, mà là những kẻ giả mạo, tự mình chiếm đoạt chức vụ giảng dạy. Vì vậy, giáo lý của họ không phải là chân lý, mà là *sự dối trá.* Về những nhà giảng dạy như thế, Đức Chúa Trời đã phán qua lời tiên tri Giê-rê-mi: *"Ta không sai các tiên tri, nhưng họ vẫn đi; Ta không phán với họ, nhưng họ vẫn tiên tri"*[84] . Nhưng chính vị Tông đồ cũng đã phán: *"Làm sao họ có thể rao giảng, nếu họ không được sai* đi?"[85] ? Nếu những kẻ dạy dỗ sai lầm không được sai đi bởi Đức Chúa Trời, thì họ được sai đi bởi ai? Quả thật, không phải bởi ai khác, ngoài chính Sa-tan, kẻ là cha của sự dối trá và là nguồn gốc của mọi sự bất chính; và không phải Thánh Thần phán qua miệng họ, mà là thần dối trá, từng phán qua miệng các tiên tri dối trá xưa kia dưới thời Thánh Tiên Tri Mi-chê, để lừa dối vua A-háp của Y-sơ-ra-ên; ai muốn biết điều này, hãy xem trong Sách Các Vua 5, chương 22, và trong Sách Các Vua 2, chương 18.

---

[82] Công vụ 13:2 và tiếp theo.

[83] Công vụ 15:25 và tiếp theo.

[84] Giê-rê-mi 23:21.

[85] Rô-ma 10:15.

Chương 2. Sự dạy dỗ phải đến từ một thầy giáo tài giỏi

Một lần nữa:

Giáo lý chân chính là giáo lý phát xuất từ miệng những vị thầy thông thạo Kinh Thánh, đầy dẫy sự khôn ngoan của người dạy dỗ, am hiểu sức mạnh của Kinh Thánh thánh thiêng, và có khả năng giải thích đúng đắn. Vì vậy, người thầy không chỉ phải được thánh hóa, được Hội Thánh đặt vào chức vụ giảng dạy bởi Đức Thánh Linh, mà còn phải là người khôn ngoan, có trí tuệ đầy đủ, theo lời chính Đức Chúa Trời phán trong lời tiên tri: *"Hãy giữ lấy trí tuệ từ miệng các thầy tế lễ, và tìm kiếm luật pháp từ miệng họ*" ([86]).

Còn giáo lý ly giáo thì không xuất phát từ những đôi môi khôn ngoan như vậy, bởi vì các thầy dạy của họ không những không được Giáo hội phong chức giáo viên bởi Thánh Thần, mà còn không thông thạo Kinh Thánh, không hiểu được sức mạnh của nó, cũng không thể giải thích đúng đắn, mà chỉ là những người đàn ông rất đơn sơ, trong số đó có nhiều người làm thầy, thậm chí còn không biết chữ cái. Không chỉ có những người đó, mà cả những người phụ nữ trong số họ cũng dạy dỗ, trong khi họ lẽ ra phải im lặng theo lệnh của các Tông đồ: *"Phụ nữ trong Hội Thánh phải im lặng, vì họ không được phép nói* (tức là dạy dỗ), *nhưng phải vâng phục*[87] : và một lần nữa: *'Phụ nữ phải học trong sự im lặng với mọi sự vâng phục'; còn tôi không cho phép phụ nữ dạy dỗ*[88] ." Nhưng trong tín ngưỡng sai lầm ở Bryn, người ta không tuân theo mệnh lệnh của các Tông đồ, và phụ nữ lại chiếm lấy chức vụ giảng dạy. Bởi vì giáo lý của họ không phải là chân lý, mà là *sự dối trá.*

Vì người dân thường thiếu học thức không những không thể dạy đúng về các giáo lý đức tin, mà còn khó có thể tự mình bước đi trên con đường chính đạo, khi họ chỉ tin tưởng vào trí tuệ đơn sơ, thiếu học thức của mình, đồng thời khinh thường các thầy dạy chân chính. Từ đó, các tà giáo, mâu thuẫn và sự chia rẽ nảy sinh, vì những kẻ dốt nát dám thử nghiệm và giảng dạy về đức tin. Thánh Anastasius thành Nicaea và Thánh Gioan Vàng Miệng đã nói rất đúng: "Thật là một điều ác lớn lao khi không hiểu Kinh Thánh, và giống như trở thành loài vật vô tri; vì vô số điều ác nảy sinh từ sự thiếu hiểu biết về Kinh Thánh. *Từ đó, những tai họa* lớn lao *của tà giáo* đã nảy nở, từ đó là lối sống lơ là, những công việc vô ích, sự mù quáng của tâm hồn, và sự cám dỗ của ma quỷ. Cũng như những người mù lòa về thể xác không thể đi trên con đường chính trực: những ai không hiểu Kinh Thánh của Đức Chúa Trời, cũng không hướng mắt về những tia sáng ấy, sẽ vấp ngã[89] .

Còn những người ở Brynya, dù không hiểu Kinh Thánh của Đức Chúa Trời, nhưng lại tự cho mình là khôn ngoan và tưởng rằng mình đang đi trên con đường đức tin chính đáng, và họ dám rao giảng. Còn những ai trong số họ biết đọc biết viết, những người mà trong tâm trí lóe lên một tia sáng nhỏ nhoi của sự hiểu biết, thì tự coi mình là những nhà thần học vĩ đại, và kiêu ngạo tự cho mình là những thầy dạy đức tin không ai sánh kịp. Còn những ai thực sự là các nhà thần học và những nhà giảng dạy chân chính, những người từ thuở thiếu thời đã cống hiến cả cuộc đời cho việc học hỏi, những người mà những mầu nhiệm của Kinh Thánh đã được mặc khải, và ánh sáng trọn vẹn của trí tuệ đã chiếu rọi; những người đó, họ lại gọi là những kẻ dị giáo, những kẻ lầm lạc, những kẻ không biết con đường chân lý. Những kẻ mù nói với những người sáng mắt: "Các ngươi không thấy gì cả"; những kẻ lầm lạc nói với những người đang đi trên con đường chân lý: "Các ngươi đang đi sai đường"; và những kẻ ngu dốt quấy rầy những người khôn ngoan: "Các ngươi chẳng biết gì cả." Nhưng xin hãy suy xét, tôi khẩn cầu, ai nhìn thấy ánh sáng nhiều hơn: người nhìn ra sân từ một lỗ hổng trong ngôi đền tối tăm, hay người mở cửa sổ ra và nhìn thấy ánh sáng? Ai hiểu rõ hơn về ánh sáng của đức tin thánh thiện và con đường chính trực của sự sùng kính chân chính: người chỉ biết đọc sách nhưng hiểu rất ít những gì đã đọc, hay người không chỉ biết đọc mà còn hiểu thấu đáo và thấu hiểu chiều sâu của Kinh Thánh? Liệu một người không có học thức và tự xưng là thầy có dạy dỗ tốt hơn một người có học thức, người không tự xưng là thầy mà được đặt vào chức vụ nhờ ân sủng của Thánh Thần?

Tôi nghe có người nói rằng: Chúa Kitô đã quy tụ các Tông đồ không biết chữ, những người đơn sơ, không học thức; Ngài không kêu gọi họ từ sách vở, mà từ lưới cá, và nhờ họ, Ngài đã soi sáng và dạy dỗ cả thế giới. Về điều này, tôi trả lời như sau: Ngài đã tập hợp những người không biết chữ, nhưng lại sai đi những sứ giả am hiểu Kinh Thánh; Ngài đã kêu gọi những người đơn sơ và dốt nát đến với mình, nhưng lại truyền bá những nhà thần học

---

[86] Ma-la-chi 2:7.

[87] 1 Cô-rinh-tô 14:31.

[88] 1 Ti-mô-thê 2:11.

[89] Thánh Anastasius, câu hỏi số 78 về Kinh Thánh; cũng được tìm thấy trong lời tựa của Thánh Chrysostom cho các thư của Phaolô.

thông thái đến tận cùng trái đất, mở rộng tâm trí họ để hiểu Kinh Thánh[90] Ngài đã tập hợp họ như một thầy giáo với các môn đệ, và dẫn dắt họ bên mình hơn ba năm, vừa dạy dỗ vừa hướng dẫn, và không để họ ra đi rao giảng cho đến khi cho đến khi Ngài đã dạy dỗ họ thật tốt, và ban cho họ sự hiểu biết về Kinh Thánh; khi tâm trí họ được soi sáng để hiểu Kinh Thánh, và Thánh Thần đã đầy dẫy trong họ, và dạy họ nói bằng những ngôn ngữ lạ: lúc đó Ngài mới sai họ đi khắp thế gian để rao giảng Lời Chúa.

Còn các ngươi, hỡi những người Brynya, những thầy giáo dốt nát, những nhà thông thái không biết chữ, hãy nói cho chúng ta biết: khi nào các ngươi đi cùng Chúa Kitô, khi nào các ngươi nhận được Thánh Thần trong những lưỡi lửa, khi nào các ngươi được dạy nói bằng những ngôn ngữ lạ, như các Tông đồ? Liệu trí tuệ của các ngươi có được mở ra để hiểu Kinh Thánh, như các Tông đồ không? Hãy hổ thẹn đi, hỡi các thầy giáo Bryn, những người đàn ông và phụ nữ bình thường, những kẻ tự cho mình là thầy giáo, những người lẽ ra nên làm môn đệ chứ không phải làm thầy, và nên học hỏi từ các thầy giáo chính thống trong Giáo hội, chứ không phải tự mình dạy người khác và tự nghĩ ra những tín ngưỡng mới khác nhau.

Chương 3. Giáo lý phải xuất phát từ người thầy, và cuộc sống phải trong sạch

Một lần nữa:

Giáo lý chân chính phải xuất phát từ một vị thầy như vậy, người không chỉ thông thạo Kinh Thánh, mà còn có lối sống trong sạch, như Thánh Phaolô Tông đồ đã viết cho Timôthê: *"Hãy là gương mẫu trung thành, bằng lời nói, lối sống, tình yêu, tinh thần, đức tin, sự trong sạch*[91] ." Hãy chú ý đến hai lời dạy đầu tiên của các Tông đồ này: *"Hãy làm gương*" (ngài nói) *bằng lời* nói *và lối sống,* từ đó chức vụ của người thầy được thể hiện rõ ràng, vì người thầy trước hết phải khôn ngoan trong lời nói và sống trong sạch, thánh thiện; vì hãy dạy chứ đừng làm, nếu không thì cũng giống như tiếng đồng vang rền và tiếng cồng kêu vang.

Còn về lối sống của các thầy giáo ly giáo thì chỉ có Chúa mới biết, chúng tôi không điều tra; tuy nhiên, về trí tuệ và hành động của một trong những thầy giáo của họ, người tự xưng là tông đồ, như chúng tôi đã tìm thấy được ghi chép từ những nguồn khác, chúng tôi sẽ nhắc lại ở đây.

Tại thành phố Moscow, nơi ngai vàng ngự trị, trong xưởng in, tại thư viện, có một cuốn sách mang tên "Lời vạch trần bản kiến nghị Solovetsky", do một người tên là Yuri, người Serbia, soạn thảo tại Siberia dưới thời Đức Giám mục Kornilii của Siberia. Trong cuốn sách đó, ở phần thứ 5, Yuri viết về vị thầy và sứ đồ ly giáo Lazar, một linh mục, như sau:

"Thành phố này (Tobolsk) ai cũng biết về Lazar, vì xưa kia các con phố ở đây quá chật hẹp, và mọi người phải dìu ông (khi ông say rượu) về nhà, vì ông không thể tự mình về được. Có lần, khi Lazar đang ngồi cùng các vị khách tại nhà tôi, ông bắt đầu kể những câu chuyện ngụ ngôn và câu đố của bà già, chẳng hạn như có một bà già, dù đã già nhưng vẫn muốn trẻ lại, nên trên đường đi đã bò bằng tay và chân, v.v. Các vị khách liền sa sầm mặt, và cảm thấy xấu hổ khi nghe vị linh mục nói những lời như vậy; ông đã nhận ra điều đó, liền nói với tôi: "Yuri ơi! Sao lại thế này, chúng ta luôn bắt đầu bằng những điều thiêng liêng, nhưng lại hành động theo cách trần tục?" Và tôi, sau khi các vị khách ra về, đã nhắc nhở ông: "Cha Lazar ơi! Hãy suy ngẫm xem Giáo hội của Chúa Kitô đã đi đến đâu, và tình trạng tổ chức của nó thê thảm ra sao?" Nếu chúng ta có nghĩa vụ phải cải cách Giáo hội, thì tôi nói rằng, chính chúng ta lại đầy khuyết điểm, thậm chí còn kể những câu chuyện nhục nhã, và những con đường đối với những kẻ say xỉn lại trở nên chật hẹp: những điều này không phải là dấu hiệu của các Tông đồ, cũng không phải của các nhà giảng dạy được Thiên Chúa sai đến để cải cách Giáo hội; và giữa những lời khác (Yuri nói), tôi đã trích dẫn cho ông ta lời của Augustinô, một nhà giảng dạy phương Tây, như sau: "Ngay cả khi ở bên ngoài Giáo hội và trong tình trạng chia rẽ, con người vẫn có thể sở hữu mọi sự thánh thiện, nhưng chỉ có một điều duy nhất là không thể có được sự cứu rỗi." Còn Lazarus thì phản bác lại bằng lý lẽ ngược lại: "Vậy thì lợi ích gì cho Nikon và những người đồng chí hướng với ông ấy, dù họ có chức giám mục và mọi vật thánh, nhưng lại không thể có sự cứu rỗi?" Tôi đáp lại ông ấy: "Đức Thánh Nikon không hề ly khai khỏi Giáo hội; nhưng ngài, thưa cha, đã tự tách mình khỏi Giáo hội, ngài gây ra chia rẽ, và lời dạy của Thánh Augustinô đang trói buộc ngài. Chỉ vậy thôi về Lazarus. Nhưng ở đây, các vị cha Solovetsky (Yuri nói), xin đừng kết án chúng tôi, như thể tôi đang công khai những tội lỗi thầm kín của người chân thành vì lòng thù hận. Bởi chính tôi cũng là kẻ đầy tội lỗi, tôi không vạch trần những tội lỗi

[90] Luca 24:45.
[91] 1 Ti-mô-thê 4:12.

thầm kín của người chân thành, cũng không phơi bày vì lòng thù hận đối với anh em; nhưng bởi vì Lazarus, tự xưng mình là tông đồ, đã phỉ báng Giáo hội Tông đồ, và gây ra sự chia rẽ và cám dỗ về đức tin trong các ngài cũng như trong toàn thể dân chúng: vì lý do đó, tôi không phải vì lòng thù hận, mà vì tình yêu thương anh em dành cho những người chân thành, nên nhắc lại về vị Tông đồ vĩ đại ấy, điều mà thành phố này là chứng nhân, và tôi không gây tổn thương cho ngài trong việc này, cũng không vu khống ngài một cách vô cớ. Vì quả thật là xứng đáng và cần thiết, để mọi người đều biết về các việc làm và cuộc đời của vị Thầy vinh quang ấy, người mà mọi người đều muốn phó thác linh hồn mình cho ngài, và dựa vào tư tưởng của ngài để xây dựng sự cứu rỗi, và dựa vào giáo lý của ngài để lên án toàn thể Giáo hội Tông đồ." Đến đây là trích từ cuốn sách của Yuri người Serbia. Từ câu chuyện đó, chúng ta đã rõ ràng nhận ra trí tuệ của vị thầy và vị Tông đồ Lazarus ly giáo ấy, người thành thạo trong những câu chuyện hoang đường đáng xấu hổ (chứ không phải trong Kinh Thánh), và đã nhận ra hành vi say sưa của ông ta. Chắc chắn không nên xếp vị "tông đồ" như vậy vào hàng ngũ các tông đồ, và cũng không nên nghe theo giáo lý của ông ta, trừ khi ông ta thuộc về nhóm các "tông đồ giả" và đứng chung hàng với các "giáo sư giả". Chúng ta cũng không nên cho rằng các nhà giảng dạy ly giáo khác tốt hơn Lazarus; điều này sẽ được minh chứng trong phần thứ ba của cuốn sách này.

Vì những kẻ như vậy không xứng đáng làm thầy.

Chương 4. Giáo lý chân chính được rao giảng công khai; chứ không phải bí mật

Một lần nữa:

Giáo lý chân chính, không giả dối, được rao giảng công khai khắp nơi trước mặt mọi người, không sợ ai cả, giống *như* giáo lý của các Tông đồ, được rao giảng *một cách dũng cảm và không bị cản trở*[92] ; còn giáo lý nào được truyền bá một cách bí mật, ẩn náu trong những nơi kín đáo, thì giáo lý đó không phải là chân lý, mà đầy dẫy sự dối trá.

Còn giáo lý ly giáo thì không được rao giảng công khai ở đâu cả, mà chỉ được truyền bá lén lút, ẩn náu trong các hầm ngầm, thậm chí không dám lộ diện trước mặt chúng ta; và giống như những con dơi (chuột có cánh) trốn ánh sáng ban ngày qua các khe hở, họ cũng ẩn náu trong những nơi bí mật, lẩn tránh chúng ta, để giảng dạy, hay nói đúng hơn, lừa dối dân chúng đơn sơ.

Vì giáo lý của họ không phải là chân lý, mà là sự dối trá.

Chương 5. Lời dối trá ly giáo về Antichrist

Một lần nữa:

Giáo lý chân chính tuyệt đối không được chứa đựng bất kỳ sự dối trá nào; nếu trong một giáo lý nào đó có sự dối trá, thì giáo lý đó không thể được gọi là chân chính, mà là giả dối.

Còn giáo lý của Bryn thì tràn ngập dối trá và bất công, điều này rõ ràng được thể hiện ở đây.

VỀ KẺ CHỐNG CHRIST.

Họ suy luận và dạy rằng sự xuất hiện của Antichrist không phải là một sự kiện thực tế, mà chỉ là sự thống trị trong tư tưởng trên thế giới, và bản thân Antichrist dường như không tồn tại: họ nói rằng Antichrist dường như đã thống trị trong tư tưởng từ lâu, kể từ thời điểm diễn ra cuộc cải cách văn bản tại Moscow; và như thể Moscow chính là Babylon và là ngai vàng của vương quốc Antichrist; và như thể thời điểm của sự tái lâm thứ hai đầy kinh hoàng của Đấng Christ và Ngày Phán Xét đã đến, và họ chờ đợi điều đó suốt cả đêm, và một số người trong số họ, sau khi thắp nến, thức trắng đêm cho đến khi gà gáy. Những suy luận và giáo lý của họ, xét về mọi mặt, đều là sai lầm, trái ngược với Kinh Thánh và các vị Thánh Giáo Phụ, những người giải thích Kinh Thánh. Để bác bỏ những giáo lý sai lầm đó một cách đầy đủ và chân thật, dựa trên những chứng cớ không thể chối cãi từ Kinh Thánh Thánh, Đức Giám mục Thượng phụ Stefan, Tổng Giám mục Ryazan và Murom, đã viết một cuốn sách nhỏ nhưng tràn đầy sự khôn ngoan và trí tuệ thiêng liêng, mang tên: *Các Dấu hiệu về sự xuất hiện của Antichrist và sự kết thúc của thế giới*, cuốn sách này đã được in tại Moscow theo lệnh của Đức Vua vĩ đại, vào năm thứ 7212 kể từ khi thế giới được tạo dựng, và năm thứ 1705 kể từ khi Đức Chúa Trời Lời nhập thể.

Nhưng vì cuốn sách đó trong Giáo phận của chúng ta rất hiếm khi được tìm thấy, và hầu như không ai có: nên chúng tôi buộc phải phản bác ngắn gọn tại đây, dựa trên chính Kinh Thánh, về giáo lý sai lầm và ly giáo đó,

[92] Công vụ 28:31.

nhằm chống lại những kẻ ly giáo và các thầy dạy ly giáo đang ẩn náu trong Giáo phận của chúng tôi, lẩn trốn khỏi chúng tôi trong những ngôi nhà mà họ đã làm hư hỏng, và bí mật gieo rắc những hạt giống tà giáo của họ giữa dân chúng đơn sơ.

Chúng tôi khẳng định rằng, về mọi mặt, những suy luận và giáo lý ly giáo về Antichrist, về Babylon, và về sự tái lâm lần thứ hai của Đấng Christ đều là sai lầm hoàn toàn; điều này được xác nhận qua việc xem xét tất cả các bối cảnh có thể thấy trong Kinh Thánh Thánh, cũng như những gì các nhà giải thích Kinh Thánh Thánh đã chỉ ra.

1) Từ chính bản chất của Antichrist.

2) Từ nơi mà Antichrist sẽ đến và nơi mà hắn sẽ lên ngôi.

3) Về số năm mà hắn sẽ cai trị.

4) Từ những việc mà hắn sẽ làm.

Nhưng trước hết, các thầy giáo ly giáo thiếu hiểu biết và các môn đệ nghe theo họ cần phải nhận thức rõ điều này: rằng danh xưng *"Antichrist",* tức là *"kẻ chống lại Chúa Kitô",* được hiểu một cách rõ ràng trong Kinh Thánh thánh thiêng (như Đức Tổng Giám mục Thánh Stephen đã giải thích *một cách hình tượng,* phù hợp, tương tự và bản chất trong cuốn sách của ngài; nói rõ hơn: cả về mặt ví dụ lẫn bản chất thực sự, về hành động của chính kẻ muốn trở thành Antichrist.

Theo nghĩa ẩn dụ hay tương tự, theo hình mẫu, danh xưng "Antichrist" là chung cho nhiều người; còn về bản chất, về chính bản thân sự việc và hành động, thì chỉ có duy nhất Antichrist – Đấng sẽ đến vào ngày tận thế – mới mang đặc tính đó. Các ngươi có hiểu không, hỡi những kẻ giảng dạy sai lầm? Không. Vậy thì danh xưng của Đấng Christ hãy được dùng như một hình ảnh và một ví dụ.

Tên thánh thiêng liêng và cao quý của Đấng Cứu Thế chúng ta là "Xuân", dù là theo nghĩa ẩn dụ hay tương tự, đều chung cho mọi Đấng được xức dầu của Đức Chúa Trời, tức là Vua của các Kitô hữu, như trong Cựu Ước, Vua Sa-un của Y-sơ-ra-ên đã được gọi là "Xuân" bởi Đa-vít, người đã nói: "Xin đừng để tôi giơ *tay chống lại người ấy, vì người* này *là 'Christ' của Chúa*[93] , tức là Đấng được xức dầu của Chúa." Đó chính là ý nghĩa của danh xưng "Christ": *Đấng được xức dầu*. Chính Đa-vít cũng tự xưng mình là Đấng được xức dầu, khi được giải thoát khỏi những kẻ thù đang truy đuổi mình, ngài đã tạ ơn Đức Chúa Trời và nói: *"Giờ đây, tôi đã biết rằng Đức Chúa Trời đã cứu Đấng được xức dầu của Ngài*[94] ." Về bản chất, về thực thể và về công việc, chỉ có Đấng Christ mới xứng đáng với danh hiệu thánh thiêng này.

Và một lần nữa: danh xưng cao quý này, *"Con Thiên Chúa",* là điều chung cho tất cả các Kitô hữu; vì mọi người tin Chúa đều có thể (như chúng ta đã nói trước đây) được gọi là con Thiên Chúa nhờ ân sủng, chính Thiên Chúa đã phán : *"Các con sẽ là con trai và con gái của Ta*"[95] . Còn về bản chất, điều này chỉ thuộc về chính Chúa Giê-su Ki-tô, Chúa của chúng ta mà thôi.

Các con hãy hiểu điều này về danh xưng của Antichrist.

Thật vậy, đã có nhiều kẻ chống Chúa Kitô và sự thật của Ngài, và hiện nay vẫn còn, như Thánh Gioan Thần Học đã nói: *"Hỡi các con, đây là năm cuối cùng, và như các con đã nghe, Anti-Christ sẽ đến, và hiện nay đã có nhiều kẻ chống Chúa Kitô*[96] ." Và ngài cũng nói về điều đó như sau: *"Mọi thần khí nào không xưng nhận Đức Giê-su Ki-tô đã đến trong xác thịt*" (như những kẻ thờ ngẫu tượng và những người Do Thái vô tín lúc bấy giờ đã không xưng nhận, thì nay những người Thổ Nhĩ Kỳ, người Ta-ta, và chính những người Do Thái ấy, cùng tất cả những ai trên thế gian này không biết Thiên Chúa,) *thì không phải là của Đức Chúa Trời: và kẻ ấy chính là Anti-Christ, mà các ngươi đã nghe nói rằng nó sẽ đến, và hiện nay nó đã có mặt trên thế gian rồi*[97] . Thánh Gioan Thần Học đã nói từ thuở còn sống rằng Anti-Christ đã hiện diện trên thế gian. Vậy thì tại sao Anti-Christ lại có mặt trên thế gian vào thời các Tông đồ? Điều này có nghĩa là (theo lời giải thích của các nhà chú giải), hắn không hiện diện dưới hình dạng thật của mình, mà hiện diện qua các tiền thân của hắn, như Simon, tên phù thủy tự xưng là Đấng Christ, và những tiền thân khác của Anti-Christ tương tự như vậy. Vì Thần chống lại Đức Kitô, Thiên Chúa, vốn hoạt động trong chính bản thể của Antichrist, đã hoạt động vào thời đó, và hiện nay vẫn hoạt động qua các tiền thân của hắn;

---

[93] 1 Sa-mu-ên 24:7.

[94] Thi Thiên 19:7.

[95] 2 Cô-rinh-tô 6:18.

[96] 1 Giăng 2:18.

[97] 1 Giăng 4:3.

và vì lý do này, người ta đã nói vào thời đó, và hiện nay vẫn nói rằng Antichrist đã hiện diện trên thế gian theo nghĩa tương tự, chứ không phải theo nghĩa bản thể.

Vào những thời kỳ xa xưa ấy, những kẻ chống Kitô giáo, tức là các pháp sư và phù thủy, đã tự xưng danh Chúa Kitô, lại chính là những kẻ bách hại và tra tấn các Kitô hữu, như Néron, Diocletian, Maximian, Julian kẻ bội đạo, và những kẻ khác tương tự như vậy: đó cũng là những kẻ dị giáo, những kẻ chống lại lẽ thật của Kinh Thánh, trong số đó có những kẻ phỉ báng Thần tính của Đấng Christ, như Arius; những kẻ khác thì phủ nhận sự nhập thể của Con Thiên Chúa, như Nestorius; còn những kẻ khác thì bịa đặt ra các tà thuyết trái với đức tin chính thống (như những người Brynyan đang làm hiện nay): những kẻ đó chính là các Anti-Christ, những kẻ chống lại Chúa Kitô, mà chúng ta thường gọi là những tiền thân của Anti-Christ. Và ngày nay, trong thời đại chúng ta, những kẻ giống như các kẻ chống Kitô đầu tiên cũng xuất hiện; đó là những kẻ phù thủy bội đạo, những kẻ đã dâng mình cho ma quỷ, và cùng với chúng làm những điều chống lại Chúa Kitô; đó cũng là những kẻ bách hại Hội Thánh của Chúa Kitô, như những người A-ga-ri; đó cũng là những kẻ sa vào các tà thuyết khác nhau, như những người ngoại đạo và những người Brynyan. Tất cả những kẻ đó đều là những kẻ chống Kitô, là những tiền thân của chính kẻ muốn trở thành Anti-Christ, là những kẻ thù địch của Chúa Kitô. Bởi vì bất cứ ai chống lại Giáo hội thánh thiện thì cũng là chống lại Chúa Kitô; ai bách hại Giáo hội của Chúa Kitô thì cũng là bách hại Chúa Kitô; ai phỉ báng các tín điều chính thống và truyền thống của Giáo hội thì cũng là phỉ báng Chúa Kitô, và chính là kẻ bắt chước Anti-Christ.

Tuy nhiên, chính Antichrist sẽ xuất hiện trước khi thế giới kết thúc, không còn dưới hình dạng của những kẻ tiền thân nữa, mà chính là dưới hình dạng đích thực của chính Ngài.

Cũng cần hiểu như vậy về Ba-by-lôn, vì trong Kinh Thánh Thánh, điều này được đề cập một cách rõ ràng: cả về mặt tương tự lẫn thực chất. Theo nghĩa tượng trưng, bất kỳ thành phố nào đầy dẫy sự vô luật pháp đều có thể được gọi là Ba-by-lôn; còn theo nghĩa thực chất, chỉ có duy nhất thành phố Ba-by-lôn được nhắc đến trong Kinh Thánh, nằm ở xứ Ca-đê, nơi từng là thủ đô của vương quốc Ba Tư. Thánh Anrê Cêsariô đã giải thích về điều này trong bản chú giải Sách Khải Huyền, liên quan đến những lời sau: "Babel vĩ đại, mẹ của những kẻ gian dâm, v.v.; và một lần nữa, tôi thấy một người phụ nữ say sưa, v.v., đang la hét rằng: Babel cổ xưa được gọi như vậy, là kẻ gian dâm vui vẻ, tức là thành phố của những kẻ gian dâm vui mừng vì sự gian dâm, nữ chúa của các pháp sư và các thầy bói; và Giê-ru-sa-lem xưa (trong lời tiên tri của Giê-rê-mi, được so sánh với Ba-by-lôn trong sự dâm đãng), *khuôn mặt ngươi giống như người dâm đãng*[98] ; còn La Mã cổ đại thì được gọi là Ba-by-lôn trong thư của Phê-rô[99] . *Nhưng điều quan trọng nhất* (đó là điều cốt yếu), là kẻ nắm quyền lực ở Ba Tư, cũng được gọi là Ba-by-lôn và "kẻ dâm đãng", cùng mọi thành phố khác, những nơi vui mừng vì những vụ giết người và đổ máu[100] . Đến đây là lời của Thánh An-rê Cêsari. Từ những lời của ngài, rõ ràng là, theo nghĩa bóng, cả Giê-ru-sa-lem xưa, cả Rô-ma cổ, và bất kỳ thành phố nào đầy dẫy sự vô luật pháp, đều được gọi là Ba-by-lôn: nhưng về mặt chủ quyền hay bản chất, chỉ có một Babylon duy nhất là Babylon của người Chaldea, cũng chính là Babylon của người Ba Tư, nơi mà vua Cyrus người Ba Tư, sau vua Darius người Media, đã khai sinh ra chế độ quân chủ Ba Tư.

Sau khi đã giải thích về tên gọi của Antichrist và Babylon để những người thiếu hiểu biết có thể nắm bắt, chúng ta sẽ chuyển sang xem xét các bối cảnh đã nêu ở trên; qua đó, giáo lý sai lầm và gây chia rẽ về Antichrist, về Babylon, và về Ngày Phán Xét sẽ bị vạch trần.

Thứ nhất

Về bối cảnh *đầu tiên*, đó chính là bản thân nhân vật Antichrist.

Những kẻ ly giáo dạy (như chúng ta đã nói trước đây) rằng sự xuất hiện của Antichrist thực chất không tồn tại, mà chỉ là một khái niệm (theo suy luận của họ) sẽ thống trị thế giới đó, còn bản thân Antichrist về bản chất dường như không tồn tại.

Còn chúng ta, để chống lại lời dối trá đó của họ, sẽ dựa vào vị Thầy chân thật là Thánh Tông đồ Phaolô, cùng các vị Thánh Giáo phụ khác trong Giáo hội.

Thánh Tông đồ Phaolô đã viết thư cho các tín hữu ở Thessalônica, và nói rằng: *"Chớ để ai lừa dối anh em dưới bất kỳ hình thức nào; vì trước tiên phải có sự bội đạo xảy ra, và kẻ vô luật pháp, con của sự hủy diệt, kẻ chống*

---

98 Giê-rê-mi 1:3.

99 1 Phê-rô 5:13.

100 Thánh An-rê Cêsari, Bài giảng 18, chương 17, trang 81.

đối và tự cao hơn mọi vị thần hay đối tượng thờ phượng nào được nhắc đến, sẽ được bày tỏ ra; hắn sẽ ngồi trong Hội Thánh của Đức Chúa Trời như thể là Đức Chúa Trời, tự xưng mình là Đức Chúa Trời[101] .

Về con người này, vị Thánh Tông Đồ đã nói đến, và vị chứng nhân chân thật, người giải thích các thư của Phaolô, Thánh Gioan Vàng Miệng, đã làm sáng tỏ, rằng: "Ngài đang nói về Anti-Christ ở đây, và đang tiết lộ những bí mật vĩ đại." Sự bội đạo là gì? Chính Antichrist ấy được gọi là "sự bội đạo", vì hắn sẽ hủy diệt nhiều người và khiến họ sa ngã, nhằm cám dỗ, *nếu có thể, cả những người được chọn*[102] , và hắn cũng được gọi là "con người của tội lỗi"; vì hắn sẽ gây ra vô số điều ác và xúi giục những người khác làm những việc tàn ác; đồng thời, hắn còn được gọi là "con của sự hủy diệt", vì chính hắn cũng sẽ bị hủy diệt. Vậy thì kẻ ấy là ai? Phải chăng là Sa-tan? Chẳng hề; nhưng là một con người nào đó, thực hiện mọi hành động của hắn. Đến đây là lời giải thích của Thánh Vàng Miệng về Thánh Phaolô. Cũng vậy, Thánh Ephrem trong bài giảng về Anti-Christ đã nói: "Sa-tan sẽ không tự sinh ra, nhưng một kẻ vô cùng đồi bại sẽ đến dưới hình dạng của hắn, như một tên trộm"[103] .

Hãy để những người ở Brynya lắng nghe và nhận ra, những gì Thánh Phaolô, Thánh Gioan Vàng Miệng và Thánh Ephrem nói về Anti-Christ, liệu có phải là về một thực thể trừu tượng không? Hay là về chính thực thể hữu hình, không phải Satan – kẻ được gọi là Antichrist vô hình trong tư tưởng – mà là con người bằng xương bằng thịt, có thể nhìn thấy được?

Còn Thánh Tử đạo Hippolytus, trong bài giảng vào Tuần Lễ Mùa Chay[104] , và Thánh Andrew, Tổng Giám mục Caesarea ở Cappadocia, trong lời giải thích về Sách Khải Huyền ở đoạn 7, cũng nói rằng Antichrist sẽ xuất hiện từ dòng dõi nào, đó là từ chi phái Dan, thuộc dòng dõi Do Thái[105] . Thánh Ephrem trong bài giảng đã nêu trên, cũng như Thánh Gioan Damascene, đều khẳng định điều này: rằng hắn sẽ không được sinh ra từ một cuộc hôn nhân chính đáng, mà từ sự ngoại tình, từ một người phụ nữ đã bị hư hỏng bởi sự ngoại tình[106] . Thánh Tử đạo Hippolytus cũng làm chứng như vậy, rằng: "Kẻ đối địch sẽ xuất hiện trên đất từ một người vợ xấu xa"[107] . Từ những lời chứng này, rõ ràng cho thấy Anti-Christ không phải là một thực thể trừu tượng, mà là một thực thể hữu hình, thuộc về xác thịt, sẽ xuất hiện vào lúc tận thế.

Tại đây, mọi tín hữu có lý trí sáng suốt hãy tự phán xét xem nên tin ai hơn: liệu là vị giáo sư giả Brynsky, người khẳng định rằng sự tái lâm của Antichrist về bản chất không tồn tại, mà chỉ là sự cai trị trong tưởng tượng? Hay nên tin vào Thánh Tông đồ Phaolô, và vị giải thích của ngài là Thánh Zlatoust, cùng Thánh Tử đạo Hippolytus, Tổng Giám mục André, và các vị thánh Ephrem và John of Damascus, những người khẳng định bằng mọi cách rằng Antichrist sẽ hiện hữu, đồng thời tiết lộ dòng dõi của hắn và mô tả hình thức ra đời của hắn?

Miệng của Thánh Phaolô là miệng của Chúa Kitô, miệng của Thánh Phaolô là miệng của Thánh Vàng Miệng, và miệng của Thánh Vàng Miệng cùng các vị Thánh Cha khác được nhắc đến cùng ngài, thực sự chính là miệng của Chúa Kitô. Làm sao có thể tìm thấy sự dối trá nào trong những miệng thánh thiện và cao quý như vậy?

Còn miệng của những kẻ giảng dạy sai lầm ở Bryn, thì đó là miệng của ai? Quả thật, miệng của họ chính là miệng của chính Satan, về hắn mà Chúa Kitô, Chúa chúng ta, đã phán trong Phúc Âm thánh: *"Hắn là kẻ giết người từ thuở ban đầu, và không đứng trong sự thật, vì không có sự thật trong hắn; khi hắn nói dối, hắn nói từ chính bản chất của mình, vì hắn là kẻ dối trá và là cha của sự dối trá*" ([108]).

Vì vậy, những người Brynyan đang nói dối khi khẳng định rằng sự tái lâm thực sự của Antichrist sẽ không xảy ra, mà chỉ là sự tái lâm trong tưởng tượng mà thôi.

Từ khía cạnh *thứ hai*, chúng ta xem xét *nơi* mà Antichrist sẽ đến và nơi mà hắn sẽ lên ngôi.

Họ nói, hay đúng hơn là những kẻ ly giáo Brynyane đang phỉ báng, như thể Antichrist đang cai trị tại Moscow, và họ gọi thành phố đang cai trị đó là Babylon, nhằm sỉ nhục nó một cách vô liêm sỉ.

Còn chúng ta sẽ phân tích điều này: nếu Antichrist là một thực thể hữu hình, là một con người thực sự (chứ không phải là một linh hồn vô hình nào đó), thì Babylon phải phát sinh từ đâu – từ Antichrist hữu hình hay từ

---

[101] 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:3 và 4.
[102] Ma-thi-ơ 24:24.
[103] Bài giảng 106, trang 268 mặt sau.
[104] Trang 126 ở mặt sau.
[105] Trang 33.
[106] Thánh Gioan Damasceno, quyển 4, chương 27.
[107] Trang 128, mặt sau.
[108] Giăng 8:44.

Antichrist trong tư tưởng: nếu từ cái trừu tượng, thì không chỉ Moscow, mà mọi thành phố (như đã nói trước đó) và mọi nơi, nơi nào có những hành vi vô luật pháp xảy ra, đều được gọi là "Babel" theo nghĩa tượng trưng; và linh hồn tội lỗi cũng được gọi là "Babel", cũng như linh hồn công chính được gọi là "Giê-ru-sa-lem". Và Brynya, tự cho mình là thánh thiện, nhưng không phải là vô tội: bởi vì những cô gái, phụ nữ và những bà già chưa đến tuổi già trở về từ đó đã làm chứng, nên Brynya thực sự có thể được gọi là Babylon. Không ai biết được, Anti-Christ sẽ xuất hiện từ Babylon nào, từ Moscow hay từ Brynya?

Nhưng Antichrist thuộc về thế gian, chứ không phải thuộc về tinh thần, sẽ xuất hiện từ Babylon thực sự, từ chính Babylon tồn tại trên đất Chaldea (chứ không phải ở Nga), nằm bên sông Euphrates (chứ không phải bên sông Moskva), bởi chính từ đó, *Nimrod*[109] – kẻ xây tháp, kẻ hành hạ đầu tiên dưới trời – đã bắt đầu mở rộng quyền lực của mình. Vì Nimrod là kẻ hành hạ đầu tiên, nên kẻ hành hạ cuối cùng – Antichrist – cũng phải xuất hiện từ đó.

Và vì Antichrist sẽ xuất hiện từ Babylon của người Chaldean, nên Thánh Andrew, Tổng Giám mục thành Caesarea (chứ không phải một người nào đó tên Brynsky), đã thông báo trong bản giải thích Sách Khải Huyền của ngài, trong đó tại chương 9 ngài nói như sau: "Như dòng sông Euphrates nhắc nhở, Antichrist sẽ xuất hiện từ những vùng đất đó"[110] ; và một lần nữa trong đoạn 17, ngài nói: "Kẻ chống Chúa sẽ đến từ các vùng đất phía đông của xứ Ba Tư, nơi thuộc chi phái Đan, xuất thân từ gốc gác Do Thái, cùng với các vua khác sẽ vượt qua sông Euphrates, và những điều khác[111] ."

Này, hãy lắng nghe, lời nói ở đây về Ba-by-lôn là gì! Đó là thành phố nằm ở xứ Ca-đê, giữa hai con sông Tigris và Euphrates, nơi mà sau triều đại A-si-ri, triều đại Ba Tư đã bắt đầu từ thời Cyrus.

Nhưng ngay từ chính sách Khải Huyền cũng có thể thấy rõ, trong đó có nhiều đoạn đề cập đến Babylon: vậy khi sách Khải Huyền được viết ra, liệu thành phố Moscow lúc đó đã tồn tại chưa? Bởi vì trong Sách Khải Huyền không đề cập đến thành Moscow mang tính biểu tượng, mà là thành Babylon thực sự của người Chaldea, cũng như Babylon của người Ba Tư (trong quá khứ): bởi vì Antichrist sẽ xuất hiện từ thành Babylon đó, chứ không phải từ Moscow.

Hơn nữa, chúng ta cũng cần biết rõ nơi mà Antichrist sẽ lên ngôi, sau khi xuất phát từ thành Babylon của người Chaldean đó.

Thánh Hippolytus và Thánh Andrew của Caesarea, cùng các vị Thánh Cha khác, đều khẳng định rằng hắn sẽ lên ngôi tại Jerusalem, nơi từ xưa đã là vương quốc Do Thái, mà hắn sẽ phục hưng, và sẽ xây dựng một đền thờ theo kiểu của vua Salômôn tại chính nơi đó, nơi mà đền thờ của vua Salômôn từng tọa lạc, và hắn sẽ ngự trị trong đó như một vị thần[112] .

Những người Brynyan đang nói dối khi khẳng định rằng vương quốc của Antichrist sẽ tọa lạc tại Moscow.

Phân tích *lần thứ ba* về bối cảnh xung quanh, về số năm tồn tại của vương quốc Antichrist.

Người Brynya nói rằng, dường như Anti-Christ sẽ lên ngôi tại Moscow kể từ thời điểm bắt đầu cuộc cải cách văn bản.

Hãy xem, khi nào việc chỉnh sửa kinh sách bắt đầu tại Moscow. Việc này bắt đầu dưới triều đại của Vua và Đại Công tước Alexei Mikhailovich, người được tưởng nhớ với lòng kính trọng, và trong thời kỳ làm Thượng phụ của Đức Thánh Nikon.

Nikon đã bị phế truất khỏi chức vụ tổng giám mục vào mùa hè năm 7175.

Năm hiện tại là năm 7217.

Từ khi Đức Thượng phụ Nikon từ chức cho đến năm nay đã trôi qua hơn bốn mươi năm.

Còn về thời gian trị vì của Antichrist, Thánh Hippolytus và tất cả các vị Thánh Cha khác đều nói rằng nó sẽ chỉ kéo dài nửa mùa hè, giống như khi Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, đã hiện ra trên đất và rao giảng cho thế gian[113] .

Những người Brynyan đang nói dối khi khẳng định rằng Antichrist đã trị vì tại Moscow quá bốn mươi năm rồi.

Từ góc độ *thứ tư*, chúng ta sẽ xem xét những việc mà Antichrist sẽ thực hiện.

---

[109] Sáng Thế Ký 10:9.

[110] Trang 43.

[111] Trang 76.

[112] Thánh Hippolytus, trang 127 và 129 ở mặt sau, và Thánh Andrew, trang 49 và 101.

[113] Trang 130 và 131.

Thánh Hippolytus nói về những việc làm của Antichrist rằng hắn sẽ thực hiện những việc kỳ diệu: nhờ sự cho phép của Thiên Chúa, nhưng với sự trợ giúp của các quỷ dữ, hắn sẽ thực hiện những phép lạ vĩ đại để lừa dối con người; những phép lạ đó sẽ không phải là thật, mà chỉ là ảo ảnh, là ảo giác. Và Thánh Hippolytus đã nói về điều này như sau: "Hắn sẽ dựng những ngọn núi trước mắt những người đang nhìn; đi trên biển mà chân không ướt; gọi lửa xuống từ trời; biến ngày thành đêm, và đêm thành ngày; vì ngài có thể biến đổi mặt trời theo ý muốn, và mặt trăng cũng vậy; và tất cả các nguyên tố, đất và biển, bằng sức mạnh của những ảo tưởng của mình, ngài sẽ cho những người chứng kiến thấy chúng tuân theo[114] ". Và một lần nữa: "Ngài sẽ hiện ra những quỷ dữ như những Thiên thần ánh sáng và dẫn dắt các đạo quân vô hình, số lượng chúng vô tận, và trước mặt mọi người, hắn sẽ tự hiện lên trên trời với tiếng kèn, tiếng nói và âm thanh vô tận, cùng tiếng la hét mạnh mẽ, ca ngợi hắn bằng những bài ca không thể diễn tả, và sẽ tỏa sáng như ánh sáng, kẻ đứng đầu bóng tối" và những đoạn khác[115] .

Đó là những việc làm của Antichrist. Vậy hãy xem, hiện nay ai đang thực hiện những việc như vậy tại Moscow hay ở bất cứ đâu? Ai đang di dời các ngọn núi? Ai đang khiến lửa từ trời rơi xuống? Ai đang biến ngày thành đêm, và đêm thành ngày? Ai đang được nâng lên trời trước mắt mọi người với vinh quang? Chẳng có ai cả.

Những kẻ ly giáo Brynyane đang nói dối, khi họ tuyên bố rằng Antichrist đã trị vì tại Moscow.

Từ đó, lời dối trá của họ cũng bị vạch trần, khi họ khẳng định rằng thời điểm của sự tái lâm thứ hai đầy kinh hoàng của Đấng Christ và Ngày Phán Xét đã đến. Bởi vì toàn bộ Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước đều dạy, và tất cả các nhà giải thích cùng các nhà giảng dạy đều khẳng định rằng Ngày Phán Xét sẽ không xảy ra trước khi Anti-Christ xuất hiện và cai trị, mà sẽ diễn ra sau khi hắn cai trị và gặp kết cục diệt vong. Vậy mà họ lại không ngần ngại nói dối, như thể thời điểm và ngày Chúa Kitô tái lâm đã đến, trong khi Anti-Christ vẫn chưa xuất hiện và thời gian trị vì của hắn chưa đầy ba năm rưỡi? Và ngay cả sau khi Antichrist chết một cách thảm khốc, những người còn sống sẽ được Chúa ban cho một khoảng thời gian nhất định để ăn năn, như đã được thấy trong lời tiên tri của Đa-ni-ên, nơi Thiên thần đã báo cho Đa-ni-ên về thời gian trị vì của Antichrist, và nêu ra con số ngày như sau: 1.290 (trong đó có nửa năm rưỡi), hãy ghi nhớ lời này: *"Phúc cho ai kiên nhẫn và hoàn thành trong 1.*355 ngày[116] ." Bởi vì khi tính từ số ngày đầu tiên đến số ngày thứ hai, sẽ thấy số ngày thứ hai nhiều hơn số ngày đầu tiên 45 ngày. Các nhà giải thích Kinh Thánh Thánh thiêng cho biết rằng sau khi Antichrist qua đời, sẽ có khoảng thời gian 45 ngày trước Ngày Phán Xét Đáng Sợ. Về những khoảng thời gian chưa đến cũng như chưa qua, chúng ta nên tin theo quan điểm và giáo lý của Bryn về Ngày Phán Xét hiện tại.

Còn đối với chúng ta, những Kitô hữu Chính Thống, mỗi người đều phải luôn sẵn sàng, ngày cũng như đêm, chờ đợi giờ phút không ai biết trước khi cuộc đời mình kết thúc, và chuẩn bị cho lúc ra đi; vì mỗi người trong chúng ta đều có ngày phán xét riêng của mình, trước khi đến ngày phán xét chung kinh hoàng dành cho tất cả mọi người, và không nên băn khoăn về thời điểm chính xác của Ngày Phán Xét Kinh Hoàng đó. Chúng ta phải tin rằng nó sẽ đến, và rằng nó đang gần kề, chứ không phải là đã đến rồi; và khi nào nó đến, đừng tò mò về điều đó, mà hãy lắng nghe Lời Chúa phán: "Về *ngày và giờ ấy, không ai biết, ngay cả các Thiên thần trên trời* cũng không[117] ." Và nếu ngay cả các Thiên thần thánh thiện cũng không biết về ngày và giờ của Ngày Phán Xét Kinh Hoàng của Đức Chúa Trời: thì làm sao những người Brynyan lại biết được, khi họ tuyên bố rằng thời điểm của Ngày Phán Xét Kinh Hoàng đã đến rồi? Chẳng lẽ chính họ lại mong muốn Ngày Phán Xét đã đến, để lời tiên tri dối trá của họ được ứng nghiệm sao? Nhưng Thánh Zlatoust, dựa trên lời tiên tri của Amos, đã nói với họ: "Khốn cho những ai mong chờ Ngày của Chúa"[118] . Vì Ngày của Chúa là bóng tối, chứ không phải ánh sáng: bóng tối, như lời Ngài đã phán, bởi vì nó chưa được biết đến.

Dựa trên toàn bộ những phân tích về các vấn đề đã nêu ở trên, giáo lý của Brynsky rõ ràng là *dối trá*.

Một lần nữa:

Giáo lý chân chính là giáo lý giải thích Kinh Thánh theo lẽ thật, chứ không phải theo sự dối trá.

Còn những kẻ giảng dạy sai lầm của Bryn thì giải thích Kinh Thánh một cách sai lệch, chứ không đúng đắn, vì lý do đó mà họ được gọi là những kẻ giải thích sai lầm.

Vì vậy, giáo lý Bryn không phải là chân lý, mà là sự dối trá.

---

[114] Trang 130 ở mặt sau.

[115] Tờ 132.

[116] Đan. 12

[117] Mác 13:32.

[118] A-mốt 5, Thánh Giuse Zlatoust giải thích Thư thứ nhất gửi tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca 5. Bài giảng 9, trang 2276.

Và vì những người Bryn giải thích Kinh Thánh một cách sai lệch và giả dối, điều này được thể hiện qua một số đoạn trong Kinh Thánh, mà chúng tôi sẽ trình bày ở đây.

Chương 6. Cách giải thích sai lệch của họ về của lễ thánh

Trong sách của Thánh Tiên tri Đa-ni-ên, chương 3, có chép những lời này: "Vào thời điểm này, không có người lãnh đạo, không có Tiên tri, không có thủ lĩnh, *không có lễ thiêu toàn bộ, không có lễ tế, không có lễ dâng, không có hương, cũng không có nơi nào để dâng lên* trước mặt Ngài và được ban ơn[119] ."

Những kẻ giải thích sai lầm Kinh Thánh tại Bryn áp dụng đoạn Kinh Thánh này vào thời đại hiện tại, và họ nói rằng: trong thời đại hiện tại này, không còn lễ vật, không còn lễ dâng, nhà thờ không còn là nhà thờ, giám mục không còn là giám mục, linh mục không còn là linh mục, thánh lễ không còn là thánh lễ, lễ vật không còn là lễ vật. Đó là cách giải thích của Bryn.

Hỡi những người Bryn điên rồ, những kẻ thiếu lý trí và hoàn toàn không hiểu biết về sức mạnh của Kinh Thánh! Hãy mở rộng đôi mắt sáng suốt của các ngươi và tự mình xem xét những điều này:

1) Ai là chủ thể của động từ đó?

2) Nơi nào đã nói những lời đó?

3) Vào những năm nào Lời được phán ra?

4) Vì lý do gì mà lời ấy được nói ra?

Khi các ngươi đã xem xét kỹ lưỡng, chính các ngươi sẽ nhận ra rằng cách giải thích của mình là sai lầm.

1) Ai là Đấng Lời?

Ba thiếu niên thánh là Ananias, Azarias và Misael, những người bạn của thánh tiên tri Daniel.

2) Họ đã nói ở đâu?

Tại Babylon, trong thời kỳ bị bắt làm tù binh, khi họ bị ném vào lò lửa.

3) Họ nói vào thời kỳ nào?

Vào những năm trước khi Chúa Giêsu Kitô giáng sinh, *khoảng bốn trăm năm trước khi Chúa Giêsu Kitô giáng sinh* và hơn thế nữa.

4) Họ đã làm chứng vì lý do gì?

Bởi vì lúc bấy giờ Giê-ru-sa-lem đã bị người Ca-đê tàn phá, và họ không còn người đứng đầu hay thủ lĩnh nào nữa; bởi vì Si-đê-ki-a, vua Giê-ru-sa-lem, đã bị móc mắt, bị xiềng xích bằng sắt và bị dẫn đi đến Ba-by-lôn. Họ không còn lễ thiêu toàn bộ và các lễ vật của người Do Thái, vì các thượng tế và các thầy tế lễ Do Thái, một số bị chém bằng gươm, một số bị bắt làm tù binh. Cũng không còn nơi nào để dâng lễ vật; vì đền thờ của Sa-lô-môn đã bị thiêu rụi và tàn phá. Quả thật, lúc bấy giờ ba thiếu niên ấy đã nói những lời ấy: "Trong thời điểm này, không có người đứng đầu, không có thủ lĩnh, không có lễ toàn thiêu, không có lễ vật, và những thứ khác."

Các ngươi, hỡi những kẻ xuyên tạc, hãy nhìn rõ điều này! vì những lời của ba thiếu niên thánh ấy không phù hợp với thời đại hiện tại, mà chỉ dành cho thời kỳ mà ba thiếu niên ấy còn sống; và sau khi họ qua đời bốn trăm năm, Đức Kitô đã ra đời, và Ngài đã trở thành của lễ dâng lên Thiên Chúa Cha vì chúng ta, chịu khổ hình trên thập giá, và trở thành vị lãnh đạo, vị chỉ huy, và là Đầu của Hội Thánh thánh thiện của Ngài, mà Ngài đã chuộc lại bằng chính huyết thánh của Ngài, và đã thiết lập của lễ không đổ huyết: dưới hình bánh là Thân Thể tinh tuyền của Ngài, dưới hình rượu là Huyết tinh tuyền của Ngài, và truyền phải cử hành điều đó qua Thánh lễ, Ngài phán: *"Hãy làm điều này để tưởng nhớ đến Ta"*[120] . Và sau Ngài, các vị lãnh đạo của Giáo hội là các Thánh Tông đồ, sau các Tông đồ là các vị Thánh Phụ, các Thánh Giám mục, các Linh mục nối tiếp nhau, và chức vụ thánh và chức vụ linh mục ấy đã được truyền lại cho chúng ta, và sẽ tiếp tục tồn tại qua chúng ta cho đến tận cùng thế kỷ. Cũng vậy, Chúa đã truyền phải dâng của lễ không đổ máu, cho đến khi Ngài tái lâm lần thứ hai đầy kinh hoàng, như Thánh Tông đồ Phaolô đã làm chứng về điều đó, khi ngài nói: *"Hỡi anh em, tôi đã nhận từ Chúa, và tôi đã truyền lại cho anh em,* v.v.;" Ngài cũng phán: *"Mỗi khi các anh em ăn bánh này và uống chén này, các anh em rao truyền sự chết của Chúa, cho đến khi Ngài đến*[121] ." Và Thánh Gioan Damasceno, trong cuốn sách thứ tư của ngài, về đức tin, tại chương 14, đã phán: "Đức Chúa Trời phán: 'Đây là thân thể Ta và đây là huyết Ta; hãy làm điều này để tưởng nhớ

---

[119] Câu 38 và 39.

[120] 1 Cô-rinh-tô 11:24.

[121] [122]

Ta'; và theo mệnh lệnh toàn năng của Ngài, điều này sẽ tiếp diễn *cho đến khi Ngài trở lại*." Điều này được chứng thực bởi Thánh Tông Đồ và Thánh Damascene, rằng của lễ thánh sẽ được cử hành cho đến khi Chúa Kitô tái lâm, cho đến khi Ngài đến. Trong thời đại hiện tại , nhờ ân sủng của Chúa Kitô, những người lãnh đạo và hướng dẫn con đường cứu rỗi là: các giám mục, các linh mục, và những người thuộc hàng giáo sĩ khác; cũng có lễ tế được cử hành hằng ngày qua Thánh lễ; và có những nơi để dâng lễ tế: đó là các nhà thờ của Chúa khắp mọi nơi, nơi nào có Kitô giáo Chính thống hiện diện.

Những kẻ xuyên tạc đang nói dối, khi giải thích sai lời của ba thiếu niên thánh, và tuyên bố rằng trong thời đại này không còn lễ vật, sự dâng hiến và hàng giáo sĩ.

Liệu người Brynya có muốn chống lại lời dạy của các Tông đồ này, *cho đến khi Ngài đến*, và những lời của Thánh Ephrem rằng: "Vào những ngày của Antichrist, của lễ thánh sẽ chấm dứt, và những lời của các Tông đồ sẽ không còn được thực hiện nữa"; vì Thánh Ephrem đã phán: "Lúc bấy giờ, các nhà thờ của Chúa Kitô sẽ cùng khóc than thảm thiết, vì sẽ không còn thánh lễ trên bàn thờ, cũng như không còn lễ vật[122] ?" Tương tự, Thánh Hippolytus trong bài giảng của ngài cũng nói rằng các nhà thờ sẽ trở nên hoang vắng, và việc dâng lễ sẽ chấm dứt; ngài nói: "Các nhà thờ thánh sẽ giống như kho chứa rau quả, và Thân Thể và Máu thánh của Chúa Kitô sẽ không còn hiện diện trong những ngày ấy, thánh lễ sẽ tắt lịm[123] ." Đến đây là lời của Thánh Hippolytus.

Người Brynian nói rằng: "Lẽ nào sẽ không còn lễ tế cho đến khi Chúa Kitô ngự đến, mà chỉ chấm dứt thôi sao?"

Tôi trả lời: Lễ tế sẽ không diễn ra công khai, mà sẽ diễn ra trong bí mật; Thánh lễ sẽ không diễn ra trong các nhà thờ, mà sẽ diễn ra tại những nơi kín đáo; sẽ không diễn ra ở các thành phố và làng mạc, mà sẽ diễn ra trên núi non, trong các hang động và sa mạc: vì chính Thánh Ephrem trong bài giảng của ngài cũng đã nói rằng, lúc bấy giờ sẽ có nhiều người được Chúa hài lòng, và có thể được cứu rỗi trên núi non, trên đồi núi, và ở những nơi hoang vắng, nhờ vô số lời cầu nguyện và những tiếng khóc than không đếm xuể. Còn Đức Chúa Trời thánh thiện, khi thấy họ trong nỗi buồn vô tận như vậy, và trong đức tin thánh thiện, sẽ thương xót họ như một người cha yêu thương con cái bằng cả trái tim, nơi họ sẽ ẩn náu[124] . Và tiếp theo dưới đây: Vì vậy, nhiều vị thánh, khi lúc đó tụ họp lại với nhau, ngay khi nghe tin về sự xuất hiện của kẻ ác, sẽ tuôn trào những dòng nước mắt cùng những tiếng thở dài hướng về Đức Chúa Trời thánh thiện, để thoát khỏi con rắn, và họ sẽ chạy trốn với sự cẩn trọng tột độ vào sa mạc, ẩn náu trong núi non và hang động với lòng sợ hãi, rắc đất và tro lên mình, khóc lóc cầu nguyện ngày đêm với lòng khiêm nhường sâu sắc; và họ sẽ được Chúa ban ơn giúp đỡ, Ngài sẽ dẫn dắt họ *đến những nơi đã được chỉ định,* và họ sẽ được cứu thoát khi ẩn náu trong các khe núi (trên đất) và trong các hang động[125] " Đến đây là lời của Thánh Ephrem. (Thánh Hippolytus cũng nói như vậy trong bài giảng của ngài). Tại những nơi đặc biệt đó, do các linh mục thánh chỉ định, những người ẩn náu trong đó sẽ không ngừng dâng lễ tế, cho đến khi Đức Kitô ngự đến[126] . Hơn nữa, chúng ta phải tin tưởng sâu sắc vào những lời của vị sứ đồ được chọn, thánh thiện và cao quý, Thánh Phaolô, vị thầy của các dân ngoại, người đã được cất lên đến tầng trời thứ ba, và phải dựa vào những lời của ngài nhiều hơn là vào những lời của Thánh Hippolytus và Thánh Ephrem. Họ đều là những vị thánh, nhưng vị thánh nhất trong số họ, người đã được chính Đức Kitô kêu gọi, đã đi khắp thế giới, chịu đựng vô số bệnh tật và gian khổ, và đã hiến dâng đầu mình cho Đức Kitô bằng lưỡi gươm. Lời của các thánh này – Hippolytus và Ephrem – là chân thật, nhưng lời của Phaolô là chân thật nhất, được Kinh Thánh Thánh thiêng gọi tên. Những lời này sẽ ứng nghiệm, vì của lễ sẽ chấm dứt trong các nhà thờ; những lời của Phaolô cũng sẽ ứng nghiệm, vì của lễ sẽ không chấm dứt cho đến khi Chúa đến; và như tôi đã nói, của lễ sẽ không chấm dứt trong các sa mạc, trên các ngọn núi và trong các hang động trên đất.

Chương 7. Về một số người

Trong Thư của Thánh Tông Đồ gửi cho Timôthê cũng có những lời này: *Thánh Thần phán rõ ràng rằng, vào những ngày sau cùng, một số người sẽ lìa bỏ đức tin, nghe theo những tinh thần lừa dối và những giáo lý của*

---

[122] Lời giảng số 106, trang 272 mặt sau.
[123] Trang 133 ở mặt sau.
[124] Trang 265, mặt sau.
[125] Trang 272.
[126] Trang 133.

ma quỷ[127] , v.v.; và trong Thư gửi cho người Galát cũng *có*: *có những người đang gây rối cho anh em, và muốn biến đổi Tin Mừng của Đức Kitô*[128] . Những lời giải thích sai lệch của Brynsky đang bịa đặt nhằm vào chúng ta, những người Chính Thống, như thể chúng ta chính là những kẻ đã bỏ đạo, và như thể chúng ta là những kẻ gây rối và làm sai lệch Tin Mừng của Đức Kitô.

Nhưng, hỡi những kẻ ngu muội ở Galatia – Bryn! Các ngươi có còn nhớ chính mình không, khi đang vu khống chúng ta bằng những lời tục tĩu như vậy? Hãy tự mình xem xét và nhận ra, ai mới là những kẻ vô đạo: chúng ta hay các ngươi? Điều nào lớn hơn: Giáo hội Chính thống Tông đồ thống nhất tồn tại trên toàn vũ trụ, hay Bryn của các ngươi? Giáo hội Chính thống Tông đồ thống nhất (tôi không nói về tường thành hay tòa nhà, mà nói về đông đảo các tín hữu chính thống) không chỉ tồn tại trong Nhà nước Nga , mà còn ở các nước Hy Lạp, Ả Rập, Syria, Ai Cập, Serbia, Bulgaria, Dalmatia và Moldavia, và hãy nhìn khắp vũ trụ: chính Brynya của các ngươi chỉ là một góc nhỏ của Nhà nước Nga, và nó nhỏ bé so với toàn thể Giáo hội Chính thống Tông đồ Thống nhất, cũng như một nắm nước nhỏ bé so với đại dương bao la. Giáo hội Chính thống Tông đồ Thống nhất với các mục tử và thầy dạy của mình không ẩn mình, không tỏa sáng trong bóng tối, mà rực rỡ như ngọn nến trên giá nến của toàn vũ trụ: còn các ngươi, với những tu viện của mình, lại ẩn náu như thú rừng trong các khu rừng sồi và rừng rậm; khi rời khỏi nơi ở của mình để vào các thành phố và làng mạc, các ngươi không tỏ ra là chính mình, mà lại ẩn náu như những con chuột trong hầm ngầm, lẩn trốn trong những ngôi nhà mà các ngươi đã chiếm đoạt.

Còn chúng tôi, những người tuân giữ Giáo hội Chính thống Công đồng Tông đồ hiện hữu trên toàn vũ trụ, không phải là một số ít, mà là toàn thể Giáo hội cùng với Giáo hội được Chúa truyền dạy: còn các ngươi, những kẻ đã ly khai khỏi Giáo hội và nằm ngoài Chính thống giáo Công đồng, thực sự chỉ là *một số ít,* không phải là đông đảo; bởi vì dù có mười nghìn hay hai mươi nghìn người trong các ngươi tụ họp lại, nhưng so với toàn thể Giáo hội hiện hữu trên toàn thế giới, các ngươi chỉ chiếm chưa đến một phần nghìn, mà thực ra là vô cùng nhỏ bé, chẳng qua chỉ *là một số ít* mà thôi. Vì vậy, những lời của các Tông đồ đã được đề cập trước đây được viết về các ngươi, chứ không phải về chúng ta: *"Sẽ có một số người lìa bỏ đức tin";* và một lần nữa: *"Có một số người gây rối loạn, muốn làm sai lệch Tin Mừng của Đức Kitô."*

Còn các ngươi, khi giải thích sai Kinh Thánh, thì đang dựng nên giáo lý giả dối của mình, như những kẻ dạy dỗ sai lầm và những kẻ chống lại lẽ thật thánh thiêng.

Chương 8. Về Tin Mừng và sự nguyền rủa

Một lần nữa, trong Thư gửi tín hữu Ga-la-ti, Thánh Tông đồ Phao-lô viết: *"Nếu chúng tôi, hay là một thiên thần từ trời, rao giảng Tin Mừng cho anh em khác với điều chúng tôi đã rao giảng, thì người ấy phải bị nguyền rủa*[129] ." Như chúng tôi đã nói trước đây, và bây giờ tôi lại nói: "Nếu ai rao giảng Tin Mừng cho anh em khác với điều anh em đã nhận, thì người ấy phải bị nguyền rủa."

Những lời giải thích sai lệch của Brynski về các lời dạy của các Tông đồ đã dẫn đến việc thay đổi một số câu nói cũ trong các cuốn sách Nga mới, như thể bằng cách thay đổi ngôn từ trong sách, họ đã bắt đầu rao giảng đức tin theo một cách khác, khác với những gì đã được rao giảng và truyền lại từ các Tông đồ.

Nhưng những kẻ điên rồ, có trí tuệ u tối, không muốn cũng không thể phân biệt, nhìn thấy và hiểu được sức mạnh của Kinh Thánh thánh thiêng, cũng như những người mù vấp ngã khắp nơi. *Hãy hiểu đi, hỡi những kẻ điên rồ trong dân chúng, và những kẻ từng ngang bướng hãy trở nên khôn ngoan*[130] , và hãy xem xét ba điều này:

1) Sứ đồ đã viết những lời ấy cho ai?

2) Viết vào lúc nào?

3) Ngài đã viết về điều gì?

Tác giả viết cho ai? Cho người Nga chăng? Chẳng hề; mà là cho người Galatia, những người không biết gì về người Nga cũng như các sách của người Slav.

Khi nào thì viết? Vào những ngày còn sống, trước khi Nga được rửa tội chín trăm năm, và thậm chí còn lâu hơn nữa.

---

[127] Tít 4:1.
[128] Ga-la-ti 1:7.
[129] Ga-la-ti 1:8.
[130] Thi Thiên 93:9.

Tác phẩm này viết về điều gì? Có phải về các cuốn sách Nga cũ và mới, hay về những lời dạy trong các cuốn sách cũ đã được sửa đổi trong các cuốn sách mới không? Hoàn toàn không; bởi vì vào thời điểm đó, không chỉ chưa có bất kỳ cuốn sách nào ở Nga, mà ngay cả đạo Kitô cũng chưa được du nhập; tên của Chúa Kitô mới chỉ được nghe thấy qua lời rao giảng của Thánh Tông đồ Anrê từ lâu đời ở những vùng đất này, và cũng chỉ ở một số ít nơi, còn bảng chữ cái của ngôn ngữ Slavic lúc bấy giờ vẫn chưa được phát minh. Và thật đáng xấu hổ khi những kẻ xuyên tạc ở Bryn lại viện dẫn những lời của các Tông đồ – vốn không được viết dành cho chúng ta – để chống lại chúng ta, dù là về sách vở của chúng ta, hay về những lời dạy cũ hay mới của chúng ta. Vậy thì Tông đồ đã viết về điều gì? Hãy lắng nghe:

Tại Antiôkhia, giữa những người Do Thái và người Hy Lạp tin vào Đấng Christ, đã nảy sinh một cuộc tranh luận về việc cắt bì: một bên cho rằng người Kitô hữu không thể được cứu rỗi nếu không cắt bì, còn bên kia lại coi việc cắt bì là gánh nặng cho mình[131] . Vì lý do đó, Thánh Tông đồ Phaolô cùng với Barnaba, lúc bấy giờ đang ở Antiôkhia, đã phải lên Giêrusalem gặp các Tông đồ cao cấp nhất và các trưởng lão, để hỏi về vấn đề cắt bì: và cũng để báo cho họ biết rằng Đức Chúa Trời đã mở cánh cửa đức tin cho các dân ngoại, tin mừng này đã làm cho toàn thể anh em tại Giê-ru-sa-lem vô cùng vui mừng. Sau khi các Tông đồ và các trưởng lão họp bàn chung tại Giê-ru-sa-lem, họ đã bãi bỏ việc cắt bì theo Luật Môi-se, vốn đã lỗi thời và không còn cần thiết cho ân sủng mới; chỉ ra lệnh phải tránh xa các thức ăn dâng cho thần tượng và các hành vi dâm dục, và không được làm tổn thương người lân cận trong bất cứ điều gì; rồi họ cho Phaolô và Barnaba, cùng với Giuđa và Sila, lên đường về Antiôkhia. Khi đến Antiôkhia, họ đã trình bày thư chung của Hội đồng Tông đồ gửi Hội thánh Antiôkhia về việc bãi bỏ nghi thức cắt bì, rồi mỗi người ra đi rao giảng cho các dân ngoại. Thánh Phaolô, vị thầy giảng dạy các dân ngoại xuất sắc nhất, khi đến Galát, đã soi sáng dân Galát bằng đức tin vào Đức Kitô, và truyền cho họ luật Kitô giáo chứ không phải luật Do Thái, ra lệnh không được cắt bì, không giữ ngày Sabát, cũng như không tuân giữ các nghi lễ (phong tục) Do Thái theo Cựu Ước khác, mà chỉ cần tin kính vào Đức Kitô là Thiên Chúa một cách thành tâm, và sống theo ý Chúa. Sau khi dạy dỗ dân Galát như vậy, Thánh Phaolô đã lên đường về Rôma. Khi ngài đã ra đi, một số kẻ giả danh anh em, vốn là người Do Thái đã tin vào Đức Kitô, đã đến Galát; và bắt đầu làm cho dân chúng lạc lối, dạy rằng chỉ tin vào Đấng Christ thôi thì chưa đủ để được cứu rỗi, mà còn phải tuân giữ Luật Mô-sê, tức là phải chịu cắt bì, giữ ngày Sa-bát, cử hành lễ trăng mới, và thực hiện các nghi thức (lễ nghi) khác theo Luật Mô-sê. Khi biết được điều đó, Phaolô, lúc bấy giờ đang ở Rôma, đã viết thư từ Rôma gửi cho các tín hữu ở Ga-la-ti, nói rằng: *"Dù có một thiên thần từ trời xuống rao giảng cho anh em điều gì khác hơn những gì chúng tôi đã rao giảng, thì người ấy sẽ bị nguyền rủa."* Điều này cũng được nêu rõ trong lời tựa của Thư gửi cho người Ga-la-ti, và rõ ràng là Sứ đồ không viết những lời ấy cho người Nga, cũng không phải về các sách của Nga hay những lời trong sách; mà là gửi cho người Ga-la-ti về việc cắt bì, cấm họ theo lối sống Do Thái.

Những kẻ xuyên tạc ở Bryn đang nói dối, khi áp đặt những lời của Sứ đồ lên chúng ta bằng cách giải thích sai lầm của họ.

Chương 9. Về Hội Thánh do con người dựng nên

Những kẻ ly giáo còn giải thích sai lời của Thánh Tông đồ đầu tiên là Thánh Stephano, được ghi chép trong Sách Công Vụ Tông Đồ, Chương 1, khi Thánh Stephano nói với đám đông người Do Thái rằng: *"Sa-lô-môn đã xây dựng đền thờ cho Ngài; nhưng Đấng Tối Cao ngự trong những nhà thờ không do tay người tạo dựng, như lời tiên tri* Ê-sai *đã phán: 'Trời là ngai của Ta, còn đất là bệ chân Ta; các ngươi sẽ xây dựng đền thờ nào cho Ta, Chúa phán, hay nơi nào là nơi an nghỉ của Ta*[132] *?'"* Những kẻ xuyên tạc lời Chúa ở Bryn giải thích theo sự điên rồ của họ như thế này: không cần phải đến nhà thờ để cầu nguyện. Đấng Tối Cao không ngự trong những nhà thờ do tay người dựng nên; nhà thờ không nằm trong những thanh gỗ, mà nằm trong lồng ngực (tức là không phải trong tường, mà là trong lồng ngực hay trái tim); chính bản thân mỗi người đã đủ để cầu nguyện với Đức Chúa Trời, ngoài nhà thờ ra.

Để phản bác lại những suy luận điên rồ và cách giải thích sai lầm của họ, một nhà thần học nên đưa ra một cách giải thích về Đức Chúa Trời, trong đó nêu rõ rằng có một nơi *hữu hình,* có thể nhìn thấy và sờ mó được; và có một nơi *vô hình,* không thể nhìn thấy, chỉ tồn tại trong tâm trí. Nơi chốn hữu hình sẽ chứa đựng những vật hữu

[131] Công vụ 15.
[132] Công vụ 7:47–49. Ê-sai 66:1,2.

hình, giống như tường thành bao bọc thành phố, đền thờ chứa đựng con người, căn phòng chứa đựng những vật được đặt trong đó, vườn cây chứa đựng những cây được trồng trong đó; còn nơi chốn vô hình, không thể nhìn thấy, thuộc về tinh thần sẽ chứa đựng những gì vô hình, không thể nhìn thấy, thuộc về tinh thần; bản chất vô hình, trí tuệ không thể tồn tại và được xác định bởi một không gian hữu hình, trừ khi chính nó cũng là trí tuệ. Và bởi vì bản chất của Đức Chúa Trời là vô hình, phi vật chất, không thể diễn tả và không thể bao quát, vô biên, không thể thấu hiểu: nên Ngài không bị giới hạn bởi bất kỳ không gian vật chất nào, cũng không bị xác định bởi nó; Ngài hiện diện khắp mọi nơi, lấp đầy vạn vật, bao trùm vạn vật, Còn chính Ngài thì không bị giới hạn bởi bất cứ điều gì, dù là trời, hay thế gian dưới trời, hay bất kỳ đền thờ nào. Ngài (theo Thánh Damascene) chính là nơi chốn của chính mình, và ngự trong chính Ngài, trong bản thể trí tuệ của Ngài, trong Thần tính không thể thấu hiểu của Ngài[133] . Và theo lý luận thần học đó, Thánh Tông đồ đầu tiên Stephano đã nói với người Do Thái rằng: Đấng Tối Cao không ngự trong những nhà thờ do tay người tạo ra. Ngài cũng ngự trong những nhà thờ do tay người tạo ra, vì Ngài hiện diện khắp mọi nơi và lấp đầy vạn vật; tuy nhiên, không phải như Ngài ngự trong chính bản thân Ngài, mà là bên ngoài bản thể Thần Thánh của Ngài, chỉ bằng chính ân sủng chân thật của Ngài, thánh hóa và lấp đầy nơi được thánh hiến cho Ngài, và hiện diện tại đó bằng lòng thương xót yêu thương loài người của Ngài. Hơn hết, Đức Chúa Trời yêu thích ngự trong lòng và linh hồn của những con người yêu mến Ngài và trung thành phụng sự Ngài, những người mà Ngài xem như Hội Thánh không do tay người dựng nên và là nơi Ngài ngự trị. Chính vì lý do đó, Sứ đồ đã phán với những người ấy rằng*: "Các ngươi là Hội Thánh sống của Đức Chúa Trời, như Đức Chúa Trời đã phán: 'Ta sẽ ngự trong họ và đi lại giữa* họ' (*[134]*)." Về các thánh đường do tay người xây dựng, những nơi không bị tước mất sự hiện diện của Đức Chúa Trời, Thánh Damascene suy luận như sau: "Người ta nói (Đức Chúa Trời) cũng hiện diện tại nơi hữu hình, và người ta gọi đó là nơi của Đức Chúa Trời, nơi mà công việc của Ngài được bày tỏ: vì nơi của Đức Chúa Trời là nơi được tham dự nhiều vào công việc và ân sủng của Ngài; và Giáo hội cũng được gọi là nơi của Đức Chúa Trời, vì chúng ta đã xác định nơi này là đền thờ để tôn vinh Ngài, nơi mà chúng ta dâng lời cầu nguyện lên Ngài." Đến đây là lời của Thánh Damascene,

Sự giải thích này về lời của vị Tử đạo đầu tiên đã đủ rồi: nhưng vì những kẻ xuyên tạc ở Bryn không có gì thuộc về tinh thần, mà chỉ suy nghĩ theo xác thịt, và không giải thích theo Thánh Linh, mà theo xác thịt, cho rằng ngay cả Đức Chúa Trời cũng như thể xác, bị giới hạn và xác định bởi một nơi chốn hữu hình; và họ nói rằng Đức Chúa Trời hoàn toàn không hiện diện trong các nhà thờ do tay người dựng nên, và không nên đến nhà thờ để cầu nguyện; Đấng Tối Cao (họ nói) không ngự trong các nhà thờ do con người xây dựng: vì lý do đó, cần phải đưa ra lời giải thích này để chống lại sự ngụy biện của họ, như thể đó là một thực thể hữu hình và có thể sờ thấy được, nhằm vạch trần sự điên rồ của họ.

Vậy, xin hãy đưa ra ở đây một bài kiểm tra và sự điều tra về những lời của vị Tử đạo đầu tiên từ những vùng lân cận như sau:

1) Những nhà thờ nào mà vị Thánh Tử đạo đầu tiên đã nói đến?

2) Liệu Đấng Tối Cao có từng ngự trong những nhà thờ do con người xây dựng mà vị Tử đạo đầu tiên đã đề cập đến hay không?

5) Từ khi nào Đấng Tối Cao ngừng ngự trong những nhà thờ đó, mà vị Tử đạo đầu tiên đã nói đến?

4) Ngài nói những lời đó với ai?

5) Vì lý do gì mà ngài nói những lời đó?

6) Ngài đã nói vào thời điểm nào?

Chúng ta cũng hãy xem xét xem Chúa Trời có ngự trong những nhà thờ Kitô giáo do con người xây dựng, được dựng lên từ đá hay gỗ hay không?

Từ những điều này, sự điên rồ của những kẻ ly giáo sẽ được phơi bày rõ ràng.

(Ở đây tôi dùng từ "nhà thờ" và "đền thờ" như một, không phải vì không biết sự khác biệt giữa đền thờ và nhà thờ: đền thờ được xây dựng bằng tường, còn nhà thờ được hình thành bởi cộng đồng các tín hữu; nhưng vì cả Kinh Thánh thánh thiêng lẫn con người đều quen gọi các đền thờ của Đức Chúa Trời là nhà thờ do sự tụ họp của các tín hữu trong đó[135] ; vì lý do đó, ở đây cũng nên hiểu "đền thờ" và "nhà thờ" là một.)

---

[133] Sách 1, chương 17.

[134] 2 Cô-rinh-tô 6

[135] Ma-thi-ơ 24

1) TÌM HIỂU

Về những nhà thờ nào mà Thánh Tông đồ đầu tiên Stephano đã nói rằng: "Đấng Tối Cao không ngự trong những nhà thờ do tay người dựng nên"?

Ngài nói về các nhà thờ của người Do Thái, nhắc lại lời của vua Salômôn, chứ không phải về các nhà thờ Kitô giáo; vì vào thời của ngài, các nhà thờ Kitô giáo vẫn chưa được xây dựng, bởi vì ngài đã nói rằng Đấng Tối Cao không ngự trong các nhà thờ của người Do Thái.

Bạn có thể nói: Người Do Thái chỉ có một nhà thờ duy nhất, chứ không phải nhiều.

Tôi trả lời: không phải chỉ có một, mà là ba, mỗi nhà thờ xuất hiện vào một thời điểm riêng biệt.

Nhà thờ đầu tiên của họ (sau khi vượt qua Biển Đỏ) là ở sa mạc, nơi Mô-sê, theo lệnh của Đức Chúa Trời, đã dựng lên theo hình dạng lều, bằng vải đỏ, vải tím và vải lanh, và phủ da lên trên; nhà thờ này, trong bài giảng của ngài dành cho người Do Thái, Thánh Tử Đạo Đầu Tiên gọi là "lều chứng cớ" ([136]). Nhà thờ đó đi cùng dân Y-sơ-ra-ên khi họ di chuyển, được các thầy Lê-vi khiêng; và đứng yên khi họ dừng lại.

Nhà thờ thứ hai của họ là nhà thờ do vua Sa-lô-môn xây dựng, nhưng sau nhiều năm, vua Nê-bu-cát-nê-xa của Ba-by-lôn đã phá hủy nhà thờ đó.

Nhà thờ thứ ba này do Zorobabel, một vị công tước Do Thái thuộc chi tộc Đa-vít, tổ phụ của Đức Kitô, xây dựng sau khi dân Do Thái bị lưu đày sang Ba-by-lôn. Vì đã trôi qua bảy mươi năm kể từ khi Giê-ru-sa-lem và Đền thờ của Sa-lô-môn bị phá hủy, nên Zoro-ba-vel, vị công tước, cùng với nhiều người đã được thả ra khỏi Ba-by-lôn và trở về Giê-ru-sa-lem bị tàn phá, để xây dựng lại Đền thờ của Chúa. Vậy nên, ngôi đền do Zorobabel, tổ phụ của Đức Kitô, xây dựng tại Giê-ru-sa-lem vào thời Đức Kitô và các Tông đồ, sau này đã bị Tít, con trai của Vespasian, khi đến với sức mạnh của La Mã, phá hủy tận gốc rễ. Khi đó, vị thánh tử đạo đầu tiên đã nói: "Đấng Tối Cao không ngự trong những nhà thờ do tay người dựng nên," Ngài nói điều đó về cả ba nhà thờ của người Do Thái: nhà thờ của Mô-sê, của Sa-lô-môn và của Xô-rô-ba-bên. Chúng ta hãy lưu ý điều này, vì Ngài nói về các nhà thờ của người Do Thái, *chứ không phải về các nhà thờ Kitô giáo,* vốn vào thời của vị Tử đạo đầu tiên vẫn chưa được xây dựng.

2) TÌM HIỂU.

Liệu Đấng Tối Cao có từng ngự trong những ngôi đền thờ đó, mà vị Tử đạo đầu tiên đã nói đến không?

Thật vậy, Ngài đã ngự tại đó, không phải bằng cách rời bỏ trời cao, mà bằng cách ngự vào đó bằng bản thể Thần thánh của Ngài, dù Ngài là Đấng không thể chứa đựng trong các tầng trời, nhưng vẫn ngự giữa các bức tường; Ngài nhìn xuống từ trên cao, hiện diện với họ bằng ân sủng của Ngài, và bảo vệ họ bằng các Thiên thần thánh của Ngài, cho đến khi Ngài muốn. Điều này được nhận biết qua những dấu hiệu rõ ràng về sự hiện diện của Đức Chúa Trời qua ân sủng và các Thiên thần trong những nhà thờ Cựu Ước ấy.

Đức Chúa Trời ngự trong đền thờ của Môi-se bằng ân sủng kỳ diệu của Ngài, điều này được biểu hiện qua đám mây che phủ đền thờ chứng cớ, vinh quang của Chúa tràn ngập đền thờ[137] , và tiếng nói của Đức Chúa Trời từ bàn thờ phán với Môi-se, như đã chép trong chương đầu tiên của sách Lê-vi: *Chúa đã gọi Mô-sê và phán với ông từ* Đền *Thờ Chứng Cớ, rằng: "Hãy nói với con cái Y-sơ-ra-ên"[138]* . Cũng vậy, khi Sa-mu-ên còn là một thiếu niên, đang ngủ trong Đền Thờ Chứng Cớ vào ban đêm, Chúa đã gọi cậu bốn lần từ bàn thờ[139] .

Đức Chúa Trời ngự trong đền thờ của Sa-lô-môn bằng ân điển yêu thương loài người của Ngài; dấu hiệu của điều đó là đám mây và vinh quang của Đức Chúa Trời, đã tràn ngập đền thờ khi nó được thánh hiến: các thầy tế lễ không thể đứng lên để thờ phượng trước mặt đám mây, vì vinh quang của Đức Chúa Trời đã tràn ngập đền thờ[140] . Hơn nữa, trong một thị kiến, Đức Chúa Trời phán cùng Sa-lô-môn rằng: *"Mắt Ta sẽ ở đó, và lòng Ta sẽ ở đó mọi ngày"[141]* .

Đức Chúa Trời đã ngự trong nhà thờ do Xô-rô-ba-bên tu sửa lại nhờ ân sủng kỳ diệu của Ngài, điều này được chứng minh bằng dấu lạ khi nước biến thành lửa, như đã được ghi chép trong Sách Mac-ca-bê thứ hai, chương 1. Khi nước được đổ lên các của lễ, những ngọn lửa bùng lên từ chính dòng nước ấy. Hơn nữa, sự bảo vệ của các thiên thần đối với nhà thờ này cũng đã được thể hiện rõ ràng, khi các thiên thần của Chúa đã trừng phạt

---

[136] Công vụ 7

[137] Xuất Ê-díp-tô Ký 40

[138] Lê-vi 1:1, 2

[139] 1 Sa-mu-ên 3

[140] 3 Vua 8

[141] 1 Vua 9:3.

không thương xót viên quan tổng trấn Iliodora, người đã muốn cướp bóc nhà thờ[142] . Và đối với Thánh Zacharias, người đang thi hành nhiệm vụ theo lượt của mình trong nhà thờ, Thiên thần Gabriel đã hiện ra bên bàn thờ hương, báo tin về sự thụ thai của Thánh Gioan. Trong tác phẩm của Thánh Margarieta Zlatoust, quý vị sẽ tìm thấy lời nói về Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, trong đó có chép rằng: khi Đức Trinh Nữ Maria, lúc đó mới mười hai tuổi, đang cầu nguyện trong nhà thờ của Chúa (được xây dựng bởi Zorobabel) trước bàn thờ, một ánh sáng không thể diễn tả bừng sáng, và một tiếng nói vang lên từ nơi thánh: "Ngươi sẽ sinh Con Ta." Từ những dấu hiệu ấy, người ta biết rằng Đức Chúa Trời đã hiện diện trong các nhà thờ Cựu Ước của Ngài lúc bấy giờ – nhà thờ của Mô-sê, Sa-lô-môn và Xô-rô-ba-bên – bằng ân sủng của Ngài, cho đến khi Ngài muốn rời đi.

3) TÌM HIỂU

Từ khi nào Đấng Tối Cao ngừng ngự trong các nhà thờ Cựu Ước đó?

Tội lỗi của loài người đã xua đuổi ân sủng và lòng thương xót của Đức Chúa Trời khỏi chính họ và khỏi các nơi thánh. Trong đền thờ, Đức Chúa Trời đã ngừng hiện diện bằng ân sủng của Ngài vào thời điểm mà vì tội lỗi của con cháu Ê-li, dân Phi-li-tin đã bắt giữ Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời và mang nó đến A-xô-t; lúc đó, vợ của Phi-nê-a-sơ, khi đang hấp hối vì sinh nở, đã thốt lên những lời cuối cùng như sau: *"Vinh quang* của Chúa *đã rời* khỏi Y-sơ-ra-ên, vì *Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời đã bị bắt* đi*[143]* ; vinh quang của Y-sơ-ra-ên đã tiêu tan, vì Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời đã bị bắt đi!" Nhưng sau đó, nhờ những lời cầu nguyện của thánh Sa-mu-ên, vị tiên tri, vinh quang của Chúa cùng với Hòm Giao Ước đã trở lại nơi của Ngài.

Tại Đền Thờ của Sa-lô-môn, Đức Chúa Trời đã ngự trong sự nhân từ của Ngài cho đến khi các vua và dân thành Giê-ru-sa-lem sa ngã vào việc thờ lạy thần tượng. Vì thế, trong một thị kiến, Chúa đã phán cùng Sa-lô-môn rằng: *"Ta đã thánh hóa đền thờ này, mà ngươi đã xây dựng, để đặt danh Ta ở đó mãi mãi; mắt Ta sẽ luôn hướng về nơi đó, và lòng Ta sẽ ở đó mọi ngày*." *Và nếu ngươi bước đi trước mặt Ta, như cha ngươi là Đa-vít đã bước đi, với lòng khiêm nhường và chân thành, Ta sẽ củng cố ngai vàng vương quốc của ngươi mãi mãi. Nhưng nếu* các ngươi *và con cháu các ngươi* quay lưng lại *với Ta, không tuân giữ các điều răn và mệnh lệnh của Ta, mà lại thờ phượng các thần khác và cúi lạy chúng: Ta sẽ nhổ dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi đất mà Ta đã ban cho các ngươi, và ngôi đền này, mà Ta đã thánh hóa cho danh Ta, Ta sẽ loại bỏ khỏi mặt Ta[144]* . Hãy lắng nghe lời Chúa: Ngài đã hứa sẽ ngự trong đền thờ của Sa-lô-môn mãi mãi, nhưng với điều kiện sau đây: nếu các ngươi và con cháu các ngươi không lìa xa Ta để theo các thần lạ; nhưng nếu các ngươi lìa xa Ta, thì lúc đó Ta cũng sẽ lìa xa các ngươi, và Ta sẽ loại bỏ khỏi mặt Ta đền thờ đã được thánh hiến cho danh Ta. Và điều đó đã xảy ra: các vua Giê-ru-sa-lem và dân chúng đã không tuân giữ giao ước của Đức Chúa Trời; còn Đức Chúa Trời cũng không giữ lời hứa của Ngài là sẽ ở lại mãi mãi trong đền thờ của họ. Sau nhiều năm trôi qua, khi các tội ác ngày càng gia tăng, vinh quang của Đức Chúa Trời đã bị tước khỏi đền thờ của Sa-lô-môn, trước cuộc xâm lược của Na-bu-cô-đô-nô-xô cùng quân đội Ca-đê; về điều này, xin xem trong tiểu sử của Thánh Tiên Tri Ê-xê-chi-ên, ngày 21 tháng 7[145] ; cũng như trong sách tiên tri của ngài: các chương 8, 9, 10.

Trong nhà thờ được Zorobabel, tổ phụ của Đấng Kitô, trùng tu, Thiên Chúa đã hiện diện bằng ân sủng của Ngài cho đến thời điểm đó, chính tại nơi đó, Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, đã chịu khổ nạn vì chúng ta. Vì khi người Do Thái không đón nhận Con Thiên Chúa được sai đến với họ, mà còn dùng tay những kẻ vô luật pháp đóng đinh Ngài vào thập giá và giết chết Ngài[146] : lúc đó ân sủng của Thiên Chúa đã rời khỏi Hội Thánh của họ, điều này được biểu hiện qua dấu hiệu bức màn trong Hội Thánh bị xé làm hai, từ mép trên xuống mép dưới. Thánh Theophylact đã nói về điều này như sau: bức màn đã bị xé rách, cho thấy với Đức Chúa Trời rằng ân sủng của Thánh Linh đã rời bỏ Hội Thánh. Còn Thánh Ephrem, trong bài giảng về sự chịu khổ của Chúa, cũng kể lại điều này: khi bức màn trong Hội Thánh bị xé rách, chim bồ câu đã bay ra khỏi Hội Thánh, đó là dấu hiệu cho thấy Thánh Linh đã rời đi[147] .

4) TÌM KIẾM.

---

[142] 2 Maccabees 3.
[143] 1 Sử ký 4:22.
[144] 3 Vua 9:3 và các câu tiếp theo.
[145] Tờ 342.
[146] Ma-thi-ơ 22.
[147] Ê-phê-rêm, từ 48, trang 102.

Thánh Tử đạo đầu tiên đã nói những lời này với ai: "Đấng Tối Cao không ngự trong những nhà thờ do tay người dựng nên"?

Ngài nói với những người Do Thái vô tín, những kẻ đã không đón nhận Đức Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng Mêsia chân chính được sai đến với họ, không tin vào Ngài, và đã ghét bỏ Ngài; họ đã vu khống Ngài trước Philatô như kẻ thù của César và như một tên ác nhân, rồi giao nộp Ngài để chịu chết trên thập giá: nhưng khi Đấng Christ sống lại từ mộ sau ba ngày, họ đã cố gắng che giấu sự sống lại của Ngài; và sau khi Ngài thăng thiên lên trời, họ không muốn nhắc đến danh Ngài, và đã bắt bớ những ai tin vào Ngài. Những lời này được vị Tử đạo đầu tiên nói ra, *không phải dành cho các Kitô hữu chính thống,* cũng không nói về các Giáo hội Kitô giáo, mà là về các hội đường Do Thái.

5) TÌM HIỂU

Vì lý do gì mà vị Tử đạo đầu tiên lại nói những lời đó với người Do Thái?

Chính vì lý do này, người ta nói rằng người Do Thái cho rằng không có nơi nào trên đất này xứng đáng để thờ phượng Đức Chúa Trời trên trời, ngoại trừ trong nhà thờ duy nhất của họ, vốn (theo như trước đây) là nhà thờ duy nhất mà họ có: không có nhà thờ nào khác trên toàn cõi đất của họ, cũng không tìm thấy bất kỳ nhà thờ nào dưới trời được dựng lên để thờ phượng Đức Chúa Trời trên trời, trong khi lúc bấy giờ cả vũ trụ đang chìm đắm trong sự thờ lạy thần tượng, ngoại trừ nhà thờ duy nhất ở Giê-ru-sa-lem. (Có một nhà thờ tương tự như vậy ở Si-chem thuộc Sa-ma-ri, nhưng đã bị ô uế bởi các thần tượng; chúng ta sẽ nói về nó sau). Và dân Do Thái đã tự hào về nhà thờ Giê-ru-sa-lem của họ một cách kiêu ngạo, tự cao tự đại hơn cả thế gian, như đã được ghi chép trong sách Tiên tri Giê-rê-mi, chương 1, nơi sự kiêu ngạo và lời ca ngợi quá mức của họ về nhà thờ đã bị Chúa quở trách bằng những lời này: "Đừng đặt niềm tin *vào những lời dối trá,* khi các ngươi nói: *'Đền thờ của Chúa, đền thờ của Chúa, đền thờ của Chúa'*[148] ." Và Đức Chúa Trời phán với họ trong chương đó rằng: họ chỉ được ở trong đền thờ đó chừng nào họ còn làm những việc lành; nhưng khi họ sa vào sự sa đọa, thì Ngài sẽ từ chối cả đền thờ của họ lẫn chính họ. Tuy nhiên, họ đã sa vào sự sa đọa, và không ngừng tự hào một cách kiêu ngạo về Đền Thờ của Chúa, vốn tọa lạc tại Giê-ru-sa-lem; lúc bấy giờ, vị Thánh Tử Đạo đầu tiên đã nói với họ những lời đã được đề cập ở trên để phản bác sự tự hào kiêu ngạo của họ: Đấng Tối Cao không ngự trong những ngôi đền do tay người dựng nên; nghĩa là, Đức Chúa Trời không bị giới hạn bởi những bức tường do tay người dựng nên của ngôi đền. Ngài hiện diện khắp mọi nơi, trên trời và dưới đất, không bị ràng buộc vào một nơi nào cụ thể, không thể chứa đựng được bởi cả trời lẫn đất. Chừng nào các ngươi còn trung thành phụng sự Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời vẫn ở cùng các ngươi, hằng sống giữa các ngươi nhờ ân sủng của Ngài trong đền thánh của Ngài. Nhưng vì các ngươi đã bỏ Chúa, từ chối Con Thiên Chúa, nên Thiên Chúa cũng sẽ bỏ các ngươi, và cả nhà thờ do tay người xây dựng lộng lẫy của các ngươi, và phán rằng: *"Nơi ở của các ngươi sẽ bị bỏ lại cho các ngươi, hãy*[149] *."* Đó chính là sức mạnh của lời các vị tử đạo đầu tiên.

6) CUỘC TÌM KIẾM

Vào thời điểm nào vị Thánh Tử đạo đầu tiên đã phán những lời ấy?

Vào thời điểm mà Chúa chúng ta đã thăng thiên lên trời, để lại Giáo hội Do Thái trống rỗng, rút lại ân sủng của Ngài khỏi họ vì sự sa đọa và lòng ác độc mà họ đã gây ra cho Ngài; và từ lúc đó, Đấng Tối Cao đã không còn ngự trong nhà thờ do con người xây dựng của người Do Thái ở Giê-ru-sa-lem nữa . Và quả thực, vào lúc đó, Thánh Stephano đã nói với họ: "Đấng Tối Cao không ngự trong những nhà thờ do tay người dựng nên, tức là không ngự trong các nhà thờ Do Thái của các ngươi, mà Ngài sẽ ngự trong các nhà thờ Kitô giáo."

PHÂN TÍCH

Liệu Đức Chúa Trời có ngự trong các nhà thờ Kitô giáo do con người xây dựng, được dựng lên từ đá hay gỗ hay không?

Nếu trong các nhà thờ Cựu Ước, Đức Chúa Trời đã ngự bởi ân sủng của Ngài, như chúng ta đã nghe, thì ở đó chỉ có những hình bóng, những biểu tượng và những lời tiên tri về ân sủng mới; thì Ngài càng ngự nhiều hơn trong chính những nhà thờ của ân sủng mới, nơi Thân Thể và Máu của Đức Kitô được dâng hiến, tất cả các Bí tích Kitô giáo được cử hành, Thánh Thần ngự xuống trên các Bí tích đang được cử hành. Vậy chúng ta hãy bắt đầu từ nhà thờ Kitô giáo đầu tiên do con người xây dựng:

---

[148] Giê-rê-mi 7:4.

[149] Ma-thi-ơ 23:38.

Nhà thờ Kitô giáo đầu tiên do con người xây dựng bắt đầu tại Giê-ru-sa-lem, tại Si-ôn thánh, trong căn phòng trên lầu đó, nơi mà Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, trước khi chịu khổ nạn tự nguyện, đã dùng bữa Lễ Vượt Qua cùng các môn đệ của Ngài, và tự hiến chính mình dưới hình thức bánh và rượu, ban cho các môn đệ thánh và các Tông đồ của Ngài, Ngài phán: "Hãy nhận lấy, hãy ăn, đây là Thân Thể Ta; hãy uống từ chén này, đây là Máu Ta." Cũng tại căn phòng trên đó (theo lời kể trong Sách Thánh vào Thứ Tư Tuần Thánh), các môn đệ nữ của Chúa Kitô đã tụ họp lại vì sợ người Do Thái, và Chúa Kitô đã hiện ra trước mặt họ qua cánh cửa đóng kín, và đã củng cố đức tin cho Thánh Tôma. Và sau khi Chúa thăng thiên, các Thánh Tông đồ trở về từ núi Ô-li-ve đến Giê-ru-sa-lem, *họ lên căn phòng đó, và cùng nhau kiên trì cầu nguyện và khẩn nài, cùng với các phụ nữ và Ma-ri, Mẹ của Chúa Giê-su, cũng như các anh em của Ngài*[150] ; tại căn phòng đó, Thánh Thần đã ngự xuống trên các Thánh Tông đồ dưới hình dạng những lưỡi lửa[151] . Và nhờ một bài giảng duy nhất của Thánh Tông đồ Phêrô, ba ngàn người đã tin vào Đấng Kitô và chịu phép rửa: *họ kiên trì trong việc học hỏi các Tông đồ, trong sự hiệp thông, trong việc bẻ bánh* (tức là Thân Thể Chúa Kitô) *và trong các lời cầu nguyện*[152] . Chẳng phải chính trong nhà thờ Kitô giáo đầu tiên do con người xây dựng ấy, Chúa Thiên Chúa đã ngự trị một cách vô hình bằng ân sủng của Ngài sao, nơi mà các Bí tích thánh thiêng liêng của Chúa Kitô được cử hành, và Mẹ Thiên Chúa cùng các Tông đồ hiện diện?

Sau đó, các Thánh Tông Đồ đã rải rác khắp thế giới, ở bất cứ thành phố hay quốc gia nào mà họ mang ánh sáng đức tin thánh thiện đến, họ đều xây dựng các nhà thờ của Chúa và bổ nhiệm các giám mục, đồng thời ra lệnh cho các tín hữu tụ họp tại các nhà thờ của Chúa để cầu nguyện. Còn tôi thì thắc mắc: trong những nhà thờ của Chúa được các Tông đồ thiết lập ấy, liệu ân sủng vô hình của Chúa có hiện diện hay không?

Thánh Zlatoust, người đã được Thượng phụ Flavian tại Antioch phong làm linh mục, đã thấy một con bồ câu trắng và rực rỡ bay lượn trên đầu ngài[153] ; cũng vậy, đối với Thánh Grêgôriô Akragant, người đã được phong làm giám mục tại Rôma, một con chim bồ câu đã đậu trên đầu ngài: liệu ân sủng của Thiên Chúa có ngự trị trong những nhà thờ đó hay không?

Trong Phần Mở Đầu ngày *27* tháng Giêng có ghi: Có một người bệnh ở Constantinople, trong nhà thờ bên quan tài của Thánh Gioan Vàng Miệng, sau khi kết thúc bài hát kết lễ, người ấy được để nằm lại; người ấy nhìn lên hình ảnh Chúa Kitô Cứu Thế treo trên đỉnh nhà thờ, xưng thú tội lỗi của mình, và có tiếng nói từ hình ảnh ấy vang lên: "Tội lỗi của ngươi đã được tha thứ," và ngay lập tức người ấy được lành bệnh: chẳng phải đây là một dấu hiệu rõ ràng về sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong nhà thờ sao?

Maria người Ai Cập tại Giê-ru-sa-lem, cho đến khi bà tỉnh ngộ và ăn năn, không thể bước vào nhà thờ cùng với những người khác, mà bị một sức mạnh vô hình đẩy lùi khỏi cửa nhà thờ, như đã được ghi chép trong cuốn tiểu sử của bà[154] : chẳng phải đây là dấu hiệu của sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong nhà thờ đó sao?

Khi Alexius, người của Chúa, qua đời tại Roma, có tiếng nói vang lên trong nhà thờ từ bàn thờ: "Hãy đến với Ta, hỡi những ai đang vất vả và gánh nặng, Ta sẽ cho các ngươi được nghỉ ngơi"; rồi lại có tiếng nói khác: "Hãy tìm người của Chúa trong nhà của Euthymianus": liệu tiếng nói đó có phải là dấu hiệu rõ ràng về sự hiện diện của Chúa trong nhà thờ ấy không[155] ?

Lại nữa, trong Phần Mở Đầu có ghi vào ngày 5 tháng Ba: Linh mục Ammonius đang cử hành Thánh lễ trong nhà thờ, thì thấy một Thiên thần đứng bên phải bàn thờ, người ấy ghi tên những ai vào nhà thờ, còn những ai ra khỏi nhà thờ trước khi kết thúc Thánh lễ thì xóa tên đi: điều này chẳng phải là dấu hiệu cho thấy sự hiện diện của Thiên thần trong nhà thờ nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời sao?

Cũng trong Phần Mở Đầu, vào ngày 30 tháng Chín, có ghi chép về một vị tu sĩ nào đó đã bị cám dỗ về những Mầu Nhiệm Thánh Thiện của Đức Kitô, cho rằng đó không phải là Thân Thể và Máu Thật của Đức Kitô; và ông đã nhận được một sự mặc khải đáng sợ trong lúc cử hành Thánh Lễ: thấy tấm màn che nhà thờ mở ra, trời cũng mở ra, lửa từ trên cao đổ xuống cùng với đoàn thiên thần đông đảo, và một thiếu nhi nhỏ bị giết trên bàn thánh, máu của cậu chảy vào chén thánh; về điều này, Thánh Ephrem cũng đã viết trong bài giảng số 86 của ngài.

---

[150] Công vụ 1:13, 14.
[151] Công vụ 2.
[152] Công vụ 2:41 và 42.
[153] Ngày 13 tháng 11, trang 322 mặt sau. Ngày 23 tháng 11, trang 397 mặt sau.
[154] Ngày 1 tháng 4, trang 171.
[155] Ngày 17 tháng 3.

Tương tự như vậy, vào ngày 3 tháng Tư, trong "Prologue" cũng được kể lại, và trong cuốn "Cuộc đời Thánh Arsenius Vĩ đại" cũng được ghi chép như vậy[156] .

Chẳng phải tất cả những điều đó đều là những dấu hiệu rõ ràng, chứng tỏ rằng Chúa Trời đang ngự trong các nhà thờ Kitô giáo do con người xây dựng bằng những mầu nhiệm thiêng liêng và ân sủng của Ngài, và Ngài viếng thăm nơi đó qua các Thiên thần của Ngài sao?

Và còn vô số phép lạ và quyền năng khác được ghi chép trong các sách giáo hội, những điều đã xảy ra và đang xảy ra trong các nhà thờ của các thánh, những điều đó vang lên mạnh mẽ hơn cả tiếng kèn, chứng tỏ sự hiện diện của Thiên Chúa trong các đền thờ của Ngài, được xây dựng và thánh hiến để tôn vinh và ca ngợi Danh Thánh chí thánh của Ngài.

Chính tại đây, sự điên rồ của những kẻ ly giáo, những kẻ nói rằng như thể Đức Chúa Trời trên cao không ngự trong các nhà thờ do con người xây dựng, đã bị vạch trần, và giáo lý dối trá của họ, vốn cấm không cho phép vào nhà thờ để cầu nguyện, đã bị bác bỏ.

Hãy xem này, hỡi những kẻ giải thích sai lầm điên rồ! Ngay từ thuở ban đầu của đức tin Kitô giáo, người ta đã bắt đầu xây dựng các nhà thờ của Chúa, bắt đầu từ Thánh Stôna, người đã ban hành luật Kitô giáo, từ các Tông đồ, và sau đó là các người kế vị của họ, cũng như từ các vị vua và các vị công tước vĩ đại. Hoàng đế Constantine Đại đế đã xây dựng nhà thờ tại Rome; Mẹ thánh của ngài là Helena đã xây dựng nhà thờ tại Jerusalem; Hoàng đế Justinian đã xây dựng Đền thờ Khôn ngoan của Đức Chúa Trời tại Constantinople; Công tước vĩ đại Vladimir đã xây dựng Nhà thờ Thập phân tại Kiev, và sau ông, các con trai của ông tại các lãnh địa riêng của mình đã xây dựng những nhà thờ trang nghiêm; và hiện nay, những người theo đạo chính thống ở khắp mọi nơi đều đang xây dựng nhà thờ, và không ai từng nói, như các ngươi đang nói, rằng Đức Chúa Trời không ngự trong các nhà thờ do con người xây dựng của Kitô giáo. Các Thánh nhân đã tỏa sáng không chỉ ở các quốc gia khác, mà còn ngay tại nước Nga của chúng ta: và chưa từng có ai dạy như các ngươi đang dạy, rằng không nên vào các đền thờ của Đức Chúa Trời để cầu nguyện. Chẳng phải các vị thánh làm phép lạ của Nga đã xây dựng các nhà thờ do con người dựng lên ở Nga sao: Thánh Phêrô, Tổng Giám mục Toàn Nga, đã xây dựng nhà thờ tại thủ đô Moscow; Thánh Sergius, vị thánh làm phép lạ, đã xây dựng nhà thờ tại Radonezh; Thánh Zosim trên đảo Solovetsky, và các vị khác tại các nơi khác. Còn các ngươi, hỡi những kẻ chống đối, những kẻ khinh miệt các nhà thờ của Chúa, hoặc là các ngươi thánh thiện hơn tất cả các vị thánh đã xây dựng các nhà thờ của Chúa – điều đó không thể nào có được; hoặc là các ngươi bị nguyền rủa hơn tất cả các kẻ dị giáo: bởi vì ngay cả những kẻ đã ly khai khỏi Chính Thống Giáo cũng xây dựng các nhà thờ tuyệt vời dành cho Chúa theo đức tin của họ, và tụ họp tại đó để cầu nguyện; còn các ngươi thì hoàn toàn bác bỏ kiến trúc nhà thờ, và coi những nơi cầu nguyện trong các nhà thờ, cùng những hầm ngầm và hang động của chính các ngươi – nơi các ngươi tụ họp để cầu nguyện – là thiêng liêng hơn cả các nhà thờ của Đức Chúa Trời, và các ngươi còn nói rằng Đấng Tối Cao không ngự trong những đền thờ do tay người tạo ra. Phải chăng Ngài đã ngự trong các hầm và hầm ngầm của các ngươi? Chẳng phải những túp lều của các ngươi cũng do tay người làm ra sao? *Nếu* trong các nhà thờ (theo lời các ngươi) không có Đức Chúa Trời, thì làm sao Ngài lại ngự trong những túp lều của các ngươi? Quả thật, Ngài hiện diện khắp mọi nơi: nhưng cách khác trong nhà thờ thánh của Ngài; khác trong những nơi ở của kẻ có tội, cũng như khác trên trời, và khác trong địa ngục; vì ngay cả trong địa ngục, sự hiện diện của Đức Chúa Trời cũng được nói đến, như đã chép trong các Thi thiên: *"Nếu tôi xuống địa ngục,* Ngài cũng *ở đó*[157] ", Đấng cai trị trên trời, trong địa ngục thì trừng phạt ma quỷ và chuẩn bị hình phạt cho những kẻ chống lại Đức Chúa Trời. Với sự khác biệt này, Ngài lại hành động khác trong Hội Thánh thánh thiện của Ngài, nhận lời cầu nguyện và khẩn cầu từ các tín hữu; nhưng lại hành động khác trong các hầm ngầm và hang động của các ngươi, khinh bỉ các nghi lễ của các ngươi, mà các ngươi thực hiện trong bí mật, trái ngược và gây chia rẽ với Hội Thánh thánh thiện của Ngài.

Và khi các ngươi nói rằng nhà thờ không nằm trong những thanh gỗ, mà nằm trong những xương sườn, tức là trong trái tim con người, thì ta trả lời như sau: Quả thật, bất kỳ ai có đức tin chân chính, thực sự làm đẹp lòng Đức Chúa Trời và mang Ngài trong lòng mình, đều là đền thờ của Đức Chúa Trời, theo lời của các sứ đồ: "Các ngươi *há chẳng biết rằng các ngươi là đền thờ của Đức Chúa Trời, và Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự trong các ngươi*[158] ?" Nhưng xin hãy nói cho chúng tôi biết, các ngươi có biết rằng Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự trong

---

[156] Ngày 8 tháng 5, trang 363.

[157] Thi Thiên 138:8.

xương sườn các ngươi không? Nếu các ngươi biết rằng Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự trong các ngươi, thì tại sao các ngươi lại không vào Hội Thánh thánh khiết, mà lại khinh bỉ nó? Phải chăng Thánh Thần của Đức Chúa Trời không truyền cho người công chính trở lại nhà thờ? Chẳng phải Ngài còn khích lệ người ấy đến với đền thờ của Đức Chúa Trời sao? Các ngươi chẳng nghe trong Phúc Âm thánh về Thánh Simeon, người đón nhận Đức Chúa Trời, rằng: *"Và ông đã đến nhà thờ bởi Thánh Thần"*[159] sao? Chính Thánh Thần của Đức Chúa Trời dẫn dắt người công chính đến nhà thờ. Chẳng phải các Thánh Tông Đồ cũng là đền thờ của Thánh Thần của Đức Chúa Trời sao? Họ không trốn tránh nhà thờ của Đức Chúa Trời, mà trái lại, họ bám chặt lấy nơi ấy, như được ghi chép về họ ở phần cuối Phúc Âm của Thánh Luca: *"Và họ ở lại trong nhà thờ, ngợi khen và chúc tụng Đức Chúa Trời"*[160] . Còn các ngươi thì lại bỏ nhà thờ và khinh bỉ nơi ấy: điều đó chứng tỏ rõ ràng rằng trong lòng các ngươi không có Thánh Thần của Đức Chúa Trời, và trong xương sườn các ngươi không có Hội Thánh của Đức Chúa Trời; nhưng xương sườn các ngươi lại là hang ổ của bọn cướp, là nơi trú ngụ của tà linh đang lừa dối các ngươi và kéo các ngươi vào sự hủy diệt.

Các ngươi nói: "Những người sống trong sa mạc không có nhà thờ đã được cứu rỗi, như Thánh Onuphrius vĩ đại, Thánh Phaolô thành Thebes, Thánh Maria Ai Cập, và những người khác tương tự như vậy?"

Tôi trả lời: Họ được cứu rỗi mà không cần nhà thờ, bởi vì trong những sa mạc nơi họ cư ngụ, không có nhà thờ, và họ được nuôi dưỡng bởi chính "nhà thờ nội tâm" của mình, như các ngươi đã nói: "không phải trong những thanh gỗ, mà là trong xương sườn"; còn những ai sống trong các thành phố và làng mạc, nơi có vô số nhà thờ, mà lại xa lánh những nơi đó, thì làm sao có thể đạt được sự cứu rỗi được? Chẳng phải trong cuốn sách do Thánh Thuyền Trưởng đề cập, trong các quy tắc của Công đồng địa phương tại Haggra, quy tắc số 5 có ghi: "Nếu ai dạy rằng Nhà Chúa, tức là nhà thờ, phải bị coi thường, không quan tâm đến nó, hay không tụ họp trong đó vào giờ cầu nguyện và hát thánh ca, thì người ấy sẽ bị nguyền rủa[161] . "Và điều luật thứ 6 là: 'Nếu ai tụ họp riêng ngoài nhà thờ công đồng, không quan tâm đến nhà thờ, mà muốn tự lập một nhà thờ riêng, thì linh mục không được phép hợp tác với người đó theo ý muốn của giám mục, thì người đó sẽ bị nguyền rủa.' Vì theo những quy tắc đó, những kẻ ly giáo bị nguyền rủa, những kẻ vi phạm lời Kinh Thánh này: Đấng Tối Cao không ngự trong những nhà thờ do tay người dựng nên, họ xa lánh các nhà thờ của Đức Chúa Trời, mà lại cử hành các buổi họp riêng của họ trong những nơi thờ phượng bí mật chưa được thánh hiến.

Chương 10. Về sự cô lập

Tôi vẫn nghe thấy những kẻ xuyên tạc, giải thích sai lời của Đấng Christ như sau: *"Khi các ngươi cầu nguyện, hãy vào phòng riêng của mình, đóng cửa lại, rồi cầu nguyện với Cha các ngươi trong kín* đáo" ([162]); và từ những lời của Đấng Christ này, họ suy ra giáo lý sai lầm của mình, rằng người ta không nên đến nhà thờ để tham gia thánh ca chung, và họ nói rằng: Đức Kitô truyền phải cầu nguyện trong kín đáo, sau khi đã đóng cửa phòng lại; vì vậy, không nên đến nhà thờ để cầu nguyện, nơi mà nhiều người tụ tập để hát thánh ca.

Còn chúng ta sẽ xem xét bốn điều này:

1) Vì lý do nào mà Chúa Kitô đã phán những lời ấy?
2) Liệu những lời đó có cấm người ta đến nhà thờ để cầu nguyện hay không?
3) Nên cầu nguyện trong căn phòng kín nào là thích hợp nhất?
4) Việc đến nhà thờ để cầu nguyện có ích lợi gì không?

PHÂN TÍCH THỨ NHẤT

Chúa Giê-su đã phán những lời đó vì lý do gì?

Vào thời Chúa Giêsu còn ở trần gian, tại Giêrusalem có một số người được gọi là những kẻ đạo đức giả (những kẻ giả hình), theo cách nói của chúng ta là những kẻ thánh giả, những người muốn tỏ ra trước mắt mọi người rằng mình là thánh, nên họ cầu nguyện nhiều hơn cả trong nhà thờ, và họ cầu nguyện một cách giả hình khắp thành phố bằng những lời cầu nguyện kéo dài, đứng trên các đường phố và ngã ba, chia thành nhóm hai, ba, bốn người, để những người đi qua từ đây và từ đó có thể nhìn thấy họ, và tôn kính họ như những người thánh thiện;

---

[158] 1 Cô-rinh-tô 3:16.
[159] Lu-ca 2:26.
[160] Luca 24:53.
[161] Trang 58.
[162] Ma-thi-ơ 6:6.

nhưng lời cầu nguyện giả hình của họ không đẹp lòng Đức Chúa Trời, mà chỉ đẹp lòng loài người mà thôi. Vì lý do đó, Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, đã khuyên răn từng môn đệ của Ngài, phán rằng: *"Khi cầu nguyện, đừng như những kẻ đạo đức giả, những kẻ thích đứng cầu nguyện ở các góc phố và trên các ngã ba đường, để được người ta thấy; "Quả thật, Ta nói với các ngươi, họ sẽ nhận được phần thưởng của* mình[163] " (phần thưởng ở đây nghĩa là vinh quang hão huyền của loài người, vì đó chính là phần thưởng dành cho những kẻ đạo đức giả): *còn các ngươi, khi cầu nguyện, hãy vào phòng riêng của mình* và vân vân. Điều này chứng tỏ lý do tại sao Chúa đã phán những lời ấy; Ngài đã dạy phải tránh những lời cầu nguyện giả dối, giả tạo, chứ không phải những lời cầu nguyện chung trong nhà thờ, vốn đã được quy định bởi các điều lệ. Thật vậy, những kẻ giải thích sai lầm và những thầy dạy giả dối ở Bryn đang nói dối, khi dạy dân chúng tránh xa việc hát thánh ca và cầu nguyện chung trong nhà thờ, mà chỉ nên đóng cửa trong phòng cầu nguyện riêng để cầu nguyện.

PHẦN THẢO LUẬN THỨ 2

Chúa có cấm người dân đến nhà thờ cầu nguyện bằng những lời đó của Ngài không?

Không cấm, vì Ngài không gọi việc hát thánh ca trong nhà thờ là lời cầu nguyện giả dối, mà là những việc làm giả dối bên ngoài nhà thờ, trên các đường phố thành phố, nhằm khoe khoang trước mặt dân chúng; cũng không phải là những lời cầu nguyện trong nhà thờ, mà là những lời cầu nguyện giả dối được thực hiện bên ngoài nhà thờ bởi những kẻ đạo đức giả trước mặt dân chúng, mà Ngài đã cảnh báo phải tránh; còn việc đến nhà thờ để cầu nguyện, chính Chúa chúng ta đã tự mình làm gương cho mọi người, khi từ thuở ấu thơ và tuổi thiếu niên, Ngài đã bắt đầu đến nhà thờ ở Giê-ru-sa-lem, như đã được ghi chép rõ ràng trong Phúc Âm thánh; Bốn mươi ngày sau khi sinh, Ngài đã được Mẹ Ngài, Đức Trinh Nữ Maria vô nhiễm nguyên tội, dâng lên tại nhà thờ Giê-ru-sa-lem, và ông Si-mê-ôn, một cụ già, đã đón nhận Ngài trên tay mình[164] . Sau khi trở về từ Ai Cập, cha mẹ Ngài (Đức Trinh Nữ vô nhiễm và Giuse, người cha nuôi) hàng năm vào mùa hè đều từ Nazareth lên Giêrusalem để dự lễ Phục Sinh[165] ; họ cũng thường đến nhà thờ Giêrusalem để cầu nguyện. Và khi thiếu niên Giê-su được mười hai tuổi, Ngài ở lại Giê-ru-sa-lem, và được tìm thấy trong nhà thờ, đang ngồi giữa các thầy dạy. Khi đã trưởng thành, việc Ngài thường xuyên có mặt trong nhà thờ được ghi chép trong Phúc Âm. Trong Phúc Âm theo thánh Matthêu, đoạn 85: *Đức Giêsu vào nhà thờ của Thiên Chúa, đuổi hết những kẻ buôn bán và mua bán trong nhà thờ, và nói với họ: "Có chép rằng: 'Nhà của Ta sẽ được gọi là nhà cầu nguyện,' nhưng các ngươi đã biến nó thành hang ổ của bọn cướp." Và những người què và mù đã đến gần Ngài trong nhà thờ[166]* . Trong đoạn 85: *Khi Ngài đến nhà thờ, các thầy tế lễ cả và các trưởng lão dân chúng đã đến gần Ngài, hỏi rằng: "Bằng quyền năng nào mà Ngài làm những việc này[167]* ?" Trong đoạn 108: *"Hằng ngày tôi ngồi giảng dạy trong nhà thờ với các ông, mà các ông không nhận ra tôi[168]* ." Trong Phúc Âm Luca, đoạn 98: *Ngài dạy dỗ trong nhà thờ suốt ngày[169]* . Trong đoạn 108: *Ban ngày Ngài dạy dỗ trong nhà thờ, còn ban đêm thì ra khỏi đó và ngự trên ngọn núi gọi là Ô-li-ôn[170]* . Trong Phúc Âm Gioan, đoạn 26: *Vào giữa lễ hội, Đức Giê-su lên nhà thờ[171]* . Trong đoạn 27: *Chúa Giê-su đi lên núi Ô-li-ve, sáng hôm sau lại đến nhà thờ, và mọi người đều đến với Ngài[172]* . Trong đoạn 37: *có lễ hội tại Giê-ru-sa-lem, và Chúa Giê-su thường lui tới nhà thờ[173]* . Vậy, nếu theo các chứng từ trong Phúc Âm về điều này, rằng chính Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, thích đến nhà thờ, thì làm sao Ngài lại cấm người khác đến nhà thờ để cầu nguyện được? Những kẻ xuyên tạc đang nói dối khi cho rằng Chúa Kitô không cho phép đi nhà thờ, mà chỉ được cầu nguyện trong một căn phòng kín. Thánh Gioan Kim Khẩu cũng đã vạch trần sự dối trá của họ trong Bài giảng thứ 19 về Phúc Âm theo Thánh Matthêu, trang 240, khi ngài nói: "Hãy vào phòng cầu nguyện của ngươi: vì sao lại không được cầu nguyện trong nhà thờ?" Và điều đó rất nên làm, nhưng với lòng thành (không giả dối); vì ở đâu Chúa cũng tìm kiếm những người có trí tuệ. Thánh Theophylactus cũng vậy, trong phần giải thích Phúc Âm, về chính những lời của Chúa Kitô: "Hãy

---

[163] Ma-thi-ơ 6:5.
[164] Luca 2.
[165] Luca 20.
[166] Ma-thi-ơ 21:12 và các câu tiếp theo.
[167] Cùng chương, câu 23.
[168] Cùng chỗ, chương 26, câu 56.
[169] Lc 19:47.
[170] Luca 21:37.
[171] Giăng 7:14.
[172] Giăng 8:1 và 2.
[173] Giăng 10:22 và 23.

vào phòng cầu nguyện của ngươi", ngài nói: "Sao lại không cầu nguyện trong nhà thờ chứ?" Thậm chí còn phải cầu nguyện nhiều hơn nữa: nhưng với tâm tư chân chính, để không bị coi là người giả hình; bởi vì chính nơi chốn không làm hại, mà là ý nghĩ, lý trí và hành động: vì có nhiều người cầu nguyện trong bí mật, nhưng lại làm điều đó để lấy lòng người khác. Đến đây là lời của Thánh Theophylact.

PHẦN THẢO LUẬN THỨ 3

Nên cầu nguyện trong căn phòng nào là thích hợp nhất?

Con người có *hai loại* "lồng" để cầu nguyện: lồng vật chất và lồng tinh thần. Lồng vật chất được làm từ gỗ hoặc đá; còn lồng tinh thần chính là trái tim hay trí tuệ của con người. Thánh Theophylact, khi giải thích những lời tiên tri của Chúa Kitô, đã nói: *"Lồng ấy chính là suy nghĩ thầm kín."* Ngôi nhà vật chất đứng yên tại một chỗ; còn ngôi nhà tinh thần thì luôn đi theo con người khắp mọi nơi. Dù ở đâu, con người cũng luôn mang theo trái tim mình bên trong; trong đó, họ có thể tập trung những suy nghĩ của mình, khép kín tâm trí vào chính mình, và hướng tâm trí lên Thiên Chúa, cầu nguyện trong thầm lặng, ngay cả khi đang ở giữa đám đông. Thánh Ambrose dạy như sau: Đấng Cứu Thế phán: "Hãy vào phòng cầu nguyện của ngươi, không phải là phòng được bao bọc bởi tường, nơi các chi thể của ngươi được che chở, mà là phòng cầu nguyện nằm bên trong ngươi, nơi những suy nghĩ của ngươi được che chở. Cái phòng cầu nguyện ấy luôn ở cùng ngươi khắp mọi nơi, và luôn luôn bí mật, không ai nhìn thấy được, ngoại trừ một mình Thiên Chúa." Đến đây là lời của Thánh Ambrose. Trong cái phòng thiêng liêng này, luôn mang theo bên mình, tức là trong lòng, thì nên cầu nguyện nhiều hơn so với trong cái phòng vật chất, chỉ đứng yên tại một chỗ; với ngôi nhà cầu nguyện thiêng liêng này , người ta nên đến nhà thờ, và dâng những lời cầu nguyện được tâm trí hướng lên Thiên Chúa từ những nơi thầm kín nhất trong lòng; đừng cầu nguyện trong ngôi nhà cầu nguyện của trái tim mình bằng những lời cầu nguyện được tâm trí hướng lên Thiên Chúa, dù nó có được đóng kín để cầu nguyện trong những hang động ngầm, hay dù người ta chui vào hang động dưới đất để cầu nguyện; thì người ấy không cầu nguyện, mà chỉ nói suông, và lời cầu nguyện của người ấy trở thành tội lỗi… Những kẻ giải thích sai lầm đang nói dối, khi dạy rằng chỉ nên đóng cửa cầu nguyện trong những căn phòng vật chất, mà bỏ qua nhà thờ, cũng như những lời cầu nguyện từ trái tim dâng lên Thiên Chúa tại đó.

SỰ XEM XÉT THỨ 4

Có ích lợi gì khi đến nhà thờ để cầu nguyện không?

Về điều này, thánh Gioan Kim Khẩu (thay cho nhiều người) đã trả lời trong cuốn sách mang tên "Margarit", trong bài giảng thứ 5 về Đấng Khôn Ngờ: bài giảng đó được ngài giảng cho dân chúng khi ngài còn là linh mục tại Antiôkhia; trong bài giảng đó, ngài quở trách dân chúng vì họ lười biếng không đến dự Thánh Lễ; nhưng khi nghe bài giảng của ngài sau Thánh lễ, họ lại hối hả chạy đến, bỏ lại mọi việc và thậm chí còn thúc giục lẫn nhau. Ngài nói với họ: "Sự yếu đuối này là gì? Một đám đông vô số (người) đã tụ tập ở đây hôm nay, và đang lắng nghe những lời được nói ra với sự chú ý cao độ, nhưng vào giờ phút quan trọng nhất (trong Thánh lễ), tôi đã không thể tìm thấy (các bạn) giữa đám đông, và tôi đã than thở rất nhiều. Vì khi tôi, người tôi tớ, nói chuyện với các bạn, thì có sự chăm chú và lòng nhiệt thành kéo dài, các bạn lắng nghe lẫn nhau, và thậm chí ở lại đến cuối bài giảng; còn những ai muốn hiện diện với Chúa Kitô trong các mầu nhiệm thánh, thì dù nhà thờ trống rỗng, họ vẫn chăm chú[174] . Nhưng đây là câu trả lời lạnh lùng của nhiều người: "Tôi có thể cầu nguyện ở nhà," họ nói, "nhưng không thể tiếp nhận những bài giảng và sự dạy dỗ ở nhà." Hỡi con người đang tự lừa dối mình: cầu nguyện tại nhà thì có thể, *nhưng cầu nguyện như ở nhà thờ thì không thể,* nơi có đông đảo các vị cha, nơi tiếng kêu cầu lên Thiên Chúa được dâng lên đồng lòng. *Không ai được Chúa nghe lời cầu nguyện khi cầu nguyện một mình như khi cầu nguyện cùng anh em mình*. Bởi vì ở đây có những điều làm tăng thêm sức mạnh, như sự đồng lòng và hòa hợp, tình yêu thương gắn kết, cùng những lời cầu nguyện của các linh mục. *Chính vì lý do này mà các linh mục đứng đó, để những lời cầu nguyện yếu ớt của dân chúng, khi được kết hợp với những lời cầu nguyện mạnh mẽ nhất* (của các linh mục)*, sẽ cùng nhau vươn lên trời*[175] . Đến đây là lời của Thánh Zlatoust.

Tại đây, mọi người hãy lắng nghe và hiểu rõ những lời của Thánh Xê-đô-xô: cầu nguyện tại nhà là điều có thể, nhưng cầu nguyện như trong nhà thờ thì không thể; và nữa: khi cầu nguyện riêng với Chúa, lời cầu nguyện của bạn sẽ không được lắng nghe như khi cầu nguyện cùng với anh em mình; và nữa: chính vì lý do này mà các linh

[174] Trang 23.
[175] Dưới đây.

mục đứng ra, để những lời cầu nguyện yếu ớt của dân chúng, khi kết hợp với những lời cầu nguyện mạnh mẽ nhất của các linh mục, sẽ cùng nhau vươn lên trời; và hãy xem, việc đến nhà thờ để cầu nguyện có ích lợi biết bao.

Và một lần nữa, vị Thầy vĩ đại ấy, trong những lời tiếp theo, phán rằng: vào thời điểm đó, hỡi người được yêu mến, (tức là vào giờ Thánh lễ), không chỉ con người cất lên tiếng kêu thảm thiết ấy, mà cả các Thiên thần cũng quỳ lạy trước Chúa, và các Tổng lãnh thiên thần cũng cầu nguyện: vì họ có thời điểm thuận lợi, và của lễ giúp đỡ. Cũng như loài người, sau khi cắt những cành ô-liu, đến trước các vị vua, và vì vườn cây, lòng nhân từ và tình yêu thương loài người mà họ nhắc nhở các vị ấy: cũng vậy, các Thiên thần lúc đó, thay vì những cành ô-liu, dâng lên chính Thân Thể của Chúa, cầu xin Đức Chúa vì bản tính con người, không nói rõ ràng rằng: "Chúng con cầu nguyện cho những người này, những người mà chính Ngài đã yêu thương trước đó, như Ngài đã hiến dâng linh hồn Ngài vì họ; chúng con dâng lời cầu nguyện cho những người này, những người mà Ngài đã đổ máu vì họ; chúng con cầu nguyện cho những người này, những người mà Ngài đã hiến dâng thân thể Ngài vì họ[176] ." Đến đây là lời của Thánh Zlatoust.

Những kẻ xuyên tạc đang nói dối khi khẳng định rằng việc đến nhà thờ để cầu nguyện chẳng mang lại lợi ích gì.

Chẳng lẽ những kẻ phỉ báng các nhà thờ của Đức Chúa Trời lại không muốn dẫn lời của chính Thánh Gioan Vàng Miệng để củng cố những lời phỉ báng của họ, khi ngài trong Thư thứ nhất gửi tín hữu Cô-rinh-tô, tại đoạn giảng dạy số 56, đã phán rằng: "Hồi đó (thời các Tông đồ), các ngôi nhà cũng là nhà thờ; còn bây giờ, nhà thờ cũng chỉ là một ngôi nhà, thậm chí chẳng khác gì những ngôi nhà bình thường hay quán rượu, chẳng có gì khác biệt so với những nơi chúng ta gọi là nhà thờ. Chẳng qua chỉ là tiếng cười, là sự hỗn loạn, giống như trong các nhà tắm công cộng, giống như ở chợ, nơi mọi người nói, nói với nhau: '[177] '?"

Tôi trả lời: Thánh Zlatoust không hạ thấp các đền thờ của Đức Chúa Trời, mà là những kẻ không bước vào nhà thờ với lòng kính sợ Đức Chúa Trời, và không tỏ lòng tôn kính khi đứng trong nhà thờ, mà chỉ nói chuyện thay vì cầu nguyện, và bàn luận về những chuyện bên ngoài thay vì lắng nghe tiếng hát thánh ca; Ngài lên án những người đó, còn ngôi đền thờ của Chúa thì Ngài ca ngợi hết mực, và tại đó Ngài phán: "Nhà thờ không phải là tiệm cắt tóc, cũng không phải là tiệm bán dầu thơm, hay là nơi buôn bán nào đó ở chợ, *mà là nơi của các thiên thần, nơi của các tổng lãnh thiên thần, vương quốc của Chúa, chính là thiên đàng."* Và trong Thư thứ hai gửi tín hữu Cô-rinh-tô, tại đoạn 50, ngài nói: *"Chúng ta hãy hôn nhau tại tiền sảnh và lối vào nhà thờ,* khi gặp nhau." Hay các ngươi không thấy rằng các nữ tu và tiền sảnh của nhà thờ này đang hôn nhau[178] . Đến đây là lời của Thánh Xa-lô-môn. Điều này chứng tỏ rằng vị Thầy thánh thiện ấy không ủng hộ những kẻ phỉ báng nhà thờ, vì Ngài không hạ thấp nhà thờ, mà là những con người liều lĩnh, thiếu lòng kính sợ khi đứng trong nhà thờ và nói năng thiếu tôn kính.

Những kẻ xuyên tạc đang nói dối một cách trắng trợn, và trong cơn giận dữ, họ điên cuồng phỉ báng các đền thờ của Đức Chúa Trời, và cấm người ta đến đó để cầu nguyện.

Chương 11. Về việc thờ phượng

Gần đây, chúng tôi đã nhận được tin báo rằng, một số người đàn ông và phụ nữ trong giáo phận của chúng tôi đã bị những kẻ giảng dạy sai lầm và những kẻ xuyên tạc, những kẻ bí mật đến gặp họ, dạy dỗ, và họ lại dạy những người giống mình rằng: không chỉ không được đến nhà thờ để cầu nguyện, mà ngay cả trong nhà cũng không được cầu nguyện với sự tôn kính xứng đáng với Đức Chúa Trời trước các thánh tượng, tức là cúi người và cúi đầu xuống đất, mà chỉ được cầu nguyện bằng tâm trí trong lòng mình mà thôi. Để củng cố sự dạy dỗ sai lầm của mình, họ dẫn chứng lời Chúa Kitô trong Phúc Âm khi Ngài nói với người phụ nữ Samari: *"Những người thờ phượng chân chính sẽ thờ phượng Cha bằng Thần Khí và sự* thật" (*[179]*); và họ giải thích sai lời ấy bằng cách nói: "Không nên cúi người và cúi đầu xuống đất; Đức Kitô không ra lệnh như vậy, mà chỉ bằng Thần Khí, ngay cả khi đang nằm. Và họ viện dẫn cuốn sách được gọi là "Phúc Âm Giảng Thuyết Chúa Nhật", trong đó, vào tuần lễ nói về người Samari, những lời của Đức Kitô được giải thích như sau: "Những người thờ phượng chân chính sẽ thờ phượng Cha không phải bằng thân xác, mà bằng Thần Khí"[180] . Ôi sự điên rồ tột độ của những kẻ dạy dỗ sai lầm và

[176] Tờ 25.
[177] Tờ 1007.
[178] Trang 1452.
[179] In. 4:23.
[180] Tờ 115.

những kẻ xuyên tạc! Lời Chúa, những lời trong sạch, bị họ bóp méo như thể không cho phép thờ phượng Đức Chúa Trời bằng sự cúi lạy thể xác xuống đất. Thay vì nên lợi dụng những lời ấy, họ lại tự gây hại cho chính mình bằng cách giải thích điên rồ những lời của Chúa Kitô. Công việc giả dối của những kẻ dạy dỗ sai lầm cũng giống như thế này: khi bông hoa được tưới bằng sương sớm, con ong bay đến thu thập sương từ đó, cũng như con nhện bò đến, cũng thu thập sương từ cùng một bông hoa đó; nhưng sương mà chúng thu thập không biến thành cùng một thứ: ở con ong, nó biến thành mật ong, còn ở con nhện, nó biến thành nọc độc chết người. Những kẻ xuyên tạc này, từ những bông hoa là Lời Chúa, cũng chính từ đó, những người có đức tin chân chính và đức hạnh, giống như những con ong thu thập mật ong, thu lượm lợi ích ngọt ngào cho tâm hồn; còn họ, từ chính những Lời Chúa ấy, giống như những con nhện, lại tiếp nhận sự độc hại của tà giáo. Thánh Dorotheus đã nói rất đúng: "Linh hồn có thói quen xấu sẽ bị tổn hại bởi mọi sự vật, dù đó là điều hữu ích[181] ". Vậy chúng ta đừng ngần ngại đáp trả sự điên rồ của họ và vạch trần những giáo lý sai lầm của họ; hãy xem xét những lời của Chúa Kitô như sau:

1) Vì lý do gì mà Chúa Kitô đã phán những lời ấy với người Samari?

2) Liệu những lời ấy có cấm con người không được thờ phượng Thiên Chúa bằng thân xác không?

Chúng ta cũng sẽ tìm hiểu ý nghĩa của câu: "thờ phượng bằng tinh thần và lẽ thật" là gì?

Nhưng trước tiên, hãy tóm tắt ngắn gọn lịch sử về sự ly giáo hay sự chia rẽ giữa người Do Thái và người Samari, để những người vô học đơn sơ có thể dễ dàng hiểu được điều mà chúng ta định xem xét.

Kể từ khi vua Sa-lô-môn qua đời, tức là từ khi con trai ông là Rô-bô-am lên ngôi, sự chia rẽ bắt đầu nảy sinh giữa các chi phái Y-sơ-ra-ên, cũng như giữa Giê-ru-sa-lem và Sa-ma-ri (về điều này đã được ghi chép chi tiết trong Sách Các Vua thứ ba và thứ tư), cho đến khi dân bị lưu đày sang Ba-by-lôn[182] . Khi trở về từ Ba-by-lôn, sự chia rẽ giữa họ lại tái diễn, nhất là kể từ thời điểm vị thượng tế Do Thái, tên là Iadda, anh trai của Ma-na-si, vì lấy vợ ngoại tộc—người ta nói rằng đó là con gái của một vị công tước Sa-ma-ri—nên đã bị đuổi khỏi chức vụ tế lễ, và từ Giê-ru-sa-lem đi đến Sa-ma-ri để ở với cha vợ mình (sự việc này xảy ra vào thời Alexander Đại đế). Người tên Ma-na-si-a ấy, tại Sa-ma-ri, trên ngọn núi cao nhất có tên là Ga-ri-zim (gần chân núi đó có thành Si-chem, sau này được gọi là Si-ha-r), với sự giúp đỡ của cha vợ, đã xây dựng một nhà thờ giống hệt nhà thờ Giê-ru-sa-lem, và trở thành vị tổng giám mục đầu tiên tại đó. Kể từ đó, sự chia rẽ giữa người Do Thái và người Samaria càng trở nên sâu sắc hơn. Vì người Samari, dù cũng thuộc dòng dõi Y-sơ-ra-ên, không đến nhà thờ Giê-ru-sa-lem để thờ phượng, mà tại nhà thờ của họ trên núi Ga-ri-zim, họ dâng lễ vật cầu nguyện với Đức Chúa Trời trên trời, và họ coi trọng nhà thờ của mình hơn nhà thờ Giê-ru-sa-lem, dù sau này nhà thờ đó có chứa các thần tượng: Vì Antiochus, người được gọi là Epiphanes, vua xứ Syria, đã đặt tượng thần Zeus trong đó. Và đã có sự thù hận lớn lao giữa người Giê-ru-sa-lem và người Sa-ma-ri; họ ghê tởm lẫn nhau đến nỗi không ăn, không uống, cũng không trò chuyện với nhau; chính vì lý do đó mà người phụ nữ ấy đã nói với Chúa Giê-su: *"Sao ngươi, là người Do Thái, lại xin nước uống từ ta, một người phụ nữ Sa-ma-ri?"*

Hơn nữa, họ cũng không vào các thành phố của nhau. Người Giê-ru-sa-lem không vào các thành phố của người Sa-ma-ri, vì họ coi họ như những kẻ ngoại đạo, tức là những kẻ vô thần. Chính vì lý do đó, Chúa Giê-su, để nhượng bộ tính cách độc ác của người Do Thái, đã ra lệnh cho các môn đệ tránh xa người Sa-ma-ri, phán rằng: *"Đừng đi vào các vùng đất của dân ngoại, và đừng vào thành của người Sa-ma-ri*" (*[183]*). Còn người Sa-ma-ri thì không vào các thành phố của Giê-ru-sa-lem, và họ cũng bị người Do Thái tẩy chay khỏi cộng đồng. Và người Samari bị người Do Thái ghét đến mức ngay cả việc nhắc đến tên "Samari" cũng khiến họ thấy ghê tởm. Khi họ muốn chỉ trích Chúa của chúng ta, họ đã nói: *"Chúng tôi có nói sai chăng khi bảo rằng ngài là người Samari*?"*[184]* . Họ luôn tranh cãi không ngừng về các nhà thờ của họ. Người Do Thái nói: "Chúng tôi có một nơi thích hợp để thờ phượng Đức Chúa Trời trên trời, đó là nhà thờ của chúng tôi tại Giê-ru-sa-lem; *vì luật pháp đã xuất phát từ Si-ôn, và lời của Chúa từ Giê-ru-sa-lem,* như lời tiên tri đã nói[185] ; và một lời khác: *Chúa sẽ kêu gọi từ Si-ôn, và từ Giê-ru-sa-lem Ngài sẽ cất tiếng;* và chính Đức Chúa Trời phán: *"Ta là Đức Chúa Trời của các ngươi, Đấng ngự tại Si-ôn, trên núi thánh của Ta, và Giê-ru-sa-lem sẽ được thánh hóa"[186]* . Chỉ có Đức Chúa Trời ngự trong chúng ta (người

---

[181] Lời 18, trang 103.
[182] 3 Vua 12.
[183] Ma-thi-ơ 10:5.
[184] Giăng 8:48.
[185] Mi-chê 4:2.
[186] Giô-ên 3:10 và 17.

Do Thái đã nói như vậy), và chúng ta mới là những người xứng đáng thờ lạy Ngài và dâng của lễ cho Ngài; và không có nơi nào khác trên toàn cõi trời đất được chọn để Ngài ngự và được thờ phượng, ngoài Nhà thờ Giê-ru-sa-lem của chúng ta.

Còn người Samari, những người không chấp nhận các sách tiên tri ngoài các sách của Mô-sê, lại nói ngược lại, cho rằng họ mới là những người đáng được thờ phượng Đức Chúa Trời trên trời bằng các lễ vật tại núi của họ và trong nhà thờ của họ, vì những lý do sau đây: rằng Áp-ra-ham, khi từ Mesopotamia (vùng giữa hai con sông) đến xứ Ca-na-an, ban đầu đã đến Si-chem và dựng tại đó bàn thờ đầu tiên dâng lên Đức Chúa Trời, dâng của lễ, và nhận được lời hứa từ Đức Chúa Trời[187] ; cũng như Gia-cốp, khi trở về từ Mesopotamia cùng các vợ và con cái, đã dựng đền thờ của mình tại Si-chem, sau khi mua một phần đất từ Emmor, cha của người Si-chem, và các con trai của Gia-cốp, Si-mê-ôn và Lê-vi, bằng sự dũng cảm của mình, đã đánh bại dân Si-chem vì họ đã sỉ nhục em gái họ là Đina, và hài cốt của Giô-sép, được mang về từ Ai Cập, đã được an táng tại đây, theo chính di chúc của Giô-sép; bởi vì Gia-cốp, khi sắp qua đời, đã ban cho ông nơi đó làm gia nghiệp[188] . Tại đây, Giô-suê, sau khi vượt qua sông Giô-đanh, phá hủy thành Giê-ri-cô và đánh bại vua Gai-xơ, đã dựng nên bàn thờ đầu tiên dâng lên Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, như Môi-se, tôi tớ của Đức Chúa Trời, đã truyền cho ông: và Ngài đã khắc luật pháp của Đức Chúa Trời lên những tảng đá, đọc cho cả hội chúng con cái Y-sơ-ra-ên nghe, và lần đầu tiên tại đây, dân Y-sơ-ra-ên đã được ban phước[189] . Vì ở đây (như người Samari đã nói) mới là nơi thích hợp để thờ phượng Đức Chúa Trời trên trời, và không có nơi nào khác dưới trời này được chọn để sống và thờ phượng Ngài, ngoài ngọn núi này và nhà thờ của chúng ta.

Với những tranh luận như vậy giữa người Samari và người Giu-đa, là những con người thuộc về xác thịt, những người không hiểu biết về sự thuộc linh, mỗi bên đều xác định nơi của Đức Chúa Trời theo cách riêng của mình: bên này cho rằng chỉ có Đức Chúa Trời mới ngự tại nơi của họ; còn bên kia thì cho rằng Đức Chúa Trời ngự tại nơi của họ, mà không biết rằng Ngài hiện diện khắp mọi nơi và làm trọn mọi sự.

Ở đây, chúng ta sẽ bắt đầu xem xét.

PHÂN TÍCH THỨ NHẤT

Vì lý do gì mà Chúa Kitô đã phán những lời ấy: "những người thờ phượng chân chính" và những lời khác, với người Samari?

Ngài nói những lời này vì những lý do sau:

1) Để chỉ ra quan niệm sai lầm của họ về Đức Chúa Trời, như thể Đức Chúa Trời chỉ được xác định bởi một nơi duy nhất trên đất, và chỉ bị giới hạn trong một đền thờ duy nhất; vì lý do đó, Ngài phán: "Các ngươi thờ lạy Đấng mà các ngươi không biết." Các ngươi không biết, Ngài phán, rằng Đức Chúa Trời không bị giới hạn bởi bất kỳ nơi chốn hay đền thờ nào, nhưng Ngài hiện diện khắp mọi nơi một cách vô hạn và không thể bao quát được.

2) Để hạ bệ sự kiêu ngạo của người Samari và người Do Thái, những kẻ tự hào về các đền thờ của mình, đồng thời tiên tri về sự hủy diệt của chúng; vì thế Ngài phán: "Sẽ đến giờ mà các ngươi sẽ không thờ phượng Cha ở trên núi này cũng như ở Giê-ru-sa-lem nữa." Đó chính là nhà thờ Giê-ru-sa-lem, nơi người Do Thái tự hào, và nhà thờ của các ngươi, nơi các ngươi tự hào; nhưng chẳng bao lâu nữa, chúng sẽ bị phá hủy, đất nước các ngươi sẽ bị tàn phá, và các lễ vật của các ngươi sẽ chấm dứt.

3) Xin Ngài loại bỏ sự thù hận và tranh chấp vô ích khỏi họ, dẫn dắt họ đến sự hòa hợp trong tình yêu thương, để người Do Thái và dân ngoại cùng hợp thành một Hội Thánh; vì lý do đó, Ngài cũng nhớ đến Cha, để Ngài tạo nên những con cái của Đức Chúa Trời, thiết lập tình huynh đệ giữa họ, và bày tỏ những người thờ phượng chân chính trong số những người Do Thái và dân ngoại tin vào Ngài.

4) Ngài sẽ vạch trần sự thờ phượng giả dối mà họ dâng lên Thiên Chúa, vốn chỉ dựa trên xác thịt chứ không phải trên Thần Khí; vì thế Ngài phán: *"Những người thờ phượng chân chính sẽ thờ phượng Cha bằng Thần Khí và Chân Lý,* chứ không phải bằng sự thờ phượng chỉ dựa trên xác thịt và những của lễ động vật."

PHÂN TÍCH THỨ HAI

Liệu Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế, có cấm con người, qua những lời ấy, không được cúi đầu và quỳ gối xuống đất để thờ phượng Thiên Chúa không?

---

[187] Sáng Thế Ký 12.

[188] Sáng Thế Ký 33 và 34.

[189] Giô-suê 8.

Hoàn toàn không. Vì nếu Ngài cấm, thì Ngài đã không chấp nhận sự thờ phượng bằng cả thân thể mà các mục tử và ba vị vua Ba Tư, *những người đã quỳ xuống thờ lạy Ngài,* dâng lên khi Ngài còn trong tã lót. *Nếu* Ngài cấm việc cúi lạy Đức Chúa Trời bằng thân thể, thì Ngài đã không cho phép người phụ nữ tội lỗi chạm vào chân Ngài[190] , và dùng nước mắt rửa chân Ngài, dùng tóc lau khô và hôn chân Ngài. *Và người bị bệnh hủi đã cúi lạy Ngài, nói: "Lạy Chúa! nếu Ngài muốn, Ngài có thể làm cho con được sạch*[191] ; *và một vị quan nào đó đến quỳ lạy Ngài, nói: "Con gái tôi sắp chết rồi, nhưng xin Ngài hãy đến, đặt tay Ngài lên nó, thì nó sẽ sống lại*[192] ; và các môn đệ của Chúa Kitô, khi đang ở trên thuyền, sau khi Phêrô được cứu khỏi bị chìm, *đã đến quỳ lạy Ngài, nói rằng: "Quả thật, Ngài là Con Thiên Chúa"*[193] *. Và người vợ người Canaan đã quỳ xuống thờ lạy Ngài*[194] *; còn Maria, em gái của Lazarô, khi thấy Chúa Giêsu, đã quỳ xuống dưới chân Ngài và thưa rằng: "Lạy Chúa! Nếu Ngài có ở đây, thì anh em con đã không chết*[195] . Nếu Đức Kitô, với tư cách là con người, cấm con người quỳ lạy Thiên Chúa bằng thân xác, thì chính Ngài đã không quỳ gối, và ngã xuống đất, sấp mặt xuống đất trong lời cầu nguyện trước Cha Ngài, khi Ngài cầu nguyện với Thiên Chúa Cha trong vườn. Nếu Ngài cấm việc quỳ lạy, thì làm sao Ngài lại không cấm các môn đệ của Ngài, khi sau khi phục sinh, Ngài đến núi ở Galilê và hiện ra với họ*;* khi *thấy Ngài,* họ *đã quỳ lạy Ngài*[196] *. Và khi Ngài thăng thiên lên trời, họ* cũng *đã quỳ lạy Ngài*[197] ? Hơn nữa, trên trời, hình ảnh việc thờ lạy Thiên Chúa cũng đã được bày tỏ cho Thánh Gioan Thần Học trong Sách Khải Huyền, qua hai mươi bốn vị trưởng lão, những người đã quỳ xuống *trước Đấng ngự trên ngai vàng* và thờ lạy *Đấng hằng sống muôn đời*[198] . Nhưng hãy bỏ qua những lời văn chương, tôi sẽ nói một cách rất đơn giản: Các vị Thánh Cha Nga có phải đã không thực hiện những lời cúi lạy trên đất trong các lời cầu nguyện của họ dâng lên Thiên Chúa không? Và ngày nay, những ai lo lắng cho sự cứu rỗi của mình có phải cũng làm như vậy không? Quả thật, những kẻ xuyên tạc đang nói dối, khi họ bịa đặt ra điều mới mẻ, dạy người ta không được cúi lạy bằng thân thể, và vu khống chính Đức Kitô, như thể Ngài không ra lệnh phải cúi lạy bằng thân thể, mà chỉ bằng tinh thần mà thôi.

Giải thích những lời của Chúa Kitô.

Để hiểu rõ hơn về việc thờ phượng Đức Chúa Cha bằng tinh thần và lẽ thật, trước tiên chúng ta cần xem xét cách người Do Thái và người Samari thờ phượng Đức Chúa Trời như thế nào. Hãy cùng xem xét từ cuốn sách đó, được gọi là Phúc Âm Giảng Dạy Chủ Nhật, cuốn sách mà như chúng ta đã nói trước đây, đang bị hiểu sai, như thể nó dạy không nên thờ phượng bằng thân xác, mà chỉ bằng Thánh Linh, và chúng ta sẽ đọc lời giải thích trong cuốn sách đó.

Trong đó có chép như sau: "Những người thờ phượng chân chính là những người tin vào Ngài: chính chúng ta, những người thuộc Hội Thánh, là những người thực sự tôn kính Đức Chúa Trời, chứ không phải những người cúi lạy trước hình bóng, như người Do Thái và người Sa-ma-ri: vì mọi của lễ của người Do Thái đều là hình bóng và biểu tượng của lẽ thật; còn những người thờ phượng chân chính thì thờ phượng Cha không phải bằng thân xác, mà bằng tinh thần, tức là không phải bằng những của lễ thể xác, mà bằng những của lễ thuộc linh"[199] , phần giải thích đến đây. Hãy xem, cuốn sách này tự giải thích như thế nào: không phải bằng thân xác, tức là không phải bằng các của lễ vật chất của người Do Thái và người Samari, mà là bằng Thánh Linh, tức là bằng các của lễ thuộc linh của Kitô giáo. Điều này không nói về thân xác con người, để con người không thờ phượng Đức Chúa Trời bằng thân xác, mà nói về các của lễ theo Luật Môi-se; vì đó là hình thức thờ phượng theo Cựu Ước bằng thân xác, tức là dâng thân xác của các loài vật, chiên con, bò con và dê con làm của lễ dâng lên Đức Chúa Trời. Dân Do Thái và dân Sa-ma-ri cũng thờ phượng bằng thân xác của họ, nhưng họ không biết cách dâng lên Đức Chúa Trời tinh thần của mình, tức là trí tuệ và ý nghĩ của mình, và hướng chúng về Ngài. Người hát Thánh vịnh đã nói: *"Lễ vật dâng lên Đức Chúa Trời là tinh thần khiêm nhường*" ([200]); nhưng khi dâng các lễ vật lên Đức Chúa Trời, họ không dâng

---

190 Luca 7:38.
191 Ma-thi-ơ 8:2.
192 Ma-thi-ơ 9:18.
193 Ma-thi-ơ 14:33.
194 Ma-thi-ơ 15:22.
195 Giăng 11:21.
196 Ma-thi-ơ 28:17.
197 Luca 24:51 và 52.
198 Khải Huyền 4:10.
199 Tạp chí Samaria, trang 114 và 115.
200 Thi Thiên 50:19.

lên tinh thần khiêm nhường, vì thế sự thờ phượng của họ mang tính xác thịt, chứ không phải thuộc linh. Họ dâng lễ vật, nhưng không có đời sống trong sạch và đẹp lòng Đức Chúa Trời; vì thế sự thờ phượng của họ không chân thật trước mặt Đức Chúa Trời. Từ đó, chúng ta có thể hiểu rõ rằng, thờ phượng là phải bằng tinh thần và lẽ thật: không chỉ bằng thân xác, mà còn bằng tinh thần, tức là bằng trí tuệ và tư tưởng hướng về Đức Chúa Trời, để thân xác cúi đầu xuống đất, như lời xướng của các phó tế trong nhà thờ đã truyền dạy: *"Lại nữa, lại nữa, hãy quỳ gối xuống và cầu nguyện cùng Chúa";* còn tâm trí thì hãy dùng suy nghĩ cầu nguyện để thăng lên trời cao và đứng trước mặt Đức Chúa Trời; và một lần nữa: đừng chỉ thờ phượng bằng Thánh Linh, mà còn bằng thân thể nữa, như Thánh Tông Đồ Phaolô đã làm. Ngài, khi viết thư cho người Rô-ma, đã nói: *"Đức Chúa Trời là Đấng làm chứng cho tôi, và tôi phụng sự Ngài bằng tinh thần của tôi*" ([201]); cũng trong thư gửi cho người Ê-phê-sô, Ngài viết: *"Tôi quỳ gối trước Đức Chúa Cha của Chúa Giê-su Christ, Chúa chúng* ta" ([202]). Vị Tông đồ này quỳ lạy Đức Chúa Trời cả bằng tinh thần lẫn thân xác, chứ không phải như những kẻ giải thích sai lầm dạy rằng chỉ nên quỳ lạy bằng tinh thần mà thôi, không quỳ gối thân xác mình để thờ phượng Đức Chúa Trời.

Thật ra, sự quỳ lạy đích thực là phải có một đời sống đẹp lòng Đức Chúa Trời, trong sạch, công chính và siêng năng trong việc phụng sự Đức Chúa Trời; vì thế, chúng ta mới nói về một người có đức hạnh nào đó rằng người ấy là tôi tớ chân chính của Đức Chúa Trời, khi chúng ta thấy người ấy siêng năng làm những việc lành, và làm đẹp lòng Đức Chúa Trời bằng đời sống công chính và thánh thiện. Thật vậy, việc thờ lạy Cha là bằng tinh thần, bằng trí tuệ hướng về Thiên Chúa, nhưng không thiếu phần thờ lạy bằng thân xác trong các lời cầu nguyện, như chúng ta đã nói. Đó là thờ lạy trong sự thật, bằng cuộc sống đạo đức, cần cù, và luôn quan tâm đến sự cứu rỗi của chính mình. Bản chất của những lời giải thích đó mang tính thiêng liêng, nhưng người dân bình thường không dễ hiểu, như thế này: chúng ta nên thờ lạy Đức Chúa Cha trong lẽ thật, tức là trong chính Con Một duy nhất của Ngài, Đấng là lẽ thật; và trong Đức Thánh Linh, Đấng hướng dẫn chúng ta đến mọi lẽ thật đạo đức, tức là, chúng ta hãy thờ lạy Thiên Chúa Ba Ngôi duy nhất: Cha, Con và Thánh Thần; bằng lòng nhiệt thành hướng về Thiên Chúa, và sống theo ý Chúa, trong sự ấm áp của Thánh Thần và trong việc thực hành chân lý Kitô giáo.

Những kẻ xuyên tạc đang nói dối, khi họ bịa đặt ra những lý luận mới mẻ, chưa từng nghe thấy, như thể Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế, qua những lời Ngài đã phán trên đây, không truyền dạy cho mọi người phải thờ lạy Ngài bằng thân thể và đầu cúi xuống đất, mà chỉ bằng tinh thần, tức là bằng trí tuệ, ngay cả khi đang nằm.

Chương 12. Về các thánh tượng

Vào năm 1708 vừa qua, sau Lễ Phục Sinh rạng ngời của Chúa Kitô, tại Nhà thờ Thánh Giá Nâng Cao, tọa lạc tại thị trấn Rostov, Linh mục Antony đã báo cho chúng tôi biết về một giáo dân của ngài, một người dân thị trấn, Trophim, người này xa lánh nhà thờ thánh và không thờ lạy các bức tượng thánh, vì đã bị lôi kéo và làm hư hỏng bởi một số kẻ giảng dạy sai lầm bí mật thuộc phái ly giáo. Người đó đã được triệu tập đến gặp chúng tôi, và khi được hỏi về vấn đề ly giáo, anh ta đã chứng tỏ mình là người như vậy cả trong hành động lẫn lời nói. Về hành động, bởi khi đến phòng Thánh Giá của giám mục, ông ta không làm dấu thánh giá, cũng không thờ lạy các thánh tượng. Ông ta cũng chứng tỏ mình là kẻ ly giáo qua lời nói, bởi đã bắt đầu nói những lời xúc phạm các thánh tượng, như đã được những kẻ dị giáo dạy dỗ: bản thân ông ta không biết chữ, nhưng lại nhớ một số lời trong Kinh Thánh, và giải thích chúng sai lầm, như đã được học từ những kẻ giải thích sai: và ông ta nói với chúng tôi theo tinh thần dị giáo của Luther và Calvin, cùng với tinh thần Do Thái từ Kinh Thánh thánh thiêng. Có chép rằng: *"Chớ làm cho mình hình tượng nào, hay bất kỳ hình ảnh nào, giống như những gì ở trên trời cao, và những gì ở dưới đất thấp*"[203] ; và ông lại nói: "Các bức tranh thánh *cũng giống như các thần tượng, là tác phẩm của bàn tay con người, có miệng mà không nói, có mắt mà không thấy, có tai mà không nghe; những ai làm ra chúng và tất cả những ai đặt niềm tin vào chúng cũng sẽ giống như vậy*[204] . Nói xong, ngài hỏi chúng tôi: Ai đã ra lệnh thờ lạy các bức tranh thánh: Có phải là một vị Tiên tri nào đó không? Hay là Đức Kitô? Hay là một vị Tông đồ? Nếu không phải là Tiên tri, cũng không phải Đức Kitô, cũng không phải Tông đồ nào ra lệnh; vậy thì tại sao chúng ta lại phải nghe theo ai khác dạy chúng ta phải cúi lạy các bức tranh thánh? Trước những lời chia rẽ của ông ta, chúng tôi đã khiêm nhường trả lời một cách

---

[201] Rô-ma 1:9.
[202] Ê-phê-sô 3:14.
[203] Xuất Ê-díp-tô Ký 20:4.
[204] Thi thiên 113:12.

thỏa đáng, và khuyên ông ta hãy vâng phục Giáo hội thánh thiện, và hiệp nhất với Giáo hội qua việc xưng tội, rước lễ, và tôn kính các thánh tượng.

Vì lợi ích của những người khác, chúng tôi quyết định ghi chép lại những điều này ở đây, và nêu rõ sự khác biệt giữa các thần tượng và các thánh tượng. Chúng tôi sẽ làm rõ điều này qua những phân tích sau:

1

Thần tượng là gì?

Và thánh tượng là gì?

Và sự khác biệt giữa chúng là gì?

2

Từ khi nào thì các tượng thần bắt đầu xuất hiện?

Từ khi nào các bức tranh thánh bắt đầu xuất hiện?

3

Ai là người thờ lạy các thần tượng?

Và ai là người tôn kính các bức tranh thánh?

4

Vì lý do gì mà việc thờ cúng thần tượng bị cấm?

Và tại sao việc tôn kính các bức tranh thánh không những không bị cấm, mà còn được khuyến khích?

5

Ai là người đã truyền lại cho các nhà thờ việc tôn kính các bức tượng thánh?

Và ai là người đã bắt đầu bác bỏ việc tôn kính các bức tranh thánh?

PHẦN THẢO LUẬN THỨ NHẤT

Thần tượng là gì?

Thần tượng là hình ảnh của một con người xấu xa, bất chính, đáng ghê tởm trước mặt Chúa, đã sống những ngày tháng trong tội lỗi, chết một cách thảm khốc, và hiện đang bị giam giữ trong địa ngục cùng với các quỷ dữ; hoặc là hình tượng của một loài thú nào đó, được chạm khắc từ gỗ, hoặc đục từ đá, hoặc đúc từ đồng, bạc và vàng, hoặc vẽ trên tấm ván: hình tượng đó, dù là hình người hay hình thú, thường bị những kẻ ngoại đạo tôn thờ như thần linh, dù nó không phải là Đức Chúa Trời, và được tôn kính như Đức Chúa Trời bằng sự thờ phượng kèm theo các lễ vật: đó được gọi là thần tượng, và là hình ảnh hay hình dạng của một vị thần giả.

Thánh tượng là gì?

Thánh tượng là hình ảnh của Đức Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, Thiên Chúa chân thật, dưới hình dạng con người đã sống giữa loài người trên trần gian, hoặc của Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, hoặc của một vị thánh nào đó đã sống đời công chính và thánh thiện, được xứng đáng hưởng Nước Trời, và hiện đang ngự cùng các Thiên Thần.

Sự khác biệt giữa tượng thần và thánh tượng là gì?

Dù cả hai, tức là thần tượng và thánh tượng, đều là tác phẩm của bàn tay con người; tuy nhiên, sự khác biệt giữa chúng rất lớn, giống như sự khác biệt giữa điều ô uế và điều trong sạch: như sự khác biệt giữa bùn và vàng, giữa bồ hóng và tuyết, giữa bóng tối và ánh sáng; và như sự khác biệt giữa những người xấu xa và những người tốt lành: giữa những kẻ ác và những người được tôn vinh bằng áo choàng hoàng gia; chúng ta ghê tởm những kẻ ác, nhưng tôn kính các vị vua; chúng ta khinh bỉ những kẻ kia, nhưng lại tôn thờ những vị này: sự khác biệt giữa các thần tượng của những vị thần xấu xa và các bức tượng thánh của các vị thánh cũng giống như vậy: như Simeon Metaphrastes đã giải thích trong cuốn "Cuộc đời Thánh Andrew người Crete", vị thánh đã chịu khổ vì các bức tượng thánh và được tôn kính vào ngày 17 tháng Mười, khi ông viết như sau: nơi nào có vật xấu xa, gây hại cho tâm hồn và bị cấm đoán, thì hình ảnh của vật đó cũng xấu xa, gây hại cho tâm hồn và bị cấm đoán; còn nơi nào có vật tốt lành, hữu ích và không bị cấm đoán, thì hình ảnh của vật đó cũng tốt lành, hữu ích và không bị cấm đoán[205] . Các thần của các dân ngoại là xấu xa, gây hại cho tâm hồn, và việc thờ phượng chúng là bị cấm; do đó, các hình ảnh của chúng cũng xấu xa, gây hại cho tâm hồn, và luật pháp của Đức Chúa Trời cấm chúng ta thờ phượng chúng. Chúa Giê-su Ki-tô, Thiên Chúa của chúng ta, là Đấng tốt lành, và các tôi tớ của Ngài cũng tốt lành, rất có ích cho linh hồn chúng ta: không chỉ được phép, mà chúng ta còn được truyền phải tôn kính Chúa và các thánh của Ngài, như

[205] Trang 200, mặt sau.

Đa-vít đã nói: *"Các bạn của Ngài thật là quý giá đối với con, lạy Thiên Chúa"*[206] . Vì vậy, cả hình ảnh của Chúa và các bạn hữu đáng kính của Ngài – những người mà Chúa đã phán với họ: *"Các ngươi là bạn hữu của Ta "*[207] – đều là những điều tốt lành, và rất có ích cho linh hồn chúng ta; và chúng ta phải tôn kính chúng, vì biết rằng sự tôn kính dành cho các hình ảnh sẽ chuyển sang chính Đấng được thể hiện trong hình ảnh đó.

Hơn nữa, sự khác biệt giữa các thần tượng và các bức tranh thánh cũng được thể hiện rõ ràng qua những lời của Thánh Gioan Damascene, người đã dùng những lời lẽ nghiêm khắc để quở trách những kẻ dị giáo, rằng: "Vì lý do gì mà ngươi, hỡi kẻ dị giáo vô luật pháp, lại nói rằng ta đang thờ phượng thần tượng? "Ta đang thờ lạy thần tượng nào? Hãy nói cho ta biết: Phải chăng là thần Apollon đã chết, hay là hình ảnh của Chúa Giêsu Kitô, Đấng đang dạy ta nhận biết hình hài trần thế của Ngài?" Hãy nói cho ta biết, hỡi kẻ tự xưng là thông thái ở Giu-đê, ta đang thờ lạy thần tượng nào: Artemis chăng, hay là hình ảnh của Đức Mẹ Đồng Trinh Thánh Khiết, Mẹ Thiên Chúa của chúng ta, Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ của Chúa Giê-su Ki-tô? Hãy nói cho tôi biết, hỡi kẻ dị giáo, tôi đang thờ lạy tượng thần nào: Có phải là thần Dê-i, hay là hình ảnh của Thánh Gioan Tiền Hô và Rửa Tội? Tôi đang thờ lạy tượng thần nào: Có phải là thần Dê-i, hay là các hình ảnh của các Thánh Tông Đồ và các vị Tử Đạo, cùng tất cả các thánh đã làm đẹp lòng Chúa từ thuở xưa? Và ai dám gọi câu chuyện này (được thể hiện qua hội họa) là sự thờ phượng thần tượng, và làm ô uế những cuộc khổ nạn của Chúa Kitô và các thánh của Ngài, hay những người đã trao cho chúng ta Hội Thánh thánh thiêng của Thiên Chúa? Vì chúng ta đã nhận lãnh Hội Thánh ấy từ các thánh tổ phụ, được trang hoàng như sau: "[208] ." Đến đây là lời của Damascene. Hình tượng của Apollon, của Artemis và của Zeus đều là những thần tượng ô uế; còn hình tượng của Chúa Kitô, của Đức Trinh Nữ Maria vô nhiễm nguyên tội, và của các thánh nhân được Thiên Chúa yêu mến, thì đó là những bức thánh tượng. Vì những thần tượng ô uế bị các Kitô hữu khinh bỉ, còn các thánh tượng thì được tôn kính.

PHẦN THẢO LUẬN THỨ 2

Từ khi nào các thần tượng xuất hiện?

Một số người kể rằng, từ thời Serukh, tổ phụ Áp-ra-ham, các thần tượng đã bắt đầu xuất hiện, nhưng điều đó không đúng: vì Serukh không phải là người sáng tạo ra các thần tượng, mà chỉ là người chế tác những vật đã được sáng tạo trước đó, vì đó là nghề thủ công của ông, nhờ đó ông kiếm sống. Các tượng thần bắt đầu xuất hiện từ vua Nin của người Chaldea, con trai của Vilov, người đã thống trị Assyria và Babylon: vì ông ta, do thương tiếc và đau buồn trước cái chết của cha mình, đã tạo ra một hình tượng chạm khắc giống hệt cha mình, và đặt nó trên một cột đá giữa thành phố để tưởng nhớ cha mình, đồng thời ra lệnh cho dân chúng tôn kính nó như thể cha mình còn sống. Và đó là thần tượng đầu tiên dưới trời, được những người không biết Đức Chúa Trời chân thật tôn thờ như thể là Đức Chúa Trời. Tại các vùng đất Ai Cập, điều này cũng góp phần vào sự khởi đầu của việc thờ lạy thần tượng: một quan đại thần nổi tiếng tên là Sirophanis, khi khóc than và than khóc vì con trai đã qua đời, và để tìm sự an ủi cho nỗi buồn của mình, đã tạc một tượng thần giống hệt con trai mình, rồi đặt nó trên quan tài của người đã khuất, và khi nhìn vào đó, ông phần nào xoa dịu được nỗi đau của mình. Còn những người dân dưới quyền cai trị của ông, muốn làm vừa lòng chủ nhân của mình, đã bắt đầu tôn kính bức tượng đó bằng cách thờ phụng và dâng lễ vật. Điều này cũng đã được Thánh Zlatoust nhắc đến trong các bài giảng về Thư gửi tín hữu Ê-phê-sô[209] .

Từ thời điểm nào thì các bức tượng thánh bắt đầu xuất hiện?

Các bức tượng thánh bắt đầu từ thời điểm đó, khi Đức Chúa Trời, trong lúc nói chuyện với Mô-sê trên núi Si-nai và ban luật pháp, đã ra lệnh làm Hòm Giao Ước và Đền Thờ Chứng Cớ bằng các tấm vải lụa đỏ và tím; và đặt trên Hòm Giao Ước hai thiên thần Cherubim được đúc bằng vàng[210] . Trên các tấm màn, người ta phải thêu hình ảnh các thiên thần Cherubim, và hình ảnh của Đền Thờ cùng các thiên thần Cherubim đã được Chúa tỏ ra trong đám mây trên núi Sinai. Kể từ đó, việc vẽ các bức tượng thánh bắt đầu, vì Chúa đã ra lệnh phải vẽ các hình ảnh của các thiên thần Cherubim thánh thiêng tại đó. Từ đó, rõ ràng thấy rằng: có những thứ là thần tượng, là hình ảnh của các vị thần ngoại đạo xấu xa, đáng ghê tởm và bị Thiên Chúa ghét bỏ; còn có những thứ là thánh tượng, là hình ảnh của các tôi tớ Thiên Chúa, đang đứng trước ngai vinh quang thiêng liêng. Vì Chúa đã cấm làm tượng

---

[206] Thi thiên 138:17.
[207] Giăng 15:14.
[208] Trong Tập hợp các bài giảng, trang 325.
[209] Chương 5, bài giảng 18, trang 1757.
[210] Xuất Ê-díp-tô Ký 25 và 26.

thần, Ngài phán: *"Chớ làm cho mình tượng thần nào, hay bất kỳ hình ảnh nào ở trên trời cao*[211] , tức là mặt trời, mặt trăng, các vì sao; vì dân Y-sơ-ra-ên đã quen thờ phượng những thứ đó khi còn ở Ai Cập." *Và bất cứ điều gì ở dưới đất:* vì họ không chỉ học theo người Ai Cập trong việc tôn thờ những con người xấu xa, mà còn cả các loài thú vật khác nhau. Sau khi cấm đoán sự thờ phượng tà thần đáng ghê tởm đó, Chúa đã ra lệnh phải vẽ những hình ảnh thánh của các Thiên Thần Cherubim trong đền thánh của Ngài, và phải tôn kính chúng, chứ không được khinh miệt.

PHẦN THẢO LUẬN THỨ 3

Ai đã thờ lạy các thần tượng?

Những người thờ lạy thần tượng là những người không biết Đức Chúa Trời chân thật, những người lầm lạc, không mong đợi sự cứu rỗi vĩnh cửu cho chính mình, cũng không biết liệu sau cuộc đời này có một cuộc sống khác hay không: những con người bị ma quỷ lừa dối, sa vào các phép thuật, sống một cuộc đời xấu xa, chính họ là những kẻ thờ lạy thần tượng.

Ai là những người tôn kính các hình ảnh thánh?

Mô-sê và A-rôn, những người thánh thiện, và là những tôi tớ chân chính của Đức Chúa Trời hằng sống; cùng toàn thể dân Y-sơ-ra-ên, những người được gọi là dân của Đức Chúa Trời. Họ khi vào Đền Thờ Chứng Ngôn và xung quanh đó, đã thờ phượng Đức Chúa Trời trên trời; họ cũng thờ phượng trước Hòm Giao Ước, trước các Thiên Thần Cherubim được đặt trên Hòm Giao Ước, và những hình ảnh được vẽ trên các tấm màn, tôn kính những hình ảnh đó như những hình ảnh thánh. Chính Thánh Tông đồ Phaolô cũng đã nhắc lại điều này, khi ngài nói: *"Họ thờ phượng hình ảnh và bản sao* của những điều trên trời[212] " (tức là các hình ảnh của các Thiên thần Cherubim), như đã được phán truyền cho Môsê khi ngài muốn dựng Lều Giao Ước: *"Hãy xem,*" (Đức Chúa Trời) phán, *"ngươi hãy làm mọi thứ theo hình ảnh đã được chỉ cho ngươi trên núi."* Việc phụng sự và thờ phượng Chúa Trời của họ, được thực hiện trước Hòm Giao Ước và các hình tượng Cherubim, không những không bị coi là sự bất kính, tức là việc tôn vinh công trình do tay người tạo ra; mà còn được xem là sự sùng kính cao cả, và vinh quang của Đức Chúa Trời chiếu rọi trên họ, và Đức Chúa Trời đã đáp lại họ qua Thiên Thần của Ngài từ Đền Tạm, được gọi là Nơi Chí Thánh, nằm phía sau bức màn thứ hai. Thánh Đa-vít cũng tôn kính những hình ảnh và hình tượng các Thiên thần Cherubim ấy, khi ngài thốt lên trong các Thánh vịnh: *"Con sẽ vào nhà Ngài, con sẽ thờ lạy tại đền thánh của Ngài, trong sự kính sợ Ngài*[213] ." Hãy chú ý điều này: khi Đa-vít bước vào đền thờ của Chúa và thờ lạy Đức Chúa Trời, chẳng phải ngài đã thờ lạy trước các hình ảnh của các thiên thần Cherubim sao? Còn Sa-lô-môn, khi xây dựng đền thờ cho Đức Chúa Trời và trang trí nó bằng các thiên thần Cherubim bằng vàng, khi ngài đứng trước bàn thờ của Chúa và giơ tay lên trời để cầu nguyện; chẳng phải ngài đã cầu nguyện trước các hình tượng Cherubim sao[214] ? Nhưng cả Đức Trinh Nữ Maria, khi còn thơ ấu đã được nuôi dưỡng trong Nơi Thánh Cực Thánh, và ngày đêm cầu nguyện sau bức màn thứ hai, chẳng phải bà cũng tôn kính các hình tượng Cherubim ở đó sao? Thật vậy, Người không khinh miệt những hình ảnh ấy, cũng không coi chúng là hư vô, nhưng tôn kính chúng như những hình ảnh của các thánh trung gian của Thiên Chúa. Bởi vì khi Người cầu nguyện với Thiên Chúa trước bàn thờ, cúi mình xuống đất, thì trước mặt Người là Hòm Giao Ước và các Thiên Thần Cherubim vinh quang, che chở bàn thờ. Ngài quỳ lạy trước sự thánh thiêng, chứ không phải vật chất của bàn thờ, của Hòm Giao Ước hay của các Thiên Thần Cherubim; nhưng từ những vật chất hữu hình ấy, Ngài hướng tâm trí mình lên Thiên Chúa vô hình; còn những vật chất ấy, Ngài tôn kính như thánh vật của Thiên Chúa. Cũng như chúng ta ngày nay khi cầu nguyện trước các thánh tượng, chúng ta không thờ lạy vật chất hữu hình của các thánh tượng, mà bằng tâm trí hướng về Đấng vô hình, vô chất; còn các thánh tượng thì chúng ta tôn kính như hình ảnh của các thánh.

SỰ XEM XÉT THỨ 4

Tại sao việc thờ lạy thần tượng lại bị cấm?

Việc thờ lạy thần tượng bị cấm vì những lý do sau đây:

---

211 Xuất Ê-díp-tô Ký 20:4.

212 Hê-bơ-rơ 8:5.

213 Thi thiên 5:8.

214 3 Vua 8.

1) Vì thần tượng không phải là Đức Chúa Trời, mà chỉ là thần tượng, là hư vô, như Sứ đồ đã phán: *"Hãy biết rằng thần tượng chẳng là gì cả trên thế gian* này" ([215]), và việc thờ lạy thần tượng là điều bất chính và đáng ghê tởm trước mặt Đức Chúa Trời.

2) Vì các quỷ dữ đã nhập vào các tượng thần để lừa dối con người.

3) Bởi vì khi nhìn vào các tượng thần, những vị thần ngoại đạo ghê tởm – vốn là chính các tượng thần đó – người ta lại nhớ đến cuộc sống của chúng, những hành vi dâm dục trái tự nhiên và những điều ghê tởm khác. Và khi nhớ lại những điều đó, tâm trí con người bị làm hư hỏng bởi những ý nghĩ xấu xa, khao khát những hành vi phạm pháp tương tự, như những gì các vị thần xấu xa của họ đã làm.

4) Bởi vì trong các lễ hội thờ thần tượng, tại các đền thờ của họ, những hành vi phạm pháp ghê tởm đã diễn ra: ăn uống quá độ, say sưa, dâm dục được thực hiện một cách công khai mà không biết xấu hổ, và cả những vụ giết người.

5) Vì không chỉ động vật, mà cả con cái của họ cũng bị những kẻ vô đạo giết làm lễ vật và dâng cúng cho các thần tượng, như đã được nhắc đến trong các Thánh vịnh: *"Họ đã dâng con trai và con gái mình làm của lễ cho quỷ dữ, đổ máu vô tội, máu của con trai và con gái mình, những người đã bị dâng làm của lễ cho các thần tượng Canaan*[216] ; và lại có lời chép rằng: *"Họ đã no nê thịt* con *cái mình, rồi để lại phần còn lại cho các con nhỏ của họ*"[217] , tức là, từ thịt con trai và con gái của họ – những đứa trẻ đã bị giết và nướng làm của lễ dâng cho quỷ dữ – cha mẹ đã tự mình ăn, rồi để lại phần còn lại cho các con nhỏ khác của họ.

Chính vì những người như vậy mà luật pháp của Đức Chúa Trời cấm thờ lạy thần tượng.

Vậy thì tại sao việc tôn kính các thánh tượng lại không bị cấm, mà thậm chí còn được truyền lại?

Chính vì lý do này, bởi vì các thánh tượng là hình ảnh của các thánh, chúng khích lệ chúng ta sống đời thánh thiện. Hình ảnh Đức Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, Thiên Chúa chân thật, được vẽ theo hình dạng con người của Ngài; khi chúng ta chiêm ngưỡng hình ảnh ấy, nó gợi lại cho chúng ta sự Nhập Thể của Ngài, sự sinh ra không thể diễn tả và bất diệt từ Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, cùng những công việc Ngài đã thực hiện từ thuở thiếu thời, khi Ngài đi khắp nơi rao giảng Tin Mừng Nước Trời: cùng những phép lạ, quyền năng, sự chịu khổ tự nguyện vì chúng ta, thập giá, cái chết, sự an táng, sự phục sinh, và sự thăng thiên lên trời của Ngài; khi chúng ta tưởng nhớ những điều này, chúng ta sẽ dâng lên lời tạ ơn vĩ đại, được thắp sáng bởi tình yêu Thiên Chúa, và khiêm nhường thờ lạy Ngài trước bức tượng thánh của Ngài.

Khi chiêm ngưỡng hình ảnh Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, chúng ta nhớ lại cuộc đời trong sạch và thánh thiện của Mẹ, cách Mẹ đã thụ thai Lời Chúa trong lòng mình nhờ quyền năng của Chúa Thánh Thần, và Mẹ vẫn là Trinh Nữ trước khi sinh, trong lúc sinh và sau khi sinh. Làm sao Người đã dùng đôi vú trinh nguyên của mình để nuôi dưỡng Hài Nhi từ thuở ban đầu, Đấng nuôi dưỡng muôn loài. Làm sao Người đã cùng Hài Nhi chạy trốn sang Ai Cập, rồi từ đó trở về, và nuôi nấng Người trong suốt thời thơ ấu cho đến khi Người trưởng thành. Làm sao Người đã đứng khóc bên thập giá, nhìn ngắm những đau khổ to lớn mà Người phải chịu vì loài người, rồi khi Người được hạ xuống khỏi thập giá, Người đã rửa thi thể Người bằng nước mắt, và quấn Người trong tấm vải liệm rồi đặt vào quan tài. Làm sao Người tràn ngập niềm vui khôn tả khi Ngài Phục Sinh, và làm sao Người tiễn đưa Ngài bằng ánh mắt khi Ngài thăng thiên lên trời, và làm sao trong lúc an nghỉ, Người đã về với Con của Người và Thiên Chúa, và đứng bên hữu ngai vàng của Ngài, và cầu thay cho chúng ta, những kẻ tội lỗi. Nhớ lại những điều đó, với tình yêu dành cho Mẹ và Con của Mẹ, tức là Thiên Chúa của chúng ta, chúng ta dâng tâm hồn lên, cảm động và nỗ lực sống một cuộc đời trong sạch và thánh thiện, đồng thời được củng cố trong niềm hy vọng, vì chúng ta có một Đấng Cầu Thay đầy quyền năng trước mặt Thiên Chúa.

Các bức tượng của các vị thánh khác của Thiên Chúa, khi chúng ta chiêm ngưỡng chúng với sự chú tâm, sẽ gợi lại cho chúng ta cuộc đời thánh thiện, những công đức và nỗ lực của các ngài, và khuyến khích chúng ta noi gương các ngài.

Chính vì lý do đó, các bức tượng thánh không những không bị cấm, mà còn được trao cho chúng ta để tôn kính.

PHẦN THẢO LUẬN THỨ 5

---

[215] 1 Cô-rinh-tô 8:4.

[216] Thi Thiên 105:37.

[217] Thi Thiên 16:14.

Ai đã truyền cho các nhà thờ tôn kính các bức tượng thánh?

Chính Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, đã truyền lại điều đó, khi Ngài rửa khuôn mặt thánh thiêng của mình bằng nước, lau khô bằng một tấm vải, và trên tấm vải đó hiện ra hình ảnh thánh thiêng của khuôn mặt Thiên Chúa, đó là hình ảnh không do tay người tạo ra của Chúa Kitô, mà Ngài đã sai đến cho Hoàng tử Avgar của Edessa: về điều này, xin xem bài luận chi tiết, vào ngày 16 tháng Augusta.

Theo lời Chúa Kitô, Thánh Luca, nhà truyền giáo, đã ghi chép, và trong cuốn tiểu sử của ngài có kể rằng, ngài là người đầu tiên vẽ các thánh tượng, đã dùng nghệ thuật hội họa để vẽ hình ảnh Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, đang bế Hài Nhi Chúa Giêsu Kitô, Đấng Hằng Hữu, trên tay, và sau đó ngài còn vẽ thêm hai thánh tượng Đức Mẹ khác, rồi mang chúng đến dâng cho Mẹ Thiên Chúa, nếu Mẹ thấy ưng ý. Ngài, khi nhìn thấy những bức tranh của mình, đã phán bằng đôi môi vô nhiễm của Ngài như sau: "Ơn sủng của Đấng đã sinh ra từ ta và của ta sẽ ở cùng những bức thánh tượng ấy." Cũng chính Thánh Luca đã vẽ những bức tranh về các Thánh Tông đồ tối cao Phêrô và Phaolô trên những tấm ván, và từ ngài, công việc tốt lành và đáng kính là việc vẽ các bức tranh thánh đã bắt đầu lan rộng khắp thế giới. Thánh Damascene cũng đã nhắc đến nghệ thuật vẽ thánh tượng của Luca, và nói: "Hãy xem đây, Luca, người rao giảng Tin Mừng và là tông đồ, chẳng phải ngài đã vẽ một bức thánh tượng tôn kính Đức Trinh Nữ Maria, Đấng Vĩnh Viễn Trinh Khiết, và gửi cho Thêôphilô sao[218] ?"

Ngoài ra, trong các sử ký Giáo hội còn kể về một bức tượng Chúa Kitô khác, đó là người phụ nữ đã được chữa lành khỏi chứng chảy máu nhờ chạm vào áo của Chúa Kitô; bà đã tạc hình ảnh và dáng vẻ của Chúa Kitô từ đá, và tại Phoenicia, quê hương của bà, trong thành phố gọi là Paneada, bà đã dựng bức tượng đó tại một vị trí đặc biệt: cỏ mọc dưới chân tượng và những căn bệnh từ trước đó đều được chữa lành[219] . Bức tượng Chúa Kitô đó vẫn đứng tại nơi đó cho đến triều đại của hoàng đế Julian, kẻ bội đạo. Còn Julianus thì đã lật đổ hình tượng Chúa Kitô, đặt hình tượng của chính mình hay một thần tượng lên chính nơi đó, và ngay lập tức, một tia sét từ trời giáng xuống, nghiền nát thần tượng của Julianus thành tro bụi. Georgii Kedrin, nhà sử học tại Constantinople, đã ghi chép về điều này trong "Synopsis về triều đại của Julian"[220] ; cũng như Nikiforos Kallistos trong quyển 10, chương 30; và Hermias Sozomen, quyển 5, chương 20. Về điều này, xin xem trong cuốn "Cuộc đời của Thánh Tử đạo Artemias", ngày 20 tháng 10[221] .

Nhưng chẳng phải chiếc lều của Phêrô cũng giống như thân thể của Phêrô sao, và nó cũng được Thiên Chúa ban cho quyền năng chữa lành, giống như chính Phêrô, như đã được kể lại trong Sách Công Vụ Tông Đồ, nơi có chép rằng: *"Họ mang những người bệnh ra đặt trên đống rơm, trên giường* và *trên chiếu, để khi Thánh Phêrô đi qua, ít nhất bóng của ngài cũng che chở một số người trong số* họ"[222] ? Vậy thì hiện nay, bức tượng Thánh Phêrô hay bất kỳ vị thánh nào khác có phải là hình bóng của thân thể ngài không? Và liệu nhờ đức tin của những người tin, việc chữa lành qua hình bóng đó có phải là điều không thể không?

Vậy thì trong "Tập hợp các Thánh lễ Lớn của Moscow" đã được in, trong bài giảng được đọc vào thứ Hai của tuần thứ hai trong Mùa Chay Lớn, cũng như trong cuốn "Svitets" nhiều trang, có viết về bức tượng Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội, đã hiện ra bằng bàn tay vô hình trên cột trong nhà thờ các Thánh Tông đồ Phêrô và Gioan tại Lida vào thời của bà. Xin xem chi tiết trong cuốn sách đó tại trang 341 và 367; cũng như trong cuốn "Minei Chetii" (Sách Đọc Hằng Ngày) in tại Kiev, vào ngày 26 tháng Sáu, ở mặt sau trang 177.

Ngoài ra, trong cuốn tiểu sử về Thánh nữ Tử đạo đầu tiên Thekla, người từng là môn đệ của Thánh Tông đồ Phaolô, cũng có ghi chép rằng một thầy tế lễ thờ thần tượng đã được chữa lành nhờ bức tượng thánh của bà. Xin xem chi tiết vào ngày 24 tháng Chín, trang 103.

Từ những lời kể chân thực của Giáo hội này, rõ ràng cho thấy rằng trong Giáo hội sơ khai, việc trang trí các nhà thờ bằng các bức tượng thánh và việc tôn kính chúng một cách thành kính đã được Chúa Kitô và các Thánh Tông đồ truyền lại.

Ngoài ra, ai muốn có thể đọc lời của Thánh Athanasius về hình ảnh Chúa Kitô, Đấng đã bị người Do Thái sỉ nhục và đâm thâu ở Virite, khiến máu tuôn trào: lời này xin xem trong Phần Mở Đầu, ngày 11 tháng 10; và trong Sách Lễ Mênaion in ấn, cùng tháng và ngày đó, trang 179 mặt sau và trang 180.

---

[218] Trong Tập hợp các bài thánh ca, trang 327 mặt sau.
[219] Luca 8, đoạn 39.
[220] Trang 305.
[221] Trang 209.
[222] Công vụ 5:15.

Ngoài ra, cũng cần nhắc lại điều này: trước khi Thánh Nữ Tử đạo Ekaterina chịu phép rửa tội, một vị tu sĩ cao niên đã trao cho bà bức tượng Đức Trinh Nữ Maria Vô Nhiễm Nguyên Tội, đang ôm Đấng Hài Nhi Thánh trong vòng tay, và truyền cho bà cầu nguyện trước bức tượng ấy: và Thánh Catarina đã được ban cho một thị kiến kỳ diệu, đồng thời cảm nhận được chiếc nhẫn đính hôn từ Chúa Kitô. Xem chi tiết về điều này vào ngày 24 tháng 11 tại[223] .

Trong cuốn "Limonar" của Đức Thánh Phêrô, Tổng Giám mục Giêrusalem, tại chương 180, có ghi chép rằng: một vị tu sĩ vĩ đại về đức hạnh, Abba Gioan, người ẩn tu, sống trong vùng làng Sechusta, cách Giêrusalem khoảng hai mươi dặm, khi còn sống, đã thờ một bức tượng Đức Trinh Nữ Maria trong phòng tu của mình: và mỗi khi ngài muốn đi xa, hoặc vào sa mạc xa xôi, hoặc đến Giê-ru-sa-lem để thờ lạy các thánh địa, viếng mộ Thánh, và hôn Thánh Giá ban sự sống, hoặc lên núi Si-nai để cầu nguyện, thỉnh thoảng cũng đến viếng các thánh tử đạo ở xa Jerusalem, vì vị tu sĩ già rất yêu mến các thánh tử đạo đã chiến thắng; lúc thì đến Ê-phê-sô viếng mộ Thánh Gioan Thần Học, lúc thì đến viếng Thánh Théodore ở Êu-khant, lúc thì đến viếng Thánh Phêcla ở Isauria thuộc Seleucia, lúc thì đến viếng Thánh Sergius ở Sarafas, lúc thì đến viếng vị này, lúc thì đến viếng vị thánh khác. Khi ra khỏi phòng tu, ngài đặt một ngọn nến trước bức tượng thánh, thắp sáng nó lên, rồi cầu nguyện xong mới ra đi; khi trở về từ chuyến đi, ngài thấy ngọn nến vẫn chưa tắt, dù ngài có ở lại trên đường rất lâu. Có khi ngài phải đi một tháng, có khi hai tháng, nhưng ngài luôn thấy ngọn nến vẫn cháy sáng như cũ.

Thánh Maria Ai Cập, khi đang cầu nguyện trước bức tượng Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm trong tiền sảnh nhà thờ Giê-ru-sa-lem, đã được phép vào nhà thờ một cách tự do, ban đầu bà không thể bước vào, vì một sức mạnh vô hình đã đẩy bà ra khỏi cửa nhà thờ; nhưng sau khi cầu nguyện trước cùng bức tượng đó một lần nữa, bà đã nhận được sự trợ giúp thiêng liêng để sửa đổi cuộc đời mình, và rồi bà lên đường đến sa mạc[224] .

Thánh Gioan Damascene, người đã bị chặt đứt tay phải vì bảo vệ các bức tượng thánh, khi cầu nguyện trước bức tượng Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội, đã được chữa lành; vì bàn tay bị chặt đứt của ngài, khi được đặt trở lại vị trí ban đầu, đã liền lại như trước đây, sống lại, và ngài đã viết những cuốn sách hữu ích cho Giáo hội. Xem chi tiết trong cuốn tiểu sử của ngài, vào ngày 4 tháng 12[225] .

Nhưng chúng ta cũng đừng quên nhắc đến một sự kiện cổ xưa hơn: Thánh Silvestro, Giáo hoàng Rôma, đã cho Hoàng đế Constantine Đại đế – người lúc đó đang ốm nặng và chưa được rửa tội – xem bức tượng thánh của hai vị Tông đồ tối cao Phêrô và Phaolô; và hoàng đế đã nhận ra các Tông đồ khi họ hiện ra với ngài trong một giấc mơ. Xem chi tiết về điều này vào ngày 2 tháng Giêng tại[226] .

Trong cuốn tiểu sử của Thánh Đại Tử Đạo Mercurius, vào ngày 24 tháng 11, có ghi chép tại[227] rằng: sau khi ngài chịu khổ nạn đã qua nhiều năm, và khi Julianus – kẻ bội đạo – lên ngôi, người đã đàn áp Giáo hội của Chúa một cách dữ dội, Thánh Basil Đại Đế đã cầu nguyện trong nhà thờ, trong đó có bức tượng thánh Mercurius được vẽ trên tấm ván, tay cầm cây giáo; và trong một giờ, hình ảnh trên tấm ván đó bỗng biến mất, chỉ còn lại tấm ván trống không; rồi sau một giờ, bức tượng lại xuất hiện trên tấm ván với cây giáo dính máu. Sau đó không lâu, tin tức về cái chết của Julian đã đến, và những Kitô hữu trung thành, khi ghi nhận thời điểm đó, đã nhận ra rằng chính vào giờ phút đó, khi bức tượng thánh tử đạo trở nên vô hình, Julian đã bị đâm và giết chết bởi một bàn tay vô hình và một cây giáo vô hình. Điều này cũng được ghi chép trong cuốn "Cuộc đời Thánh Basil Đại đế", ngày 1 tháng Giêng, trang 219.

Và còn vô số phép lạ khác từ các bức tượng thánh, ai có thể đếm xuể? Tuy nhiên, những kẻ ly giáo, được gọi là những kẻ chống tượng thánh, không chấp nhận các giáo lý đức tin của Giáo hội và bác bỏ truyền thống; và điều kỳ lạ là, khi Satan ngự trị trong họ, họ căm ghét việc tôn kính các bức tượng thánh một cách mãnh liệt, như có thể thấy trong "Limonar", chương *45,* nơi có ghi như sau: có một người ẩn tu trên núi Eleon, người đang phải chiến đấu với con quỷ dâm dục. Vào một ngày nọ, khi cuộc chiến đấu đó trở nên vô cùng khắc nghiệt đối với ông, vị tu sĩ già bắt đầu khóc lóc thảm thiết và nói với con quỷ: "Bao lâu nữa ngươi mới thôi hành hạ ta? Hãy rời xa ta đi, ngươi đã già cùng ta rồi." Và quỷ hiện ra trước mặt ông một cách rõ ràng, rồi nói: "Hãy thề với ta rằng ngươi sẽ không nói cho ai biết điều ta sắp bảo ngươi, thì ta sẽ không hành hạ ngươi nữa." Vị ẩn sĩ liền thề với nó, nói: "Ta thề

[223] Trang 404.
[224] Ngày 1 tháng 4, trang 171 mặt sau.
[225] Trang 26.
[226] Trang 228 ở mặt sau.
[227] Tờ 412.

trước Đấng ngự trên cao rằng ta sẽ không nói cho ai biết điều ngươi sắp bảo ta." Và con quỷ nói với ông: "Đừng thờ lạy hình ảnh này, thì sau này ta sẽ không còn quấy rầy ngươi nữa." Đó chính là hình ảnh của Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa, đang bế Chúa Giêsu Kitô trên tay; và vị ẩn sĩ nói với con quỷ: "Hãy để ta yên, để ta suy ngẫm." Vào ngày thứ ba, ông đã kể lại những điều này cho Abba Theodoros Eliot, người lúc bấy giờ đang sống tại tu viện Farani, và vào thời điểm đó, theo sự an bài của Thiên Chúa, Abba đã đến gặp ông. Abba nói với người ẩn tu: "Ngươi đã phạm tội rất nặng, vì ngươi đã thề với quỷ dữ, nhưng ngươi đã làm điều tốt, vì ngươi đã xưng tội; Ta nói với ngươi: Điều nhẹ nhàng nhất đối với ngươi là, dù ngươi vào thành nào đi chăng nữa, cũng đừng dính líu đến bất kỳ điều gian dâm nào, hơn là từ chối cúi đầu trước hình ảnh của Chúa Giêsu Kitô và Đức Mẹ Đồng Trinh của Ngài. Sau khi răn dạy và củng cố người ẩn tu bằng nhiều lời, vị tu sĩ đã để anh ta ở lại nơi của mình. Và quỷ lại hiện ra trước mặt người ẩn tu một cách rõ ràng, nói: "Này, tu sĩ, ngươi chẳng phải đã thề với ta rằng sẽ không tiết lộ điều ta đã nói cho ai sao? Vậy mà sao ngươi lại kể cho người khác, người đã đến gặp ngươi?" Vì lý do này, ngươi sẽ bị kết án như kẻ vi phạm lời thề vào Ngày Phán Xét." Vị ẩn sĩ đáp lại: "Ta biết là ta đã thề, nhưng ta đã thề với Chúa của ta, Đấng mà ta sẽ không ngừng thờ lạy như Đấng Tạo Hóa của ta; còn ngươi, ta sẽ không vâng lời." Và con quỷ liền biến mất khỏi ông.

Từ những câu chuyện chân thật này, được đọc tại Công đồng Toàn cầu lần thứ bảy và được các Thánh Phụ chấp nhận, rõ ràng cho thấy Satan ghét việc tôn kính các thánh tượng một cách đạo đức đến mức nào: vì ngay cả những kẻ ly giáo, những kẻ đồng lòng với Satan, cũng ghét các thánh tượng, không tôn kính và còn phỉ báng chúng.

Ai là người đầu tiên bắt đầu bác bỏ việc thờ phượng các bức tranh thánh?

Về sự khởi đầu của phong trào chống thờ hình tượng tại Constantinople, trong cuốn tiểu sử của Thánh Stefanus Mới, vào ngày 28 tháng 11, có ghi như sau:[228] Vào những năm đầu triều đại của Hoàng đế Lêô Isaurian, một số ít người Do Thái từ Laodicea thuộc Phoenicia đã đến gặp Izif, vị vua Ả Rập, và bằng những lời tiên tri giả dối cùng các thủ đoạn phù thủy, họ hứa hẹn với ông ta rằng ông sẽ trị vì và thống trị người Ả Rập trong bốn mươi năm, nếu như ông ta ra lệnh quét sạch và hủy diệt các bức tượng thánh khỏi các nhà thờ Kitô giáo trên toàn lãnh thổ của mình. Izif, sau khi nghe theo họ, đã ngay lập tức ra lệnh quét sạch các bức tượng thánh khắp nơi và ném chúng vào lửa; nhưng ông ta bị trừng phạt bởi sự phán xét của Đức Chúa Trời, và sớm qua đời, chưa đầy một năm. Con trai ông lên ngôi thay thế, định tiêu diệt những người Do Thái đó bằng cái chết tàn bạo, coi họ là những nhà tiên tri giả và những thầy phù thủy; nhưng họ, khi cảm nhận được cơn thịnh nộ của vị vua và sợ hãi án tử hình, đã chạy trốn sang Isauria. Tại đó, khi họ đang nghỉ ngơi bên một suối nước, có một thanh niên người Isauria đi ngang qua, tên là Lê[229] (anh ta sau này được gọi như vậy, còn tên khai sinh là Conon), cao lớn và tuấn tú; anh ta cũng muốn nghỉ ngơi bên suối nước đó, nên đã rẽ khỏi đường đi và ngồi xuống cùng với những nhà chiêm tinh Do Thái ấy. Họ nhìn thấy chàng, liền bắt đầu tiên tri rằng chàng sẽ trở thành vua ở Hy Lạp; nhưng chàng phủ nhận bằng mọi cách, cho rằng điều đó là không thể, vì thấy bản thân mình thấp hèn, đơn sơ và nghèo khó, chỉ vừa đủ ăn nhờ vào một nghề thủ công tầm thường (chàng là thợ đục đá) . Nhưng các nhà chiêm tinh vẫn kiên quyết, nói rằng anh ta sẽ trở thành vua, và họ chỉ yêu cầu anh ta một điều duy nhất: hứa với họ bằng lời thề rằng khi lên ngôi, anh ta sẽ thực hiện điều mà họ yêu cầu. Anh ta đã thề với họ tại nhà thờ Thánh Theodoros gần đó, và họ ra về. Sau đó không lâu, chàng trai trẻ thuộc gia tộc Sisinias được ghi danh vào hàng ngũ quân đội; không lâu sau, ông được phong làm Spatharios, và được vua Theodosius bổ nhiệm làm Tướng quân ở phương Đông. Sau khi lên ngôi, Theodosius đã tiếp quản Vương quốc Hy Lạp; ban đầu, ông tỏ ra rất sùng đạo, nhưng sau đó lại sa đọa. Những người Do Thái, những kẻ đã dùng phép thuật để tiên tri về vương quốc cho ông, đã đến gặp ông và nài nỉ ông thực hiện lời hứa của mình, vì ông đã thề với họ rằng sẽ làm theo những gì họ yêu cầu. Khi vua hỏi họ muốn gì từ ngài, những kẻ thù địch với Chúa Kitô và đức tin Kitô giáo ấy đã không xin vàng, bạc hay bất kỳ kho báu nào khác, mà chỉ xin ngài loại bỏ các thánh tượng khỏi các nhà thờ thánh, và họ nói: "Nếu ngài làm điều này, hỡi đức vua! thì Đức Chúa Trời sẽ bảo tồn triều đại của ngài trong nhiều năm; còn nếu không, thì ngài sẽ sớm mất cả vương quốc lẫn mạng sống. Vua suy nghĩ rằng lời tiên tri đầu tiên của họ về việc nhận được vương quốc đã ứng nghiệm, nên lo sợ, lời tiên tri thứ hai về việc bị tước đoạt vương quyền cũng sẽ thành hiện thực nếu ngài nghe theo họ; và ngay lập tức, ngài ra lệnh rằng các bức tượng thánh phải bị quét sạch và chà đạp khỏi các nhà thờ của Đức Chúa Trời cũng như khỏi mọi nơi

[228] Trang 425 ở mặt sau. Georgy Kedrin.
[229] Damascene trong Sách Thánh, trang 334.

ở của con người, gọi chúng là các thần tượng, và những ai thờ phượng chúng là những kẻ thờ thần tượng. Và đã xảy ra một sự hỗn loạn lớn trong Giáo hội của Chúa Kitô: một số người tuân theo mệnh lệnh của hoàng đế và chà đạp các bức tượng thánh đáng kính, trong khi những người khác kiên quyết chống đối và phải chịu nhiều cực hình.

Sau khi Conon hay Leo Isaurian qua đời, con trai ông là Constantine Copronymus lên ngôi, một nhánh xấu xa nhất từ gốc rễ xấu xa, người này đã gây rối loạn cho Giáo hội của Đức Chúa Trời một cách tồi tệ hơn, bắt bớ và tàn sát những người theo đạo chính thống một cách tàn nhẫn. Ông ta đã triệu tập một hội đồng của những người chống thánh tượng tại Constantinople, trong Nhà thờ Vlacherna. Hội đồng đó diễn ra vào năm 751 sau Giáng sinh, tại đó những kẻ vô đạo đã gọi các thánh tượng là thần tượng, và nguyền rủa tất cả những ai thờ phượng các thánh tượng; nhưng hội đồng dị giáo đó sau này đã bị bãi bỏ. Sau khi Copronymus và con trai ông là Leo, người được gọi là Khazar, qua đời, cháu nội của Copronymus là Constantine, cùng với mẹ là Irene, đã lên ngôi, và Đại hội Thánh thứ bảy của các vị Thánh Cha Chính thống đã được tổ chức, vào mùa hè năm 787 sau Giáng sinh, tại đó các vị Thánh Phụ đã bãi bỏ hội đồng dị giáo chống thánh tượng trước đó, và tuyên bố nó bị nguyền rủa, đồng thời khẳng định việc tôn kính các thánh tượng một cách đạo đức.

Nhưng sau đó, tà giáo đó lại bùng phát trở lại, cùng với sự đàn áp Giáo hội do Lê-vô người Armenia và Thê-ô-phi-lô gây ra; những kẻ đó đã bị tiêu diệt một cách ồn ào, còn Michael, con trai của Theophilus, cùng với vợ là Theodora, đã tái khẳng định Chính Thống Giáo; tà thuyết chống thánh tượng đã bị tiêu diệt từ phương Đông lẫn phương Tây, cho đến thời của Luther và người bạn của ông là Calvin, những người vào năm thứ 1.005 kể từ khi Chúa Giêsu Kitô giáng sinh, đã bắt đầu lan truyền tà thuyết của họ và loại bỏ các thánh tượng. Cũng trong thời đại chúng ta tại Vương quốc Nga, khi xuất hiện nhiều kẻ ly giáo và các cuộc ly giáo, từ đó đã nảy sinh tà thuyết này, đó là không tôn kính các thánh tượng, mà coi chúng như những thần tượng.

Vậy, những kẻ ly giáo và chống thánh tượng ngày nay hãy nhìn xem họ xuất phát từ ai; và từ đây, hãy lần lượt đi lên như leo thang, theo tên các thủ lĩnh và thầy dạy của họ. Họ đã sinh ra tà thuyết đó từ Calvin, từ Luther, từ Theophilus, từ Leo người Armenia, từ Copronymus, từ Conon hay Leo người Isauria, từ những người Do Thái, và từ chính Satan, kẻ đã yêu cầu nhà ẩn tu Eleonus không được thờ lạy các bức tượng của Đức Trinh Nữ Maria, Đang ôm Hài Nhi Kitô trong vòng tay.

Ở đây, chúng ta xin nhắc lại cuộc tranh luận ngắn gọn giữa hai vị Thánh Cha với những người chống thánh tượng: Thánh Grêgôriô Omirit và Thánh Stephano Mới.

Chương 13. Cuộc tranh luận của Thánh Grigori Omirit về các bức tượng thánh với Ervan, người Do Thái

Thánh Grigori, Tổng Giám mục Omirit, được tôn kính vào ngày 19 tháng 12[230] , đã có cuộc tranh luận với Ervan, một người Do Thái vô cùng thông thái. Khi đến ngày thứ tư, trong cuộc tranh luận thứ tư, Ervan bắt đầu chỉ trích các Kitô hữu về các hình ảnh thánh, vì họ thờ lạy chúng, và gọi các hình ảnh thánh là thần tượng, còn những người thờ lạy chúng là những kẻ thờ thần tượng và đi ngược lại luật pháp của Thiên Chúa, và nói rằng Thiên Chúa đã truyền lệnh không được tạo ra thần tượng hay bất kỳ hình ảnh nào; thì Đức Tổng Giám mục hỏi ông: "Trong trận Đại hồng thủy thời Nô-ê, ông đã được cứu thoát bằng cách nào?" *Ervan:* "Bằng chiếc tàu được làm từ gỗ." *Đức Tổng Giám mục:* "Theo ông, liệu Đức Chúa Trời có thể cứu ông khỏi trận Đại hồng thủy mà không cần đến chiếc tàu làm từ gỗ đó hay không, hay là không thể?" *Ervan:* Tôi tin rằng Ngài có thể, vì Kinh Thánh chép rằng mọi sự đều có thể đối với Đức Chúa Trời. *Tổng Giám mục:* Nếu Đức Chúa Trời có thể làm điều đó, thì tại sao Ngài lại đòi hỏi phải có chiếc tàu để cứu người công chính? , liệu có phải là điều xứng đáng khi Nô-ê tạ ơn chiếc tàu để cứu lấy chính mình, chứ không phải tạ ơn Đức Chúa Trời? *Ervan:* Không phải vậy, nhưng chúng ta phải dâng lời ngợi khen lên Chúa, Đấng Tạo Hóa, chứ không phải cho một vật vô tri vô giác. *Tổng Giám mục:* Tuy nhiên, ngài thừa nhận rằng, đối với vật vô tri vô giác – chiếc tàu – Đức Chúa Trời đã sắp đặt sự cứu rỗi cho nó: cũng như vậy, Ngài dùng những bức tượng thánh hữu hình này để thực hiện điều đó cho chúng ta; dù chúng vô tri vô giác, nhưng lại hữu ích cho sự cứu rỗi của chúng ta; vì khi chiêm ngưỡng chúng, chúng ta hướng tâm trí về Nguyên mẫu, và được dẫn dắt vào lòng khao khát thiêng liêng và lòng nhiệt thành làm đẹp lòng Chúa. Chúng ta không vẽ hình tượng thần tượng, mà là Chúa Giêsu Kitô của chúng ta theo bản tính con người, chứ không phải theo bản tính Thiên Chúa, vốn là điều không thể diễn tả được. Và cũng như Nô-ê đã dâng lời tạ ơn lên Đức Chúa Trời về chiếc tàu và sự cứu rỗi của mình bằng cách dựng lên bàn thờ dâng lễ vật: chúng ta cũng tạ ơn Đức Chúa Kitô, Thiên Chúa, khi vẽ hình ảnh

[230] Tập. Phần. trang 132 ở mặt sau.

của Ngài, vì nhờ nhìn ngắm hình ảnh xác phàm ấy, chúng ta đã được giải thoát khỏi cơn đại hồng thủy; và cũng như con người Ngài được xem là chiếc tàu mới, Đấng đã gánh lấy những gánh nặng của chúng ta, xóa bỏ tội lỗi khỏi giữa chúng ta, và bằng Thần Tính của Ngài đã ban sự sống cho chúng ta, rồi đưa chúng ta lên trời. Chúng ta, những người đã từng nhìn thấy Ngài bằng mắt xác thịt, nay vẽ hình ảnh Ngài trên các tấm ván, tái hiện hình ảnh vô cùng tinh khiết của nhân tính Ngài; và trong bóng râm của hình ảnh xác thịt ấy, chúng ta cùng thờ lạy cả Thần tính của Ngài, và tôn kính trong Ngài, bằng sự thờ lạy xứng đáng, cả Chúa Cha lẫn Chúa Thánh Thần. Còn *Ervan*, vẫn tiếp tục phỉ báng các thánh tượng, đã nói: "Ta khinh bỉ những huyền thoại Kitô giáo của các ngươi, những huyền thoại nói rằng Thiên Chúa ban ân sủng của Ngài cho các thánh tượng được vẽ trên tường và trên ván gỗ, trong khi chúng chẳng đi lại hay nói năng gì cả?" *Tổng Giám mục* liền phản bác: "Hãy giải thích cho tôi nghe, Ervan, tại sao Thiên Chúa lại ban ân sủng của Ngài cho Ê-li, mà không ban cho Ê-li-sê, và tại sao Ngài lại ưu ái người đã chết hơn là vị Tiên tri còn sống? Bởi vì Tiên tri không thể tự mình băng qua dòng nước sông Giô-đanh, nhưng nhờ ân sủng ấy, Ngài đã chia rẽ dòng nước và đi qua trên đất khô; và điều kỳ diệu mà Ê-li-sê khi còn sống không làm được, thì ân sủng của người đã qua đời lại làm được. Nhưng đối với Mô-sê, người đã làm phép lạ trên đất Ai Cập, tại sao Đức Chúa Trời lại không ban quyền năng làm phép lạ cho chính ông, mà lại ban cho cây gậy của ông, nhờ đó ông biến nước thành máu, chia đôi Biển Đỏ, và thực hiện những điều kỳ diệu và vinh quang khác? Hơn nữa, cả Lều Chứng Cớ và Hòm Giao Ước, bình vàng đựng manna, các Bảng Đá, cây gậy của A-rôn, bàn thờ, lư hương và đèn chùm, tất cả những vật ấy chẳng phải đều được ban ân sủng lớn lao của Đức Chúa Trời sao, dù chúng là vật vô tri vô giác, được tạo ra bằng tay con người từ những vật thể hữu hình và có thể sờ mó được? Tuy nhiên, chúng được chiếu sáng bởi vinh quang của Chúa, được bao phủ và bao quanh bởi đám mây, và ngoài các thầy tế lễ và người Lê-vi ra, không ai được phép vào gần hay chạm vào, vì chúng là thiêng liêng và thánh khiết. Nếu điều này đã xảy ra trong Cựu Ước, thì tại sao ngươi lại ngạc nhiên khi ân sủng của Chúa được ban cho các thánh tượng trong Tân Ước? Lại nữa*, Ervan:* Trong các Thánh vịnh có chép: *"Các thần tượng của dân ngoại là bạc và vàng, là tác phẩm của bàn tay con người*" ([231]); và các bức tượng của các ngươi cũng là thần tượng, vì chúng là tác phẩm của bàn tay con người. *Tổng Giám mục:* Ta không phản đối điều này, vì các thần tượng của những kẻ không biết Chúa quả thực là thần tượng; vì chúng giống như những kẻ vô thần, sống trong mọi sự ô uế: các thầy bói, các phù thủy, các kẻ giết người, các kẻ ngoại tình, và những kẻ đã hư mất trong cuộc đời này; để tưởng nhớ họ, một số người đã làm ra các thần tượng: còn thế hệ sau này, bị Satan lừa dối và làm mù quáng, đã tự coi chúng là thần và thờ lạy chúng; còn các ngươi cũng đã làm điều tương tự, khi thờ lạy *các tượng chạm,* và dâng *con trai và con gái mình làm của lễ cho quỷ dữ*[232] , đã đổ máu vô tội, máu của con trai và con gái các ngươi, những người đã bị dâng làm của lễ cho các tượng chạm của người Canaan, đó chính là các tượng thần. Còn những gì chúng ta đang ghi chép đây – hình ảnh của các thánh của Đức Chúa Trời – thì không phải là thần tượng, mà là những bức tượng thánh đáng kính. Vì chúng ta vẽ hình ảnh của những người đã dẫn dắt Đức Chúa Trời, đã tin cậy Ngài, và làm đẹp lòng Ngài bằng sự thánh thiện và công chính; họ là những người chính trực, thánh thiện, và được Đức Chúa Trời yêu mến; và nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, họ đã thực hiện vô số phép lạ: làm cho người chết sống lại, chữa lành người bệnh, mở mắt cho người mù, giúp người què đi lại, ban thính lực cho người điếc, kéo những người bị liệt ra khỏi giường, thanh tẩy những người bị hủi, đuổi quỷ ra khỏi con người; cái chết của họ cao quý và ký ức về họ đáng ca ngợi và vĩnh cửu, vì cái chết của các vị thánh trước mặt Chúa là cao quý, và ký ức về người công chính được ca ngợi, và người công chính sẽ được ghi nhớ mãi mãi. Lại khi *Ervan* nói lời phỉ báng rằng: "Các bức tượng thánh chẳng khác gì các thần tượng", *vị Tổng Giám mục* đáp: "Áo choàng của ngươi, hỡi Ervan, và tấm lều chứng ngôn, cả hai đều làm từ len và lanh, liệu sức mạnh của cả hai có ngang nhau chăng? Cây gậy của ngươi và cây gậy của A-rôn đã nảy mầm, liệu chúng có cùng một vinh quang không? Chiếc chậu trong nhà ngươi và chiếc bình đựng manna, liệu cả hai có ngang nhau trong mắt ngươi không? Hòm của ngươi, nơi ngươi đặt thi hài của mình, và Hòm Giao Ước của Chúa, liệu chúng có cùng một vinh quang không? Lửa và dầu, mà ngươi thắp lên trong nhà ngươi để chiếu sáng, có thể so sánh được với cây đèn vàng bảy ngọn không? Ngôi nhà mà ngươi đã ở, và nhà thờ mà Sa-lô-môn đã xây dựng, ngươi có coi chúng ngang hàng nhau không? Chắc chắn là không; nhưng chúng ta tôn kính những nơi đó một cách không thể so sánh được, bởi vì ân sủng của Đức Chúa Trời đôi khi đã đến qua những nơi đó. Cũng như vậy, chúng ta luôn phải nhận thức rằng: có những thứ là thần tượng – hình ảnh của một kẻ hủy diệt và đã chìm xuống địa ngục;

[231] Thi thiên 112:12.
[232] Thánh vịnh 103:37.

còn có những thứ là hình ảnh thánh của vị thánh được Đức Chúa Trời yêu mến, bởi vì từ đó ân sủng của Chúa tuôn đổ xuống cho chúng ta nhờ những lời cầu nguyện của vị thánh được khắc họa trên đó. *Ervan* lại nói , và về các Thiên thần, rằng họ là những thực thể vô hình theo Kinh Thánh: *"Các Thiên thần là những linh hồn"*[233] ; tuy nhiên, các Kitô hữu không ngần ngại vẽ hình ảnh các Thiên thần trên các bức tượng thánh và thể hiện các linh hồn dưới hình dạng hữu hình. Về điều này*, Tổng Giám mục đáp:* "Ngươi không có gì để nói, vì chính từ các ngươi, chúng ta đã học cách vẽ các Thiên thần của Chúa." *Ervan:* Chuyện này tuyệt đối không bao giờ xuất phát từ chúng tôi. *Tổng giám mục:* Ngươi đã vi phạm toàn bộ Luật Cựu Ước. Ngươi không nhận ra điều này sao? *Ervan:* Lạy Chúa, tôi không biết rằng đã từng có lúc các hình ảnh Thiên thần được vẽ lên và được tôn kính ở nơi chúng tôi. *Tổng Giám mục:* Thật ra, các ngươi đã khởi xướng việc đó rồi: khi Sa-lô-môn xây dựng đền thờ cho Đức Chúa Trời trên cao, chẳng phải ngài đã tạo ra những hình tượng Cherubim vinh quang trên đỉnh nơi thánh, che chở bàn thờ sao? Cũng vậy, trên cánh cửa đầu tiên và cánh cửa thứ hai của nơi thánh, chẳng phải ngài đã đặt những hình tượng Cherubim sao? Và trong Lều Chứng Cớ do Mô-sê dựng lên, chẳng phải đã có hình ảnh các Thiên thần Cherubim trên Hòm Giao Ước sao? Cũng vậy, trên các tấm màn, chẳng phải khuôn mặt các Thiên thần Cherubim đã được thêu dệt sao? Và tất cả những hình ảnh các Thiên thần ấy chẳng phải đã được các ngươi tôn kính cùng với Lều Chứng Cớ và Đền Thờ sao? Nếu các ngươi đã tôn kính những hình tượng thuộc bản chất vô hình, thì tại sao các ngươi lại trách móc chúng ta vì đã tạc hình và tôn kính các vị thánh nhân ấy, những người đã làm đẹp lòng Đức Chúa Trời khi còn ở trong xác thịt?

Chương 14. Cuộc tranh luận giữa Thánh Stephanos Mới và Copronymus

Thánh Stefan, còn được gọi là "Người Mới", được tôn kính vào ngày 28 tháng 11[234] , khi bị dẫn đi tra tấn trước mặt vua Kopronymos, đã xin một người sùng đạo trên đường đi một đồng xu có in hình vua, và lén giấu đồng xu đó vào mũ tu sĩ của mình. Khi vua nhìn thấy ngài, liền la lên: "Ôi, khốn khổ! Ôi, tai họa! Ôi, ta phải chịu đựng điều gì đây! Chẳng lẽ kẻ này dám xúc phạm vương quốc của ta sao? Chẳng lẽ kẻ này dám làm nhục ta, và coi thường quyền lực của ta như không có gì sao?" Còn vị thánh thì đứng im lặng, mắt nhìn xuống đất, còn nhà vua thì trong cơn thịnh nộ, như đang thở ra lửa, đã thốt ra nhiều lời trách móc gay gắt hướng về ngài. Rồi nhà vua nói: "Ngươi không trả lời ta sao, tên đầu óc đồi bại?" Thánh Stefano bèn nhẹ nhàng bắt đầu nói với ngài như vầy: "Nếu ngài đã định giết tôi, hỡi đức vua! Xin hãy giết tôi ngay đi; nhưng nếu ngài đã cho tôi ra trước mặt ngài để hỏi tôi điều gì đó, và để nghe tôi trả lời, thì ngài nên gác cơn giận sang một bên và nói chuyện với lòng nhân từ." Hãy kìm nén cơn giận, rồi hãy hỏi và lắng nghe ta. Lúc đó, nhà vua nói với chúng ta (ông nói): "Chúng ta không tuân theo những truyền thống của các vị tổ phụ, vậy mà ngài lại coi chúng ta như những kẻ dị giáo sao?" Vị thánh đáng kính đáp lại: "Vì việc vẽ các bức tượng thánh, vốn đã được các vị tổ phụ thánh thiện truyền lại từ lâu đời, đã bị tống khứ một cách bất công khỏi Giáo hội." Kẻ tra tấn lại nói: "Đừng gọi đó là việc vẽ các bức tượng thánh, vì không phải vậy, mà là việc tạo hình các thần tượng; vậy thì sao lại có thể thờ phượng các thần tượng cùng với các thánh được?" Nghe vậy, vị thánh nhân đáp lại: "Khi chúng ta thờ lạy hình ảnh, chúng ta không dâng sự tôn kính hay sự thờ lạy cho vật chất; vì sự tôn kính dành cho hình ảnh hướng về bản thể nguyên thủy, như thánh Basil đã nói." Kẻ tra tấn lại nói: "Liệu có phù hợp không khi dùng những hình ảnh hữu hình để miêu tả những điều mà các vị Thánh Cha đã nói trước đây? Những điều đó vốn nhiều và huyền bí, vượt quá khả năng hiểu biết của trí tuệ, và không thể giải thích bằng lời nói? Và liệu có công chính không khi thờ phượng những thứ hữu hình, trong khi bản chất của chúng không ai biết được?" Vị thánh đáng kính đáp lại: "Vậy thì ai trong số những người có lý trí lại nói rằng có thể dùng những hình ảnh được tạo ra từ vật chất để miêu tả bản chất vô hình của Thiên Chúa, Đấng vượt trên mọi trí tuệ, mà ngay cả hình dáng của Ngài cũng không thể mô tả bằng lý trí, huống chi là dùng hình ảnh để miêu tả Ngài?" Nhưng khi chúng ta khắc họa Chúa Kitô trên bức tranh thánh, chúng ta không khắc họa bản chất Thần Thánh của Ngài, mà vẽ lại hình ảnh Thần-Người của Ngài, hiện ra trong hình dạng trần trụi, và được các Tông đồ chạm vào bằng tay, như Thánh Gioan Thần Học đã nói: *"Chúng tôi đã thấy, và tay chúng tôi đã chạm vào"* ([235]). Nếu bạn đưa ra những lời mà Mô-sê đã nói: *"Chớ làm cho mình hình tượng nào, cũng chớ làm bất kỳ hình ảnh nào giống như những gì ở trên trời cao, hay những gì ở dưới đất* thấp"[236] , thì chính Mô-sê đó đã làm hình tượng hai thiên thần

[233] Thánh vịnh 103:4.
[234] Lễ Tứ Phần, trang 434, mặt sau.
[235] 1 Giăng 1:1.

Hê-ru-vi-m bằng vàng, điều mà vị Tông đồ Thánh Thần đã kể lại như sau: *Các Thiên thần Cherubim che chở bàn thờ*[237] . Nhưng chính bàn thờ, Đền Tạm và Nơi Thánh Thánh, chẳng phải cũng là hình ảnh của những điều trên trời sao, như chính vị Tông đồ ấy lại nói: *"Họ thờ phượng hình ảnh và bóng dáng của những điều trên trời*"[238] ? Vậy thì chúng ta làm điều gì trái luật khi vẽ hình ảnh Chúa Kitô mang hình dáng con người trên bức tranh thánh và thờ lạy Ngài? Liệu khi chúng ta cúi đầu trước Thập giá – vốn được tạo ra từ vật chất – thì có phải chúng ta đang thờ lạy vật chất đó không? Nhưng ngay cả những vật dụng đã được thánh hiến, mà chúng ta tôn kính, cũng không làm gì sai trái theo quan điểm của các ngài; bởi vì chúng ta biết rõ rằng chúng được thánh hiến nhờ việc kêu cầu danh Chúa Kitô . Vậy còn gì nữa? Liệu chúng ta có nên từ chối cả Thánh Thể, vốn mang hình dạng giống như bánh và rượu, chứa đựng Thân Thể và Máu Thánh của Chúa Kitô một cách huyền nhiệm, qua đó thể hiện chính Thân Thể của Chúa Kitô, Đấng đã chịu khổ hình trên thập giá, và nay đang ngự trên trời mà không còn chịu đau khổ; chính chúng ta cũng thờ lạy, hôn kính, và khi rước lễ, chúng ta được thừa hưởng sự thánh thiêng? Còn các ngươi, không phân biệt gì giữa thánh và không thánh, coi hình ảnh Chúa Kitô chẳng khác gì hình tượng thần Apollon, còn hình ảnh Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội thì như tượng thần Artemis, mà các ngươi không ngần ngại gọi là tà thần, rồi dùng chân giẫm đạp và chà đạp lên chúng. Vua đáp lại như sau: "Ôi, những kẻ mù quáng về trí tuệ, và hơn hết là những kẻ không xứng đáng với ký ức mà lẽ ra phải ghi nhớ! Bằng cách chà đạp những hình ảnh này, các ngươi có phải đang chà đạp chính Chúa Kitô không?" Lúc đó, Thánh Stefano, người thông thạo các việc thiêng liêng, theo phong tục của những chiến binh lừng danh là dùng chính vũ khí của kẻ thù để đánh bại chúng, và dù muốn dùng chính những lời nói của hắn để đánh bại hắn, ngài đã đưa tay vào mũ trùm đầu, lấy ra một tấm thánh ảnh có hình ảnh của vị vua độc ác đó đang đeo trên người, tấm thánh ảnh mà ngài đã xin từ một người nào đó, và chuẩn bị sẵn sàng; rồi trình lên nhà vua, ngài hỏi bằng lời của Chúa Kitô, rằng: *"Hình ảnh và dòng chữ* '[239] ' *này* thuộc về *ai*?" Nhà vua ngạc nhiên và đáp lại: "Thì còn ai khác nữa, ngoài nhà vua chăng?" Vị thánh lại hỏi: "Nếu có ai đó ném bức chân dung của nhà vua xuống đất một cách bất kính, và giẫm đạp lên nó bằng chân, liệu người đó có phải chịu hình phạt nào không?" Những người có mặt đáp lại: "Vâng, kẻ đó sẽ phải chịu hình phạt nặng nề; vì đã làm ô uế hình ảnh của nhà vua." Lúc đó, vị thánh thở dài nặng nề, rồi kêu lên với nỗi đau trong lòng, nói: "Ôi, sự mù quáng và điên rồ tột độ!" Nếu các ngươi nói rằng việc làm nhục hình ảnh của vị vua trần gian, người phàm và dễ hư nát, sẽ bị trừng phạt nặng nề, thì các ngươi, những kẻ đã chà đạp lên hình ảnh của Con Thiên Chúa và Mẹ Ngài vô nhiễm nguyên tội, và không ngần ngại ném nó vào lửa, thì các ngươi sẽ phải chịu hình phạt nào? Nói xong, ông nhổ nước bọt vào bức tranh, quăng nó xuống đất, rồi bắt đầu giẫm đạp lên bằng chân. Những người đứng xung quanh thấy vậy, liền lao vào ông với cơn thịnh nộ, định đẩy ông từ cung điện xuống biển, vì cung điện đó nằm ngay trên mặt biển. Nhưng nhà vua, giả vờ khiêm nhường, dù trong lòng đang sôi sục cơn giận, đã ra lệnh cấm họ không được gây hại gì cho Stephanos, như thể ông ta không bị cơn giận chi phối: tuy nhiên, ông ta ra lệnh trói Stephanos lại và đưa đến nhà tù công cộng, tức là nhà tù Pretorium, rồi giam giữ ông ta ở đó.

Sau những cuộc xem xét và tranh luận như vậy về việc tôn kính các thánh tượng, rõ ràng có thể thấy rằng những kẻ ly giáo và những kẻ giải thích sai lầm *đang nói dối và phạm tà giáo*, khi họ giải thích sai Kinh Thánh thánh thiêng về các bức tượng thánh, bác bỏ việc tôn kính các bức tượng thánh một cách đạo đức, và chất vấn chúng ta rằng ai đã truyền lại việc tôn kính các bức tượng: Có phải là một vị Tiên tri nào đó, hay là Đức Kitô, hay là các Tông đồ? Điều này đã đủ chứng minh rằng, từ xưa chính Thiên Chúa, khi truyền lệnh dựng Lều Giao Ước, đã truyền lại: Mô-sê và A-rôn cùng toàn thể dân Ít-ra-en đã đón nhận; Đa-vít, Sa-lô-môn và các Tiên tri thánh khác đã tôn kính trong Giáo hội Giê-ru-sa-lem; Mẹ Thiên Chúa trong thời thơ ấu đã được nuôi dưỡng trong Nơi Thánh Cực Thánh, bên cạnh các hình ảnh của các Thiên thần Hê-ru-bim. Trong thời đại ân sủng mới, Đức Kitô đã ban tặng bằng cách gửi cho Avgar hình ảnh không do tay người tạo ra của Ngài; Thánh Tông đồ và Thánh Tác giả Tin Mừng Luca đã bắt đầu vẽ các bức tượng thánh; Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội đã ca ngợi; Giáo hội nguyên thủy đã đón nhận; các Thánh Tổ Phụ đã yêu mến và tôn kính, và vì danh dự của những bức tượng ấy, nhiều người đã chịu khổ nạn. Công đồng Toàn cầu lần thứ bảy đã xác nhận điều này; Vladimir đã mang các bức tượng thánh từ Hy Lạp về Nga, và cho đến nay, chúng vẫn được những người tin theo chính thống trong chúng ta lưu giữ và tôn kính

---

[236] Xuất Ê-díp-tô Ký 20:4.
[237] Hê-bơ-rơ 9:5.
[238] Hê-bơ-rơ 8:5.
[239] Ma-thi-ơ 22:20.

một cách thành kính theo tập tục cổ xưa của Giáo hội; về điều này, Thánh Grêgôriô Đôi Lời, Giáo hoàng Rôma, trong bức thư thứ hai gửi cho Lêô Isaurianus, đã viết rằng: "Và trước chúng ta, các vị thánh đã mang theo các bức tượng thánh khi đến các công đồng, và không ai trong số những người yêu mến Chúa, khi đi hành hương một cách đạo đức, lại đi mà không mang theo bức tượng thánh, vì họ là những người được Chúa hài lòng,[240] " Thánh Grêgôriô đã viết đến đây.

Còn những kẻ phá hoại mới của Giáo hội Chúa Kitô, sau khi bác bỏ truyền thống cổ xưa của Giáo hội, đã đi theo Calvin, Luther, Lê Armenia, Copronymus, Conon hay Lê Isaurianus, theo gót người Do Thái, và chính Satan, kẻ đã không cho phép vị ẩn sĩ Eleonus tôn kính hình thánh Đức Mẹ. Vậy thì phần của họ sẽ ở cùng những kẻ ấy mãi mãi.

Còn chúng ta thì tuyên bố điều mà tại Công đồng Thánh Thứ Bảy Toàn cầu, Thánh Cha Basilius, Giám mục Agkir, đã đọc từ cuộn sách: "Ai không tôn kính các thánh tượng, thì bị vạ tuyệt thông." "Ai gọi các thánh tượng là thần tượng, thì bị vạ tuyệt thông[241] ." "Ai trích dẫn lời từ Kinh Thánh Thánh để chống lại các thánh tượng, thì bị vạ tuyệt thông." Ai bác bỏ truyền thống của các Thánh Tổ, như Arius, Nestorius, Eutyches, Dioscorus đã từng bác bỏ; và ai không muốn chấp nhận những điều không được chỉ ra trong Kinh Thánh, thì bị vạ tuyệt thông. Ai nói rằng các thánh tượng không được các Thánh Tổ truyền lại, thì bị vạ tuyệt thông. Ai nói rằng Giáo hội Công giáo chấp nhận các thần tượng, thì bị vạ tuyệt thông.

Chương 15. Về các di vật thánh

Không chỉ Kinh Thánh, mà cả các sách giáo lý, những kẻ xuyên tạc ở Bryn cũng giải thích sai lệch. Vì tôi mới đây đã nghe nói về một kẻ giảng dạy sai lầm và làm hư hỏng dân Chúa, bí mật dạy không nên tôn kính di cốt các thánh. Để củng cố sự giảng dạy sai lầm của mình, kẻ giải thích sai lầm đó trích dẫn lời của Thánh Zlatoust từ các bài giảng về Thánh Mát-thêu Tông đồ, trong bài giảng số 34, nơi trang 428 có ghi như sau: "Cũng như ma quỷ chạy đến các ngôi mộ, thì nhiều người trong số những người yêu mến ngồi bên các ngôi mộ cũng sẽ luôn đón nhận linh hồn ma quỷ, v.v." Và kẻ giảng dạy sai lầm đó giải thích như sau: "Tại sao tôi phải tôn kính các di vật thánh và đến các ngôi mộ của các ngài để thờ phượng, khi Thánh Zlatoust gọi tôi là ma quỷ vì điều đó?"

Để phản bác lời giải thích sai lệch đó của ông ta, tôi đưa ra những phân tích sau đây:

1) Những ngôi mộ và di cốt nào mà Thánh Vàng Miệng đã đề cập đến trong những lời nói trên?

2) Liệu những ngôi mộ và di cốt của những kẻ tội lỗi có giống với những ngôi mộ và di cốt của các Thánh không?

3) Sự khác biệt giữa các ngôi mộ và di cốt của những kẻ tội lỗi với các ngôi mộ và di cốt của các Thánh là gì?

4) Có nên tôn kính di cốt của các Thánh không, và vì lý do gì mà chúng ta tôn kính chúng?

5) Việc tôn kính di cốt các Thánh bắt đầu từ bao giờ?

PHẦN THẢO LUẬN THỨ NHẤT

Thánh Zlatoust đã viết những lời trên đây về *những ngôi mộ và di cốt nào?*

Lời răn dạy mà Thánh Zlatoust viết là dành cho những người khóc lóc vô cùng vì cái chết của những người bạn thân yêu, những người quen biết và người thân của họ, và khi đến bên quan tài của họ thì khóc lóc và đập ngực: chứ không phải vì các di cốt của các Thánh, vì không ai khóc than trước các di cốt ấy vì cái chết của họ, ngoại trừ việc ca ngợi Thiên Chúa vì các Thánh được Ngài tôn vinh, và cầu nguyện để được cứu rỗi nhờ lời cầu bầu của các ngài.

Hãy mở rộng tâm trí điên rồ của ngươi đi, hỡi kẻ xuyên tạc! Và hãy hiểu điều mà vị Thánh ấy dạy trong bài giảng đó. Trước hết, bài giảng dạy chúng ta phải coi thường cái chết, tức là đừng bối rối hay khóc lóc vì việc chúng ta sẽ chết và thân xác chúng ta sẽ mục nát trong mộ, mà hãy vui mừng vì chúng ta đang chuyển sang một cuộc sống tốt đẹp hơn; chỉ nên khóc than nếu ngươi biết ai đó đã ra đi để chịu cực hình vĩnh cửu. Ngài cũng giải thích rằng, nếu thân xác chúng ta không bị phân hủy trong mộ, thì sẽ có bảy điều tai hại từ đó; nhưng nhờ sự phân hủy này, chúng ta lại nhận được bảy điều lợi ích.

---

[240] Trong Sách Lễ Đại Hội, trang in 310 mặt sau.

[241] Lễ Tứ Tuần, ngày 25 tháng 2, trong tiểu sử Thánh Taras, trang 741 mặt sau.

Thứ nhất. Nếu thân xác chúng ta không bị phân hủy sau khi chết, chúng ta sẽ sa vào sự kiêu ngạo tột độ. Vì ngay cả khi thân xác đang phân hủy, nhiều người trên trần gian vẫn tự cho mình là thần thánh (như Nebuchadnezzar và những kẻ tương tự): vậy thì sự kiêu ngạo nào sẽ không tồn tại trong một thân xác bất hoại? Chính sự phân hủy đó làm khiêm nhường lòng kiêu ngạo của chúng ta.

Thứ hai. Nếu thân xác chúng ta không bị hư nát, chúng ta sẽ không tin rằng mình xuất phát từ đất; nhưng nhờ sự hư nát này, chúng ta nhận ra mình là những sinh vật phù du.

Thứ ba. Chúng ta hẳn đã vô cùng yêu mến thân xác của mình, hẳn đã trở nên ham mê xác thịt hơn, và hẳn đã thân thiết hơn khi đến viếng mộ và thân xác của những người thân và bạn bè, nếu như hình hài thể xác của họ không bị phân hủy. Nhưng khi chứng kiến sự phân hủy ấy, chúng ta được giải thoát khỏi sự ham mê xác thịt.

Thứ tư. Chúng ta sẽ không quá yêu mến cuộc sống tương lai.

Thứ năm. Những ai cho rằng thế giới là bất tử, tức là vô tận, sẽ càng củng cố quan điểm của mình, và thậm chí còn khẳng định rằng Đức Chúa Trời là Đấng đồng sáng tạo ra thế giới.

Thứ sáu. Họ không nhận ra linh hồn cao quý hơn thân xác đến mức nào.

Thứ bảy. Nhiều người trong số những ai đã mất đi người thân, tức là cha, mẹ, vợ, con cái và những người khác, sau khi rời bỏ nơi ở của mình, sẽ muốn sống cùng với người chết của họ, nếu như thi thể của họ vẫn còn nguyên vẹn, và họ sẽ xây dựng đền thờ cho họ, và dùng bùa chú để triệu hồi các quỷ dữ, để chúng nhập vào những thi thể ấy và nói qua chúng, giống như hiện nay vẫn có những kẻ thực hành bùa chú với người chết; và từ đó sẽ nảy sinh một tội ác lớn lao trong việc thờ lạy thần tượng. Nhưng Đức Chúa Trời đã loại bỏ tất cả những điều đó, Ngài đã khiến thi thể của những người thân yêu đang hấp hối của chúng ta bị phân hủy trước mắt chúng ta, để ngay cả người nào yêu mến một thiếu nữ xinh đẹp cũng sẽ lánh xa thi thể đang thối rữa và bốc mùi hôi thối của nàng.

Ngài cũng là vị Thánh Thầy của những ai đang than khóc với nỗi buồn vô bờ bến vì những người đã khuất của mình, những người đến bên quan tài của họ mà khóc lóc, đập vào quan tài của họ mà không tự hào, và Ngài đã dẫn dắt họ rời xa thói quen vô ích đó, so sánh những người như vậy với những con quỷ thích sống trong những ngôi mộ Hy Lạp, giống như tên quỷ điên ở xứ Ga-đa-ri, *kẻ không sống trong đền thờ, mà sống trong các ngôi mộ*[242] .

Đó là sức mạnh của những lời dạy của Thánh Xê-bê-ni-a, và đây là sự giải thích về giáo huấn của ngài.

Ngươi đang *nói dối*, hỡi kẻ điên rồ, kẻ xuyên tạc, khi áp dụng những lời dạy của các thầy, vốn nói về thân xác của những kẻ tội lỗi, lên các thánh tích của các thánh nhân: và bằng chính những lời đó, ngài không khen ngợi những người khóc lóc vô độ vì người chết của họ, nhưng ngươi lại dùng chúng để quở trách những người chính tín, những người tôn kính các thánh tích của các vị thánh được Chúa ưa chuộng một cách thành kính.

PHÂN TÍCH THỨ 2

Liệu các quan tài và di cốt của những kẻ tội lỗi có giống với các quan tài và di cốt của các Thánh không?

Dù chúng ta biết rằng, theo sự phán xét công chính của Đức Chúa Trời, chỉ có một cái chết duy nhất dành cho loài người, đó là khi linh hồn tách khỏi thân xác, như Sứ đồ đã phán: *"Mỗi người chỉ chết một lần"* ([243]); đã có vô số kẻ tội lỗi qua đời, cũng đã có vô số các Thánh nhân qua đời: bởi vì thân xác con người được lấy từ đất, dù là kẻ tội lỗi hay người công chính, đều phải trở về với đất, và ở lại trong sự mục nát của nấm mồ cho đến ngày phán xét; tuy nhiên, cái chết của kẻ tội lỗi không giống như cái chết của người công chính. Cái chết của người công chính là cao quý, như trong Sách Thi Thiên: *"Cái chết của các vị thánh của Ngài là cao quý trước mặt Chúa"* ([244]); còn cái chết của người tội lỗi thì nhục nhã và đau đớn: *"Cái chết của kẻ tội lỗi thật khủng khiếp*" ([245]). Khi Lazarus, người công chính, qua đời, các Thiên thần đã đưa ông vào lòng Áp-ra-ham; *còn người giàu có khi qua đời, trong địa ngục, đã ngước mắt lên, đang chịu đau khổ* ([246]).

Vì cái chết của kẻ có tội không giống như cái chết của người công chính; cũng vậy, ngôi mộ và thi hài của kẻ có tội không giống như ngôi mộ và thi hài của người công chính.

Dân Y-sơ-ra-ên đã làm phật lòng Đức Chúa Trời khi ở trong sa mạc, họ chán ghét manna và thèm thịt; họ khóc lóc và nói: *"Ai sẽ cho chúng tôi thịt để ăn đây*?"[247] ? Chúa đã cho họ ăn các miếng thịt rơi xuống từ đám mây;

---

[242] Luca 8:27.
[243] Hê-bơ-rơ 9:27.
[244] Thánh vịnh 115:6.
[245] Thánh vịnh 33:22.
[246] Luca 16:22 và 23.
[247] Sách Dân Số 11:4.

nhưng khi thịt *vẫn còn trong miệng họ, cơn giận của Đức Chúa Trời bùng lên chống lại họ, và Ngài đã giết chết rất nhiều người trong số họ*[248] , và nơi đó được gọi là "Mộ Tham Lam", vì tại đó họ đã chôn cất những người đã thèm ăn thịt. Sau đó, *Mô-sê, tôi tớ của Chúa, qua đời tại xứ Mo-áp theo lời phán của Chúa; người ta chôn cất ông, và cho đến ngày nay vẫn không ai biết* nơi mộ của ông[249] . Vì ông không được chôn cất bởi bàn tay con người, mà là bởi bàn tay các thiên thần, như đã được bày tỏ rõ ràng qua lời của Thánh Tông đồ Giu-đa, khi ngài nói: *"Thiên thần trưởng Mi-ca-ên đã tranh luận về thi thể của Mô-sê"*[250] *,* và những đoạn khác. Nơi đây, hỡi kẻ xuyên tạc, ngươi có dám so sánh ngôi mộ của những kẻ ham muốn xác thịt và bị cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời trừng phạt, với ngôi mộ của thánh Mô-sê, vị tiên tri và tôi tớ của Chúa, người đã được các thiên thần chôn cất không? Các tổ phụ thánh của Đấng Christ đã qua đời: Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cóp và Đa-vít: Jo-a-kim, tức là Ê-li-a-kim, vua Giu-đa, cũng là tổ phụ của Đấng Christ, về cái chết của ông, chính Chúa đã tiên tri trong lời tiên tri của Giê-rê-mi, phán rằng: *"Ông sẽ được chôn cất như một con lừa,* thối rữa *và bị quăng ra ngoài cổng Giê-ru-sa-lem"*[251] . Này, hỡi kẻ ly giáo, ngươi có so sánh thi hài hôi thối như con lừa của tên tội nhân này với thi hài của các vị thánh nhân ấy chăng?

Các vị tiên tri thánh đã qua đời, bị người Do Thái giết hại, và những kẻ đã giết họ cũng đã qua đời. Này, hỡi kẻ giảng dạy sai lầm, ngươi có so sánh những ngôi mộ và thi thể của những kẻ sát nhân với những ngôi mộ và thi hài của các vị tiên tri bị giết hại không?

Thánh Gioan Tiền Hô của Chúa Kitô, người bị Hê-rô-đê chặt đầu do sự xúi giục của Hê-rô-đi-a, đã qua đời; và Hê-rô-đê cùng Hê-rô-đi-a cũng đã qua đời. Liệu ngươi có dám so sánh xương cốt của Hê-rô-đê và Hê-rô-đi-a với thi hài của Thánh Tiền Hô của Chúa không?

Giu-đa, kẻ giả danh tông đồ, kẻ phản bội Chúa Kitô, sẽ chết vì bị siết cổ; các thánh Tông đồ, những tôi tớ chân chính của Chúa Kitô, cũng đã qua đời qua những cái chết đau khổ khác nhau vì Chúa Kitô. Liệu xương cốt của Giu-đa có thể sánh ngang với thi hài của các thánh Tông đồ chăng?

Các Thánh Tông đồ tối cao Phêrô và Phaolô đã qua đời, bị Nê-rôn kết án tử hình; Nê-rôn, kẻ đã giết họ, cũng đã chết. Liệu có thể so sánh thi thể và quan tài của Nê-rôn với các di cốt và quan tài của các Thánh Tông đồ Phêrô và Phaolô chăng?

Và vô số các thánh tử đạo khác đã chịu đủ mọi hình thức tử đạo vì Chúa Kitô; những kẻ đã hành hạ họ cũng đã chết: Diocletian, Maximian, Julian kẻ bội đạo và những kẻ hành hạ khác. Liệu xương cốt của những kẻ hành hạ độc ác đó có thể sánh được với xương cốt của các thánh tử đạo chăng?

Thánh Gioan Vàng Miệng qua đời, bị Hoàng hậu Evdokia trục xuất; Hoàng hậu Evdokia, người đã trục xuất ngài, cũng qua đời, và quan tài của bà rung chuyển suốt 32 năm. Ai dám so sánh quan tài của Evdokia ngang hàng với quan tài của Thánh Gioan Vàng Miệng?

Vì quả thật, những ngôi mộ và di cốt của những kẻ tội lỗi không thể sánh ngang với những ngôi mộ và di cốt của các thánh nhân được Chúa yêu mến.

PHẦN THẢO LUẬN THỨ 3

Sự khác biệt giữa quan tài và di cốt của những kẻ tội lỗi với quan tài và di cốt của các thánh là gì?

Sự khác biệt này là: người tội lỗi, từng là kẻ thù của Đức Chúa Trời, thì xương cốt cũng tội lỗi; còn người thánh, từng là bạn của Đức Chúa Trời, thì xương cốt cũng thánh thiện. Về xương cốt của những kẻ tội lỗi, tác giả Thi thiên đã nói: *"Xương cốt của họ tan rã trong âm* phủ" ([252]), nghĩa là gần với những cực hình của địa ngục: vì khi hợp nhất với linh hồn của họ trong ngày Phục sinh chung, họ sẽ ngay lập tức xuống địa ngục để chịu cực hình vĩnh viễn. Về xương cốt của những người công chính, cùng vị tác giả Thi thiên ấy cũng nói: *"Chúa gìn giữ mọi xương cốt của họ, và không một cái nào trong số đó bị gãy"*[253] ; như một kho báu quý giá nào đó, được cất giấu trong đất để bảo quản, dù đến lúc thích hợp sẽ được mang lên kho tàng trên trời. Thân xác con người trong cuộc đời này giống như áo choàng của linh hồn: cũng như thân xác được che phủ bởi áo choàng, thì linh hồn cũng được che phủ bởi thân xác; và cũng như thân xác, khi con người đi vào giấc ngủ ban đêm, cởi bỏ áo choàng của mình: thì

---

[248] Thi Thiên 77:30 và 31.
[249] Đệ Nhị Luật 34:5 và 6.
[250] Thư Giu-đe 1:9.
[251] Giê-rê-mi 22:19.
[252] Thi Thiên 140:7.
[253] Thi thiên 33:20.

linh hồn cũng cởi bỏ thân xác, khi con người ra đi vào giấc ngủ vĩnh hằng. Còn đối với người tội lỗi, khi linh hồn rời khỏi thân xác, thân xác ấy giống như bộ áo rách rưới của người ăn xin, bị vứt bỏ trên bãi rác; còn đối với người thánh thiện, khi linh hồn rời khỏi thân xác, thân xác ấy giống như tấm áo choàng tím hoàng gia, quý giá, được cất giữ trang trọng, và người ấy sẽ lại mặc lấy nó, để cùng cai trị với Chúa Kitô trong Nước Trời. Sự khác biệt giữa bộ áo rách rưới của người ăn xin và áo choàng hoàng gia quý giá cũng giống như sự khác biệt giữa thi thể của kẻ tội lỗi và thi hài của người thánh thiện.

Giữa những ngôi mộ của những kẻ tội lỗi, các quỷ dữ ngự trị, cũng như chúng đã ngự trị trong các nghĩa trang của người Hy Lạp, điều này có thể thấy ở nhiều nơi trong các cuốn sách về cuộc đời các thánh. Thánh Alipius, vị tu sĩ sống trên cột, đã định cư tại một nơi hoang vắng, nơi có rất nhiều quan tài cổ của người Hy Lạp, và ở đó cư ngụ những đạo quân ma quỷ; vì lý do đó, nơi ấy khiến mọi người kinh hãi, và không ai dám đi qua vì những sự đe dọa khủng khiếp từ lũ quỷ dữ[254] . Tương tự như vậy, trong cuốn sách về cuộc đời của Thánh Falaleus cũng có ghi chép: cách thành Sirsk, còn gọi là Gaval Naritsem, hai mươi stadia có một ngôi mộ lớn, trên đó có một đền thờ ma quỷ đổ nát, cùng một nghĩa trang ban ngày của người Hy Lạp, và vô số ma quỷ cư ngụ tại đó. Nơi đó thật đáng sợ đối với tất cả những ai đi ngang qua; vì các quỷ dữ không chỉ dọa nạt bằng những ảo giác và hình ảnh ma quái, mà còn tấn công và giết chóc một cách tàn bạo, gây hại cho nhiều người và gia súc; khi nghe tin này, Thánh Phalalei đã đến đó và định cư tại[255] . Còn vị thánh Makari của Ai Cập, khi từ tu viện đến Terinuf, sau khi ăn tối xong, đã vào nghĩa trang Hy Lạp để ngủ: ở đó có những bộ xương Hy Lạp đã mục nát, ngài nhặt một bộ, đặt làm gối đầu. Khi các quỷ thấy sự can đảm của ngài, chúng nổi giận và muốn dọa ngài, bèn kêu lên bằng giọng phụ nữ rằng: "Ôi, hãy đi tắm rửa đi!" Lúc đó, một con quỷ khác từ chiếc xương chết nằm dưới gối vị tu sĩ già đáp lại: "Tôi có một người lạ nằm trên đầu mình, nên không thể đến được." Nhưng vị tu sĩ già không hề sợ hãi, ông dũng cảm đập vào chiếc xương đó và nói: "Hãy đứng dậy và đi đi, nếu ngươi có thể[256] ." Thánh Macarius thứ hai, được gọi là Macarius thành Alexandria, khi đến gần nghĩa trang của các nhà chiêm tinh Ai Cập cổ đại là Iannias và Iambrias, thì có đến bảy mươi con quỷ dưới nhiều hình dạng khác nhau chạy ra đối đầu với ngài, la hét với cơn giận dữ tột độ: "Ngươi muốn gì ở đây, Macarius? "Tại sao ngươi lại đến đây? Tại sao ngươi lại xâm phạm nơi của chúng ta[257] ?"

Từ những câu chuyện này, rõ ràng là trong các ngôi mộ của những kẻ tội lỗi, bên cạnh xương cốt của họ, ma quỷ thường ngự trị.

Còn các quan tài và di cốt của các thánh thì quỷ dữ lại sợ hãi và chạy trốn khỏi đó. Gần thành phố Antioch có một nơi gọi là Daphni, nơi mà vào thời kỳ thờ thần tượng từng có một đền thờ thần tượng, và một con quỷ sống trong tượng thần đó, thường trả lời cho những người hỏi về bất cứ điều gì. Khi vào thời vua Constantine, con trai của Constantine, thi hài của Thánh Tử đạo Vavila được rước đến nơi đó, thì quỷ dữ liền hoảng sợ và bỏ chạy khỏi đó, và tượng thần im lặng[258] .

Cũng vậy, gần thành Alexandria có một nơi gọi là Manufin, tại đó từng có một đền thờ cổ xưa và là nơi cư ngụ của ma quỷ; nơi đó thật đáng sợ, vì có nhiều linh hồn ô uế cư ngụ tại đó. Khi Thánh Cyril, Tổng Giám mục Alexandria, rước các thánh tích thiêng liêng của các thánh tử đạo Cyrus và John đến nơi đó, thì ngay lập tức sức mạnh của ma quỷ đã bỏ chạy khỏi đó[259] ; và điều đó không có gì đáng ngạc nhiên: bởi vì tại các quan tài và thánh tích của các thánh, ân sủng của Đức Chúa Trời, Đấng chiếu sáng, luôn ngự trị, và các Thiên thần cùng các vị thánh của Đức Chúa Trời thường viếng thăm nơi đó.

Khi di cốt của Thánh Tử đạo đầu tiên Stephano được rước từ Giê-ru-sa-lem đến Constantinople, người ta nghe thấy tiếng các Thiên thần ca ngợi vinh quang Thiên Chúa vang lên trên không trung phía trên di cốt, và một mùi hương thơm ngát tỏa ra từ quan tài. Người ta cũng nghe thấy tiếng kêu la của ma quỷ từ xa vọng lại: "Khốn cho chúng ta, vì Thánh Stefano đang đến và sẽ đánh đập chúng ta." Vào ban đêm, một ánh sáng tỏa ra trên thi hài của vị thánh[260] .

---

[254] Tạp chí, số 420, trang 420, ngày 26 tháng 11.
[255] Ngày 27 tháng 2, trang 510.
[256] Ngày 19 tháng 1, trang 321 mặt sau.
[257] Ngày 19 tháng 1, trang 327.
[258] Ngày 4 tháng 9, trang 21.
[259] Ngày 9 tháng 6, trang 51.
[260] Ngày 2 tháng 8, trang 414 (mặt sau) và trang 415.

Bên quan tài của Thánh Đại Tử Đạo Dimitri Selunsky, có hai Thiên Thần của Chúa hiện ra và trò chuyện với vị tử đạo[261] . Bên quan tài của Thánh Phêrô, Tổng Giám mục Toàn Nga, một ngọn nến tự bừng sáng trước mắt mọi người, đó là dấu hiệu của ân sủng Chúa, chiếu sáng trên quan tài của vị thánh được Chúa yêu mến. Khi các di cốt của Thánh Theodosius Pechersky được tìm thấy, vào nửa đêm, người ta đã thấy một vầng hào quang rực rỡ chiếu sáng trên hang động, cùng với nhiều ngọn nến đang cháy[262] . Chúa đã tôn vinh các di cốt của các vị thánh của Ngài như vậy!

Sự khác biệt giữa kẻ không xứng đáng và người đáng kính, giữa cư dân địa ngục và công dân thiên đàng, giữa quỷ tối tăm và Thiên thần ánh sáng là bao nhiêu, thì sự khác biệt giữa quan tài và di cốt của những kẻ tội lỗi với quan tài và di cốt của các vị thánh được Chúa yêu mến cũng lớn bấy nhiêu.

Hơn nữa, còn có sự khác biệt lớn lao này: những ngôi mộ của những kẻ tội lỗi chứa đầy xương thối rữa và mọi thứ ô uế; còn quan tài của các thánh thì tinh khiết, chứa đựng những thi hài không hư nát, tỏa ra hương thơm, thậm chí có những thi hài còn tuôn ra dầu thơm, như trường hợp của Thánh Đại Tử Đạo Dimitri "Người Tuôn Dầu" và Thánh Đại Tử Đạo Euphemia "Người Được Ca Ngợi"[263] ; và tại Nga, trong thành phố hoàng gia Kazan, thi hài của Thánh Guriy, vị thánh của Chúa Kitô, đã tuôn ra dầu thơm; và tại các hang động thánh ở Kiev, người ta có thể thấy những chiếc đầu chảy dầu[264] . Xương của những kẻ tội lỗi không có bất kỳ sức mạnh chữa lành nào; còn xương của các thánh thì ban sự chữa lành cho những người có đức tin, như đã được ghi chép trong các cuốn tiểu sử các thánh ở nhiều nơi; và điều gì là kỳ diệu? Vì không chỉ bàn tay còn sống của Thánh Tông đồ Phaolô, mà *cả những chiếc khăn của ngài, và những giọt mồ hôi từ cơ thể ngài,* khi được đặt lên người bệnh, đều chữa lành bệnh tật[265] ; huống chi là sau khi qua đời, các di vật của ngài, cũng như của bất kỳ vị thánh nào, đều có sức mạnh mang lại sự chữa lành. Chẳng phải chúng ta đã đọc trong Kinh Thánh rằng, khi thi thể của một người chết được đặt vào quan tài của Thánh Tiên tri Ê-li-sê, *và chạm vào xương của Ê-li-sê,* thì ngay lập tức người chết đó *sống lại, đứng dậy trên đôi chân của mình*[266] , và trở về nhà mình trong tình trạng còn sống sao? Còn về xương cốt của những kẻ tội lỗi thì đâu có chuyện như vậy? Chẳng phải có sự khác biệt rất lớn giữa các nghĩa trang và xương cốt của những kẻ tội lỗi, với các di cốt của các thánh sao? Sự khác biệt tối thượng đó là: vào Ngày Sau Cùng, khi tiếng kèn của các Tổng Lãnh Thiên Thần vang lên để đánh thức tất cả những người đã chết từ thuở khai thiên lập địa khỏi giấc ngủ của cái chết, thì thân thể của những người công chính sẽ sống lại và bước vào sự sống lại của sự sống, còn thân thể của những kẻ tội lỗi sẽ bước vào sự sống lại của sự phán xét. Thân thể của những người công chính sẽ sáng chói như mặt trời trong Nước Trời; còn thân thể những kẻ tội lỗi sẽ trở nên đen kịt như than, bồ hóng, nhựa cây, và người Ê-thi-ô-pi trong địa ngục. Ai dám so sánh xương cốt của kẻ tội lỗi với di cốt của các thánh, và coi di cốt của các thánh như của kẻ tội lỗi? Chẳng phải chỉ có kẻ dị giáo và kẻ chống đối Giáo hội thánh thiện, con của ma quỷ và kẻ thừa kế địa ngục sao?

SỰ XEM XÉT THỨ 4

Có nên tôn kính di cốt các Thánh không, và vì lý do gì mà phải tôn kính chúng?

Nên tôn kính di cốt của các thánh:

1) Bởi vì các thánh vẫn còn kết hợp với linh hồn thánh thiện của mình, vẫn còn sống, và cùng Chúa Kitô cai trị. Cũng như chúng ta không chỉ tôn kính vị vua khi ngài còn thức, mà ngay cả khi ngài đang ngủ, chúng ta cũng không coi đó là điều bất kính, vì biết rằng ngài sẽ thức dậy từ giấc ngủ và trò chuyện với chúng ta; cũng vậy, đối với các thánh nhân, những người được Chúa hài lòng, những người mong muốn trở thành đồng trị với Đức Kitô, hiện đang ngủ yên trong thân xác của họ, chúng ta phải tôn kính; vì họ sẽ thức dậy khỏi giấc ngủ trần thế, và chúng ta mong được hân hạnh trò chuyện với họ.

2) Chúng ta phải tôn kính các di cốt của các Thánh: bởi chính Thiên Chúa cũng tôn vinh các ngài, như đã nói trước đây, Ngài bảo vệ các ngài bằng các Thiên thần của Ngài, chiếu sáng các ngài bằng ân sủng của Ngài, và ban cho các ngài sức mạnh chữa lành.

---

[261] Ngày 26 tháng 10, trang 237 (mặt sau) và ngày 12 tháng 2, trang 456 (mặt sau).
[262] Pater. Pechersk, trang 89
[263] Thứ Tư, ngày 26 tháng 10, trang 236 (mặt sau). Ngày 11 tháng 6, trang 284.
[264] Ngày 4 tháng 10, trang 157.
[265] Công vụ 19:12.
[266] 4 Vua 13:21.

3) Phải tôn kính các di cốt của các Thánh: bởi vì thân xác hư nát của các ngài sẽ được mặc lấy sự bất hủ, và thân xác phàm trần của các ngài sẽ được mặc lấy sự bất tử, và các ngài sẽ được nâng lên từ trần gian lên thiên đàng trong vinh quang, trong tiếng reo vui.

4) Phải tôn kính các thánh tích của các Thánh; vì các ngài sẽ trở thành những nơi trú ngụ của vinh quang thiên đàng, là những bình chứa linh hồn được tôn vinh của các ngài, là những vì sao tỏa sáng trên vòm trời, là những mặt trời rực rỡ, không nhấp nháy, không suy giảm, mãi mãi ngập tràn ân sủng và vinh quang bất diệt của Thiên Chúa.

5) Phải tôn kính các thánh tích của các Thánh: bởi vì, khi kết hợp với linh hồn của chính mình, các ngài sẽ trở thành đồng hương của các Thiên thần, bạn đồng hành của các Tổng lãnh thiên thần, những người giống như các Cherubim và Seraphim, những vị đội vương miện rực rỡ, cao quý, vinh hiển, những người đứng trước ngai vinh quang của Thiên Chúa, những người đối thoại với Thiên Chúa, những người con yêu dấu của Cha trên trời, những người thừa kế sự sống vĩnh cửu.

6) Chúng ta phải tôn kính các thánh tích của các Thánh; khi cầu nguyện cùng các linh hồn của họ – những linh hồn đang an nghỉ tại những nơi sáng láng và hiện diện trước mặt Thiên Chúa – chúng ta xin các ngài cầu thay cho chúng ta trước Chúa, và chúng ta tin chắc rằng các ngài đang cầu thay cho chúng ta; chính vì lý do đó, chúng ta phải tôn kính các ngài, bởi vì các ngài đang cầu thay cho chúng ta. Chúng ta được xác nhận điều này qua Thánh Kinh, trong Sách Macabe 2, chương 15, kể rằng Giu-đa Macabe đã thấy trong một thị kiến vị tiên tri thánh Giê-rê-mi-a, người đã qua đời từ lâu, hiện ra cùng với vị thượng tế Ô-ni-a; về điều này có chép như sau:[267] . Sau đó, một người đàn ông khác xuất hiện, tóc bạc phơ và rực rỡ vinh quang, với một vầng hào quang rực rỡ bao quanh; và Onias nói: "Đây là người yêu thương anh em, người cầu nguyện nhiều cho dân chúng và cho thành thánh, đó là Giê-rê-mi, vị tiên tri của Đức Chúa Trời." Rồi Giê-rê-mi-a giơ tay phải ra, trao cho Giu-đa Ma-ca-vê một thanh gươm vàng, và phán như sau: "Hãy nhận lấy thanh gươm thánh này – món quà từ Đức Chúa Trời, nhờ đó ngươi sẽ đánh bại kẻ thù." Từ thị kiến này, rõ ràng là các thánh nhân được Chúa hài lòng, sau khi qua đời, vẫn cầu nguyện cho chúng ta trước mặt Chúa và giúp đỡ chúng ta, như thánh Giê-rê-mi-a đã giúp Giu-đa Ma-ca-vê chống lại kẻ thù. Vì vậy, chúng ta phải tôn kính các di cốt thánh của họ, như những người trợ giúp và những người cầu nguyện cho chúng ta trước mặt Chúa.

7) Chúng ta nên tôn kính các thánh tích của các Thánh: bởi vì các linh hồn thánh thiện của các ngài biết và thấy sự tôn kính chân thành mà chúng ta dành cho các thánh tích của các ngài, và vì thế, các ngài cầu thay cho chúng ta trước Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, như đã được truyền lại từ Thánh Tử đạo Uar, ngày 19 tháng 10, vị đã hiện ra trước mặt thánh nữ Cleopatra, người yêu mến và tôn kính di cốt của ngài, và phán rằng: "Chẳng lẽ ta đã quên những đức hạnh của ngươi, những điều ngươi đã làm cho ta tại Ai Cập và trên đường đi sao? Hay ngươi nghĩ rằng ta không nghe thấy khi ngươi đã lấy thi thể ta ra khỏi giữa những xác thú vật, và đặt ta vào giường ngủ của ngươi? Chẳng lẽ ta không luôn lắng nghe những lời cầu nguyện của ngươi, và không cầu nguyện cho ngươi trước mặt Thiên Chúa sao? Trước hết, ta đã khẩn cầu Đức Chúa Trời cho dòng dõi của ngươi, những người mà ngươi đã chôn cất ta cùng với họ, để tội lỗi của họ được tha thứ; ta cũng đã dâng con trai ngươi lên cho Vua Trời trong đoàn quân thánh[268] , và những điều khác nữa.

8) Chúng ta phải tôn kính các thánh tích của các Thánh, những người đã đổ máu vì Chúa Kitô, những người đã tự hành xác mình hàng ngày, tự nguyện trở thành các vị tử đạo không đổ máu, và những người khác đã làm những việc công chính để được Chúa yêu mến. Còn chúng ta ngày nay, khi chiêm ngưỡng các thánh tích cao quý ấy, chúng ta tưởng nhớ những công lao và nỗ lực của các ngài, cùng mọi việc lành mà các ngài đã làm để làm đẹp lòng Chúa Kitô trong cuộc đời này; và chúng ta nhận được từ những cuộc đời thánh thiện của các ngài nhiều ơn ích cho linh hồn mình, đồng thời được khích lệ noi gương các ngài để sống đẹp lòng Chúa.

9) Phải tôn kính các di cốt của các Thánh, như những người bạn cao quý của Thiên Chúa, về họ, Đavít đã thưa cùng Thiên Chúa *rằng*: *"Những người bạn của Ngài thật cao quý đối với con, lạy Thiên Chúa[269] !"*

10) Chúng ta phải tôn kính các di vật của các Thánh, để qua các ngài, chính Thiên Chúa được chúng ta tôn vinh, Đấng kỳ diệu trong các Thánh của Ngài và được tôn vinh qua các ngài.

---

[267] 2 Maccabees 15:12. Thứ Năm, ngày 1 tháng 5, trang 305 ở mặt sau.
[268] Ngày 19 tháng 10, trang 206 ở mặt sau.
[269] Thi Thiên 138:17.

SỰ SUY NGẪM THỨ 5

Việc tôn kính di cốt các Thánh đã bắt đầu từ bao lâu rồi?

Có một câu chuyện đáng tin cậy của Giacôbê Ê-đê-xơ, người từng là thầy của Thánh Ê-phra-im, rằng Nô-ê, khi bước lên tàu trước trận Đại Hồng Thủy, đã lấy thi hài thiêng liêng của A-đam ra khỏi quan tài và mang theo lên tàu, hy vọng nhờ những lời cầu nguyện của ngài mà được cứu thoát khỏi trận Đại Hồng Thủy. Sau trận Đại Hồng Thủy, ông đã chia phần di cốt đó cho ba người con trai của mình; ông đã trao phần quý giá nhất – trán của A-đam – cho Si-môn, người con trai cả, và chỉ định cho anh ta sống trên mảnh đất đó, nơi sau này thành phố Giê-ru-sa-lem được xây dựng. Còn Si-môn, theo sự hướng dẫn của Đức Chúa Trời và nhờ ân tứ tiên tri mà Đức Chúa Trời ban cho ông, đã chôn cất trán của A-đam tại một nơi cao, không xa nơi mà sau này sẽ trở thành Giê-ru-sa-lem, và sau khi đắp một ngôi mộ lớn trên trán, ông gọi nơi đó là "Nơi Trán", vì trán của A-đam đã được chôn cất tại đó, chính nơi mà sau này Chúa Giê-su Kitô, Chúa của chúng ta, đã chịu đóng đinh. Từ câu chuyện này, có thể thấy rằng việc tôn kính các di cốt của các Thánh bắt đầu từ Nô-ê, người công chính.

Chúng ta cũng biết rằng, thi hài của Giuse vĩ đại, người đã qua đời tại Ai Cập, đã được dân Israel tôn kính rất nhiều; vì họ đã mang thi hài ngài từ Ai Cập về cùng mình đến Đất Hứa, và an táng một cách trang trọng tại làng của Giacóp, được gọi là Si-chem (sau này được gọi là Si-khar). Chúng ta hãy suy ngẫm xem, có biết bao người Israel đã qua đời tại Ai Cập, nhưng chỉ có thi hài của Giuse là được mang ra khỏi đó; bởi vì ngài là người duy nhất công chính, thánh thiện và là vị thánh vĩ đại được Thiên Chúa yêu mến, như cuộc đời ngài đã chứng tỏ.

Và di cốt của vị tiên tri thánh Ê-li-sê, nhờ sự chạm vào của chúng mà người chết đã sống lại[270] , như chúng ta đã nói trước đó, chẳng phải đã được dân Y-sơ-ra-ên tôn kính sao?

Và trong Phúc Âm cũng có nhắc đến rằng, tại Giê-ru-sa-lem, vào thời Chúa Giê-su*, người ta đã xây dựng các ngôi mộ của các tiên tri, và trang hoàng các quan tài của những người công chính* để tôn vinh các di cốt cao quý của họ. Ngài sẽ nói: Chúa Kitô không khen ngợi người Giêrusalem về việc làm ấy, mà trái lại còn quở trách họ, vì Ngài đã phán với họ rằng: *"Khốn cho các ngươi, những người thông thái và người Pha-ri-si, vì các ngươi xây dựng mộ các tiên tri* và trang hoàng *các ngôi mộ của những người công chính*[271] , v.v." Thánh Theophylact trả lời điều này, rằng: Ngài quở trách họ không phải vì họ xây dựng mộ các tiên tri, vì đó là việc lành; nhưng vì họ làm điều đó với lòng giả hình. Đến đây là lời của Theophylact. Hãy lắng nghe xem, tại sao Chúa lại quở trách và khiển trách dân Giê-ru-sa-lem; không phải vì việc trang trí các ngôi mộ của các tiên tri, vốn là việc làm tốt, mà vì sự giả hình và lòng ác độc của họ đối với Chúa Kitô, và vì lời dối trá trắng trợn của họ, khi họ nói: "Nếu chúng tôi sống vào thời các tổ phụ, chúng tôi đã không giết các tiên tri." Họ nói vậy, nhưng lại học cách giết người, tìm cách giết chính Con Thiên Chúa, Đấng mà các Tiên tri đã tiên báo; vì thế, Chúa đã phán với họ: "Khốn cho các ngươi, những người thông thái và những người Pharisêu giả hình." Còn đối với chúng ta, điều rõ ràng là ngay cả trong thời Chúa Kitô, các thi hài của các Thánh ở Israel vẫn được tôn kính.

Còn trong ân sủng mới, sau khi Chúa Kitô phục sinh, khi Thánh Luca, nhà truyền giáo, rao giảng về Chúa Kitô và đi qua nhiều thành phố và vùng đất, đến thành Sebaste, nơi đó lưu giữ thi hài Thánh Gioan Tẩy Giả, ngài đã đến; và từ đó, khi định trở về Antiôkhia – quê hương của ngài – ngài đã muốn mang theo và chuyển thi hài Thánh Gioan Tẩy Giả, Đấng Tiền Hô, vốn vẫn còn nguyên vẹn và không hư nát[272] ; nhưng điều đó không thể thực hiện được, bởi vì người dân Sebaste, những người vô cùng tôn kính di cốt của Thánh Tiền Hô và canh giữ chúng một cách cẩn trọng, đã không chịu giao nộp. Chỉ có bàn tay phải của Thánh nhân, bàn tay đã làm phép rửa cho Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, Thánh Luca, tác giả Phúc Âm, đã lấy đi và mang về thành Antioch của mình, như một kho báu quý giá, để đền ơn thành phố đã nuôi dưỡng ngài; và kể từ đó, bàn tay thánh của Thánh Giăng Tẩy Giả được các tín hữu Antioch tôn kính và bảo quản một cách long trọng; vì qua bàn tay ấy, không ít phép lạ đã được thực hiện. Simeon Metaphrastes đã viết về điều này trong bài giảng về việc rước bàn tay của Thánh Tiền Hô.

Còn về việc thi hài của Thánh Tông đồ đầu tiên Stephano được tìm thấy như thế nào, những phép lạ nào đã xảy ra từ đó, và sự tôn kính của các tín hữu dành cho thi hài thánh thiện ấy ra sao, xin xem vào ngày 2 tháng Augusta tại[273] .

---

[270] 1 Sách Các Vua 13:21.

[271] Ma-thi-ơ 23:29.

[272] Thứ Tư, ngày 7 tháng 1, trang 232, mặt sau

[273] Thứ Năm, ngày 9 tháng 5, trang 412, mặt sau.

Và có vô số câu chuyện về các di cốt làm phép lạ và chữa lành của các Thánh, cũng như về việc tôn kính các di cốt đó, được ghi chép trong các cuốn tiểu sử các Thánh; tuy nhiên, thời gian không đủ để trình bày chi tiết tất cả ở đây. Xin mời quý vị đọc thêm tại một số bài viết: về các di cốt làm phép lạ của Thánh Nicholas, vị thánh của Chúa Kitô[274] , về các di cốt chữa lành của Thánh Tử đạo Mina[275] , và các di cốt thiêng liêng của Thánh Đại Tử đạo Dimitri[276] , cùng Thánh Đại Tử đạo Euphemia, Đấng được ca ngợi muôn đời, nơi các tín hữu từ khắp nơi trên thế giới tụ họp để thờ phượng[277] ; và về các di cốt thánh khác, từ lâu đã được các tín hữu kính trọng một cách thành kính, bạn sẽ tìm thấy khắp nơi trong các sách nghi lễ của Giáo hội.

Quả thật, kẻ xuyên tạc đó đang nói dối, khi lấy những lời của Thánh Xa-lô-tô về các ngôi mộ và thi thể của những kẻ tội lỗi để phỉ báng các di cốt thánh, và gây phiền toái cho những ai tôn kính chúng, gọi họ là ma quỷ; chính hắn là ma quỷ trong xác thịt và đồng lõa với ma quỷ.

Chương 16. Về thời kỳ cuối cùng

Chúng tôi cũng nghe nói rằng những kẻ giảng dạy sai lầm ở Bryn, những kẻ giải thích sai lời dạy của Thầy, tuyên bố rằng thời đại hiện tại chính là thời kỳ cuối cùng, đang rao giảng những bài giảng bí mật của họ giữa dân chúng bình thường, rằng vào thời điểm hiện tại, không ai còn có thể được cứu rỗi nếu sống trong các thành phố và làng mạc, trừ khi ở trong những sa mạc của Bryn do chính họ lập ra. Bài giảng sai lầm của họ được chúng tôi nhận ra như sau:

Một con sói từ sa mạc Bryn, đã xâm nhập vào Rostov trong bộ lông cừu, nhưng theo thói quen của nó, nó lén lút cướp đi những con chiên thuộc về Đấng Christ. Khi đến gặp một người có đức tin và chính trực, hy vọng sẽ kiếm được nhiều tiền từ người đó, và muốn dụ dỗ người ấy về nơi ở của chúng, nó đã nói: "Các ngươi, những người đang sống trong các thành phố này, không có sự cứu rỗi, vì thời gian đã đến hồi cuối cùng, và Anti-Christ đang cai trị thế gian, ngày phán xét kinh hoàng đã cận kề, các nhà thờ giờ đây giống như chuồng chiên, còn các linh mục thì như những con sói, còn những lời cầu nguyện của các ngươi thì như sự ghê tởm trước mặt Đức Chúa Trời; vì Đức Chúa Trời đã quay mặt khỏi các ngươi, không nghe lời cầu nguyện của các ngươi, cũng không chấp nhận sự ăn chay của các ngươi; và dù các ngươi có tự làm tổn thương thân thể mình, sống đời sống khắc khổ và nỗ lực bằng mọi cách, thì các ngươi cũng không thể làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, vì mọi điều các ngươi làm đều đã trở nên khó chịu đối với Ngài. Chỉ trong các sa mạc và các tu viện hẻo lánh của chúng ta, Đức Chúa Trời mới ngự trị; chính tại đó Ngài đã quay mặt về phía chúng ta, và chỉ tại đó Ngài mới lắng nghe những ai cầu nguyện cùng Ngài và cứu rỗi họ.

Kẻ đó đã lừa dối như vậy, nhưng người bị lừa dối, được Chúa bảo vệ, vẫn không bị lừa dối; và sau đó sự khiêm nhường của chúng ta đã được báo cáo, nhưng con sói đó đã biến mất không để lại dấu vết. Sau đó, chúng tôi được biết rằng, tại các thành phố và làng mạc khác trong giáo phận của chúng tôi, những con sói từ các sa mạc Bryn cũng đang xuất hiện. Bằng những giáo lý sai lầm như vậy, chúng lừa dối và cướp đi các con chiên của Đấng Christ. Để củng cố giáo lý sai lầm của mình, chúng trích dẫn những lời của Thánh Hippolytus, nhưng lại giải thích chúng một cách sai lệch.

Thánh Hippolytus trong bài giảng của ngài về Tuần Lễ Chay Thịt đã phán: "Các nhà thờ của Đức Chúa Trời sẽ trở thành những đền thờ tầm thường, và sự suy đồi trong Giáo hội sẽ lan tràn khắp nơi; Kinh Thánh sẽ bị bỏ bê, và những điều khác[278] ; và phía dưới: các mục tử sẽ trở thành những con sói, còn các linh mục sẽ yêu thích sự dối trá; các tu sĩ nam và nữ sẽ thèm khát đời sống trần tục, và những điều khác; và lại ở phần dưới nữa: nhiều người sẽ trốn tránh những sự quyến rũ của hắn (Antichrist); vì họ nhận ra mưu mô của hắn, sự kiêu ngạo trong lời nịnh hót của hắn, và sẽ tránh xa bàn tay hắn, ẩn náu trong núi non và hang động, và bằng nước mắt cùng lòng ăn năn, họ sẽ cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời yêu thương loài người, và Ngài sẽ giải thoát họ khỏi lưới của hắn, cứu họ khỏi những cám dỗ dữ tợn của hắn, và che chở một cách vô hình bằng bàn tay Ngài những ai khiêm nhường và công chính nương tựa vào Ngài. Hãy xem, các thánh nhân thời bấy giờ đã ăn chay và cầu nguyện như thế nào; hãy

---

[274] Ngày 9 tháng 5.
[275] Ngày 11 tháng 11.
[276] Ngày 26 tháng 10.
[277] Ngày 11 tháng 7.
[278] Trang 107.

dạy cho những ai đang sống trong thành phố và làng mạc biết rằng thời đại và những ngày sắp tới sẽ tàn khốc ra sao[279] . Đến đây là lời của Thánh Hippolytus.

Họ giải thích những lời của Thánh Hippolytus như sau: bởi vì hiện nay đã là những ngày và thời kỳ cuối cùng: vì các nhà thờ, giờ đây không còn là nhà thờ nữa, mà chỉ là những ngôi đền đơn sơ và chuồng trại; các mục tử, các linh mục không còn là mục tử, không còn là linh mục, mà là những con sói; ở các thành phố và làng mạc, thời kỳ và những ngày tàn khốc đang diễn ra; vì Chúa đã quay mặt khỏi các thành phố và làng mạc: những ai ẩn náu và cầu nguyện trên núi, trong sa mạc, trong các hang động, Chúa sẽ cứu rỗi; còn những ai không ẩn náu trên núi, trong sa mạc và các hang động, mà sống trong các thành phố và làng mạc thì sẽ không được cứu rỗi; vì chỉ trong những tu viện hoang vắng của chúng tôi, Đức Chúa Trời mới ngự trị, lắng nghe lời cầu nguyện của chúng tôi, và chỉ cứu rỗi chúng tôi mà thôi; còn các ngươi, những kẻ ở lại trong các thành phố và làng mạc, đã hoàn toàn bị hủy diệt; bởi vì Đức Chúa Trời không lắng nghe lời cầu nguyện của các ngươi, cũng không chấp nhận những việc làm của các ngươi.

Đó chính là cách giải thích những lời của Hippolytus mà các giáo sư giả mạo ở Brynsk đưa ra, họ đổ lỗi cho sự rối loạn trong Giáo hội, sự suy đồi của hàng giáo phẩm, và tất cả những ai đang sinh sống ở các thành phố và làng mạc, như thể sự không được cứu rỗi đều xuất phát từ một điều duy nhất: rằng thời kỳ cuối cùng đã đến. Và trên cơ sở duy nhất đó, họ xây dựng bài giảng dối trá của mình, rằng thời kỳ cuối cùng đã đến; như thể mọi sự đang xảy ra không phải do sự phán xét và sự cho phép của Đức Chúa Trời, mà là do cái gọi là "thời kỳ cuối cùng"; và không phải Đức Chúa Trời là Đấng dựng nên mọi sự, mà là "thời kỳ cuối cùng"; và không phải Đức Chúa Trời, theo ý muốn của Ngài, cứu rỗi hay không cứu rỗi, mà là "thời kỳ cuối cùng".

Vì vậy, để nền tảng yếu ớt của họ bị sụp đổ, và sự giải thích sai lầm của họ bị vạch trần và bẽ mặt, chúng ta hãy xem xét vấn đề này như sau:

1) Thời gian là gì, và liệu thời gian có tự nó làm được điều gì không?

2) Liệu "thời đại cuối cùng" mà người ta nói đến có biến các Hội Thánh của Đức Chúa Trời thành những ngôi đền đơn sơ và chuồng trại hay không?

3) Vào thời điểm nào thì các nhà thờ của Đức Chúa Trời lại trở thành những ngôi đền đơn sơ?

4) Liệu thời kỳ đó đã đến trong Nhà nước Nga chưa, khi mà ở các thành phố và làng mạc, các nhà thờ trở thành những ngôi đền đơn sơ và chuồng trại?

5) Trong những thời kỳ cuối cùng, những mục tử nào lại trở thành những con sói?

6) Vì thời kỳ cuối cùng và khốc liệt này, liệu Đức Chúa Trời có quay mặt đi khỏi những người tin Chúa chân chính đang sống trong các thành phố và làng mạc hay không?

7) Ngày nay, liệu Chúa chỉ ngự trong các sa mạc, chỉ chấp nhận những lời cầu nguyện từ sa mạc, và chỉ cứu rỗi những người ẩn tu trong sa mạc thôi sao?

8) Sự cứu rỗi linh hồn con người có bị giới hạn bởi thời gian và địa điểm không?

PHẦN THẢO LUẬN THỨ NHẤT

Thời gian là gì, và liệu thời gian có tự nó tạo ra điều gì không?

Thời gian là thước đo của thế giới hữu hình này, của cuộc đời chúng ta, và của mọi sự diễn ra dưới trời theo sự sắp đặt của Đức Chúa Trời, được đo bằng ngày, tháng, năm, thế kỷ trăm năm và thế kỷ nghìn năm. Thời gian được chia thành ba phần: quá khứ, hiện tại và tương lai. Chúng ta biết về quá khứ, vì nó đã từng tồn tại, nhưng nay đã trôi qua và biến mất, và sẽ không bao giờ quay trở lại. Còn về tương lai, chúng ta mong đợi, nhưng không biết nó sẽ ra sao. Còn thời gian hiện tại, chúng ta tưởng như đang sở hữu, nhưng thực ra chúng ta không có gì ngoài một khoảnh khắc ngắn ngủi được gọi là *"bây giờ";* "bây giờ" tồn tại, nhưng ngay lập tức không còn nữa, vì nó đã trôi qua. Lại có *một "bây giờ"* khác đến, và nó cũng trôi qua: giống như trong những giờ đang trôi qua và được sắp xếp, các phút nối tiếp nhau mà không dừng lại; và cũng như bánh xe trên cỗ xe đang chạy không đứng yên tại một chỗ, mà trôi chảy từ nơi này sang nơi khác không thể ngăn cản: *hiện tại của* cuộc đời *chúng ta cũng vậy,* không đứng yên, mà không ngừng trôi chảy, và *hiện tại* của chúng ta chính là ranh giới giữa thời gian đã qua và thời gian sắp tới, kết thúc quá khứ và bắt đầu tương lai. Và cũng như trong sách, dấu chấm giữa các dòng, phân cách các câu, kết thúc một câu và bắt đầu câu khác; nhưng dấu chấm đứng yên tại một chỗ, còn thời điểm hiện tại của chúng ta, được

[279] Cùng trang, trang 116, mặt sau.

gọi là *"hiện tại"*, thì không bao giờ đứng yên, mà cứ thế trôi đi, như một giọt nước nào đó, chảy xuống dưới, để lại vệt nước sau lưng, và kéo dài về phía trước, cho đến khi cạn kiệt và khô héo.

Vậy thì hiện tại ngắn ngủi của cuộc đời chúng ta *hiện nay* có thể tự mình làm gì, tạo ra hay phá hủy? Có thể ban cho ai điều gì, hay tước đoạt đi? Chẳng có gì cả, ngoại trừ những ảo tưởng không ngừng; nhưng những ảo tưởng ấy chỉ thoáng qua, như chim bay trên không trung, như con thuyền lướt trên biển được gió thổi, như mũi tên bắn ra từ cây cung căng, hay như viên đạn được bắn ra từ khẩu súng đã nạp đạn, thời gian của chúng ta cũng trôi đi như vậy, không dừng lại dù chỉ một vạch nhỏ. Vậy thì làm sao thời gian hiện tại, vốn không đứng yên mà luôn trôi đi, lại có thể tự mình làm được điều gì? Chẳng phải chính Đức Chúa Trời làm mọi sự sao, Ngài làm khi nào Ngài muốn, không phụ thuộc vào thời gian; vì mọi thời gian, mọi năm tháng, mọi ngày, mọi giờ, đều nằm trong tay Đức Chúa Trời sao? Chính vì lý do đó mà chính Chúa Kitô, khi các Tông đồ hỏi Ngài sau khi phục sinh*, rằng: "Lạy Chúa, liệu Ngài có thiết lập Nước Israel trong năm nay không?", Ngài đã đáp lại: "Các con không hiểu được thời gian và mùa, vì Cha đã đặt điều đó trong quyền năng của Ngài*" ([280]). Thật vô ích khi những kẻ ly giáo lấy thời đại hiện tại – được gọi là "thời kỳ cuối cùng" – làm nền tảng cho giáo lý sai lầm của họ, và từ đó tự cho mình quyền lực để phá hoại các thánh đường, trục xuất các linh mục, và tước đoạt ơn cứu rỗi của những người sống trong thành thị và làng mạc. Liệu Đức Chúa Trời, Đấng hành động trong mọi sự, có thay đổi theo thời gian chăng? Liệu quyền năng của Đức Chúa Trời, Đấng cứu rỗi loài người, có suy yếu theo thời gian chăng? Liệu thời gian có mạnh hơn Đức Chúa Trời, và có thể ra lệnh cho Ngài chăng?

Ngươi sẽ nói: như một nhà thần học đã viết: *"Mọi sự* dưới mặt trời *đều có thời điểm của nó*: *có thời điểm sinh ra, và có thời điểm chết đi; có thời điểm gieo trồng, và có thời điểm* nhổ bỏ *những gì đã gieo; có thời điểm phá hủy, và có thời điểm xây dựng; có thời điểm khóc lóc, và có thời điểm cười vui; thời gian khóc lóc, và thời gian hân hoan; thời gian ném đá, và thời gian thu gom*[281] v.v. Vì mọi việc dưới trời đều do thời gian thực hiện. Tôi trả lời: mọi việc dưới trời đều diễn ra vào thời điểm thích hợp của nó, tuy nhiên không phải chính thời gian tự làm điều đó, mà là Đức Chúa Trời duy trì và sắp xếp mọi sự, và loài người do Đức Chúa Trời tạo dựng thực hiện công việc của mình vào thời điểm thích hợp.

Sẽ đến thời điểm cày bừa và gieo hạt; liệu chính thời gian có tự mình cày bừa và gieo hạt mà không cần con người chăng? Sẽ đến thời điểm gặt hái và thu hoạch trái cây; liệu chính thời gian có tự mình gặt hái và thu hoạch, chứ không phải con người chăng? Còn nơi nào không có con người, mà đất đai hoang vắng, thì ở đó có cày bừa, gieo hạt và gặt hái chăng, dù cho đó có là thời điểm cày bừa, gieo hạt và gặt hái đi chăng nữa? Thật vậy, không phải thời gian tự mình hành động, mà là Đức Chúa Trời; và theo sự sắp đặt của Đức Chúa Trời, con người hành động vào thời điểm của mình, vì Đấng Tạo Hóa đã định sẵn các thời điểm cho cuộc sống và công việc của họ.

Nếu không phải thời gian tự nó hành động, mà là Đức Chúa Trời, và con người được Đức Chúa Trời gìn giữ, thì làm sao thời gian hiện tại có thể tước đoạt sự thánh khiết của các hội thánh, và tước bỏ chức vụ của các linh mục, và cấm cản sự cứu rỗi của những người sống trong thành phố và làng mạc, khiến họ không thể được cứu rỗi trong thời đại này, như các Kitô hữu Chính Thống xưa kia đã được cứu rỗi trong những thời đại trước? Chẳng phải trong các thành phố và làng mạc, người ta vẫn đang đọc lời của vị Tông đồ, rằng: *"Nay* là *thời điểm thuận lợi, nay là ngày cứu rỗi*" ([282]) sao? Đối với bất kỳ ai muốn được cứu rỗi, thì mọi thời điểm đều là thời điểm thuận lợi, đều là ngày cứu rỗi.

Những người Brynyan đang nói dối, khi gán ghép những điều vốn thuộc về quyền năng và trật tự của Đức Chúa Trời vào thời kỳ cuối cùng, trong khi thực ra chúng thuộc về ý chí tự do của con người.

Những kẻ ly giáo nói: Sứ đồ Phao-lô đã viết cho Ti-mô-thê rằng: *"Điều này quả thật, vì trong những ngày cuối cùng sẽ có những thời kỳ gian nan: vì con người sẽ tự cao, ham tiền, kiêu ngạo, ngạo mạn, phỉ báng, chống lại cha mẹ, vô ơn, bất chính, không biết yêu thương, không hòa giải, ngang ngược, kiêu ngạo, lừa dối, vu khống, không kiềm chế, không hiền lành, không yêu thương, phản bội, ngạo mạn, tự mãn, ham khoái lạc hơn là yêu mến Đức Chúa Trời, có hình thức của sự tin kính nhưng đã từ chối quyền năng của Ngài*[283] , v.v. Vì những ngày sau cùng đã đến, và thời đại hiện tại thật tàn khốc, khiến con người ở các thành phố và làng mạc trở nên ác độc, ích kỷ,

---

[280] Công vụ 1:6 và 7.

[281] Truyền đạo 3:1 và các câu tiếp theo.

[282] 2 Cô-rinh-tô 6:2.

[283] 2 Ti-mô-thê 3, câu 1, 2 và các câu tiếp theo.

tham lam, kiêu ngạo, tự cao, và những điều khác nữa. Khi khiến họ trở nên như vậy, Ngài không cho phép họ được cứu rỗi; vì hiện nay không còn sự cứu rỗi nào trong các thành phố và làng mạc nữa.

Còn chúng ta, dựa trên những lời của các Tông đồ, sẽ bàn luận về hai điều: thời đại khắc nghiệt và những con người xấu xa, những kẻ sa vào sự suy đồi; đồng thời đưa ra lời phản bác mạnh mẽ chống lại những suy luận sai lầm, những ai không hiểu được sức mạnh của lời các Tông đồ.

Về thời đại và con người.

Về thời đại, vị giải thích Lời các Tông đồ là Thánh Gioan Vàng Miệng đã trả lời như sau: "Đừng lên án những ngày," (Tông đồ) nói, "cũng đừng lên án thời đại, mà hãy lên án những con người đang sống trong thời đại đó; vì chúng ta có thói quen nói như thế này: thời đại gian ác hay không gian ác, tùy thuộc vào những sự việc xảy ra trong đó, tùy thuộc vào con người." Đến đây là lời của Vàng Miệng. Hãy chú ý đến những lời này của Thánh Gioan Vàng Miệng: "không phải những ngày, cũng không phải những thời kỳ, mà là con người"; nghĩa là, Thánh Phaolô không quy trách nhiệm cho những ngày hay những thời kỳ, mà là cho con người. Tuy nhiên, ở phần đầu cuốn sách về những bài giảng của Thánh Gioan Vàng Miệng, trái ngược với cách giải thích đó, có viết: "những ngày là tốt lành, nhưng sự gian ác của con người thì tồi tệ." Từ đây, chúng ta thấy rõ rằng không phải thời đại làm cho con người trở nên xấu xa, mà chính con người làm cho thời đại trở nên xấu xa và tàn bạo; chính vị Tông đồ cũng đã chỉ ra điều này; khi ngài nói rằng "sẽ có những thời kỳ tàn bạo", ngài đã chỉ ra nguyên nhân khiến chúng trở nên tàn bạo: "vì" (ngài nói) "con người sẽ trở nên ích kỷ", v.v. Ngài không nói: "Con người sẽ trở nên xấu xa như vậy, nên những thời kỳ tàn bạo sẽ đến"; nhưng Ngài phán: "Sẽ có những thời kỳ tàn bạo, vì con người sẽ trở nên xấu xa." Ngài không quy trách nhiệm về sự xấu xa của con người cho thời đại, mà quy trách nhiệm về những thời kỳ tàn bạo cho chính con người; bởi vì không phải thời đại làm cho con người trở nên xấu xa, mà chính con người xấu xa làm cho thời đại trở nên tàn bạo. Bởi vì mọi thời đại, do Đức Chúa Trời tạo dựng, đều là tốt lành và không gây hại cho ai cả; nhưng những con người xấu xa, khi làm điều ác trong suốt cuộc đời mình, đã làm ô uế thời đại tốt lành, khiến thời đại đó, vì những việc làm xấu xa của họ, bị gọi là thời đại xấu xa và tàn khốc.

Về loài người, người ta biết rằng không chỉ trong những ngày của cuộc đời chúng ta hiện nay và trong những thời kỳ khắc nghiệt này, mà (theo lời các Tông đồ) loài người vốn là những kẻ yêu bản thân, ham tiền bạc, kiêu ngạo, tự cao, v.v. nhưng ngay cả trong " " (Thời đại Cựu Ước), thời kỳ khốc liệt đã tồn tại trước chúng ta, cũng có rất nhiều người như vậy: ngay cả trong chính những ngày của các Tông đồ, những người mà Phaolô đã ra lệnh cho Timôthê phải tránh xa: "*Hãy tránh xa những người này*" ([284]). Vì đã có rất nhiều kẻ dị giáo vào thời các Tông đồ, chẳng hạn như: Si-môn Phù thủy, Mê-nan-đơ, Carpophrastus, Hê-rint, những người Gnostics, và những người khác. Không chỉ trong những thời kỳ tàn bạo đó, khi các Tông đồ bị bách hại, mà ngay cả trước khi Chúa Giê-su ra đời, chẳng phải đã có vô số kẻ ác sao? Chính vị Tông đồ cũng đã nêu rõ điều này trong thư gửi cho Timôthê, khi ngài nhắc đến hai nhà chiêm tinh Ai Cập là Iannias và Iambrias, những người đã chống đối Môsê; về đoạn này, Thánh Giuse Kim Khẩu đã viết: "Ngài không chỉ lấy những người gần đây làm ví dụ, mà còn lấy những người đã qua đời từ lâu để minh họa; "Như vậy (Ngài nói), *Iannius và Iambrius đã chống* lại Mô-sê[285] ." Tại sao Ngài lại làm điều này? Để Ti-mô-thê, cũng như bất kỳ ai trong chúng ta, đừng bối rối khi có những kẻ ác. Nếu đã có họ vào thời Mô-sê, thì sau này cũng sẽ có; do đó, không có gì đáng ngạc nhiên khi họ xuất hiện ngay cả trong thời đại của chúng ta. Đến đây là lời của Thánh Giuse Kim Khẩu. Cũng như trong những thời kỳ gian nan trước đây, dù có nhiều người xấu, nhưng vẫn có nhiều người tốt, những người làm đẹp lòng Chúa và thánh thiện; cũng vậy, trong những thời kỳ gian nan cuối cùng hiện nay, giữa nhiều người xấu vẫn có nhiều người tốt; vì không phải ai cũng là kẻ tự cao, không phải ai cũng tham lam, không phải ai cũng kiêu ngạo, không phải ai cũng kiêu căng, không phải ai cũng hay phỉ báng, không phải ai cũng chống đối cha mẹ, không phải ai cũng vô ơn, không phải ai cũng bất chính, không phải ai cũng thiếu tình yêu thương, v.v. nhưng hiện nay vẫn có rất nhiều người không phải là những kẻ tự cao, không tham lam, không kiêu ngạo, không tự mãn, không hay phỉ báng, v.v.: mà ngược lại, họ là những người khiêm nhường, hiền lành, không tham lam, thực sự làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, có lối sống và hành vi đạo đức, là những tôi tớ chân chính của Đức Chúa Trời, và xứng đáng được sự cứu rỗi đời đời.

Những kẻ nói rằng "những ngày cuối cùng và thời kỳ tàn khốc đang tạo ra những con người xấu xa, và không cho phép ai được cứu rỗi trong các thành phố và làng mạc" quả thực là đang nói dối.

---

[284] 2 Ti-mô-thê 3:5.

[285] Cùng chương, câu 8.

SỰ XEM XÉT THỨ HAI

Liệu thời kỳ được gọi là "những ngày cuối cùng" này có biến Hội Thánh của Đức Chúa Trời thành những ngôi đền đơn sơ và chuồng trại hay không?

Nếu theo giáo lý sai lầm của những kẻ ly giáo, thời kỳ cuối cùng biến Hội Thánh của Đức Chúa Trời thành những ngôi đền đơn sơ và chuồng trại: thì từ thuở ban đầu của đức tin thánh trong Đấng Christ, từ thời các Sứ đồ, không có một Hội Thánh nào của Đức Chúa Trời dưới trời này, mà tất cả đều là những ngôi đền đơn sơ và chuồng trại; bởi vì thời kỳ cuối cùng đã bắt đầu từ những ngày Chúa Giê-su còn ở trần gian giữa loài người, và từ thời các Tông đồ.

Thời kỳ cuối cùng bắt đầu từ những ngày Chúa Kitô sống trên đất; Thánh Tông Đồ Phaolô làm chứng về điều này, khi ngài nói: *"Khi mùa hè kết thúc, Thiên Chúa đã sai Con Một của Ngài, Đấng được sinh ra bởi một người phụ nữ*[286] . "Cuối mùa hè", tức là thời kỳ cuối cùng, như Thánh Basil Đại Đế đã giải thích trong lời cầu nguyện khi rước lễ, khi ngài thưa với Chúa Kitô: "Con Một đồng bản thể và đồng nguyên thủy với Cha Vô Thể, vì lòng nhân từ vô biên, trong những ngày cuối cùng đã nhập thể và chịu đóng đinh."

Thời kỳ cuối cùng bắt đầu từ thời các Tông đồ, như Thánh Gioan Thần Học đã nói: *"Hỡi các con, đây là năm cuối cùng: và như các con đã nghe, Anti-Christ sẽ đến, và bây giờ đã có nhiều Anti-Christ rồi*[287] ; và Ngài cũng nói về Anti-Christ đó: *'Các con đã nghe nói rằng Ngài sẽ đến, và bây giờ Ngài đã có mặt trên thế gian rồi'*[288] . Chính vị Thánh Tông Đồ này, trong những ngày còn sống, đã tiên tri về năm cuối cùng và về việc Anti-Christ đã hiện diện trên thế gian.

Vì theo cách suy luận ly giáo, từ thời Chúa Kitô và các Tông đồ cho đến nay, khoảng 1.700 năm hoặc hơn, Antichrist đã cai trị trên thế gian, và các nhà thờ của Thiên Chúa chưa bao giờ thực sự là nhà thờ, mà chỉ là những ngôi đền trống rỗng và chuồng trại; và các bí tích được cử hành trong đó chưa bao giờ là bí tích: vì thời kỳ cuối cùng đã bắt đầu từ thời Chúa Kitô và các Tông Đồ cho đến nay. Nhưng suy luận và nói như vậy là điên rồ, gây hại cho linh hồn, và là dị giáo. Vì ai cũng biết rằng, từ thời các Tông Đồ, các nhà thờ của Đức Chúa Trời đã bắt đầu được xây dựng khắp nơi, nơi nào đức tin thánh thiện tỏa sáng; và đặc biệt là Constantine Đại đế, vị hoàng đế Kitô giáo đầu tiên, sau khi được soi sáng và đã soi sáng vương quốc của mình bằng đức tin thánh thiện, đã nhân rộng việc xây dựng các nhà thờ của Chúa một cách phi thường, bằng cách xây dựng tại Jerusalem một nhà thờ trên mộ Chúa Kitô, tại Rôma trên mộ các Tông đồ, và tại các thành phố khác: việc xây dựng các nhà thờ thánh bắt đầu từ thời đó, cho đến nay vẫn tiếp tục được thực hiện nhờ ân sủng của Thiên Chúa tại các quốc gia Kitô giáo, và chưa bao giờ có ai gọi các nhà thờ của Thiên Chúa là những ngôi đền đơn thuần hay chuồng trại, dù người ta nói rằng đây là thời kỳ cuối cùng.

Những người Brynyan đang nói dối khi khẳng định rằng thời kỳ cuối cùng đang biến các nhà thờ của Chúa thành những ngôi đền trống rỗng và chuồng trại.

PHẦN THẢO LUẬN THỨ 3

Khi nào thì các nhà thờ của Đức Chúa Trời trở thành những ngôi đền đơn thuần?

Một ngôi nhà được coi là như vậy khi nó hoặc đã đổ nát và sụp đổ, hoặc dù chưa đổ nát nhưng không có ai sống trong đó, cũng không bị khóa lại hay được ai canh giữ, mà bất kỳ người qua đường hay gia súc nào cũng có thể vào được; vào thời điểm đó, ngôi nhà đó thực sự được gọi là và đúng là: còn ngôi nhà dù không có ai ở bên trong, nhưng lại bị khóa kín và được canh giữ để không ai phá hoại, thì ngôi nhà đó không được gọi là "nhà", mà phải có chủ nhân của nó.

Cũng vậy, cần hiểu về các nhà thờ thánh của Đức Chúa Trời như sau: nếu có nhà thờ nào đã xuống cấp nghiêm trọng đến mức không thể cử hành thánh lễ trong đó nữa; hoặc nếu có nhà thờ nào dù chưa xuống cấp, nhưng vì một lý do nào đó mà không còn được ca ngợi danh Đức Chúa Trời một cách xứng đáng, hoặc do thiếu thốn, nhưng vẫn được khóa kín và không bị phá hủy: thì nhà thờ đó có thể được so sánh với một ngôi đền đơn sơ, nhưng không phải là ngôi đền đơn sơ nhất, thậm chí còn thấp hơn cả chuồng trại; vì nó vẫn được Đức Chúa Trời quan sát và theo dõi.

---

[286] Ga-la-ti 4:4.

[287] 1 Giăng 2:18.

[288] Cùng đoạn, câu 4, câu 3.

Trong Nhà nước Nga có những nhà thờ như vậy; trong số đó, có những nhà thờ vì đã xuống cấp trầm trọng nên bị tước mất sự tôn vinh xứng đáng dành cho Đức Chúa Trời, còn những nhà thờ khác dù chưa xuống cấp, nhưng do sự thiếu thốn của dân chúng và các giáo sĩ nên không có tiếng hát; bởi vì trong Giáo phận của chúng ta có một số làng, trong đó theo lệnh của Hoàng đế, dân chúng đã được chuyển đến các huyện khác, còn các giáo sĩ, vì không có ai chu cấp, đã rời bỏ những nhà thờ đó; tuy nhiên, những nhà thờ ấy bị đóng cửa, thậm chí bị bỏ mặc cho hoang tàn: những nhà thờ đó giờ đây chỉ như những ngôi đền đơn sơ, không có tiếng hát, nhưng không phải là những ngôi đền đơn sơ nhất; bởi vì mọi ngôi đền và mọi nơi được Đức Chúa Trời thánh hiến, kể từ ngày được thánh hiến, đều có một ân sủng nào đó của Đức Chúa Trời hiện diện trong đó. Vì trong Cựu Ước, nơi mà Thánh Giacóp, trong chuyến hành trình, đã chìm vào giấc ngủ và thấy một giấc mơ kỳ diệu – một cái thang lên trời với các Thiên thần đang đi lên xuống trên đó; thì nơi đó có ân sủng của Chúa hiện diện, khiến Thánh Giacóp khi thức dậy đã kinh hãi và thốt lên: *"Nơi này thật đáng sợ, đây không phải là* (một nơi bình thường), *mà là nhà của Đức Chúa Trời, và đây là cổng* thiên đàng[289] ": huống chi trong ân sủng mới, những nơi và đền thờ được thánh hiến trong Hội Thánh của Đức Chúa Trời, dù có thể không có tiếng hát, nhưng không bao giờ thiếu sự hiện diện của ân sủng Đức Chúa Trời. Chúng ta có tin tức này trong cuốn sách của Thánh Sofronius, Thượng phụ Giê-ru-sa-lem, có tên là "Limonar", tức là "Vườn Hoa", trong đó, tại chương 4 có viết như sau: Abba Leontius, vị tu viện trưởng của Tu viện Thánh Theodosius, đã kể cho chúng ta nghe, rằng: sau khi những người thông thái thuộc phái Origen bị trục xuất khỏi Tu viện Mới Lavra, những người theo học thuyết của Origene, các vị tu sĩ Chính Thống đã dọn đến định cư tại Tu viện Mới đó, và tôi cũng cùng với họ dọn đến định cư tại Tu viện Mới ấy. Vào một ngày Chủ nhật nọ, tôi đến nhà thờ để rước các Bí tích thánh; khi bước vào, tôi thấy một Thiên thần đang đứng bên phải bàn thờ, và bị bao trùm bởi nỗi sợ hãi tột độ, tôi quay trở về phòng tu của mình, và có một tiếng nói vang lên với tôi, phán rằng: "Kể từ khi bàn thờ này được thánh hiến, tôi đã được giao phó nhiệm vụ ở lại bên cạnh nó." Chúng ta hãy lưu ý: dù trước đây những kẻ dị giáo thuộc phái Origen đã từng ở đó trước các vị Thánh Phụ Chính Thống và cử hành các nghi lễ dị giáo của họ; tuy nhiên, bàn thờ này, vốn đã được các vị Thánh Phụ Chính Thống từ thuở ban đầu thánh hiến cho Thiên Chúa, vẫn luôn có Thiên Thần của Thiên Chúa ngự bên cạnh. Cũng trong cuốn sách đó, tại chương 10 có ghi chép về vị tu sĩ ẩn dật Barnabas, người đã sống trong các hang động ở sông Jordan, người đã dựng nên một bàn thờ trong hang động của mình và làm lễ thánh hiến nó; sau khi ở đó vài năm, ngài chuyển đến Tu viện Pirgia (ngài chuyển đến đó vì bệnh ở chân, do bị gai đâm vào, gây ra vết loét nghiêm trọng, và chân ngài bắt đầu thối rữa). Sau khi ngài rời khỏi hang động, có một ẩn sĩ khác muốn dọn vào ở trong hang động của ngài, bèn bước vào và thấy Thiên Thần của Đức Chúa Trời đang đứng trước bàn thờ, và vị ẩn sĩ ấy nói với Thiên Thần: "Ngài đang làm gì ở đây?" Thiên Thần đáp: "Những nơi này đã được thánh hiến, và chúng đã được Đức Chúa Trời giao phó cho ta."

Điều này cho thấy rằng, dù một nhà thờ nào đó có thể không có tiếng hát vì một lý do nào đó, nhưng nếu nơi đó vẫn có ân sủng của Đức Chúa Trời hiện diện và Thiên Thần luôn túc trực, bảo vệ nó. Có thể nhà thờ, khi vắng tiếng hát, sẽ giống như một ngôi đền đơn sơ, nhưng so sánh nó với ngôi đền đơn sơ nhất cũng không phải là không có lỗi, huống chi gọi nó là chuồng lúa thì lại càng là tội lỗi. Bởi vì Thánh Hippolytus đã gọi những nhà thờ của Chúa bị bỏ trống là "chuồng trại", nhưng ngài chỉ so sánh chúng với những ngôi đền đơn sơ, khi đưa ra lời nói này: "Những nhà thờ của Chúa (ngài nói) sẽ giống như những ngôi đền đơn sơ." Còn những kẻ ly giáo, vì căm ghét các nhà thờ của Chúa, đã dùng sự độc ác của mình không phải để so sánh, mà để khẳng định rằng *đó là chuồng trại,* khi nói: "Các nhà thờ là chuồng trại." Và điều đó sẽ không quá đáng ngạc nhiên nếu họ gọi những nhà thờ không có tiếng hát là chuồng trại; nhưng điều đáng ngạc nhiên là tại sao họ lại không cảm thấy xấu hổ. Họ thậm chí không ngần ngại gọi không chỉ những nhà thờ đơn sơ là "chuồng trại", mà còn gọi chính những nhà thờ của Chúa – nơi hàng ngày diễn ra việc ngợi khen Chúa, lễ tế không đổ máu được cử hành, và tất cả các bí tích Kitô giáo được thực hiện – là "chuồng trại". Những kẻ ly giáo đặc biệt gọi những nhà thờ đó là "chuồng trại".

Còn chúng ta, từ cuốn sách đã đề cập trước đây của Thánh Sofronius, biết rằng: nếu các bàn thờ của Chúa, dù không có lễ vật và thánh ca, vẫn có ân sủng của Chúa hiện diện và sự bảo vệ của các Thiên thần: huống chi các nhà thờ của Chúa, hiện diện trong các thành phố và làng mạc, không phải là nơi trống rỗng, mà được lấp đầy bởi những lời ngợi khen Chúa hàng ngày và các Thánh lễ thánh thiêng, tràn ngập ân sủng của Chúa; chúng không phải là những ngôi đền đơn thuần, cũng không phải là chuồng trại, mà là những ngôi đền thánh của Chúa, nơi các Thiên

[289] Sáng Thế Ký 28:17.

thần ngự trị, nơi các thánh tụ họp, nơi nương náu của những người trung thành, nơi chữa lành những bệnh tật của tâm hồn, là nhà của Chúa và là cửa thiên đàng.

Những kẻ ly giáo đang nói dối khi gọi các nhà thờ của Chúa, ở các thành phố và làng mạc, là những ngôi đền đơn thuần hay chuồng trại.

Một lần nữa:

Các Hội Thánh của Đức Chúa Trời lúc bấy giờ trở nên như những ngôi đền đơn sơ, khi theo sự cho phép của Đức Chúa Trời, hoặc là Hội Thánh của Ngài phải chịu sự bắt bớ, và các bàn thờ của Đức Chúa Trời bị những kẻ dị giáo làm ô uế, hoặc là bị xâm lược bởi các dân tộc ngoại bang, những kẻ tàn phá và hủy hoại các thành phố và làng mạc; lúc đó, các nhà thờ của Đức Chúa Trời thực sự bị cướp bóc, bị tàn phá, trở thành những ngôi đền đơn sơ; lúc đó chúng còn trở thành chuồng trại, nơi trú ngụ của ngựa. Vì người Agaryan, để làm phiền các Kitô hữu, đã dẫn ngựa của họ vào các nhà thờ của Chúa và làm ô uế chúng bằng đủ thứ dơ bẩn. Lúc đó, những lời trong Thánh vịnh trở thành hiện thực: *"Lạy Chúa, các dân ngoại đã xâm nhập vào lãnh địa của Ngài, đã làm ô uế* Hội Thánh thánh thiện của Ngài"[290] .

PHẦN THẢO LUẬN THỨ 4

Liệu đã đến lúc nào đó trong Nhà nước Nga, khi các nhà thờ ở các thành phố và làng mạc chỉ còn là những ngôi đền đơn sơ và chuồng trại?

Chúng tôi khẳng định rằng, sự hoang tàn của các nhà thờ Chúa thường xảy ra hoặc do những kẻ dị giáo, những kẻ bách hại và lạm dụng Giáo hội của Chúa, hoặc do sự xâm lược của các bộ tộc ngoại bang, những kẻ tàn phá tất cả.

Tại Nhà nước Nga, từ khi bắt đầu rửa tội cho đến nay, vẫn chưa từng có thế lực dị giáo nào và cuộc nổi loạn chống lại Giáo hội của Chúa đến mức có thể lấn át Chính thống giáo và xúc phạm các bàn thờ của Chúa; chỉ có một số tà giáo nhỏ lẻ xuất hiện, và họ phỉ báng các thánh đường, gọi những ngôi thánh đường đơn sơ đó là chuồng trại, như nhóm Strigolnik từ Pskov, về họ sẽ được đề cập chi tiết hơn ở phần sau. Từ thành Novograd vĩ đại, những người Do Thái mới, nay được gọi là người Brynyane, là những kẻ phỉ báng các nhà thờ của Chúa, dạy dỗ dân chúng không đến nhà thờ để cầu nguyện.

Các cuộc xâm lược của các bộ tộc ngoại bang vào Nhà nước Nga đã từng xảy ra: trong thời kỳ Batyev, và sau đó nhiều lần, người Agaryan bất ngờ xâm nhập vào các vùng đất Nga; cũng như người Ba Lan đã xâm lược vương quốc của Tsar Strigina, và sau đó nữa. Vào những thời kỳ tăm tối ấy ở Nga, tại một số nơi, các nhà thờ của Chúa, vốn chỉ là những ngôi đền đơn sơ và chuồng trại, đã bị tàn phá và ô uế bởi các bộ tộc ngoại bang.

Còn trong thời đại hiện nay, bên trong Nhà nước Đại Nga, nhờ lòng thương xót của Chúa, chúng ta vẫn chưa thấy những nhà thờ của Chúa bị tàn phá bởi sự xâm lược của các bộ tộc ngoại bang, dù vẫn nghe tin về chiến tranh; chỉ có Chúa mới biết điều gì sẽ xảy ra trong tương lai. Nếu như vì Chúa cho phép do tội lỗi của chúng ta mà điều đó xảy ra ngay cả bây giờ, thì cũng không phải tất cả các nhà thờ ở khắp mọi nơi đều trống rỗng, cũng không phải lúc nào cũng vậy, mà chỉ ở một số nơi và vào một số thời điểm nhất định, giống như đám mây kèm theo sấm sét và chớp nhoáng, đôi khi xuất hiện ở một số nơi và vào một số thời điểm nhất định rồi lại qua đi. Xin Chúa bảo vệ các nhà thờ thánh của Ngài ở khắp mọi nơi khỏi mọi sự tàn phá.

Nhưng vì những kẻ ly giáo không nói về sự tàn phá các nhà thờ của Chúa, vốn thỉnh thoảng xảy ra do bạo lực của những kẻ dị giáo hoặc do sự xâm lược của các bộ tộc ngoại bang; mà họ lại bịa đặt ra một điều ác độc nào đó bằng sự ác ý của mình, gọi những nhà thờ của Chúa – vốn không hề trống rỗng mà đang được dâng lên những lời ngợi khen Chúa – là những ngôi đền đơn sơ và chuồng trại. Vì vậy, khi phản bác sự ác ý của họ, trước hết chúng ta phải làm rõ mức độ nghiêm trọng của sự bắt bớ đang xảy ra đối với Hội Thánh của Đức Chúa Trời, đồng thời bác bỏ những lời phỉ báng của họ.

Hội Thánh của Đức Chúa Trời, trải khắp toàn vũ trụ, đang phải chịu sự bắt bớ một cách đặc biệt: lúc thì chỉ một phần nào đó của Hội Thánh, lúc thì toàn thể Hội Thánh. Giáo hội phải chịu sự bách hại từng phần khi ở một quốc gia nào đó bị bách hại, trong khi ở quốc gia khác lại được bình an; ở một vương quốc nào đó bị đàn áp, xúc phạm và bị hạ thấp, trong khi ở vương quốc khác lại tự do phát triển và ngày càng gia tăng. Điều này cũng đang xảy ra trong thời đại này: Giáo hội của Đức Chúa Trời ở các nước Hy Lạp đang bị bách hại, bị người Thổ Nhĩ Kỳ đàn áp, còn ở các nước Nga, tạ ơn Đức Chúa Trời! vẫn chưa phải chịu sự bách hại.

---

[290] Thi Thiên 78:1.

Toàn thể Giáo hội đã phải chịu sự bách hại ngay từ thuở ban đầu, vào thời các Tông đồ và những năm sau đó, thậm chí cho đến thời kỳ Khai sáng của Constantine, khoảng ba trăm năm; vì lúc bấy giờ, trên khắp vũ trụ, Giáo hội của Đấng Christ đã bị bách hại, bị áp bức, bị thù hận, và nhuốm đỏ bởi máu của vô số vị tử đạo, ở phương Đông và phương Tây, ở phương Bắc và phương Nam. Giáo hội cũng sẽ phải chịu sự bách hại như vậy một lần nữa vào cuối thời đại, trong thời đại của Antichrist; bởi vì trên khắp các miền đất, các tín hữu Kitô chân chính sẽ bị những kẻ sùng bái Antichrist bách hại và giết hại, và các nhà thờ của Chúa sẽ bị tàn phá: còn trong thời đại hiện tại, dù được gọi là thời kỳ cuối cùng, vẫn chưa có cuộc bách hại nào như vậy đối với toàn thể Giáo hội của Đức Chúa Trời trên khắp vũ trụ, ngoại trừ một phần nhỏ ở một số quốc gia (như ở Hy Lạp): bởi vì thời điểm cho sự xuất hiện thực sự của Antichrist vẫn chưa đến.

Còn đối với những kẻ ly giáo, những kẻ tuyên bố rằng sự xuất hiện của Antichrist đã đến, và gọi các nhà thờ của Chúa – vốn vẫn chưa bị tàn phá – là những ngôi đền đơn sơ và chuồng trại, đồng thời dẫn lời của Thánh Hippolytus làm bằng chứng cho sự dâm đãng giả dối của mình, tôi đáp lại rằng:

Bản chất đích thực của lời Thánh Hippolytus là: sẽ có một thời điểm mà tại các thành phố và làng mạc, các nhà thờ của Đức Chúa Trời sẽ bị bỏ hoang, không còn các nghi lễ và lễ vật; Thánh Ephrem cũng đã tiên tri điều này. Nhưng các ngươi, những kẻ xuyên tạc ở Bryn, những kẻ giải thích sai lời của các vị Thánh Tổ, đang nói dối và làm suy yếu đức tin vào các vị Thánh Tổ đó, những người mà các ngươi tự xưng là noi theo và giải thích lời của họ; bởi vì các vị ấy đã nói rõ ràng và minh bạch rằng sự xuất hiện của Antichrist sẽ là điều có thể cảm nhận được bằng giác quan, như đã được loan báo từ trước bởi chính các vị ấy; còn các ngươi lại nói trái ngược với họ, rằng Anti-Christ không hiện diện một cách hữu hình mà chỉ hiện diện trong tâm trí, và các ngươi đã tuyên bố rằng hắn đã đến và đang cai trị tại Moscow. Các vị thánh cha Hippolytus và Ephrem đã nói rằng, vào những ngày Anti-Christ thực sự xuất hiện, các nhà thờ của Chúa sẽ trở nên hoang vắng, và chỉ còn là những ngôi đền trống rỗng; còn các ngươi lại nói rằng, ngay từ bây giờ (khi Antichrist về mặt thể xác vẫn chưa đến), các nhà thờ của Đức Chúa Trời đã giống như những ngôi đền đơn sơ. Chính các ngươi hãy tự phán xét, nên tin ai hơn: các vị Thánh Tổ nói lên sự thật, hay các ngươi – những kẻ nói dối và chống lại sự thật, như những kẻ chống lại ngọn lửa? Bởi vì dù các ngươi thấy các nhà thờ của Chúa không hề trống rỗng, không phải là những ngôi đền bình thường, cũng không phải là chuồng trại, mà là những đền thờ của Chúa, nơi tràn ngập lời ngợi khen Chúa, và chắc chắn chứa đựng của lễ không đổ máu; thế nhưng các ngươi lại không ngần ngại gọi những nơi đó là những ngôi đền bình thường và trống rỗng, hay là chuồng trại. Các ngươi vừa thấy vừa nói dối, chính mắt các ngươi cũng không tin; vì lòng độc ác của các ngươi đã làm mù mắt các ngươi, nên dù thấy mà không nhìn thấy, dù nghe mà không hiểu, và các ngươi sẽ bị hủy diệt trong lòng độc ác dị giáo của mình.

Còn chúng tôi thì nói rằng, dù đây là những thời kỳ cuối cùng, dù sự kết thúc của thế kỷ đang đến gần, nhưng thời điểm kết thúc cuối cùng của thế kỷ chưa đến, trừ phi những dấu hiệu báo trước nào đó đã xuất hiện, điều này có thể thấy qua chính lời của Chúa, trong Phúc Âm theo thánh Matthêu, chương 98: *khi Ngài đang ngồi trên núi Ô-li-ve, các môn đệ đến gần Ngài và thưa rằng: "Xin Thầy cho biết, khi nào những điều này sẽ xảy ra? Và dấu hiệu nào báo trước sự trở lại của Thầy và sự kết thúc của thế giới?" Đức Giê-su đáp lại và nói với họ: "Hãy cẩn thận, đừng để ai lừa dối các con. Vì sẽ có nhiều người đến nhân danh Ta, nói rằng: 'Ta là Đấng Ki-tô,' và họ sẽ lừa dối nhiều người." Các con sẽ nghe thấy những lời tranh cãi và những tin đồn gây tranh cãi; hãy cẩn thận*, đừng hoảng sợ; *vì tất cả những điều này phải xảy ra, nhưng đó chưa phải là ngày tận thế*[291] . Trong Phúc Âm theo thánh Mác-cô, đoạn 58: *"Nhiều người sẽ đến nhân danh Ta, nói rằng: 'Chính ta là Đấng Kitô,' và nhiều người sẽ bị lừa dối." Khi các con nghe thấy những lời lăng mạ và những tin đồn về sự lăng mạ, đừng kinh hoàng: vì* những điều đó *phải xảy ra; nhưng đó chưa phải là ngày tận thế*[292] . Trong Phúc Âm theo thánh Luca, đoạn đầu 105: *Hãy cảnh giác, đừng để bị lừa dối: vì nhiều người sẽ đến nhân danh Ta, nói rằng: "Chính Ta đây"; và thời gian đã gần kề: đừng đi theo họ. Khi các con nghe thấy chiến tranh và hỗn loạn, đừng sợ hãi: vì những điều này phải xảy ra trước, nhưng chưa phải là ngày* tận thế[293] . Hãy lắng nghe những lời của Chúa này: chiến tranh và hỗn loạn phải xảy ra trước, nhưng đó chưa phải là ngày tận thế, *không phải là ngày tận thế,* chưa phải là ngày tận thế. Chiến tranh và hỗn loạn đã có rồi, và đã xảy ra trước chúng ta; nhưng thời điểm cuối cùng vẫn chưa đến, không phải là ngày

[291] Ma-thi-ơ 24:3, 4 và các câu tiếp theo.
[292] Mác 13:6 và 7.
[293] Luca 21:8 và 9.

tận thế, những ngày đó vẫn chưa đến, khi mà trên khắp vũ trụ, các Hội Thánh của Đức Chúa Trời sẽ phải chịu sự bắt bớ và tàn phá, bởi vì Antichrist vẫn chưa xuất hiện một cách rõ ràng, như đã được tiên báo trước, và Cơ Đốc giáo, được bảo vệ bởi lòng thương xót của Đức Chúa Trời, vẫn chưa suy tàn. Vì lẽ nào các nhà thờ của Chúa lại trở nên hoang vắng, khi Anti-Christ đến và làm suy yếu Kitô giáo; vì những ai không quỳ lạy hắn sẽ bị giết, những người khác sẽ phải chạy trốn lên núi, vào sa mạc và các hang động, còn một số khác, khi chứng kiến những phép lạ của Antichrist, sẽ bị mê hoặc và theo hắn: lúc đó các nhà thờ của Đức Chúa Trời sẽ trở nên hoang vắng, và tại , chúng sẽ bị biến thành những ngôi đền đơn sơ và chuồng trại. Nhưng hiện nay, nhờ ân sủng của Đấng Christ, các nhà thờ thánh của Ngài tại Nhà nước Nga vẫn chưa bị bỏ hoang, cũng chưa bị biến thành những ngôi đền bình thường; các thánh lễ vẫn được cử hành tại đó, của lễ vô huyết vẫn được dâng lên, và tất cả các bí tích Kitô giáo vẫn được cử hành một cách bất biến; không ai xóa bỏ danh Chúa Kitô khỏi các vùng đất Nga, cũng không ai bắt bớ và hành hạ người Nga vì Chúa Kitô, không ai cấm các thánh lễ trong nhà thờ, cũng không ai ngăn cản các bí tích Kitô giáo được cử hành; Đức tin Kitô giáo vẫn đang thịnh vượng trong vương quốc Nga này, và Chúa Kitô, Thiên Chúa chân thật của chúng ta, được tôn vinh; danh thánh của Ngài được các Kitô hữu kính trọng, và Lời Chúa được rao giảng tự do trong mọi nhà thờ. Và Thánh Hippolytus đã nói rõ ràng như sau: rằng khi Antichrist thực sự lên ngôi, thì các nhà thờ của Đức Chúa Trời sẽ khóc than thảm thiết, vì trong đó sẽ không còn lễ dâng của lễ, không còn lễ xông hương, cũng như không còn thánh lễ làm đẹp lòng Đức Chúa Trời; lúc bấy giờ các nhà thờ thánh sẽ trở thành như kho chứa rau quả, và Thân Thể và Máu thánh của Chúa Kitô sẽ không được hiện diện trong những ngày ấy (thời kỳ của Antichrist); việc cử hành thánh lễ sẽ tắt lịm, việc đọc Kinh Thánh sẽ không còn được nghe thấy[294] . Đến đây là lời của Hippolytus. Thánh Ephrem cũng nói rằng tất cả những điều đó sẽ xảy ra trong những ngày của Antichrist, chứ không phải trước khi Antichrist đến: vì khi hắn đến, hắn sẽ bắt đầu tàn phá các nhà thờ thánh và biến chúng thành những ngôi đền đơn sơ; do đó, trước khi hắn chưa đến, thì thời điểm mà các nhà thờ của Đức Chúa Trời ở các thành phố và làng mạc trên khắp thế giới trở thành những ngôi đền trống rỗng, đơn sơ và chuồng trại vẫn chưa đến[295] .

Như vậy, sự dối trá trong những lời xuyên tạc của những kẻ theo Bryn đã *bị vạch trần rõ ràng*; họ đang tuyên bố rằng thời điểm các nhà thờ bị bỏ hoang và biến thành những nơi thờ phượng tầm thường hay chuồng trại đã đến, trừ phi trong cơn điên rồ của họ, họ tưởng tượng rằng: còn đối với chúng ta, các nhà thờ của Chúa chính là Thiên đàng của Chúa và là Thiên đàng trần gian; khi đứng trong đó bằng thân xác, tâm trí chúng ta tưởng như đang đứng trên trời, và lòng chúng ta hướng về Chúa của chúng ta.

SỰ SUY NGẪM THỨ 5

Trong những ngày cuối cùng, tại sao các mục tử lại trở thành những con sói?

Và những lời này của Thánh Hippolytus: "Các mục tử sẽ trở thành *những con sói",* quả thực không sai; vì ngài đã nhìn thấy trước tương lai trong những ngày còn sống, và đã tiên tri về những thời đại sẽ đến sau ngài: những lời ấy đã ứng nghiệm trên một số mục tử, nhưng không phải tất cả; hiện nay cũng đang ứng nghiệm trên một số người, nhưng không phải tất cả; và trong tương lai cũng sẽ ứng nghiệm trên một số người, nhưng không phải tất cả.

Lời của Thánh Hippolytus đã ứng nghiệm trên một số mục tử có bản chất như sói, vì trong thời đại của ngài đã có nhiều giám mục và linh mục là những kẻ dị giáo: Eudoxius, Tổng Giám mục Constantinopolis, người theo phái Arian, Macedonius, Thượng phụ Constantinopolis, người chống lại Thánh Thần, và còn có các giám mục và linh mục khác trên các ngai tòa khác: một số theo phái Eutychian, một số theo phái Dioscorian, và những người khác trong hàng giáo sĩ cũng theo tà giáo: những mục tử ấy chính là những con sói.

Tuy nhiên, vào cùng thời kỳ đó cũng có những mục tử đạo đức; và các thánh vĩ đại, như Thánh Nicholas, Thánh Spiridon và những vị khác, những người đã tỏa sáng như những vì sao trên thế gian, những mục tử ấy không phải là những con sói, mà là những mục tử chân chính, sẵn sàng hy sinh mạng sống mình vì đàn chiên.

Ngay cả ngày nay, những lời của Thánh Hippolytus về một số mục tử có bản tính như sói vẫn đang trở thành sự thật. Họ là ai? Hãy lắng nghe đây: đó là những kẻ hoặc không quan tâm đến đàn chiên được giao phó cho mình, hoặc bằng lối sống xấu xa và đồi trụy của mình mà cám dỗ đàn chiên, hoặc cố ý giảng dạy điều ác, và trở thành nguyên nhân dẫn đến sự hủy diệt của đàn chiên mình; hoặc theo tà giáo và ly khai khỏi Hội Thánh của Đức

[294] Trang 123 ở mặt sau.
[295] Sách Châm Ngôn 106, trang 272, mặt sau.

Kitô, đồng thời lôi kéo người khác vào tà giáo, giống như những kẻ đứng đầu các cuộc ly giáo: Capiton, Avvakum, Lazar, Nikita Pustosvyat, và những kẻ khác cùng với họ. Và hiện nay cũng có rất nhiều người như vậy; trong số họ, một số linh mục đã bỏ lại nhà thờ và nhà riêng của mình, đến ở trong các nơi cư ngụ của những kẻ ly giáo; còn những người khác, dù vẫn sống tại nhà thờ của mình và giả vờ là những người chính thống, nhưng lại thông đồng và đồng tình với những kẻ ly giáo, đồng thời che giấu và dung túng cho các giáo dân của mình, những người đã bị những kẻ ly giáo lừa dối, thì họ che chở và dung túng cho họ; những mục tử ấy thực sự là những con sói, những kẻ hành hạ đàn chiên của Chúa Kitô và nuốt chửng linh hồn các con chiên của Ngài.

Tuy nhiên, không phải tất cả các mục tử ở các thành phố và làng mạc đều như vậy; không phải ai cũng lơ là, không phải ai cũng dụ dỗ, không phải ai cũng dạy dỗ điều ác, không phải ai cũng theo tà giáo; nhưng phần lớn là những mục tử chân chính, lo lắng cho sự cứu rỗi linh hồn loài người, dùng lời nói và gương sống đạo đức để dẫn dắt, giữ gìn đức tin thánh thiện một cách trong sạch, không đồng tình với những kẻ dị giáo, mà còn cắt bỏ những kẻ ấy, như một chi thể thối rữa, khỏi thân thể Hội Thánh; những mục tử này không phải là những con sói, mà là những mục tử chân chính.

Cũng như vậy, trong những thời kỳ sắp tới, những lời của Thánh Hippolytus sẽ ứng nghiệm: rằng sẽ có những mục tử như những con sói, nhưng không phải tất cả; vì ngay cả trong những ngày của Antichrist, không chỉ từ dân thường, mà cả từ hàng giáo sĩ, sẽ có những người bị lừa dối và đi theo Anti-Christ, nhưng cũng sẽ có những người không bị lừa dối, mà sẽ kiên quyết chống lại, khuyên nhủ người khác và củng cố họ trong đức tin thánh thiện: những ai trong hàng giáo sĩ bị lừa dối và theo Anti-Christ, những mục tử ấy sẽ là những con sói; còn những ai vì Chúa Kitô mà sẵn sàng đổ máu, thì những người ấy sẽ tỏ ra là những mục tử chân chính. Những người làm chứng cho danh Chúa Kitô và các thánh tử đạo, về họ, Thánh Hippolytus đã nói: "Phúc cho những ai lúc bấy giờ can đảm đối mặt với kẻ hành hình, vì họ sẽ được tỏ ra vĩ đại hơn, vinh quang hơn và cao quý hơn các thánh tử đạo đầu tiên; vì các vị tử đạo đầu tiên đã chiến thắng những kẻ hầu cận của Antichrist, còn những người này sẽ đánh bại chính con trai của sự hủy diệt ấy và trở thành những người chiến thắng[296] . Đến đây là lời của Thánh Hippolytus.

Vì những lời của Thánh Hippolytus nói về một số (chứ không phải tất cả) mục tử có bản tính như sói là đúng sự thật. Còn những kẻ giảng dạy sai lầm và xuyên tạc ở Bryn, những kẻ gọi toàn thể hàng giáo sĩ là sói, thì đang nói dối như những con cái của cha dối trá là ma quỷ; vì nếu theo những lời phỉ báng độc ác của họ, toàn thể hàng giáo sĩ đều là sói, thì trên thế gian này sẽ không còn chiên của Đức Kitô, và Đức Kitô cũng sẽ không còn Giáo Hội của Ngài trên đất, mà Ngài đã trở thành Đầu của Giáo Hội ấy; và Đầu ấy sẽ không còn các chi thể của mình, không còn thân thể Giáo Hội của Ngài, tức là phần quan trọng nhất – hàng giáo sĩ – đã biến thành sói. Nhưng điều đó không xảy ra, và cũng sẽ không bao giờ xảy ra; vì cho đến tận cùng thế gian, cả bầy chiên của Chúa Kitô lẫn những người chăn bầy chiên của Ngài vẫn sẽ tồn tại, dù có nhiều người sa ngã và bị tách ra như rơm rạ khỏi lúa mì, nhưng không phải tất cả: rơm rạ sẽ bay theo gió, còn lúa mì sẽ ở lại trên sân đập lúa; cũng như đã xảy ra vào thời Chúa Kitô: *nhiều môn đệ của Ngài đã quay lưng lại và không còn theo Ngài nữa. Chúa Giêsu bèn hỏi mười hai môn đệ: "Các con cũng muốn* bỏ đi *sao*?" *Simon Phêrô đáp lại: "Lạy Chúa, chúng con sẽ đi theo ai? Chỉ có Ngài mới có những lời ban sự sống đời* đời[297] ."

SỰ SUY NGẪM THỨ 6

Trong thời kỳ cuối cùng và khốc liệt, liệu Đức Chúa Trời có quay mặt đi khỏi những người tin Chúa, những người đang sống trong các thành phố và làng mạc hay không?

Để hiểu rõ hơn điều này, trước tiên chúng ta hãy tìm hiểu về thời gian: thời gian nào được gọi là thời kỳ khắc nghiệt và nó là gì?

Chúng ta phải hiểu rõ về "thời kỳ tàn khốc" như sau:

Thời kỳ tàn khốc thứ nhất là khi có cuộc chiến chống lại chính Đức Kitô, Thiên Chúa, và Giáo hội thánh thiện của Ngài, đã được cứu chuộc bằng máu thánh của Ngài.

Thời kỳ tàn khốc thứ hai là thời kỳ gây chiến không phải chống lại chính Đức Chúa Trời, mà chỉ chống lại con người mà thôi; tuy nhiên, điều này không phải là không làm Đức Chúa Trời phẫn nộ, vì nó đi ngược lại điều răn của Đức Chúa Trời, vốn không cho phép làm hại người lân cận.

---

[296] Trang 132, mặt sau.

[297] Giăng 6:69 và các câu tiếp theo.

Thời kỳ khốc liệt thứ nhất sẽ căm ghét danh Chúa Giê-su Ki-tô, và bắt bớ Hội Thánh thánh thiện của Ngài, hành hạ và giết hại những người tin vào Chúa Ki-tô; về thời kỳ này, Chúa Ki-tô đã tiên báo: *"Trước hết, các con sẽ bị bắt, bị dẫn đi, bị nộp cho các hội đồng và nhà tù, bị đưa đến trước các vua và các quan chức vì danh Ta, và các con sẽ bị mọi người ghét bỏ vì danh Ta*" ([298]); và lại: *"Các con sẽ bị nộp vào cơn hoạn nạn*, *và các con sẽ bị giết*" ([299]).

Còn thời kỳ dữ dội kia không phải vì Đấng Christ mà là vì những điều tốt lành tạm thời; vì mỗi người đều tìm kiếm lợi ích riêng, và muốn được vinh quang, danh dự, quyền lực và của cải hơn hẳn người khác; vì thế, dân tộc này nổi dậy chống lại dân tộc kia, vương quốc này chống lại vương quốc kia, và các cuộc chiến tranh nội bộ bùng nổ. Trong thời kỳ kia, dân chúng phải chịu khổ cực, người nghèo bị áp bức, người vô tội bị đối xử tàn nhẫn, và xảy ra nhiều vụ trộm cắp, cướp bóc, bạo lực và bất công; vì thế, thời kỳ ấy được gọi là thời kỳ tàn bạo.

Thời kỳ tàn bạo đầu tiên, nổi dậy chống lại Đức Kitô Thiên Chúa và Hội Thánh của Ngài, đã từng xảy ra vào thời các bạo chúa tàn bạo trước đây: Diocletian, Maximian và những người khác; và điều đó sẽ tái diễn vào thời kỳ của Antichrist, Đấng sẽ đến trong xác thịt một cách thực sự (chứ không phải như những người Brynyan nói rằng Ngài chỉ hiện diện trong tâm trí mà thôi); khi đó, danh Chúa Kitô sẽ lại bị ghét bỏ, Giáo hội của Ngài sẽ bị bách hại, và các tín hữu sẽ bị giết hại; nhưng hiện nay thời kỳ đó vẫn chưa đến với chúng ta, trừ phi ở những vùng đất Kitô giáo đã bị người Hồi giáo chiếm đóng; còn tại Nhà nước Nga, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, đức tin thánh thiện vẫn chưa bị bách hại, không ai bị tra tấn hay giết hại vì Chúa Kitô, cũng không ai bị ép buộc phải chối bỏ Chúa Kitô, nhưng tất cả chúng ta đều đồng lòng tôn vinh Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần ngự trị muôn đời.

Còn một thời kỳ tàn bạo khác, nổi dậy chống lại người lân cận trái với điều răn của Đức Chúa Trời, gây ra chiến tranh giữa con người, tìm cớ gây hấn lẫn nhau, gây ra những gánh nặng cho dân chúng, áp bức người nghèo, làm tổn thương những người vô tội, cướp bóc, bắt cóc, gây ra bất công và bạo lực; thời kỳ tàn bạo đó đang diễn ra ngay lúc này, như chúng ta thấy, đang diễn ra, và điều đó không có gì đáng ngạc nhiên: *bởi vì* (theo lời Chúa Kitô) *những điều này phải xảy ra trước, nhưng sự kết thúc chưa đến*[300] .

Ở đây, chúng ta sẽ chuyển sang những lời của Thánh Hippolytus.

Thánh Hippolytus đã nói trong bài giảng đã đề cập trước đó: "Hãy làm quen với những người sống trong các thành phố và làng mạc, rằng thời đại và những ngày sắp tới sẽ tàn bạo như thế nào[301] ."

Từ những lời đó của Thánh Hippolytus, những kẻ xuyên tạc ở Bryn, bằng sự bịa đặt của mình, đã gán ghép vào thời đại hiện tại những điều mà Thánh Hippolytus không hề viết; họ nói rằng: "Hiện nay, thời đại ở các thành phố và làng mạc thật tàn khốc; vì Thiên Chúa đã quay mặt đi khỏi các thành phố và làng mạc, và không còn sự cứu rỗi nào ở các thành phố và làng mạc nữa."

Còn chúng ta, những người tin lành, khi tiến hành một cuộc tìm hiểu chân chính về vấn đề này, hãy nhìn lại thời kỳ tàn khốc đầu tiên ấy, khi cuộc chiến tranh đã nhắm vào chính Đức Kitô Thiên Chúa và Hội Thánh thánh thiện của Ngài. Liệu lúc đó Thiên Chúa có quay mặt đi khỏi các thành phố và làng mạc, tức là khỏi những người tin lành đang sinh sống ở đó hay không? Nếu lúc đó Ngài đã quay mặt đi khỏi những người trung thành, thì chắc chắn Ngài cũng đang quay mặt đi khỏi chúng ta ngày nay; còn nếu lúc đó Ngài không quay mặt đi, thì chắc chắn Ngài cũng không quay mặt đi khỏi chúng ta ngày nay.

Về Hội Thánh đầu tiên của Đấng Christ, thời kỳ đó khắc nghiệt đến mức nào, khi những người tin vào Đấng Christ phải chịu sự bắt bớ, ai mà không biết? Ai chưa biết thì hãy đọc Sách Công Vụ Các Tông Đồ và những câu chuyện về sự chịu khổ của các vị tử đạo, rồi sẽ hiểu. Trong thời kỳ khốc liệt ấy, theo lời của Brynsky, nhiều người đã nói rằng Chúa đã quay mặt đi khỏi những người sống trong các thành phố và làng mạc; bởi vì họ không chạy trốn vào sa mạc: nhưng sự thật không phải như vậy. Hãy nhìn vào hành trình của Thánh Phêrô, vị Tông đồ đầu tiên, tại Giêrusalem: khi ông bị người Do Thái ném đá, ông đã thấy trời mở ra, và Chúa Kitô đang đứng trong bầu trời mở rộng ấy, nhìn xuống hành trình của ông[302] . Chúa đang nhìn xuống người tôi tớ của Ngài trong thời kỳ tàn khốc ấy, vì người ấy đang chịu đau khổ tại thành Giêrusalem; khi nhìn ngài, Ngài cũng đồng thời nhìn vào

---

[298] Luca 21:12 và 17.
[299] Ma-thi-ơ 24:9.
[300] Luca 21:9.
[301] Trang 133.
[302] Công vụ 7:55 và 50.

thành Giê-ru-sa-lem tàn bạo; thành đã đánh đập các Tiên tri, đã nộp Con Thiên Chúa để chịu chết; thành đã giết các Tông đồ. Ngài nhìn thành ấy không phải vì sự độc ác của nó, mà vì những tôi tớ trung thành của Ngài, những người đang chịu đau khổ vì Ngài tại đó; Ngài cũng không quay mặt đi khỏi các tôi tớ của Ngài vì lý do rằng, trong thời kỳ khốc liệt ấy, họ đã không chạy trốn lên núi hay sa mạc, cũng không ẩn náu trong các hang động; nhưng Ngài lại nhìn họ với khuôn mặt đầy lòng thương xót, giống như Ngài đã nhìn vị Tử đạo đầu tiên bị ném đá, người đã can đảm đứng lên chống lại người Do Thái vì Chúa của mình mà không hề trốn tránh. Vậy thì chúng ta nghĩ sao khi Thánh Phêrô bị giam vào ngục; khi Thánh Giacôbê Tông đồ bị Hêrôđê giết bằng gươm; khi Giacôbê khác, người được gọi là anh em của Chúa, bị hất xuống từ cánh của Nhà thờ; liệu Chúa có nhìn xuống từ đỉnh trời cao những sự việc đang diễn ra tại Giêrusalem chăng? Khi nhìn xuống chúng ta, Ngài cũng nhìn xuống cả thành phố, nhìn xuống mọi người, cả những người tin và những người không tin; nhìn những người này như những tôi tớ của Ngài, còn những người kia như những kẻ thù của Ngài; yêu thương những người này, còn những người kia thì tha thứ bằng lòng nhẫn nại của Ngài; không phải để trả thù hay hủy diệt họ, mà là để chờ đợi sự hoán cải của họ. Cũng vậy, đối với các thành phố và nơi chốn khác, nơi vô số vị tử đạo đã chịu khổ vì Chúa Kitô; chẳng phải lúc bấy giờ Chúa Kitô đã nhìn xuống từ trên cao, chứng kiến những công lao của họ, củng cố họ trong đau khổ, và chuẩn bị cho họ những vương miện vinh quang trên trời sao? Khi thời kỳ tàn bạo ấy tái diễn trong sự xuất hiện của chính Anti-Christ trong xác thịt, liệu Chúa có dùng dung nhan nhân từ của Ngài để nhìn xuống các thành phố và làng mạc, tức là nhìn xuống các tôi tớ của Ngài ở các thành phố và làng mạc, những người đang gánh chịu hoạn nạn vì Chúa Kitô hay không? Phải chăng Ngài chỉ nhìn xuống những ai chạy trốn lên núi và sa mạc, ẩn náu trong các hang động? Còn những ai đang ở giữa các thành phố và làng mạc, can đảm xưng nhận Chúa Kitô và sẵn sàng hy sinh linh hồn mình vì Ngài, liệu Ngài có khinh thường họ chăng? Ngài có bỏ rơi họ chăng? Ngài có quay mặt đi khỏi họ chăng? Chắc chắn là không; nhưng Ngài còn nhân từ hơn, yêu thương hơn, và quan tâm hơn khi hướng khuôn mặt rực rỡ và đôi mắt đầy yêu thương của Ngài về phía những ai đang chịu đau khổ trước mặt Ngài; hơn là hướng về những người ẩn náu trên núi non và sa mạc để trốn tránh đau khổ. Vì người lính dũng cảm nhất trong đội quân là người can đảm chiến đấu chống lại kẻ thù, chứ không phải là kẻ chạy trốn khỏi chiến trường và ẩn náu. Và đối với Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, người tử đạo, người đổ máu mình vì Ngài, còn đáng yêu hơn vị tu sĩ tu hành trong sa mạc; bởi vì trên trời, hình ảnh của người tử đạo cao quý hơn, sáng chói hơn, và vinh quang hơn so với hình ảnh của vị tu sĩ.

Sau khi xem xét điều này, rằng vào thời kỳ tàn bạo đầu tiên ấy, khi cuộc chiến chống lại chính Đức Kitô và Hội Thánh của Ngài đang diễn ra, và khi điều đó sẽ tái diễn dưới thời Anti-Christ, Đức Kitô đã không quay mặt đi, cũng sẽ không quay mặt đi khỏi các thành phố và làng mạc, tức là khỏi các tôi tớ của Ngài đang cư ngụ trong các thành phố và làng mạc: chúng ta có thể nói với sự can đảm đầy hy vọng rằng, ngay cả trong thời kỳ khốc liệt này, khi con người chống lại người lân cận mình, vi phạm điều răn của Đức Chúa Trời, gây ra chiến tranh và hỗn loạn, áp bức và làm cho những người nghèo khổ trở nên cay đắng, thì Đức Chúa Trời cũng không quay mặt đi khỏi các thành phố và làng mạc, tức là những tôi tớ trung thành của Ngài, đang cư ngụ trong các thành phố và làng mạc, những người đang bị hoạn nạn đè nén, bị ngược đãi và gánh nặng; nhưng Ngài lại nhìn họ với lòng thương xót hơn, so với những kẻ không ẩn náu trong sa mạc và không phải gánh chịu bất kỳ hoạn nạn hay sự ngược đãi nào.

Dân Y-sơ-ra-ên tại Ai Cập là một ví dụ về điều này. Thời kỳ đó thật khốc liệt đối với dân của Đức Chúa Trời; vì *người Ai Cập* đã bắt *con cái Y-sơ-ra-ên phải làm việc khổ sai, và khiến cuộc sống của họ trở nên đau khổ trong những công việc tàn nhẫn*[303] *và con cái Y-sơ-ra-ên đã than khóc vì những công việc đó:* vì thời kỳ khốc liệt ấy, liệu Đức Chúa Trời có quay mặt đi khỏi dân Ngài chăng? Chẳng phải Ngài đã hướng khuôn mặt đầy lòng thương xót của Ngài về phía họ sao, như Ngài đã phán với tôi tớ của Ngài là Mô-sê: "Ta đã thấy nỗi khổ của dân Ta ở Ai Cập, và Ta đã nghe tiếng kêu than của họ"[304] .

Còn các ngươi, hỡi những người Brynyan, trong những am thất hoang vắng của mình, sống yên tĩnh và lặng lẽ, không bị ai áp bức, không bị ai ghét bỏ, cũng không bị ai xúc phạm, mà còn hy vọng rằng khuôn mặt của Đức Chúa Trời đang hướng về các ngươi, thì huống chi chúng ta, những người đang chịu khổ, bị áp bức và bị ngược đãi trong các thành phố và làng mạc, chúng ta không tuyệt vọng về lòng thương xót của Đức Chúa Trời, nhưng chắc chắn tin tưởng rằng Đức Chúa Trời cũng đang nhìn xuống chúng ta, và thấy mọi sự khó khăn và nỗi

[303] Xuất Ê-díp-tô Ký 1:13 và 14.
[304] Cùng đoạn 2:23 và 24.

buồn của chúng ta, và thương xót chúng tôi, như một người cha yêu thương con cái, Đấng dùng thời kỳ gian nan hiện tại này để rèn luyện những ai Ngài yêu thương, và đánh đòn những ai Ngài chấp nhận.

Còn các ngươi, những ai ở ngoài Giáo hội Chính thống, trốn tránh sự hiệp thông với Đức Kitô, coi Thân Thể và Máu Thánh của Đức Kitô như những điều ghê tởm, đáng khinh bỉ, lại khoe khoang rằng Đức Kitô Thiên Chúa đang ngự trong các ngươi; thì huống chi chúng tôi, những người đang ở trong Giáo hội thánh của Ngài, những người hiệp thông với Ngài qua việc rước Mình Thánh tinh tuyền và Máu Thánh ban sự sống của Ngài, chúng tôi tin chắc vào sự hiện diện của Ngài nơi chúng tôi, và tin rằng Ngài đã không bỏ rơi chúng tôi, và sẽ không bao giờ bỏ rơi chúng tôi theo lời hứa chân thật của Ngài: "Ta *sẽ không bỏ rơi ngươi, cũng không lìa xa ngươi*" ([305]); và lại nữa: *"Có* người mẹ nào *lại quên con mình,* hay không *thương xót con cái do lòng mình sinh ra chăng? Dù người phụ nữ có quên* đi*, nhưng Ta sẽ không quên ngươi,*" *Chúa phán* ([306]). Đây chính là những lời hứa của Đức Chúa Trời trong Kinh Thánh mà chúng ta, những tín hữu chân chính, tin tưởng, củng cố niềm hy vọng của chúng ta rằng Đức Chúa Trời sẽ không bỏ rơi chúng ta trong những lúc gian nan. Nếu như, theo những lời nói dối của các ngươi, Đức Chúa Trời bỏ rơi chúng ta, những tôi tớ trung thành của Ngài, thì những lời của Đức Chúa Trời, Đấng đã hứa không bỏ rơi chúng ta, sẽ không còn là sự thật nữa; nhưng các ngươi thà nói dối còn hơn là để Đức Chúa Trời không phải là Đấng chân thật. Các ngươi đang nói dối, và cứ tiếp tục nói dối, như các ngươi đã học từ cha của sự dối trá; còn Đức Chúa Trời của chúng ta, Đấng chân thật, sẽ không bỏ rơi chúng ta khi chúng ta lâm vào hoạn nạn.

Nhưng một lần nữa, các ngươi, những kẻ đã quay lưng lại với Đức Chúa Trời khi chúng ta đang gặp hoạn nạn trong thời kỳ khốn khó, lại quay sang các ngươi để khoe khoang, hãy tự phán xét xem vương miện nào sáng chói hơn: là những người sống an nhàn, bình thản trong sự tĩnh lặng của sa mạc, hay là những người đang phải chịu đựng tai ương và sự ngược đãi trong các thành phố và làng mạc vào thời kỳ gian nan này, nhưng vẫn tạ ơn Chúa? Các ngươi có biết rằng hiện nay là thời kỳ gian nan trong các thành phố và làng mạc không? Đó là lò lửa hay lò nung, nơi Thiên Chúa thử thách và thanh tẩy "vàng tinh thần" của Ngài, như Ngài phán với các tôi tớ của Ngài, như đã chép: "Thiên Chúa đã thử thách họ và thấy họ xứng đáng với *Ngài*, *như vàng trong lò nung*" ([307]). Còn các ngươi, những người đang sống trong sa mạc, trên núi non và trong các hang động, dù tự cho mình là vàng, nhưng các ngươi không phải là vàng thuần khiết, mà chỉ như quặng vàng, được chôn giấu trong lòng đất, vốn không phải là vàng hoàn hảo, mà chỉ là quặng vàng nằm ẩn trong những nơi bí mật của đất: còn chúng ta, những người đang bị áp bức và làm cho cay đắng bởi những thời kỳ khắc nghiệt trong các thành phố và làng mạc, thì giống như vàng nguyên chất, đang được thử thách và thanh tẩy bởi lửa hoạn nạn trong lò nung; và chúng ta tin tưởng rằng Chúa không quay mặt đi khỏi chúng ta vì những thời kỳ khắc nghiệt ấy, nhưng Ngài đã hướng khuôn mặt Ngài về phía chúng ta, và nhìn thấy sự kiên nhẫn và lòng biết ơn của chúng ta. Các con có biết chăng, rằng Hội Thánh thánh thiện trong thời kỳ bách hại và hoạn nạn, giống như hoa huệ, sẽ nở rộ? Vì vậy, bất cứ người tín hữu nào, khi chịu đựng những hoạn nạn và gian nan do Chúa cho phép, và những thời kỳ gian truân mang lại, mà vẫn kiên nhẫn chịu đựng với lòng tạ ơn, thì người ấy sẽ trở nên vĩ đại trước mặt Chúa, và sẽ nở rộ trong các sân vườn của Chúa chúng ta. Vì ai kiên trì đến cùng sẽ được cứu rỗi: và những ai hiện nay gieo bằng nước mắt, sẽ gặt hái niềm vui ở đó. Các con có biết tại sao Thiên Chúa lại cho phép thời kỳ gian nan ập xuống trên các tôi tớ trung thành của Ngài, những người đang sinh sống trong các thành phố và làng mạc không? Ngài cho phép điều đó không phải để quay mặt khỏi họ, mà để sắp xếp cho họ một sự cứu rỗi tốt đẹp hơn. Bởi vì qua những hoạn nạn và thời kỳ gian nan này, những lỗi lầm của các tôi tớ Chúa được thanh tẩy, và như trấu được tách khỏi lúa mì; còn những vương miện rực rỡ nhất đang được dệt nên cho những ai đang chịu khổ và đau đớn. Vì Chúa từ trên cao nhìn xuống nỗi đau khổ và hoạn nạn của các tôi tớ Ngài, và thấy sự kiên nhẫn của họ, nên Ngài chuẩn bị cho họ phần thưởng dồi dào hơn, hơn cả những ai không phải chịu hoạn nạn hay đau khổ. Các ngươi có nghĩ rằng, trong thời đại này không còn các vị tử đạo ở các thành phố và làng mạc, như xưa kia chăng? Ôi, biết bao người hiện nay đang phải chịu đau khổ một cách oan ức, bị giam cầm, bị tra tấn, bị ngược đãi, bị giết hại, và bị đánh đập đến chết tại các phiên tòa; tất cả những người đó, trong sự vô tội của mình, đều là các vị tử đạo của Đấng Kitô; dù họ không phải chịu khổ vì Đấng Kitô, nhưng chính vì sự vô tội của mình mà họ được Đấng Kitô yêu mến, và được Ngài ban cho vương miện tử đạo; như các thánh tử

[305] Hê-bơ-rơ 13:5.
[306] Ê-sai 49:15.
[307] Châm Ngôn 3:6.

đạo Nga là Gleb và Boris, cùng thánh Dimitri Tsarevich, dù họ không chịu khổ vì Chúa Kitô, nhưng vẫn được tôn vinh cùng các thánh tử đạo: cũng vậy, những người hiện nay đang chịu khổ oan ức này cũng là các thánh tử đạo. Vậy thì, đối với những tôi tớ của Chúa ấy, và những người giống như họ, đang sống trong cảnh khốn khó tại các thành phố và làng mạc, liệu Chúa Trời có quay mặt đi không? Và khi nhìn thấy họ, Ngài có nhìn thấy cả chúng ta, những người chia sẻ nỗi đau với những người lân cận, thở dài và cầu nguyện cho họ không? Quả thật, Ngài đang nhìn thấy chúng ta, và cũng như Ngài thương xót những người đang chịu đau khổ một cách vô tội, Ngài cũng thương xót những ai chia sẻ nỗi đau với họ.

Thật vậy, hỡi những người Brynyan, cách giải thích của các ngươi về những lời của Thánh Hippolytus là sai lầm, tự ý bịa đặt những điều mà Thánh Hippolytus chưa từng viết, như thể vì sự tàn bạo của thời đại hiện nay mà Đức Chúa Trời đã quay mặt đi khỏi các thành phố và làng mạc.

PHẦN THẢO LUẬN THỨ 7

Trong thời đại hiện nay, liệu Thiên Chúa chỉ ngự trong các sa mạc thôi sao? Hay Ngài chỉ chấp nhận những lời cầu nguyện từ các sa mạc thôi sao? Hay Ngài chỉ cứu rỗi những người sống ẩn dật trong sa mạc thôi sao?

Thánh Hippolytus, khi nói về thời đại của Antichrist, đã khẳng định rằng những Kitô hữu trung thành, những người sẽ thoát khỏi tay Antichrist, sẽ ẩn náu trong các ngọn núi và các hang động hoang mạc, tại đó, họ sẽ cầu nguyện với Thiên Chúa nhân từ bằng nước mắt và lòng ăn năn, và Ngài sẽ giải thoát họ khỏi lưới của hắn, cứu họ khỏi những cám dỗ dữ dội của hắn, và che chở họ bằng bàn tay vô hình của Ngài.

Từ những lời của Hippolytus, những kẻ xuyên tạc ở Bryn hiện nay đang áp đặt lên chúng ta như sau: những ai ẩn náu và cầu nguyện trên núi, trong sa mạc, trong các hang động thì Đức Chúa Trời sẽ cứu; còn những ai không ẩn náu trên núi, trong sa mạc hay trong hang động, mà sống trong các thành phố và làng mạc thì Ngài sẽ không cứu; vì chỉ có trong những tu viện hoang vắng của chúng ta, Đức Chúa Trời mới ngự trị, lắng nghe lời cầu nguyện của chúng ta, và chỉ cứu rỗi duy nhất chúng ta mà thôi.

Ở đây, những kẻ xuyên tạc đã nói dối hai lần:

Thứ nhất, rằng Thánh Hippolytus đã viết không phải về hiện tại ngày nay, mà về thời kỳ cuối cùng, vào những ngày của Antichrist sẽ xảy ra; họ lại áp dụng điều đó vào thời điểm hiện tại, khi những lời tiên tri của Chúa Kitô vẫn đang ứng nghiệm: *"không phải là sự diệt vong"*[308] , *"không phải là sự diệt vong ngay lập tức"*[309] .

Điều thứ hai là lời dối trá, bởi vì Thánh Hippolytus không viết điều đó, nên họ đã thêm vào bằng cách giải thích sai lệch của mình. Thánh Hippolytus không viết điều này, rằng vào những ngày cuối cùng, chỉ có những ai sống trong sa mạc mới được Chúa cứu rỗi, và rằng Ngài chỉ cứu rỗi những linh hồn của những người ẩn náu trong núi, sa mạc và hang động, còn những ai không ẩn náu mà ở lại trong thành phố và làng mạc thì sẽ không được cứu rỗi: ông không viết về điều này, mà đó là sự bịa đặt của những kẻ giảng dạy sai lầm và gây chia rẽ. Hãy hiểu rõ rằng, Thánh Hippolytus viết về sự cứu rỗi nào: một mặt là sự cứu rỗi vĩnh cửu của linh hồn khỏi những cực hình vĩnh cửu, khỏi tay những quỷ dữ hiện nay chúng ta không thấy được, những kẻ muốn hành hạ những kẻ có tội trong vô tận; mặt khác là sự cứu rỗi tạm thời của thân xác, khỏi những cực hình tạm thời, khỏi tay kẻ hành hạ tạm thời mà chúng ta có thể thấy được. Và khi nói về sự cứu rỗi của những người sẽ ẩn náu trong các ngọn núi, hang động và sa mạc vào thời kỳ của Antichrist, Thánh Hippolytus đã giải thích: ngài loan báo về sự cứu rỗi của họ khỏi những cực hình tạm thời, khỏi tay kẻ tra tấn có thể nhìn thấy được là Antichrist, kẻ muốn hành hạ xác thịt và đánh đập thân thể họ. Điều này được thể hiện rõ trong những lời nói trước đây của Thánh Hippolytus, mà chúng ta sẽ nhắc lại ở đây; các bạn hãy lắng nghe và suy ngẫm. Thánh Hippolytus nói: Nhiều người sẽ trốn thoát khỏi những cám dỗ của hắn (Antichrist), vì họ nhận ra mưu kế vu khống của hắn, và sự kiêu ngạo *ẩn sau* những lời nịnh hót của hắn*; họ sẽ trốn tránh khỏi tay hắn,* ẩn náu trong núi non và hang động, và bằng nước mắt cùng lòng ăn năn, họ sẽ cầu nguyện với Đức Chúa Trời yêu thương loài người; và Ngài *sẽ giải thoát họ khỏi lưới của hắn, cứu họ khỏi những cám dỗ dữ dội của hắn,* và che chở họ bằng bàn tay vô hình của Ngài[310] . Đến đây là lời của Hippolytus. Rõ ràng là vị Thánh này đang nói về sự cứu rỗi tạm thời, hay sự giải thoát thân xác khỏi bàn tay và những cực hình của kẻ

[308] Mác 13:7.
[309] Luca 21:9.
[310] Tờ 133.

hành hạ hữu hình – Antichrist, kẻ muốn lôi kéo những người được Chúa chọn hoặc dụ dỗ họ vào những cám dỗ tội lỗi dữ dội, để thờ phượng hắn, hoặc hành hạ và hủy diệt họ.

Điều này cũng được thấy qua lời của Thánh Ephrem, Người đã phán như sau: Vì vậy, khi nhiều vị thánh tụ họp lại với nhau, ngay khi nghe tin về sự xuất hiện của kẻ xấu xa, họ sẽ tuôn trào những dòng nước mắt cùng những tiếng thở dài hướng về Đức Chúa Trời thánh thiện, *để thoát khỏi con rắn,* và họ sẽ chạy trốn với sự cẩn trọng lớn lao vào sa mạc, ẩn náu trong các ngọn núi và hang động[311] . Đến đây là lời của Thánh Ephrem. Hãy lắng nghe những lời này của Thánh Ephrem: "giải thoát khỏi con rắn", tức là khỏi bàn tay của Antichrist. Điều này được thể hiện rõ qua lời dạy của Hippolytus và Ephrem, vì cả hai vị thầy này đều nói không phải về những cực hình của địa ngục, mà là về bàn tay hành hạ của Antichrist; và không phải về sự cứu rỗi khỏi bàn tay vô hình của ma quỷ – sự cứu rỗi mà các thánh nhân ấy, nhờ đức tin trong sạch và đời sống thánh thiện của mình, sẽ được đảm bảo: mà họ (Hippolytus và Ephrem) nói về sự cứu rỗi tạm thời khỏi kẻ hành hạ hữu hình và những cực hình hữu hình, tức là thoát khỏi con rắn, khỏi Antichrist, để không bị hắn hành hạ, và không bị ép buộc phải chối bỏ Đức Kitô, Thiên Chúa. Còn những người được Chúa chọn, những ai sợ hãi những cực hình và chạy trốn vào sa mạc, lên núi và vào các hang động, thì sự cứu rỗi tạm thời cho thân xác họ, hay sự giải thoát, sẽ là sa mạc, núi non và hang động, nơi họ sẽ được cứu thoát khỏi Anti-Christ, kẻ giết chết thân xác nhưng không thể giết chết linh hồn; còn những người được Chúa chọn khác, những người sẽ dũng cảm tự nguyện chịu khổ hình vì Chúa Kitô, thì họ sẽ không nhận được sự cứu rỗi hay giải thoát tạm thời cho thân xác mình khỏi những khổ hình tạm thời ấy, mà sẽ bị giết. Còn phần thưởng đời đời của họ sẽ được nhân lên gấp bội, và họ sẽ được tôn vinh hơn cả những ai ẩn náu trong sa mạc, trên núi và trong hang động; bởi vì những người ấy sẽ ở trong các thành phố và làng mạc, những người không chạy trốn lên núi, vào hang động hay sa mạc để ẩn náu, nhưng sẽ can đảm đứng lên vì Chúa Kitô, Chúa của họ, sẵn sàng hy sinh linh hồn mình vì Ngài.

Ngươi sẽ nói: Thánh Ephrem phán rằng: "Các núi và đồi, cùng các cây cối trên đồng ruộng sẽ than khóc; cả hai thiên thể trên trời cùng các vì sao cũng sẽ than khóc vì loài người, vì tất cả đều đã cùng nhau xa lìa Đức Chúa Trời Thánh Khiết, Đấng Tạo Hóa muôn loài, và đã từ bỏ đức tin[312] : v.v." Vì trong những ngày của Antichrist, sẽ không ai ở các thành phố và làng mạc đứng về phía Chúa của mình, cũng như không ai cứu rỗi linh hồn mình bằng sự cứu rỗi vĩnh cửu; bởi vì theo lời Thánh Ephrem, tất cả mọi người sẽ xa lìa Đức Chúa Trời Thánh Khiết, nhưng chỉ có những người ở trong sa mạc mới được cứu rỗi.

Tôi trả lời: Những ai không vững vàng trong đức tin, cũng như không có tình yêu chân thật dành cho Đức Kitô là Thiên Chúa, thì sẽ quay lưng lại với Thiên Chúa Thánh; còn những ai vững vàng trong đức tin và là những người yêu mến Thiên Chúa chân thật thì sẽ không quay lưng lại với Ngài; và vì số người quay lưng lại với Thiên Chúa sẽ nhiều hơn số người không quay lưng, và số người hư mất sẽ đông hơn số người được cứu rỗi; nên mới có lời chép rằng "tất cả đều sẽ xa lìa": lời chép này theo hình thức của Thi thiên, nơi có chép: *"Tất cả đều đã xa lìa, cùng nhau trở nên vô dụng"*[313] , v.v. Điều này có nghĩa là: *"Tất cả đều đã sa ngã,"* nhưng đồng thời cũng có những người không xa rời Đức Chúa Trời, như tiên tri Natan, và chính vị tác giả Thi Thiên là Đa-vít, cùng những tôi tớ thầm lặng khác của Đức Chúa Trời, mà không có họ thì không có thời đại nào tồn tại, cũng như sẽ không có trong tương lai, như trong thời của thánh tiên tri Ê-li, người đã nói: *"Chỉ còn lại một mình tôi"*[314] ; Chúa đã phán với ông rằng Ngài còn *bảy ngàn tôi tớ thầm kín của Ngài,* những người *chưa từng quỳ gối trước Ba-anh*[315] ; mọi người đều được cho là đã xa lìa Đức Chúa Trời, nhưng vẫn có nhiều người không hề xa lìa. Tương tự, Thánh Ephrem cũng nói rằng, vào thời kỳ của Antichrist, tất cả mọi người sẽ xa lìa Đức Chúa Trời thánh khiết, tất cả vì số lượng vô số của họ: còn số ít những người không xa lìa thì không được tính vào số đông những kẻ phản bội; vì tất cả đều sẽ xa lìa, ngoại trừ một số ít những người không xa lìa. Vì nếu lúc đó không có những người trung thành với Thiên Chúa như vậy trong các thành phố và làng mạc; thì Thánh Hippolytus đã nói những lời mà chúng ta đã nhắc đến ở trên là về ai: "Phúc cho những ai (Ngài nói) vào lúc đó sẽ đứng lên chống lại kẻ hành hạ (tức là Anti-Christ), vì họ sẽ được tỏ ra là những vị tử đạo vĩ đại hơn, vinh quang hơn và cao quý hơn so với các vị tử đạo đầu tiên[316] , v.v." Nếu trong

---

311 Châm Ngôn 106, trang 272.
312 Trang 272.
313 Thi Thiên 13:3.
314 3 Vua 19:10.
315 3 Vua 19:18.
316 Trang 132, mặt sau.

những ngày của Antichrist, tại các thành phố và làng mạc không có những tôi tớ của Đức Chúa Trời như vậy, những người sẽ kiên định đứng về phía Chúa của họ và hy sinh linh hồn mình vì Ngài, thì ai sẽ là những người mà các Thiên thần sẽ đóng dấu bằng Dấu ấn của Đức Chúa Trời Hằng Sống, tức là dấu Thánh Giá trên trán họ[317] , để phân biệt ai là tôi tớ của Đức Chúa Trời và tách biệt họ khỏi những tôi tớ của ma quỷ, khỏi những kẻ thờ lạy Anti-Christ? Đã rõ ràng rằng, trong những ngày của Antichrist, sẽ có nhiều tôi tớ được chọn của Đức Chúa Trời ở các thành phố và làng mạc, những người làm vui lòng Chúa của mình, chiến đấu vì danh thánh của Ngài, và cứu rỗi linh hồn mình bằng sự cứu rỗi vĩnh cửu.

Nếu ngay cả trong thời kỳ tàn bạo nhất của vương quốc Anti-Christ, vẫn có những tôi tớ và những người làm đẹp lòng Chúa được chọn trong các thành phố và làng mạc, đang cứu rỗi linh hồn mình bằng sự cứu rỗi vĩnh cửu, thì ai có thể cấm cản trong thời kỳ tàn bạo hiện tại – không phải thời kỳ của Anti-Christ, mà là thời kỳ báo trước sự xuất hiện của Antichrist, những tôi tớ và người được Chúa ưa chuộng được chọn lựa trong các thành phố và làng mạc, những người đang lo lắng cho sự cứu rỗi linh hồn mình? Bởi vì con người là một thụ tạo có lý trí, được tạo dựng theo hình ảnh của Chúa, trong quyền tự quyết về sự cứu rỗi của mình, như trước đây đã tự chủ, thì bây giờ cũng tự chủ, và trong tương lai cũng sẽ tự chủ.

SỰ XEM XÉT THỨ 8

Liệu sự cứu rỗi linh hồn con người có bị giới hạn bởi thời gian và địa điểm hay không?

Vì những kẻ Brynyane, qua những giáo lý sai lầm của họ, khẳng định rằng: trong thời kỳ cuối cùng hiện nay, những ai sống trong sa mạc mới được cứu rỗi, còn chúng ta, những người sống trong thành phố và làng mạc, thì không được cứu rỗi; do đó, cần phải tìm hiểu xem sự cứu rỗi của con người có bị quyết định bởi thời gian và địa điểm hay không?

Có những lúc cả thời gian lẫn địa điểm đều góp phần vào sự cứu rỗi: nếu thời gian bình yên và nơi chốn tĩnh lặng; tuy nhiên, sự cứu rỗi không phụ thuộc vào thời gian hay địa điểm; bởi vì ngay cả trong thời gian bình yên, tĩnh lặng, nhiều người vẫn bị hủy diệt, và ngay cả ở những nơi hoang mạc tĩnh lặng, nhiều người vẫn sa ngã vào những tội lỗi lớn lao. Vậy thì sự cứu rỗi của chúng ta nằm ở đâu? Ở trong lòng và ở nơi Thiên Chúa. Ở trong lòng tự do quyết định, khởi sự, và hướng về Thiên Chúa; còn ở nơi Thiên Chúa thì Ngài trợ giúp, hợp tác, và cuối cùng mang lại điều thiện lành.

Vì nếu sự cứu rỗi tâm hồn phụ thuộc vào một thời điểm nào đó, thì làm sao vị tử đạo người Phi Châu, được tưởng niệm vào ngày 8 tháng 12 trong Sách Lễ, sau khi chịu đau khổ vì Chúa Kitô dưới tay những người Arian, lại sa vào tội xác thịt và mất đi ân sủng của Thiên Chúa? Bởi vì ngài, ngay cả trong thời gian bị bách hại và đau khổ, cũng không làm phật lòng Chúa Kitô, Thiên Chúa. Dù trước đây ngài từng bị ép buộc phải làm phật lòng Ngài, nhưng khi thời gian bình yên, êm ả đến, ngài lại làm phật lòng Chúa Kitô bởi sự dâm dục của mình; và ngài, người từng nói rõ ràng sau khi bị cắt lưỡi, thì sau khi sa ngã, đã câm lặng vì ân sủng của Thiên Chúa đã rời bỏ ngài. Thời kỳ khắc nghiệt không thể thuyết phục vị tử đạo phạm tội; còn thời kỳ tốt lành, yên bình, thì không cấm người ấy được an hưởng mà không bị cám dỗ phạm tội. Vì sự cứu rỗi linh hồn không phụ thuộc vào thời đại; cũng chẳng ai có thể nói rằng: "Trong những thời đại trước đây có sự cứu rỗi, còn thời đại hiện tại thì không có, và trong những thời đại sau này cũng sẽ không có"; ai dám nói như vậy? Chẳng phải là không tin rằng Đức Chúa Trời, Đấng Cứu Rỗi loài người, Đấng đã có từ trước, vẫn còn hiện tại, và trong tương lai sẽ không thay đổi, và mãi mãi là Đức Chúa Trời duy nhất sao? Đấng đã cứu rỗi nhiều tôi tớ của Ngài trong những thời kỳ trước, thì Ngài có thể không cứu rỗi chúng ta trong thời đại hiện tại sao? Ai có thể tước đi quyền năng của Đức Chúa Trời trong việc cứu rỗi linh hồn loài người ngày nay, khi trước đây Ngài đã cứu rỗi những ai Ngài muốn mà không gặp trở ngại nào?

Nếu sự cứu rỗi linh hồn lại phụ thuộc vào nơi chốn, thì Lót đã phạm tội như thế nào khi ở trong sa mạc, trong khi ông lại không phạm tội khi ở giữa thành Sodom đầy tội lỗi? Chẳng phải ngay cả A-đam, người đầu tiên, cũng đã vi phạm điều răn của Đức Chúa Trời ngay tại vườn Ê-đen sao? Chúng ta đọc trong các sách của Giáo hội rằng, có nhiều người đã sống đủ lâu trong sa mạc, và nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, họ đã được ban cho khả năng làm phép lạ; nhưng do sự cho phép của Đức Chúa Trời, họ đã bị kẻ thù cám dỗ, rồi sa ngã vào tội lỗi một cách thảm khốc, và hiếm ai trong số họ đứng dậy nhờ sự ăn năn, còn những người khác thì đã hư mất, bị tước đoạt sự cứu rỗi. Ngược lại, có nhiều người sống giữa những lo toan đời thường trong các thành phố và làng mạc, nhưng lại đạt được sự cứu rỗi trọn vẹn cho linh hồn mình. Vì sự cứu rỗi linh hồn chúng ta không được xác định bởi thời gian hay địa

[317] Khải Huyền 7:2.

điểm. Chúng ta đọc trong các Thánh vịnh về thời gian: *"Tôi sẽ chúc tụng Chúa mọi lúc, lời ngợi khen Ngài sẽ luôn ở trên môi tôi"*[318] : nếu chúng ta chúc tụng Chúa mọi lúc và cầu nguyện cùng Ngài; vì chúng ta tin rằng sự cứu rỗi của chúng ta do Thiên Chúa ban cho sẽ luôn hiện hữu mọi lúc. Chúng ta cũng đọc trong các Thánh vịnh về nơi chốn: *"Ở mọi nơi, trong vương quốc của Ngài, hỡi linh hồn ta, hãy chúc tụng Chúa"*[319] : vì chúng ta được tự do chúc tụng và cầu nguyện với Ngài ở mọi nơi; bởi vì sự cứu rỗi của chúng ta cũng không bị cấm ngăn khi được sắp đặt ở mọi nơi. Dù người thật sự muốn được cứu rỗi có thể tìm cho mình một nơi thuận tiện cho sự cứu rỗi ngay giữa các thành phố và làng mạc; nhưng ai ít quan tâm đến sự cứu rỗi của mình, thì ngay cả giữa sa mạc cũng sẽ không tìm thấy nơi cứu rỗi. Vì không phải nơi chốn làm thánh hóa và cứu rỗi con người, mà là ân sủng của Đức Chúa Trời, hỗ trợ ý chí con người, và ý chí con người, hỗ trợ ân sủng của Đức Chúa Trời. Và vì Đức Chúa Trời ở khắp mọi nơi, nên sự cứu rỗi cũng sẵn sàng cho con người có ý chí ở khắp mọi nơi. Trong sa mạc có Đức Chúa Trời, trong sa mạc cũng có sự cứu rỗi dành cho người tự nguyện; trong thành phố và làng mạc có Đức Chúa Trời, trong thành phố và làng mạc cũng có sự cứu rỗi dành cho người tự nguyện; liệu có nơi nào mà Đức Chúa Trời không hiện diện chăng? Nơi đó cũng không thể có sự cứu rỗi cho con người. Nhưng đâu là nơi nào không có Đức Chúa Trời? Nhà thơ Thánh vịnh đã nói: *"Ta sẽ đi đâu để thoát khỏi Thần Khí của Ngài? Và ta sẽ chạy trốn đâu khỏi mặt Ngài? Dù ta có lên trời, Ngài cũng ở đó; dù ta có xuống âm phủ, Ngài cũng ở đó; dù ta có giương cánh bay sớm, và định cư ở tận cùng biển cả, thì tay Ngài cũng sẽ dẫn dắt ta, và tay phải Ngài sẽ giữ gìn ta*[320] ."

Quả thật, những kẻ giảng dạy sai lầm và xuyên tạc đang nói dối, khi họ khẳng định rằng hiện nay Đức Chúa Trời không hiện diện trong các thành phố và làng mạc, mà chỉ hiện diện trong các tu viện hoang dã của họ; họ nói dối khi cho rằng Đức Chúa Trời không chấp nhận lời cầu nguyện ở mọi nơi trong các thành phố và làng mạc nơi người ta cầu nguyện với Ngài, mà chỉ chấp nhận những lời cầu nguyện từ sa mạc; họ nói dối khi khẳng định rằng Đức Chúa Trời không cứu rỗi những người sống trong các thành phố và làng mạc, mà chỉ cứu rỗi những người sống ẩn dật trong sa mạc mà thôi.

Còn chúng ta thì không tin những kẻ quy định sự cứu rỗi của con người theo thời gian và địa điểm. Chúng ta cũng không tin những kẻ kiêu ngạo nói rằng chỉ có những lời cầu nguyện trong sa mạc của họ mới được Chúa nghe thấy. Chúng ta không tin những kẻ khẳng định rằng chỉ có trong các tu viện sa mạc mới có Chúa; vì chính Đức Kitô, là Thiên Chúa, cũng không tin những lời đó, và Ngài khuyên răn chúng ta rằng: *"Nếu họ nói với các con rằng: 'Ngài (Đức Kitô) ở trong sa mạc', thì đừng đi; nếu họ nói: 'Ngài ở trong các kho tàng', thì đừng tin*[321] ." Còn Thánh Theophylact, khi giải thích những lời ấy của Đấng Christ, đã phán: "Nếu có những kẻ bị lừa dối đến và nói rằng: 'Đấng Christ đã đến, và Ngài đang ẩn mình trong sa mạc, hoặc trong một ngôi đền nào đó, hoặc trong những căn phòng kín đáo nhất,' thì khi nghe những điều này, các con đừng để bị lừa dối."

Chương 17. Về đức tin trên đất

Những kẻ ly giáo còn nói dối, rằng dường như trong những thời kỳ cuối cùng này, đức tin trên đất đã không còn nữa, dường như đức tin đã biến mất khỏi thế gian. Họ tự cho rằng có bằng chứng cho lời nói dối của mình từ những lời của Chúa Kitô, được ghi trong Phúc Âm như sau: *"Con Người khi đến, liệu có tìm thấy đức tin trên đất* không[322] ?" Và họ lập luận: bởi vì thời kỳ tận thế đã đến, và sự tái lâm thứ hai đầy kinh hoàng của Chúa Kitô đã gần kề, và chúng ta đang mong chờ Ngài mỗi ngày, mỗi đêm: vì hiện nay trên đất không còn đức tin nữa; bởi vì khi Chúa đến, Ngài sẽ không tìm thấy đức tin.

Còn chúng tôi, trước khi tìm hiểu ý nghĩa của những lời Chúa Kitô, xin hỏi các vị Brynyan: các vị hãy nói cho chúng tôi biết, hỡi những kẻ xuyên tạc, các vị có biết chăng rằng thời điểm của sự tái lâm thứ hai đầy kinh hoàng của Chúa Kitô đã đến rồi chăng? Và ai đã tiết lộ cho các vị bí mật ấy, mà *không ai biết, ngay cả các Thiên thần trên trời cũng không? Chỉ có một mình Cha mà thôi*[323] ? Chúng tôi luôn mong chờ ngày đêm và từng giờ sự tái lâm của Chúa, nhưng chưa phải là sự tái lâm đáng sợ ấy, khi Ngài sẽ đến để phán xét người sống và người chết, và ban thưởng cho mỗi người tùy theo việc làm của họ; chúng ta cũng chưa trông đợi vào mọi lúc thời điểm đó, khi

---

318 Thi Thiên 33:1.
319 Thi Thiên 102:22.
320 Thi Thiên 138:7 và các câu tiếp theo.
321 Ma-thi-ơ 24:26.
322 Lu-ca 18:8.
323 Ma-thi-ơ 24:36.

mà (theo lời của Thánh Phêrô Tông đồ) *các tầng trời sẽ ầm ầm sụp đổ, các nguyên tố thiên nhiên sẽ bị thiêu rụi và tan vỡ, còn trái đất cùng mọi công trình trên đó sẽ bị thiêu rụi*[324] ; nhưng chúng ta đang chờ đợi giờ chết của mỗi người, lúc đó sự phán xét của Đức Chúa Trời sẽ đến để tách linh hồn khỏi thân xác, và vào giờ đó, mỗi người sẽ phải chịu sự trừng phạt riêng biệt tùy theo những việc mình đã làm; chúng ta đều mong chờ giờ khắc ấy, như chính Chúa, trong khi bảo vệ chúng ta, đã dạy trong Phúc Âm: *"Hãy sẵn sàng," vì "vào giờ ấy, các ngươi không ngờ, Con Người sẽ đến"*[325] . Chúng ta cũng mong chờ ngày phán xét chung đầy kinh hoàng, vốn sẽ là sự tái lâm lần thứ hai của Đấng Christ, nhưng không phải trong thời đại của chúng ta, không phải trong thời gian hiện tại của cuộc đời chúng ta; trừ khi lúc đó chúng ta được đánh thức khỏi mồ mả bởi tiếng kèn của Tổng Thiên Thần. Vì dù đêm ấy có đến (tôi đang nói đến năm thứ tám nghìn), thì theo lời các Thánh Tổ Phụ, đó sẽ là lúc Chú Rể đến; nhưng chưa đến nửa đêm (nửa năm thứ tám nghìn); mà Phúc Âm thánh thiêng đã loan báo rằng: "Chú rể sẽ đến vào nửa đêm", và Ngài có quyền trì hoãn sự trở lại của mình đến sau nửa đêm; còn chúng ta, những người đang sống hiện nay, sẽ không thể chờ đợi đến thời điểm và giờ khắc đó, trừ khi đã nằm trong quan tài. Còn các ngươi, những người hiện nay đang nói rằng trong những ngày đời sống của chúng ta đã đến Lần Đến Thứ Hai Đáng Sợ của Đấng Christ, và vì lý do đó mà không còn ai trên đất này tuyên xưng đức tin, hãy tự suy xét điều này: nếu theo quan điểm của các ngươi, vì lý do đó mà không còn đức tin trên đất này, bởi vì Lần Đến Thứ Hai Đáng Sợ của Đấng Christ đã gần kề. Thật vậy, ngay từ thời các Tông đồ, đức tin vẫn luôn hiện hữu trên đất; bởi vì chính Thánh Phaolô đã nói và viết rằng: *"Chúa đã gần kề, vậy các ngươi đừng lo lắng về điều gì*" (*326*); khi giải thích đoạn văn này, Thánh Giuse Vàng Miệng đã nói: "Ngày phán xét đã đến, họ sẽ phải trả lời về những việc họ đã làm" (327); và lại nữa: "Đừng lo lắng, vì ngày báo ứng đã đến rồi." Các bạn thấy đó, đã từ bao lâu nay, sự tái lâm đáng sợ của Chúa đã được rao giảng, nhưng đức tin thánh thiện vẫn không bị xóa sổ khỏi mặt đất; vì Thánh Phaolô khi loan báo sự tái lâm gần kề của Chúa, đã gieo rắc đức tin thánh thiện khắp bốn phương trời, và Thánh Giuse Kim Khẩu, khi nói về sự phán xét và sự báo ứng sắp đến, cũng không nói rằng đức tin đã không còn trên đất này, nhưng ngược lại, ngài còn dạy dỗ mọi người về đức tin chân chính và lối sống trong sạch. Vậy các ngươi lấy suy luận đó từ đâu ra, rằng đức tin đã không còn trên đất nữa; chỉ vì ngày Chúa đến đã gần kề? Phải chăng các ngươi khôn ngoan hơn Thánh Tông đồ Phaolô và Thánh Gioan Vàng Miệng? Phải chăng Thiên Chúa đã mặc khải nhiều mầu nhiệm của Ngài cho các người dân Bryn hơn là cho các vị thánh vĩ đại và các bậc thầy của toàn thể nhân loại? Những vị ấy, khi rao giảng về sự tái lâm thứ hai đầy kinh hoàng và đang đến gần của Chúa, không những không xóa bỏ đức tin thánh thiện khỏi mặt đất, mà còn củng cố và nhân lên đức tin ấy; còn các ngươi, vì sự tái lâm lần thứ hai của Đấng Christ đang đến gần, lại quét sạch đức tin khỏi khắp mặt đất, rao giảng giữa dân chúng rằng hiện nay trên đất không còn đức tin nữa; bởi vì sự phán xét của Đức Chúa Trời đã đến gần.

Vậy chúng tôi hỏi: Hãy nói cho chúng tôi biết, hỡi Brynyan, trên khắp mặt đất này; tức là dưới bầu trời này, hiện nay có còn đức tin hay chỉ còn ở một số nơi? Nếu trên khắp mặt đất không còn đức tin, thì chắc chắn cũng không có trong các ngươi; vì các ngươi cũng không sống trên trời, mà sống trên đất. Còn nếu các ngươi tự cho là có đức tin trong những nơi hoang vắng của các ngươi, thì điều gì cản trở đức tin hiện diện ở những nơi của chúng ta, trong các thành phố và làng mạc? Vì các ngươi đang ở ngoài Giáo hội, xa lánh các Bí tích của Thánh Thần, khinh bỉ Thân Mình và Máu Thánh Chúa Kitô, trốn tránh sự hiệp thông trong Giáo hội, mà lại tự cho là có đức tin; thì chúng tôi, những người ở trong Giáo hội, được nuôi dưỡng bởi các Bí tích do Thánh Thần ban cho, rước Mình và Máu Thánh Chúa Kitô, gắn bó với Giáo hội thánh như các chi thể của thân thể do Chúa Kitô làm Đầu và ban sự sống, chúng tôi chắc chắn hy vọng rằng mình có đức tin thánh thiện, đức tin xưng công chính và cứu rỗi chúng tôi. Không có đức tin nơi những ai không tin vào Đức Kitô là Thiên Chúa, như người Thổ Nhĩ Kỳ, người Tatar, người Do Thái và những kẻ thờ ngẫu tượng, cũng như những kẻ dị giáo, những Kitô hữu sai lầm, như các ngươi, những kẻ chỉ tự xưng danh Đức Kitô mà lại xa lánh chính Đức Kitô; vì ai xa lánh Hội Thánh của Đức Kitô thì cũng xa lánh Đức Kitô. Thật vậy, các ngươi không có đức tin, cũng như các dân tộc ngoại đạo và dị giáo khác; tuy nhiên, không phải khắp mặt đất đều không có đức tin; bởi vì không phải khắp mặt đất đều là người Thổ Nhĩ Kỳ, người Tatar, không phải khắp mặt đất đều là người Do Thái và những kẻ thờ thần tượng, không phải khắp mặt đất đều là những

---

[324] 2 Phi-e-rơ 3:10.
[325] Luca 12:40.
[326] Phi-líp 4:5 và 6.
[327] Thư năm 2006.

kẻ dị giáo, những Kitô hữu sai lầm thuộc dòng Brynya: nhưng thực tế có rất nhiều thành phố Kitô giáo ở Đại Nga, ở Tiểu Nga, và ở các nước khác, những người tin tưởng chân chính vào Đức Kitô là Thiên Chúa, và thực sự phục vụ Ngài. Các ngươi đang nói dối, hỡi những kẻ ly giáo, khi khẳng định rằng hiện nay trên thế gian này không còn đức tin nữa.

Chúng tôi lại hỏi: Tại sao các ngươi lại cho rằng không thể có đức tin trên đất này? Phải chăng đức tin hiện hữu một cách rõ ràng nơi con người trên đất này? Hay đức tin là bí mật trong lòng con người, cũng như niềm hy vọng, tình yêu, và những đức tính thầm kín khác ẩn giấu trong lòng mà không ai biết được, ngoại trừ Đức Chúa Trời, Đấng thấu hiểu lòng người? Ai trong loài người có thể biết được lòng người, liệu họ có tin hay không tin vào Đức Chúa Trời? Và nếu họ tin, thì họ tin như thế nào, đúng hay sai? Còn nếu họ không tin, thì vì lý do gì mà họ không tin? Chỉ có Đức Chúa Trời, Đấng dò xét lòng và dạ, mới biết điều đó. Còn các ngươi, hỡi những người Brynyan, là con người chứ không phải thần thánh, làm sao các ngươi biết được lòng chúng ta, mà lại nói rằng trong chúng ta không có đức tin? Hãy chỉ cho chúng ta ít nhất một dấu hiệu nào đó, nhờ đó chúng ta có thể nhận biết rằng trong chúng ta không có đức tin. Chúng ta đã nghe từ Thánh Tông đồ Phaolô về điều gì cho thấy đức tin nơi con người; như thế này: "Nếu ai tin bằng lòng, thì miệng cũng xưng ra; *người ta tin bằng lòng để được công chính* (như Thánh Tông đồ đã nói), *còn miệng xưng ra để được cứu* rỗi[328] : và nơi nào không có lời xưng nhận đức tin bằng miệng, thì ở đó cũng không có đức tin trong lòng." Chẳng lẽ các ngươi không nghe thấy chúng ta xưng nhận đức tin Chính Thống sao? Hay là các ngươi điếc, đến nỗi không nghe thấy chúng ta, khắp các thành phố và làng mạc, trong mọi thánh đường, đang xưng nhận và tôn vinh một cách thành kính Thánh Ba Ngôi: Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, là một Thiên Chúa duy nhất? Các ngươi có tai mà không nghe, và dù nghe được, các ngươi lại bịt tai mình lại, như những con rắn điếc, để không nghe lời tuyên xưng đức tin thánh thiện của chúng ta, được thốt ra từ trái tim; và các ngươi cảm thấy nặng nề khi nghe lời tuyên xưng đức tin chân chính của chúng ta. Các ngươi muốn tước bỏ đức tin khỏi chúng ta, giống như Sa-tan đã muốn làm với Phê-rô; nhưng Đức Chúa Trời sẽ không cho phép các ngươi làm điều đó đối với chúng ta, cũng như Đức Kitô đã không cho phép Sa-tan làm điều đó đối với Phê-rô, *vì Ngài đã phán: "Si-môn, Si-môn! Satan đã xin được* sàng các ngươi *như lúa mì; còn Ta thì đã cầu nguyện cho ngươi, để đức tin của ngươi đừng suy giảm*[329] .

Còn về các ngươi, chúng ta có thể nói một cách chân thật rằng các ngươi không có đức tin, bởi vì chúng ta thấy những dấu hiệu rõ ràng về sự vô tín của các ngươi: một mặt là các ngươi xa lánh Giáo hội của Đấng Christ và tất cả các bí tích của Giáo hội; mặt khác là các ngươi xưng nhận Thánh Ba Ngôi một cách sai lầm, và phỉ báng sự Nhập Thể của Đấng Christ theo lối dị giáo, như đã được chỉ ra rõ ràng trong phần đầu, trong bài viết thứ hai tại , cùng vô số mâu thuẫn và chia rẽ khác của các ngươi, những suy luận sai lầm, những giáo lý giả dối và những cách giải thích lệch lạc đều vạch trần và tố cáo các ngươi, rằng các ngươi không có đức tin, mà đã sa vào nhiều sự vô tín dị giáo.

Về những lời này của Chúa, *Con Người khi đến, liệu có tìm thấy đức tin trên đất này không*[330] , câu nói này như sau: Chúa không nói rằng: "Khi đến, Người sẽ không tìm thấy đức tin trên đất này", nhưng liệu Người có tìm thấy không? (Theo lời giải thích của Thêôphilactô) Ngài sẽ tìm thấy rất ít, bởi vì số người trung thành sẽ giảm bớt do sự hành hạ của Antichrist. Còn chúng tôi, vì tin tưởng vào lời giải thích của Thêôphilactô hơn là vào lời giải thích sai lầm và ly giáo của các ngươi, nên chúng tôi mạnh dạn tuyên bố: Các ngươi đang nói dối, hỡi những kẻ giải thích sai lầm, khi khẳng định rằng vào ngày Chúa đến sẽ hoàn toàn không còn đức tin trên đất: huống chi các ngươi còn nói dối nhiều hơn nữa khi khẳng định rằng hiện nay không có đức tin trong chúng ta, trong khi Antichrist vẫn chưa xuất hiện một cách rõ ràng, Kitô giáo vẫn chưa suy yếu, và ngày Chúa đến vẫn chưa đến.

Chương 18. Về hình ảnh và sự giống như Đức Chúa Trời nơi loài người

Và còn một đoạn Kinh Thánh nữa, bị những kẻ ly giáo giải thích sai lầm, cần được nhắc lại: trong Sách Sáng Thế Ký, chương 1 có chép: *Đức Chúa Trời phán: "Chúng ta hãy tạo nên con người theo hình ảnh của chúng ta và theo sự giống* như của chúng ta[331] ." Những kẻ ly giáo ấy, vì sự thiếu hiểu biết của mình, đã áp đặt đoạn Kinh

---

328 Rô-ma 10:10.
329 Luca 22:31 và 32.
330 Luca 18:8.
331 Sáng Thế Ký 1:20.

Thánh đó vào hình ảnh thể xác của con người, như thể Đức Chúa Trời có hình dạng giống con người, có đầu, râu, mắt, môi, tai, tay, chân và các bộ phận khác của cơ thể con người; và do đó, như thể theo hình ảnh của chính Ngài, Ngài đã tạo ra con người giống như Ngài, có đầu, râu và các bộ phận cơ thể khác.

Để phản bác sự giải thích sai lầm của họ, xin trình bày ở đây cách giải thích đúng đắn về những lời ấy của Đức Chúa Trời, theo các Thánh Tổ như sau:

Hình ảnh và sự giống như của Đức Chúa Trời không được thể hiện trong thân thể con người, mà là trong linh hồn; vì Đức Chúa Trời không có thân thể: Đức Chúa Trời là Thần Khí vô hình, và Ngài đã tạo ra linh hồn con người cũng vô hình, giống như chính Ngài, tự chủ, có lý trí, bất tử, đồng hành với sự vĩnh cửu, và kết hợp với xác thịt, như Thánh Damascene đã thưa với Đức Chúa Trời: "Ngài đã ban cho con linh hồn bằng sự hà hơi thiêng liêng và ban sự sống, sau khi đã tạo ra thân xác cho con từ đất" ([332]). Linh hồn chính là hình ảnh của Thiên Chúa, bởi vì nó có ba sức mạnh, nhưng chỉ có một bản tính duy nhất. Ba sức mạnh của linh hồn con người là: trí nhớ, lý trí, ý chí; trí nhớ giống như Thiên Chúa Cha, lý trí giống như Thiên Chúa Con, ý chí giống như Thiên Chúa Thánh Thần. Và cũng như trong Thánh Ba Ngôi, dù có ba Ngôi Vị, nhưng không phải là ba Thiên Chúa, mà chỉ là một Thiên Chúa: cũng vậy, trong linh hồn con người, dù có ba sức mạnh (như đã nói), nhưng không phải là ba linh hồn, mà chỉ là một linh hồn.

Các vị Thánh Phụ đã chỉ ra sự khác biệt giữa "hình ảnh" và "sự giống như" Thiên Chúa trong linh hồn con người: Thánh Basil Cả trong tác phẩm "Sách Sáu Ngày", bài giảng số 10; Thánh Gioan Kim Khẩu trong bài giảng số 9 về Sách Sáng Thế[333] ; Thánh Giêrônimô trong bản chú giải về Sách Tiên Tri Ê-xê-ki-ên, chương 28. Sự khác biệt này là: hình ảnh của Đức Chúa Trời được linh hồn tiếp nhận khi được Đức Chúa Trời tạo dựng, còn sự giống như Đức Chúa Trời trong linh hồn được hoàn thiện qua phép rửa tội; hình ảnh trong lý trí, sự giống như trong ý chí; hình ảnh trong quyền tự chủ, sự giống như trong các đức tính, như chính Chúa Kitô đã phán trong Phúc Âm: "Hãy trở nên giống như Cha các con, Đấng ngự trên trời": tức là giống như Ngài về sự hiền lành, lòng nhân từ, sự không ác ý, và những điều khác.

Thánh Basil Cả suy luận như sau: "Chúng ta sẽ tạo dựng con người (Đức Chúa Trời phán) theo hình ảnh và sự giống như của chúng ta": điều này là công trình của Đức Chúa Trời, còn điều kia thì chúng ta hoàn thiện bằng ý chí của mình. Trong sự sắp đặt ban đầu, chúng ta được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời; còn nhờ ý chí của chúng ta, chúng ta hoàn thiện để trở nên giống như Đức Chúa Trời. Và một lần nữa: Đức Chúa Trời đã ban cho tôi để trở nên giống như Đức Chúa Trời; vì theo hình ảnh, tôi là con người; còn theo sự giống như, tôi là một Kitô hữu[334] . "Hãy nên hoàn hảo," Đức Kitô phán, "như Cha các con ở trên trời là hoàn hảo." Các con có thấy không, nơi nào Chúa ban cho chúng ta để trở nên giống như Ngài? Đó là nơi chúng ta trở nên giống Đấng *mà mặt trời của Ngài* chiếu sáng *trên kẻ ác cũng như người lành, và mưa rơi trên người công chính cũng như kẻ bất chính*[335] . Nếu ngươi ghét sự gian dối, nhưng không giữ lòng oán hận, cũng đừng nhớ lại những mối thù hận của ngày hôm qua; nếu ngươi yêu thương anh em và đầy lòng thương xót, ngươi đã trở nên giống Thiên Chúa; nếu ngươi tha thứ cho kẻ thù từ tận đáy lòng, ngươi đã trở nên giống như Đức Chúa Trời; nếu Đức Chúa Trời đối xử với ngươi là kẻ có tội như thế nào, thì ngươi cũng đối xử với người anh em đã phạm tội với ngươi như vậy, nhờ lòng nhân từ, ngươi đã trở nên giống như Đức Chúa Trời; vì thế, " " – ngươi mang hình ảnh (của Đức Chúa Trời), không chỉ bằng lời nói, mà còn bằng việc sống theo hình ảnh ấy, và bằng việc thực hành lòng nhân từ. Đến đây là lời của Thánh Basil Đại Đế.

Hãy biết rằng, hình ảnh của Đức Chúa Trời cũng có trong linh hồn của người không tin, còn sự giống như Ngài chỉ có ở người Kitô hữu có đức hạnh; và khi người Kitô hữu phạm tội chết, thì họ chỉ mất đi sự giống như Thiên Chúa, chứ không phải hình ảnh: và dù có bị kết án chịu hình phạt đời đời, hình ảnh Thiên Chúa vẫn còn trong họ mãi mãi, còn sự giống như thì không thể tồn tại được nữa.

Xưa kia đã có một số kẻ dị giáo, được gọi là những người theo thuyết nhân hình (Anthropomorphites), mà Thánh Epiphanius đã nhắc đến, những người đã giải thích những lời của Đức Chúa Trời: "Chúng ta sẽ tạo ra con người theo hình ảnh và sự giống như của chúng ta," họ giải thích điều này giống như cách những kẻ ly giáo ngày nay giải thích, cho rằng Thiên Chúa có hình dạng giống như thân thể con người, có hình dáng giống con người, có

---

[332] Trong các bài thánh ca tang lễ.
[333] Trang 37 (mặt sau) và 38.
[334] Trang 38.
[335] Ma-thi-ơ 5:45.

đầu, râu, tay, chân và tất cả các bộ phận khác; và rằng Thiên Chúa đã tạo ra con người theo hình dạng đó: người Do Thái cũng giải thích như vậy. Nhưng cũng như ngày xưa những người theo thuyết nhân hình đã bị coi là điên rồ, bị xem là dị giáo, bị Giáo hội loại trừ, bị gộp chung với người Do Thái, và bị tuyên án tuyệt thông: thì ngày nay những kẻ này cũng thiếu lý trí, phạm tà giáo, giống như người Do Thái, và xứng đáng bị Giáo hội loại trừ; số phận của họ giống như những người Do Thái và những người theo thuyết nhân hình (những kẻ cho rằng Thiên Chúa có hình dạng con người) đã bị nguyền rủa; bởi vì họ không tin rằng Đầu của Đức Chúa Trời, cũng như tay và chân của Ngài, không phải là hữu hình, thuộc về xác thịt, mà là vô hình, thuộc về linh hồn; đó chính là quyền năng toàn năng, quyền uy, sức mạnh, nguồn gốc của vạn vật, sự toàn năng và sự hiện diện khắp mọi nơi của Ngài.

Chúa là Đầu của vạn vật, vì Ngài là Nguồn gốc của muôn loài, là Chúa tể của muôn loài, là Đấng cai quản muôn loài; Ngài là Mắt của vạn vật, vì Ngài nhìn thấy mọi sự; Ngài là Tai của vạn vật, vì Ngài nghe thấy mọi sự; Ngài là Tay của vạn vật, vì Ngài nắm giữ mọi sự; Ngài là Chân của vạn vật, vì Ngài hiện diện khắp mọi nơi, và bằng sự hiện diện của Ngài, Ngài lấp đầy mọi nơi.

Còn về những người theo chủ nghĩa nhân hình, Thánh Basil Đại Đế đã khiển trách họ trong tác phẩm "Sách Sáu Ngày" của ngài, trong bài giảng thứ 10[336] , ngài nói với họ như sau: "Chúng ta được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời ư? Hãy thanh tẩy trái tim vô minh, trí tuệ chưa được rèn luyện, và những quan niệm thiếu hiểu biết về Đức Chúa Trời." Nếu chúng ta được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, thì liệu Đức Chúa Trời có giống chúng ta không? Liệu Đức Chúa Trời có lông mày, tai và đầu không? Có tay và bộ phận sinh dục mà Ngài ngồi trên đó không? Vì Kinh Thánh chép rằng Đức Chúa Trời ngự trên ngai: liệu Ngài có chân để đi lại không? Đức Chúa Trời có phải như vậy không? Hãy từ bỏ những ảo tưởng vô lý trong lòng, hãy loại bỏ khỏi tâm trí những suy nghĩ không xứng đáng với vinh quang của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không có hình dạng, đơn giản, không vĩ đại, (về tuổi tác) không thể đo lường được; đừng tưởng tượng ra hình ảnh về Ngài, cũng đừng để mất đi sự vĩ đại của người Do Thái; đừng bao giờ đo lường Đức Chúa Trời bằng những suy nghĩ xác thịt, cũng đừng mô tả Ngài bằng trí óc của ngươi, vì vinh quang của Ngài là vô biên. Hãy suy nghĩ về Đấng vĩ đại, và gán cho Đấng vĩ đại điều còn vĩ đại hơn nhiều, và cho điều còn vĩ đại hơn nữa điều còn vĩ đại hơn nữa, và hãy khuyên nhủ tâm trí ngươi rằng: những điều vô tận thì không thể thấu hiểu được; đừng hình dung hình ảnh nào, vì Đức Chúa Trời được hiểu biết qua quyền năng của Ngài. Trong Đức Chúa Trời không có điều gì giống như nơi chúng ta; chúng ta không được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời trong hình dạng thân thể của chúng ta; vì thân thể hư nát, hình ảnh cũng bị hủy diệt, còn trong cái không hư nát thì hình ảnh bất diệt được hình thành; thân xác lớn lên, nhỏ lại, già đi, thay đổi: khác nhau khi còn trẻ, khác nhau khi về già, khác nhau khi sung sướng, khác nhau khi đau khổ, khác nhau khi sợ hãi, khác nhau khi vui mừng, khác nhau khi bình an, khác nhau khi chiến tranh, khác nhau khi thức và khác nhau khi ngủ, Làm sao cái hay thay đổi lại có thể giống với cái bất biến được? Còn khi Ngài phán: "Chúng ta hãy tạo ra con người theo hình ảnh của chúng ta", thì Ngài đang nói về con người bên trong, mà Thánh Tông Đồ cũng đã nói về điều đó: *"Dù con người bên ngoài của chúng ta có hư nát đi chăng nữa, thì con người bên trong vẫn được đổi mới mỗi ngày" ([337])*. Vì chúng ta có con người bên trong, và chúng ta không phải là những gì bề ngoài, và điều được nói đến là sự thật, vì chúng ta là con người bên trong. Vì tôi là con người bên trong; còn con người bên ngoài không phải là tôi, mà là bản chất của tôi; vì tôi không phải là bàn tay, mà tôi là lời nói của linh hồn, còn bàn tay chỉ là một phần của con người. Thân thể con người là công cụ của linh hồn, còn con người thì làm chủ nhờ chính linh hồn. Và Ngài lại phán: "Người phụ nữ cũng được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, giống như người nam, cùng một bản chất cao quý, dù thân xác yếu đuối hơn, nhưng linh hồn của nàng lại mạnh mẽ, vì hình ảnh của Đức Chúa Trời là đồng nhất"[338] . Đến đây là lời của Thánh Basil Cả.

Từ những lời này, những kẻ ly giáo theo chủ nghĩa nhân hình mới ngày nay có thể hiểu rõ và nhận biết rằng: hình ảnh của Đức Chúa Trời không nằm ở khuôn mặt, đôi mắt, đôi môi, bộ râu, hay các bộ phận cơ thể hữu hình khác, mà nằm trong linh hồn vô hình, có khả năng ngôn ngữ, có lý trí, tự chủ và bất tử.

---

[336] Thánh Basil Đại đế, trang 37.

[337] 2 Cô-rinh-tô 4:16.

[338] Trong cùng bài giảng đó, phía dưới trang 38.

Chương 19. Về râu

Ở đây, chúng ta sẽ bàn luận về râu, vấn đề mà nhiều người Nga trong chúng ta đang tranh cãi, những người coi việc để râu là luật thiêng liêng của Đức Chúa Trời và là sự cứu rỗi vĩ đại, còn việc cạo râu thì coi là tội lỗi nặng nề và không thể tha thứ, dẫn đến sự diệt vong vĩnh viễn.

Vào mùa hè năm 1705, khi tôi đang ở thành phố Yaroslavl vào các tháng Sáu và Bảy, và vào một ngày Chủ nhật nọ, sau khi tôi ra khỏi nhà thờ chính tòa sau Thánh lễ, trên đường trở về dinh thự của mình, hai người đàn ông có râu, nhưng không phải người già, đã tiến lại gần tôi và kêu lên, nói rằng: "Thưa Đức Cha thánh thiện! Theo lệnh của Ngài, chúng tôi được yêu cầu cạo râu theo sắc lệnh của Hoàng đế; nhưng chúng tôi sẵn sàng hy sinh mạng sống vì bộ râu của mình; thà để đầu chúng tôi bị chém rơi còn hơn là để bộ râu của chúng tôi bị cạo sạch. Còn tôi thì ngạc nhiên trước câu hỏi bất ngờ và đột ngột đó, và không thể ngay lập tức trả lời dựa trên Kinh Thánh: tôi phản bác lại câu hỏi của họ, nói rằng: "Điều gì sẽ mọc lại, cái đầu bị chém đứt hay bộ râu bị cạo sạch?" Họ bèn do dự, im lặng một lát, rồi quyết định: "Râu sẽ mọc lại, còn đầu thì không." Tôi bèn nói với họ: "Vậy thì các ngươi thà không tiếc bộ râu, dù bị cạo đi mười lần nó vẫn mọc lại, còn hơn là mất đi cái đầu, vì một khi bị chặt đứt thì sẽ không bao giờ mọc lại nữa, trừ khi trong ngày Phục sinh chung của tất cả những người đã chết." Nói xong, tôi trở về phòng tu của mình. Nhiều công dân đáng kính đã tiễn tôi, và họ cũng vào phòng tu của tôi cùng tôi, và chúng tôi đã có một cuộc thảo luận khá dài về việc cạo râu và không cạo râu. Và tôi nhận ra rằng nhiều người, những người đã cạo râu theo sắc lệnh của Bệ hạ, đang nghi ngờ về sự cứu rỗi của mình, như thể họ đã đánh mất hình ảnh và sự giống như của Đức Chúa Trời, và không còn được tạo dựng theo hình ảnh và sự giống như của Ngài nữa, chỉ vì đã cạo râu. Còn tôi thì khuyên họ đừng nghi ngờ, nói rằng hình ảnh và sự giống như của Đức Chúa Trời không nằm ở bộ râu hay khuôn mặt con người có thể nhìn thấy được, mà nằm trong tâm hồn vô hình; hơn nữa, vì lý do này, không ai nên nghi ngờ về sự cứu rỗi của mình, bởi vì việc cạo râu không phải do ý muốn riêng của họ, mà là theo sắc lệnh của Nhà Vua. Chúng ta phải tuân theo mệnh lệnh của những người nắm quyền, miễn là những việc đó không trái với ý Chúa và không gây hại cho trật tự xã hội.

Còn những người khác lại nảy sinh nghi ngờ: chúng ta cần phải tìm hiểu về việc cạo râu trong Cựu Ước và Tân Ước. Trước hết, trong Cựu Ước, sau khi sắp xếp các phân tích như sau:

1) Ai trong Cựu Ước không được lệnh cạo râu?

2) Tại sao lại không được phép?

3) Có bao giờ người Do Thái cạo râu không?

Trong cuộc tìm hiểu về râu này, điều đầu tiên cần xem xét là: liệu râu có phải là hình ảnh và sự giống như của Đức Chúa Trời hay không? Nhưng vì Thánh Basil Đại Đế đã khẳng định ở trên rằng râu không phải là hình ảnh và sự giống như của Đức Chúa Trời, nên chúng ta hãy xem xét vấn đề khác mà chúng ta đã nêu ra.

PHÂN TÍCH THỨ NHẤT

Ai trong Cựu Ước không được lệnh cạo râu?

Mặc dù điều răn không cạo râu đã được Đức Chúa Trời ban cho tất cả người Do Thái, nhưng điều này đặc biệt áp dụng cho hàng giáo sĩ, các tư tế và người Lê-vi phải tuân giữ[339] , như có thể thấy trong chương 21 của Sách Lê-vi, nơi Đức Chúa Trời phán với Môi-se rằng hãy truyền lệnh cho các tư tế, con cháu A-rôn, không được cạo râu, và Ngài giải thích: "Vì chính họ sẽ dâng các lễ vật của Đức Chúa Trời, là của lễ dâng lên Ngài." *"Họ không được cạo râu,"* Ngài phán, *"vì chính họ phải dâng của lễ cho Đức Chúa Trời"*[340] . Từ "chính họ" này chỉ ra chức vụ của các thầy tế lễ và người Lê-vi. Ai là người "chính họ", tức là bằng chính tay mình dâng của lễ cho Đức Chúa Trời? Chỉ có các thầy tế lễ và người Lê-vi mà thôi. Còn các chi phái khác, dù có dâng của lễ cho Đức Chúa Trời, nhưng họ không tự tay mình dâng lên bàn thờ, mà do các thầy tế lễ và người Lê-vi thực hiện; còn các thầy tế lễ và người Lê-vi thì chính họ tự tay dâng của lễ lên Đức Chúa Trời. Vì khi Đức Chúa Trời cấm việc cạo râu và ra lệnh không được cạo râu, để chính họ dâng của lễ lên Chúa, Ngài đã rõ ràng chỉ ra rằng điều răn không được cạo râu này được ban cho các thầy tế lễ và người Lê-vi một cách đặc biệt. Lệnh truyền này cũng được ban cho những người Nazirite, như đã được ghi chép trong Sách Dân Số, chương thứ sáu, trong Sách Các Quan Xét, chương thứ mười ba, và trong Sách Các Vua I, chương thứ nhất: mặc dù các tầng lớp dân thường, tức là các chi tộc khác của Israel, cũng tuân giữ

[339] Lê-vi 19:27.

[340] Lê-vi 21:1, 5, 6.

lệnh truyền không cạo râu; nhưng đôi khi họ cũng không bị cấm cạo râu, thậm chí còn được lệnh phải cạo vào một số thời điểm nhất định, như chúng ta sẽ thấy rõ trong phần phân tích thứ ba.

Phần phân tích thứ hai

Tại sao người theo Cựu Ước không được phép cạo râu?

Việc cạo râu trong Cựu Ước bản thân nó không phải là điều xấu; bởi vì râu không phải là hình ảnh và sự giống như của Đức Chúa Trời, như đã được làm rõ trước đó: trừ khi vì một lý do xấu nào đó mà nó trở thành điều xấu. Bởi vì nếu việc cạo râu bản thân nó là điều xấu, thì chắc chắn sẽ không có lệnh bắt những người đang thanh tẩy khỏi bệnh hủi phải cạo râu và tất cả lông trên cơ thể[341] ; nếu việc cạo râu tự bản thân là điều xấu, thì những người được bổ nhiệm vào chức vụ Lê-vi sẽ không được ra lệnh phải cạo sạch toàn thân, tức là đầu, râu và các bộ phận khác[342] , và người Do Thái cũng sẽ không được phép để râu dài trong những lúc tang chế[343] ; nếu việc cạo râu tự bản thân nó là điều xấu, thì Đức Chúa Trời đã không ra lệnh cho tiên tri Ê-xê-chi-ên cạo đầu và râu[344] . Nhưng điều này sẽ được đề cập chi tiết hơn ở phần sau. Ở đây, chúng ta hãy xem xét lý do tại sao Cựu Ước không ra lệnh cạo râu.

Lý do của điều răn đó là như sau: các thầy tế lễ thờ thần tượng, đặc biệt là những người phụng sự nữ thần Isis, cựu nữ hoàng Ai Cập, những kẻ dâng những của lễ ô uế trong đền thờ và cầu nguyện một cách bất kính trước các thần tượng, có tập tục cạo đầu và râu; tập tục này đã bị thánh tiên tri Baruch vạch trần, khi ngài nhắc lại rằng: trong các đền thờ của họ, các thầy tế lễ ngồi đó, áo choàng rách nát, đầu và râu cạo trọc; họ gào thét trước các thần của mình: "[345] ".

Vì lý do đó, Đức Chúa Trời, Đấng đã giải cứu dân Ngài khỏi Ai Cập, sau khi sắp xếp các thầy tế lễ và người Lê-vi vào chức vụ của họ, đã ra lệnh cho họ đừng bắt chước các thầy tế lễ thờ thần tượng, những người mà họ đã thấy ở Ai Cập đang cạo đầu và râu; và Ngài đã ban điều răn như sau: *"Các ngươi chớ cạo tóc trên đầu mình, cũng chớ cạo râu mình"*[346] .

Hơn nữa: đó là phong tục của những kẻ thờ thần tượng, khi khóc than cho người chết, họ cạo đầu và râu, rồi tự đánh vào mặt và thân thể cho đến khi bị thương và chảy máu; vì lý do đó, Đức Chúa Trời đã truyền cho các tôi tớ của Ngài phải tránh những việc như vậy, để không giống như những kẻ vô đạo, và phán rằng: "Đừng để tóc mọc dài *vì người chết, đừng* để *râu* mọc dài, *và đừng gây ra vết thương trên thân thể mình*"[347] .

Vì những lý do này, việc cạo râu là điều xấu, và đã bị Đức Chúa Trời cấm đối với dân Do Thái trong Cựu Ước, nhất là đối với các thầy tế lễ và người Lê-vi.

PHẦN THẢO LUẬN THỨ 3

Có bao giờ người Do Thái cạo râu không?

Đã từng có lúc. Ban đầu: khi họ được thanh tẩy khỏi bệnh hủi, thì họ cạo sạch lông trên toàn thân; như vậy, trong Sách Lê-vi, chương 14, có lệnh: *"Hãy* để *tất cả lông* trên *người* mọc dài ra*, đầu, râu, lông mày, và mọi sợi lông trên người đều* phải mọc dài ra"[348] .

Hơn nữa: khi những người thuộc chi phái Lê-vi được bổ nhiệm vào chức vụ Lê-vi, thì nghi thức sau đây được thực hiện đối với họ: trước tiên, họ được dẫn đến trước vị thượng tế tối cao, và được rảy nước thanh tẩy; sau đó, tóc trên toàn thân họ được cạo sạch, như đã chép trong Sách Dân Số, chương 8: *"Hãy cạo sạch toàn thân họ, và họ phải thay áo mới, rồi họ sẽ được thanh tẩy*" ([349]); sau đó, khi đưa họ đến trước Đền Thờ Chứng Ngôn cùng với các của lễ, con cái Y-sơ-ra-ên đặt tay lên họ. Chúng ta hãy lưu ý: việc cạo râu được thực hiện trên toàn thân của những người Lê-vi mới được bổ nhiệm; nếu là trên toàn thân, thì tất nhiên bao gồm cả râu; sau khi được bổ nhiệm, họ không cạo lông trên cơ thể mình nữa cho đến khi qua đời.

---

[341] Lê-vi 14:9.
[342] Số 8:7.
[343] Giê-rê-mi 41:5.
[344] Ê-xê-chi-ên 5:1.
[345] Baruch, chương 5.
[346] Lê-vi 19:27.
[347] Lê-vi 21:5.
[348] Cùng chương 14:9.
[349] Sách Dân Số 8:7.

Ngoài ra: khi hoàn thành thời gian làm người Nazirite, họ phải cạo sạch toàn bộ đầu, vì trong số họ có những người Nazirite đặc biệt: một số đã dâng trọn đời mình cho Đức Chúa Trời để sống một cuộc đời kiêng khem và thanh tịnh; còn những người khác thì chỉ thực hiện lời thề Nazirite trong một thời gian nhất định, chỉ vài năm mà thôi, chứ không phải suốt cả đời. Còn những người Nazir được gọi như vậy từ từ tiếng Do Thái *"nazar",* tức là "người được tách biệt" hoặc "người được thánh hiến", bởi vì những người này tách mình ra khỏi cuộc sống trần tục đầy thú vui của loài người, dâng mình cho một lối sống khắc khổ, làm chết đi bản năng xác thịt, và không cạo râu, cũng không cắt tóc trên đầu và râu của mình trong suốt thời gian thực hành lời thề Nazirite. Những người này, những ai đã giữ lời thề Nazirite cho đến thời điểm đã hứa, khi thời điểm đó đến, họ đến đền thờ của Chúa với lễ vật, và những sợi tóc đã mọc dài, họ cạo tóc ngay trước cửa Đền Thờ Chứng Ngôn, rồi dâng những lọn tóc đã cạo lên ngọn lửa trên bàn thờ của Chúa, để tôn vinh Đức Chúa Trời và tạ ơn, vì Chúa đã ban ơn cho họ hoàn thành lời hứa: điều này được ghi chép trong Sách Dân Số, chương 6[350] .

Paki: Đối với những người Do Thái thuộc tầng lớp thường dân, không phải là người thuộc dòng dõi Lê-vi, việc cạo râu trong thời gian tang chế và đau buồn không bị cấm: vì trong sách của thánh tiên tri Giê-rê-mi có chép rằng, khi Giê-ru-sa-lem bị Na-bu-cô-đô-nô-xơ, vua Ba-by-lôn, tàn phá, Gô-đô-li-a được để lại ở xứ Giu-đa để cai trị một số ít người còn sống sót, thì có một người Giu-đa tên là Is-ma-ên, thuộc dòng dõi hoàng tộc, đã giết Gô-đô-li-a; lúc bấy giờ, *có tám mươi người đàn ông* từ các vùng lân cận Palestine *đến, đầu* để râu dài*, áo xé rách, khóc than* vì thành Giê-ru-sa-lem bị tàn phá[351] . Có người nói: "Ở đây, trong sách Giê-rê-mi, người ta viết về 'đầu', chứ không phải về 'râu'." Tôi trả lời: Trong Kinh Thánh tiếng Slav, từ "đầu" được dùng, còn trong các bản dịch khác thì dùng từ "râu"; và khi bản dịch tiếng Slav nói đến "đầu", thì cũng bao gồm cả "râu"; bởi vì trong những lúc đau buồn và khốn khổ, người ta cạo cả đầu lẫn râu cùng một lúc, điều này có thể thấy rõ từ Lời Chúa, trong chính Sách Tiên tri Giê-rê-mi, nơi có chép: *"Mọi đầu sẽ bị* hói (tức là *sẽ bị cạo trọc), và mọi râu sẽ mọc* lại"*[352]* .

Hơn nữa: Thánh Ê-xê-chi-ên, vị tiên tri và thầy tế lễ, người đã tiên tri về sự tàn phá của Giê-ru-sa-lem và sự diệt vong của dân Do Thái; Chúa đã truyền cho ngài cạo đầu và râu, rồi chia tóc đã cạo thành bốn phần: một phần đốt bằng lửa, một phần chém bằng gươm, một phần rải theo gió, và phần nhỏ nhất cất vào áo choàng của ngài[353] , để báo trước rằng một phần dân Do Thái sẽ chết vì đói và dịch bệnh trong thời gian bị vây hãm, một phần khác sẽ bị gươm của người Chaldea chém chết, phần thứ ba sẽ bị phân tán khắp thế gian, và phần thứ tư rất nhỏ sẽ ở lại nơi của mình.

Còn chúng ta suy luận rằng: nếu việc cạo râu tự bản thân nó (chứ không phải do tội lỗi thờ thần tượng) là điều xấu, thì Đức Chúa Trời đã không ra lệnh cho tiên tri Ê-xê-chi-ên cạo râu; người Do Thái cũng đã không được phép cạo sạch cả đầu trong những lúc đau khổ và buồn phiền; cũng không ra lệnh cho những người giữ lời thề Nazirite, sau khi hết thời gian giữ lời thề, phải cạo sạch tóc trên đầu và dâng lên ngọn lửa tế lễ để tôn vinh Đức Chúa Trời; cũng không quy định rằng những người được bổ nhiệm vào chức vụ Lê-vi phải dùng dao cạo trên toàn thân, cũng không ra lệnh cho những người đang thanh tẩy khỏi bệnh hủi phải cạo râu.

Vì trong Cựu Ước, tội lỗi không phải là việc cạo râu; mà là việc cạo râu khiến người ta trở nên giống với thói quen của những kẻ vô đạo và thờ thần tượng.

Sau khi đã xem xét vấn đề râu trong Cựu Ước như vậy, chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu về vấn đề này trong ân sủng mới bằng những phân tích tương tự như sau:

1) Có quy định nào trong luật pháp dành cho các tín hữu Kitô giáo về râu không?

2) Việc cạo râu bắt nguồn từ ai?

3) Việc cạo râu có phải là tội lỗi chống lại Đức Chúa Trời không?

4) Việc không cạo râu có mang lại sự cứu rỗi không?

PHÂN TÍCH THỨ NHẤT

Có quy định nào về râu dành cho các tín hữu Kitô giáo không?

Các tín hữu Kitô giáo ở Đại Nga thường viện dẫn điều răn trong Cựu Ước, đã được đề cập ở trên, do Đức Chúa Trời ban cho qua các thầy Lê-vi về việc để râu, để biện minh cho *việc không cạo râu*: "*Chớ cạo râu các*

---

[350] Số 6:18.

[351] Giê-rê-mi 41:3.

[352] Cùng chỗ đó 48:37.

[353] Ê-xê-chi-ên 5:1 và 4.

ngươi" ([354]), và họ nói: chính Đức Kitô đã tuân giữ các điều răn trong Cựu Ước; vì Ngài đã phán: *"Đừng nghĩ rằng Ta đến để hủy bỏ Luật pháp hay các Tiên tri; Ta không đến để hủy bỏ, nhưng để hoàn thành*"[355] . Và nếu chính Chúa Kitô đã tuân giữ các điều răn của Cựu Ước, thì chúng ta, những người Kitô hữu, cũng phải tuân giữ những điều răn đó, và không được cạo râu theo điều răn của Cựu Ước, vì chính Chúa Kitô cũng không cạo râu của Ngài, và các Tông đồ đi theo Ngài cũng không cạo râu.

Trên cơ sở đó, những ai ủng hộ việc không cạo râu nên trước tiên được trình bày kiến thức sau đây về các điều răn của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước:

Các điều răn trong Cựu Ước được chia thành ba loại:
Thiêng liêng,
Về thể xác,
về phán xét;
nói rõ hơn là:
Thiên Chúa,
Chính quyền,
Dân sự;
rõ ràng hơn nữa:
Loại phù hợp với đức tin và sự thờ phụng;
Loại phù hợp với các nghi lễ (lễ nghi) của Giáo hội và cuộc sống trần thế của con người;
Điều này phù hợp với công lý.

Ba điều răn này được thể hiện rõ ràng trong những lời của Đức Chúa Trời phán với Môi-se trong sách Phục Truyền Luật Lệ Ký, chương 5, nơi có chép: *"Hãy đứng với ta, để ta truyền cho ngươi mọi điều răn, luật lệ và phán quyết"*[356] ; và một lần nữa trong chương 6: *"Những điều răn, luật lệ và phán quyết này, mà Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các ngươi, đã truyền dạy*"[357] .

Hãy chú ý đến ba câu này:
Các điều răn,
Các quy định và
Các phán quyết.

Các điều răn của Đức Chúa Trời ban đầu dạy về sự hiểu biết Đức Chúa Trời, đức tin nơi Ngài và sự tôn kính Ngài: *"Ta là Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của ngươi; ngươi chớ có các thần khác ngoài Ta*" ([358]) và những điều khác; và những điều răn này, liên quan đến Đức Chúa Trời, là thiêng liêng và thuộc linh.

Các quy định hướng dẫn về các nghi lễ và nghi thức trong nhà thờ: cách dâng của lễ, cách thanh tẩy khỏi sự ô uế, cách rảy máu dê và bò cái non cùng tro bò con[359] ; những gì được ăn và những gì không được ăn; khi nào không được cạo râu và khi nào phải cạo râu; và vô số điều tương tự khác, được mô tả trong các sách của Mô-sê. Và những điều răn về xác thịt ấy có hai lý do: thứ nhất, là họ ra lệnh dâng thịt các loài vật không biết nói làm của lễ dâng lên Đức Chúa Trời; thứ hai, là họ dạy cách điều khiển xác thịt của mình bằng những nghi thức nào trong cuộc sống này. Việc kiểm soát xác thịt này đã được Thánh Xê-la-ti-ô mô tả rõ ràng, khi ngài giải thích những lời của các Tông Đồ về chức tư tế của Đức Kitô: *"Người ấy không phải là tư tế theo luật lệ của các điều răn xác thịt*" ([360]) và những điều khác. Ngài nói: "Người ấy là tư tế không phải theo luật lệ của các điều răn xác thịt; vì luật lệ đó trong nhiều điều là bất hợp pháp; và ngài đã gọi đúng đó là điều răn xác thịt." Bởi vì tất cả những gì luật ấy quy định đều thuộc về xác thịt. Chẳng hạn như những lời dạy: "Hãy cắt bì xác thịt, xức dầu lên xác thịt, rửa sạch xác thịt, thanh tẩy xác thịt, *cạo râu xác thịt,* quấn băng xác thịt, nuôi dưỡng xác thịt, cử hành lễ theo xác thịt" – những lời này, theo tôi, chẳng phải là thuộc về xác thịt sao[361] ? Đến đây là lời của Thánh Xưa Miệng Vàng.

---

[354] Lê-vi 19:27.
[355] Ma-thi-ơ 3:17.
[356] Đệ Nhị Luật 5:31.
[357] Cùng đoạn 6:1.
[358] Xuất Ê-díp-tô Ký 20:2 và 3.
[359] Hê-bơ-rơ 9:12 và 13.
[360] Hê-bơ-rơ 7:16.
[361] Tờ vàng 2897.

Các điều răn dạy con người thực hành công lý, không làm tổn thương lẫn nhau, không làm chứng dối, không thèm muốn tài sản của người lân cận, không trộm cắp, không giết người; và họ đã thiết lập công lý dân sự theo luật: *"mắt đền mắt, răng đền răng"*[362] ; *và họ đã đổ máu người, thì máu của chính họ cũng sẽ bị đổ* thay[363] .

Với ba điều răn đó, dân Y-sơ-ra-ên phải:

Phụng sự Đức Chúa Trời một cách trung thành,

Quản lý bản thân một cách trật tự.

Bảo vệ người lân cận một cách công chính.

Từ ba điều răn đó (được ghi trong Cựu Ước), chúng ta, những người Kitô hữu, phải tuân giữ những điều này, nhưng không phải tất cả.

Chúng ta phải tuân giữ những điều răn phù hợp với đức tin, sự hiểu biết về Đức Chúa Trời và sự tôn kính Ngài, cũng như những điều răn phù hợp với việc thực thi công lý và công lý dân sự.

Còn tôi, vốn phải tuân theo các nghi lễ và nghi thức trong đền thờ theo Luật Cựu Ước, cũng như các quy định thuộc về xác thịt, thì không những không còn bị ràng buộc bởi những điều đó, mà còn được giải thoát hoàn toàn khỏi chúng. Bởi vì tất cả những quy định thuộc xác thịt của Cựu Ước, tức là các nghi lễ và nghi thức, đều là hình bóng và bóng mờ của sự giáng thế thuộc xác thịt của Đấng Christ, của chức tư tế Ngài, cũng như của các của lễ và các bí tích hiện nay trong ân sủng mới của Hội Thánh. Khi Đức Kitô đã đến, và đã hoàn tất mọi sự bằng chính sự hiện thân của Ngài, thì những hình bóng và bóng râm ấy đã bị bãi bỏ: vì khi hoa trái nảy mầm, hoa lá sẽ rụng; khi mặt trời chiếu sáng, các vì sao sẽ mờ đi; và khi ân sủng mới đã đến, bóng râm của Luật Mô-sê cũng chấm dứt. Vì nếu ngày nay các nghi thức và lễ nghi của Cựu Ước vẫn còn tồn tại, thì chúng sẽ là giả dối, bởi chúng là những hình bóng và bóng râm về Đấng Christ; vì chúng vẫn còn báo trước về Đấng Christ sẽ đến trong xác thịt, Đấng đã đến rồi; vì lý do đó, những điều ấy đã bị loại bỏ hoàn toàn khỏi chúng ta, và chúng ta đã được giải phóng khỏi chúng, như sẽ được giải thích rõ ràng hơn dưới đây.

Và khi Chúa Kitô phán rằng: "Ta không đến để bãi bỏ Luật, nhưng để hoàn thành", thì điều đó được giải thích như sau: Đức Kitô đã hoàn thành luật lệ về các nghi thức của Cựu Ước: Ngài đã chịu cắt bì, được dâng vào Nhà Thờ Chúa theo luật, ăn Lễ Vượt Qua theo luật, và sau khi thực hiện các nghi thức Do Thái khác, Ngài đã bỏ chúng đi, vì chúng chỉ là hình bóng của những điều sẽ có trong ân sủng mới; Sau khi loại bỏ luật Cựu Ước, Ngài đã thiết lập luật ân sủng mới: và như vậy, bóng râm của luật pháp đã qua đi, nhường chỗ cho ân sủng đã đến.

Và còn một cách giải thích khác: Đức Kitô đã hoàn tất Luật Mô-sê vốn chưa trọn vẹn, chưa hoàn hảo; vì Luật Mô-sê không thể cứu con người khỏi địa ngục, dù là người công chính: còn Đức Kitô, khi đến, đã làm trọn Luật Mô-sê bằng những mầu nhiệm cứu độ của ân sủng mới, cứu rỗi con người một cách trọn vẹn. Và như vậy, Đức Kitô không phá bỏ luật pháp liên quan đến sự hiểu biết về Thiên Chúa và đức tin (chứ không phải những nghi lễ của Cựu Ước), mà đã hoàn thiện nó.

Ở đây, chúng ta sẽ bàn về vấn đề râu.

Đừng để ai lầm tưởng rằng chúng ta đang dạy người ta cạo râu, hay lên án việc để râu; không, nhưng chúng ta loại bỏ sự nghi ngờ về sự cứu rỗi của những ai coi việc cạo râu là tội nặng, và vì thế mà tuyệt vọng về sự cứu rỗi của chính họ. Chúng ta cũng vạch trần tà thuyết của những người theo chủ nghĩa nhân hình (Anthropomorphites), tức là những người cho rằng râu là hình ảnh và sự giống như của Đức Chúa Trời.

Lời răn về râu có phải là một trong những điều răn được ghi trong Cựu Ước, trong Sách Lê-vi không? Có phải là những điều răn thuộc về sự hiểu biết về Đức Chúa Trời và đức tin không? Nhưng điều răn đó không được tìm thấy trên các bảng đá của Môi-se giữa các điều răn của Đức Chúa Trời.

Liệu sự không tuân giữ râu có thuộc về những điều răn liên quan đến việc thực thi công lý và công lý dân sự không? Nhưng chúng ta cũng không thấy điều răn nào về râu được ghi chép trong những điều răn đó.

Vậy thì sự không để râu xuất phát từ những điều răn nào? Từ những điều răn vốn là các quy định về nghi lễ, tức là các nghi thức và lễ nghi của người Do Thái, những điều răn mà Thánh Xanh-tô-u-st đã giải thích rõ ràng dựa trên lời các Tông đồ, rằng Chúa Kitô đã bãi bỏ chúng khi Ngài đến[364] .

---

[362] Ma-thi-ơ 5:38.

[363] Sáng Thế Ký 9:6.

[364] Ngày 7 tháng 11, trang 2897.

Vì vậy, những ai dựa vào Cựu Ước để biện minh cho việc không cạo râu và vô cớ nghi ngờ về sự cứu rỗi của mình, khi đã cạo râu theo lệnh, đều là vô ích.

Và vì Chúa Kitô cùng các Thánh Tông Đồ không cạo râu, nên họ đã làm theo luật của chức vụ thiêng liêng, như những người muốn trở thành các linh mục đầu tiên của Giáo Hội, và họ cũng làm như các người Nazarene, những người để tóc dài. Còn về Chúa Kitô, Kinh Thánh chẳng phải đã phán rằng: *"Ngài là Thầy Tế Lễ đời đời theo phẩm trật Mê-l-ki-sê-đéc"* ([365]) sao? Dù họ (các Tông đồ cùng với Chúa Kitô) có để tóc dài theo luật Mô-sê, nhưng luật Mô-sê ấy không áp dụng cho các Kitô hữu được kêu gọi từ các dân ngoại; vì Hội đồng Tông đồ đã giải phóng những ai từ các dân ngoại đến với Chúa Kitô khỏi mọi quy định, nghi lễ và nghi thức của Cựu Ước, như đã được ghi rõ trong Sách Công Vụ Các Tông Đồ, chương 15, nơi các vị lãnh đạo tại Giê-ru-sa-lem, tức các Tông Đồ, đã viết thư gửi cho các tín hữu tại An-ti-ô-ki-a, những người đã từ bỏ việc thờ thần tượng để trở về với Chúa Kitô, như sau:

Các Tông đồ, các trưởng lão và anh em, gửi đến các anh em ở Antiôkhia, Sy-ri và Ki-li-ki, những người thuộc các dân ngoại, hãy vui mừng trong Chúa: vì chúng tôi đã nghe nói rằng có một số người từ giữa chúng tôi đã ra đi, gây xáo trộn các anh em bằng những lời nói làm xao động tâm hồn các anh em, bảo rằng phải chịu cắt bì và *tuân giữ luật pháp, những điều mà chúng tôi không hề truyền dạy.* Chúng tôi, những người đã họp lại với một lòng, đã quyết định cử những người được chọn đến với các anh em, và những điều khác được ghi chép ở đó; cũng như dưới đây: *chúng tôi, nhờ Thánh Thần và chính chúng tôi, đã quyết định không đặt thêm gánh nặng nào lên các anh em, ngoài những điều cần thiết này: tránh xa những của lễ dâng cho thần tượng, máu, thịt thú bị siết cổ và sự gian dâm; và những gì các anh em không muốn xảy ra cho mình, thì cũng đừng làm cho người khác*[366] . Và một lần nữa, trong cùng sách Công Vụ Các Sứ Đồ, chương 21, Thánh Tông Đồ Giacôbê cùng các trưởng lão khác tại Giêrusalem đã nói với Thánh Phaolô, người đã đến gặp họ, rằng: *"Về những người ngoại giáo đã tin, chúng tôi đã quyết định rằng họ không cần phải tuân giữ bất kỳ điều răn nào như vậy, chỉ cần tránh xa những của lễ dâng cho thần tượng, máu, thịt thú bị siết cổ và sự gian dâm*"[367] . Đến đây là trích từ Sách Công Vụ Các Tông Đồ.

Ở đây, ai cũng hãy suy ngẫm kỹ, xem các dân ngoại, những người đã từ sự gian ác thờ thần tượng quay về với Đấng Christ, các Thánh Tông Đồ đã giải phóng họ khỏi mọi quy định của Luật Mô-sê trong Cựu Ước, tức là các nghi lễ và nghi thức. "Không cần (Ngài phán) phải tuân giữ những điều đó, mà chỉ truyền phải tuân giữ những điều thuộc về sự hiểu biết về Đức Chúa Trời và đức tin, cùng việc không làm tổn thương người lân cận: những gì *các ngươi* không *muốn người ta làm cho mình, thì đừng làm cho người* khác[368] ."

Và bởi vì các dân tộc Nga, không phải từ người Do Thái, mà từ các dân ngoại và từ sự vô đạo thờ thần tượng đã được dẫn dắt đến với Chúa Kitô; nên họ không bị ràng buộc bởi các quy định, nghi thức và lễ nghi của Luật Mô-sê, nhưng được giải phóng khỏi những điều đó theo phán quyết của các Tông đồ. Vì vậy, về việc để râu, luật pháp không bắt buộc họ, mà là tùy ý; và họ không nên nghi ngờ về sự cứu rỗi của mình chỉ vì chuyện để râu.

Một người tranh luận nói với tôi: "Đức Kitô đã thay thế việc cắt bì theo Cựu Ước bằng phép rửa, ban cho chúng ta phép rửa thay cho việc cắt bì; vậy còn râu thì Ngài đã thay thế bằng gì? Trong ân sủng mới, Ngài đã ban cho chúng ta điều gì thay cho việc để râu theo Cựu Ước?"

Tôi trả lời ông ấy: Người Do Thái có Luật Cựu Ước, trong đó quy định phải cắt bì và không được cạo râu, cùng những điều khác. Những ai trong số người Do Thái đã tin vào Đấng Christ thì đã được ban phép rửa thánh thay cho việc cắt bì theo Luật Môi-se; còn chúng ta, là những người thuộc các dân ngoại, trước đây sống trong sự vô đạo và thờ thần tượng, thì không có Luật của Đức Chúa Trời nào cả. Giao Ước Cũ hoàn toàn không có nơi chúng ta; các quy định, nghi thức và lễ nghi của người Do Thái đều không được biết đến trong chúng ta. Việc cắt bì và không cạo râu trong các thế hệ trước của chúng ta chưa bao giờ được nghe nói đến, mà chỉ có sự gian ác thờ thần tượng mà thôi. Vì vậy, đối với chúng ta, những người thuộc các dân ngoại được kêu gọi đến với Đấng Christ, Đấng Christ đã ban cho chúng ta phép rửa thánh không phải để thay thế cho việc cắt bì—mà chúng ta chưa bao giờ có—mà là để thay thế cho sự gian ác thờ thần tượng mà chúng ta từng chìm đắm trong đó; và Ngài cũng không ra lệnh gì cho chúng ta về việc để râu; các Thánh Tông Đồ cũng không ra lệnh cho chúng ta phải tuân giữ các quy định, nghi

---

[365] Thi Thiên 109:4. Hê-bơ-rơ 5:5.
[366] Công vụ 15:23, 25, 28 và 29.
[367] Cùng đoạn 21:25.
[368] Công vụ 15:29.

thức, các nghi thức theo Cựu Ước. Chúng ta (như Thánh Tông đồ Giacôbê đã nói) đã sai người đi và phán quyết *rằng họ không cần tuân giữ những điều đó*[369] ; vì chính họ đã giải phóng chúng ta khỏi luật lệ về râu, để chúng ta tự do theo ý muốn của mình; vì những người khôn ngoan không nên nghi ngờ về sự cứu rỗi chỉ vì việc cạo râu.

Trong các sách Nga của chúng ta có những điều răn về râu, mà ở đây chúng ta đưa ra để bàn luận.

Đầu tiên:

Trong cuốn sách có tên là "Kormchiya", tại chương 47 của Nikita, một tu sĩ, linh mục của tu viện Studion, được gọi là Skifita, trong bài viết gửi cho người La Mã, tại trang 388 ở mặt sau, có ghi như sau:

Về việc cạo râu, chẳng phải đã được ghi trong luật rằng: "Đừng cạo râu của các ngươi; vì điều đó đẹp đối với phụ nữ, nhưng không xứng đáng với nam giới, theo phán quyết của Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo dựng?" Vì Đức Chúa Trời đã phán cùng Môi-se rằng: "Đừng để râu mọc dài trên cằm các ngươi, vì điều đó là điều gớm ghiếc trước mặt Đức Chúa Trời"; và từ thời Hoàng đế Constantine, người Kavalin và là kẻ dị giáo, việc này đã được hợp pháp hóa; bởi vì mọi người đều biết rằng những kẻ có râu được cạo sạch là những tôi tớ của dị giáo. Còn các ngươi, nếu làm điều này chỉ để lấy lòng loài người, đi ngược lại luật pháp, thì sẽ bị Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo dựng các ngươi theo hình ảnh của Ngài, ghét bỏ.

PHÂN TÍCH

Liệu có nên tin vào những lời nói của Nikita đó không?

Câu hỏi:

Ai là người chắc chắn được ban cho đức tin?

Câu trả lời:

1) Nếu ai đó thuộc hàng các thánh.

2) Nếu ai thuộc số các vị thầy giáo hội chính thống.

3) Ai nói lời chân thật, thì người ấy sẽ được ban cho đức tin mà không hề nghi ngờ.

PHÂN TÍCH

Về *Nikita.*

Nikita, một tu sĩ thuộc dòng Studite, liệu có được coi là thánh hay không; không có thông tin nào về điều này: bởi vì ông không được liệt kê trong Sách Các Thánh.

Trong số các nhà giảng dạy Chính Thống Giáo, tên ngài không được nhắc đến, ngoại trừ trong cuốn "Kormchaya": hơn nữa, ông còn được xem là người theo tà thuyết "Anthropomorphites" (những người cho rằng Thiên Chúa có hình dạng con người) qua những lời dạy của mình, khi khẳng định rằng việc cạo râu là điều bị Thiên Chúa ghét bỏ, Đấng đã tạo dựng con người theo hình ảnh của Ngài: như thể Thiên Chúa có hình dạng con người, có râu, và như thể Ngài đã tạo dựng con người theo hình ảnh đó của Ngài.

Sự sai lầm của Nikita này rõ ràng thể hiện qua những lời ông ấy thêm vào Kinh Thánh, vì có chép như sau: "Đừng để râu mọc dài trên cằm các ngươi; vì điều đó là điều gớm ghiếc trước mặt Chúa: bởi lẽ việc người Lê-vi không cạo râu là điều răn của Chúa, được ghi trong sách Lê-vi, các chương 19 và 21; nhưng trong điều răn của Chúa đó, những lời này (vì điều đó là điều gớm ghiếc trước mặt Chúa) hoàn toàn không được tìm thấy.

Chúng ta không nên tin vào những lời của Nikita; bởi vì ông ta không trung thực, đã gán ghép những lời dối trá vào Kinh Thánh, và không suy luận đúng đắn về hình ảnh của Đức Chúa Trời, cũng không được kính trọng trong hàng thánh.

Từ Sách "Stohlavnik"

Vào mùa hè năm 7059, tháng Hai, dưới triều đại của vị Sa hoàng đạo đức và Đại công tước Ioann Vasilievich, người cai trị toàn cõi Nga, dưới sự chủ tọa của Đức Thánh Makarii, Tổng Giám mục Moskva và toàn Nga, tại thành phố Moskva, đã diễn ra một hội đồng gồm các vị giám mục đáng kính, các vị tu sĩ cao cấp và các vị tu viện trưởng, cùng toàn thể hàng giáo sĩ, để bàn về một số cải cách trong Giáo hội; tại hội đồng này có Đức Tổng Giám mục Nikandr, Tổng Giám mục Rostov và Yaroslavl, và một cuốn sách về việc quản lý các công việc tôn giáo đã được soạn thảo, được gọi là "Stohlavnik", trong đó, tại Chương 10 về râu, có ghi như sau:

Về các quy tắc thiêng liêng liên quan đến việc cạo râu

Các quy tắc thiêng liêng cũng nghiêm cấm tất cả các Kitô hữu Chính thống không được cạo râu và không được cắt ria mép; vì những việc đó không phải là truyền thống của Chính thống giáo, mà là truyền thống La Tinh

[369] Công vụ 21:25.

và dị giáo của Vua Hy Lạp Constantine Kavalin; và về điều này, các quy tắc của các Tông đồ và các Thánh Tổ nghiêm cấm và bác bỏ; Quy tắc của các Thánh Tông đồ có chép như sau: "Nếu ai cạo râu và chết trong tình trạng đó, thì không xứng đáng để người ta phục vụ cho linh hồn người ấy, cũng không được hát kinh cầu nguyện bốn mươi ngày cho người ấy, không được dâng bánh thánh hay nến trong nhà thờ vì người ấy; người ấy sẽ bị coi là thuộc về những kẻ ngoại đạo; vì họ đã học theo thói quen của những kẻ dị giáo." Về vấn đề này, Quy tắc số 11 của Công đồng VI, được tổ chức tại Trullum, cũng đề cập đến việc cạo râu. Còn về việc cạo râu, chẳng phải đã được ghi trong Luật rằng: "Đừng cạo râu của các ngươi; vì điều đó đẹp đẽ đối với phụ nữ, nhưng không xứng đáng với nam giới; Đức Chúa Trời, Đấng đã tạo dựng, đã phán xét như vậy, và Ngài đã phán với Môi-se: "Đừng để râu mọc dài trên cằm các ngươi, vì điều đó là sự ghê tởm trước mặt Đức Chúa Trời"; bởi vì từ thời Hoàng đế Constantine, kẻ dị giáo ở Kavalin; vì tất cả đều biết rằng những kẻ hầu hạ dị giáo phải cạo râu. Đến đây là cuốn "Stoglavnik".

PHÂN TÍCH

Trong những lời trên, cần phải phân tích kỹ lưỡng ba điều sau: Các Quy tắc của các Tông đồ, Các Quy tắc của các Thánh Tổ,

Công đồng Đại kết lần thứ sáu và của Vua Kavalin.

Các Quy tắc của các Tông đồ được ghi trong cuốn "Kormchiya", được in tại thủ đô Moscow, dưới triều đại của vị vua đạo đức và Đại công tước Alexei Mikhailovich, trong thời kỳ Thượng phụ Thánh Joseph, vào năm 7161; trong các Quy tắc của các Tông đồ đó, hoàn toàn không có bất kỳ đề cập nào về râu; trừ khi còn có những quy tắc của các Tông đồ nào đó chưa được in ấn, mà chúng tôi chưa từng thấy. Nhưng hãy biết rằng, các Thánh Tông đồ không viết ra các quy tắc; bởi vì Hội đồng của các ngài tại Jerusalem, khi bàn về những người ngoại đạo từ bỏ việc thờ thần tượng để quy y Đức Kitô, đã không ghi chép gì khác ngoài năm điều răn sau đây:

1) Họ phải từ bỏ các nghi lễ thờ thần tượng bằng lời nói.

2) Tránh xa sự gian dâm.

3) Tránh ăn thịt động vật bị bóp chết.

4) Tránh xa máu, tức là tránh xa việc giết người, làm đổ máu người khác.

5) Không làm điều ác cho người lân cận[370] . Còn về các vấn đề liên quan đến các Tông đồ, Hội đồng Tông đồ đó không đề cập gì cả; vì Hội đồng đã giải phóng các dân ngoại khỏi mọi nghi lễ và tập tục của Cựu Ước, như Thánh Giacôbê đã nói với Thánh Phaolô: *"Không cần thiết phải tuân giữ những điều đó[371] ."* Sau các Thánh Tông Đồ, Thánh Clement, Giáo hoàng Rôma, vị Tử đạo Thánh, từng là môn đệ của Thánh Phêrô, Tông Đồ Trưởng, đã soạn thảo các quy tắc và đặt tên cho chúng là "Các Quy tắc Tông Đồ"; nhưng cuốn sách "Kormchiya" làm chứng rằng những quy tắc đó đã bị các kẻ dị giáo bóp méo và bị Công đồng các vị Cha Chính Thống bác bỏ. Cụ thể, cuốn "Kormchiya" tại trang 17, dưới quy tắc số 60, trong phần giải thích có nêu rõ: nhiều cuốn sách đã bị những kẻ dị giáo bóp méo, gây hại cho những người dân thường, như các Mệnh lệnh Tông đồ do Thánh Clément, vị Giám mục, soạn thảo, và chính vì lý do đó mà chúng đã bị Công đồng bác bỏ. Quy tắc thứ hai của Công đồng Đại kết lần thứ sáu cũng chứng thực điều này; xem trong "Kormchaya", trang 177. Nếu trong những quy tắc được gọi là "Tông đồ" đó có đề cập đến râu, thì điều đó cũng không có gì đáng ngạc nhiên; bởi vì những quy tắc đó đã bị những kẻ dị giáo bóp méo, và người ta không nên tin vào chúng; còn trong các bản in của các quy tắc Tông đồ (như đã nói trước đó), hoàn toàn không có gì đề cập đến râu cả.

Các quy tắc của các Thánh Phụ từ tất cả các Công đồng Toàn cầu và Công đồng Địa phương cũng không đề cập gì đến râu ở bất kỳ đâu. Nếu ai không tin, hãy nghiên cứu tất cả các Công đồng và mọi quy tắc của các Thánh Phụ, xem liệu có tìm thấy dù chỉ một điều nào đó đề cập đến râu ở đâu không? Còn về việc "Sách Trăm Điều" trích dẫn Công đồng Toàn cầu lần thứ sáu, Điều luật thứ mười một, thì ở đó ghi chép điều khác, chứ không phải về những người râu. Bởi vì điều luật đó nói như sau: "Bánh không men của người Do Thái bị loại trừ; ai mời bác sĩ của họ, hoặc tắm rửa cùng họ, sẽ bị loại trừ[372] ." Đó là Điều luật thứ 11 của Công đồng Toàn cầu lần thứ sáu, mà Sách Stoglav đã trích dẫn. Rõ ràng là điều luật đó không đề cập đến râu, mà là để các Kitô hữu không được có bất kỳ sự giao tiếp nào với người Do Thái, như đã được giải thích trong phần chú giải của điều luật đó; ai muốn thì hãy đọc ở đó.

---

[370] Công vụ các Sứ đồ, chương 15.

[371] Cũng trong đó 21:25.

[372] Trang 180, mặt sau.

Công đồng toàn thể lần thứ sáu và Vua Kavalin diễn ra vào năm nào?

"Sách Stoglavnik" cho biết rằng Công đồng đó, trong quy tắc thứ mười một, quy định không được cạo râu, dường như trái ngược với sắc lệnh của Vua Kavalin, người ra lệnh phải cạo râu. Còn chúng ta thấy rằng: Công đồng toàn cầu lần thứ sáu diễn ra vào năm 680 sau Giáng sinh, còn Vua Kavalin sinh năm 719, lên ngôi năm 741; từ Đại hội Công giáo toàn cầu lần thứ sáu đến khi Vua Kavalin lên ngôi đã trôi qua 60 năm. Vậy làm sao Đại hội Công giáo toàn cầu lần thứ sáu lại ghi chép điều trái ngược với sắc lệnh của Vua Kavalin, trong khi Vua Kavalin lúc đó còn chưa ra đời? Và làm sao có thể tin vào những lời ghi chép sai sự thật như vậy?

Trích từ Sách Phụng vụ Cổ.

Vào năm 7155, vào năm đầu tiên của triều đại Đức Vua Alexei Mikhailovich, dưới thời Thượng phụ Thánh Giuse, Sách Phụng vụ được in tại Moscow; ở phần cuối sách có kèm theo lời dạy rằng các Kitô hữu Chính thống không được cạo râu, và trích dẫn lời Thánh Epiphanius như sau:

Thánh Epiphanius cũng viết như vậy, khi lên án tà thuyết Evkhit trong cuốn sách "Ponaria" của ngài: "Vì điều đó là xa lạ với Giáo hội Công đồng, khi người ta công khai đeo vòng cổ và không cắt tóc, theo lời rao giảng của các Tông đồ: '[373] '." Ngài nói: "Người nam không nên để tóc dài, vì đó là hình ảnh và vinh quang của Đức Chúa Trời; nhưng những kẻ làm điều xấu xa và chống đối lại điều này thì lại cạo râu. Trong các điều răn của các Tông đồ, Lời Thánh nói rằng: 'Đừng làm hư hỏng hình ảnh của râu, cũng đừng trang điểm một cách dâm đãng, hay vì kiêu ngạo.'"

Những lời ấy, chỉ vì danh thánh Epiphanius, lẽ ra đã đáng tin cậy, nếu trong đó không có một điều đáng nghi ngờ nào phát sinh từ đây: điều đầu tiên được dẫn ra như thể là chứng từ của các Tông đồ; vì người đàn ông, ngài nói, không nên để tóc dài, vì đó là hình ảnh và vinh quang của Đức Chúa Trời. Nhưng trong Sách Tông Đồ, trong Thư Thứ Nhất của Thánh Phaolô gởi cho các tín hữu Cô-rinh-tô, chương 11, câu 147, đoạn văn đó lại được trình bày khác đi. Ở đó có chép như sau: "Người nam không nên che đầu, vì đó là hình ảnh và vinh quang của Thiên Chúa." Vị Tông Đồ này không nói về tóc trên đầu, mà nói về việc che đầu; và những lời ấy, được ghi dưới danh nghĩa Thánh Epiphanius, đã trở nên đáng nghi ngờ, vì chúng không phù hợp với những lời của các Tông Đồ.

Thứ hai là điều này: trong các điều răn của các Tông đồ, Lời Chúa đã phán, như chúng ta đã giải thích ở trên, rằng trong các điều răn của các Tông đồ – vốn được in trong cuốn "Kormchaya" – hoàn toàn không đề cập gì đến râu cả, dù là không cạo hay cạo. Nếu có những điều răn của các Tông đồ nào khác ngoài những điều đã được in, thì "Kormchaya" làm chứng rằng chúng đã bị những kẻ dị giáo bóp méo và bị Hội đồng bác bỏ, như chúng tôi đã nói trước đây ; Ngoài ra, chính tác giả của phần được đính kèm trong Sách Phụng vụ đó cũng chứa đầy những điều không đáng tin cậy trong các giáo huấn về râu, điều này sẽ được làm rõ một phần trong phần xem xét thứ ba về vấn đề râu.

Chúng ta tôn kính danh thánh Epiphanius, nhưng lại nghi ngờ về những lời được viết dưới danh nghĩa của ngài; bởi vì có rất nhiều lời được viết dưới danh nghĩa các thánh, nhưng không phải do chính các thánh sáng tác; nếu những lời đó thực sự là của Thánh Epiphanius, thì cũng không có gì đáng ngạc nhiên, vì ngài đã viết dựa trên Luật Mô-sê, bản thân ngài không phải là người ngoại giáo trở thành Kitô hữu, mà là con của cha mẹ Do Thái, như đã được ghi chép trong tiểu sử của ngài. Còn chúng ta, những người đã từ ngoại giáo quay về với Chúa Kitô, và được giải thoát khỏi ách Cựu Ước nhờ phán quyết của các Tông Đồ, thì những lời của Epiphanius (nếu đó thực sự là của ông) không ràng buộc chúng ta.

Trích từ cuốn Sách Nghi Thức Cổ Đại.

Vào năm 7133 kể từ khi thế giới được tạo dựng, dưới triều đại của Đức Vua và Đại Công tước Mikhail Feodorovich, trong thời kỳ Thượng phụ Thánh Filaret, cuốn Sách Nghi lễ đã được in tại Moscow, trong đó quy định nghi thức và quy chế về cách thức tiếp nhận những người từ Giáo hội La Mã gia nhập Giáo hội Đông phương thánh thiện. Trong đó có ghi như sau:

Ta nguyền rủa sự quyến rũ đáng ghét của kẻ dâm đãng, những tà thuyết u ám hủy diệt linh hồn, như việc cạo râu, mà kẻ đứng đầu tà thuyết vô luật pháp này chính là Phêrô Cắt Râu, Giáo hoàng Rôma. Trong số các vị vua, kẻ đứng đầu tà thuyết này là Constantine, người mang tên ô uế, Kavali – kẻ phá hủy hình tượng; và trong tà thuyết đó, các Giáo hoàng La Mã khác cũng đã sa ngã, cùng tất cả các giám mục và linh mục La Tinh, cũng như nhiều người thế tục, đã đánh mất lý trí và sa vào sự ô uế này, làm mất đi sự tốt lành trên khuôn mặt mình – hình ảnh mà

[373] Trang 628, mặt sau.

Thiên Chúa đã tạo dựng cho họ, và chính nhờ sự tốt lành đó mà Thiên Chúa đã trang điểm cho con người, theo hình ảnh và sự giống như Ngài. Đến đây là cuốn Sách Nghi Thức đó.

Tại đây, ai nấy hãy lắng nghe và xem xét, liệu chính tà thuyết của những người theo chủ nghĩa nhân hình (Anthropomorphites) – những kẻ tuyên bố rằng Thiên Chúa có hình dạng con người, và đã tạo ra khuôn mặt con người theo hình ảnh của Ngài trong thân xác, chứ không phải trong linh hồn con người – có tự bộc lộ bản chất của nó hay không.

Những điều đó, vốn được ghi trong các sách của Nga về việc cấm râu, thực ra không phải là luật lệ; bởi vì chúng không phù hợp với sự thật, mà lại đi theo chủ nghĩa nhân hình, và vô ích khi các Kitô hữu Nga của chúng ta khẳng định việc cấm râu là sai trái, cũng như vô ích khi ai đó nghi ngờ về sự cứu rỗi của mình chỉ vì đã cạo râu theo sắc lệnh.

Điều kỳ lạ nữa là, những người Nga chúng ta, những người lấy điều răn trong Cựu Ước làm căn cứ để biện minh cho việc không cạo râu, coi việc cạo râu là một tội lỗi lớn, lại không ngần ngại cắt tóc trên đầu mình; trong khi điều răn của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước đã ban cho cả hai điều này cùng một lúc và như nhau, đó là không được cạo râu và không được cắt tóc. Trong sách Lê-vi, chương 19, có chép như sau: "Các ngươi chớ cắt tóc trên đầu mình, cũng chớ cạo râu của các ngươi." Còn người Nga của chúng ta thì chỉ tuân giữ chặt chẽ một điều răn duy nhất của Đức Chúa Trời, đó là không được cạo râu; còn điều răn "không được cắt tóc", họ lại coi thường, vì họ vẫn cắt tóc trên đầu mình, và như vậy họ tỏ ra là những kẻ phạm tội theo Luật Môi-se đối với những điều răn của Đức Chúa Trời mà họ đang dựa vào; vì họ tuân giữ điều này nhưng lại vi phạm điều kia; ai phạm tội trong một điều thì cũng không đúng trong điều kia. Chẳng phải chỉ có một Đức Chúa Trời đã ban ra cả hai điều răn đó sao? Chẳng phải điều này lớn hơn điều kia, hay điều kia nhỏ hơn điều này sao? Chẳng phải cả hai điều răn đó đều xuất phát từ cùng một miệng của Đức Chúa Trời sao? Nếu các ngươi, hỡi người Nga, tuân giữ điều răn của Đức Chúa Trời bằng cách không cạo râu, thì tại sao các ngươi lại cắt tóc trái với điều răn của Đức Chúa Trời? Chẳng phải các ngươi đang chống lại chính Đức Chúa Trời, Đấng mà các ngươi đang vâng lời sao? Vì nếu cạo râu là tội lớn, bởi vì Đức Chúa Trời đã truyền lệnh, thì việc cắt tóc cũng là tội lớn; bởi vì Đức Chúa Trời đã truyền lệnh cả hai điều đó cùng một lúc và như nhau. Còn nếu việc cắt tóc không phải là tội, thì việc cạo râu (đối với người đời) cũng không phải là tội.

Các ngươi nói: Sứ đồ Phao-lô đã phán *rằng*: *"Nếu người nam để tóc dài, thì đó là sự ô nhục cho người ấy*" ([374]). Còn tôi thì hỏi các ngươi: Lời của Phao-lô, vốn không khen ngợi việc để tóc dài, có phù hợp với điều răn của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước, vốn ra lệnh không được cắt tóc mà phải để tóc dài, hay không? Các bạn không thể khẳng định là phù hợp; vì một mặt Đức Chúa Trời ra lệnh, mặt khác Phao-lô lại ra lệnh. Đức Chúa Trời phán: "Đừng cắt tóc"; còn Phao-lô lại phán: "Hãy cắt tóc". Nếu điều răn của Phao-lô không giống như điều răn của Đức Chúa Trời, thì các bạn nên vâng lời ai hơn: Phao-lô hay Đức Chúa Trời? Nếu các bạn vâng lời Đức Chúa Trời, thì tại sao lại cắt tóc trên đầu mình trái với điều răn của Đức Chúa Trời? Nếu vì điều răn của Phao-lô mà các bạn không ngần ngại vi phạm điều răn của Đức Chúa Trời, thì tại sao lại có nhiều nghi ngờ về râu, và tuyệt vọng về sự cứu rỗi vì việc cạo râu? Hãy hiểu rằng, những lời đã được đề cập ở trên do Thánh Phaolô viết không phải dành cho những Kitô hữu gốc Do Thái và người Lê-vi, những người để tóc dài, mà là dành cho những người đã từ sự vô đạo của người Hy Lạp quay về với Chúa Kitô: đến các tín hữu Cô-rinh-tô, những người trước đây là những kẻ thờ hình tượng (cũng như các dân tộc Nga của chúng ta xưa kia từng là những kẻ thờ hình tượng), những người này có tập tục không để tóc dài, và việc để tóc dài đối với họ là điều ô nhục; Thánh Phaolô không thay đổi tập tục Hy Lạp của họ, cũng không áp đặt các tập tục Do Thái vào dân tộc họ, bởi vì Tòa Thánh Tông Đồ đã giải phóng các dân ngoại khỏi các nghi lễ Cựu Ước của người Do Thái (như chúng ta đã nói trước đây[375]), Ngài viết cho họ, nhượng bộ theo phong tục Hy Lạp cổ xưa của họ: "Các ngươi (Ngài nói với người Cô-rinh-tô), những người được kêu gọi từ nền văn hóa Hy Lạp sang Kitô giáo, việc để tóc dài là điều ô nhục." Và những lời của Phaolô không trái với điều răn của Thiên Chúa trong Cựu Ước; bởi vì những điều răn đó không phải dành cho người Do Thái phải tuân giữ, mà là dành cho các dân ngoại Hy Lạp, những người đã được soi sáng bởi đức tin và không bị ràng buộc bởi các phong tục và nghi lễ (lễ nghi) của người Do Thái theo Cựu Ước. Vì Đức Chúa Trời không ban điều răn đó—rằng phải để tóc dài—cho các dân ngoại, mà chỉ ban cho dòng dõi Do Thái mà thôi. Còn các dân ngoại, những người thờ lạy thần tượng, thì có phong tục và luật lệ là không để tóc dài, mà phải cắt và cạo đầu cùng râu vì mục đích thờ lạy thần

[374] Công vụ các Sứ đồ, chương 15 và 21.
[375] Công vụ các Sứ đồ, chương 15 và 21.

tượng; đặc biệt là những ai coi lửa là thần linh, như người Kiev và Velikono-Novgorod thờ Perun – vị thần được đặt tên theo tia sét lửa – những người đến thờ lạy ngài phải đến với đầu trọc, không có tóc, như thể đã bị ngọn lửa thiêu đốt. Vì đối với người Do Thái, để tóc dài là điều vinh dự, còn đối với các dân ngoại, để tóc dài là điều ô nhục. Chính vì lý do đó, Thánh Phaolô, khi viết thư cho các tín hữu Cô-rinh-tô – những người vốn là dân ngoại – đã nói: "Nếu một người đàn ông để tóc dài, thì đó là sự ô nhục đối với anh ta." Và nếu Thánh Phaolô, khi viết thư cho các tín hữu Hy Lạp ở Cô-rinh-tô, đã không ngần ngại viết trái với điều răn của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước về tóc, vì phong tục cổ xưa của dân ngoại: thì tại sao người Nga, vốn không phải là người Do Thái, mà là những người ngoại giáo thờ thần tượng, không để tóc dài, được kêu gọi đến với Đấng Christ, và không bị ràng buộc bởi các tập tục Do Thái theo Cựu Ước, lại nghi ngờ về bộ râu của mình, đến nỗi tuyệt vọng về sự cứu rỗi của mình? Liệu việc không cạo râu có phải là một trong những giáo lý của đức tin không? Liệu người để râu dài có thể được cứu rỗi hay không?

Những lời này không nhằm hạ thấp những bộ râu lâu năm và đáng kính, mà nhằm loại bỏ (như chúng ta đã nói trước đây) quan điểm sai lầm, như thể bộ râu là hình ảnh của Đức Chúa Trời, và nhằm xóa bỏ sự nghi ngờ về sự cứu rỗi của những người cạo râu theo lệnh.

PHẦN THẢO LUẬN THỨ 2

Việc cạo râu bắt nguồn từ ai?

Các sách của Nga (như chúng ta đã nghe trước đây) kể rằng việc cạo râu bắt đầu ở Constantinople dưới thời hoàng đế chống thánh tượng Constantine Kavalin hay Kopronym, còn ở La Mã cổ đại thì bắt đầu từ Peter Gugny, Giáo hoàng La Mã; còn chúng ta cần xem xét về Kavalin, liệu việc cạo râu có bắt nguồn từ ông ta hay không.

Trong cuốn "Cuộc đời của Thánh Stefan Mới", thuộc bộ "Minei Chetii" vĩ đại, có ghi rằng hoàng đế Constantine Kopronym đã ra lệnh cho các quý tộc của mình phải để mặt trơn[376] ; và nhờ đó, người ta nhận ra các quan lại của ông, vì họ cạo râu.

Tuy nhiên, người ta biết rằng ngay cả trước thời Copronym, ở các vị vua cổ xưa nhất, thậm chí trước cả Giáng sinh của Chúa Kitô, việc cạo râu đã tồn tại.

Plutarch viết về Vua Alexander Đại đế của Macedonia rằng, có lần sau khi sắp xếp các đạo quân sẵn sàng cho trận chiến, khi được hỏi còn cần phải làm gì nữa không, ông đã trả lời: "Không cần gì thêm nữa, chỉ cần cạo râu cho các chiến binh Macedonia thôi." Khi người bạn Parmenion của ông tỏ ra ngạc nhiên trước lời nói đó, Alexander đã nói: "Ngươi không biết sao, rằng trong chiến trận, râu gây ra nhiều trở ngại? Bởi vì khi quân địch tiến lại gần và giao chiến tay đôi, thì những người có râu dễ bị đối phương túm lấy râu và bắt giữ." Đến đây là phần nói về Alexander. Từ đó có thể thấy rõ rằng, từ xa xưa, trước thời Copronymus, các chiến binh thường cạo râu khi ra trận. Vậy thì chúng ta nên nghĩ sao về các thánh đại tử đạo George và Demetrius, những người thường được vẽ trên các bức tranh thánh mà không có râu, như thể là những thiếu niên chưa đầy hai mươi tuổi? Phải chăng họ đã chỉ huy quân đội khi chưa đến tuổi trưởng thành? Quả thực là ở độ tuổi trưởng thành; vì những đứa trẻ chưa trưởng thành không được phép làm chỉ huy trong quân đội. Vậy tại sao họ lại được miêu tả không có râu? Đó là bởi vì vào thời cổ đại ấy, theo tập quán quân sự, họ cạo râu của mình. Còn về các hoàng đế La Mã, những người thống trị cả phương Tây lẫn phương Đông, chúng ta biết gì? Họ để râu mọc dài hay cạo râu? Dion, nhà sử học ghi chép về các sự kiện cổ đại của người ngoại giáo, kể lại rằng Hoàng đế La Mã Hadrian là người đầu tiên bắt đầu để râu mọc dài, nhằm che đi những vết loét kỳ quái trên khuôn mặt ông. Nếu như Hoàng đế Hadrian là vị vua đầu tiên để râu, thì tất cả các vị vua trước ông đều không để râu dài, mà chỉ cạo râu. Khi Hoàng đế Julian, kẻ bội đạo, từ một Kitô hữu đã trở thành kẻ phụng sự ma quỷ, đến Antioch với bộ râu dài: người dân Antiôkhia, vốn là những Kitô hữu chính thống, khi nhìn thấy bộ râu đó, đã chế nhạo bộ râu của ông, và vừa cười cợt lẫn nhau, vừa gọi vị vua là "kẻ có bộ râu dê". Điều này cũng được Thánh Grêgôriô Thần học ( ) nhắc lại trong bài giảng thứ hai về Julian, ngài nói: "Hay chăng là điều tốt khi nhìn thấy gò má của vị hoàng đế La Mã trông thật lố bịch, và gây ra nhiều tiếng cười[377] ?" Và tiếp theo: "Ngày nay, bộ râu ấy đã trở thành đối tượng bị chế giễu và nhạo báng, và người ta cùng cười nhạo nó với những người lao động." Đến đây là lời của Nhà Thần học. Từ đó, chúng ta có thể thấy điều này: nếu bộ râu của hoàng đế đã bị dân chúng Antioch chế giễu, thì bộ râu mọc tự nhiên của những người bình thường, những người để râu trước khi về già và không coi râu là vật thiêng liêng hay phương tiện cứu rỗi, lại càng bị họ coi thường hơn

[376] Ngày 28 tháng 11.

[377] Baronius năm 362, trang 38 và 41 ở mặt sau.

biết bao. Thực tế là, việc cạo râu không bắt đầu từ Cavallin, mà đã tồn tại trước ông; còn Cavallin chỉ phục hồi lại ở Constantinople phong tục cạo râu cổ xưa, vốn phổ biến nhất trong giới quân nhân khi ra trận.

Còn về Peter Gugniv, Giáo hoàng La Mã, liệu có phải từ ông ta mà phong tục để râu bắt đầu xuất hiện trong hàng giáo sĩ tại La Mã cổ đại hay không, thì chúng ta không thể xác minh; vì chúng ta không liên quan gì đến người La Mã: bởi vì cuộc thảo luận này không dành cho họ, mà dành cho những kẻ ly giáo Nga của chúng ta; chỉ biết rằng, theo những gì chúng ta biết, trong Danh mục các Giáo hoàng La Mã, Peter Gugniv không có tên trong danh sách các Giáo hoàng.

Trong cuốn "Kormchaya", ở phần cuối có đính kèm một bài viết về sự ly giáo của Giáo hội La Mã. Trong bài viết đó, các giáo hoàng đã từ bỏ đức tin Chính thống được liệt kê như sau: 1. Formosus, người từng là thủ lĩnh của tà giáo, 2. Boniface, 3. Romanus, 4. Stephen, 5. Theodore, 6. John, 7. Benedict, 8. Leo, 9. Christopher; sau Christopher là Peter Gugnivo, người được cho là đã ra lệnh cho các linh mục La Mã của mình được phép có bảy người vợ, và bao nhiêu tình nhân tùy ý, cũng như cạo râu, ria mép và các bộ phận khác trên cơ thể cho bất kỳ ai[378] .

Trong các danh mục của Rôma và các nước khác, sau Thánh Christopher là Thánh Sergei, sau Thánh Sergei là Thánh Anastasius, tiếp theo là Thánh Landon, và các thánh khác theo thứ tự, còn Thánh Peter the Fierce thì hoàn toàn không có. Ai không tin, hãy tự mình tra cứu các danh mục các Giáo hoàng La Mã, xem có tìm thấy không? Chẳng phải theo danh sách của Christopher, mà vào một thời kỳ sau đó, Giáo hoàng Peter the Fervent đã lên ngôi. Nhưng ngay cả trong số các Giáo hoàng kế tiếp, cũng không có ai tên là Peter, trừ khi người La Mã đã đổi tên cho vị Giáo hoàng đó. Điều này cũng không phải là sự thật, rằng có vị Giáo hoàng nào ra lệnh cho các linh mục của mình được có bảy người vợ, và bao nhiêu người tình tùy ý: vì ai cũng biết rằng các linh mục Rôma thậm chí không được phép có một người vợ duy nhất, trừ khi ai đó sống trong tội lỗi. Và đâu là nơi không có tội lỗi?

Về việc cạo râu của giáo dân La Mã, đã được biết từ lâu rằng, ngay cả trong các hoàng đế La Mã cho đến thời Hoàng đế Hadrian, cũng như trong các dân tộc hiếu chiến từ xưa đã có tập tục này. Còn Giáo hoàng Peter the Fiery thì có phải là người đã thiết lập việc cạo râu cho hàng giáo sĩ tại Rome hay không?

Vào năm 7152 theo lịch thế gian, dưới triều đại của vị vua đạo đức và Đại công tước Mikhail Feodorovich, cũng như dưới thời Thượng phụ Thánh Joseph, một cuốn sách đã được in tại Moscow, mang tên Thánh Cyril của Jerusalem; một số ít lời của ngài, như thể đã được giải thích, được đặt ở đầu cuốn sách; còn phần còn lại đều không phải của ngài, mà chỉ là phần được bổ sung thêm. Trong cuốn sách đó có ghi lại cuộc tranh luận giữa một người tên là Panagiot, dường như là một nhà triết học, với Azimit; Panagiot đã nói ở trang 235 rằng: việc cạo râu trong hàng giáo phẩm Rôma bắt nguồn từ Đức Giáo hoàng; tuy nhiên, ông không nêu rõ tên vị Giáo hoàng đó cũng như thời điểm cụ thể mà phong tục này bắt đầu; ông chỉ kể lại một sự kiện khiến Giáo hoàng phải cạo râu. Sự kiện đó thật đáng xấu hổ đối với những người có đức hạnh; nhưng vì cuộc tranh luận đó không phải là một cuộc thảo luận triết học chính thống, nên câu chuyện của ông cũng không đáng tin cậy. Mọi người đọc có lý trí đều sẽ tự suy xét.

PHÂN TÍCH THỨ 3

Việc cạo râu có phải là tội lỗi chống lại Đức Chúa Trời không?

Nơi nào có điều răn của Đức Chúa Trời được ban ra, thì ở đó có tội lỗi; vì vi phạm điều răn của Đức Chúa Trời là tội lỗi: còn nơi nào không có điều răn của Đức Chúa Trời được ban ra, thì ở đó không thể có tội lỗi. Vì không có điều răn nào để vi phạm, nên cũng không có tội lỗi.

Và bởi vì các Kitô hữu không nhận được bất kỳ điều răn nào từ Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, về râu, dù là cạo hay không cạo; nên việc cạo râu không phải là tội lỗi chống lại Thiên Chúa.

Và vì các Kitô hữu không nhận được điều răn nào từ Chúa Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, về râu, nên có thể thấy rõ từ đây rằng, không có điều gì được quy định về râu trong Phúc Âm thánh, cũng không trong các Thư của các Tông Đồ; cũng không trong bất kỳ Công đồng nào của các Thánh Cha; trừ khi có truyền thống ngoài Kinh Thánh, mà hàng giáo sĩ (chứ không phải thế tục) phải tuân giữ.

Còn những ai viện dẫn các quy tắc của các Thánh Tông Đồ và các Công đồng của các Thánh Tổ Phụ, như thể những văn bản đó đã quy định về râu, thì hãy chỉ cho chúng tôi ít nhất một điều về vấn đề này, nơi có quy tắc của các Thánh Tông Đồ hoặc quy tắc của các Công đồng do các Thánh Tổ Phụ ban hành. Còn những lời của , rằng tu sĩ Nikita thuộc Tu viện Studion và Panagiot, người được gọi là nhà triết học, đã nói về râu, thì những lời đó

[378] Thư gửi tín hữu Cô-rinh-tô, trang 11 và 15.

không phải là quy tắc; chúng chưa từng được đề cập giữa các vị Thánh Phụ tại các Công đồng, cũng không có cơ sở trong lời dạy của họ, và chúng ta không nên tuân theo chúng.

Còn các cuốn sách in cổ của Nga thì cần được xem xét kỹ lưỡng hơn, phân tích và chỉnh sửa.

Như đã được làm rõ ở trên liên quan đến các điều răn của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước, rằng các điều răn của Đức Chúa Trời về các anh em trong Cựu Ước không phải là những điều răn thuộc linh, thiêng liêng, phù hợp với đức tin và sự thờ phượng Đức Chúa Trời, cũng không phải là những điều răn dân sự mang tính công bằng, mà chúng ta, những người Cơ Đốc, có bổn phận phải tuân giữ; mà là từ những điều răn thuộc về xác thịt, liên quan đến các nghi thức và lễ nghi, mà Đức Kitô đã bãi bỏ bằng sự giáng sinh của Ngài; chính các Thánh Tông Đồ đã giải phóng chúng ta – những Kitô hữu thuộc các dân ngoại – khỏi những điều răn ấy, như chúng ta đã chỉ ra tại[379] . Cũng cần dẫn chứng lời của Thánh Gioan Vàng Miệng, khi ngài viết và nói về Thư gửi Dân Do Thái, Chương 7: "Rửa sạch xác thịt, thanh tẩy xác thịt, *cạo râu xác thịt,* buộc chặt xác thịt"[380] , và những điều khác: "Những điều này, theo tôi, chẳng phải là thuộc về xác thịt sao?" Đến đây là lời của Thánh Gioan Vàng Miệng. Trong những lời ấy – "cắt tỉa xác thịt" – ngài rõ ràng chỉ ra việc không cạo râu và việc cạo râu, vốn xưa kia thuộc về các điều răn về xác thịt và nghi lễ, nhưng đã bị bãi bỏ bởi sự giáng sinh của Đức Kitô; vì vậy, đối với người Kitô hữu, việc cạo râu không phải là luật, mà là sự tự do, và không nên nghi ngờ về sự cứu rỗi vì lý do cạo râu.

Còn những ai quy định việc không cạo râu là luật lệ đối với Kitô hữu, đồng thời coi việc cạo râu là tội lỗi lớn lao và vô cùng nghiêm trọng, thì liệu suy luận của họ có đúng đắn hay không, chúng ta hãy xem xét một cách thận trọng.

Trong "Sách Hội đồng 100 Vị", đã được đề cập ở trên, tại chương 40, chúng ta nghe thấy việc cạo râu được coi là tội lỗi lớn. Quy tắc của các Thánh Tông Đồ có chép như sau: "Nếu ai cạo râu và xuất hiện như vậy, thì không xứng đáng để người ta phục vụ cho người ấy, cũng không được hát kinh cầu nguyện bốn mươi ngày cho người ấy, không được dâng bánh thánh hay nến trong nhà thờ vì người ấy; người ấy sẽ bị coi là thuộc về những kẻ vô tín; vì họ đã học theo thói quen của những kẻ dị giáo." Quy tắc này coi râu cao hơn linh hồn con người. Bởi lẽ, theo lý luận của quy tắc đó, dù một người có đức hạnh, công chính và thánh thiện đến đâu, nhưng nếu cạo râu thì người đó sẽ không được cứu rỗi, và linh hồn của người ấy sau khi qua đời sẽ không xứng đáng được tưởng niệm theo truyền thống Kitô giáo.

Quy tắc này, được gán cho danh nghĩa các Thánh Tông Đồ, nhưng không có trong các quy tắc của các Tông Đồ, được viết một cách phi lý, sai lầm và xa lạ với lý trí lành mạnh, trước hết cần phải bác bỏ; và trước tiên, hãy đặt ra những câu hỏi sau:

Râu là gì?

Và linh hồn con người là gì?

Và Chúa Kitô đã xuống trần gian vì râu hay vì linh hồn con người?

Râu là gì? Râu là lông không có cảm giác, là phần thừa của cơ thể con người, là chất liệu có thể nhìn thấy, có thể sờ nắn, không cần thiết cho cuộc sống con người, vì nó không nuôi sống con người, cũng không giết chết con người; một chất tạm thời, cùng với thân thể chìm vào cát bụi mộ phần, và tan rã, đã chết trước khi chết, vô dụng, chẳng mang lại lợi ích gì cũng chẳng gây hại gì, mọc lên ở những phần ẩm ướt của thân thể. Cũng như trên mặt đất, ở những nơi ẩm ướt, bùn lầy, thì cỏ dại, lau sậy và cỏ lau mọc lên; cũng vậy, trên cơ thể con người, lông tóc mọc lên ở những nơi ẩm ướt.

Vậy linh hồn là gì? Linh hồn con người là hình ảnh vô hình, bất tử và tồn tại vĩnh cửu của Đức Chúa Trời; linh hồn là bản chất vô hình, có lý trí, ban sự sống cho thân xác chúng ta. Và chính linh hồn là điều cần thiết cho sự sống của con người, bởi vì nếu không có nó, con người không thể sống được dù chỉ trong một khoảnh khắc chớp mắt.

Chúa Kitô đến trần gian vì ai: vì bộ râu của con người, để giữ cho nó nguyên vẹn không cạo, hay vì linh hồn con người, để cứu rỗi nó khỏi cái chết vĩnh cửu? Nếu Chúa Kitô đến vì bộ râu, thì quả thật, người cạo râu không xứng đáng được tưởng niệm trong thánh lễ sau khi qua đời; còn nếu Chúa Kitô đến trần gian vì linh hồn con người, thì việc cạo râu có cản trở gì đối với linh hồn đã qua đời? Và quả thật, Chúa Kitô đã đến vì linh hồn, chứ không phải

[379] Công vụ các Sứ đồ, chương 15.

[380] Giăng Zlat., trang 2897.

vì bộ râu. Và Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, được gọi là Đấng Cứu Rỗi linh hồn chúng ta: vì Ngài đã chịu khổ vì linh hồn chúng ta, đổ máu thánh thiêng của Ngài, và chết trên thập giá, để dẫn chúng ta vào sự sống đời đời, bất tử.

Vì râu so với linh hồn thì chẳng là gì cả; và quy tắc đó, được ngụy trang dưới danh nghĩa các Tông Đồ, là dối trá, khi không cho phép linh hồn Kitô hữu, sau khi qua đời, được tưởng niệm trong các lễ tưởng niệm của Giáo Hội, cũng như không được dâng bánh thánh hay nến vì lý do đã cạo râu.

Và về điều mà quy tắc ngụy tạo đó nói, rằng dường như các Kitô hữu đã học thói cạo râu từ những kẻ dị giáo, thì có câu hỏi sau đây để phản bác: ở Nga, những người trước khi chịu phép rửa tội từng sống trong sự thờ thần tượng, liệu họ có cạo râu của mình hay không? Nếu ai nói rằng họ không cạo râu, thì người đó đang nói dối; bởi vì nước Nga không tuân theo Luật Cựu Ước của người Do Thái, người dân nơi đây lúc bấy giờ chưa từng nghe đến điều răn của Đức Chúa Trời về việc không được cạo râu, cũng chưa biết đến Đức Chúa Trời, mà chỉ thờ lạy các thần tượng và phụng sự ma quỷ: còn những kẻ thờ thần tượng thì thường có thói quen cạo râu, như đã nói ở trên. Khi đức tin thánh thiện được thiết lập ở Nga, người ta bắt đầu để râu, nhất là những người đàn ông lớn tuổi, vì điều đó phù hợp với họ; còn những người khác thì vẫn cạo râu như trước, bởi vì đối với những người ngoại giáo đến với Chúa Kitô, Tòa Thánh Tông Đồ đã giải phóng họ khỏi những điều răn xác thịt của Luật Mô-sê, như chúng ta đã giải thích ở trên. Không phải vì những kẻ dị giáo, mà là do thói quen cổ xưa của chính họ, vốn đã có từ trước khi chịu phép rửa tội và không bị các Tông đồ cấm đoán, nên những Kitô hữu nào cạo râu thì vẫn cạo; còn những ai đã quen không cạo thì không cạo, không phải theo luật lệ nào do Kitô giáo đặt ra, mà là theo ý muốn riêng của họ.

Trong Sách Phụng vụ cổ in đã được đề cập ở trên, trong phần nói về việc không cạo râu, được đính kèm ở cuối, tại trang 626 và 627, có ghi như sau: Ngoài ra, chúng ta cũng sẽ nỗ lực dùng lời nói để chỉ ra sự cấm đoán đối với tà giáo này; chính Đức Chúa Trời đã từ chối điều này với Môi-se trong Cựu Ước: *"Đừng cạo râu của các ngươi"* ([381]). Vậy thì sao? Nhưng rõ ràng là điều này đã bị từ chối, và không đẹp lòng Đức Chúa Trời. Nhưng điều này chẳng phải là sự sỉ nhục và nỗi sợ hãi lớn lao hơn sao? Thật vậy, như lời Thánh Giuse Kim Khẩu đã nói: đây là đạo quân của Giáo Hội; và thật tốt, như lời một người nào đó đã nói, rằng máu tử đạo của người ấy cũng không thể xóa bỏ tội lỗi này. Lời nói đến đây là hết.

Chúng ta không biết ai là tác giả của những lời sai trái đó; nhưng rõ ràng người ấy tỏ ra là kẻ dối trá và điên rồ.

Kẻ dối trá; vì hắn vu khống Thánh Zlatoust, như thể ngài đã viết về râu, và như thể ngài gọi việc cạo râu là đạo quân của Giáo hội. Nhưng Thánh Zlatoust đã viết điều đó ở đâu, trong cuốn sách nào, trong lời nói nào, hay trong bài giảng nào, hay trong bài giáo huấn nào, thì tác giả của lời nói sai trái đó không cho biết: rõ ràng là hắn đang nói dối.

Người đó thật điên rồ; vì hắn nói rằng máu của các vị tử đạo không thể xóa bỏ tội lỗi của việc cạo râu.

Ôi sự điên rồ tột cùng! Lẽ nào râu lại quan trọng hơn chính Đức Kitô? Chúng ta biết rằng trong hàng Kitô hữu, không có tội lỗi nào lớn hơn việc chối bỏ Đức Kitô; tuy nhiên, nếu người ấy ăn năn và chịu khổ vì Đức Kitô, thì máu tử đạo sẽ xóa bỏ tội lỗi của người ấy, và người ấy sẽ được ban vương miện vinh quang của các vị tử đạo trên trời. Mẫu gương cho điều này là Thánh Tử đạo Giacôbê người Ba Tư, được tôn kính vào ngày 27 tháng 11, người đã từng chối bỏ Chúa Kitô, sau đó ăn năn, lại xưng nhận Chúa Kitô, và chịu khổ vì Ngài, đổ máu mình ra; và chính máu ấy đã rửa sạch tội lỗi của ngài, và ban cho ngài vinh quang trên trời. Còn có những vị thánh tử đạo khác cũng như vậy, những người sau khi chối bỏ Chúa Kitô đã lại xưng nhận Ngài, chịu khổ vì Ngài, và bằng máu tử đạo của mình, họ đã xóa bỏ tội lỗi chối bỏ trước đó. Còn tác giả của lời nói sai trái đó, được trích dẫn trong Sách Phụng Vụ in cổ, lại khẳng định rằng máu tử đạo không thể rửa sạch tội cạo râu; bởi theo suy luận điên rồ của hắn, râu còn cao hơn cả Chúa Kitô; vì máu tử đạo của những ai đã từ chối Chúa Kitô thì rửa sạch tội lỗi, còn tội cạo râu thì không thể rửa sạch được. Đâu đã từng nghe thấy sự điên rồ như vậy? Và đâu có lời tuyên xưng độc ác như thế?

Một lần nữa, chính tác giả vô danh đó, trong bài viết của mình, khi lên án việc cạo râu và khuyên không nên cạo râu, đã nói – hay đúng hơn là nói dối – như thể các Thánh Tông Đồ, bảy vị Thánh Cha, các Công đồng Toàn cầu và chín Công đồng Địa phương đã quy định rằng người Kitô hữu không được cạo râu. Nhưng chúng tôi, sau khi đã nghiên cứu kỹ lưỡng tất cả các quy tắc của các Tông đồ và các Thánh Cha, đã từng khẳng định rằng không có điều nào đề cập đến râu trong bất kỳ quy tắc nào của các Tông đồ hay các Thánh Cha, ngoại trừ những luận điệu dối trá. Chúng tôi hỏi kẻ đã vu khống các quy tắc của các Tông đồ và các Thánh Tổ: tội nào nặng hơn: cạo râu hay

[381] Lê-vi 19:27.

nói dối về điều Thánh thiêng? Việc cạo râu xuất phát từ con người, còn sự dối trá xuất phát từ ma quỷ. Vậy ai phạm tội nặng hơn: kẻ phạm tội theo cách con người, hay kẻ phạm tội theo cách ma quỷ?

Nói như vậy, chúng tôi khẳng định rằng, như sẽ được làm rõ trong phần cuối của cuốn sách này và trong bài viết cuối cùng, tội lỗi nào mà máu của các vị tử đạo không thể xóa bỏ, và vị Thánh Giáo Phụ nào đã nói điều đó.

Tại đây, chúng ta còn muốn nói thêm điều này: mọi tội lỗi đều mang lại một sự khoái lạc nào đó, hoặc trong các giác quan xác thịt, hoặc trong tâm hồn. Bởi vì trong các giác quan xác thịt chứa đựng sự ham muốn, còn trong tâm hồn thì chứa đựng sự cuồng nộ. Sự cuồng nộ tìm thấy khoái lạc trong sự trả thù, còn sự ham muốn tìm thấy khoái lạc trong sự khoái lạc xác thịt. Còn trong việc cạo râu – một hành động không liên quan đến giác quan – thì đâu có sự khoái lạc nào? Hoàn toàn không. Vì không có tội lỗi nào tồn tại trong đó, và thật vô ích khi ai đó nghi ngờ về sự cứu rỗi của mình chỉ vì việc cạo râu.

Có người lại nói rằng cạo râu là tự tay mình giết chính mình. Chúng tôi đáp lại họ rằng: các ngươi thậm chí không được chạm vào râu bằng bàn chải hay lược; vì khi chải râu, lông sẽ bị xé rách, và các ngươi sẽ bị kết án như những kẻ tự tay giết chính mình. Nhưng hỡi những kẻ dốt nát, liệu cạo râu có phải là tự tay giết chính mình không? Liệu việc loại bỏ những sợi râu đã cạo đi, vốn không còn cảm giác, có gây tổn hại gì cho thân thể sống không? Tự tay giết chính mình là cố ý cắt đứt một bộ phận nào đó của thân thể sống của mình, hoặc tự sát bằng bất kỳ cách nào: như Giu-đa đã tự sát bằng cách siết cổ; Sa-ul, kẻ thù của Đa-vít, đã tự sát bằng gươm, đâm xuyên qua mình[382] . Những kẻ ly giáo tự hủy hoại bản thân bằng lửa, bằng đói khát: đó chính là việc tự đặt tay lên mình, tức là tự hủy diệt bản thân bằng bất kỳ hình thức tử vong nào. Và tội lỗi đó lớn đến mức nào, sẽ được làm rõ trong phần thứ ba của cuốn sách này.

PHẦN THẢO LUẬN THỨ 4

Liệu có sự cứu rỗi trong việc không tuân giữ luật pháp không?

Như Thánh Tông đồ Phaolô đã viết cho người Ga-la-ti về việc cắt bì theo Luật Cựu Ước: *"Cắt bì hay không cắt bì đều chẳng có giá trị gì"* ([383]), thì chúng ta cũng có thể nói về việc cạo râu như sau: "Cạo râu hay không cạo râu đều chẳng có giá trị gì."

Vì việc cắt bì theo Luật Môi-se, đối với những người đã từ bỏ việc thờ lạy thần tượng để quay về với Đấng Christ, và từ ban đầu đã được kêu gọi thực hiện việc cắt bì, thì việc cắt bì đó không mang lại sự cứu rỗi cho họ, mà chính là đức tin vào Đấng Christ là Đức Chúa Trời cùng với những việc lành[384] : cũng vậy, việc không cạo râu theo luật Cựu Ước không mang lại sự cứu rỗi cho bất kỳ ai trong các Kitô hữu, mà chỉ có đức tin chân chính và những việc lành mới mang lại sự cứu rỗi.

Những người để râu thường viện dẫn các thánh tử đạo Vilnius: Antôn, Gioan và Êustafiô, như thể các ngài đã chịu khổ vì bộ râu của mình[385] . Nhưng hãy biết rằng, các ngài không chịu khổ vì bộ râu, mà là vì Chúa Kitô. Râu của các ngài vào thời đó là dấu hiệu của đạo Kitô giữa những người ngoại đạo, những kẻ coi lửa là thần của mình và thờ lạy nó, nên họ đã cạo đầu và cạo râu để tôn vinh vị thần lửa của họ. Còn ngày nay, tại nước Nga của chúng ta, nhờ ân sủng của Thiên Chúa, không còn sự thờ ngẫu tượng nữa, chúng ta không thờ lạy lửa; tất cả chúng ta đều tin vào Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, và việc cạo râu không thể là dấu hiệu của Kitô giáo, cũng như việc để râu không thể là dấu hiệu của sự thờ ngẫu tượng; bởi vì không có sự khác biệt giữa những người có đức tin chân chính, mà tất cả đều tin một cách giống nhau, trừ khi hiện nay sự chia rẽ trở thành dấu hiệu của việc cạo râu. Vậy thì sự cứu rỗi nằm ở đâu trong việc không cạo râu? Chúng ta suy luận như sau:

Nơi nào không cảm nhận được sự ham muốn tội lỗi, thì ở đó không thể có sự cám dỗ phạm tội, cũng như không có sự nỗ lực chiến đấu và chống lại tội lỗi. Và nơi nào không có cám dỗ, cũng không có sự nỗ lực, thì ở đó không thể có vương miện, cũng không có sự cứu rỗi nào cả: bởi vì trong việc để râu, người ta không cảm nhận được sự khoái lạc nào, dù có râu hay không có râu; vì cũng như việc cạo râu không phải là tội lỗi, thì việc không cạo râu cũng không mang lại sự cứu rỗi.

---

[382] 1 Sử ký 31:5.

[383] Ga-la-ti 6:15.

[384] Công vụ 15:1 và 5.

[385] Ngày 14 tháng 4.

Nếu sự cứu rỗi nằm ở việc để râu không cạo và để râu mọc tự nhiên, thì chỉ những ai có bộ râu rậm rạp mới được cứu rỗi. Và ai có bộ râu càng lớn thì sự cứu rỗi của người ấy cũng càng lớn; còn người có râu thưa thì sự cứu rỗi cũng thưa thớt, còn những ai hoàn toàn không có râu thì sẽ không có chút hy vọng nào về sự cứu rỗi. Vậy thì phải nói gì về những đứa trẻ sơ sinh đang hấp hối? Còn về phái nữ thì sao? Họ sẽ hoàn toàn xa lạ với sự cứu rỗi, vì họ không có râu.

Tất cả những điều này không nhằm làm phiền lòng những người già và những bậc đàn ông đáng kính, những người mà Chúa và thiên nhiên đã gần như trang điểm bằng râu và tóc bạc; bởi vì chúng tôi không dạy dỗ những người thế gian về việc cạo râu, cũng không ca ngợi hay chê bai việc để râu; bởi vì cả hai điều đó đều không liên quan gì đến sự cứu rỗi, không giúp ích cũng không gây hại; chúng tôi cũng không nhận được mệnh lệnh nào từ Chúa Kitô, Chúa của chúng tôi, để rao giảng về việc để râu, mà là để hướng dẫn con người trên con đường cứu rỗi. Còn những điều tôi nói đây, là để khuyên nhủ những ai coi râu là hình ảnh của Thiên Chúa, là biểu tượng của sự thánh thiện cao cả và sự cứu rỗi: còn việc cạo râu thì họ coi là tội nặng, là sự vô nghĩa đối với sự cứu rỗi, và là sự hủy diệt chính nó; họ còn đặt bộ râu của mình lên trên cả linh hồn mình: bởi vì họ không quan tâm đến sự cứu rỗi của linh hồn bằng việc giữ nguyên vẹn bộ râu. Những tội trọng, những tội hủy diệt linh hồn , họ coi là vô nghĩa, nhưng lại hy vọng được cứu rỗi chỉ nhờ việc không cạo râu. Mất linh hồn vì sự vô luật pháp là chuyện không đáng kể; còn mất bộ râu thì là tội lỗi lớn lao. Họ sẵn sàng chi nhiều rúp để cứu lấy bộ râu, nhưng lại sẵn sàng bán linh hồn mình xuống địa ngục chỉ vì một ít tiền; và như thế, bộ râu đã trở nên cao quý hơn cả linh hồn đối với họ. Họ coi râu của mình còn cao quý hơn cả chính Đức Kitô. Bởi vì họ ngày ngày cạo sạch Đức Kitô khỏi lòng mình bằng những ý nghĩ và hành động xấu xa, mà không hề hối hận; còn đối với râu, họ lại hết sức quan tâm, để giữ cho nó nguyên vẹn. Họ tránh né việc rước Mình và Máu Thánh của Chúa Kitô, và coi đó như một điều ô uế; nhưng lại coi bộ râu là một sự đạo đức cao cả, và thế là bộ râu đã trở nên quan trọng hơn cả Chúa Kitô đối với họ. Thật vậy, những người như thế xứng đáng được gọi là "những kẻ râu ria" hơn là "Kitô hữu"; vì đối với họ, chẳng phải linh hồn, cũng chẳng phải Chúa Kitô được tôn kính đến mức như vậy, mà chính là bộ râu của họ. Kẻ trộm đi ăn cắp, đi cướp bóc, quên mất Chúa Kitô, quên cả linh hồn mình, và chẳng bận tâm đến điều đó; nhưng lại rất quan tâm đến bộ râu của mình. Làm tổn thương người lân cận, cướp bóc, bắt cóc, gây ra điều bất công, gieo rắc hận thù, làm rơi nước mắt những người vô tội và đổ máu, quên mất Chúa Kitô và linh hồn của chính mình. Tất cả những điều đó đều như hư không: chỉ có một điều cần thiết cho sự cứu rỗi, đó là phải có bộ râu không cạo. Sống một cuộc đời đồi bại, hèn hạ, chìm đắm trong tiệc tùng và say sưa, trong những ô uế xác thịt, ngoại tình, những hành vi đồi trụy, và các tệ nạn khác, qua đó xua đuổi Chúa Kitô khỏi lòng mình, và chuẩn bị cho linh hồn mình phải chịu sự hủy diệt vĩnh viễn, tất cả những điều đó chỉ là chuyện nhỏ, tất cả đều vô nghĩa: chỉ có một điều duy nhất là chính trực và thánh thiện, đó là giữ cho bộ râu không bị đứt gãy. Chính điều đó sẽ cứu rỗi, chính điều đó sẽ dẫn vào Nước Trời, chính điều đó sẽ biện minh trước mặt Đức Chúa Trời; còn nếu thiếu điều đó thì không thể được cứu rỗi. Ôi sự điên rồ tột cùng của những kẻ điên rồ! Bộ râu của người già là chính trực, nhưng không có chút thánh thiện nào trong đó, nếu chính bản thân người ấy đầy dẫy tội lỗi. Tóc bạc thì đáng kính, nhưng trong đó chẳng có sự cứu rỗi nào, nếu chính người đó không lo lắng cho sự cứu rỗi của mình. Những vị quan tòa của Israel, với bộ râu và mái tóc bạc của họ, đã từng muốn cưỡng hiếp Susanna – người trinh tiết, xinh đẹp cả về thể xác lẫn tâm hồn – tại Babylon[386] : nhưng râu và tóc bạc của họ có ích gì cho họ? Cũng vậy, vào ngày phán xét đáng sợ của Đức Chúa Trời và thử thách kinh hoàng, râu ria sẽ không giúp ích gì cho ai, nếu người đó không sống một cuộc đời công chính. Việc cạo râu sẽ không gây hại gì, miễn là cuộc sống được sống một cách đạo đức. Bởi vì ở đó, người ta sẽ không xét đoán dựa trên râu, mà dựa trên việc làm; và vinh quang sẽ không được ban cho vì râu, mà vì sự làm đẹp lòng Chúa. Người được hạnh phúc ở đó không phải là người mà dao cạo không chạm đến râu, mà là người giữ cho trái tim mình trong sạch.

Chẳng ai trong số những người có râu nên trông cậy vào bộ râu của mình để được cứu rỗi; và chẳng ai nên nghi ngờ về sự cứu rỗi của mình chỉ vì việc cạo râu.

Chương 20. Về ria mép

Ở đây cũng cần nhắc đến một chút về ria mép vì những lý do sau đây:

[386] Đa-ni-ên, chương 13.

Tôi đã nghe một số người phỉ báng và gọi vị thánh nhân, vị giám mục Chính thống, Đức Thánh Phêrô, Tổng Giám mục Kiev, người được gọi là Mogila, vì ngài đã viết trong cuốn "Sách Nghi Thức Kiev" vĩ đại của mình, khuyên các linh mục có ria mép rậm rạp nên cắt bớt phần lông thừa trên môi, để không làm vấy bẩn quá nhiều Máu Thánh Chúa Kitô. Trong cuốn "Trebnik" đó, phần 1, trang 249 có ghi:

Nếu linh mục có bộ râu rậm rạp, mà vì lơ là mà để nó nhúng vào Máu Thánh, thì người ấy phạm tội; nhưng hãy dùng miệng liếm sạch (osset) trước, rồi dùng khăn lau lại. Để tránh tội lỗi như vậy, hỡi vị linh mục, ngài hãy tự cuộn râu lại cho gọn gàng, hoặc cắt ngắn trước khi cử hành thánh lễ. Đến đây là nội dung trong Sách Nghi Thức.

Vì thế, vị giám mục ấy bị một số người ở đây phỉ báng và chửi rủa, thậm chí còn gọi là kẻ dị giáo, những kẻ đó sẽ bị Thiên Chúa phán xét. Còn tôi, thay vì trả lời những kẻ phỉ báng ấy, xin trình bày điều này:

Tại Rostov, trong dinh thự của vị giám mục, có một linh mục da đen già nua tên là Varlaam, người mà tất cả dân Rostov đều biết rõ, nay đã qua đời. Ông ấy có bộ râu không ngắn, và ria mép cũng rất dài, thậm chí còn dài quá mức so với đôi môi. Trong một lần tôi cử hành Thánh lễ, vị linh mục đó đồng tế cùng tôi; và khi rước Mình Thánh từ chén thánh chứa Máu Thánh, ông ta nhúng cả bộ ria mép vào máu, tôi thấy ông ta dùng chính ria mép của mình để lấy phần lớn Máu Thánh của Chúa Kitô ra khỏi chén thánh, mà không lau sạch ria mép của mình, rồi cứ thế đi đến bàn thánh và bồn rửa tay. Tôi đã kinh hoàng trước sự cẩu thả và sự xúc phạm đối với Máu Thánh Chúa Kitô như vậy, nên đã ra lệnh cho vị linh mục đó không bao giờ được đồng tế với tôi nữa, mà phải tự mình cử hành Thánh lễ riêng, để tôi không phải chứng kiến sự xúc phạm như vậy xảy ra trong Thánh lễ Rước lễ.

Tại đây, tôi đặt câu hỏi: điều gì thiêng liêng và thánh thiện hơn: những sợi râu thừa trên môi, hay Máu Thánh Chúa Kitô? Và tội nào nặng hơn: việc cắt bớt một chút những sợi râu thừa trên môi, hay việc dùng bộ râu rậm rạp để mang mùi hôi từ chén thánh ra ngoài, mà không có chút sợ hãi hay cẩn trọng nào?

Tôi biết rằng những kẻ phỉ báng sẽ viện dẫn các cuốn sách in cổ ở Moscow, cuốn "Trebnik" đã đề cập ở trên và cuốn "Sluzhebnik", trong đó có ghi như sau: "Ma quỷ khuyến khích họ cạo râu của mình và cắt tỉa ria mép bằng dao cạo và lưỡi dao." Họ còn làm điều tồi tệ hơn nữa, đó là dùng chính răng của mình cắn râu và ria mép, giống như những kẻ tự ăn thịt mình.

Về điều này, tôi sẽ trả lời bằng những lời ngắn gọn.

Người nào đã viết những lời ấy, thì trong đầu người ấy chỉ có chừng ấy trí tuệ, như sợi tóc chẳng có cảm giác: ai tìm thấy tội lỗi ở nơi không có tội lỗi, thì giống như kẻ vắt nước từ con muỗi, trong khi lại nuốt chửng con lạc đà. Còn nếu ai chải râu và ria mép bằng lược hay bàn chải, khiến lông bị rối tung, thì đó có thể được coi là tội lỗi gì? Đôi khi, khi ăn, một sợi lông từ ria mép lẫn vào thức ăn, và lọt vào giữa răng cùng với thức ăn: thì theo phán quyết đó, người ấy không còn cơ hội được cứu rỗi.

Chương 21. Về các câu chuyện trong Phúc Âm và các dụ ngôn

Còn có sự điên rồ này của những kẻ ly giáo, đáng bị chế giễu, cần phải vạch trần, mà tôi mới biết gần đây, rằng họ không coi câu chuyện trong Phúc Âm là sự thật, là sự kiện đã xảy ra, mà coi đó là một câu chuyện ngụ ngôn, và họ tự cho là đang củng cố suy luận điên rồ của mình bằng những lời giải thích dựa trên Phúc Âm. Chẳng hạn như điều này:

Chúa Kitô đã dùng năm chiếc bánh và hai con cá để nuôi no năm nghìn người tại một nơi hoang vắng; điều đó không phải là sự kiện thực tế, mà chỉ là một câu chuyện ngụ ngôn[387] . "Nơi hoang vắng" ở đây ám chỉ các ngôn ngữ, nơi mà Chúa Kitô đã đến sau khi rời bỏ dân Do Thái; năm chiếc bánh tượng trưng cho năm giác quan; hai con cá tượng trưng cho hai cuốn sách: Phúc Âm và Thư Tông Đồ; 12 giỏ, 12 Tông đồ; điều này được ghi chép trong phần giải thích Phúc Âm.

Một lần nữa:

Về người Samari, câu chuyện trong Phúc Âm không phải là sự kiện thực tế, mà là một dụ ngôn[388] . Người Samari là linh hồn con người; giếng nước là phép rửa tội; nước sống là Thánh Thần; năm người đàn ông – năm cuốn sách của Mô-sê.

Tiếp theo:

---

[387] Ma-thi-ơ chương 14.

[388] Giăng, chương 4.

Sự sống lại của La-xa-rơ không phải là sự kiện thực tế, mà là một dụ ngôn[389] . La-xa-rơ bị bệnh, được giải thích là trí tuệ của chúng ta, bị sự yếu đuối của con người chế ngự; cái chết của La-xa-rơ – là tội lỗi; hai chị em của La-xa-rơ – là xác thịt và linh hồn; xác thịt – là Ma-tha, linh hồn – là Ma-ri; quan tài – những lo toan đời thường; hòn đá trên quan tài – trái tim đã hóa đá; Lazarus bị trói bằng những tấm vải liệm – trí tuệ bị trói buộc bởi xiềng xích tội lỗi; sự phục sinh của Lazarus là sự ăn năn tội lỗi.

Một lần nữa:

Việc Chúa Giê-su vào Giê-ru-sa-lem trên lưng con lừa con thực ra không xảy ra, nhưng đó là một dụ ngôn. Con lừa cái tượng trưng cho dân Do Thái, những người mang ách của luật Mô-sê; con lừa con tượng trưng cho các dân ngoại; và khi Chúa Kitô rời bỏ dân Do Thái, Ngài đã cưỡi lên lưng con lừa con để đến với các dân ngoại; các môn đệ đi trước tượng trưng cho Cựu Ước; các môn đệ đi sau tượng trưng cho ân sủng mới; những tấm áo dọc đường tượng trưng cho xác thịt đang bị tiêu diệt; những cành cọ tượng trưng cho chiến thắng trước cái chết; những thiếu niên đang kêu gọi chính là những con người vô hại.

Những việc làm kỳ diệu này và những việc làm kỳ diệu khác của Chúa Kitô, được mô tả trong các sách Phúc Âm và được các vị Thánh Phụ vĩ đại giải thích qua những lời giảng dạy mang tính ẩn dụ và răn dạy, thì những "nhà thông thái điên rồ" thuộc phái ly giáo lại coi đó là những câu chuyện ngụ ngôn, chứ không phải là chính Sự Kiện, chỉ vì những lời giải thích có trong cuốn "Blagovestnik" của Theophylact, họ không hiểu các cấp bậc và hình ảnh ẩn dụ, cũng không phân biệt được sự khác biệt giữa lịch sử và ngụ ngôn, và hoàn toàn không biết phân biệt giữa việc giải thích lịch sử và ngụ ngôn, như những kẻ thiếu trí tuệ lành mạnh, cũng không được soi sáng bởi ánh sáng của lý trí; và bởi sự điên rồ của chính họ, giống như bóng tối Ai Cập, họ bị che mờ[390] ; và họ gieo rắc những hạt cỏ dại của mình giữa dân chúng bình thường, gây hại cho tâm hồn những người vô minh, bôi nhọ câu chuyện Phúc Âm. Những suy luận ngu ngốc của họ, vốn không xứng đáng được trả lời, tôi định im lặng bỏ qua; nhưng tôi e rằng, nếu tôi im lặng, thì sự hại đó sẽ gia tăng trong dân chúng, và sẽ tạo ra khởi đầu cho một tà thuyết lớn hơn, khiến cho cả sự nhập thể của Đức Kitô, sự chịu khổ, cùng mọi việc làm và phép lạ vinh quang của Ngài, không được coi là sự thật, mà chỉ là một câu chuyện ngụ ngôn; và coi việc Chúa Kitô nhập thể và chịu đau khổ chỉ là ảo ảnh chứ không phải sự thật, giống như tà thuyết độc ác của Mani xưa kia, từ đó xin Chúa Kitô, Thiên Chúa và Con Người chân thật, bảo vệ Hội Thánh thánh thiện của Ngài khỏi những tà thuyết hủy diệt. Ngoài ra, tôi còn được khơi gợi bởi những câu hỏi của một số người đáng kính, những người sau khi nghe những lời nói tục tĩu gây chia rẽ đó đã hỏi tôi về năm chiếc bánh và hai con cá, về người Samari, về sự sống lại của La-xa-rơ, và về việc Chúa Kitô cưỡi con lừa con vào Giê-ru-sa-lem; liệu những điều đó có thực sự xảy ra hay chỉ là những dụ ngôn? Với sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời, tôi đã cố gắng, trong khả năng của mình, bác bỏ những suy luận ngớ ngẩn và độc hại của phe ly giáo bằng cách giải thích những điều sau đây:

1) Có bao nhiêu điều trong Thánh Phúc Âm là không thể giải thích được?

2) Có phải tất cả những gì trong Phúc Âm đều cần được giải thích không?

3) Những điều cần giải thích thì được giải thích như thế nào?

4) Về năm chiếc bánh, về người Samari, về Lazarus đã chết bốn ngày, và về việc Chúa Kitô vào thành Giê-ru-sa-lem, thì trong cuốn "Blagovestnik" của Theophylact có giải thích như thế nào?

5) Làm thế nào để phân biệt giữa các sự kiện thực tế và các dụ ngôn trong Phúc Âm?

LỜI KHAI THÁC ĐẦU TIÊN

Bản chất của Tin Mừng thánh là gì?

Trong Phúc Âm có hai nội dung chính:

Lịch sử cuộc đời của Chúa Kitô

Và những lời dạy của Ngài.

Lịch sử kể lại tất cả các việc làm và phép lạ của Chúa Kitô, Đấng là Thiên Chúa nhập thể, đã hiện ra trên đất và sống giữa loài người, bắt đầu từ sự sinh ra từ lòng mẹ trinh khiết, cho đến cái chết trên thập giá, sự phục sinh và việc lên trời; cùng với các việc làm của Chúa Kitô, một phần cũng kể lại các cuộc đời và việc làm khác: của Thánh Gioan Tiền Hô, của Hê-rốt, của các Tông đồ, của các thượng tế Do Thái, của Phi-la-tô, và những người khác.

---

[389] Cùng sách, chương 11.

[390] Xuất Ê-díp-tô Ký 10:21 và 22.

Còn các động từ thì diễn tả tất cả những lời giảng dạy và giáo huấn của Chúa Kitô, những lời mà Ngài đã phán ra bằng đôi môi vô nhiễm của mình cho những ai theo Ngài và lắng nghe Ngài, và những lời ấy hiện nay được giảng dạy cho chúng ta qua việc đọc Tin Mừng, nhằm mang lại lợi ích cho tâm hồn chúng ta.

LỜI GIẢI THÍCH THỨ HAI

Có phải tất cả những gì trong Phúc Âm đều cần được giải thích không?

Không phải tất cả những gì được chép trong Phúc Âm đều cần được giải thích, mà chỉ những điều không phải ai cũng hiểu được; còn những điều rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi người thì không cần giải thích, mà chỉ cần rao giảng mà thôi. Ai lại không hiểu những việc làm và phép lạ của Chúa Kitô được rao giảng? Ngài được sinh ra từ Đức Trinh Nữ tại Bêlem, được quấn tã và đặt trong máng cỏ; các thiên thần ca ngợi, các mục đồng thờ lạy Ngài, ngôi sao chiếu sáng trên Ngài, các vua mang lễ vật đến; sau khi được cắt bì, Ngài được dâng vào Đền Thờ, nằm trong vòng tay của ông Simeon công chính, rồi trốn sang Ai Cập; từ đó, sau khi vua Hê-rốt qua đời, Ngài trở về, và khi mới mười hai tuổi, tại Đền Thờ Giê-ru-sa-lem, Ngài đã làm kinh ngạc các thầy dạy Do Thái già cả bằng sự khôn ngoan thần thánh của mình; khi được ba mươi tuổi, Ngài đã chịu phép rửa từ Gioan tại sông Jordan, rồi vào sa mạc ăn chay bốn mươi ngày và đã làm cho ma quỷ, kẻ cám dỗ, phải xấu hổ; sau đó, Ngài tập hợp các môn đệ và các Tông đồ thánh của mình, thực hiện phép lạ đầu tiên bằng cách biến nước thành rượu tại Cana xứ Galilê, rồi đi qua các thành phố và làng mạc ở Palestine, rao giảng Tin Mừng Nước Trời và chữa lành mọi người bệnh tật: Ngài đã cho người mù được sáng mắt, chữa lành người phong cùi, làm cho người chết sống lại, và trừ quỷ khỏi con người; tại một nơi hoang vắng, Ngài đã cho năm nghìn người ăn no bằng năm ổ bánh và hai con cá; Ngài đã trò chuyện với người phụ nữ Samari bên giếng Gia-cơ; Ngài đã biến hình trên núi Pha-vor; sau đó, Ngài đã làm cho La-xa-rơ sống lại từ mộ sau bốn ngày; Ngài đã long trọng vào thành Giê-ru-sa-lem trên lưng một con lừa con, nhận được lời ca ngợi từ miệng trẻ thơ và những người đang bú sữa, chịu khổ nạn, sống lại, và lên trời. Tất cả những việc làm của Đức Kitô, vốn là sự thật (chứ không phải ngụ ngôn), và được ghi chép trong Tin Mừng, đều hoàn toàn rõ ràng, không cần bất kỳ sự giải thích nào, trừ khi cần làm sáng tỏ những điều tương lai mà chính những việc làm ấy đã báo trước. Bởi vì bản chất của những việc làm ấy là để báo trước những điều tương lai, điều mà chúng ta sẽ nói đến dưới đây.

Còn những lời nói và giáo huấn của Chúa Kitô, được phán ra từ sự khôn ngoan thần thánh của Ngài để dạy dỗ dân chúng và các môn đệ, thì không phải ai cũng có thể hiểu được hết; bởi vì mỗi người có trí tuệ khác nhau:

Một số thì rõ ràng,
một số thì ẩn ý,
một số là những câu chuyện ngụ ngôn và ví dụ,
một số là những điều răn,
một số là lời khuyên,
Đây là những lời hứa và sự an ủi,
Đây là những lời quở trách và trừng phạt,
Đây là những lời tiên tri.
Và còn nhiều lời thánh thiêng liêng khác của Ngài về các vấn đề khác nhau.

Trong số đó, có những điều cần được giải thích, có những điều thì không; xin được nhắc lại một số điều trong số đó ở đây.

Trong số những lời nói và lời dạy *rõ ràng của Đấng Christ, có những điều sau đây:*

Về sự sám hối: *Hãy sám hối, vì Nước Trời đã gần kề*[391] . Về đời sống đạo đức: *Hãy để ánh sáng của các con chiếu sáng trước mặt mọi người, để họ thấy những việc lành của các con, và họ sẽ tôn vinh Cha các con, Đấng ngự trên trời*[392] . Về việc dâng lễ vật lên Thiên Chúa: *"Nếu anh em dâng lễ vật lên bàn thờ mà lúc đó nhớ ra rằng anh em mình có điều gì bất hòa với mình, thì hãy để lễ vật đó* lại *trước bàn thờ, hãy đi làm hòa với anh em mình trước, rồi hãy trở lại dâng lễ vật"*[393] . Về việc cầu nguyện: *Khi cầu nguyện, đừng lặp đi lặp lại những lời vô ích; hãy cầu nguyện như thế này: "Lạy Cha chúng con*"[394] và những điều khác. Về việc ăn chay: *Khi các con ăn chay,*

391 Ma-thi-ơ 4:17.
392 Cùng sách, chương 5:16.
393 Ma-thi-ơ 5:23 và 24.
394 Xem thêm 6:7, 9, v.v.

đừng làm như những kẻ đạo đức giả than thở; vì họ làm u ám khuôn mặt mình để cho người ta thấy họ đang ăn chay[395] . Về lòng nhân từ: *"Nếu các con tha thứ cho người khác những lỗi lầm của họ, thì Cha các con ở trên trời cũng sẽ tha thứ cho các con"*[396] ; và những lời khác tương tự như vậy, những lời rõ ràng của Chúa Kitô được tìm thấy trong Phúc Âm, không cần phải giải thích thêm.

Trong số những lời nói và lời dạy ẩn ý của Chúa Kitô, có những điều sau đây:

Hòn đá mà những người xây dựng đã bỏ qua, chính là hòn đá góc; ai ngã vào hòn đá này sẽ bị nghiền nát; còn ai ngã vào nó, thì sẽ bị nghiền nát và[397] . Và lại nữa: *nếu tay ngươi làm ngươi vấp ngã, hãy chặt nó đi*; *nếu chân ngươi làm ngươi vấp ngã, hãy chặt nó đi; nếu mắt ngươi làm ngươi vấp ngã, hãy móc nó ra.* Và lại nữa: *mọi thứ đều phải được ướp muối bằng lửa, và mọi của lễ đều phải được ướp muối. Muối phải tốt: nếu muối không mặn nữa, thì lấy gì để ướp? Hãy giữ muối trong lòng mình*[398] . Và lại: *ai có bao da, hãy mang* theo; *cũng* vậy với bữa ăn; *còn ai không có, hãy bán áo mình đi, rồi mua* một thanh gươm *(dao)*[399] .

Và một lần nữa: *"Nơi nào có xác chết, nơi đó chim ưng sẽ tụ tập"*[400] ; và những lời ẩn dụ khác của Chúa Kitô cũng tương tự như vậy, những lời ấy cần được giải thích, cũng như lời Ngài đã tiên báo với các Tông đồ về sự đau khổ của Ngài: "*Chúng ta đang lên Giêrusalem,*" và những lời khác: *nhưng họ chẳng hiểu gì về những điều ấy, và lời ấy vẫn còn ẩn giấu đối với họ, họ không hiểu những điều được* nói[401] ; họ cần được giải thích.

Trong các dụ ngôn và ví dụ do Đức Kitô kể ra, có những điều sau đây:

Về những hạt giống rơi bên đường, trên đá, giữa bụi gai và trên đất tốt. Về cỏ dại do kẻ thù gieo giữa lúa mì[402] . Về vị vua đã tha nợ cho người đầy tớ của mình một trăm ta-lâng, nhưng người đầy tớ lại không tha cho kẻ nợ mình một trăm đồng[403] . Về người sa vào tay bọn cướp và người Samari nhân từ[404] . Về người giàu có, người mà cánh đồng của ông bị lụt[405] . Về một người giàu có khác, người đã không thương xót người ăn xin Lazarus[406] về người Pha-ri-si và người thu thuế, những người đã vào nhà thờ để cầu nguyện[407] . Về vườn nho và người thừa kế, người bị những người làm vườn giết chết[408] . Về người cha tổ chức tiệc cưới cho con trai mình; và về người không có áo cưới[409] . Về người tổ chức bữa tiệc lớn và mời nhiều người, nhưng họ đã từ chối[410] . Về những tài năng được trao cho người đầy tớ[411] . Về người con hoang đàng[412] .

Ngoài ra còn có đoạn này:

Nước Trời cũng giống như một hạt cải.

Nước Trời cũng giống như men rượu.

Nước Trời cũng giống như kho báu được giấu kín trong ruộng.

Nước Trời cũng giống như một người buôn bán đi tìm những viên ngọc quý.

Nước Trời cũng giống như lưới được thả xuống biển[413] .

Nước Trời cũng giống như mười trinh nữ[414] .

---

395 câu 16.
396 Câu 14.
397 Cùng chỗ đó 21:42 và 44.
398 Mác 9:43, 45, 47, 49 và 50.
399 Luca 22:36.
400 Ma-thi-ơ 24:28.
401 Luca 18:31 và 34.
402 Ma-thi-ơ 13:4–24 và các đoạn khác.
403 Cùng đoạn 18:24 và các đoạn khác.
404 Lc 10:30 và 33.
405 Cùng đoạn 12:19 và các đoạn khác.
406 Cùng đoạn 16:18 và các đoạn khác.
407 Cùng đoạn 18:10 và các đoạn khác.
408 Ma-thi-ơ 21:37 và các đoạn khác.
409 Mt 22:2 và các đoạn khác.
410 Lc 14:16 và các đoạn khác.
411 Mt 25:15.
412 Luca 15:11 và các đoạn khác.
413 Mt 13:31 và các đoạn khác.
414 Cùng đoạn 25:1.

Những dụ ngôn và ví dụ này, được chính miệng Đức Kitô phán ra, vì mang tính ẩn dụ, nên cần được giải thích.

Trong các điều răn của Chúa Kitô, có những điều sau đây:

Ta truyền cho các con điều răn này: hãy yêu thương nhau[415] *. Hãy yêu thương kẻ thù của các con, chúc phúc cho những ai nguyền rủa các con, làm điều thiện cho những ai ghét các con, và cầu nguyện cho những ai làm hại các con.* Và nữa: *"Ta bảo các ngươi chớ thề thốt gì cả, dù là thề bằng trời hay bằng* đất"[416] *. "Chớ xét đoán, để các ngươi khỏi bị xét đoán"*[417] *. "Chớ cho chó ăn của thánh"*[418] . Và các điều răn khác của Chúa Kitô trong Phúc Âm. Những điều này, vì rõ ràng, không cần giải thích.

Trong số những lời khuyên của Chúa Kitô, có những điều sau đây:

Nếu ai tát má phải của ngươi, hãy đưa má trái cho người ấy. Ai muốn lấy áo choàng *của ngươi, hãy để người ấy* lấy cả áo trong nữa. *Và nếu ai bắt ngươi đi một dặm, hãy đi với người ấy hai dặm. Ai xin ngươi, hãy cho; và ai muốn mượn của ngươi, đừng từ chối*[419] *. Đừng tích trữ của cải cho mình trên đất*[420] *. Đừng lo lắng về linh hồn mình, về việc ăn gì, uống gì, hay mặc gì*[421] . Và nữa: *ai muốn theo Ta, hãy từ bỏ chính mình và vác thập giá của mình. Ai muốn cứu linh hồn mình, thì sẽ làm mất nó*[422] *. Nếu ngươi muốn nên trọn vẹn, hãy đi bán tài sản của ngươi, cho người nghèo, rồi hãy theo Ta*[423] *. Ai muốn làm người lớn nhất trong các ngươi, thì hãy làm đầy tớ cho các ngươi. Ai muốn làm người đứng đầu trong các ngươi, thì hãy làm tôi tớ cho các ngươi*[424] . Những lời này của Đức Kitô rất rõ ràng và không cần giải thích; chỉ có điều, thập giá được đề cập đến không phải là vật chất, mà là thiêng liêng; và sự hủy diệt linh hồn có nghĩa là chịu khổ vì Đức Kitô, hoặc là từ bỏ những ham muốn của bản thân.

Trong số những lời hứa và sự an ủi của Chúa Kitô, có những điều sau đây:

Nếu hai người trong các con đồng lòng cầu xin bất cứ điều gì trên đất, thì điều các con xin sẽ được Cha Ta, Đấng ngự trên trời, ban cho[425] *. Ai từ bỏ nhà cửa, anh em* hay bất cứ điều gì khác*, sẽ được gấp trăm lần và được hưởng sự sống đời đời*[426] *. Ta sẽ ở cùng các con mọi ngày cho đến tận thế*[427] *. Những dấu hiệu sau đây sẽ theo những người tin: nhân danh Ta , các quỷ sẽ bị đuổi đi; họ sẽ nói những ngôn ngữ mới; họ sẽ cầm rắn lên; dù có uống phải chất độc chết người, nó cũng không hại họ; họ sẽ đặt tay lên những người bệnh, và những người ấy sẽ được lành*[428] *. Bất cứ điều gì các con cầu xin khi cầu nguyện, hãy tin rằng các con sẽ nhận được, và điều đó sẽ thành hiện thực cho các con*[429] *. Ai xưng nhận Ta trước mặt loài người, Ta cũng sẽ xưng nhận người ấy trước mặt Cha Ta, Đấng ngự trên trời*[430] *. Hãy tìm kiếm Nước Trời và sự công chính của Ngài trước hết, thì mọi điều ấy sẽ được ban cho các con*[431] *. Ai tin vào Ta, người ấy cũng sẽ làm những việc Ta làm, và còn làm những việc lớn lao hơn nữa*[432] *. Ai yêu mến Ta, thì sẽ tuân giữ* lời *Ta; và Cha Ta sẽ yêu mến người ấy, và Ta sẽ đến với người ấy, và sẽ lập nơi ở cho người ấy*[433] *. Ta sẽ cầu xin Cha, và Ngài sẽ ban cho các con một Đấng An Ủi khác, để Ngài ở với các con mãi mãi, đó là Thánh Thần Chân Lý*[434] *. Ta sẽ không bỏ các con mồ côi; Ta sẽ đến với các con*[435] *. Ta đi để dọn*

---

415 Giăng 15:17.
416 Mt 5:44 và 34.
417 Mt 7:1.
418 Mt 7:6.
419 Ma-thi-ơ 5:39 và các đoạn khác.
420 Cùng đoạn 6:19.
421 Cùng chương, câu 25.
422 Cùng chỗ, 16:24 và 25.
423 Cùng chương 19:21.
424 Cùng chỗ đó 20:26 và 27.
425 Mt 18:19.
426 Ma-thi-ơ 19:29.
427 Cùng chỗ đó, 28:20.
428 Mác 16:17 và 18.
429 Cùng đoạn 11:24.
430 Ma-thi-ơ 10:32.
431 Cũng trong đó 6:33.
432 Giăng 14:12.
433 Câu 23.
434 đoạn 16.
435 đoạn 18.

chỗ cho các con[436] . Và một lần nữa: *Ta sẽ trở lại và đưa các con về với Ta, để nơi Ta ở, các con cũng sẽ ở đó*[437] . *Ta nói những điều này với các con để niềm vui của Ta ở lại trong các con, và niềm vui của các con được trọn vẹn*[438] . *Các con là bạn hữu của Ta: Ta gọi một số người trong các con là tôi tớ*[439] . *Thế gian sẽ vui mừng; còn các con thì sẽ buồn rầu, nhưng nỗi buồn của các con sẽ biến thành niềm vui*[440] . *Ta sẽ gặp lại các con, và lòng các con sẽ vui mừng, và không ai có thể cướp mất niềm vui của các con*[441] ; và những lời hứa và sự an ủi khác của Đức Kitô, mà Ngài đã dùng để an ủi những người Ngài yêu thương, vốn đã rõ ràng, nên không cần giải thích thêm.

Những lời quở trách và cảnh cáo mà Đức Kitô đã phán với những kẻ có tội là như sau:

Khốn cho các ngươi, những người thông thái và những người Pha-ri-si giả hình, vì các ngươi đóng cửa Nước Trời trước mặt loài người; chính các ngươi không vào, và cũng không để cho những ai muốn vào được vào. Khốn *cho các ngươi, vì các ngươi cướp bóc nhà cửa của các góa phụ. Khốn cho các ngươi, những người dẫn đường mù quáng, lọc ruồi mà nuốt lạc đà. Khốn cho các ngươi, vì các ngươi rửa sạch bên ngoài chén và đĩa, nhưng bên trong lại đầy trộm cắp và bất công. Khốn cho các ngươi, những kẻ đạo đức giả, vì các ngươi giống như những ngôi mộ được quét vôi, bên ngoài trông đẹp đẽ, nhưng bên trong lại đầy xương người chết và mọi thứ ô uế. Hỡi loài rắn, con cái của con rắn độc, làm sao các ngươi có thể trốn khỏi sự phán xét của lửa địa ngục*[442] ? Và một lần nữa, khi đi qua các thành phố, Ngài phán: *Khốn cho ngươi, Hô-ra-xin, khốn cho ngươi, Bết-sa-i-đơ*[443] , và những nơi khác. *Còn ngươi, Ca-phác-na-um, ngươi đã được nâng lên tận trời,* nhưng *sẽ bị hạ xuống tận địa ngục: vào ngày phán xét, đất So-đôm sẽ được an ủi hơn ngươi*[444] . *Khốn cho thế gian vì cám dỗ, khốn cho người nào gây ra cám dỗ*[445] . *Khốn cho các ngươi, những người giàu có, vì các ngươi sẽ mất đi sự an ủi của mình. Khốn cho các ngươi, những người đang no nê hôm nay, vì các ngươi sẽ đói khát. Khốn cho các ngươi, những người đang cười đùa hôm nay, vì các ngươi sẽ khóc lóc và than van*[446] . *Nếu các ngươi không ăn năn, tất cả các ngươi cũng sẽ bị hủy diệt*[447] . Và những lời này của Đức Kitô không hề khó hiểu, cũng không cần nhiều lời giải thích, ngoại trừ việc hiểu rằng: con muỗi tượng trưng cho tội nhẹ, còn con lạc đà tượng trưng cho tội nặng; và cái bình, bên ngoài trông sạch sẽ nhưng bên trong đầy dơ bẩn, tượng trưng cho kẻ đạo đức giả.

Trong các lời tiên tri của Chúa Kitô, có những điều sau đây:

Chúng ta hãy lên Giê-ru-sa-lem, và Con Người sẽ bị các thầy tế lễ cả và các kinh sư nộp lại; họ sẽ kết án Người tử hình, và dùng lời nói để nhạo báng, đánh đập và sỉ nhục Người; nhưng đến ngày thứ ba, Người sẽ sống lại[448] . Và Ngài lại tiên tri cho các Tông đồ rằng: *Các con sẽ bị nộp cho các hội đồng, và tại các hội trường của họ, các con sẽ bị đánh đập; các con sẽ bị dẫn đến trước các quan chức và các vua*[449] . Ngài cũng tiên tri về sự bắt bớ đối với Hội Thánh: *"Anh em sẽ nộp anh em mình cho chết, cha sẽ nộp con mình; con cái sẽ nổi dậy chống lại cha mẹ và giết họ*[450] ." Ngài tiên tri về sự tàn phá của Giê-ru-sa-lem: *Sẽ có những ngày đến với ngươi, kẻ thù của ngươi sẽ bao vây ngươi, chúng sẽ vây hãm ngươi và bao quanh ngươi từ mọi phía; chúng sẽ phá hủy ngươi và con cái ngươi trong thành, và sẽ không để lại một hòn đá nào trên hòn đá nào trong thành*[451] : và Ngài lại tiên tri về Giáo hội Giê-ru-sa-lem *rằng*: *"Sẽ không còn hòn đá nào trên hòn đá nào ở đây mà không bị phá hủy"*[452] . Về Antichrist và những kẻ tiền thân của hắn, Ngài đã báo trước: *"Nhiều người sẽ đến nhân danh Ta, nói rằng: 'Ta là Đấng*

---

436 Câu 2.
437 Giăng 14:3.
438 Giăng 15:11.
439 các câu 14 và 15.
440 Cùng đoạn 16:20.
441 Câu 22.
442 Ma-thi-ơ, chương 23.
443 Chương 11:21.
444 Ma-thi-ơ 11:21–24.
445 Cùng chỗ đó, 18:7.
446 Luca 6:24 và 25.
447 Cùng đoạn 13:3.
448 Ma-thi-ơ 20:18 và 19.
449 Chương 10:17 và 18.
450 Ma-thi-ơ 10:21.
451 Luca 19:43 và 44.
452 Ma-thi-ơ 24:2.

Christ,' và nhiều người sẽ bị lừa dối"[453] : *"Vì sẽ có những kẻ giả danh Đấng Christ và những tiên tri giả nổi lên, và họ sẽ làm những dấu lạ lớn lao và phép lạ*"[454] . Ngài cũng đã tiên tri về sự hỗn loạn trên toàn thế giới: *"Dân tộc này sẽ nổi dậy chống lại dân tộc kia, vương quốc này chống lại vương quốc kia; sẽ có nạn đói, tai họa và động đất ở nhiều nơi*[455] : *lúc bấy giờ sẽ có một cơn hoạn nạn lớn, chưa từng có từ thuở tạo thiên lập địa*[456] ." Cuối cùng, Ngài đã nói khá nhiều về ngày phán xét khủng khiếp, tiên tri về những điều sẽ xảy ra trong tương lai. Tất cả những lời tiên tri của Ngài đều không cần giải thích, vì chúng rõ ràng và ai cũng có thể hiểu được.

Và nếu như không phải tất cả lời của Chúa Kitô đều cần giải thích, vì chúng vốn đã rõ ràng; thì những việc làm của Chúa Kitô, vốn là sự thật chứ không phải ngụ ngôn, và không có chút mập mờ nào, không cần phải giải thích, mà chỉ cần được rao giảng; trừ khi những điều được chúng báo trước cần có lời giải thích rõ ràng. Bởi vì (như tôi đã nói trước đây), một số việc làm của Chúa Kitô, vốn tự bản thân chúng báo trước những sự kiện trong tương lai – những sự kiện đã xảy ra và đang xảy ra – thì được giải thích trong Tin Mừng, như chúng ta sẽ thấy dưới đây.

PHẦN THỨ BA

Làm thế nào để giải thích những điều cần được giải thích?

Các Kinh Thánh thiêng liêng, được chứa đựng trong Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước, có hai cách hiểu:
và Ý nghĩa Thần linh, tức là Ý nghĩa theo chữ;
Ý nghĩa bằng văn bản, tức là ý nghĩa thần bí.

Ý nghĩa theo chữ viết là lịch sử, mang tính kể chuyện; còn ý nghĩa thiêng liêng thì mang tính huyền bí, bí ẩn. Chữ viết kể lại sự việc, còn Thần Khí thì suy luận về mầu nhiệm: chữ viết thuật lại lịch sử các hành động cổ xưa, còn Thần Khí thì giải thích những điều được thể hiện qua các hành động cổ xưa đó.

Trí tuệ văn tự, tức là trí tuệ lịch sử của Kinh Thánh, gần gũi với chính nó, tự giải thích bản thân qua chính câu chuyện của sự việc đó, và dễ tiếp cận.

Còn ý nghĩa thiêng liêng của Kinh Thánh thì mang tính huyền bí, bí ẩn và xa xôi; nó không được bày tỏ một cách rõ ràng qua những lời kể chuyện, nhưng được biểu lộ từ xa qua chính sự việc được kể lại. Bởi vì những lời kể lại bày tỏ sự việc đã xảy ra; còn sự việc được bày tỏ qua những lời kể lại ấy lại bí ẩn chỉ ra một sự việc khác.

Sự minh chứng rõ ràng về cả hai điều đó được thể hiện trong những lời của Thánh Tông đồ Phaolô; trong Thư gửi tín hữu Cô-rinh-tô, nơi ngài phán: *"Tất cả tổ phụ chúng ta đều ở dưới đám mây, và tất cả đều đi qua biển; tất cả đều được rửa tội trong Mô-sê dưới đám mây và trong biển; và tất cả đều ăn cùng một loại bánh thiêng liêng, và tất cả đều uống cùng một loại nước thiêng liêng."* Trong những lời của Thánh Tông Đồ đó và những lời tiếp theo, có hai ý nghĩa: một ý nghĩa được ghi chép, gần gũi với thực tế, kể lại những sự kiện đã xảy ra: như con cái Israel, khi ra khỏi Ai Cập, đã vượt qua Biển Đỏ, đi dưới đám mây. họ đã ăn manna trong sa mạc, uống nước từ tảng đá. Ý nghĩa thứ hai là ý nghĩa thiêng liêng, không được diễn tả bằng lời kể, nhưng được biểu thị qua chính những sự kiện được kể lại; vì sự ra đi của dân Y-sơ-ra-ên, những người được Môi-se dẫn ra khỏi Ai Cập, đã báo trước sự ra đi của chúng ta khỏi ách nô lệ của tội nguyên tổ, điều sẽ sớm xảy ra nhờ Đức Chúa Giê-su Christ, Chúa chúng ta. Biển Đỏ là hình ảnh tiên báo của phép Rửa tội thánh. Manna là hình ảnh của Thân Thể Đức Kitô trong Bí tích Thánh Thể. Còn nước chảy ra từ tảng đá là dấu chỉ cho thấy Máu Đức Kitô; và tảng đá ấy chính là hình ảnh của chính Đức Kitô , như Thánh Tông Đồ đã nói: *"Họ đã uống từ tảng đá thiêng liêng theo sau họ: tảng đá ấy chính là Đức Kitô*[457] ." Hãy chú ý đến những lời này: "Họ đã uống từ tảng đá thiêng liêng tiếp theo", thực chất là họ đã uống từ tảng đá hữu hình; nhưng người ta nói rằng họ uống từ tảng đá thiêng liêng, bởi vì tảng đá hữu hình đó tượng trưng cho tảng đá thiêng liêng là Chúa Kitô, và nhờ tác động của tảng đá thiêng liêng, tảng đá hữu hình đã ban nước cho dân Israel. Theo cách hiểu theo chữ viết, hòn đá là vật chất; còn theo cách hiểu thiêng liêng, Đấng Kitô là hòn đá: và sự đa nghĩa này, vốn có trong Kinh Thánh, đã được bày tỏ rõ ràng trong các lời dạy của các Tông đồ.

Hơn nữa: Ý nghĩa thiêng liêng, huyền bí và bí ẩn này, theo các nhà thần học, được chia thành các hình thức giải thích khác nhau, cụ thể là ba hình thức, được gọi bằng tiếng Hy Lạp là:

Allegoria,
Anagoge,

---

[453] Câu 5.
[454] Câu 24.
[455] câu 7.
[456] Câu 21.
[457] 1 Cô-rinh-tô 10:4.

Tropology.

Cũng như ba đức tính thần học cao quý nhất là Đức Tin, Đức Hy Vọng và Đức Mến: thì cũng có ba hình thức giải thích trong trí tuệ thiêng liêng.

Allegoria tương ứng với Đức Tin,

Anagogia tương ứng với Hy vọng,

Tropology tương ứng với Tình yêu.

Vậy Allegoria, Anagoge và Tropologia là gì, hãy lắng nghe: nếu các ngươi muốn học hỏi, hỡi những kẻ dại dột ở Galatia, những thầy giáo ly giáo ngu muội và những kẻ xuyên tạc, và hãy hiểu, nếu các ngươi có thể hiểu được.

"Allegoria" là một thuật ngữ Hy Lạp; trong tiếng Slav, trong Thư của Sứ đồ gửi cho người Ga-la-ti, chương 4, đoạn 210, câu 24, được gọi là *"giải thích ẩn dụ*". Có một cách giải thích tượng trưng, trong Kinh Thánh thánh thiêng, ngoài ý nghĩa văn bản còn chỉ ra điều gì đó khác, phù hợp với đức tin hoặc Hội Thánh đang chiến đấu trên đất; như thế này: *Áp-ra-ham có hai con trai: một người từ người nữ tớ, và người kia từ người nữ tự do*[458] ; điều đó, theo lời kể văn bản, là sự thật. Còn theo nghĩa ẩn dụ, tức là mang tính biểu tượng, thì điều này ám chỉ Đức Chúa Trời, Đấng có hai người con, tức là hai dân tộc, và hai giao ước do Ngài ban cho: Giao ước Do Thái – từ dòng dõi Áp-ra-ham, và Giao ước Cơ Đốc – từ các dân ngoại; Giao ước Do Thái thuộc về việc tuân giữ Luật Môi-se, còn Giao ước Cơ Đốc thuộc về sự tự do của ân điển Đấng Christ. Giao ước Do Thái mang tính xác thịt, còn Giao ước Kitô giáo mang tính thiêng liêng; và cũng như lúc bấy giờ, người sinh ra theo xác thịt (con trai Áp-ra-ham) đã bắt bớ người sinh ra theo lời hứa: vậy nên ngày nay, đám đông Do Thái, những kẻ đã lìa bỏ Chúa Kitô, đang dùng lòng thù hận độc ác của mình để bắt bớ Hội Thánh của Chúa Kitô.

"Anagoga" là một từ Hy Lạp; dù khó dịch sang tiếng Slav, nhưng có thể diễn đạt bằng tiếng Slav là "trí tuệ siêu việt". Có một cách giải thích trong Kinh Thánh thiêng liêng, chỉ ra rằng ngoài sự hiểu biết theo chữ viết còn có một điều gì đó khác, xứng đáng với sự sống đời đời mà chúng ta mong đợi, hay là Hội Thánh đang hân hoan trên trời, nơi chúng ta mong muốn được đến và hy vọng sẽ đến; như chính Đức Chúa Trời đã phán trong các Thi Thiên: *"Ta thề trong cơn giận của Ta rằng: 'Họ sẽ* không *được vào nơi an nghỉ của* Ta'[459] ." Theo nghĩa chữ viết, điều này ám chỉ Đất Hứa ở Palestine, nơi mà chính dân Y-sơ-ra-ên, những người đã ra khỏi Ai Cập, không được vào, mà chỉ có con cháu họ mới được vào: còn theo nghĩa ẩn dụ, tức là bằng trí tuệ siêu việt, thì điều đó ám chỉ sự sống đời đời trên trời, mà Đức Chúa Trời đã hứa ban cho những ai yêu mến Ngài, nơi đó Hội Thánh hân hoan sẽ được hưởng sự bình an chân thật, và những kẻ tội lỗi ra đi khỏi cuộc đời này mà không ăn năn sẽ không được vào đó.

Từ "tropology" có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp, chỉ sự giáo dục tốt đẹp về đạo đức con người. Cũng có những khái niệm như "allegory" (ngụ ngôn) và "inoscazanie" (ẩn dụ), những thứ nói về điều này nhưng lại hàm ý điều khác; điểm khác biệt nằm ở chỗ: ngụ ngôn nói về những điều thuộc về đức tin và những người bảo vệ Giáo hội, còn tropology thì nói về đạo đức. Hình ảnh giải thích này trong Kinh Thánh thiêng liêng biểu thị, ngoài ý nghĩa văn bản, một điều gì đó khác, phù hợp với sự hoàn thiện bản thân và lối sống đạo đức của con người, như đã được ghi trong Kinh Thánh: *"Chớ bịt miệng con bò đang đập* lúa" ([460]). Theo nghĩa đen, điều này đề cập đến những con bò thực sự; còn theo nghĩa ẩn dụ, tức là mang tính giáo huấn về đạo đức, thì nó đề cập đến các vị linh mục đang lao động trong việc rao giảng Lời Chúa, để họ không bị cản trở trong việc nhận sự hỗ trợ từ sự đóng góp của dân chúng. Và Thánh Giăng Tẩy Giả lại phán: *"Mọi cây nào không sinh trái tốt thì sẽ bị chặt đi và bị ném vào lửa*[461] *."* Theo nghĩa đen, câu này nói về cây không sinh trái; còn theo nghĩa ẩn dụ, nó ám chỉ con người không có đức hạnh.

Thánh Kinh được diễn giải qua bốn hình ảnh như sau:

1) theo nghĩa đen,

2) theo nghĩa ngụ ngôn,

3) theo cách anagogic,

4) theo nghĩa ẩn dụ

Tất cả những hình thức này đều được thể hiện qua một tên gọi duy nhất:

---

458 Ga-la-ti 4:22.

459 Thi Thiên 94:11.

460 Đệ Nhị Luật 25:4. 1 Cô-rinh-tô 9:9.

461 Ma-thi-ơ 3:10.

Giê-ru-sa-lem

Theo nghĩa đen, tức là theo nghĩa lịch sử hoặc kể chuyện, Jerusalem được mô tả là một thành phố nằm ở Palestine.

Theo nghĩa ẩn dụ, tức là mang tính biểu tượng, Jerusalem tượng trưng cho Giáo hội đang chiến đấu.

Theo cách giải thích siêu việt, tức là bằng trí tuệ cao siêu, Jerusalem tượng trưng cho Giáo hội đang chiến thắng trên núi.

Còn theo nghĩa đạo đức, tức là mang tính răn dạy, Jerusalem tượng trưng cho linh hồn con người trong cuộc đời này. Và bốn hình thức hiểu biết này, qua đó Kinh Thánh được hiểu và giải thích, có thể thấy trong Thư của Thánh Tông Đồ gửi cho người Galát, đoạn 210, nơi nói về Áp-ra-ham và hai người con trai của ông.

Cách hiểu theo nghĩa đen hay lịch sử được thể hiện qua những lời này: *"Áp-ra-ham có hai người con trai: một người từ người nữ tỳ, còn người kia từ người phụ nữ tự do*[462] *".*

Ý nghĩa ẩn dụ hoặc tượng trưng được thể hiện qua những lời này: "Đây là hai Giao Ước."

Ý nghĩa anagogic hay cao siêu được thể hiện qua những lời này: "Còn Giê-ru-sa-lem trên trời thì tự do, và chính là mẹ của tất cả chúng ta."

Còn ý nghĩa tu từ hoặc răn dạy trong những lời này là: cũng như lúc bấy giờ, người sinh ra theo xác thịt đã đuổi người sinh ra theo Thánh Linh, thì bây giờ cũng vậy.

Vì vậy, những điều được tìm thấy trong Phúc Âm thánh, không cần giải thích, được kể lại và rao giảng theo ý nghĩa văn bản, tức là theo cách kể chuyện.

Còn những điều cần giải thích thì được giải thích:

Hoặc theo cách ẩn dụ, tức là mang ý nghĩa tượng trưng:

Hoặc theo cách anagogic, tức là bằng trí tuệ siêu việt:

Hoặc theo cách tropos, tức là mang tính răn dạy đạo đức.

Các Kinh Thánh thánh thiêng này cũng có cách sắp xếp ngắn gọn nhất, rõ ràng nhất theo quan điểm của các nhà thần học, được thể hiện qua hình ảnh một bữa tiệc, mà ở đây sẽ được trình bày.

Bữa tiệc (người ta nói) của Kinh Thánh Thần Thánh được trình bày qua ba bữa ăn:

Món đầu tiên là trí tuệ lịch sử, mang tính kể chuyện, được truyền đạt và rao giảng qua văn bản.

Bữa thứ hai là ý nghĩa thần bí, tức là bí ẩn, thuộc linh.

Bữa tiệc thứ ba là ý nghĩa giáo huấn. Bữa tiệc thứ nhất dành cho những người chưa được học hành, những người đơn sơ.

Bữa ăn thứ hai dành cho những người khôn ngoan, tức là các thầy giáo.

Bữa tiệc thứ ba dành cho tất cả mọi người, cả những người có học lẫn những người không có học.

Trong bữa ăn đầu tiên, thức ăn rất thịnh soạn.

Trong bữa ăn thứ hai, thức ăn tinh tế nhất.

Trong bữa ăn thứ ba, thức ăn ngọt ngào nhất.

Bữa ăn đầu tiên mang hương vị của những hành động cổ xưa.

Bữa thứ hai mang hương vị của các bí tích.

Bữa ăn thứ ba chứa đựng sự ngọt ngào của lòng nhân ái.

Bữa ăn đầu tiên nuôi dưỡng những điều kỳ diệu từ thuở xa xưa.

Bữa thứ hai nuôi dưỡng bằng tri thức.

Bữa ăn thứ ba nuôi dưỡng những lời nói có ích cho tâm hồn.

Trong Kinh Thánh thần học này, sự sắp xếp của các trí tuệ thánh thiêng, theo bữa ăn đầu tiên của trí tuệ lịch sử, tức là trí tuệ kể chuyện: bữa ăn thứ hai thuộc về lý trí thần bí, tức là bí ẩn, thuộc linh, cần hiểu là chứa đựng những ẩn dụ và ám chỉ, bởi vì qua những hình ảnh giải thích như vậy, lý trí thuộc linh được làm sáng tỏ: còn trong bữa ăn thứ ba thuộc về lý trí giáo huấn, thì đó chính là phép ẩn dụ.

LỜI GIẢI THÍCH THỨ TƯ

Về năm chiếc bánh, về *người Samari, về Lazarus sống lại sau bốn ngày, và về việc Chúa Kitô vào thành Giê-ru-sa-lem, thì trong Tin Mừng có giải thích như thế nào?*

[462] Ga-la-ti 4:22.

Chúng ta đã nói trước đây rằng, trong cuộc đời của Chúa Kitô, được mô tả trong các Phúc Âm thánh, một số hành động của Ngài đã báo trước những sự kiện trong tương lai. Những việc làm của Chúa Kitô, vì là sự thật, đã xảy ra như chính sự kiện chứ không phải là ngụ ngôn, nên được thuật lại và rao giảng bằng lý trí văn tự, tức là theo cách lịch sử và kể chuyện; còn những sự việc trong tương lai, được hình ảnh hóa qua các việc làm của Chúa Kitô, thì được giải thích theo cách phù hợp với chúng.

Việc Chúa Giê-su dùng năm chiếc bánh để nuôi no năm ngàn người là một sự kiện thực tế, chứ không phải là một câu chuyện ngụ ngôn, như lịch sử Phúc Âm đã minh chứng rõ ràng. Sự việc này xảy ra vào mùa hè thứ hai của thời kỳ rao giảng của Chúa Kitô, sau khi Thánh Gioan Tẩy Giả qua đời; *khi nghe tin* Thánh Gioan bị Hê-rô-đê chặt đầu*, Chúa chúng ta đã lên thuyền rời khỏi đó,* để rời khỏi quê hương của Ngài, vốn ở xứ Galilê, và đi vòng qua Biển Galilê, *đến một nơi hoang vắng,* tránh xa lãnh địa của Hê-rốt. *Khi dân chúng nghe tin, họ đã đi bộ theo Ngài từ các thành phố*. *Thấy đám đông đông đảo, Chúa Giê-su động lòng thương xót họ;* và Ngài đã cho họ ăn no tại nơi hoang vắng ấy bằng năm chiếc bánh[463] . Phép lạ này của Chúa Kitô đã báo trước những điều sẽ xảy ra: nơi hoang vắng tượng trưng cho các dân tộc, nơi Tin Mừng của Chúa Kitô sẽ được truyền đến từ dân Do Thái; năm chiếc bánh tượng trưng cho năm giác quan, hay đúng hơn là báo trước năm vết thương lớn trên Thân Thể Thánh Khiết của Chúa Kitô, vốn sẽ được ban cho các tín hữu làm lương thực; hai con cá tượng trưng cho hai cuốn sách, Tin Mừng và Thư Tông Đồ; mười hai giỏ tượng trưng cho mười hai Tông Đồ. Ý nghĩa biểu tượng của những điều đó, trong phép lạ ban bánh kỳ diệu của Chúa Kitô, đã được giải thích trong cuốn "Blagovestnik" của Thêôphilact và trong các sách giáo lý khác bằng trí tuệ thiêng liêng, thần bí, tức là bí ẩn, theo cách giải thích ẩn dụ. Và các sách giáo lý không nói rằng phép lạ của Chúa Kitô là một câu chuyện ngụ ngôn, mà chính là sự kiện thực sự, chứ không phải ngụ ngôn; sự kiện đó đã báo trước những điều sẽ xảy ra trong tương lai, những điều sau này đã được bày tỏ.

Về người phụ nữ Samari, người mà Đức Kitô đã trò chuyện bên giếng của Giacôbê, câu chuyện trong Phúc Âm là sự thật, là sự kiện đã xảy ra, chứ không phải là một dụ ngôn. Trong câu chuyện đó, bằng trí tuệ thiêng liêng và ẩn dụ, Tin Mừng đã tiết lộ một cách bí ẩn về người phụ nữ Samari như là hình ảnh của bản chất linh hồn con người; cái giếng – là dấu chỉ của phép Rửa tội; nước hằng sống – là sự rao giảng về Thánh Thần; còn năm người đàn ông mà người phụ nữ Samari đã nhắc đến, là minh chứng cho điều này, vì trong Cựu Ước, năm cuốn sách của Mô-sê không thể dẫn dắt linh hồn con người đến sự cứu rỗi trọn vẹn. Khi giải thích điều này, Đấng Truyền Tin không làm sai lệch câu chuyện trong Phúc Âm – vốn là sự kiện đã xảy ra – mà chỉ cho thấy mầu nhiệm được hình thành trong chính sự kiện đó.

Cũng vậy, sự sống lại của La-xa-rơ không phải là một dụ ngôn, mà là một sự kiện đã xảy ra: sự kiện đó đã định hình nên đạo đức con người. Còn sự giải thích của Tin Mừng không phải là giải thích lịch sử theo chữ viết; vì lịch sử vốn rõ ràng nên không cần giải thích, mà là giải thích theo nghĩa ẩn dụ, được đặt ra để dạy dỗ đạo đức con người, tức là những điều đã được hình thành qua các sự kiện, và thể hiện trong đạo đức con người: vì khi Lazarus bị bệnh, tâm trí chúng ta cũng giống như vậy, bị sự yếu đuối của con người chế ngự, tạo nên một tâm hồn đau khổ, và những điều khác được giải thích trong đó cũng mang tính răn dạy đạo đức.

Và việc Chúa Giê-su vào thành Giê-ru-sa-lem trên lưng con lừa con là một sự kiện thực sự, chứ không phải một câu chuyện ngụ ngôn. Trong sự kiện đó, những điều được mô tả đã được giải thích bằng cách suy luận ẩn dụ; và sự kiện ấy vừa là lời tiên tri về tương lai, vừa là sự ứng nghiệm của những lời tiên tri đã được nói trước; vì Chúa Kitô, khi cưỡi con lừa cái và con lừa con, đã thực hiện lời tiên tri của Isaia và Zacharia, những người đã tiên tri về điều đó[464] ; và khi thực hiện lời tiên tri của họ, Ngài đã bắt đầu lời tiên tri mới của chính Ngài về những sự việc sẽ xảy ra sau này. Về điều này, Thánh Xa-lô-tô, trong bài giảng thứ 66 về Phúc Âm theo thánh Mát-thêu, đã nói: "Ngài tự mình cưỡi (con lừa) và sau khi thực hiện lời tiên tri này (của Xa-cha-ri), Ngài lại bắt đầu *những lời tiên tri* mới*,* qua đó Ngài *mô tả những sự việc tương lai sẽ xảy ra."* Đến đây là lời của Thánh Xa-lô-tô[465] . Tương tự, Thánh Theophylact khi giải thích về Thánh Gioan Tông đồ cũng nói về việc Chúa ngồi trên con lừa con như sau: "Lời tiên tri của Zacharias đã ứng nghiệm, rằng: *'Đừng sợ hỡi con gái Sion, vì Vua của ngươi đang đến* với ngươi, *ngồi trên con lừa con:[466] đó cũng là hình ảnh của tương lai.'* Hình ảnh những kẻ ô uế từ các dân ngoại, trên họ Lời

---

[463] Ma-thi-ơ 14:13, 14, và 19.
[464] Ma-thi-ơ 21:4 Ê-sai 62:11. Xa-cha-ri 9:9.
[465] Trang 221, mặt sau.
[466] Giăng 12:15.

của Cha sẽ ngự xuống, khuất phục những kẻ ngang bướng như con lừa con. Từ những lời ấy, điều này được bày tỏ rõ ràng, rằng Chúa, trong cuộc rước vào Giê-ru-sa-lem đầy vinh quang của Ngài, khi thực hiện những lời tiên tri của các Tiên tri thánh đã báo trước về Ngài, đã bắt đầu lời tiên tri của chính Ngài, mô phỏng những sự việc tương lai, những sự kiện sau này đã xảy ra; còn những hình ảnh đó thì được giải thích bằng trí tuệ thiêng liêng.

Đó chính là cách giải thích về các việc làm của Đức Kitô được trình bày trong Tin Mừng và các sách giáo lý khác, là sự thật chứ không phải là ngụ ngôn.

Vì nếu việc cho dân chúng no nê bằng bánh là một câu chuyện ngụ ngôn chứ không phải sự kiện thực sự, thì sao sau này Đức Kitô lại nói với các môn đệ của Ngài: *"Các con không nhớ sao khi Ta bẻ năm chiếc bánh ra cho năm ngàn người, các con đã thu được bao nhiêu giỏ đầy mảnh vụn*?"[467] . Và Ngài lại nói với dân chúng: *"Các ngươi tìm Ta, không phải vì các ngươi đã thấy dấu lạ, mà vì các ngươi đã ăn bánh và được no nê*"[468] . Lời nói của Chúa Kitô này có phải là dối trá chăng?

Nếu câu chuyện về người Samari chỉ là một dụ ngôn chứ không phải sự việc thực tế, thì tại sao các môn đệ, khi đến, lại xa lánh Ngài, vì Chúa Kitô đã nói chuyện với một người phụ nữ? Và tại sao *người Samari, khi đến, lại nài xin Chúa Kitô ở lại với họ, và Ngài đã ở lại đó hai ngày? Còn người phụ nữ* (người Samari) thì *nói*: *"Chúng tôi không tin vì lời nói của ngài*[469] ."

Nếu sự sống lại của La-xa-rơ chỉ là một dụ ngôn chứ không phải sự kiện thực tế, thì tại sao *nhiều người Do Thái đến với Ma-ri, khi thấy điều Chúa Giê-su đã làm, lại tin vào Ngài*[470] ? Và tại sao *các thầy tế lễ lại bàn bạc để giết cả La-xa-rơ nữa*[471] ? Vì dụ ngôn không tồn tại trong thực tế, mà chỉ tồn tại trong lời nói, làm sao có thể bị giết được?

Và nếu việc Chúa Kitô vào Giê-ru-sa-lem trên lưng con lừa con chỉ là một dụ ngôn, chứ không phải sự kiện thực tế, thì cả sự đau khổ của Chúa Kitô lẫn việc Ngài bị đóng đinh cũng vậy. và việc đặt Ngài vào quan tài, cũng như sự phục sinh của Ngài, đều được gọi là ngụ ngôn: và tà thuyết Manichean cổ xưa sẽ trỗi dậy trở lại, cho rằng Chúa Kitô đã chịu đau khổ chỉ là ảo ảnh, chứ không phải sự kiện thực tế. Về sự điên rồ tột cùng của những kẻ ly giáo, những thầy dạy giả dối và những kẻ xuyên tạc, những người đã bị mù quáng bởi trí tuệ.

TỜ KÊU GỌI THỨ NĂM

Dựa vào điều gì để nhận biết sự kiện thực sự trong Phúc Âm, và dựa vào điều gì để nhận biết dụ ngôn?

Trong Phúc Âm thánh thiêng, khi việc làm của Chúa Kitô được rao giảng trong Thánh Lễ, việc đọc Phúc Âm bắt đầu như thế này: *"Vào thời ấy";* còn khi một dụ ngôn nào đó, do chính miệng Chúa Kitô phán ra, được rao giảng, việc đọc Phúc Âm bắt đầu như thế này: *"Chúa phán dụ ngôn này."*

Hãy xem đây, hỡi những kẻ xuyên tạc, cách mà các đoạn Phúc Âm về những chiếc bánh, về người Samari, về La-xa-rô, và về việc Chúa vào thành Giê-ru-sa-lem được bắt đầu như thế nào.

Phần Tin Mừng về những chiếc bánh bắt đầu như sau: *"Vào thời ấy, khi thấy đám đông đông đảo, Đức Giêsu đã thương xót họ*[472] ."

Phúc Âm về người Samari bắt đầu như sau: *Vào thời ấy, Đức Giêsu đến một thành ở Samari, gọi là Sychar*[473] .

Phúc Âm về La-xa-rơ bắt đầu như sau: *Vào thời ấy, có một người tên là La-xa-rơ, đang bị bệnh, ở Bê-tha-ni*[474] .

Về việc Chúa vào thành Giê-ru-sa-lem, Phúc Âm bắt đầu như sau: *Sáu ngày trước Lễ Vượt Qua, Đức Giê-su đến Bê-tha-ni, nơi La-za-rô đã qua đời*[475] .

Đây không phải là những dụ ngôn, mà là chính những việc làm của Đấng Christ, vì chúng không bắt đầu như những dụ ngôn, không nói rằng: *"Chúa đã kể dụ ngôn này"*, mà là: *"Vào thời đó, Chúa Giê-su thấy, Chúa*

---

467 Mác 8:18 và 19.
468 Giăng 6:26.
469 Cùng đoạn 4:40 và 42.
470 Giăng 11:45.
471 Giăng 12:10.
472 Ma-thi-ơ 14:14.
473 Giăng 4:5.
474 Cùng đoạn 11:5.
475 Cùng đoạn 12:1.

Giê-su đến", v.v. Bởi vì có những điều là những dụ ngôn do Chúa Giê-su, Chúa của chúng ta, kể ra, còn có những điều là những việc làm kỳ diệu của Ngài. Vì những việc làm, với tư cách là những sự kiện lịch sử, được truyền giảng qua văn bản; còn những dụ ngôn, với tư cách là những lời nói ẩn dụ, thì được giải thích; và những điều trong các việc làm của Chúa Kitô mang tính chất tiên tri, thì được bày tỏ bằng trí tuệ thiêng liêng.

Vậy, hãy khôn ngoan về những điều này, và những người mù sẽ nhìn thấy ánh sáng của lẽ thật Phúc Âm, và những người lầm lạc sẽ được dẫn dắt vào con đường chính đáng, và hãy nhận biết rằng trong Phúc Âm có lịch sử các việc làm của Chúa Kitô, và những dụ ngôn là gì, cũng như cách giải thích chúng.

Chương 22. Về việc bố thí trong bí mật

Và về việc bố thí, những lời giải thích và giáo lý sai lầm của những kẻ dốt nát và đơn sơ sẽ được sửa chữa ngay tại đây.

Trong Phúc Âm thánh, Chúa phán: *"Hãy cẩn thận đừng làm việc bố thí trước mặt người ta, để họ thấy các ngươi;* v.v." và lại: *"Khi ngươi làm việc bố thí, đừng để tay trái ngươi biết tay phải ngươi làm gì, để việc bố thí của ngươi được thực hiện trong bí* mật[476] ."

Những người dốt nát, không hiểu được ý nghĩa sâu xa của những lời ấy, lại dạy rằng tuyệt đối không được làm việc bố thí trước mặt người ta, mà chỉ nên làm trong bí mật, không để ai thấy. Họ cho rằng việc bố thí trước mặt người khác là tội lỗi; họ cho rằng Chúa Kitô không cho phép bố thí trước mặt người khác, để kẻ gian không biết tay phải của mình đang làm gì. Như vậy, họ giải thích lời Chúa Kitô một cách thiếu suy xét, và chính họ cũng không bố thí cho người nghèo trước mặt những người đang nhìn, đồng thời còn quở trách và cấm cản những ai làm điều đó. Và họ gây ra sự hư không gấp bội cho người nghèo và cho chính mình: họ gây ra sự hư không cho người nghèo, khi tước đoạt của họ sự bố thí từ lòng nhân ái của con người; họ gây ra sự hư không cho chính mình, khi tự tước đoạt phần thưởng từ Thiên Chúa. Và để sự vô minh của họ được vạch trần, ở đây sẽ có lời phản bác, và sự sửa chữa không đến từ tôi, kẻ khiêm nhường, mà đến từ vị Thầy vĩ đại của Giáo hội, Thánh Gioan Vàng Miệng, và từ người giải thích các lời giảng của ngài, Thánh Thêôphilact, Tổng Giám mục Bulgaria.

Thánh Vàng Miệng, trong bài giảng về Phúc Âm theo Thánh Matthêu chương 19, đã giải thích những lời của Chúa Kitô nêu trên như sau: Ngài (Chúa Kitô) phán: "Đừng làm việc bố thí trước mặt người ta, để được họ thấy; vì có người làm trước mặt người ta, không phải để được họ thấy, và có người không làm trước mặt người ta, lại cũng không phải để được họ thấy. Vì thế, không phải điều xảy ra một cách đơn thuần, mà là ý muốn của Ngài thử thách và ban thưởng (a). Đến đây là lời của Thánh Xê-la-niô. Thánh Thê-ô-phi-la-xt, Tổng Giám mục Bulgaria, đã giải thích những lời này một cách sáng tỏ hơn như sau: "Nếu ngươi làm việc bố thí trước mặt người ta, nhưng không phải để được khen ngợi, thì ngươi sẽ không bị kết án, cũng không làm mất phần thưởng của mình; nhưng nếu ngươi có ý nghĩ kiêu ngạo, dù có làm việc thiện trong kho tàng của mình, ngươi cũng sẽ bị lên án, và phần thưởng của ngươi sẽ bị hủy hoại: vì ý nghĩ trong lòng hoặc bị Chúa trừng phạt, hoặc được Chúa ban thưởng. Và một lần nữa, về "bàn tay phải" và "bàn tay trái", Thêôphilact nói: "Bàn tay trái" là sự kiêu ngạo, còn "bàn tay phải" là việc bố thí; vì lý do này, Ngài ra lệnh phải cẩn trọng, để sự kiêu ngạo không lừa dối và đánh cắp việc bố thí của ngươi. Đến đây là lời của Thêôphilact.

Từ những lời dạy của các vị thầy trong Giáo hội, chúng ta được biết rõ rằng: việc bố thí trước mặt người khác không phải là làm điều đó trước mắt những người đang nhìn; mà việc bố thí trước mặt người khác chính là làm điều đó vì lòng kiêu ngạo và mong được khen ngợi, như những người thông thái và người Pha-ri-si thời Do Thái đã làm. Và điều đáng trách không phải là việc làm từ thiện mà bạn thực hiện bằng tay mình; mà là ý nghĩ kiêu ngạo, khao khát sự khen ngợi của con người. Bởi vì, dù ai đó có làm việc từ thiện trong bí mật, nhưng nếu trong lòng vẫn có ý nghĩ kiêu ngạo, thì người đó không phải làm trong bí mật, mà là làm công khai; bởi vì chính ý nghĩ kiêu ngạo đó – ý nghĩ kiêu ngạo – mới là điều đáng trách. Thánh Theophylact đã nói như sau: "Nếu ngươi có ý nghĩ kiêu ngạo, dù ngươi làm việc đó trong kho tàng riêng của mình, ngươi cũng sẽ bị lên án, và ngươi đã làm mất phần thưởng của mình; và ngược lại: dù ngươi làm việc bố thí trước mặt người ta, nhưng nếu không phải vì kiêu ngạo, thì ngươi làm việc đó như thể trong bí mật vậy." Thánh Xê-la-ti-ô đã nói như sau: "Có những việc làm trước mặt người đời, nhưng không phải để được người ta thấy." Và một lần nữa, ngài cũng nói: "Không phải việc bố thí bị người ta nhìn thấy là không đẹp lòng Chúa, mà là việc làm đó được thực hiện chỉ để được người ta thấy." Không

[476] Ma-thi-ơ 6:1, 3 và 4.

phải việc bố thí mà người ta nhìn thấy là điều không đẹp lòng Đức Chúa Trời; mà là việc bố thí mà ai đó cố ý làm vì lòng kiêu ngạo, để được người ta nhìn thấy và khen ngợi.

Còn chúng ta thì nói: việc làm từ thiện như vậy là tốt, để mắt người ta không nhìn thấy. Thánh Nicholas, vị thánh của Chúa Kitô, cũng đã làm như vậy: vào ban đêm, ngài lén lút ném ba gói vàng qua cửa sổ cho người nghèo. Cũng như vậy, nhiều người làm việc thiện đã hành động như thế, ban phát một cách kín đáo ở bất cứ nơi nào họ có thể; nhưng nếu không thể che giấu khỏi con mắt người đời, và ngươi thấy người nghèo rất khốn khó, rất cần sự bố thí của ngươi, mà sau này ngươi không thể gặp lại người ấy để cho nữa, thì đừng ngần ngại mà hãy cho người ấy những gì ngươi có thể cho. Dù phải cho trước mặt người đời, ngươi cũng phải cho, chớ khinh thường; cũng đừng để mất phần thưởng của mình vì con mắt người đời, vì ngươi không cho vì sự kiêu ngạo, mà là vì nhu cầu của người đang khẩn thiết xin. Còn nếu anh muốn cho, và có điều để cho, nhưng lại bỏ qua người nghèo vì sợ bị người ta nhìn thấy; thì anh đã phạm tội chống lại tình yêu thương người lân cận: *vì tình yêu thương* hoàn hảo *không tìm kiếm lợi ích riêng của mình ,* không tìm kiếm phần thưởng cho chính mình. Nó cũng không quan tâm đến những lời khen ngợi của con người, mà chỉ nhìn thấy một điều duy nhất, đó là an ủi người lân cận nghèo khó trong cảnh khốn cùng của họ[477] .

Những người dạy rằng tuyệt đối không nên làm việc bác ái trước mặt người khác, đã không hiểu đúng lời Chúa Kitô, và giải thích sai lệch chúng, trái với giáo huấn của Chúa Kitô, cũng như cách giải thích chân chính của Thánh Vàng Miệng và Thánh Theophylact.

Và còn rất nhiều người khác như vậy, những người dựa vào Kinh Thánh, dựa vào các đoạn lời dạy của các vị Thánh, nhưng lại bị những kẻ ly giáo giải thích sai lầm; chúng ta không thể liệt kê hết tất cả ở đây, cũng không đủ thời gian để vạch trần những cách giải thích sai lầm đó và làm sáng tỏ bằng cách giải thích đúng đắn. Đủ rồi, vì rõ ràng cách giải thích của họ là *sai lầm,* và giáo lý của họ *là giả dối.*

Và bởi vì giáo lý của họ là sai lầm; vì nó không mang lại lợi ích cho linh hồn, mà còn gây hại cho linh hồn.

Bài thứ hai

Chương 23. Về giáo lý dị giáo ở Brynyany

Liệu giáo lý của họ có phải là dị giáo hay không?

Điều này đã được làm rõ trong phần đầu tiên của Cuộc Điều Tra, tức là về Đức Tin, trong điều thứ hai, rằng những người Brynyane ly giáo, theo gương vị thầy vĩ đại của họ là Avvakum, đã phạm tội dị giáo một cách nghiêm trọng.

Họ chia Ba Ngôi Đồng Bản Thể thành ba phần riêng biệt.

Họ chia Con Một của Đức Chúa Trời thành hai con.

Họ biến Ba Ngôi thành Tứ Ngôi.

Họ không tuyên xưng sự Nhập Thể của Con Thiên Chúa, vốn là sự thật.

Họ đặt Chúa Kitô trên ngai vàng riêng biệt, tách biệt khỏi Thánh Ba Ngôi.

Và những tà thuyết khác của họ, trái với các tín điều của đức tin và trái với các truyền thống của Giáo hội, đã được mô tả và vạch trần đầy đủ ở đó.

Và bởi vì giáo lý của họ đầy dẫy những tà thuyết; vì nó không mang lại lợi ích cho linh hồn, mà còn gây hại cho linh hồn.

Điều thứ ba

Chương 24. Sự phỉ báng của những kẻ ly giáo đối với Thánh Giá bốn đầu, và những điều tra về Thánh Giá

Liệu trong giáo lý của họ có sự phỉ báng các vật thánh không?

---

[477] 1 Cô-rinh-tô 13:5.

Chưa bao giờ từ xưa đến nay lại có những tà giáo hung ác như vậy, phỉ báng các thánh vật của Giáo hội, giống như các tà giáo Bryn hiện nay, những kẻ mà miệng họ như một cái hố mở toang, phun ra mùi hôi thối của sự phỉ báng: không chỉ phỉ báng mọi điều thánh thiêng trong Giáo hội, mà còn khinh bỉ những điều đó như thể là điều ghê tởm, đồng thời tự cho mình cao hơn mọi sự thánh thiêng. Vì vậy, ở đây cần phải nêu ra một số lời phỉ báng của họ để vạch trần sự độc ác, điên rồ, cứng đầu và lầm lạc của họ, và phản bác lại bằng cách trình bày lẽ thật.

Thứ nhất

Họ phỉ báng Thánh *Giá bốn đầu,* gọi nó là "Thánh Giá La Mã", "Thánh Giá trống rỗng", là bóng dáng của Thánh Giá tám đầu trong Cựu Ước, là sự ghê tởm của sự hoang tàn, là thần tượng của Antichrist và là dấu ấn của Antichrist. Những lời phỉ báng của họ và những gì được ghi trong thư từ của họ sẽ được nhắc lại ở đây.

Mục sư Avvakum viết:

Làm sao ma quỷ lại lừa dối được những người Nga nghèo khổ đến thế: họ rõ ràng đang đi vào con đường diệt vong; Họ đã yêu mến con điếm La Mã – cây thánh giá bốn đầu, hơn cả cây thánh giá chân chính, được tạo ra từ ba cây cổ thụ: cây bách, cây thông và cây tuyết tùng, và trên chính cây thánh giá bốn đầu đó, họ vẽ hình Chúa Kitô bị đóng đinh. Và thế là nó đã trở thành cây thánh giá của Ba Lan, một sản phẩm lai tạp của Giáo hội La Mã.

Còn Erofey, môn đệ của Avvakum, đã phỉ báng như sau:

Hãy nhìn cây thập tự hai nhánh, cây thập tự La Mã chứ không phải của Chúa Kitô; và trong mọi nghi lễ tại nhà thờ, người ta đều sử dụng cây thập tự ba nhánh của Chúa Kitô, chứ không phải cây thập tự hai nhánh, phần trên trống rỗng, chứ không phải của Chúa Kitô; bởi vì Chúa Kitô không bị đóng đinh trên đó: các cây thánh giá trên đất đều bị tách ra, để cây thánh giá ban sự sống của Chúa Kitô được tôn vinh, chứ không phải những cây thánh giá trên đất. Nếu ngươi gọi cây thánh giá bốn đầu này là của Chúa Kitô, thì ta sẽ gọi ngươi là con đĩ của Giáo hội Rôma mà không do dự. Nếu ngươi gọi cây thánh giá đó là của Đấng Cứu Thế, thì ta sẽ đập nát nó. Chúng ta mang trên mình hai cây thập tự, một là của Chúa Kitô, còn cái kia thì trống rỗng; hãy giữ nó xa khỏi thân thể, để cây thập tự ba nhánh không chạm vào thân thể. Đến đây là lời của Erofei.

Khi tôi đang viết những dòng này, một cuộn giấy cổ xưa của phe ly giáo đã rơi vào tay tôi, chứa đầy dối trá, tà giáo và những lời phỉ báng độc ác nhắm vào Hội Thánh của Đức Chúa Trời; trong cuộn giấy đó có ghi những lời phỉ báng thập tự giá bốn đầu của Chúa Kitô, gọi nó là tượng thần hay thần tượng của Antichrist, là sự ghê tởm của sự hoang tàn, đứng trên nơi thánh, và là cây bị nguyền rủa.

Cuốn sách độc ác đó cũng gọi Thập tự giá bốn đầu là "dấu ấn của Antichrist". Sự phỉ báng đối với Thập tự giá bốn đầu thánh thiêng ấy cũng vang lên khắp nơi, xuất phát từ những miệng lưỡi phỉ báng của những kẻ ly giáo; vì ngay cả phép xức dầu thánh, trong đó người được xức dầu sau khi rửa tội được đóng ấn bằng ân sủng của Thánh Thần theo hình dạng cây thánh giá bốn đầu: những kẻ ly giáo ấy không gọi đó là ấn của Thánh Thần, mà gọi là ấn của Antichrist. Sự phỉ báng dị giáo này từ xưa đã xuất phát từ một người Đức theo phái Luther dị giáo, tên là *Bullinger*, kẻ đã phỉ báng phép xức dầu thánh; nhưng tôi không biết làm sao nó lại xâm nhập vào các kẻ ly giáo ở nước Nga. Nhưng điều đó cũng không có gì đáng ngạc nhiên; bởi vì cùng một tà linh đã hoạt động trong các dị giáo ngoại quốc, nay cũng đang hoạt động trong các dị giáo Nga.

Sự phỉ báng vô đạo và dị giáo đối với Thánh Giá bốn đầu của Chúa Kitô đã khơi dậy trong tôi lòng nhiệt thành vì Ngài, và thúc đẩy tôi đưa ra lời đáp trả chống lại những kẻ phỉ báng, cũng như làm sáng tỏ điều này: rằng toàn bộ sức mạnh của Thánh Giá thánh thiêng đều nằm ở bốn đầu của nó. Vì nếu trên Thập tự giá của Chúa có tấm bảng và chân thập tự, thì tại sao người ta lại quen viết và làm Thập tự giá tám cánh? Tuy nhiên, cả tấm bảng lẫn chân thập tự, vốn là những thanh gỗ ngắn, không nằm theo chiều ngang của Thập tự giá, mà nằm theo chiều dọc. Còn chính Thánh Giá thì có bốn đầu, chứ không phải tám đầu như người ta thường thấy; nó mang hình dáng con người với hai tay dang rộng, nâng đỡ Đấng Cứu Thế của chúng ta, Đấng dang rộng đôi bàn tay tinh tuyền của Ngài trên đó; chứ không phải như cách người ta làm ngày nay với hình dạng tám đầu thừa thãi. Chúng ta không phỉ báng thập tự giá tám cánh, cũng không bác bỏ nó, nhưng chúng ta đón nhận nó với tình yêu thương, tôn kính một cách thành kính và thờ lạy nó một cách đạo đức, để tưởng nhớ sự chịu đóng đinh của Chúa Kitô.

Tuy nhiên, chúng ta phản đối sự phỉ báng đối với Thánh Giá bốn đầu, bởi vì, như là dấu hiệu của Chúa Kitô và con dấu của ân sủng Thánh Thần, chúng ta đã được đánh dấu bằng nó trong lễ Rửa Tội và xức dầu; nhờ nó, mọi bí tích của Giáo Hội đều được chúc lành, thánh hóa và hoàn tất; bằng dấu thánh giá bốn đầu này, tất cả các Kitô hữu đều làm dấu thánh giá trên mình, không phải thánh giá tám đầu, mà là thánh giá bốn đầu; bởi vì chính Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, cũng không bị đóng đinh trên thánh giá tám đầu, mà là trên thánh giá bốn đầu.

Để bịt miệng những kẻ dị giáo phỉ báng, chúng ta cần tìm hiểu *về* Thánh giá *bốn đầu* như sau:

1) Trong Cựu Ước, cây thánh giá bốn đầu có phải là hình bóng của cây thánh giá tám đầu không?

2) Thập tự giá mà Chúa Kitô bị đóng đinh là thập tự giá La Mã hay thập tự giá Bryn?

3) Thập tự giá bốn đầu có phải là thập tự giá La Mã không?

4) Thập tự giá bốn đầu có phải là tượng thần hay thần tượng của Antichrist, và là sự ghê tởm gây hoang tàn, đứng trên nơi thánh không?

5) Thập tự giá bốn đầu có phải là dấu ấn của Antichrist hay sẽ trở thành dấu ấn của Antichrist không?

Nhưng trước khi bắt đầu tìm hiểu các luận điểm đã nêu về cây thánh giá bốn đầu, trước tiên chúng ta hãy trình bày ở đây những kiến thức về các loại cây thánh giá.

Tin mừng về cây thập tự được cho là xuất hiện ở hai đoạn trong Kinh Thánh Cựu Ước: trong sách Tiên tri Ê-sai, chương 60, và trong sách Giê-su Si-ra-kh, chương 24; chúng ta hãy cùng xem xét cả hai đoạn này qua cách giải thích của chúng.

Ê-sai phán rằng: *"Vinh quang của Li-va-nô sẽ đến với ngươi cùng với cây bách, cây thông và cây tuyết tùng*" ([478]). Lời phán này có hai cách giải thích rõ ràng: lịch sử và thiêng liêng.

Ý nghĩa lịch sử không nói về thập tự giá, mà nói về Giáo hội Giê-ru-sa-lem, được phục hưng sau cuộc lưu đày tại Ba-by-lôn. Bởi vì trước tiên, lời tiên tri nói về sự hoang tàn của đất Giu-đa: *"Các thành* sẽ trở nên *hoang vắng* vì không có người ở, và các ngôi nhà sẽ trống rỗng vì không có người, *và đất đai sẽ trở nên hoang vắng*"[479] . Điều này đã trở thành hiện thực khi vua Nebuchadnezzar của Babylon xâm chiếm xứ Giu-đa; lúc bấy giờ, thành Giê-ru-sa-lem, thủ đô của Giu-đa, đã bị tàn phá, đền thờ của Sa-lô-môn bị thiêu rụi và phá hủy, và cả vùng đất đó trở nên hoang vắng. Cũng có những lời tiên tri về sự phục hưng của Giê-ru-sa-lem, sẽ xảy ra sau khi dân chúng trở về từ cuộc lưu đày ở Ba-by-lôn. "Hãy sáng lên, hãy sáng lên, hỡi Giê-ru-sa-lem," Ngài phán, *"vì ánh sáng đã đến với ngươi, và vinh quang của Đức Giê-hô-va chiếu sáng trên ngươi. Hãy ngước mắt lên nhìn xung quanh, và hãy xem con cái ngươi đã được quy tụ lại* (sau khi bị lưu đày)*: này, tất cả con cái ngươi đã trở về từ xa xôi,* tức là từ Ba-by-lôn[480] ." Về việc trùng tu Đền Thờ Giê-ru-sa-lem, có lời chép rằng: *"Vinh quang của Li-ban sẽ đến với ngươi bằng cây bách, cây thông và cây tuyết tùng,"* tức là, giống như xưa kia vua Sa-lô-môn, khi xây dựng Đền Thờ, đã trang hoàng nó bằng các loại gỗ mang từ Li-ban về, gồm cây bách, cây thông và cây tuyết tùng: cũng như vậy, Hoàng tử Zorobabel, thuộc dòng dõi Đa-vít, tổ phụ của Đấng Christ, sau khi thoát khỏi cảnh lưu đày ở Ba-by-lôn, đã trùng tu nhà thờ bị tàn phá và trang hoàng nó bằng chính những loại cây thông, cây sồi và cây tuyết tùng đó. Đây là cách giải thích lịch sử dựa trên chính văn bản.

Còn sự giải thích thiêng liêng của những lời tiên tri ấy là về Hội Thánh thánh thiện của Đức Kitô, được gọi là Giê-ru-sa-lem mới, mà Chúa chúng ta đã quy tụ bằng sự hiện đến của Ngài trên đất; và Ngài chiếu sáng và tiếp tục chiếu sáng Hội Thánh ấy bằng vinh quang ân sủng của Ngài; và Ngài trang hoàng Hội Thánh ấy bằng ân tứ của Thánh Thần. Trong Hội Thánh ấy, những người công chính, như cây tuyết tùng ở Li-băng, và như các loài cây thơm khác, đang lớn lên, nhân lên và được xây dựng thành Hội Thánh thiêng liêng, và thành đền thờ của Thánh Thần, như Sứ đồ đã phán: *"Các ngươi là Hội Thánh của Đức Chúa Trời hằng sống*" ([481]). Và lại nữa: *"Thân thể các ngươi là đền thờ của Thánh Thần hằng sống ngự trong các ngươi*" ([482]). Và vinh quang của cây thông đã đến với Giê-ru-sa-lem mới, Hội Thánh thánh thiện, qua cây thập tự, trên đó Chúa Kitô, Chúa chúng ta, đã chịu khổ nạn vì chúng ta; và những lời tiên tri về các cây ấy được áp dụng cho thập tự giá của Chúa Kitô, trong Sách Octoechos của Hội Thánh, nói rằng nó được làm từ cây bách, cây thông và cây tuyết tùng. Như vậy, trong giọng 2, vào thứ Tư trong giờ kinh sáng, trong bài ca số 9, câu 2 có ghi: "Chúa đã được thấy được nâng lên trên cây bách, cây sồi và cây tuyết tùng, vì lòng nhân từ." Còn trong giọng 3, vào thứ Tư và thứ Sáu trong giờ kinh sáng, bài hát chính có nội dung như sau: "Con Chiên của Thiên Chúa đã được nâng lên trên cây bách, cây sồi và cây tuyết tùng," và ở những đoạn khác trong cuốn "Octoechos", cũng như trong các sách thánh khác, nội dung này cũng được tìm thấy.

Trong số những loài cây đó, chúng ta biết đến cây tuyết tùng và cây bách, còn cây pevka thì không rõ đó là loài cây nào. Có người cho rằng đó là cây thông: đó là quan điểm của tu sĩ Epiphanius người Kiev, người đã dịch

---

[478] Ê-sai 60:13.

[479] Ê-sai 6:11.

[480] Cùng chỗ, 60:1 và 4.

[481] 2 Cô-rinh-tô 6:16.

[482] 1 Cô-rinh-tô 6:19.

tác phẩm "Sáu Ngày Sáng Tạo" của Thánh Basil Đại Đế từ tiếng Hy Lạp sang phương ngữ Slav, người đã ghi "cây thông" trên cây bạch dương ở trang 16 mặt sau, trong cuộc đối thoại thứ 5, đối diện với từ "pevka". Nhưng dường như không phải vậy; bởi vì cả Sa-lô-môn và Xô-rô-ba-bên đều trang trí nhà thờ bằng các công trình làm từ gỗ không mục nát, tức là gỗ không dễ mục nát; vì gỗ tuyết tùng và gỗ bách có thể không mục nát đến cả ngàn năm, còn gỗ thông thì khó mà tồn tại nguyên vẹn được đến một trăm năm.

Chúa Giê-su Si-ra-khô, khi mô tả sự ca ngợi sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, đã phán nhân danh Ngài rằng: *"Ta đã vươn cao như cây tuyết tùng ở Li-băng, như cây bách trên núi A-hê-môn, và như cây chà là* (hoặc cây cọ) *vươn cao* bên bờ biển[483] : những người giải thích lời của Sirach đã liên hệ điều này với Thập tự giá của Chúa Kitô, cho rằng trong đó có cây tuyết tùng, cây bách và cây chà là. Đối với chúng ta, điều này thật kỳ lạ, vì ở đây đề cập đến cây chà là chứ không phải cây bách; liệu có phải cả hai, cây bách và cây chà là, đều là một loại cây, tức là cây cọ không? Về việc cây chà là hiện diện trên thập tự giá, Thánh Cyprian, vị tử đạo và giám mục Carthage, một trong những nhà giảng dạy cổ xưa nhất của Giáo hội, đã làm chứng như sau khi nói với Chúa Kitô: "Lạy Chúa, Ngài đã leo lên cây chà là, vì cây thập tự giá của Ngài là biểu tượng cho chiến thắng trước ma quỷ"[484] . Đến đây là lời của Thánh Cyprian. Và lời của ngài không sai, bởi vì từ xưa đến nay, cây chà là luôn là biểu tượng của chiến thắng và sự chinh phục trước kẻ thù; và khi Chúa Kitô vinh quang tiến vào Giêrusalem, người ta đã đón rước Ngài bằng những cành chà là như Đấng chiến thắng sự chết, và như một điềm báo rằng cây chà là sẽ hiện diện trên Thập giá. Hơn nữa, còn có một bằng chứng rõ ràng khác từ Kinh Thánh, nơi từ miệng Chúa Kitô có lời phán: *"Ta sẽ leo lên cây cọ và nắm lấy đỉnh cao của nó"* (*[485]*); điều mà Cassiodorus cùng Thánh Cyprian giải thích về cây thập tự của Chúa Kitô, rằng khi Chúa Kitô lên thập tự giá, Ngài đã chiến thắng và đánh bại mọi quyền lực (của những kẻ cai trị bóng tối trong thế giới này), mọi quyền uy và sức mạnh. Cây chà là cũng thuộc loại cây không mục nát, giống như cây tuyết tùng và cây bách. Nhưng liệu cây chà là đó có phải là cây thánh giá duy nhất hay không, hay không phải là duy nhất, thì chúng ta không cần phải bàn luận nhiều. Bởi vì điều này không phải là giáo lý đức tin, vì chúng ta không tin vào những cây thánh giá, mà tin vào Chúa Kitô, Đấng đã chịu đóng đinh trên thập giá.

Hơn nữa, trước đây chúng ta đã có những nghiên cứu về cây thập tự bốn đầu, để kể lại câu chuyện về cây thập tự ban sự sống, dù có vẻ kỳ lạ, nhưng không phải là không có cơ sở.

Câu chuyện về cây thập tự, được sưu tầm từ nhiều cuốn sách khác nhau.

Từ cuốn sách có tên *"Chìa khóa của sự hiểu biết",* in tại Lviv, trong bài giảng về việc dựng Thánh Giá, trang 335.

Từ tác phẩm của Gioan Karfain, quyển 10, *Bài giảng* số 19 về Thánh Giá của Chúa Kitô.

Trích từ tác phẩm của Nikolai Liran, trong phần giải thích Phúc Âm theo Thánh Gioan, chương 5.

Trích từ "Chronicle of Jacob Vergomita", trang 59.

Từ tác phẩm biên niên sử của Gioan, người được gọi là Navklir, trang 163.

Và từ các tác giả khác, những người sử dụng phương ngữ nước ngoài.

Cũng vậy; dù với những lời lẽ khác biệt, nội dung này cũng được tìm thấy trong cuốn sách viết tay tiếng Nga, có tên là *"Người Được Chọn*".

Khi A-đam lâm bệnh nặng đến mức sắp chết, ông đã sai con trai mình là Si-phơ đến vườn Ê-đen, gặp Thiên thần canh giữ vườn Ê-đen, để xin Thiên thần ban phương thuốc chữa bệnh, nhằm bảo vệ sức khỏe và kéo dài sự sống trên đất. Thuốc chữa bệnh ấy chính là dầu của lòng thương xót, thứ mà Đức Chúa Trời đã hứa ban cho ông, nhưng cũng chính vì nó mà Ngài đã đuổi ông ra khỏi vườn Địa Đàng. (Dầu mà Đức Chúa Trời hứa ban cho A-đam tượng trưng cho Con Đức Chúa Trời, Đấng mà chính Ngài đã sai xuống trần gian để cứu chuộc loài người khỏi cái chết vĩnh cửu. Còn A-đam, khi nghĩ đến loại dầu chữa bệnh hữu hình này, đã ra lệnh phải xin lấy nó. Đừng ai ngạc nhiên về điều này, vì người đàn ông tên là Sif đã được sai đến gặp Thiên Thần. Bởi vì đây không phải là lần đầu tiên Sif tiếp xúc với Thiên Thần; vì khi còn trẻ, mới 10 tuổi kể từ khi chào đời, anh đã được Thiên Thần đưa lên cao theo lệnh của Đức Chúa Trời, và được dạy dỗ về nhiều mầu nhiệm của Đức Chúa Trời, cũng như cách vận hành của các thiên thể: sự chuyển động của các tầng trời, quỹ đạo của mặt trời, mặt trăng và các vì sao, cùng cấu trúc của các hành tinh trên trời và những hoạt động của chúng. Georgy Kedrin, người Constantinople, đã làm chứng về điều

---

[483] Sách Sirach 24:14 và 15.

[484] Ngày tưởng niệm ngài: 31 tháng 8.

[485] Thánh ca 7:8.

này trong cuốn sách lịch sử của mình. Thật kỳ diệu biết bao khi một người như vậy lại được Cha Adam sai đến với Thiên Thần đang canh giữ Vườn Địa Đàng! Vì theo lệnh của Đức Chúa Trời, Thiên thần đã cấm không được ăn trái cây từ cây đã được chỉ định; chính từ cây đó, khi Adam nếm trái và vi phạm lệnh cấm của Đức Chúa Trời, Thiên thần đã trao cho ông ba hạt giống, để từ cây mà tội lỗi loài người bắt đầu, thì từ đó sự cứu rỗi cũng sẽ được thiết lập cho dòng dõi loài người. Còn Sif, sau khi nhận những hạt giống đó từ Thiên thần, đã trở về với cha mình là A-đam, nhưng không còn thấy ông còn sống nữa, mà đã qua đời và được chôn cất. Ông đã gieo những hạt giống đó xuống đất bên cạnh mộ cha mình. Từ những hạt giống ấy, ba chồi non đã mọc lên: cây tuyết tùng, cây bách và cây chà là, cũng như cây cọ (hoặc theo lời ca sĩ trích dẫn từ sách Ê-sai); những chồi non ấy đã hợp nhất thành một cây lớn duy nhất, vì từ gốc đến ngọn chỉ là một cây duy nhất, nhưng ở ngọn, cành của mỗi loại cây lại tách ra riêng biệt. Và cây ấy tồn tại cho đến thời vua Sa-lô-môn. Khi Đền Thánh Thánh Thánh ở Giê-ru-sa-lem đang được vua Sa-lô-môn xây dựng, và nhiều cây gỗ tốt từ khắp nơi được mang đến, cây đó cũng được chặt xuống vì là cây tốt, và được mang đến Giê-ru-sa-lem để dùng cho công trình xây dựng; nhưng theo ý định của Đức Chúa Trời, nó không được dùng trong công trình xây dựng nhà thờ, mà đã ở lại một nơi khác trong thời gian dài, và ở một nơi khác thì chỉ trong thời gian ngắn. Vì lý do đó, cây đó được để lại trong các hành lang của nhà thờ, sát tường, để làm chỗ ngồi cho những người đến thăm, và cho những ai muốn nghỉ ngơi sau khi làm việc. Khi Nicaula, nữ hoàng xứ Saba, một trong những nữ tiên tri cổ đại, được gọi là Sibyl, đến Giê-ru-sa-lem để nghe sự khôn ngoan của Sa-lô-môn: thì khi ngắm nhìn tòa nhà nhà thờ kỳ diệu ấy, nhìn thấy cây đó ở đó, bà đã kinh hoàng và bằng linh hồn tiên tri, bà đã tiên tri rằng: "Trên cây đó, Đức Chúa Trời, đã mặc lấy bản tính con người, sẽ chịu chết." Còn cuốn sách Nga, được gọi là "Người Được Chọn", cũng kể lại rằng lúc bấy giờ, lời tiên tri này đã được phán ra tại đó: "Ôi cây thánh ba lần, chính trên cây ấy, Chúa Kitô sẽ bị đóng đinh!"

Vì lý do đó, theo lệnh của vua Salomon, cây ấy đã được chôn sâu xuống đất bên cạnh bể tắm cừu, để không bao giờ rơi vào tay con người. Nhưng sau nhiều năm, nhờ sự an bài của Đức Chúa Trời, cây ấy đã trồi lên khỏi mặt đất và trôi nổi trên mặt nước của bể tắm cừu. Vì cây đó, *mỗi mùa hè, Thiên Thần của Chúa lại xuống bể tắm* cừu ấy, *khuấy động nước*[486] , rửa sạch cây; và thuốc chữa bệnh được ban cho người đau ốm, là người đầu tiên bước vào bể tắm sau khi nước được khuấy động. Khi Đức Kitô, Chúa chúng ta, đã mặc lấy bản tính con người, Ngài hiện ra trên đất, và sống như một con người; dân Do Thái đã bắt Ngài, và giao Ngài cho Philatô để đóng đinh, họ tìm kiếm cây gỗ nặng nhất để làm thập giá, nhằm gây ra sự đau khổ cho Đức Kitô. Và khi thấy cây gỗ nói trên trong nước bể rửa tội của người chăn cừu, đã thấm nước và rất nặng, họ đã vớt nó lên từ đó, và dùng nó để làm thập tự giá; cây gỗ đó nặng đến nỗi cần phải có người giúp Chúa Kitô mang nó; và họ đã giao cho Simon người Cyrene vác thập tự giá của Ngài. Chúng tôi không khẳng định câu chuyện này, vì có người cho rằng nó là sách ngoại kinh (không chính thống), nhưng cũng không hoàn toàn bác bỏ, vì nó có những nhân chứng riêng, và với quyền năng vô biên của Đức Chúa Trời, mọi điều đều có thể xảy ra.

Từ câu chuyện này, ta thấy rằng Thập tự giá của Chúa được làm từ một loại cây đặc biệt, trong đó ba loại cây – tuyết tùng, cây bách, cây chà là hoặc cây peuk – đã mọc chụm lại thành một cây duy nhất.

Nhưng còn một điều nữa (trước khi bàn đến cây thập tự bốn đầu), chúng ta hãy dành chút thời gian để xem xét vấn đề này: liệu trên cây thập tự có bệ chân hay không. Bởi vì tấm bảng ghi tên được đặt trên cây thập tự được nhắc đến trong Phúc Âm, còn bệ chân thì không được đề cập ở đâu cả.

Sẽ có người nói: Các Tiên tri đã tiên báo về bệ chân. Vì Đa-vít đã phán: *"Hãy tôn vinh Đức Chúa Trời của chúng ta, và hãy thờ lạy bệ chân Ngài, vì nó là thánh*" ([487]). Và Ê-sai, nhân danh Đấng Christ, đã phán: *"Ta sẽ tôn vinh nơi đặt chân Ta" ([488]*). Chúng ta hãy xem xét sự giải thích của cả hai lời tiên tri này, để biết họ đang nói về bệ chân nào. Nhưng trước hết, chúng ta hãy xem xét sự khác biệt giữa các bệ chân của Đức Chúa Trời: có bệ chân mà chúng ta được lệnh phải thờ lạy, và có bệ chân mà không được chỉ định phải thờ lạy. Đức Chúa Trời phán trong lời tiên tri của Ê-sai: *"Trời là ngai của Ta, còn đất là bệ chân Ta*"[489] : không ai thờ lạy bệ chân của Đức Chúa Trời, tức là đất, ngoại trừ chính Đức Chúa Trời, Đấng Tạo Hóa của nó. Lại có chép trong các Thánh vịnh rằng: *"Chúa phán cùng Chúa của tôi rằng: 'Hãy ngồi bên hữu Ta, cho đến khi Ta đặt kẻ thù của ngươi làm bệ chân cho*

---

[486] Giăng 3:4.
[487] Thi Thiên 98:5.
[488] Ê-sai 60:13.
[489] Ê-sai 66:1.

ngươi'[490] . Vậy thì ai *dám* quỳ lạy trước bệ chân của Đức Chúa Trời, tức là trước kẻ thù của Ngài? Vậy thì Đa-vít ra lệnh phải quỳ lạy trước bệ chân nào?

Sự giải thích về những lời của Đa-vít này rất rõ ràng: theo chính văn bản và theo ý nghĩa bí tích.

Theo văn bản, giải thích như sau: trong Cựu Ước có Hòm Giao Ước của Đức Chúa Trời, trong đó có cây gậy của A-rôn vẫn còn tươi, các bảng Giao Ước, và một bình vàng đựng manna; Hòm Bia đó được gọi là bệ chân của Đức Chúa Trời, như đã được ghi chép trong Sách I Sử Ký, chương 28, nơi Vua Đa-vít nói với dân chúng rằng: "Ta đã suy nghĩ trong lòng mình rằng: 'Ta sẽ xây dựng một ngôi nhà, nơi Hòm Giao Ước của Chúa sẽ ngự, *và là bệ* chân *của Chúa, Đức Chúa Trời* của chúng ta' ([491]). Tại sao Hòm Giao Ước lại được gọi là 'bệ chân của Đức Chúa Trời'? Bởi vì trên đỉnh Hòm Giao Ước, giữa hai thiên thần Cherubim, trên đôi cánh của chúng đang dang rộng trên Hòm Giao Ước, có một tấm ván bằng vàng ròng, được hai cánh Cherubim nâng đỡ, như một tấm màn che cho Hòm Giao Ước. Tấm ván ấy giống như một ngai vàng hay một ngai ngồi, nơi mà dân Y-sơ-ra-ên tin rằng Đức Chúa Trời vô hình ngự trên đó, như đã được chép trong Thánh Thi này, ở câu đầu tiên: "Ngài ngự trên các Cherubim." Những lời này, dân Y-sơ-ra-ên (theo lời giải thích của các nhà chú giải) không nói về các Cherubim trên trời vô hình, mà nói về các Cherubim bằng vàng, có thể nhìn thấy được, do Môi-se đặt trên Hòm Giao Ước. Nhưng chính Đức Chúa Trời cũng phán cùng Môi-se rằng: *"Ta sẽ tỏ mình ra cho ngươi từ nơi đó,* và *Ta sẽ phán cùng ngươi từ trên nơi thánh giữa hai thiên thần Hê-ru-vi-mim, là những thiên thần ở trên Hòm Giao Ước*" ([492]). Vì Đức Chúa Trời ngự giữa các Thiên Thần Cherubim trên ngai vàng, được nâng đỡ bởi đôi cánh của các Ngài, và Hòm Giao Ước nằm dưới chân Đức Chúa Trời; chính vì thế, Hòm Giao Ước được gọi là "bệ chân của Đức Chúa Trời", *và* Đa-vít đã ra lệnh phải thờ lạy nó: *"Hãy thờ lạy* (Ngài phán) *bệ chân của Ngài, vì nó là thánh*"[493] . Đó là cách giải thích theo văn bản.

Còn theo cách giải thích huyền bí, Thánh Athanasius Đại Đế và các vị Thánh Cha khác cho rằng "bệ chân của Đức Chúa Trời" chính là bản tính con người trong hình hài của Đức Kitô. Thánh Athanasius đã phán như sau: "Đức Chúa Trời hằng sống trên các tầng trời cao, Đấng có mọi tạo vật dưới chân Ngài, đã trở thành con người bất biến, hiệp nhất với bản tính loài người chúng ta, và chính bản tính loài người ấy là chân Ngài." Cũng vậy, trong cuốn Thánh Vịnh in lớn tại Kiev, có các lời giải thích ở lề trang, có chép rằng: "Chân đế của Đức Chúa Trời là đất, là thân thể vô cùng tinh khiết của Đức Kitô, được lấy từ thân thể vô cùng tinh khiết của Đức Trinh Nữ trên đất; trong đó, Đức Kitô, Đức Chúa Trời chân thật, đã hiện thân, hiệp nhất với Thần Tính thành một Ngôi Vị duy nhất, vì thế mà Ngài là thánh và vô cùng thánh."

Vậy nên, từ cả hai lời giải thích này, cả về mặt chữ viết lẫn về mặt bí tích, rõ ràng là không phải đang nói về cái bệ chân mà người ta làm hoặc vẽ trên thập tự giá. Điều này được áp dụng cho cả Thánh Hội và chính Thập tự giá của Chúa Kitô, vì bài ca được hát dành cho Thập tự giá là: *"Hãy tôn vinh Chúa, Thiên Chúa của chúng ta, và hãy thờ lạy chân của Ngài, vì nó là thánh*[494] ." Nhưng điều này được áp dụng cho toàn bộ Thập tự giá của Chúa Kitô, chứ không chỉ cho một phần nhỏ, như phần chân nhỏ có thể nhìn thấy.

Ngoài ra, những lời của Ê-sai, được nói thay mặt Đấng Christ: "Và ta sẽ tôn vinh nơi đặt chân ta"; những lời này không được tìm thấy trong các bản Kinh Thánh Nga, mà chỉ có trong Triodion, trong các câu châm ngôn, được đọc vào Thứ Bảy Lớn; những lời ấy lại có trong các bản Kinh Thánh La Mã, trong bản dịch của Thánh Giê-rô-ni-mô, những lời ấy có giải thích theo chữ viết giống như đã nói ở trên về Hòm Giao Ước, còn theo ý nghĩa bí tích, thì nói về Hội Thánh Thánh: Vì đối với Đức Chúa Trời, Đấng ngự trên ngai vàng trên trời, thì Hội Thánh Thánh của Ngài, đang chiến đấu trên đất, chính là bệ chân của Ngài.

Liệu có chân đế dưới Thập tự giá hay không, thì Kinh Thánh thánh thiêng cũng như các nhà giải thích Kinh Thánh thiêng liêng đều không đề cập đến điều đó. Tuy nhiên, trong số các đồ thánh của Thánh Antôn người Rôma, trên chiếc chén thánh, Thánh Giá của Chúa Kitô được khắc họa không có chân đế, có bốn đầu nhọn, và danh hiệu của Chúa Kitô được ghi trên giấy chứ không phải trên tấm gỗ: "[495] ". Chúng tôi không phản đối những gì được

---

[490] Thi Thiên 109:1.
[491] 1 Sử ký 28:2.
[492] Xuất Ê-díp-tô Ký 25:22.
[493] Thi Thiên 98:5.
[494] Thi Thiên 98:5.
[495] Ngày 3 tháng 8.

khắc và viết trên chân thập tự giá, mà chỉ thông báo rằng trong các sách thánh cổ xưa không có ghi chép hay thông tin xác thực nào về điều đó.

Điều này càng giống một câu chuyện ngụ ngôn hơn, khi tôi tìm thấy trong cuốn sách của những kẻ ly giáo có ghi như sau:

Về chân thập tự giá, hãy xem câu hỏi trong các cuốn "Alfavity": Tại sao người ta lại vẽ chân phải của thập tự giá Chúa Kitô hướng lên núi cao, còn chân trái lại hướng xuống thấp? Giải thích: Bởi vì khi Chúa Kitô đứng trên thập tự giá, Ngài nghiêng đầu sang bên phải để các dân tộc tin và thờ lạy Ngài; còn chân phải thì được làm nhẹ đi vì lý do đó, để tội lỗi của những người tin Ngài được nhẹ bớt, và trong lần tái lâm thứ hai, họ sẽ được nâng lên trên núi để đón rước Ngài; còn chân trái thì bị làm nặng đi vì lý do đó, chân dưới bị hạ thấp xuống dưới, để những kẻ không tin Ngài bị nặng nề và rơi xuống địa ngục. Suy luận đến đây là hết.

Tôi muốn nói rằng, suy luận đó không trái với Hội Thánh của Đức Kitô, cũng không trái với Đức Tin Thánh: nhưng vì tôi nghe thấy những người đơn sơ, những người tin vào câu chuyện huyền thoại đó như thể chính là sự thật trong Phúc Âm; còn Giáo hội vô tì vết, là Hôn thê của Chúa Kitô, thì không được chấp nhận bất kỳ suy luận huyền thoại hay cách giải thích tự bịa đặt nào, mà phải dựa trên chính Kinh Thánh Thánh thiêng, và lắng nghe những lời giải thích chân chính của các vị Thầy vĩ đại của toàn thể nhân loại (chứ không phải những người bình thường chỉ biết nói suông). Vì lý do đó, vừa nhiệt thành bảo vệ chân lý Giáo hội, vừa giữ vững chức vụ giám mục, tôi không để ý đến những suy diễn sai lầm ấy.

Tôi hôn chân Thánh Giá, dù nó có nghiêng hay không nghiêng, và đối với tập quán của những người làm Thánh Giá và những người vẽ Thánh Giá, miễn là không trái với Giáo hội, tôi không phản đối, mà khoan dung: còn về những giải thích liên quan đến độ nghiêng của chân Thánh Giá, được ghi chép trong bản văn ly giáo, vì điều đó không được tìm thấy trong các Thánh Tổ và các nhà giải thích thời xưa, nên tôi không chấp nhận.

Ở đây, chúng ta sẽ bắt đầu tìm hiểu các luận điểm đã nêu trước đó, nhằm phản bác những lời phỉ báng của phe ly giáo, những kẻ cho rằng thập tự giá bốn đầu trong Cựu Ước vốn là phần mái của thập tự giá tám đầu. Chúa Kitô đã chịu đóng đinh trên thập giá tám cánh, còn hình bóng và hình ảnh của thập giá bốn cánh thì đơn giản; và chính thập giá bốn cánh đó đã trở thành như thể thập giá La Mã, là sự ghê tởm của sự hoang tàn, là thần tượng của Antichrist và là dấu ấn của Antichrist.

Chúng ta hãy tìm hiểu kỹ về điều này.

TRONG CÁC SÁCH

Thập tự giá bốn đầu có phải là hình bóng của thập tự giá tám đầu trong Cựu Ước hay không?

Nếu theo quan điểm của những kẻ ly giáo, cây thập tự bốn đầu trong Cựu Ước là hình bóng của cây thập tự tám đầu, thì cần phải chứng minh bằng mọi cách rằng trong Cựu Ước, cây thập tự bốn đầu đó thực sự được làm từ một chất liệu nào đó và tồn tại ở một nơi cụ thể. Vậy thì những kẻ ly giáo hãy chỉ cho chúng ta xem, trong Cựu Ước, cây thập tự bốn đầu xuất hiện ở đâu? Hay ít nhất là tên gọi *"cây thập tự"* đó, trong các bản Kinh Thánh Nga thuộc Cựu Ước, được ghi chép ở đâu? Hơn nữa, họ hãy đưa ra cho chúng ta bằng chứng nào từ các Thánh Tổ (chứ không phải từ những kẻ giảng dạy sai lầm ở Bryn) để chứng minh rằng trong Cựu Ước, hình ảnh cây thập tự bốn đầu chính là hình ảnh của cây thập tự tám đầu? Bởi vì người ta không thể tin vào những điều đáng nghi ngờ nếu không có bằng chứng đáng tin cậy. Chúng tôi đang tiến hành cuộc điều tra này cho các bạn, bằng cách tra cứu trong Kinh Thánh Cựu Ước, để xem liệu có bao giờ xuất hiện hình ảnh cây thập tự bốn đầu trong đó không? Hay ít nhất, liệu tên gọi "thập tự" có được tìm thấy trong Cựu Ước của các bản Kinh Thánh Nga hay không, ngoài những ký hiệu thập tự bí mật — — vốn không hiển lộ rõ ràng mà chỉ ngầm biểu thị cây thập tự của Chúa Kitô? Và nếu trong Cựu Ước không tìm thấy thập tự giá, cũng như không có tên gọi nào liên quan đến thập tự giá; thì vì lý do nào mà nó không được đề cập?

Nghiên cứu về các hình ảnh và biểu tượng liên quan đến Thập tự giá

Trước hết, xin hãy biết rằng tên gọi *"thập tự giá"* không được tìm thấy trong Cựu Ước của các bản Kinh Thánh Nga (tôi không nói đến các bản Kinh Thánh nước ngoài bằng các ngôn ngữ khác, mà chỉ nói đến các bản Kinh Thánh Nga; vì tôi đang nói với đồng bào Nga của chúng ta). Ai là người am hiểu Kinh Thánh Nga? Ai đã đọc kỹ toàn bộ Cựu Ước? Có ai tìm thấy trong đó hình thập tự bốn đầu không? Hay ít nhất là chính cái tên *"thập tự"* đó? Hãy để các nhóm ly giáo Nga từ khắp nơi tụ họp lại, và hãy đọc một cách chăm chú ngày đêm trong các bản Kinh Thánh Nga về Cựu Ước, cho đến khi đến phần ân sủng mới, đến Tin Mừng (tôi nói), liệu họ có tìm thấy đâu đó *hình ảnh cây thập tự* được nhắc đến không? Chắc chắn là không.

Dù trong Cựu Ước có nhiều hình ảnh và bóng dáng tiên báo về Thập tự giá của Chúa, nhưng chính Thập tự giá thì không thể tìm thấy ở đâu cả; bởi vì những hình ảnh đó không được gọi bằng tên "Thập tự giá", cũng như người dân thời bấy giờ không nhận ra những ký hiệu liên quan đến Thập tự giá, trừ phi là từ một số vị Tiên tri mà Đức Chúa Trời đã mặc khải cho họ. Những dấu hiệu đó đã được nhận ra trong ân sủng mới bởi các Kitô hữu, những người đã xem xét và nghiên cứu Cựu Ước, và nhận ra rằng đó chính là những dấu hiệu báo trước về Thập giá của Chúa. Trong số đó, chúng ta sẽ nhắc đến một cách ngắn gọn một dấu hiệu nổi bật nhất ở đây.

Trong Cựu Ước có ba hình ảnh tiên báo và bóng của Thập tự giá Chúa:

Những hình ảnh này thể hiện qua những sự vật vô hình nhưng đáng chú ý, hoặc qua một sức mạnh kỳ diệu nào đó do Đức Chúa Trời ban cho họ.

Loại thứ hai thể hiện qua các hành động của con người, tiên báo về những sự kiện tương lai.

Còn những dấu hiệu này lại hiện diện trong các thị kiến và sự mặc khải mà các Thánh Tổ và các Tiên Tri đã nhận được.

Những hình ảnh đầu tiên chỉ đơn thuần là hình ảnh biểu tượng của sức mạnh Thập tự giá của Chúa.

Loại thứ hai đã mô tả một cách bí ẩn cả sức mạnh lẫn hình ảnh của Thập tự giá.

Còn loại thứ ba thì cùng lúc thể hiện cả sức mạnh, hình ảnh và chính sự đau khổ của Chúa.

Lần đầu tiên, hình ảnh và bóng của Thập tự giá Chúa được thể hiện qua những vật thể vô hình, cao quý và kỳ diệu.

Lúc ban đầu, cây sự sống ở giữa vườn Ê-đen là hình ảnh và bóng của Thập tự giá Chúa, vốn sẽ được dựng lên giữa đất. Thánh Gioan Đamaskin đã nói như sau: *"Thập tự giá cao quý này đã biến đổi cây sự sống, vốn được Thiên Chúa trồng trong vườn* Ê-đen[496] ." Đến đây là lời của Đamaskin.

Vì quả của cây Vườn Địa Đàng ấy mang lại sự sống, ban cho ai ăn nó sự sống bất tử; cũng vậy, quả của Thập Tự Giá – là Đức Kitô – ban cho ai nếm lấy Ngài sự sống vĩnh cửu, như chính Ngài đã phán: *"Ai ăn thịt Ta và uống máu Ta, thì sẽ có sự sống đời* đời"[497] . Vì lý do đó, Thập tự giá của Chúa được Giáo hội gọi là "cây sự sống" trong các bài thánh ca, nơi người ta hát như sau: *"Cây Thập tự giá mang lại sự sống đã được trồng trên đất"*[498] .

Tại đây, tôi hỏi những kẻ ly giáo, những người nói rằng trong Cựu Ước, thập tự giá bốn đầu là hình ảnh và bóng của cây tám đầu, hãy cho chúng tôi biết: Cây sự sống trong vườn Địa Đàng, vốn là hình ảnh tiên tri của thập tự giá của Chúa, có phải là cây bốn đầu, giống như thập tự giá bốn đầu không?

Chiếc hòm của Nô-ê, được làm từ những loại gỗ không mục nát, nhờ đó loài người đã được cứu khỏi trận đại hồng thủy: thì (theo suy luận trong cuốn sách về đức tin của một tác giả vô danh, được in tại Moscow, dưới thời Thượng phụ Joseph, vào năm 7156, ở mặt sau trang 67) chính là hình ảnh tiên tri và biểu tượng của Thập tự giá Chúa, nhờ đó mà dòng dõi Kitô hữu được cứu thoát khỏi trận đại hồng thủy tội lỗi. Còn tôi thì thắc mắc: chiếc tàu đó, vốn mang hình dáng Thánh giá của Chúa, liệu có phải là hình chữ thập bốn đầu không?

Những khúc gỗ mà Isaac, khi được cha dẫn đi dâng làm của lễ cho Đức Chúa Trời, đã vác trên vai, chính là hình ảnh tiên tri của Thánh Giá Chúa. Thánh Ephrem đã suy ngẫm về điều này như sau: Isaac vác củi, đi lên núi để bị giết như một con chiên vô tội; còn Đấng Cứu Thế cũng vác Thập tự giá, đi đến nơi chịu đóng đinh, để bị giết như một con chiên vì chúng ta. Khi thấy con dao, hãy hiểu đó là cây giáo. Khi nghĩ đến lễ tế, hãy nhìn vào nơi hành hình. Và khi thấy những khúc gỗ (drovnye), hãy hiểu đó là Thập tự giá[499] . Đến đây là lời của Ephrem. Tôi hỏi: Những khúc gỗ ấy, vốn đã hình thành nên Thập tự giá của Chúa, liệu có bốn đầu nhọn hay không, giống như Thập tự giá bốn đầu nhọn?

Cây gậy hay cây quyền trượng của Giô-sép, người đã cai trị tại Ai Cập, mà Gia-cốp đã quỳ lạy trước đầu cây gậy ấy[500] , chính là hình ảnh tiên báo và bóng râm của Thánh Giá Chúa. Điều này được ghi trong Kinh Thánh về Lễ Nâng Thánh Giá, trong bài ca thứ 7: Cây gậy bao trùm vùng đất của Giô-sép, nơi mà trong tương lai Y-sơ-ra-ên sẽ nhìn thấy, vương quốc hùng mạnh: vì nó sẽ làm rạng rỡ *Thánh Giá* vinh quang, khi được bày tỏ. Cây gậy của

---

[496] Sách Khải Huyền 4, chương 12.

[497] Giăng 6:54.

[498] Câu 14, bài ca 9.

[499] Thánh Ephrem, bài giảng số 109 về Áp-ra-ham và Y-sác.

[500] Sáng Thế Ký 47:31.

Giô-sép ấy, vốn là hình ảnh tiên báo của Thánh Giá Chúa, liệu có phải là cây gậy bốn đầu, giống như Thánh Giá bốn đầu chăng?

Hơn nữa: Cây gậy làm phép lạ của Mô-sê, cây gậy đã biến thành con rắn, đã nuốt chửng những con rắn ma thuật, đã biến nước Ai Cập thành máu, và đã giáng những tai họa khác xuống dân Ai Cập: người đã chia đôi Biển Đỏ và mở ra con đường khô ráo cho dân Y-sơ-ra-ên đi qua: cây gậy ấy là hình bóng và biểu tượng của Thập tự giá Chúa, nhằm tiêu diệt những con rắn địa ngục, dùng huyết của Đấng Christ để tẩy sạch Hội Thánh khỏi các dân ngoại, trừng phạt thế gian tội lỗi, và mở ra con đường thuận lợi lên thiên đàng cho Y-sơ-ra-ên mới. Vậy thì cây gậy của Mô-sê, vốn là hình bóng và biểu tượng của Thập tự giá Chúa, liệu có bốn đầu như Thập tự giá bốn đầu chăng?

Cũng vậy, cây gậy của A-rôn, vốn nảy mầm và tỏa bóng, là hình bóng của Thập tự giá Chúa, như Giáo hội đã ca ngợi: *"Cây gậy được nhận làm hình ảnh của mầu nhiệm, vì sự nảy mầm báo trước chức vụ của vị tư tế; còn Giáo hội, vốn trước đây không sinh hoa kết trái, nay đã nở rộ như cây Thập tự giá"*[501] . Cây gậy của A-rôn ấy, vốn là hình ảnh tiên báo của Thập tự giá Chúa, liệu có phải là Thập tự giá bốn đầu không?

Cây được đặt vào dòng nước đắng của Merre và làm dịu đi nỗi đắng cay[502] , là hình ảnh tiên báo và bóng mát của Thập tự giá Chúa. Như vậy, trong Thánh ca về Lễ Nâng Thập tự giá, bài ca thứ 4 có viết: "Mô-sê đã biến những nguồn nước đắng trong sa mạc xưa thành ngọt ngào bằng cây gậy, qua Thập tự giá, Ngài bày tỏ sự biến đổi hướng đến sự thánh thiện của các dân tộc." Cũng vậy, Giuse, tác giả của Thánh ca tiền lễ, trong bài ca thứ 5 đã nói: *"Mô-sê đã làm ngọt nước Mê-ru trước đó, dùng cây làm dấu chỉ cho Thánh Giá vinh hiển của Ngài, nhờ đó Ngài đã ban cho loài người sự ngọt ngào cứu rỗi*[503] ." Cây đó, đã làm ngọt nước Merre và tự nó hình thành Thánh Giá của Chúa, liệu có phải là cây bốn nhánh, giống như Thánh Giá bốn nhánh không?

Cây cọ, dưới bóng cây đó, nữ tiên tri Đê-bô-ra đã ngồi xét xử dân Y-sơ-ra-ên[504] , là hình ảnh và bóng mát của Thập tự giá Chúa, trên đó Chúa đã thi hành sự phán xét đối với ma quỷ, kẻ cai trị thế gian này, để nó bị đuổi đi: *"Bây giờ* (Ngài phán)*, sự phán xét đã đến với thế gian này; bây giờ kẻ cai trị thế gian này sẽ bị đuổi ra ngoài*"[505] . Cây cọ của Đê-vô-ri, vốn mang hình dáng Thánh Giá của Chúa, liệu có phải là cây bốn nhánh, giống như Thánh Giá bốn nhánh chăng?

Hàm lừa, thứ mà Samson đã dùng để đánh chết một ngàn người Philistine; nhưng khi ông khát và kêu cầu Đức Chúa Trời, thì *Đức Chúa Trời* đã mở *một vết thương trên hàm lừa, và nước chảy ra từ đó, và ông đã uống*[506] . Chiếc hàm lừa ấy là hình ảnh và bóng dáng của Thập tự giá Chúa; qua đó, Samson tượng trưng – tức là Đức Kitô – đã đánh bại những kẻ Philistine thuộc địa ngục, mở ra vết thương trên những xương sườn tinh tuyền của Ngài, tuôn ra suối máu và nước, và dùng chúng để tưới mát bản tính con người khát khao ơn cứu độ. Vậy chiếc hàm lừa ấy, vốn là hình ảnh của Thập tự giá Chúa, liệu có bốn đầu không, giống như Thập tự giá bốn đầu?

Chiếc đàn gusl của Đa-vít, hay còn gọi là Đa-vít, khi ông cất tiếng hát ngọt ngào, đã xua đuổi khỏi Sa-un linh hồn ô uế đang hành hạ ông và[507] : chiếc đàn gusl ấy là hình ảnh tiên tri của Thập tự giá Chúa, trên đó thân xác Đức Kitô được giăng ra như dây đàn trên mặt đàn gusl. Khi Đức Chúa Trời nhân từ cất lên lời cầu nguyện ngọt ngào cho những kẻ giết Ngài, rằng: *"Lạy Cha! Xin tha thứ cho họ,"* thì ngay lập tức những linh hồn độc ác đã chạy trốn xa, bị đánh bại và xua đuổi bởi lòng nhân từ của Đấng Chủ Tể nhân từ. Vậy cây đàn hạc của Đa-vít, vốn là hình ảnh của Thập tự giá Chúa, liệu có bốn đầu, giống như Thập tự giá bốn đầu chăng?

Cây gậy của Đa-vít có năm hòn đá tốt, được chọn từ dòng suối; chính với những hòn đá ấy, Đa-vít đã ra đối đầu với Gô-li-át, như chính tên khổng lồ ấy đã nói với Đa-vít: *"Ta có phải là con chó đến nỗi ngươi dám ra đối đầu với ta* chỉ *với cây gậy và những hòn đá này không*?*[508]* ?" Cây gậy ấy là hình ảnh tiên báo và là bóng của Thập tự giá Chúa, còn năm viên đá quý ấy là hình ảnh tiên báo của năm vết thương mà Chúa chúng ta đã chịu trên Thập tự giá. Vậy thì cây gậy của Đa-vít, vốn tượng trưng cho Thập tự giá Chúa, liệu có phải là cây gậy bốn đầu, giống như Thập tự giá bốn đầu không?

---

[501] Sách Châm Ngôn 14, bài ca 3.
[502] Xuất Ê-díp-tô Ký 15:25.
[503] Chương 13.
[504] Sách Các Quan Xét 4:5.
[505] Giăng 12:31.
[506] Các Quan Xét 15:19.
[507] 1 Sa-mu-ên 16:23.
[508] Cùng đoạn 17:43.

Cây của Ê-li-sê, mà ông đã ném xuống nước, khiến thanh sắt chìm trong nước nổi lên trên mặt nước[509] , là hình ảnh tiên báo của Thập tự giá Chúa Kitô. Thánh Phê-ô-đô-rô Stoudites đã nói như vậy trong Thánh ca của Tuần lễ Tôn kính Thánh giá, trong bài ca thứ 8: "Hỡi tiên tri Ê-li-sê, xin hãy đến và nói rõ: Cây gỗ mà ngài đã ném xuống nước ấy là gì? Đó chính là Thánh giá của Chúa Kitô, nhờ đó chúng ta đã được cứu thoát khỏi vực thẳm của sự hư nát." Vậy thì cây của Ê-li-sê, vốn là hình ảnh của Thánh Giá Chúa Kitô, liệu có phải là cây bốn nhánh, giống như Thánh Giá bốn nhánh chăng?

Và còn nhiều điều tương tự như vậy được tìm thấy trong Kinh Thánh Cựu Ước về Thập tự giá của Chúa, dưới hình thức các hình ảnh tiên báo và bóng mờ, mà chúng ta không đủ thời gian để liệt kê hết; những điều này hiện nay đủ để làm sáng tỏ vấn đề mà chúng ta đang tìm hiểu. Chúng ta chỉ cần nhắc lại một điều nữa: cây mà Achiô, quan tổng trấn Ammon, đã bị Holofernes trói tay chân vào trước thành Befulia, để làm chứng cho sự thật[510] , như đã được ghi chép chi tiết trong sách Judith; ai muốn biết chi tiết thì hãy xem ở đó: cây đó là hình bóng và biểu tượng của Thập tự giá Chúa, nơi mà Chúa chúng ta đã bị đóng đinh tay và chân trước thành Giê-ru-sa-lem. Vậy thì cây của A-hi-ô, vốn là hình bóng của Thập tự giá Chúa, liệu có bốn đầu như Thập tự giá bốn đầu chăng?

Trong Cựu Ước, những hình ảnh tiên báo và bóng dáng của Thập tự giá Chúa đã xuất hiện dưới dạng các vật thể vô tri, và một số trong số đó có bốn đầu, giống như Thập tự giá bốn đầu. Làm sao thập tự giá bốn đầu trong Cựu Ước lại có thể là hình bóng của thập tự giá tám đầu, khi mà thập tự giá bốn đầu không xuất hiện trong các hình ảnh và hình bóng hữu hình?

Chẳng lẽ những kẻ ly giáo lại nói rằng cây mà Mô-sê đã treo con rắn đồng lên trong sa mạc[511] chính là cây thập tự bốn đầu; bởi vì các họa sĩ vẽ tranh thánh cũng vẽ con rắn được treo trên cây, giống như cây thập tự bốn đầu. Nhưng trong Kinh Thánh Thánh không ghi như vậy; vì ở đó có chép rằng: Mô-sê đã làm một con rắn bằng đồng và dựng nó lên làm biểu tượng. Trên lá cờ nào? Có ai nói rằng đó là lá cờ thập tự không? Vậy hãy xem đoạn đó trong Kinh Thánh tiếng Hy Lạp, và ở đó hãy đọc và hiểu rằng lá cờ đó không phải là thập tự giá, mà là lá cờ quân đội, tức là lá cờ hoặc lá cờ hiệu. Bởi vì trong các đạo quân của dân Y-sơ-ra-ên, những người đã lang thang trong sa mạc suốt 40 năm, vì có 12 chi phái (ngoại trừ chi phái Lê-vi) và 12 thủ lĩnh, nên cũng có 12 lá cờ hoặc cờ hiệu (chứ không phải thập tự giá) được mang theo; như đã được ghi chép trong Sách Dân Số, chương 2: nơi Đức Chúa Trời dạy Môi-se cách sắp xếp các đạo quân của Y-sơ-ra-ên *theo trật tự, theo các lá cờ và theo gia tộc của họ*[512] , tức là theo dòng dõi của họ: vì mỗi dòng dõi đều bám theo đạo quân và lá cờ của mình[513] . Vì trên lá cờ của quân đoàn, Mô-sê đã giương con rắn lên trong sa mạc; bản văn tiếng Hy Lạp ghi như sau: ἐπὶ σημείου, tức là trên lá cờ[514] . Thánh Tử đạo Justinus, nhà triết học, đã trích dẫn đoạn Kinh Thánh này trong tác phẩm "Lời Bào chữa" của ngài, vốn được viết gửi cho Hoàng đế Antoninus của La Mã, và kể lại rằng Mô-sê đã giương con rắn đó lên trên cây giáo (cờ hiệu) và đặt nó dưới mái che thánh, vốn là nơi trú ẩn của dân Do Thái trong sa mạc thay cho nhà thờ[515] . Lá cờ đó thực sự là hình ảnh tiên báo và bóng râm của Thập tự giá Chúa, theo chính lời của Chúa, trong Phúc Âm, Ngài đã phán với Nicôđêmô: *"Như Mô-sê đã giương con rắn lên trong sa mạc, thì Con Người cũng phải được giương lên như* vậy"[516] : tuy nhiên, theo các văn bản Kinh Thánh, cái cây mà Mô-sê đã giương con rắn lên không phải là hình ảnh của Thánh Giá bốn đầu. Liệu con rắn có thể được miêu tả dưới hình dạng cây thánh giá bốn đầu hay không, trái ngược với hình ảnh của nó được đặt trên lá cờ hoặc trên lá cờ hiệu: như Giuse, trong Thánh ca số 8 của Thánh Ca, được sáng tác trước Lễ Nâng Thánh Giá, đã nói: *"Hãy treo cao trên cây, đối diện với con rắn", như đã được ghi chép trong " ", Mô-sê đã chỉ định cây thiêng liêng* đó là "[517] "; bởi vì con rắn được đặt đối diện với lá cờ, nên người ta có thể nhìn thấy hình thập tự bốn cánh. Còn chính cây đó không phải là cây bốn đầu, như cây thập tự bốn đầu. Nếu như cây đó là cây bốn đầu, thì đó sẽ không phải là hình dạng của cây thập tự tám đầu, mà là hình dạng của cây thập tự bốn đầu. Và khi các họa sĩ vẽ con rắn trên cây hình thập tự, điều đó có nghĩa là họ muốn vẽ theo

---

509 4 Vua 6:5 và 6.
510 Sách Giudit 6:10 và 11.
511 Sách Dân Số 21:8 và 9.
512 Sách Dân Số 2:1.
513 Sách Dân Số 2:2.
514 Sách Dân Số 21:8 và 9.
515 Ngày tưởng niệm: 1 tháng 6.
516 Giăng 3:14.
517 Châm Ngôn 13.

ý kiến riêng của mình. Những người này, khi vẽ bức tranh Giáng sinh của Chúa Kitô, lại vẽ Đức Trinh Nữ Rất Thánh đang nằm bên máng cỏ, như thể bà bị ốm sau khi sinh Chúa Kitô, mặc dù bà đã sinh con mà không bị bệnh và cũng không nằm: cũng vậy, họ vẽ Chúa Kitô đang được một bà đỡ bế và tắm rửa, như thể Ngài bị ô uế, dù thực tế Ngài được sinh ra mà không có ô uế, và cũng không có sự phục vụ của bà đỡ trong lúc Ngài chào đời, như đã được giải thích rõ ràng trong cuốn sách của chúng ta, vào ngày 25 tháng 12, trong bài giảng về Lễ Giáng Sinh của Chúa Kitô. Tôi cũng muốn nhắc thêm điều này về những họa sĩ tranh thánh thiếu sáng suốt: tại một tu viện danh tiếng nào đó, ở tiền sảnh nhà thờ, tôi đã thấy một bức tranh treo tường; trong đó miêu tả việc Đức Chúa Trời tạo dựng thế giới hữu hình này, và trong bức tranh đó, sự an nghỉ của Đức Chúa Trời vào ngày thứ bảy được miêu tả như sau: có một chiếc giường, trên giường có những chiếc gối được trải ra, và trên những chiếc gối đó, Đức Chúa Trời Cha đang nằm, còn phía trên Ngài có dòng chữ: "Đức Chúa Trời nghỉ ngơi sau mọi công việc của Ngài." Ôi sự thiếu hiểu biết! Lẽ nào Đức Chúa Trời lại nằm trên gối, trên giường? Và còn nhiều hình vẽ vô lý khác mà họ thường vẽ: như thánh tử đạo Christopher với cái đầu đang hát, các thánh tử đạo Flora và Laurus cùng với ngựa. Đó đều là những điều hư cấu. Họ cũng vẽ con rắn trên cây hình thập tự, nhưng điều này không trái với giáo lý của Giáo hội; chỉ vì những kẻ ly giáo mà họ đã sai lầm khi diễn giải, bởi vì cây đó không phải là thập tự giá bốn cánh, mà là lá cờ của quân đoàn, của quân đội. Vì lý do đó, họ đã loại bỏ hình ảnh cây thập tự tám cánh, để không ai khẳng định quan điểm của mình rằng đó là cây thập tự bốn cánh, mà chỉ coi đó là biểu tượng của cây thập tự bốn cánh. Bởi vì mái che (và tôi sẽ nói điều này để phản bác suy luận của họ) phải giống như vật mà nó che phủ; cũng như mắt chúng ta nhìn thấy, khi một người đi dưới ánh mặt trời chói chang, bóng của người ấy hiện ra giống hệt hình dáng con người: vì con người chỉ có một cái đầu, nên bóng của người ấy không hiện ra hai cái đầu; cũng vậy, con người có hai bàn tay, nên bóng của người ấy không hiện ra bốn bàn tay. Cũng có thể nói như vậy về dụng cụ mà Mô-sê đã giương con rắn lên trong sa mạc: nếu theo quan điểm của những kẻ ly giáo (chứ không phải theo Kinh Thánh), dụng cụ đó có bốn đầu, vì hình ảnh được thể hiện là cây thập tự bốn đầu, chứ không phải cây thập tự tám đầu.

Có những hình ảnh tiên báo khác về bóng râm của Thập tự giá Chúa trong các hành động của con người, những hình ảnh này đã tiên báo về những điều sẽ xảy ra trong tương lai.

Gia-cốp, người công chính thời Cựu Ước, được đầy dẫy ân tứ tiên tri, trước khi qua đời, khi ban phước cho hai con trai của Giô-sép là Ê-phra-im và Ma-na-si, đã hoán đổi hai bàn tay của mình, đặt tay phải lên con trai út là Ê-phra-im; còn tay trái thì đặt lên con trai cả là Ma-na-si[518] ; đó chính là hình ảnh tiên báo về Thánh Giá. Cũng như vậy, Giáo hội Chính thống của chúng ta, trong lễ Kính Thánh Giá, trong các bài thánh ca của nghi thức Liturgy, đã ca ngợi: *"Sự sắp xếp đôi tay của Thượng phụ Gia-cốp khi ban phước lành cho các con cái, xin hãy bày tỏ dấu hiệu uy quyền của Thánh Giá Ngài"*[519] . Tại đây, những kẻ ly giáo nói: "Đây là hình thập tự bốn cánh, che phủ hình thập tự tám cánh"; còn chúng tôi thì trả lời rằng: Hai bàn tay của Thánh Giacôbê, được xếp thành hình Thánh Giá, không phải chính là Thánh Giá bốn đầu, cũng không có tên gọi "Thánh Giá" ở đó, mà chỉ là hình ảnh bí ẩn của Thánh Giá mà thôi; còn Thánh Giá thì không phải là Thánh Giá tám đầu, mà là Thánh Giá bốn đầu. Nếu những kẻ ly giáo muốn cho rằng tư thế hai tay của Gia-cốp xếp thành hình thập tự chính là hình ảnh của thập tự giá tám cánh; thì họ nên đặt thêm vào tay Gia-cốp nhiều hơn hai bàn tay, để số cánh cũng nhiều hơn.

Máu Chiên Con tại Ai Cập, mà qua đó Đức Chúa Trời đã dẫn dắt dân Do Thái bôi lên ngưỡng cửa nhà mình và cả hai cánh cửa[520] , thì máu ấy (như Thánh Cyprian đã dạy) là hình bóng của Thánh Giá; bởi vì họ đã bôi trước tiên lên ngưỡng cửa trên, rồi ngưỡng cửa dưới, và cả hai cánh cửa. Tuy nhiên, việc bôi máu bốn lần đó không phải là chính Thánh Giá, mà chỉ là hình ảnh ẩn dụ của Thánh Giá; bởi vì ở đó không có tên gọi "Thánh Giá", và những người bôi máu cũng không biết đó là hình ảnh của Thánh Giá. Nhưng chúng ta, những người đang sống trong ân sủng mới, khi xem xét các quy định của Cựu Ước, nhận ra rằng đó là dấu hiệu báo trước của Thánh Giá, nhưng không phải là Thánh Giá tám cánh, mà là Thánh Giá bốn cánh. Nếu những kẻ ly giáo muốn cho rằng việc bôi máu Chiên Con lên các ngưỡng cửa và các thanh ngang là biểu tượng của Thánh Giá tám cánh; thì hãy thêm vào Kinh Thánh của họ, ở các khung cửa và thanh ngang đầu tiên, mỗi bên thêm hai khung cửa và hai thanh ngang nữa, để " " trên mọi cánh cửa nhà người Do Thái ở Ai Cập đều có bốn khung cửa và bốn thanh ngang, nhằm thể hiện hình ảnh của cây thập tự tám đầu.

---

[518] Sáng Thế Ký 48:14.

[519] Châm ngôn 14, chương 2. Tác phẩm của Cyprian.

[520] Xuất Ê-díp-tô 12:7.

Việc chia cắt Biển Đen bằng cây gậy của Mô-sê[521] đã tạo thành hình thánh giá. Bởi vì khi cây gậy của Mô-sê được đặt ngang qua chiều dài của biển, một hình thánh giá đã hiện ra; chính vì lý do đó mà Giáo hội ca ngợi: *"Mô-sê đã vạch nên hình thánh giá bằng cây gậy thẳng* của mình *và chia cắt* Biển *Đen, để dân Y-sơ-ra-ên có thể đi bộ qua"*[522] . Tuy nhiên, việc chia đôi biển đó không phải chính là Thập tự giá, mà chỉ là hình ảnh ẩn dụ của Thập tự giá; bởi vì lúc bấy giờ tên gọi "Thập tự giá" chưa xuất hiện trong Kinh Thánh, và người ta cũng chưa nhận ra rằng đó chính là hình ảnh của Thập tự giá. Nhưng chúng ta, những người đang sống trong ân sủng mới, khi xem xét Cựu Ước, nhận ra rằng đó là hình vẽ của thập tự giá, nhưng không phải là thập tự giá tám cánh, mà là thập tự giá bốn cánh. Nếu những kẻ ly giáo muốn rằng việc Mô-sê dùng cây gậy chia đôi Biển Đỏ phải là hình ảnh của cây thập tự tám cánh; vậy tại sao họ không cầu xin Thánh Mô-sê rằng ngài đừng chỉ đánh một lần dọc theo chiều dài biển bằng cây gậy của mình, mà hãy đánh ba lần, để hình ảnh cây thập tự tám cánh theo ý muốn của họ được hiện ra?

Tôi đã thấy trong bản thỉnh nguyện của Solovetsky gửi đến Đức vua Alexei Mikhailovich, người được tưởng nhớ với lòng kính trọng, có viết như sau: Thầy dạy toàn thể thế giới, Thánh Gioan Vàng Miệng, trong bài giảng Phúc Âm ngày Chúa Nhật, vào tuần thứ ba của Mùa Chay, đã không tôn kính cây thánh giá La Mã như là Thánh Giá chân chính của Chúa Kitô, mà chỉ gọi nó là hình ảnh và bóng dáng của Thánh Giá, v.v. Còn tôi thì đã lấy cuốn sách ra, đọc lại đoạn văn đó, và không tìm thấy trong đó cây thánh giá La Tinh, cũng không phải cây thánh giá bốn đầu hay tám đầu, mà chỉ có sự nhắc đến cây thánh giá của Chúa, được mô phỏng theo cây gậy của Mô-sê; về cây thập tự đó, dù là bốn cánh hay tám cánh, thì ở đó không đề cập đến; mà chỉ giải thích rằng cây gậy của Mô-sê, đã chia đôi Biển Đen, làm ngọt nước đắng ở sa mạc Merre, làm nước chảy ra từ đá khô cằn, biến nước thành máu để hành hạ dân Ai Cập, và là Đấng thực hiện nhiều phép lạ khác, chính là hình ảnh và bóng mát của Thập tự giá thiêng liêng và ban sự sống của Đấng Kitô. Còn chúng ta cần phải suy xét xem, tại sao cây gậy của Mô-sê lại là hình ảnh và bóng che của Thập tự giá Chúa Kitô, liệu có phải nhờ các đầu của nó không? Nhưng cây gậy của Mô-sê không có bốn đầu, mà chỉ có hai đầu, như các cây gậy thông thường, và các đầu của nó không tạo thành hình thập tự. Vậy thì tại sao cây gậy của Mô-sê lại là hình ảnh và bóng mát của Thập tự giá Chúa Kitô? Chính nhờ sức mạnh làm phép lạ mà Thiên Chúa đã ban cho nó, nhờ đó nó không tạo thành hình dạng nào của Thập tự giá, cũng không phải số lượng các nhánh của Thập tự giá, mà chính nó đã thể hiện sức mạnh làm phép lạ của Thập tự giá. Thư thỉnh cầu của Solovetsky là sai lầm, khi nó viện dẫn đến bài giảng được gọi là của Thánh Xa-lô-tu-stô, như thể Thánh Xa-lô-tu-stô đã viết về cây thánh giá La-tinh và không cho phép tôn kính nó. Hơn nữa, bài giảng đó dường như không phải của Thánh Xa-lô-tu-stô, mà là của một người khác. Điều này được chứng minh bằng hai lý do: thứ nhất, bài giảng đó giải thích Phúc Âm theo thánh Mác-cô, trong khi không tìm thấy bài giảng nào của thánh Zlatoust về Phúc Âm theo thánh Mác-cô, mà chỉ có về Phúc Âm theo thánh Mát-thêu và thánh Gio-an. Lý do thứ hai là nội dung bài giảng đó mâu thuẫn với lịch sử trong Kinh Thánh do Mô-sê ghi chép. Bởi vì trong đó có ghi chép như thể Mô-sê đã dùng cây gậy của mình để làm ngọt nước đắng ở Mê-rê-ki-a; nhưng điều này không phải là sự thật. Vì Mô-sê đã làm ngọt nước Merreya không phải bằng cây gậy của mình, mà bằng một cây nào đó khác, do Đức Chúa Trời chỉ cho ông, như đã được ghi rõ trong sách Xuất Hành, chương 15, nơi chép rằng: *"Đức Chúa Trời chỉ cho ông một cây, và ông ném nó vào nước, thì nước trở nên* ngọt[523] ." Chính cây khác đó, được Chúa chỉ cho, đã làm ngọt nước đắng, chứ không phải cây gậy của Mô-sê. Và các rabbi Do Thái kể lại rằng cây đó, được Đức Chúa Trời chỉ cho Mô-sê để làm ngọt nước Merreh, có tên là *adelpha,* vốn dĩ rất đắng và độc hại. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời đã thực hiện một phép lạ vĩ đại hơn, và để tỏ ra quyền năng toàn năng của Ngài cho loài người, Ngài đã dùng cây đắng và độc hại ấy để làm ngọt và làm lành những dòng nước đắng và độc hại, chữa lành điều trái ngược bằng chính điều trái ngược. Chúng ta nói rằng, trong sự kiện này đã được báo trước nỗi đau khổ của sự chịu khổ tự nguyện của Đức Kitô và cái chết trên thập giá của Ngài, nhờ đó, loài người bị tội lỗi làm cho đau khổ và đang trượt dốc vào cái chết đã được ban cho sự cứu rỗi và sự ngọt ngào của sự sống bất tử. Nỗi đau khổ của sự chịu khổ trên thập tự giá của Chúa đã làm ngọt ngào những bệnh tật và vết vả mà các Tông đồ phải gánh chịu trong việc rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô, những hành động chịu khổ của các vị tử đạo, và những bài học kiêng khem của các vị thánh. Và ngay cả bây giờ, nó cũng làm ngọt ngào mọi nỗi đau khổ cho những ai mang Chúa Kitô bị đóng đinh trong tâm trí mình. Vì chính cây thập tự, chứ không phải cây gậy của Mô-sê, đã làm dịu đi nỗi khổ vì khát

---

[521] Xuất Ê-díp-tô 14:21.
[522] Giọng 8, bài hát 1.
[523] Xuất Ê-díp-tô 15:25.

nước trong sa mạc. Dựa trên hai lý lẽ đó, ta nhận ra rằng lời nói ấy không phải của Thánh Giê-rô-ni-mô, mà là của một người nào khác, không mấy thông thạo. Còn chúng ta, hãy quay trở lại với những hình ảnh tiên báo về Thập tự giá, đã hiện diện trong các hành động của con người.

Ba vị thánh: Mô-sê, Giê-su Na-vin và tiên tri Giô-na, với hai tay giơ cao lên trời, cầu nguyện cùng Thiên Chúa, đã hình thành hình ảnh Thập giá của Chúa.

Về Mô-sê, trong các bài thánh ca mừng Lễ Nâng Thánh Giá, người ta hát như sau: "Mô-sê đã tiên báo cho ngươi, giơ hai tay lên cao: và đã chiến thắng A-ma-li-cơ, kẻ hành hạ, hỡi Thánh Giá đáng kính, niềm tự hào của những người trung thành."

Về Giê-su Na-vi, trong các bài thánh ca của lễ này, người ta hát như sau: Từ xa xưa, Giê-su Na-vi đã tiên báo một cách huyền bí hình ảnh Thánh Giá, khi Ngài giang hai tay thành hình chữ thập, Đấng Cứu Chuộc của con! và làm cho mặt trời đứng yên, cho đến khi Ngài đánh bại kẻ thù.

Về Giô-na trong bài ca thứ sáu: Trong bụng con thú nước, Giô-na đã giang hai tay thành hình chữ thập, hiện ra hình ảnh của cuộc khổ nạn cứu độ.

Tuy nhiên, việc giang rộng hai tay của họ không phải chính là cây Thập tự giá, mà chỉ là sự biến hình bí ẩn của cây Thập tự giá: bởi vì khi họ giang rộng hai tay, tên gọi "Thập tự giá" không được nhắc đến; có lẽ nhờ tinh thần tiên tri, họ đã tiên kiến được sự đau khổ của Chúa trên Thập tự giá, và bằng cách giang rộng hai tay như vậy, họ đã cầu nguyện với Ngài, tự mình tạo thành hình ảnh cây Thập tự giá; còn thập tự giá đó không phải là thập tự giá tám cánh, mà là thập tự giá bốn cánh. Nếu những kẻ ly giáo muốn cho tư thế giang tay của các vị thánh nhân ấy tượng trưng cho cây thập tự tám cánh, thì họ nên thêm vào mỗi người hai cặp tay nữa, để mỗi người có sáu tay, và như vậy, theo ý muốn của họ, hình ảnh cây thập tự tám cánh sẽ được thể hiện.

Ngoài ra, người ta còn kể về Đa-ni-ên, người đã dang tay thành hình thập tự trong hố sư tử, và dùng lời cầu nguyện bịt miệng những con thú; như bài thánh ca trong nhà thờ đã loan báo, hãy hát: Đa-ni-ên dang rộng hai tay, che lấp miệng những con sư tử đang há miệng trong hố[524] . Tuy nhiên, tư thế dang tay của ông mang hình dáng và bóng dáng của cây thánh giá bốn đầu, chứ không phải cây thánh giá tám đầu.

Sự sắp xếp các đạo quân của dân Y-sơ-ra-ên trong sa mạc thành bốn phần[525] , là hình ảnh tiên tri của Thập tự giá bốn đầu của Chúa, như sau:

Ở giữa là lều chứng cớ với Hòm Giao Ước, và chi phái Lê-vi, là những người làm chức tư tế.

Phía trước, từ phía đông, có ba đoàn quân: Giu-đa, Y-sa-ca và Xa-bu-lôn.

Phía sau, từ phía tây, có ba đoàn: Ephraim, Manasseh và Benjamin.

Bên phải, hướng nam, có ba đoàn quân: Ru-bên, Si-mê-ôn và Ga-đi.

Ở phía bên trái, hướng bắc, có ba đoàn quân: Dan, Assur và Nephthali.

[524] Giọng 4, bài 8.
[525] Sách Dân Số 2

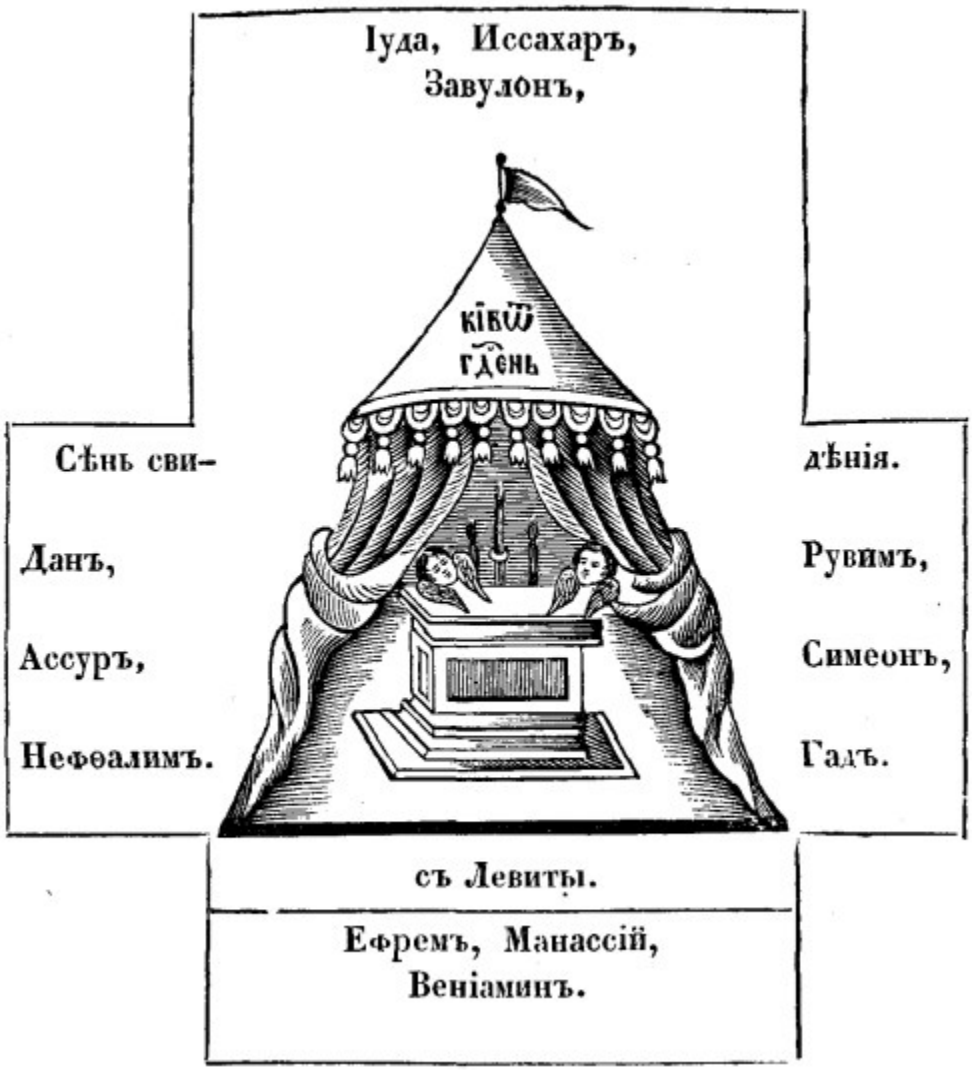

Và như vậy, đội quân dân quân của dân Y-sơ-ra-ên trong sa mạc có hình chữ thập.

Điều này cũng được nhắc đến trong Thánh Vịnh Vuzhensky, bài 4, câu 3, như sau: "Dân chúng được chia thành bốn phần, được tổ chức một cách thiêng liêng, đi trước theo hình thức chứng ngôn của Đền Tạm, được tôn vinh bằng các hàng ngũ hình chữ thập."

Tuy nhiên, đội hình hình chữ thập của họ lúc bấy giờ không phải là chính cây thập tự, mà chỉ là hình bóng bí ẩn của cây thập tự. Bởi vì trong Kinh Thánh, tên gọi "thập tự" không được nhắc đến khi nói về đội hình đó, và dân chúng lúc bấy giờ cũng không nhận ra rằng đó là hình ảnh của cây thập tự. Nhưng chúng ta, những người đang sống trong ân sủng mới, khi xem xét Cựu Ước, nhận ra rằng đó là hình bóng của thập tự giá; không phải thập tự giá tám cánh, mà là thập tự giá bốn cánh. Nếu những kẻ ly giáo muốn cho rằng đội hình hình thập tự của dân Y-sơ-ra-ên là hình bóng của thập tự giá tám cánh; thì lẽ ra họ phải thuyết phục Mô-sê, để ông, thay vì vâng lời Đức Chúa Trời ra lệnh sắp xếp các đội quân thành bốn phần, lại nghe theo họ và sắp xếp các đội quân thành tám phần, hầu cho cây thập tự tám cánh theo ý muốn của họ được thực hiện.

Hai khúc củi mà người góa phụ ở Sarepta, thành Sidon, đã thu lượm để nướng bánh không men[526] , (theo lời giải thích của các nhà chú giải) là hình ảnh tiên báo của Thánh Giá Chúa. Trong lời giải thích có viết như sau: vì lý do đó, người góa phụ đã thu lượm hai khúc củi, như thể bà đang đón nhận Chúa Kitô theo hình ảnh của Ê-li; bà muốn thu lượm hai khúc củi, vì mong muốn hiểu biết mầu nhiệm của Thánh Giá. Hai khúc củi ấy không phải chính là Thánh Giá, mà chỉ là hình ảnh bí ẩn của Thánh Giá; còn Thánh Giá thì không phải là Thánh Giá tám cánh, mà là Thánh Giá bốn cánh. Nếu những kẻ ly giáo muốn cho rằng hai khúc củi ấy là bóng dáng của Thánh Giá tám cánh,

[526] 1 Vua 17, câu 12.

thì lẽ ra phải khuyên người góa phụ ấy thu lượm không phải hai, mà là bốn khúc củi, và như vậy thì hình ảnh Thánh Giá tám cánh mà họ mong muốn mới được thể hiện.

Hình ảnh thứ ba và bóng của Thánh Giá Chúa, trong các thị kiến và mặc khải đã được ban cho các thánh tổ phụ và các tiên tri.

Cầu thang của Giacóp, mà ông đã thấy trong giấc mơ, được đặt vững trên đất, đỉnh của nó vươn tới trời cao; điều này, cũng như Đức Trinh Nữ Maria, là hình ảnh tiên báo về Thánh Giá của Chúa, theo lời chứng của Thánh Cyril thành Alexandria và Thánh Germanus, Tổng Giám mục Constantinopolis[527] : Chúa, khi ngự trên đó, đã báo trước rằng, sau khi nhận lấy xác phàm từ lòng Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm, Ngài sẽ bị đóng đinh trên Thập Tự Giá, và biến Thập Tự Giá thành thang lên trời. Bởi vì chính Ngài cũng đã leo lên trời bằng Thập Tự Giá, như lời Ngài phán: *"Chẳng phải chính điều này là điều đáng để Đức Kitô phải chịu đau khổ, và bước vào vinh quang của Ngài sao*?"[528] . Ngài cũng truyền cho các môn đệ của mình phải dùng thập giá, tức là qua những đau khổ, để leo lên trời, và phán rằng: *"Ai muốn theo Ta, hãy vác thập giá của* mình"[529] . Thánh nữ tử đạo Perpetua, được tôn kính vào ngày 1 tháng 2, trước khi chịu đau khổ, đã thấy một chiếc thang vàng rất lớn, vươn tới tận trời; còn ở bên kia của chiếc thang ấy, vô số vũ khí sắt nhọn được treo lủng lẳng: gươm, dao, dao cạo, giáo, đinh, cần câu và những thứ tương tự khác[530] ; tất cả những điều đó đều báo trước cuộc tử đạo và sự thăng thiên vinh quang của bà. Cũng vậy, Thánh Sadof, Giám mục xứ Ba Tư, được tôn kính vào ngày 20 tháng Hai, trước khi chịu khổ nạn, đã thấy một chiếc thang vươn tới trời cao, và Thánh Simeon, vị Giám mục đã chịu khổ nạn trước đó, đang đứng trên đó trong vinh quang vĩ đại, và ngài đã kêu gọi ngài đang đứng dưới đất: "Hãy lên với ta, Sadof[531] !"

Chữ cái Hy Lạp *"ταυ*" (tau), được viết giống như chữ cái đầu tiên trong bảng chữ cái của chúng ta, chính là dấu hiệu mà Thiên Thần của Chúa đã đánh dấu trên trán của dân Chúa tại Giê-ru-sa-lem, để họ được bảo vệ khỏi cái chết tàn khốc đang rình rập; như đã được mô tả trong sách Khải Huyền của Thánh Tiên Tri Ê-xê-chi-ên[532] . Chữ viết ấy là hình ảnh tiên báo của Thập tự giá Chúa, nhờ đó chúng ta được đóng ấn trong Bí tích Xức dầu Thánh, và khi được đánh dấu bằng dấu hiệu ấy, chúng ta được bảo vệ khỏi mọi điều ác nhờ quyền năng của Chúa chúng ta, Đấng đã chịu khổ nạn trên Thập tự giá.

Cây gậy và cây gậy lớn, mà vị Thi sĩ đã an ủi khi nói: *"Cây gậy của Ngài và cây gậy lớn của Ngài, chính là nguồn an ủi cho con*" ([533]), đã là hình bóng của Thập tự giá Chúa. Thánh Athanasius, Tổng Giám mục, đã nói như sau: "Cây gậy và cây gậy lớn là Thập tự giá đối với những người tin, bởi nhờ đó họ được củng cố và được cứu rỗi." Cũng vậy, nhà giải thích Euphimius đã nói: "Hãy hiểu cây gậy và cây gậy lớn là Thập tự giá, vì nó được cấu thành từ hai phần; phần thẳng đứng được gọi là cây gậy lớn, nhờ đó chúng ta được nâng dậy khỏi sự lầm lạc; còn phần ngang được gọi là cây gậy, nhờ đó Chúa đánh và đập tan các quỷ dữ." Bởi vì những kẻ muốn đánh người chịu phép rửa thường giơ cây gậy lên, rồi giơ ngược lại để giáng đòn, nhằm gây ra những cú đánh đau đớn nhất. Đến đây là lời của Euphemius. Còn chúng ta thì biết rõ rằng cây gậy và cây gậy lớn, trong sự mặc khải của các tiên tri, chính là hình ảnh của thập tự giá, tức là thập tự giá bốn đầu, chứ không phải tám đầu.

Quyền năng trên vai của Ê-ma-nu-ên, điều mà Ê-sai đã tiên tri về, rằng: "Quyền năng *sẽ ở trên vai Ngài*" ([534]), đã báo trước (theo lời giải thích của các nhà chú giải) về cây thập tự, mà chính Chúa Kitô sẽ vác trên vai Ngài.

Và còn nhiều lời mặc khải khác của các Tiên tri của Đức Chúa Trời về Thập tự giá của Chúa: như lời Đức Chúa Kitô phán với Đa-vít: *"Họ đã đục khoét tay và chân tôi*"[535] . Và Ê-sai đã nói: "Người ấy *sẽ mang tội lỗi của nhiều người lên cây gỗ*"[536] . Và Giê-rê-mi đã nói thay cho những kẻ thù ghét Đấng Christ: *"Hãy đến, chúng ta hãy đặt cây gỗ vào bánh của Ngài"*[537] , tức là cây thập tự giá sẽ được đặt lên thân thể Đấng Christ, Đấng được gọi là

---

527 Thánh Cyril, quyển 8, về Phúc Âm theo Thánh Gioan, chương 17. Thánh Germanus về việc tôn kính Thánh Giá.
528 Luca 24:20.
529 Mác 8:34.
530 Ngày 1 tháng 2, trang 406.
531 Ngày 20 tháng 2, trang 483.
532 Ê-xê-chi-ên 9:8 Ngày 21 tháng 7, trang 343 ở mặt sau.
533 Thi Thiên 22:4.
534 Ê-sai 9:6.
535 Thi Thiên 21:18.
536 Ê-sai 33:12 và 1 Phi-e-rơ 2:24.
537 Giê-rê-mi 11:19.

Bánh Trời. Còn những sự hiện ra khác về điều này do các Tiên tri khác nói đến, chúng ta không đủ thời gian để thu thập hết tại đây; những điều đã được nhắc đến là đủ để làm sáng tỏ vấn đề mà chúng ta đang tìm hiểu.

Chúng tôi chỉ trình bày những hình ảnh và bóng dáng của Thập tự giá Chúa, một số xuất phát từ những vật chất vô hình, một số từ những hành động của con người, những điều mà các Tiên tri đã tiên báo về tương lai, và một số từ những mặc khải mà các Tiên tri thánh đã nhận được từ Đức Chúa Trời; và chúng tôi không tìm thấy ở đâu hình dạng thực sự của Thánh Giá bốn đầu, vốn là hình bóng của Thánh Giá tám đầu; cũng không nghe thấy tên gọi "Thánh Giá" trong Cựu Ước. Chúng tôi chỉ nhận thấy rằng có một số hình ảnh của Thánh Giá bốn đầu, chứ không phải Thánh Giá tám đầu, và những hình ảnh đó chỉ xuất hiện trong những hình bóng và điềm báo, chứ không phải trong thực tế.

Những kẻ ly giáo đang phạm tội dị giáo khi phỉ báng Thánh giá bốn đầu của Chúa, gọi nó là "thánh giá trống rỗng", so sánh nó với hình bóng của Thánh giá tám đầu, và chỉ trích bằng những lời nói tục tĩu khác.

Chúng ta không loại trừ thập tự giá tám cánh, cũng như những hình thức có nhiều cánh hơn: tất cả đều được tôn kính như nhau (như đã nói trước đây), để tưởng nhớ sự chịu khổ của Chúa; nhưng chúng ta vạch trần và bác bỏ những suy luận điên rồ của những kẻ ly giáo, những kẻ phỉ báng thập tự giá bốn cánh của Chúa.

Vì lý do nào mà trong Cựu Ước không tìm thấy hình ảnh cây thập tự, cũng như không có tên gọi "thập tự"?

Hình phạt đóng đinh không phải là hình phạt của người Do Thái, mà là của người ngoại đạo. Đó là hình phạt của người La Mã, người Hy Lạp và các dân tộc ngoại đạo khác. Còn đối với người Do Thái trong Cựu Ước, không có tập tục nào như vậy, tức là xử tử ai đó bằng hình thức đóng đinh; từ khi họ ra khỏi Ai Cập cho đến khi các vua lên ngôi, ba hình thức tử hình thông thường là: ném đá, thiêu sống, và treo cổ trên cây; chứ không phải trên cây thập tự; vì nếu họ xử tử ai đó trên cây thập tự, thì chắc chắn sẽ có những ghi chép về cây thập tự trong Kinh Thánh của họ; nhưng chỉ đơn thuần là trên cây, tức là trên giá treo cổ, hoặc trên cây mọc trên rễ của chính nó với các cành. Và trong Kinh Thánh của họ có chép về những kẻ bị treo cổ: *"Ai bị treo trên cây đều bị rủa sả*" ([538]). Khi vương quốc của họ được thiết lập, thì hình phạt thứ tư được áp dụng, đó là giết những kẻ có tội bằng gươm; như vậy, vua Salômôn đã dùng gươm giết Adonia và Ioav ([539]), và Hê-rốt đã giết Thánh Gioan Tiền Hô. Còn về thập tự giá, họ hoàn toàn không có, cũng chưa từng nghe nói đến thập tự giá trong dòng dõi của họ, và họ cũng không biết đến chúng, cho đến khi Tướng La Mã Pompey dẫn quân đến Palestine, chiếm thành Jerusalem, chinh phục toàn bộ xứ Giu-đê và biến nó thành thuộc địa của Đế chế La Mã; điều đó xảy ra trước khi Chúa Giêsu ra đời khoảng 50 năm hoặc hơn. Lúc bấy giờ, người Do Thái mới nhìn thấy và nhận biết thập tự giá; khi người La Mã bắt đầu thi hành án tử hình bằng thập tự giá, đóng đinh những kẻ nổi loạn Do Thái lên các thập tự giá La Mã của họ, như trường hợp vua Antigonus của người Do Thái – người trị vì trước thời Hê-rốt – đã bị đóng đinh. Và cho đến khi họ chưa nằm dưới sự cai trị của La Mã, họ vẫn chưa biết đến thập tự giá. Chính vì lý do đó, trong Kinh Thánh Cựu Ước của họ, không nơi nào đề cập đến thập tự giá, cũng không nhắc đến tên gọi "thập tự giá".

Từ đó, cuộc nghiên cứu này cho thấy rõ ràng rằng trong Cựu Ước không có thập tự giá bốn cánh hay hình bóng của thập tự giá tám cánh.

Chỉ có những hình ảnh biểu tượng và bóng dáng của thập tự giá bốn cánh, chứ không phải thập tự giá tám cánh.

Nếu những kẻ ly giáo, với sự cứng đầu của mình, muốn biến sự phỉ báng dối trá của họ đối với thập tự giá bốn đầu thành một điều chính đáng; thì hãy chỉ cho chúng ta ngay bây giờ một bằng chứng nào đó từ Kinh Thánh, hoặc từ các Thánh Tổ (không phải từ những bức thư dối trá và phỉ báng do chính họ bịa đặt, mà từ các văn bản cổ xưa của Giáo hội), chứng minh rằng thập tự giá bốn cánh bị phỉ báng, và chỉ có thập tự giá tám cánh mới được tôn kính. Thập tự giá tám cánh là chính đáng, nhưng thập tự giá bốn cánh cũng không phải là sai trái; về nó, như chúng tôi đã nói, tất cả các hình ảnh tiên tri trong Cựu Ước đều hướng đến, và nhờ hình ảnh bốn cánh của nó mà mọi sự đều được chúc lành và thánh hóa. Họ, khi khẳng định quan điểm của mình về thập tự giá tám cánh, đã dẫn chứng những lời đã được ghi chép trước đó trong Octoechos, nói rằng: *"Đức Kitô đã bị đóng đinh trên cây bách, cây thông và cây tuyết tùng*" ([540]): bởi vì thập tự giá của Đức Kitô không được làm từ hai cây, mà từ ba cây, nên nó không phải là thập tự giá bốn cánh; còn chúng tôi thì nói rằng, nó cũng không phải là thập tự giá tám góc, trừ khi nó

---

[538] Đệ Nhị Luật 21:23.

[539] 3 Vua 2:25.

[540] Giọng 2, vào thứ Tư, bài hát 9 và giọng 3, vào thứ Tư và thứ Sáu của Lễ Sedalny.

là thập tự giá sáu góc. Bởi vì từ ba cây gỗ thì không thể tạo thành thập tự giá tám góc, trừ khi thêm vào một cây gỗ thứ tư nào đó, để thập tự giá tám góc được hoàn thiện.

Họ nói: "Bảng hiệu trên thập tự giá, mà Pilate đã treo lên, chính là điều đã hoàn thiện hình dạng tám cánh của thập tự giá." Những ai nói như vậy hãy chỉ cho chúng ta biết, bảng hiệu đó được viết trên vật gì? Trên giấy, như chúng ta thấy các họa sĩ vẽ tranh thánh thường vẽ (và như trên chiếc chén thánh của Thánh Antôn người La Mã, cây thập tự của Chúa Kitô được khắc họa với dòng chữ trên giấy), hay dòng chữ của Chúa Kitô được khắc trên thiếc, trên đồng, hay trên gỗ? Trong các sách Nga của chúng ta không tìm thấy thông tin xác thực về chất liệu mà dòng chữ của Chúa Kitô được viết lên. Có thông tin về điều đó ở đâu đó, nhưng không phải trong các sách Nga của chúng ta, mà là trong các sách nước ngoài, điều này sẽ được đề cập dưới đây. Ở đây, chúng ta nói rằng, dù dòng chữ đó được viết trên giấy, trên thiếc hay trên đồng; thì tại sáu đầu của cây thập tự ba thanh, không thể có hai đầu nổi bật, cũng không thể hoàn thành hình thập tự tám đầu . Còn nếu danh hiệu được viết trên gỗ, thì là loại gỗ nào? Và cần phải thêm một thanh gỗ thứ tư nào đó vào ba thanh gỗ đã nêu trước đó, để cây thập tự trở thành hình thập tự tám đầu. Khi đã thêm cây thứ tư vào ba cây kia, thì (dù điều này có đi ngược lại với suy luận của những kẻ ly giáo) những lời giáo lý được ghi trong Octoechos sẽ không còn đúng nữa, vì chúng khẳng định rằng Chúa Kitô bị đóng đinh chỉ trên ba cây gỗ: bởi vì lúc đó sẽ có một cây thứ tư nào đó trong thập tự giá. Không biết những kẻ ly giáo sẽ cố chấp vào điều gì, là thập tự giá tám nhánh hay thập tự giá ba nhánh. Bởi vì nếu họ nói thập tự giá của Chúa Kitô chỉ có ba nhánh; thì theo suy luận của họ, thập tự giá sẽ không phải là tám nhánh, mà là sáu nhánh. Còn nếu họ khẳng định phải thực hiện hình thập tự tám đầu; thì thập tự giá của Chúa Kitô sẽ không phải là ba thanh gỗ, mà là bốn thanh gỗ. Và như vậy, đức tin của họ – dù là vào hình thập tự ba thanh gỗ hay hình thập tự tám đầu – dù tự xưng là tin vào Thiên Chúa, cũng sẽ không có nền tảng vững chắc. Chúng ta, trong Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế duy nhất của chúng ta, thập tự bốn đầu (chứ không phải tám đầu), Đấng đã bị đóng đinh trên thập tự giá, đặt niềm tin và hy vọng vào Ngài, chứ không phải vào thập tự ba đầu hay thập tự tám đầu; chúng tôi tin và tuyên xưng cùng với Hội Thánh Thánh Thiện rằng: Thập tự giá của Chúa Kitô quả thực là thập tự ba đầu, và các chữ trên thập tự giá, đã có: nhưng cây thập tự ba thanh và cây thập tự tám đầu không phủ nhận cây thập tự bốn đầu của Chúa Kitô, cũng không biến nó thành thần tượng của Antichrist, thành sự ghê tởm của sự hoang tàn, và thành dấu ấn của Antichrist. Có đoạn Kinh Thánh nào phỉ báng cây thập tự bốn đầu của Chúa Kitô như vậy không? Các Tông đồ và các vị Thầy của toàn thể nhân loại đã bác bỏ Thập tự giá bốn đầu của Chúa Kitô chưa? Không ai cả; chỉ có những kẻ ly giáo, bằng những suy luận điên rồ của mình, đã bịa đặt ra cây thập tự tám cánh, tin vào cây thập tự đó hơn là tin vào chính Chúa Kitô, và đặt toàn bộ công sức suy luận cũng như toàn bộ đức tin của họ vào cây thập tự tám cánh ấy.

Còn chúng tôi thì nói rằng, việc bàn luận quá nhiều và quá mức về điều này chủ yếu xuất phát từ sự tò mò hơn là lòng đạo đức. Huống chi việc gây ra những chia rẽ trong Hội Thánh của Chúa Kitô và tách rời dân chúng đơn sơ khỏi sự hiệp nhất của Hội Thánh, đó là sự bất kính và chống lại chính Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta. Vì đức tin và sự cứu rỗi của chúng ta không nằm ở số lượng các thanh gỗ của Thánh Giá, cũng không nằm ở số lượng các góc của Thánh Giá, mà nằm ở chính Đức Kitô, Chúa của chúng ta, Đấng duy nhất, Đấng đã bị đóng đinh trên Thánh Giá. Chỉ cần tin và xưng nhận rằng Chúa của chúng ta đã bị đóng đinh trên Thánh Giá vì chúng ta là đủ. Còn việc đặt niềm tin và hy vọng cứu rỗi vào số cây thánh giá hay số sừng thánh giá, liệu có phải là chống lại chính Đức Kitô hay không, xin mỗi người tự phán xét. Phải chăng những cây thánh giá hay những chiếc sừng thánh giá đã cứu chuộc chúng ta? Chẳng phải chính Đức Kitô là Đấng đã cứu chuộc chúng ta, khi Ngài đổ máu của Ngài ra vì chúng ta trên thập giá sao? Và thập giá của Đức Kitô không được tôn kính vì số lượng cây thánh giá hay số lượng chiếc sừng thánh giá, mà là vì chính Đức Kitô, Đấng đã nhuộm đỏ thập giá bằng máu thánh của Ngài. Và dù cây Thập tự nào thực hiện phép lạ và quyền năng, thì nó không tự mình hành động, mà là nhờ quyền năng của Đấng Kitô đã bị đóng đinh trên đó, và nhờ việc kêu cầu danh thánh của Ngài. Cây Thập tự tám đầu là thiêng liêng, cây Thập tự bốn đầu cũng thiêng liêng; cả hai đều thiêng liêng như nhau, và cả hai đều có quyền năng ngang nhau; mỗi cây Thánh Giá được gọi như vậy đều là Thánh Giá ban sự sống của Đức Kitô: cả hai đều không phải là thần linh để chúng ta tin thờ, nhưng là những dấu chỉ về cuộc khổ nạn của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, Đấng duy nhất mà chúng ta tin tưởng, và vì Ngài mà chúng ta tôn kính bất kỳ cây Thánh Giá nào. Vậy thì tại sao Giáo hội lại phải chia rẽ vì cây thánh giá bốn đầu? Liệu cây thánh giá bốn đầu có phải là tà giáo và chống lại Thiên Chúa không? Tương tự, liệu cây thánh giá tám đầu có phải là giáo lý đức tin không?

Hơn nữa, để ngăn chặn những lời phỉ báng của những kẻ dị giáo và làm chứng về Thánh giá bốn đầu, tôi xin trích dẫn những bằng chứng sau đây.

Các bằng chứng về Thánh giá bốn đầu:

Vào ngày 14 tháng Chín, trong Thánh lễ Buổi sáng, sau bài Ca ngợi vĩ đại, trong các bài thánh ca tôn kính Thánh giá, người ta hát như sau: "Thế giới *bốn phương* hôm nay được thánh hóa, nhờ *Thánh giá bốn phần của Ngài* được dựng lên, lạy *Chúa Kitô, Thiên Chúa."* Trong Sách Thánh ca Moscow dành cho Thánh Giá, bài thánh ca do Thánh Grigorius Sinaita sáng tác, trong bài thánh ca đó, bài hát đầu tiên có nội dung như sau: "Thánh Giá vô cùng tôn kính, sức mạnh *bốn góc*, vẻ đẹp của các Tông đồ."

Trong cùng bản Thánh ca đó, ở bài ca thứ 4, có đoạn như sau: "Chiều cao của Ngài, Thánh Giá ban sự sống, đánh bại chúa tể của không trung, và chiều sâu của Ngài tiêu diệt con rắn trong vực thẳm vô tận, chiều rộng của Ngài lại bao trùm, lật đổ chúa tể trần gian bằng sức mạnh của Ngài." Đó chính là Thánh Giá bốn đầu, có chiều cao, chiều sâu và chiều rộng.

Cũng trong cùng bài thánh ca đó, ở bài hát thứ 8, có đoạn như sau: Ngài đã nâng cao bản tính sa ngã của chúng con nhờ Đức Kitô bị đóng đinh, và đã phục hồi lại, hỡi Chiều cao Thần thánh, Chiều sâu không thể diễn tả, Ngài là dấu chỉ của Đức Kitô, hỡi Thánh giá vô cùng phong phú, và Chiều rộng vô biên, và là dấu chỉ của Ba Ngôi không thể thấu hiểu, hỡi Đấng ban sự sống.

Chính trên Thập tự giá của Đức Kitô, bốn khía cạnh được tôn vinh, chứ không phải tám khía cạnh: chiều cao, chiều sâu và chiều rộng. Và vì thế, Thập tự giá được gọi là hình ảnh của Ba Ngôi, gồm ba phần, ba tình yêu, ba phúc lành, và Ba Ngôi Thánh. Vì chiều cao tượng trưng cho Đức Cha, Đấng ngự trên các tầng trời cao nhất; chiều sâu tượng trưng cho Đức Con, Đấng đã xuống tận địa ngục; còn chiều rộng cùng với chiều dài tượng trưng cho Đức Thánh Thần, Đấng hiện diện khắp mọi nơi và lấp đầy vạn vật. Chính vì lý do đó, khi làm dấu thánh giá, chúng ta nói: "Nhân danh Đức Cha, Đức Con và Đức Thánh Thần."

Thánh Athanasius Đại Đế trong câu hỏi 41 đã nói: *"Chúng ta thờ lạy hình ảnh Thánh Giá, được ghép từ hai thanh gỗ, chia thành bốn hướng*[541] ."

Thánh Gioan Damascene, trong quyển 4 về Đức tin Chính thống, tại chương 12, đã viết như sau: "Bốn góc của Thánh Giá được giữ vững và kết nối với nhau bởi trung tâm; cũng như vậy, nhờ quyền năng của Thiên Chúa, chiều cao và chiều sâu, chiều dài và chiều rộng đều được duy trì."

Trong cuốn sách được gọi là "Phúc Âm Giảng Dạy Chủ Nhật", được in tại Moscow, trong bài giảng về Lễ Nâng Thánh Giá, trang 347 mặt sau, có ghi như sau: Hình ảnh Thánh Giá, được chia thành bốn hướng, qua dấu hiệu trung tâm cho thấy rằng mọi sự đều được duy trì bởi quyền năng của Đức Chúa Trời; phần trên được giữ bởi góc trên, phần dưới bởi góc dưới, còn phần giữa bởi hai hướng, tức là hai đầu của cây Thánh Giá đáng kính.

Và cũng tại đó còn được ghi chép: Thánh Phaolô cũng đã chỉ ra điều này khi nói với các tín hữu Ê-phê-sô: *"Để anh em có thể hiểu cùng với tất cả các Thánh, rằng chiều rộng, chiều sâu, chiều dài và chiều cao* là gì[542] ." Ngài dùng "chiều cao" để chỉ thiên đàng, "chiều sâu" để chỉ địa ngục, còn "chiều rộng" và "chiều dài" để chỉ hai đầu ở giữa, tất cả đều được duy trì bởi quyền năng toàn năng.

Còn Thánh Giuse Kim Khẩu, khi giải thích những lời của Thánh Phaolô, đã nói: *"Ngài đề cập đến chiều rộng và chiều dài, cũng như chiều sâu và chiều cao: tức là để nhận biết sự vĩ đại của tình yêu Thiên Chúa, cách mà tình yêu ấy lan tỏa khắp mọi nơi"*[543] .

Còn những chứng cớ khác về Thập tự giá bốn đầu, hãy xem trong cuốn sách mang tên "Cây Gậy" và trong cuốn sách được gọi là "Uvet".

Nhưng chính thế giới hữu hình này cũng được Đức Chúa Trời tạo dựng theo hình ảnh của cây thập tự bốn đầu. Ngài đã chia thế giới thành bốn phần: đông, tây, nam, bắc.

Và Đức Chúa Trời cũng đã tạo dựng con người theo hình ảnh của cây thập tự bốn đầu; vì khi con người dang rộng hai tay ra, thì trông giống như cây thập tự bốn đầu.

Đó là những chứng cứ dồi dào từ các Thánh Tổ và các sách thánh về Thánh giá bốn đầu! Còn những kẻ ly giáo thì không hề e ngại mà vẫn tìm mọi cách để phỉ báng điều đó.

PHẦN THỨ HAI VỀ THẬP TỰ GIÁ

Chúa Kitô đã bị đóng đinh trên cây thập tự nào: cây thập tự La Mã hay cây thập tự Bryn?

---

[541] Trong sách "Cây gậy", trang 66.

[542] Ê-phê-sô 3:18.

[543] Thánh Giuse Vàng Miệng, trang 1638.

Việc xác định chính xác cây thập tự mà Đức Kitô đã bị đóng đinh, dù có thể tìm hiểu, nhưng tôi đặt ra câu hỏi: Ai đã đóng đinh Đức Kitô? Các bạn sẽ nói: Người Do Thái đã đóng đinh Ngài. Tôi trả lời: không phải người Do Thái. Bởi vì dù người Do Thái có giao nộp Chúa Kitô để chịu án tử hình trên thập giá, hay nói đúng hơn, họ đã mua chuộc Pilate bằng tiền để Chúa Kitô phải chịu án tử hình trên thập giá, và họ có tội trong việc đóng đinh Chúa Kitô, theo câu ngạn ngữ: "Làm điều đó cho người khác, tức là làm cho chính mình"; tuy nhiên, họ không tự tay đóng đinh Ngài, cũng không theo luật Do Thái của họ (trong đó không có hình phạt đóng đinh) mà đã giao Ngài cho cái chết trên thập tự giá. Và khi *Phi-lát nói* với họ*: "Các ngươi hãy bắt Ngài đi, rồi xét xử Ngài theo luật pháp của các ngươi";* thì *người Do Thái đáp* lại*: "Chúng tôi không có quyền giết ai* cả[544] ". Họ nói như vậy vì lúc bấy giờ người Do Thái đã không còn quyền tự trị như trước, mà đang sống dưới sự cai trị của người La Mã; và họ không có quyền xét xử hay kết án tử hình ai cả. Nhưng tổng trấn Phi-lát, quan tổng trấn của César tại Giê-ru-sa-lem, là người điều hành mọi phiên tòa của người Do Thái và kết án tử hình những kẻ có tội. Vì lý do đó, người Do Thái đã giao nộp Chúa Kitô cho Phi-lát và nói: *"Chúng tôi không có quyền giết ai cả;* vì không phải tay người Do Thái đã đóng đinh Chúa Kitô."

Vậy ai đã đóng đinh Chúa Kitô? Chính Philatô cùng các binh lính của ông; vì họ đã giao nộp Chúa Kitô như một kẻ nổi loạn, kẻ chống đối hoàng đế, và nói rằng: *"Chúng tôi đã bắt được kẻ này đang xúi giục dân chúng chúng tôi, cấm chúng tôi nộp thuế cho hoàng đế, và tự xưng mình là Vua Kitô*[545] ." Nói như vậy, người Do Thái đã cầu xin Phi-lát đóng đinh Ngài theo luật pháp và phong tục La Mã của họ, vì theo phong tục của họ, những kẻ nổi loạn thường bị đóng đinh. Họ đã làm điều này vì hai lý do: thứ nhất là để tự bào chữa trước dân chúng, những người yêu mến Chúa Kitô; như thể họ không phải vì lòng thù hận riêng nào mà đã nộp Ngài để chịu chết, mà là do tội lỗi của sự bất kính đối với Caesar, như thể Ngài chống lại Caesar; và cũng để tiêu diệt Ngài bằng cái chết nhục nhã nhất, theo cách ngoại giáo chứ không phải theo cách Do Thái, đồng thời cũng là cái chết đau đớn nhất trên thập tự giá.

Tại đây, tôi lại đặt câu hỏi: Phi-lát cùng các binh lính của ông, những người đã đóng đinh Chúa Kitô, họ thuộc dân tộc và tôn giáo nào, có phải là người Do Thái không? Hoàn toàn không, mà là người La Mã; được Hoàng đế La Mã cử đến để cai quản thành Giê-ru-sa-lem, nơi người Do Thái lúc bấy giờ đã phải làm việc dưới ách thống trị của La Mã; và toàn bộ quân đội đi cùng Phi-lát đều là người La Mã: bởi vì người Do Thái không thể có quân đội riêng của mình, khi họ đang bị nô lệ và bị người La Mã cai trị; vì chính người La Mã đã đóng đinh Chúa Kitô. Và không thể nói khác được, chỉ có thể nói như thế này: rằng người La Mã đã hành hình Chúa chúng ta bằng cái chết trên thập giá, theo yêu cầu của người Do Thái. Cũng như Thánh Tông đồ Phêrô (trong Sách Công vụ Tông đồ) đã nói với người Do Thái: *"Hỡi những người Israel, hãy nghe những lời này: Chúa Giê-su Na-xa-rét, Đấng đã được Đức Chúa Trời chứng thực giữa các ngươi bằng quyền năng, phép lạ và dấu lạ, mà Đức Chúa Trời đã thực hiện qua Ngài giữa các ngươi, như chính các ngươi cũng biết: các ngươi đã đóng đinh và giết Ngài bằng tay những kẻ vô luật pháp; nhưng Đức Chúa Trời đã làm cho Ngài sống lại*[546] . Đến đây là lời của Thánh Tông đồ. Hãy chú ý đến những lời của Sứ đồ này: "Các ngươi đã đóng đinh và giết Ngài bằng tay những kẻ vô luật pháp." Không phải bằng tay chính các ngươi (Ngài nói) mà các ngươi đã đóng đinh và giết Ngài, nhưng bằng tay những kẻ vô luật pháp. Vậy thì ở đây, Sứ đồ gọi ai là những kẻ vô luật pháp? Không phải người Do Thái, vì họ có Luật Mô-sê, mà là người La Mã, những người không có Luật Mô-sê. Và khi vị Tông đồ nói rằng Chúa Giê-su Ki-tô đã bị đóng đinh trên thập tự giá bởi tay những kẻ vô luật pháp, ngài rõ ràng cho biết điều này, rằng người La Mã, dưới sự xúi giục của người Do Thái, đã đóng đinh Chúa Ki-tô.

Tôi lại hỏi: nếu người La Mã đã đóng đinh Đấng Christ, thì họ đã đóng đinh Ngài trên thập tự giá của ai và bằng loại thập tự giá nào? Trong đạo Do Thái không có thập tự giá, bởi vì (như chúng ta đã nói trước đó) luật pháp của họ không cho phép đóng đinh ai cả, và họ cũng không sử dụng thập tự giá. Ở Nga, người ta không gửi cây thập tự tám cánh (mà những kẻ ly giáo coi như là biểu tượng của Đức Chúa Trời) đến các tu viện ở Bryn; bởi vì lúc bấy giờ Nga vẫn còn chìm trong sự thờ thần tượng, chưa biết đến Chúa Kitô cũng như cây thập tự, và các khu rừng ở Bryn cũng chưa có những tu viện như hiện nay; cũng như những kẻ đóng đinh – tức là người La Mã – sẽ không

---

[544] Giăng 18:31.
[545] Luca 23:2.
[546] Công vụ 2:22, 23 và 24.

muốn chờ đợi cho đến khi cây thánh giá tám đầu được mang từ các vùng đất Nga, từ các tu viện Bryn, đến Giê-ru-sa-lem.

Vì người La Mã đã đóng đinh Chúa Kitô trên cây thập tự *của họ*, chính là loại thập tự mà họ thường dùng để đóng đinh tất cả những kẻ ác.

Nếu Chúa Kitô bị đóng đinh trên cây thập tự La Mã của người La Mã, thì cây thập tự bốn đầu (mà những kẻ ly giáo gọi là cây thập tự La Mã) mới xứng đáng được tôn kính như cây thập tự chân chính của Chúa Kitô.

Chúng ta, những người có đức tin chân chính, tôn kính cả thánh giá tám cánh lẫn thánh giá bốn cánh, mặc dù điều này trái với quy định trong sách "Octoechos" của Giáo hội, vốn khẳng định rằng Chúa Kitô đã bị đóng đinh trên cây bách, cây thông và cây tuyết tùng; nhưng chúng ta vẫn tuân theo cách hiểu đó. Ngoài ra, chúng ta còn nghe một số nhà giải thích nói về dòng chữ đó, rằng nó đã được viết trên một mảnh gỗ ô liu, và mảnh gỗ đó cho đến nay vẫn được cho là đang được lưu giữ tại Rome, trong Nhà thờ Thánh Thập Tự, tức là nhà thờ mà người La Mã gọi là "Giê-ru-sa-lem" tại thành phố của họ; (cũng như ở Rostov của chúng ta có một nhà thờ dưới những chiếc chuông, được gọi là "Giê-ru-sa-lem"); những nhà giải thích ấy củng cố lời giải thích của mình bằng những lời khôn ngoan của Đức Chúa Trời trong Sách Si-ra-khô, nơi đã tiên tri về những cây thập tự, và trong đó ngợi khen và phán rằng: *"Như cây tuyết tùng vươn cao ở Li-băng, như cây bách trên núi A-hê-môn, như* cây chà là *vươn cao* bên bờ biển, *và như cây ô-liu tráng lệ trên cánh* đồng[547] ." Bốn loài cây này; chúng tượng trưng cho sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, họ nói rằng thập tự giá được làm từ cây tuyết tùng, cây bách, cây chà là (hoặc, theo lời tiên tri của Ê-sai, cây ca hát), chính là thập tự giá, còn từ cành cây ô liu, đó là thanh ngang của thập tự giá. Dù có như vậy, người ta vẫn nói rằng hình dạng của Thánh Giá là bốn đầu chứ không phải tám đầu; bởi vì cả tấm bảng tên lẫn chân Thánh Giá (nếu có chân) đều là những cành cây ngắn, không nằm theo chiều ngang của Thánh Giá mà nằm theo chiều dọc. Còn cây Thập tự chính thì có hình dáng giống con người, với hai bàn tay dang rộng, mang trên mình Đức Kitô, Đấng đã dang rộng đôi tay tinh tuyền của Ngài trên đó; chính vì lý do đó mà Thánh Giá của Chúa Kitô có bốn đầu được chúng ta tôn kính, vì Chúa Kitô đã bị đóng đinh trên đó theo bốn hướng (chứ không phải tám hướng): đầu thánh thiêng của Ngài ở phía trên cao, thân và chân ở chiều dọc, hai tay ở chiều ngang.

PHẦN THỨ BA VỀ THẬP TỰ GIÁ

Thập tự giá bốn đầu có phải là thập tự giá La Mã không?

Ở đây, để phản bác những suy luận điên rồ của đám dân dã, chúng ta sẽ đặt ra một câu hỏi đơn giản bằng lời lẽ giản dị: hỡi Brynyan! Những ai gọi thập tự giá bốn đầu không phải là thập tự giá mà là "kryzh", hãy nói cho chúng tôi biết: Đức Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, bị Philatô kết án tử hình trên thập giá và bị dẫn đi đóng đinh, Người đã tự tay vác thập giá trên vai từ dinh tổng trấn cho đến Golgotha, đó là thập giá hay là cây thập tự? Và thứ mà Simon người Cyrene phải vác: đó là thập giá của Đức Kitô hay là cây thập tự? Nếu các ngươi nói rằng đó là thập tự giá, thì rõ ràng các ngươi đang tự mâu thuẫn với chính suy luận của mình; bởi vì các ngươi không gọi thập tự giá bốn đầu là thập tự giá của Chúa Kitô, mà gọi là thập tự giá La Mã. Còn khi Chúa Kitô mang thập giá trên vai, thì thập giá đó chưa phải là thập giá tám cánh, mà chỉ là thập giá bốn cánh; bởi vì trên đó chưa có tấm bảng tên cũng như chưa có bệ chân. Chưa có tấm bảng tên, vì tấm bảng đó chỉ được Pilate ra lệnh gắn lên thập giá sau khi Chúa Kitô đã bị đóng đinh trên đồi Golgotha. Cũng chưa có bệ chân, bởi vì lúc đó Chúa Kitô chưa được nâng lên thập giá, và các binh lính không biết chân Ngài sẽ chạm đến đâu, nên họ chưa làm bệ chân — trừ khi họ đã làm sẵn tại Golgotha. Còn cây thập tự mà Đức Kitô mang trên vai thì hoàn toàn không phải là cây thập tự tám cánh, mà là cây thập tự bốn cánh; và không thể nói khác được, chỉ có thể khẳng định rằng cây thập tự mà Đức Kitô mang trên vai là cây thập tự bốn cánh. Và các ngươi, những kẻ ly giáo, không nên gọi cây thập tự của Đức Kitô đó, theo suy luận của các ngươi, là "thập tự", mà phải gọi là "kryzh"; vì nó có bốn đầu, chứ không phải tám đầu. Nếu các ngươi gọi nó là "kryzhem", thì rõ ràng các ngươi sẽ chống lại cả bốn sách Phúc Âm, vốn đã được dịch sang tiếng Nga, và trong đó người ta gọi nó là "thập tự giá", chứ không phải "kryzhem", vì nó có bốn đầu. Hãy đọc trong các sách Phúc Âm, có phải đã chép như thế này không: *"vác thập tự giá của mình, đi* ra[548] ". *Khi đi ra, họ gặp một người Kirene tên là Simon; và họ bắt người ấy vác thập tự giá của Ngài*[549] . Các Thánh Tông Đồ, theo phương ngữ Nga, gọi Thập tự giá của Chúa Kitô – loại có bốn đầu, được chính hai cánh tay của Chúa Kitô vác – là "thập tự giá" chứ

[547] Sách Sirach 24:14, 15 và 16.
[548] 1 Giăng 19:17.
[549] Ma-thi-ơ 27:32.

không phải "kryzh": còn các ngươi, những kẻ khốn nạn, không chịu nghe ai gọi loại thập tự giá đó là "thập tự giá", mà lại gọi nó là "kryzh". Vậy ai là người tốt hơn: các Thánh Tông Đồ, những người được Thánh Thần soi sáng, hay các ngươi, những kẻ bình dân, điên rồ? Và ta nên tin ai hơn: Tin Mừng Thánh hay những suy luận điên rồ của các ngươi?

Một câu hỏi nữa:

Những ai gọi cây thập tự bốn đầu là "kryzh" theo tiếng La Mã, hãy nói cho chúng tôi biết trước tiên điều này: liệu họ có biết tiếng La Mã không? Hơn nữa,

Hãy để họ nói: Thập tự giá được gọi là gì bằng tiếng La Mã? Sau đó, hãy để họ nói, từ *"kryzh"* này thuộc ngôn ngữ nào*?* Phải chăng họ muốn tất cả các dân tộc và các ngôn ngữ trên thế gian này đều gọi Thập tự giá thánh bằng tiếng Nga là "kryzh"? Và liệu họ có nghĩ rằng, ngay cả trong thời kỳ Chúa chịu khổ nạn, người ta đã nói tiếng Nga tại Jerusalem và trên đồi Golgotha, và Thập tự giá của Chúa đã được gọi là "thập tự giá Nga" không? Họ tưởng rằng cả Chúa Kitô, các Thánh Tông đồ và các Thánh Tổ phụ đều đã nói chuyện bằng tiếng Nga. Nhưng, hỡi những kẻ dốt nát! Các ngươi chẳng nghe nói đến sự phân chia ngôn ngữ trong sự hỗn loạn sau khi Thượng Đế tạo dựng các cột trụ sao? Và các ngươi chẳng biết rằng mọi dân tộc và quốc gia đều gọi mọi sự vật bằng ngôn ngữ tự nhiên của mình sao? Người Do Thái nói tiếng Do Thái, người Hy Lạp nói tiếng Hy Lạp, người La Mã nói tiếng La Mã, còn chúng ta, người Nga, thì nói bằng ngôn ngữ của mình, tiếng Nga. Và ngay cả chữ "thập tự giá", mỗi *ngôn ngữ* đều gọi theo cách riêng của mình: người Do Thái gọi là *"gets",* người Hy Lạp gọi là *"stauros",* người La Mã gọi là *"crux",* chứ không phải "kryzh", còn chúng ta thì gọi là *"thập tự giá".* Còn từ "kryzh" đó không phải là từ của người La Mã, mà là của người Ba Lan; chính vì lý do đó mà người Ba Lan dùng ngôn ngữ của họ để gọi thập tự *giá* là *"kryzh"*; bởi vì họ không dùng tiếng Nga, mà dùng tiếng Ba Lan của riêng họ, do Đức Chúa Trời ban cho. Bởi vì mọi *ngôn ngữ không tự* sinh ra, mà do Đức Chúa Trời ban cho mỗi dân tộc và mỗi quốc gia. Dù là tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, tiếng Tatar, tiếng Đức, tiếng Do Thái, tiếng Hy Lạp, tiếng La Mã, hay bất kỳ ngôn ngữ nào khác, tất cả đều do Đức Chúa Trời ban cho và phân chia; vì ngôn ngữ Ba Lan cũng được Đức Chúa Trời ban cho người Ba Lan, cũng như ngôn ngữ Nga được ban cho chúng ta, người Nga. Người Ba Lan, theo ngôn ngữ của họ, gọi thập tự giá là "kryż"; điều này không phải là sự xúc phạm đối với Thánh Giá; khi người Ba Lan gọi nó là "kryż" theo ngôn ngữ của họ, cũng như chúng ta, người Nga, gọi nó là "thập tự giá".

Điều này đã rõ ràng cho thấy rằng cây thánh giá bốn đầu không phải là "kryż" của người La Mã, mà là của người Ba Lan; và cách gọi "kryż" đó không phải là sự xúc phạm, mà là cách gọi tôn kính, giống như cách chúng ta gọi là "thánh giá". Còn những kẻ ly giáo, khi gọi thánh giá là "kryż" một cách xúc phạm, chính họ đang tự xúc phạm mình; vì họ bộc lộ mình là những kẻ ngu dốt và vô học, không hiểu các từ ngữ của các ngôn ngữ khác.

Phần thứ tư: Nghiên cứu về Thánh giá

Liệu cây thánh giá bốn đầu có phải là thần tượng hay tượng thần của Antichrist và là sự ghê tởm của sự hoang tàn, đang đứng trên nơi thánh không?

Cuốn sách ly giáo đáng nguyền rủa, khi phỉ báng Thánh giá bốn đầu danh dự của Đấng Christ, gọi nó là tượng thần, thần tượng của Antichrist và sự ghê tởm của sự hoang tàn, đã trích dẫn, như thể để làm bằng chứng cho những lời dối trá của mình, những lời của Đấng Christ và những lời của Thánh Gioan Kim Khẩu.

Lời của Chúa Kitô:

Phúc Âm theo thánh Matthêu, chương 99: *"Khi các ngươi thấy sự ghê tởm của sự hoang tàn, mà tiên tri Đaniel đã nói đến, đứng ở nơi thánh,* nơi không xứng đáng, ai *đọc thì hãy hiểu: lúc đó, những ai ở tại Giu-đê, hãy chạy lên núi*[550] ."

Giải thích theo quan điểm ly giáo về Lời của Chúa Kitô:

Nơi thánh phải được hiểu là bất kỳ nơi nào mà các nhà thờ Kitô giáo có bàn thờ – nơi thánh, nơi các linh mục dâng lễ vật lên Thiên Chúa, thánh hiến bánh và rượu thành Mình và Máu Thánh Chúa Kitô; vì trên bàn thờ, trong các nhà thờ Kitô giáo có hai nơi thánh – bàn hiến tế và ngai thánh: một nơi dành cho việc dâng lễ, còn nơi kia dành cho việc thánh hiến; về điều này, Thánh Chrysostom đã nói rằng, trước khi đến, Antichrist sẽ dựng các bàn tế lễ của mình khắp mọi nơi: để tiêu diệt của lễ chân chính, và đặt tượng thần của mình tại nơi thánh, tức là Thánh Giá La Mã.

Những lời dối trá của hắn được trình bày rõ ràng hơn như sau:

[550] Ma-thi-ơ 24:15 và 16. Đa-ni-ên 9:27.

Bình luận về Thư gửi tín hữu Cô-rinh-tô 1, đoạn 150.

Về điều đó, Thánh Giuse Kim Khẩu đã phán: rằng trước khi đến, Antichrist sẽ dựng lên khắp nơi những bàn thờ của mình, tiêu diệt của lễ chân chính, tức là Thập tự giá của Chúa Kitô, và đặt tượng thần của mình tại nơi thánh, tức là Thập tự giá La Tinh bị nguyền rủa.

Để vạch trần sự dối trá của những kẻ ly giáo, trước hết chúng ta hãy tìm kiếm sự giải thích chân chính cho những lời của Chúa Kitô. Hãy xem xét những lời này:

Đức Kitô Cứu Thế đã phán những lời này: *"Khi các con thấy sự ghê tởm của sự hoang tàn,"* và những lời khác:

Ngài đã tiên báo về thời điểm nào?

Về nơi thánh nào? Và

Về sự ghê tởm nào?

Về thời điểm mà Chúa đề cập, không phải là thời đại hiện tại của chúng ta – thời đại mà những kẻ ly giáo cho rằng sự tái lâm của Antichrist đã xảy ra – mà là thời điểm sẽ diễn ra 40 năm sau khi Chúa thăng thiên lên trời, khi đế chế La Mã dưới sự lãnh đạo của tướng Vespasian và con trai ông là Titus tiến quân vào Judea và Jerusalem. Thánh Gioan Vàng Miệng đã làm chứng về điều này trong Bài giảng thứ 15 về Phúc Âm theo Thánh Matthêu, trang 511, khi ngài nói: "Khi đó, sự diệt vong sẽ đến, không phải là sự diệt vong (của thế giới), mà là của Giêrusalem." Thánh Theophylact cũng vậy, ở trang 155, đã nói: "Khi đó, sự diệt vong sẽ đến, không phải của cả thế giới, mà là của Giê-ru-sa-lem." Một lần nữa, Thánh Vàng Miệng trong bài giảng số 76, ở mặt sau trang 320, đã nói: Khi chỉ ra (Đức Kitô, Chúa) sự khủng khiếp của tai họa, Người phán: *"Hãy cầu nguyện để sự chạy trốn của các con đừng xảy ra vào mùa đông, cũng đừng vào* ngày Sabát[551] ." Hãy xem, lời này được nói với người Do Thái, và Người đang nói về những kẻ ác đã gặp phải tai họa. Không phải các Tông đồ đã giữ ngày Sa-bát, hay còn ở đó (tại xứ Giu-đê), khi Vespasian thực hiện điều này; vì phần lớn trong số họ đã ra đi trước đó: còn ai ở lại thì lúc bấy giờ đang sống ở các vùng đất khác trên thế giới. Và một lần nữa, ở mặt sau trang 321, ngài nói rằng*: "Nếu những ngày ấy không chấm dứt, thì không một sinh* linh nào *sẽ được cứu rỗi*" ([552]). Nếu quân đội La Mã tiếp tục bao vây thành (Giê-ru-sa-lem) trong thời gian dài, thì tất cả người Do Thái đều sẽ bị diệt vong; vì ở đây, "mọi sinh linh" được đề cập chính là người Do Thái. Đến đây là lời của Thánh Giuse Kim Khẩu.

Từ cách giải thích này, rõ ràng thấy rằng những lời ấy Chúa không tiên báo về thời đại của chúng ta, mà là về thời kỳ thành Giê-ru-sa-lem và dân Do Thái bị người La Mã tàn phá. Bởi vì cuốn sách ly giáo đáng nguyền rủa kia đã xuyên tạc, gán ghép những lời mà Chúa Kitô đã nói trước về thời kỳ tàn phá của người Do Thái và Giê-ru-sa-lem vào thời đại của chúng ta ngày nay.

Chúa đang nói về nơi thánh nào? Đó là về Hội Thánh Do Thái duy nhất tại Giê-ru-sa-lem, vốn tồn tại vào thời đó, chứ không phải về các Hội Thánh Kitô giáo của chúng ta hiện đang có mặt khắp thế giới. Vì Chúa không nói: "Hãy nhìn xem sự ghê tởm đang đứng trên các nơi thánh," mà là trên nơi thánh duy nhất ở Giê-ru-sa-lem, chứ không phải trên các nơi thánh Kitô giáo rải rác khắp thế giới. Bởi vì Chúa đã tiên báo về sự hủy diệt duy nhất của Giê-ru-sa-lem lúc bấy giờ, cũng như về Hội Thánh Giê-ru-sa-lem duy nhất.

Vì vậy, cuốn sách ly giáo dâm đãng đó đã xuyên tạc Lời của Đấng Christ, vốn nói về Hội Thánh Do Thái duy nhất tại Giê-ru-sa-lem, nhưng lại áp đặt lên tất cả các Hội Thánh Kitô giáo.

Về sự ghê tởm nào đang đứng trên nơi thánh, Chúa đã nói? Ngài nói về tượng thần của hoàng đế La Mã, mà người La Mã, sau khi chiếm được thành, đã mang vào nhà thờ và đặt trên nơi thánh. Thánh Gioan Vàng Miệng làm chứng về điều này trong bài giảng thứ 15 về Phúc Âm theo thánh Matthêu, trang 512: "Sự ghê tởm, tức là tượng thần của kẻ đã chiếm thành lúc bấy giờ, Người nói, chính là kẻ đã tàn phá thành và đặt tượng thần vào bên trong đền thờ; vì thế, Người gọi đó là sự hoang tàn. Cũng vậy, Thánh Theophylact, ở trang 155 mặt sau, đã nói: 'Sự ghê tởm của sự hoang tàn, chính là nói về tượng thần này.' Vì kẻ đã chiếm Giê-ru-sa-lem đã dựng thần tượng của mình trong đền thờ không thể vào được; còn sự hoang tàn thì được gọi như vậy vì thành phố đã bị tàn phá; còn sự ghê tởm thì vì những thần tượng và hình tượng con người, người Do Thái gọi đó là sự ghê tởm." Đến đây là lời của Theophylact. Đó là cuộn sách ly giáo, dâm đãng, trích dẫn những lời của Đấng Christ về thần tượng của hoàng đế La Mã, nhằm ám chỉ đến thập tự giá bốn đầu của Đấng Christ.

---

[551] Ma-thi-ơ 24:20.

[552] Cùng chương, câu 22.

Hơn nữa, cuốn sách vô đạo đức đó còn nói dối một cách trơ trẽn, lấy những lời đã nói trước đây của Thánh Akiba Vàng Miệng làm căn cứ và bằng chứng cho suy luận điên rồ của mình, trong khi những lời đó không hề xuất hiện ở bất kỳ đâu trong các tác phẩm của Thánh Vàng Miệng. Thánh Akiba Vàng Miệng, trong bài giảng giải Thư thứ nhất gửi tín hữu Cô-rinh-tô, tại đoạn 150, đã nói: rằng Anti-Christ, sau khi dựng nên các bàn thờ của mình khắp nơi, sẽ tiêu diệt của lễ chân chính – Thập tự giá của Đấng Christ (có tám đầu) – và đặt thần tượng của mình tại nơi thánh – Thập tự giá La Mã bị nguyền rủa[553] .

Nếu ai muốn tìm hiểu sự dối trá vô đạo và gây chia rẽ đó, hãy cầm lấy các bài giảng của Thánh Vàng Miệng về các Thư của Phaolô, và tìm đến đoạn đầu của Thư thứ nhất gửi tín hữu Cô-rinh-tô, đoạn 150, nơi mà họ đang đề cập đến, rồi đọc toàn bộ, bắt đầu từ trang 877 cho đến trang 893; liệu có tìm thấy dù chỉ một lời nhắc nhở nhỏ nào về Anti-Christ, về của lễ, về thập tự giá, hay về sự chịu đóng đinh không? Chẳng có gì cả. Bọn khốn kiếp kia đang nói dối để tự chuốc lấy tội lỗi, và bằng lời dối trá của mình, chúng bôi nhọ Thánh Zlatoust! Cũng như các Thánh khác, chúng muốn rằng ngay cả các Thánh cũng phải đồng lõa với những lời dối trá của chúng.

Vì sự mù quáng tột cùng của những người Nga chúng ta, họ tin vào những lời dối trá ly giáo như thể đó là chính sự thật; còn chính sự thật thánh thiêng, được các vị Thầy Chính Thống rao giảng, thì họ lại coi là dối trá!

Không chỉ những lời dối trá rõ ràng trong những lời nói gian dối đó, được ngụy tạo dưới danh nghĩa Thánh Zlatoust, bị vạch trần, mà cả sự điên rồ tột độ, đáng cười của họ, cũng bộc lộ qua những suy luận ngu ngốc của họ: họ đã gọi Thập tự giá là của lễ thật. Hỡi những kẻ điên rồ! Phải chăng Thập tự giá đã bị thiêu đốt vì chúng ta? Phải chăng Thập tự giá đã đổ máu của chính mình (mà cây gỗ ấy vốn không có máu) vì chúng ta? Phải chăng Thập tự giá đã chết vì chúng ta, chứ không phải Chiên Con của Thiên Chúa – Đức Kitô? Làm sao một cây gỗ vô tri vô giác lại có thể trở thành của lễ hy sinh cho cả thế giới? Chẳng phải Con Thiên Chúa đã bị đóng đinh trên Thập tự giá vì chúng ta (chứ không phải chính Thập tự giá) và trở thành của lễ đẹp lòng Thiên Chúa Cha sao? Hơn nữa, họ gọi Thập tự giá bốn đầu (mà họ gọi là "kryzh") là thần tượng hay tà thần; và trong điều đó, sự điên rồ của họ thật rõ ràng. Vì tượng thần hay thần tượng phải giống như con người mà nó tượng trưng, phải có đầu, mặt, tay, chân và hình dáng toàn thân giống con người: bởi vì Antichrist sẽ là một con người, có đầu, tay, chân và tất cả các bộ phận của con người. Vậy thì cây thập tự bốn đầu có phải là hình tượng con người không? Cây thập tự có đầu, khuôn mặt, mắt, tai, miệng, tay, chân và các bộ phận khác của con người không? Làm sao cây thập tự bốn đầu lại có thể là tượng thần hay thần tượng của con người Antichrist, vốn không có hình dạng con người? Hơn nữa: cây thập tự bốn đầu, được họ gọi là "kryzh", bị gọi là bị nguyền rủa, họ nói: "kryzh La-tinh bị nguyền rủa". Và ở một đoạn khác trong cuốn sách của họ có viết: "Cây gỗ, trên đó tạc hình tượng, tức là 'kryzh' trong tiếng Latinh, và họ gọi nó thay cho Đức Chúa Trời, thì cây đó bị nguyền rủa, cũng như người đã tạc nó."

Trong những lời nói báng bổ đó, họ vừa dối trá, vừa quá đáng và ngạo mạn. Họ nói dối, bịa đặt, như thể ai đó lại thờ cây thánh giá bốn đầu thay cho Đức Chúa Trời. Ai lại thờ phượng cây thập tự? Chẳng phải người La Mã, cũng chẳng phải chúng ta; vì cây thập tự không phải là Đức Chúa Trời, trừ khi những kẻ ly giáo kia coi cây thập tự tám cánh là Đức Chúa Trời của họ. Họ lại dám gọi cây thập tự bốn cánh là bị nguyền rủa; vậy hãy cho thấy đi, họ lấy lời nguyền rủa cho cây thập tự bốn cánh từ đâu ra? Từ công đồng nào? Vì nếu không có sự lên án từ Hội đồng Giáo hội, thì không ai có quyền gọi ai hay điều gì là bị nguyền rủa. Vậy Hội đồng nào đã tuyên bố án nguyền rủa đối với Thánh giá bốn đầu: Hội đồng Toàn cầu hay Hội đồng Địa phương? Chẳng lẽ hội đồng dị giáo của họ, tụ họp trong rừng Bryn, lại đã ban lời nguyền rủa lên Thánh giá bốn đầu của Chúa, trong khi chính họ mới là những kẻ bị nguyền rủa. Ôi sự táo bạo vô thần!

Về hình tượng của Antichrist, Sách Khải Huyền có chép rằng nó có thể nói như một con người sống; điều này được ghi chép như sau: *"Nó được ban cho quyền ban linh hồn cho hình tượng con thú, để* hình tượng *con thú ấy có thể nói[554] ."* Còn cây thập tự bốn đầu, mà những kẻ ly giáo gọi là tượng của Antichrist, liệu nó có giọng nói hay lời nói nào giống con người không? Cây thập tự có nói gì với ai không? Không những nó không nói, mà thậm chí còn không có miệng. Vậy thì làm sao cây thánh giá bốn đầu lại là tượng thần hay hình ảnh của Antichrist, khi nó chẳng nói gì, thậm chí còn không có miệng? Những kẻ ly giáo đang nói dối với cuốn sách báng bổ của họ, khi gọi cây thánh giá bốn đầu thánh thiêng của Chúa Kitô là tượng thần của Antichrist, và là sự ghê tởm của sự hoang tàn, đứng tại nơi thánh thiêng. Nhưng trong mọi suy luận và giáo lý dị giáo của họ, họ đều dối trá, và như những

---

[553] Những lời mê sảng này được in trong cuốn sách mang tên Thánh Cyril của Jerusalem, ở trang 32.
[554] Khải Huyền 13:13.

kẻ mê muội, họ không nhận ra rằng mình đang nói những điều hoang đường. Còn những người đơn sơ và thiếu hiểu biết thì tin theo họ, và đi theo họ vào con đường lầm lạc và diệt vong.

PHẦN THỨ NĂM: NGHIÊN CỨU VỀ THẬP TỰ GIÁ

Liệu Thánh Giá bốn đầu có phải là dấu ấn của Antichrist hay không?

Từ sách của Thánh Gioan Thần Học, được gọi là Khải Huyền, cho thấy rõ ràng rằng vào những ngày cuối cùng, khi Anti-Christ xuất hiện, sẽ có hai phe tín hữu: một phe tin vào Chúa Kitô, phe kia tin vào Anti-Christ. Cả hai nhóm tín hữu này đều sẽ mang dấu ấn trên trán: những người tin vào Chúa Kitô sẽ mang dấu ấn của Chúa Kitô, còn những người tin vào Anti-Christ sẽ mang dấu ấn của Anti-Christ.

Về các dân tộc tin vào Đấng Christ, có chép như sau: *"Ta thấy* một Thiên Thần *từ phía mặt trời* mọc*, mang dấu ấn của Đức Chúa Trời hằng sống; và Ngài cất tiếng kêu lớn với bốn Thiên Thần, những Đấng đã được ban quyền gây hại cho đất và biển, rằng: "Đừng làm hại đất, biển hay cây cối, cho đến khi chúng ta đóng ấn cho các tôi tớ của Đức Chúa Trời chúng ta trên trán họ*[555] ."

Còn về các dân tộc sẽ tin theo Antichrist, thì có chép như sau: Antichrist *sẽ đánh dấu trên tay phải của họ,* hoặc *trên trán họ, để không ai có thể mua hay bán, trừ những ai có dấu đó, hoặc tên của con thú, hoặc con số tượng trưng cho tên nó*[556] .

Còn những kẻ không tin vào Antichrist thì Antichrist sẽ giết họ, như đã chép rằng: *"Ai không thờ lạy hình tượng con thú thì sẽ bị giết"*[557] .

Còn những ai không có dấu ấn của Đức Chúa Trời trên trán mình thì cơn thịnh nộ của Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt họ, như đã chép: *"Khói bốc lên từ giếng nước như khói từ lò lửa lớn, và mặt trời* cùng không khí *đều tối tăm vì khói từ giếng nước." Và từ làn khói ấy, những con bọ chét bay ra trên mặt đất, và chúng được ban quyền hành, giống như quyền hành của những con bọ cạp trên đất. Và chúng được truyền lệnh rằng: "Đừng làm hại cỏ trên đất, cũng đừng làm hại bất kỳ loại ngũ cốc nào, hay bất kỳ loại cây nào, mà chỉ được làm hại những người không có dấu ấn của Đức Chúa Trời trên trán mình"*[558] .

Vậy chúng ta hãy tìm hiểu xem dấu ấn của Đức Chúa Trời là gì, và dấu ấn của Antichrist là gì?

Dấu ấn của Đức Chúa Trời, vốn còn tồn tại trong thời đại của Antichrist, sẽ hiện diện trên trán của những người thuộc về Đức Chúa Trời như thế nào? Thánh An-rê, Tổng Giám mục Cêsarea Cappadocia, nhà giải thích Sách Khải Huyền, đã nói rõ rằng dấu ấn đó sẽ là Thánh Giá. Nhà giải thích này đã giải thích các lời trong Sách Khải Huyền như sau: *"Tôi thấy một thiên thần khác, mang dấu ấn của Đức Chúa Trời hằng sống*[559] , người viết rằng: điều mà xưa kia đã được mặc khải cho Ê-xê-chi-ên về người mặc *áo vải* lanh dài, và người ấy đang than khóc để báo hiệu rằng những người công chính sẽ không bị hủy diệt cùng với những kẻ bất chính, vì những đức tính thánh thiện thâm sâu và bí ẩn của các thánh mà người ta chưa hiểu rõ, cùng với vị Thiên thần[560] . Điều này cũng được chỉ ra ở đây cho vị thánh phúc lành (Thánh Gioan Thần Học), về quyền năng thánh thiêng cao cả nhất, ra lệnh cho Thiên Thần thánh thiêng, người thi hành án, không được làm gì với những kẻ phạm tội, ngay cả trước khi các tôi tớ của sự thật nhận biết, những người đã bị phân biệt bằng dấu ấn. Điều này, dù trước đây đã xảy ra riêng với những người tin Chúa Kitô, những người đã thoát khỏi sự tàn phá Giêrusalem bởi người La Mã, nhưng lại sa vào bóng tối (tức là, số lượng họ đã tăng lên gấp ngàn lần), theo lời Thánh Giacôbê, người đã chỉ ra cho Thánh Phaolô thấy số lượng đông đảo của họ. Nhưng, như đã được nói, vào thời kỳ Anti-Christ xuất hiện, điều này sẽ càng rõ rệt hơn (sự gia tăng của những người trung thành): *dấu ấn* của Thập tự giá ban sự sống, phân biệt những người trung thành với những kẻ vô tín, là dấu hiệu của Đấng Christ được mang một cách không hổ thẹn và can đảm trước mặt những kẻ vô đạo[561] . Chính vì thế, Thiên Thần phán: "Chớ làm hại đất, biển hay cây cối, *cho đến khi chúng ta đóng ấn các tôi tớ của Đức Chúa Trời trên trán họ"*[562] .

---

[555] Khải Huyền 7:2 và 3.
[556] Khải Huyền 13:16 và 17.
[557] Cũng tại đó, 13:15.
[558] Khải Huyền 9:2, 3 và 4.
[559] Khải Huyền 7:2. trang 31 và 32.
[560] Ê-xê-chi-ên 9.
[561] Khải Huyền 9:4.
[562] Khải Huyền 7:3.

Cũng chính Thánh Anrê Cêsariô, ở một đoạn khác, đã phán: "Vào *cuối những hành động gian ác, có một cái chết tàn phá tâm hồn được giấu kín; những ai không được đóng dấu trên trán bằng Dấu Thánh của Thiên Chúa và sự soi sáng của Thập giá ban sự sống*[563] *sẽ phải chịu cái chết ấy*." Đến đây là lời của Anrê. Thánh Hippolytus cũng đồng tình với ngài, trong bài giảng của ngài vào Tuần Lễ Mùa Chay, ở trang 127 và mặt sau trang 133, ngài nói *rằng Thập tự giá của Chúa Kitô sẽ là dấu ấn của những người trung thành.* Điều này cũng được chứng thực trong cuốn sách về đức tin của một tác giả vô danh, được in tại Moscow vào năm 7156, dưới thời Thượng phụ Iosif; trong đó, tại Chương 9 về Thánh Giá, ở mặt sau trang 69, có ghi như sau: Vào thời điểm Chúa Kitô tái lâm, tất cả các thánh nhân sẽ được đánh dấu bằng dấu hiệu Thánh Giá. Cuốn sách kết thúc tại đây. Lời chứng và bằng chứng nào có thể rõ ràng hơn thế này?

Chẳng phải những kẻ ly giáo nói rằng dấu ấn của cây thập tự tám đầu sẽ được đóng trên trán những người trung thành sao? Nhưng hãy lắng nghe những lời đầu tiên của Thánh Anrê, người đã nhắc lại thị kiến của Ê-xê-chi-ên và dẫn chứng thị kiến của Gioan, rằng: *"Điều này* đã được mặc khải cho Ê-xê-chi-ên từ xưa, và những điều khác nữa: *điều này* cũng được mặc khải cho vị thánh này." Vậy Ê-xê-chi-ên đã thấy gì? Chúng ta đã nói ở trên về những hình ảnh tiên báo về Thánh Giá, xuất hiện trong các thị kiến và mặc khải của vị Tiên tri, và ở đây chúng ta cũng sẽ nhắc lại: Ê-xê-chi-ên đã thấy một Thiên thần đánh dấu những người thuộc về Đức Chúa Trời trên trán họ; dấu hiệu thứ sáu là chữ Hy Lạp *"ταυ*", được viết theo hình dạng giống như chữ cái đầu tiên của chúng ta. Chữ cái đó là hình ảnh biểu tượng của Thánh Giá bốn đầu, chứ không phải Thánh Giá tám đầu; bởi vì khi đặt danh hiệu của Đấng Christ lên trên chữ cái đó, thì sẽ thấy:

thì ngài sẽ thấy thập tự giá bốn đầu của Chúa Kitô. Vì trong thị kiến của Ê-xê-ki-ên, hình ảnh đó là biểu tượng của thập tự giá bốn đầu; cũng vậy, trong Sách Khải Huyền, Thánh Gioan Thần Học đã thấy chính thập tự giá bốn đầu đó, mà qua đó Thiên Thần đóng ấn cho các tôi tớ của Đức Chúa Trời còn sống; điều đã được mặc khải cho Ê-xê-ki-ên, thì ở đây cũng được mặc khải cho vị thánh phúc lành này. Điều này nói lên chính điều đó, chứ không phải điều khác; tức là, không phải thập tự giá tám cánh, mà là thập tự giá bốn cánh đã được mặc khải cho Thánh Gioan. Hơn nữa, từ đây cũng cho thấy dấu ấn của Chúa Kitô là thập tự giá bốn cánh, chứ không phải thập tự giá tám cánh. Thánh Hippolytus viết trong bài giảng của ngài về Tuần Lễ Chay Thịt, ở trang 131 mặt sau: Vì lý do gì mà Antichrist sẽ đặt dấu ấn của mình lên tay phải và trán của những kẻ sùng bái hắn? Chẳng ai có thể dùng tay phải của mình để vẽ cây thánh giá thiêng liêng và ban sự sống lên trán, nhưng tay của hắn sẽ bị trói buộc, và do đó, hắn sẽ không có quyền lực để đánh dấu các chi thể của mình. Đến đây là lời của Thánh Hippolytus. Thánh Ephrem cũng nói: (Antichrist) *sẽ đặt hình ảnh ghê tởm đó lên tay phải của con người, cũng như trên trán, để con người không còn khả năng dùng tay phải để làm dấu thánh giá của Đấng Cứu Thế Kitô của chúng ta*[564] . Đến đây là lời của Thánh Ephrem. Thực tế là, chúng ta dùng dấu thánh giá bốn cánh để làm dấu trên trán và các bộ phận khác của cơ thể, chứ không phải dấu thánh giá tám cánh, bằng cách làm dấu thánh giá bằng tay phải của chúng ta.

Vì thập tự giá bốn cánh, dấu ấn của Chúa Kitô, như hiện nay, cũng sẽ hiện diện trên trán những người trung thành trong thời đại của Antichrist.

Vậy thì dấu ấn của Antichrist sẽ là gì? Thánh Hippolytus đã được nhắc đến ở trên đã rõ ràng tuyên bố rằng, dấu ấn của Antichrist sẽ không phải là cây thánh giá, mà là một thứ khác. Thánh nhân ấy trong tác phẩm đã được nhắc đến ở trên, tại trang 121, đã phán: "Chúa đã ban cho những ai tin vào Ngài dấu hiệu là cây thánh giá vinh hiển; và kẻ ấy (Antichrist) cũng sẽ ban dấu hiệu của mình theo cách tương tự. Và một lần nữa, ở trang 133, mặt sau, ngài nói: "Tất cả đều đã xa lìa Thiên Chúa, và tin theo kẻ dối trá (Antichrist), nhận lấy dấu ấn của kẻ chống lại Thiên Chúa, *thay vì Thánh Giá ban sự sống của Đấng Cứu Thế."*

Đây là bằng chứng rõ ràng hơn cả mặt trời của vị thánh cổ xưa và vinh quang trong hàng các giám mục và các vị tử đạo, ngài Hippolytus, rằng dấu ấn của Antichrist sẽ không phải là Thánh Giá. Vậy thì đó là gì? Những kẻ ly giáo đã thêm vào những lời của Hippolytus trong cuộn sách dối trá của họ hình chữ thập La Mã; như thể Thánh Hippolytus đã nói rằng những ai tin vào Antichrist sẽ nhận dấu ấn của hắn, thay vì Thánh Giá ban sự sống của Đấng Cứu Thế, là dấu thập tự La Mã. Nhưng những từ ngữ "dấu thập tự La Mã" đó hoàn toàn không xuất hiện ở bất kỳ đâu trong lời dạy của Thánh Hippolytus. Những kẻ nói dối đó, cùng với cha của sự dối trá là ma quỷ, đã lấy

[563] Chương 9, Lời 9, trang 41. Ký ức ngày 30 tháng 1.
[564] Lời 106, trang 267.

những lời nói xuất phát từ sự gian ác của mình mà gán ghép vào lời dạy của vị thánh; họ gán bùn vào vàng, bóng tối vào ánh sáng, dối trá vào sự thật, với mục đích bôi nhọ Thánh Giá bốn đầu. Còn dấu ấn của Antichrist sẽ là gì, Thánh Gioan Thần Học đã nói rõ ràng trong Sách Khải Huyền: *đó là hình vẽ, hay tên của con thú, hay con số tượng trưng cho tên nó*[565] ; đó sẽ là dấu ấn của Antichrist. Thánh An-rê Cêsari cũng làm chứng như vậy, rằng: (Antichrist) sẽ chuẩn bị để giết chóc, và sẽ cố gắng áp đặt *hình khắc của cái tên hủy diệt, của kẻ phản bội*, lên tất cả những ai thờ lạy hắn. Đến đây là lời của Thánh Anrê. Và ai dám suy đoán thêm điều gì ngoài những điều này? Chẳng lẽ có ai muốn tìm hiểu về tên của Antichrist, rằng tên của hắn sẽ là gì. Nhưng không ai có thể biết được điều đó; vì Thiên Chúa đã giấu kín điều đó trước sự tò mò của loài người, như Thánh Andrei đã nói: "Nếu có nhu cầu (như một số nhà giảng dạy đã quyết định) phải biết rõ tên (của Antichrist) là gì, thì Ngài đã tiết lộ nó rồi; *nhưng ân sủng thiêng liêng không cho phép* tên hủy diệt đó được ghi chép trong Sách Thánh." Đến đây là lời của Thánh Anrê. Nếu chính Thiên Chúa không muốn tiết lộ, thì ai có thể biết được điều mà Thiên Chúa đã giấu kín? Một số người đã tìm kiếm tên của Antichrist trong các tác phẩm của các thánh cổ đại, và một số đã tìm thấy những dấu vết và hình ảnh tương tự về tên của hắn, nhưng họ chỉ bàn luận một cách suy đoán, chứ không khẳng định chắc chắn về điều đó. Thánh Hippolytus, trong bài giảng đã nêu trên, ở mặt sau trang 131, đã nói: "Con số trên dấu ấn của hắn là 666; tôi *chỉ suy đoán, vì toàn bộ* đoạn văn này *rất nguy hiểm*." Hãy chú ý đến những lời này của ngài: "Tôi suy đoán, tức là tôi nghĩ vậy, nhưng không khẳng định, vì nếu không sẽ gây nguy hiểm cho toàn bộ tác phẩm này"; và ngài còn nói: "Vì có rất nhiều tên được tìm thấy trong con số này, và những tên khác chứa con số của Antichrist, đã được ghi chép ở đó, ai muốn thì hãy đọc." Cũng vậy, trong bản chú giải Sách Khải Huyền của Thánh Anrê, tại đoạn 13, trang 62[566] . Và trong cuốn sách của Đức Thánh Cha Stefan, Giám mục Ryazan, tại chương 8. Chúng ta cũng nói rằng: nếu ngay cả các thánh xưa cũng không được tiết lộ bí mật để thực sự biết được tên của Antichrist, thì ai trong số những người hiện nay có thể biết được bí mật đó, mà Thiên Chúa đã không tiết lộ cho ai cả? Và việc thử nghiệm về điều đó là không cần thiết, cũng như không có ích lợi gì. Thánh Andrei đã nói rất đúng: "Kiến thức về con số đã được biết đến, cũng như những điều khác được viết về hắn (Antichrist), thời gian sẽ tiết lộ"[567] .

Còn đối với chúng ta, những người đang tìm hiểu về Thánh Giá bốn đầu của Chúa, điều quan trọng là chúng ta đã tìm thấy những chứng từ chân thật của các Thánh Tổ Phụ, khẳng định rằng Thánh Giá bốn đầu của Chúa Kitô không phải là dấu ấn của Antichrist. Những kẻ ly giáo *đang nói dối*, và *họ phỉ báng Thập tự giá bốn đầu của Chúa Kitô* một cách dị giáo, khi gọi nó một cách bất công là dấu ấn của Antichrist.

Nếu họ muốn chứng minh lời dối trá của mình là đúng, thì hãy chỉ cho chúng ta ít nhất một bằng chứng từ Kinh Thánh Thánh Thiêng, hoặc từ các vị Thánh Tổ tiên xưa, xem ai đã viết, ai đã nói, dù là Thánh Tông Đồ, hay Tiên Tri, hay Thầy Dạy, hay Người Làm Chứng, hay Tử Đạo, hay vị Thánh nào đã thông báo, hay các sách thánh của Giáo Hội làm chứng rằng Thánh Giá bốn đầu là "dấu ấn của Antichrist"? Những ai không đưa ra bằng chứng đáng tin cậy, mà chỉ dựa vào những bịa đặt sai lầm và dị giáo của chính mình để nói như vậy, thì ai sẽ tin họ? Bởi vì, giống như một ngôi nhà không có nền móng, được xây trên cát, không thể đứng vững: cũng vậy, mọi lời nói và giáo lý không có bằng chứng chân thật và lời chứng rõ ràng thì không thể đáng tin cậy và vững chắc được. Hãy để họ lấy chứng cứ từ những cuốn sách cổ xưa đã được chứng thực của các thánh, chứ không phải từ những cuốn sách mới và dối trá của chính họ. Nhưng họ không thể đưa ra bằng chứng nào như vậy ở đâu cả, trừ khi họ viện dẫn đến cha của sự dối trá, chính thầy và người hướng dẫn của họ là ma quỷ, kẻ ghét Chúa Kitô và vũ khí của Ngài – Thánh Giá, thứ đã đánh bại hắn, và run rẩy, sợ hãi trước bóng râm của Thánh Giá, họ để miệng các môn đệ của mình – những người mà ma quỷ đang ngự trị – thốt ra những lời phỉ báng Thánh Giá bốn đầu.

Nếu như theo những lời nói dâm đãng ly giáo của chúng và bằng cây thánh giá bốn đầu, Antichrist đóng dấu lên những kẻ sùng bái mình; thì liệu chúng ta có nên vì thế mà ghê tởm cây thánh giá bốn đầu thiêng liêng chăng? Chớ có như vậy. Kẻ chống Chúa sẽ tự xưng là Đấng Kitô: bởi vì hắn sẽ không được gọi là kẻ chống Chúa, mà là Đấng Kitô. Vì ngay cả người Do Thái, theo quan điểm của họ, cũng không chờ đợi kẻ chống Chúa, mà là Đấng Kitô: tuy nhiên, chúng ta, những Kitô hữu chính thống, không khinh bỉ danh hiệu Đấng Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, dù kẻ chống Chúa có tự xưng bằng danh hiệu đó đi chăng nữa. Và vì Antichrist sẽ tự xưng là Đấng Christ, Thánh Anrê đã làm chứng trong Lời thứ 10, Chương 11, trang 49: *"Hắn sẽ tự xưng mình là Đấng Christ."*

---

[565] Khải Huyền 13:17.
[566] theo Khải Huyền 13:18. trang 62.
[567] Tờ 62, tại câu 18.

Còn Thánh Hippolytus, ở trang 121, đã nói: "Bởi vì kẻ dối trá muốn bắt chước *Con Thiên Chúa* trong mọi sự." Nếu là "trong mọi điều": thì cũng bao gồm cả việc tự xưng danh hiệu "Đấng Christ" cho chính mình. Nhưng chính Chúa cũng đã phán trong Phúc Âm: *"Nhiều người sẽ đến nhân danh Ta, và nói rằng: 'Ta là Đấng Christ'*[568] . Những người đó, tức là những kẻ đi trước Anti-Christ. Và nếu những kẻ ấy đã tự xưng danh hiệu Đấng Christ, thì Antichrist sẽ càng dễ dàng tự xưng danh hiệu Đấng Christ hơn bao nhiêu.

Vì chúng ta không khinh bỉ Đức Kitô, Con Thiên Chúa, dù Anti-Christ có tự xưng là Đức Kitô, Con Thiên Chúa đi chăng nữa; cũng vậy, chúng ta không khinh bỉ Thánh Giá bốn đầu, dù nó có mang dấu ấn của Anti-Christ đi chăng nữa. Nhưng cũng như chúng ta yêu mến, xưng nhận và tin tưởng vào Đức Kitô, Con Thiên Chúa, thì chúng ta cũng tôn kính và hôn lên Thánh Giá bốn đầu, vì đó là Thánh Giá chân chính; chúng ta dùng nó để làm dấu và đóng ấn trong Bí tích Xức Dầu Thánh, như là dấu ấn chân chính của Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, chứ không phải dấu ấn của Anti-Christ. Nhờ đó, chúng ta hoàn tất mọi Bí tích, chúc lành cho những người có đức tin chân chính và bữa ăn của họ, và ở mọi nơi, chúng ta tự bảo vệ mình bằng Thánh giá bốn đầu.

Còn nếu những kẻ ly giáo khinh bỉ Thánh Giá bốn đầu vì, như họ hoang tưởng, đó là dấu ấn của Antichrist; thì họ cũng đáng phải khinh bỉ chính Đức Kitô, Con Thiên Chúa; bởi vì Antichrist sẽ tự xưng là Đức Kitô, Con Thiên Chúa. Nhưng ôi sự điên rồ, tà giáo và lòng độc ác của họ! Vì khi phỉ báng Thánh Giá của Chúa Kitô, họ đang phỉ báng chính Chúa Kitô, Đấng đã chịu đóng đinh trên đó.

Hơn nữa, họ còn đáng bị chế giễu vì điều này: họ phỉ báng Thập tự giá bốn đầu của Chúa Kitô, gọi đó là dấu ấn của Antichrist, nhưng lại dùng chính Thập tự giá bốn đầu để làm dấu; *vì* họ làm dấu bằng dấu ấn của Antichrist (theo lời nói tục tĩu của họ), và họ không phải là Kitô hữu, mà là những kẻ chống Kitô. Hỡi những kẻ ly giáo! Các ngươi, những kẻ ghê tởm thập tự giá bốn cánh mà lại yêu thích thập tự giá tám cánh, hãy không dùng thập tự giá bốn cánh mà hãy dùng thập tự giá tám cánh để làm dấu thánh, trước tiên vẽ đường ngang trên trán, rồi kéo dài xuống đến rốn, cũng như chiều ngang của thánh giá trên vai, rồi vẽ chân thánh giá chéo xuống bụng: và như vậy, các ngươi sẽ là những Kitô hữu chân chính theo đức tin của mình.

Như vậy, qua sự tìm tòi chân chính, hỡi những người yêu dấu, về Thánh giá bốn đầu của Đấng Christ, chúng ta đã khám phá ra điều này:

rằng thập tự giá bốn cánh trong Cựu Ước không phải là hình bóng của thập tự giá tám cánh;

vì đó là Thánh giá bốn đầu của La Mã, chứ không phải Thánh giá tám đầu của Bryn. Chúa Kitô đã bị đóng đinh;

vì cây thánh giá bốn đầu không phải là cây thánh giá

của La Mã;

vì thập tự giá bốn đầu không phải là tượng thần hay thần tượng của Antichrist, cũng không phải là sự ghê tởm của sự hoang tàn;

và vì cây thập tự bốn đầu không phải, cũng sẽ không bao giờ là dấu ấn của Antichrist, mà là dấu ấn của Đức Kitô, Thiên Chúa hằng sống và sẽ mãi mãi hằng sống.

Chương 25. Về dấu hiệu thập tự giá

Chúng tôi cũng nghe nói rằng, một số nhóm ly giáo gọi thánh giá bốn đầu của Chúa Kitô là dấu ấn của Antichrist, và họ đã đi đến mức điên rồ đến nỗi bắt đầu nghi ngờ ngay cả về dấu thánh giá bốn đầu, được vẽ bằng tay phải trên cơ thể, vì sợ rằng họ đang tự đánh dấu mình bằng dấu ấn của Antichrist; và một số người trong số họ thậm chí không còn làm dấu thánh giá nữa, dù thỉnh thoảng có ai trong số họ vào nhà thờ vì một lý do nào đó. Họ lại hỏi: Ai đã ra lệnh cho các Kitô hữu phải vẽ dấu thánh giá bốn cánh trên người mình, và điều này bắt đầu từ bao lâu rồi, do ai khởi xướng? Và họ lại hỏi tiếp: Liệu có thể cầu nguyện với Thiên Chúa mà không có dấu thánh giá, và cúi đầu mà không vẽ dấu thánh giá trên người mình không?

Để đáp lại sự điên rồ của họ, ta chỉ cần trích dẫn ngắn gọn những lời của Thánh Gioan Vàng Miệng, đã được nhắc đến trước đó, trong Bài giảng thứ 4 về Thư thứ hai gửi tín hữu Thessalônica: *"Đó là truyền thống; đừng tìm kiếm điều gì hơn thế* nữa[569] . Cũng phù hợp để trả lời cho điều này là những lời của Thánh Basil Đại Đế, Tổng Giám mục Caesarea ở Cappadocia, được trích dẫn trong cuốn sách có tên "Uvet", trang 128, như sau: ""Việc làm

[568] Ma-thi-ơ 24:5.
[569] Trang 2344.

dấu thánh giá trên trán và ngực *là truyền thống cổ xưa của các Tông đồ,* được truyền lại cho chúng ta qua lời dạy chứ không phải qua văn bản." Đến đây là lời của Thánh Basil. Nhưng vì những người mù lòa và thiếu đức tin đang tìm kiếm bằng chứng xác thực, chúng ta sẽ chỉ ra cho họ, dựa trên các ghi chép của Giáo hội, rằng việc làm dấu thánh giá đã bắt đầu từ bao lâu trong cộng đồng Kitô hữu.

Việc làm dấu thánh giá đã bắt đầu trong Giáo hội sơ khai từ thời các Tông đồ, từ chính các Thánh Tông đồ, những người đã được chính Chúa Kitô, Chúa chúng ta, dạy dỗ, vào thời điểm Ngài, sau khi Phục sinh, *dẫn họ đến Bê-tha-ni và giơ tay lên chúc lành cho họ*[570] . Từ đó, các Thánh Tông đồ, vì chính họ đã được Chúa Kitô chúc lành, nên họ cũng bắt đầu chúc lành cho người khác và thực hiện các phép lạ bằng dấu thánh giá, như sẽ được trình bày ngay sau đây.

Trong cuốn tiểu sử của Thánh Giăng Tông đồ, nhà thần học, có ghi chép rằng: *một lần nọ (Thánh Giăng) gặp một người bệnh nằm bên đường, đang bị cơn sốt dữ dội hành hạ, và ngài đã chữa lành cho người ấy bằng dấu thánh giá*[571] ; cuốn tiểu sử về Thánh Giăng này do Prochorus, một môn đệ của ngài, viết.

Trong cuốn tiểu sử đó cũng có ghi chép điều này: Có một người Kitô hữu, vì lâm vào cảnh nghèo khó tột cùng, đến nỗi không có gì để trả nợ cho chủ nợ, nên vì quá đau khổ đã nảy sinh ý định tự sát. Người ấy đã cầu xin một thầy phù thủy Do Thái cho uống chất độc chết người. Kẻ ấy, vốn là kẻ thù của các Kitô hữu nhưng lại là bạn của ma quỷ, đã làm theo lời yêu cầu, đưa cho anh ta thứ nước uống gây chết người. Người Kitô hữu ấy nhận lấy chất độc chết người từ tay hắn, rồi trở về nhà mình: anh ta suy nghĩ và lo sợ, không biết phải làm gì. Sau đó, anh ta làm dấu thánh giá trên chiếc cốc, uống nó, và không hề bị tổn hại chút nào; vì dấu thánh giá đã loại bỏ hết chất độc khỏi chén. Anh ta rất ngạc nhiên trong lòng vì mình vẫn khỏe mạnh và không cảm thấy chút tổn hại nào. Không chịu nổi sự quấy rối của những người cho vay, anh ta lại đến gặp người Do Thái để hắn ta cho anh ta loại độc dược mạnh nhất. Người Do Thái ấy ngạc nhiên vì thấy người kia vẫn còn sống, nên đã cho anh ta một loại độc dược mạnh nhất; người kia nhận lấy, rồi về nhà mình. Sau khi suy nghĩ kỹ, khi định uống, anh ta lại làm dấu thánh giá trên chén đó, rồi uống, nhưng không hề bị hại gì cả. Rồi anh ta lại chạy đến gặp người Do Thái và tỏ ra khỏe mạnh; anh ta mắng mỏ người Do Thái rằng hắn không khôn ngoan trong mưu mô của mình. Người Do Thái, run rẩy, hỏi anh ta: "Anh làm gì khi uống vậy?" Anh ta đáp: "Chẳng có gì khác, chỉ là tôi làm dấu Thánh Giá trên chiếc cốc thôi." Người Do Thái nhận ra rằng sức mạnh của Thánh Giá xua đuổi cái chết. Để kiểm chứng sự thật, ông ta cho con chó ăn chất độc đó, và ngay lập tức con chó, sau khi nếm trước mặt ông, đã chết. Thấy vậy, người Do Thái vội chạy đến với vị Tông đồ cùng với người Kitô hữu đó, báo lại những gì đã xảy ra. Vị Thánh đã dạy người Do Thái ấy tin vào Chúa Kitô và rửa tội cho ông; còn người Kitô hữu nghèo khó kia, Ngài ra lệnh cho anh ta mang đến một gánh cỏ khô, mà vị Tông đồ đã biến thành vàng bằng dấu thánh giá và lời cầu nguyện; rồi Ngài bảo anh ta dùng số vàng đó để trả nợ cho chủ nợ, còn phần còn lại thì dùng để nuôi sống gia đình mình[572] .

Trong cuốn tiểu sử của Thánh Mát-thêu, người truyền Tin Mừng, có ghi chép: Một vị hoàng tử, khi muốn bắt vị Tông đồ, bỗng nhiên bị mù và không tìm thấy người dẫn đường. Ông bắt đầu cầu xin vị Tông đồ tha thứ tội lỗi cho mình và ban ánh sáng cho đôi mắt đã bị mù của ông. Vị Tông đồ, sau khi làm dấu thánh giá trên mắt vị hoàng tử, đã ban cho ông ta khả năng nhìn thấy lại[573] .

Trong cuốn tiểu sử của Thánh Tông đồ Philip, một trong Mười Hai Tông đồ, có chép rằng: Thánh Tông đồ đã bảo một người tên là Iru, người đã được rửa tội, dùng tay mình vẽ dấu thánh giá lên người bệnh nhân Aristarchus, để chữa lành các chi thể bị tổn thương của ông. Và khi Iru làm điều đó, ngay lập tức bàn tay khô héo của Aristarkh được chữa lành, mắt ông mở ra, tai ông nghe được, và toàn thân ông trở nên khỏe mạnh[574] .

Trong cuốn tiểu sử của Thánh Dionysius Areopagite có ghi: Khi Thánh Tông đồ Phaolô rời khỏi thành Athens, có một người mù, mà ai cũng biết là từ khi sinh ra đã không nhìn thấy, đã cầu xin vị Tông đồ ban cho anh ta khả năng nhìn thấy. Ngài liền làm dấu thánh giá trên mắt người ấy và nói: "Chúa và Thầy của con là Đức Giêsu Kitô, Đấng đã tạo dựng vũ trụ, đã xức dầu cho đôi mắt người mù bẩm sinh và ban cho người ấy khả năng nhìn thấy;

---

570 Luca 24:50.
571 Ngày 20, trang 117.
572 Trang 120.
573 Ngày 16 tháng 11, trang 352 ở mặt sau.
574 Ngày 14 tháng 11, trang 341 ở mặt sau.

chính Ngài cũng sẽ dùng quyền năng của Ngài để soi sáng cho con." Ngay lập tức, người mù bẩm sinh ấy đã nhìn thấy[575] .

Thánh nữ tử đạo đầu tiên Thekla, môn đệ của Thánh Phaolô Tông đồ, khi một đống củi và cành cây đã được chất sẵn để thiêu sống bà, bà đã làm dấu thánh giá trên tất cả những thứ đó, rồi bước lên và đứng trên đỉnh đống lửa; nhưng ngọn lửa không hề chạm đến bà[576] .

Thánh nữ tử đạo Vasilissa của Nicomedia, sau khi làm dấu thánh giá, đã bước vào giữa ngọn lửa trong lò nung đỏ rực, và đứng trong ngọn lửa đang cháy suốt nhiều giờ mà không hề hấn gì[577] .

Các thánh tử đạo Avdon và Sennis, các hoàng tử Ba Tư, được hoàng đế Decius của La Mã đưa đến La Mã, và bị ném cho thú dữ làm mồi vì Chúa Kitô; nhờ được che chở bởi dấu thánh giá, các ngài vẫn được an toàn trước những con thú dữ[578] .

Các thánh tử đạo Zinon, Alexander và Theodore cùng những người khác, những người đã đồng hành trong cuộc tử đạo của thánh tử đạo Terentius, được tôn vinh vào ngày 10 tháng Tư, được tưởng nhớ như sau: các ngài đã chịu tử đạo dưới tay quan tổng trấn Fortunatian gần đền thờ thần tượng, đã vẽ dấu thánh giá của Chúa Kitô trên trán mình, rồi thổi hơi về phía đền thờ; ngay lập tức, các thần tượng trong đó đổ sập xuống với tiếng sấm rền vang, và vỡ tan thành bụi[579] .

Thánh Đại Tử Đạo Prokopius, sau khi chịu nhiều vết thương dữ dội vì Chúa Kitô và bị ném vào ngục tối, vào lúc nửa đêm, hai Thiên Thần rực rỡ hiện ra trước mặt ngài dưới hình dáng những thiếu niên xinh đẹp, và nói với ngài: "Hãy nhìn chúng tôi và xem đi." Ngài nhìn về phía họ và hỏi: "Các ngươi là ai?" Họ đáp: "Chúng tôi là các Thiên thần, được Chúa sai đến với ngươi." Lúc đó, vị Tử đạo nói với họ: "Nếu các ngươi là Thiên thần của Chúa, thì hãy quỳ lạy Chúa trước mặt ta, và dùng dấu thánh giá để bảo vệ mình, để ta tin các ngươi." Các thiên thần liền làm theo ngay lập tức, và nói: "Bây giờ hãy tin đi, vì chính Chúa đã sai chúng tôi đến với ngươi[580] ."

Thánh Grigoriô, Giám mục Neocaesarea, trên đường từ sa mạc trở về ngai tòa của mình, tình cờ đi ngang qua một đền thờ thần tượng; lúc đó trời đã tối, và mưa lớn đang đổ xuống, vì thế ngài cùng các bạn đồng hành buộc phải vào đền thờ thần tượng đó để trú mưa và nghỉ qua đêm. Ở đó có rất nhiều tượng thần, trong đó có ma quỷ ngự trị; chúng hiện ra trước mặt thầy tế lễ của chúng và trò chuyện với ông ta. Trong khi nghỉ đêm tại đó, Thánh Grigori đã thực hiện các bài thánh ca và lời cầu nguyện nửa đêm cũng như buổi sáng như thường lệ, đồng thời làm dấu thánh giá để thanh tẩy không khí đã bị ô uế bởi các lễ tế của ma quỷ. Các quỷ dữ, vì sợ dấu thánh giá và những lời cầu nguyện thánh thiện của Thánh Grigori, đã bỏ lại đền thờ và các tượng thần của chúng, rồi chạy trốn[581] .

Trong cuốn "Cuộc đời các thánh tử đạo Cyprian và Justina" có ghi chép rằng: một trong những thủ lĩnh của lũ quỷ, đã được Cyprian, một pháp sư, sai đến gặp thiếu nữ Justina; hắn biến hình thành dáng vẻ phụ nữ, đến gần và dụ dỗ nàng bằng nhiều lời lẽ để kết hôn với Aglaidas, một thanh niên vô đạo và dâm đãng, đồng thời trích dẫn những lời của các Tông đồ trong Kinh Thánh: *"Hôn nhân là điều chính đáng và giường chiếu là điều trong sạch"*[582] . Nghe những lời ấy, Justina nhận ra kẻ dụ dỗ xảo quyệt là ma quỷ, và còn hơn cả Ê-va, nàng đã chiến thắng hắn: bởi vì cô không tham gia vào cuộc trò chuyện dài dòng với hắn, mà nhanh chóng chạy đến nơi nương tựa là Thập tự giá của Chúa Kitô, đặt dấu hiệu thánh thiện trên khuôn mặt mình, và dâng trái tim mình lên Thiên Chúa, vị hôn phu của mình; và ngay lập tức, ma quỷ biến mất trong sự xấu hổ tột độ, còn hơn cả những lần trước. Khi tên chúa tể kiêu ngạo của lũ quỷ đến gặp Cyprian trong sự bối rối, Cyprian nhận ra rằng hắn cũng chẳng thể làm gì được, liền nói với ma quỷ: "Ngươi, dù là chúa tể mạnh mẽ và khéo léo hơn ai hết trong những việc như thế này, cũng không thể đánh bại được thiếu nữ ấy; thì ai trong các ngươi có thể làm gì được trước trái tim bất khả chiến bại của cô gái ấy? Hãy nói cho ta biết, vũ khí nào đang ngăn cản các ngươi? Và điều gì khiến sức mạnh hùng mạnh của các ngươi trở nên yếu ớt? Quỷ vương, bị ép buộc bởi quyền năng của Đức Chúa Trời, đành phải thú

---

[575] Ngày 3 tháng 10, trang 151.
[576] Ngày 24 tháng 9, trang 101.
[577] Cùng trang 3, trang 18.
[578] Ngày 30 tháng 7, trang 404 ở mặt sau.
[579] Trang 207.
[580] Ngày 8 tháng 7, trang 246.
[581] Ngày 17 tháng 11, trang 355.
[582] Hê-bơ-rơ 13, câu 4.

nhận: “Chúng ta không thể,” hắn nói, “nhìn vào dấu thánh giá, nhưng chúng ta chạy trốn khỏi nó, vì nó thiêu đốt chúng ta như lửa, và xua đuổi chúng ta đi xa[583] .”

Cũng tại đó có chép: Thấy rõ rằng không có gì có thể chiến thắng dấu thánh giá và danh Chúa Kitô, Cyprian đã tỉnh táo lại và nói với ma quỷ: Kẻ hủy diệt, kẻ lừa dối mọi người, kho tàng của mọi sự ô uế và dơ bẩn, giờ đây ta đã nhận ra sự yếu đuối của ngươi, vì ngươi sợ bóng thánh giá và run rẩy trước danh Chúa Kitô; vậy thì ngươi sẽ làm gì khi chính Chúa Kitô đến với ngươi? Nếu ngươi không thể chiến thắng những ai làm dấu thánh giá, thì ngươi đã cướp được ai khỏi tay Chúa Kitô? Nay ta đã hiểu rằng ngươi chẳng là gì cả, chẳng làm được gì cả, và không có sức mạnh để trả thù. Ta, kẻ khốn nạn, đã bị lừa dối khi nghe lời ngươi và tin vào những lời nịnh hót của ngươi; hãy lui xa khỏi ta, hỡi kẻ bị nguyền rủa, hãy lui xa đi! Ta phải cầu xin các Kitô hữu thương xót ta; ta phải tìm đến những người đạo đức để họ cứu rỗi ta và lo lắng cho sự cứu rỗi của ta. Hãy đi đi, hãy đi đi, hỡi kẻ vô luật pháp và đáng ghét! Nghe vậy, ma quỷ lao vào Cyprian để giết hắn, và khi xông vào, nó bắt đầu đè bẹp hắn bằng những cú đấm. Cyprian không nhận được sự trợ giúp từ ai, cũng không biết phải tự cứu mình thế nào, và làm sao để thoát khỏi những bàn tay tàn bạo của quỷ dữ; khi đã gần như kiệt sức, ông nhớ đến dấu thánh giá, nhờ đó Justina đã chống lại toàn bộ sức mạnh của quỷ dữ, và ông thốt lên: “Lạy Thiên Chúa của Justina, xin giúp con.” Ông giơ tay lên, làm dấu thánh giá; và ngay lập tức, quỷ dữ như một mũi tên căng thẳng đã bật ra khỏi ông. Sau khi lấy lại hơi thở và lấy lại can đảm, ông kêu cầu danh Chúa Kitô, làm dấu thánh giá, và kiên quyết chống lại con quỷ, nguyền rủa và quở trách nó. Con quỷ đứng xa anh ta, không dám lại gần vì dấu thánh giá và danh Chúa Kitô, nên nó gầm gừ đe dọa anh ta, nói: “Chúa Kitô sẽ không cứu ngươi khỏi tay ta đâu.” Nó nổi giận dữ dội với anh ta, gầm lên như sư tử, rồi bỏ đi[584] .

Trong cuốn “Cuộc đời các vị thánh” của các vị thánh Varlaam và Ioasaf người Ấn Độ có ghi chép rằng, những con quỷ được pháp sư Fevda sai đi đã khơi dậy dục vọng trong hoàng tử Ioasaf, khiến chàng sa vào tội lỗi xác thịt; khi không đạt được kết quả gì và trở về tay không, Fevda đã quở trách chúng, nói: “Các ngươi, lũ khốn nạn, yếu đuối đến mức không thể đánh bại nổi một thiếu niên sao?” Nhưng chúng, bị ép buộc bởi quyền năng của Đức Chúa Trời, không muốn thú nhận sự thật, nên đã nói: “Chúng tôi không thể chịu đựng được quyền năng của Đấng Christ, và cũng không thể nhìn lên dấu thánh giá, thứ mà cậu thiếu niên dùng để tự bảo vệ mình[585] .”

Trong cuốn tiểu sử của Thánh Hilarion Vĩ Đại có chép rằng: quỷ dữ đã dẫn theo một đoàn quân thuộc hạ của mình, và chúng gầm thét bằng những tiếng kêu như vậy, khiến Hilarion, chỉ cần nghe thấy tiếng kêu của chúng thôi, đã hoảng sợ, bỏ lại sa mạc đó và chạy trốn. Nhưng khi Thánh Hilarion nhận ra rằng đó chính là những trò hù dọa của ma quỷ, ngài đã làm dấu thánh giá, trang bị cho mình lá chắn của đức tin, quỳ gối xuống và cầu nguyện khẩn thiết với Thiên Chúa, xin Ngài ban cho sự trợ giúp từ trên cao. Và trong khi đang quỳ cầu nguyện, ngài đã đánh bại kẻ thù đang đứng trên đầu ngài[586] .

Thánh Antôn Vĩ Đại, khi đối đầu với những con quỷ đang tấn công ngài, đã phán: “Nếu các ngươi có thể, thì xin Chúa cho các ngươi quyền lực trên ta; đây là ta, hãy nuốt chửng kẻ đã hiến dâng mình; còn nếu các ngươi không thể, thì tại sao lại vất vả vô ích như vậy? Bởi vì dấu thánh giá và đức tin nơi Thiên Chúa chính là bức tường bất khả xâm phạm”[587] .

Cũng chính vị thánh Antôn ấy, khi giảng dạy các anh em, đã nói: “Khi ma quỷ không thể làm gì được trong tâm trí chúng ta, thì chúng sẽ cám dỗ và dọa nạt chúng ta bằng những ảo ảnh, lúc thì biến thành hình dạng phụ nữ, lúc thì thành hình dạng con bọ cạp, và thành những thân xác khổng lồ, thậm chí vươn đầu lên tận đỉnh nhà thờ; và dưới vô số hình dạng khác nhau, cũng như thành những đạo quân hung hãn, tất cả đều biến mất ngay khi dấu thánh giá đầu tiên được giơ lên[588] .

Chính vị Thánh Antôn Vĩ Đại, khi đang trên đường đến sa mạc để gặp Thánh Phaolô thành Thebes, đã nhìn thấy một con người giống như con ngựa, mà các nhà thơ gọi là Hippocentaur. Thấy vậy, ngài trang bị cho mình dấu thánh giá cứu rỗi và táo bạo hỏi: “Ngươi có nghe thấy không, nơi nào người tôi tớ của Chúa đang cư ngụ?” Con thú

[583] Ngày 2 tháng 10, trang 141 ở mặt sau.
[584] Ngày 2 tháng 10, trang 142 (mặt sau).
[585] Ngày 19 tháng 11, trang 376, mặt sau.
[586] Ngày 21 tháng 10, trang 213, mặt sau.
[587] Ngày 17 tháng 1, trang 299 mặt sau.
[588] Ngày 7 tháng 1, trang 309 mặt sau.

ấy liền cúi đầu trước lời thánh nhân, và vì không thể cất tiếng nói, nên đã dùng tay chỉ hướng đi, nơi mà người ta cần phải đến để gặp tôi tớ của Chúa[589] .

Thánh Epiphanius của Síp, khi còn nhỏ chưa được rửa tội, đã bị một con lừa hung dữ hất văng xuống, và cậu bé rơi khỏi lưng lừa, bị ngã gãy xương, nằm khóc lóc và không thể đứng dậy được; vì hông cậu bị đập mạnh xuống đất. Một người Kitô hữu tên là Cleopius, tình cờ có mặt ở đó, đã đến sờ vào đùi cậu bé, rồi làm dấu thánh giá ba lần, và đã chữa lành vết thương cho cậu bé[590] .

Cũng chính Thánh Epiphanius, khi đang ở xứ Ai Cập, trong lúc đang tranh luận về các sách với một nhà triết học Hy Lạp tên là Evdemon, đã thấy con trai của nhà triết học ấy bị mù một mắt; ngài liền làm dấu thánh giá ba lần lên con mắt mù của cậu bé, và ngay lập tức con mắt ấy mở ra, và cậu bé nhìn thấy rõ ràng[591] .

Thánh nữ Macrina, em gái của Thánh Basil Đại Đế, bị một vết thương nghiêm trọng trên ngực, nhưng không muốn cho bác sĩ khám để chữa trị, nên đã cầu xin mẹ mình đặt tay phải lên vết thương đó và làm dấu thánh giá trên đó. Và khi người mẹ đặt tay vào lồng ngực cô, vừa sờ vào chỗ bị bệnh vừa làm dấu thánh giá, thì không còn thấy vết thương nào nữa: bởi sức mạnh của Chúa, vết thương đã được chữa lành, và bệnh tật đã biến mất, chỉ còn lại một dấu vết nhỏ của vết thương đó để làm kỷ niệm về phép lạ của Chúa[592] .

Thánh Zosima, khi nhìn thấy Thánh Maria Ai Cập trong sa mạc, ban đầu đã kinh hoàng vì tưởng đó là ảo ảnh của ma quỷ. Ông run rẩy, làm dấu thánh giá, và nỗi sợ hãi tan biến[593] .

Khi Thánh Zosima nhìn thấy Thánh Maria đang cầu nguyện với Chúa trên không trung, đứng cách mặt đất khoảng một khuỷu tay, ngài bối rối vì nghĩ rằng đó là một ảo ảnh: Thánh Maria, biết rằng mình là xác thịt chứ không phải linh hồn hay ảo ảnh, đã làm dấu thánh giá trên trán, mắt, môi và ngực của mình[594] .

Cũng chính Đức Mẹ Maria ấy, sau khi làm dấu thánh giá trên sông Jordan, đã bước lên mặt nước, và đi trên mặt nước, vượt qua dòng sông[595] .

Trong cuốn "Limonare" của Đức Thánh Sofronius, Tổng Giám mục Giêrusalem, có đề cập đến một linh mục tu sĩ tên là Konon, thuộc tu viện Penfokli, người được giao nhiệm vụ rửa tội cho những người nam và nữ từ dân Hy Lạp khi họ quy y vào Đức Tin Thánh. Tuy nhiên, khi làm phép rửa tội cho các phụ nữ, ngài đã bị cám dỗ bởi những ý nghĩ xấu xa, vì cảm thấy trong lòng mình dấy lên ham muốn xác thịt, và vì sợ sự cám dỗ đó, ngài muốn rời khỏi nơi đó. Một ngày nọ, có một thiếu nữ người Ba Tư đến để chịu phép rửa tội, người này rất xinh đẹp; linh mục Konon, để không phải nhìn thấy sự trần truồng của thiếu nữ ấy trong lễ rửa tội và lễ xức dầu, đã lấy áo choàng của mình, rời khỏi đó, nói rằng: "Tôi không thể ở lại nơi này vì điều đó." Và khi rời khỏi đó, ông leo lên núi, thì Thánh Gioan Tẩy Giả gặp ông, và bằng giọng nói nhẹ nhàng, ngài nói với ông: "Hãy trở về tu viện của ngươi, và ta sẽ làm nhẹ bớt gánh nặng xác thịt của ngươi." Còn Abba Konon thì nói với ngài bằng giọng giận dữ: "Ta tin chắc rằng ta sẽ không trở về; vì ngươi đã hứa với ta nhiều lần rằng sẽ làm điều này cho ta, nhưng ngươi lại không làm. Thánh Gioan liền đưa ngài ngồi xuống, cởi áo ngài ra, rồi làm dấu thánh giá ba lần dưới rốn, và nói với ngài: "Ta tin ngươi, linh mục Konon, rằng ta muốn ngươi được phần thưởng cho cuộc chiến này; nhưng vì ngài không muốn, nên cuộc chiến này đã rời xa ngài, và ngài sẽ bị tước mất phần thưởng vì điều đó. Vị linh mục ấy trở về tu viện, vào buổi sáng hôm sau, ngài làm phép rửa cho thiếu nữ ấy, xức dầu thánh cho nàng, và không hề cảm thấy ham muốn nào trong lòng khi nhìn thấy sự trần truồng của nàng, như thể ngài không phải đang làm phép rửa cho một người phụ nữ vậy[596] .

Cũng trong cuốn "Limonar" này có ghi chép về một vị thánh tên là Julian, Giám mục của Vostretum, người mà một số công dân giàu có và quyền thế đã căm ghét, và họ đã âm mưu dùng độc dược để giết ông. Họ đã xúi giục một thiếu niên phục vụ ngài, hứa hẹn nhiều quà tặng, và đưa cho thiếu niên đó một loại thảo dược độc, để khi dâng chén cho giám mục, cậu ta sẽ rắc chất độc chết người vào đó; và thiếu niên đó đã làm đúng như đã được chỉ dẫn. Còn Thánh Julian, nhờ sự mặc khải của Thiên Chúa mà biết được âm mưu của họ, đã cầm lấy chén, đặt trước mặt

---

589 Ngày 15 tháng 1, trang 287 mặt sau.
590 Ngày 12 tháng 5, trang 385 trên tập.
591 Trang 391.
592 Ngày 19 tháng 7, trang 331 (mặt sau) và 332
593 Ngày 1 tháng 4, trang 169.
594 Trang 170.
595 Trang 173 ở mặt sau.
596 Limonar, Chương 3.

mình; rồi không nói gì với cậu thiếu niên, ngài sai người đi triệu tập tất cả các quan chức cao cấp của thành phố, trong số đó có cả những kẻ đã bàn bạc âm mưu giết hại ngài. Còn vị Giám mục thánh thiện, không muốn vạch trần những kẻ đã bày mưu như vậy, đã nói với mọi người bằng giọng nói hiền lành: "Nếu các ngươi nghĩ rằng có thể giết chết Julian khiêm nhường bằng chất độc, thì ngay trước mặt tất cả các ngươi, ta sẽ uống chất độc đó, thứ mà các ngươi đã chuẩn bị cho ta; và sau khi dùng tay phải làm dấu thánh giá ba lần trên chiếc chén, ngài nói: "Nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần, tôi sẽ uống chén này trước mặt tất cả các ngươi, và sau khi uống cạn, tôi sẽ vẫn bình an vô sự." Những kẻ đã pha chế chất độc liền run rẩy, quỳ sấp xuống dưới chân ngài, thú nhận tội lỗi của mình và xin được tha thứ[597] .

Tương tự như vậy, đối với vị tu sĩ đáng kính Bê-nê-đict, vị tu viện trưởng, từ một số anh em ghét ngài, vào giờ ăn trưa, chất độc chết người đã được trộn vào đồ uống và đưa cho ngài trong một chiếc ly thủy tinh. Nhưng khi ngài làm dấu thánh giá trên chiếc ly thủy tinh ấy, ngay lập tức chiếc ly thủy tinh đó vỡ tan và nát vụn dưới sức mạnh của thánh giá, như thể bị một hòn đá đập vào vậy[598] .

Trong cuốn tiểu sử của Thánh Simeon, người sống trên cột, có ghi chép: Ma quỷ, ghen tị với điều thiện, đã hóa thân thành một Thiên thần sáng chói, và hiện ra trước mặt vị thánh gần cột, cùng với một cỗ xe lửa và những con ngựa lửa, như thể đang từ trời cao hạ xuống, và nói rằng: "Hãy nghe đây, Simeon, Thiên Chúa của trời và đất đã sai ta đến với ngươi, như ngươi thấy đây, cùng với cỗ xe và những con ngựa, để đưa ngươi lên trời như đã đưa Ê-li, vì ngươi xứng đáng với vinh quang ấy, nhờ sự thánh thiện trong cuộc đời ngươi: giờ của ngươi đã đến, để ngươi gặt hái thành quả của những nỗ lực, và nhận lấy vương miện của lòng nhân từ từ tay Chúa. Hãy đến ngay, đừng chậm trễ, hỡi tôi tớ của Chúa, để ngài được chiêm ngưỡng Đấng Tạo Hóa của mình và thờ lạy Ngài, Đấng đã tạo dựng ngài theo hình ảnh của Ngài; để các Thiên thần và Tổng lãnh thiên thần, cùng các Tiên tri, Tông đồ và các vị Tử đạo, những người khao khát được gặp ngài, cũng được chiêm ngưỡng ngài. Khi nghe những lời này và những lời tương tự, con quỷ không nhận ra sự quyến rũ thánh thiện của kẻ thù, bèn thốt lên: "Lạy Chúa! Ngài có muốn đưa con, kẻ tội lỗi này, lên thiên đàng chăng?" Ông giơ chân phải lên, định bước lên cỗ xe lửa, nhưng rồi ông giơ cả tay phải ra, làm dấu thánh giá, và ngay lập tức con quỷ cùng cỗ xe và những con ngựa biến mất, như bụi bị gió cuốn đi. Và khi nhận ra sự lừa dối của quỷ, Simeon đã ăn năn[599] .

Đó là một số ít bằng chứng về dấu thánh giá và về sức mạnh kỳ diệu của dấu thánh giá; và bạn sẽ tìm thấy vô số bằng chứng về điều này khắp nơi trong các sách Thánh, mà không thể thu thập hết vào một cuốn sách nhỏ, trừ khi dùng một cuốn sách lớn để chứa đựng.

Ngoài ra, chúng ta cũng sẽ nhắc lại ít nhất một vài điều từ các vị Thánh Giáo Phụ về vấn đề này:

Thánh Hippolytus, khi nói về Antichrist và những ai tin vào hắn, đã phán: "Hắn sẽ ban cho họ dấu hiệu trên tay phải và trên trán; không ai trong số những người công chính có thể vẽ dấu Thánh Giá bằng tay phải lên trán mình, vì tay họ sẽ bị trói buộc: và từ đó, họ sẽ không còn khả năng làm dấu Thánh Giá trên các chi thể của mình[600] ." Đến đây là lời của Thánh Hippolytus. Còn chúng ta hãy lắng nghe: Thánh Hippolytus nói về dấu thánh giá như sau: "Điều này rõ ràng là, vào thời của ngài, các Kitô hữu có thói quen làm dấu thánh giá cho chính mình, và vào cuối thời đại, điều này sẽ vẫn tồn tại, như hiện nay vẫn còn trong Giáo hội Chính thống."

Thánh Gioan Vàng Miệng, trong các bài giảng về Phúc Âm theo thánh Matthêu, tại bài giảng số 54, đã nói: "Hãy mang *Thánh Giá của Chúa Kitô* như một vương miện*;* vì nhờ đó, mọi sự được hoàn thành nơi chúng ta. Dù là khi sinh ra, Thánh Giá cũng hiện diện; dù là khi rước Mình Thánh; dù là khi được phong chức; dù là bất cứ điều gì khác cần thực hiện, thì ở mọi nơi đều phải thể hiện sự chiến thắng của chúng ta trước kẻ thù: vì lý do đó, chúng ta ghi khắc Thánh Giá một cách cẩn trọng trên các nhà thờ, trên tường, trên cửa, *trên trán,* và trong tâm trí. Và dưới đây: Bởi vì dưới đây, không chỉ đơn thuần là vẽ hình đó bằng ngón tay, mà trước hết phải thực hiện bằng ý chí với lòng tin vững chắc. Và nếu bạn hình dung hình ảnh đó trong tâm trí, thì không một linh hồn ô uế nào có thể đến gần bạn; thanh gươm đó sẽ gây thương tích cho chúng; thanh gươm đó sẽ mang lại tai họa cho chúng. Vì khi chúng ta nhìn thấy những nơi mà những kẻ bị kết án sẽ bị trừng phạt, chúng ta sẽ kinh hoàng; hãy nghĩ xem ma quỷ và các

---

[597] Chương 94.
[598] Ngày 14 tháng 3, trang 79, mặt sau.
[599] Ngày 1 tháng 9, trang 5 ở mặt sau.
[600] Ngày 1 tháng 9, trang 131 ở mặt sau.

quỷ dữ sẽ phải chịu đựng điều gì khi nhìn thấy vũ khí mà nhờ đó Đức Kitô đã phá hủy mọi quyền lực của chúng, và chặt đứt đầu con rồng (con rắn)[601] . Đến đây là lời của Thánh Xanh-tô-mô.

Thánh Ephrem trong Bài giảng số 103 đã phán: "Hãy đặt dấu thánh giá ban sự sống trên cửa, *trên trán, trên ngực, trên môi,* và trên khắp các chi thể của chúng ta: hãy dùng dấu này để nhận biết, và dùng dấu này để trang bị cho mình." Vì đây chính là vũ khí của người Kitô hữu, là chiến thắng trước cái chết, là niềm hy vọng của những người trung thành, là ánh sáng cuối cùng, là chìa khóa mở cửa thiên đàng, là sự hủy diệt của tà giáo, là sự củng cố vĩ đại cho đức tin, là sự bảo vệ và vinh quang cho người Kitô hữu; chính dấu thánh giá này mà người Kitô hữu không ngừng thực hiện mỗi ngày và mỗi đêm, trong mọi thời điểm và giờ giấc, ở mọi nơi. Không có Thánh Giá, chớ bắt đầu hay kết thúc bất cứ điều gì, dù khi nằm xuống, khi thức dậy, khi làm việc, hay khi lên đường; dù khi đi thuyền trên biển, hay khi qua sông, hãy củng cố mọi chi thể của ngươi bằng Thánh Giá ban sự sống, và điều ác sẽ không thể đến gần ngươi, vì khi thấy điều này, các thế lực đối nghịch đang ẩn náu sẽ phải lùi bước[602] .

Thánh Cyril thành Jerusalem, trong Sách Giáo lý Moscow được in vào năm 7204, được trích dẫn ở trang 43, dạy rằng: Hãy làm dấu Thánh Giá, khi ăn, khi uống, khi ngồi, khi đứng, khi trò chuyện, hay khi đi bộ. Và đừng bắt đầu bất kỳ việc gì của ngươi mà không làm dấu Thánh Giá, dù ở nhà, trên đường, ban ngày hay ban đêm, và ở bất cứ nơi nào.

Đó là những lời dạy về dấu Thánh Giá! Vậy thì ngươi, hỡi kẻ ly giáo, kẻ nghi ngờ dấu Thánh Giá, từ chối nó và sợ hãi nó như ma quỷ sợ hình Thánh Giá bốn đầu, ngươi còn có thể nói gì chống lại những điều này? Các Thánh Tông Đồ, sau khi nhận lãnh hình ảnh phước lành từ Chúa Kitô, đã bắt đầu thực hiện quyền năng và sự chữa lành nơi con người qua dấu Thánh Giá; Các Thánh Tử Đạo đã trang bị cho mình bằng dấu Thánh Giá; Các Thiên Thần của Chúa, khi hiện ra với Thánh Tử Đạo Prokopius, đã làm dấu Thánh Giá trên chính mình; Thánh Gioan Tiền Hô, nhiều năm sau khi qua đời, đã hiện ra với Linh mục Konon và dùng dấu Thánh Giá để tiêu diệt dục vọng trong lòng ông. Các vị thánh được Chúa yêu mến đã dùng dấu Thánh Giá để xua đuổi sức mạnh của ma quỷ và mọi sự sợ hãi. Toàn thể Giáo hội của Đức Kitô, từ thuở ban đầu cho đến nay, vẫn duy trì phong tục Kitô giáo đạo đức ấy, đó là làm dấu thánh giá và thánh hóa mọi sự. Còn ngươi, hỡi kẻ chống lại thánh giá, lại sợ dấu thánh giá, và run rẩy như quỷ dữ, e rằng thánh giá bốn đầu sẽ bao trùm lên ngươi.

Nếu ngươi gọi Thánh Giá bốn đầu của Chúa Kitô là "dấu ấn của Antichrist", thì ngươi sẽ gọi gì là "dấu ấn của Chúa Kitô"? Phải chăng là Thánh Giá tám đầu? Nhưng ai đã từng vẽ Thánh Giá tám đầu trên mình, hay đang vẽ? Ai dùng Thánh Giá tám đầu để chúc lành cho ai hay cho điều gì? Chẳng phải chính bằng thánh giá bốn đầu mà chúng ta làm dấu cho chính mình, thánh hóa con người và các bí tích, cũng như chúc lành cho bữa ăn sao? Vì đó chính là dấu hiệu và ấn tín chân thật của Đức Kitô, Thiên Chúa chân thật của chúng ta; thánh Damascene đã làm chứng về điều này khi ngài nói: *Dấu hiệu* này *đã được ban cho* chúng ta *trên trán,* giống như phép cắt bì dành cho dân Israel; nhờ đó, chúng ta phân biệt những người trung thành với những kẻ bất tín và nhận biết lẫn nhau; đây là lá chắn, vũ khí và sự chiến thắng trước ma quỷ; *đây là con dấu,* để kẻ hủy diệt vạn vật không chạm đến chúng ta[603] .

Đến đây là lời của Damascene. Vị giáo sư Giáo hội này, đồng ý với vị giáo sư đã được đề cập trước đó, đã gọi dấu hiệu Thánh Giá bốn đầu được hình dung là con dấu của Chúa Kitô, chứ không phải của Antichrist. Hãy để những kẻ gọi thánh giá bốn đầu của Chúa Kitô là "dấu ấn của Antichrist" phải xấu hổ và bẽ mặt, và hãy để họ sợ hãi thánh giá bốn đầu như chính những con quỷ vậy.

Chương 26. Về sự phỉ báng ly giáo đối với cách sắp xếp run rẩy

Ngoài ra, còn có một luận điệu điên rồ khác về dấu ấn của Antichrist được nghe thấy ở Brynyany: Họ gọi tư thế run rẩy trước dấu thánh giá là dấu ấn của Antichrist. Trong cuốn Sách dị giáo đầy lời phỉ báng của họ có viết như sau: "Nếu ai làm dấu thánh trên mặt mình bằng ba ngón tay, tức là ba ngón tay, thì người đó đã từ chối Chúa Kitô và dâng mình cho Satan; vì đó chính là dấu ấn của Antichrist." Cuốn sách kết thúc tại đây. Và như vậy, họ đã có hai dấu ấn của Antichrist: một dấu ấn là hình thánh giá bốn đầu, dấu ấn kia là cử chỉ run rẩy. Thật khó biết nên tin vào suy luận nào của họ, cái thứ nhất hay cái thứ hai; bởi vì chính họ cũng không nhất quán với nhau, huống chi là tìm ra dấu ấn chân chính của Antichrist? Họ viện dẫn Thánh Hippolytus, như thể ngài gọi cách xếp ba ngón tay

---

[601] Phần 2, trang 91 ở mặt sau.
[602] Trang 236.
[603] Quyển 4, về đức tin. Chương 12.

run rẩy là dấu ấn của Antichrist; nhưng rõ ràng họ đang nói dối. Và họ không thấy xấu hổ sao khi nói dối trước mặt Thiên Chúa và trước mặt mọi người? Thánh Hippolytus chẳng hề đề cập đến bất kỳ tư thế nào của các ngón tay, dù là tư thế run rẩy hay tư thế hai ngón; cũng như ngài không viết gì về thánh giá bốn đầu để cho rằng đó là dấu ấn của Antichrist; vì như thập tự giá bốn đầu không phải và sẽ không bao giờ là dấu ấn của Antichrist: cũng vậy, cách xếp ngón tay run rẩy không phải và sẽ không bao giờ là dấu ấn của Antichrist. Bởi vì vị chứng nhân đó – Thánh Hippolytus, người mà những kẻ ly giáo viện dẫn, không làm chứng theo những lời báng bổ của họ. Mọi người hãy đọc lời của Thánh Hippolytus – mà những người Brynyan đang viện dẫn – với sự chú ý và suy xét cẩn thận, và phân tích từng chữ, từng câu một; liệu có tìm thấy ở đó bất kỳ đề cập nào về cách xếp ngón tay không? Chắc chắn là không. Vậy tại sao những kẻ nói dối lại dám nói dối cả về Thánh Hippolytus? Chẳng phải để họ tự chứng tỏ mình là con cái của cha dối trá – quỷ dữ sao?

Tôi đã thấy trong các danh sách trích từ thư của gia đình Avvakum có ghi rằng, tên giáo sư giả mạo ấy, người dạy về sự kết hợp hai ngón tay (theo phong cách Armenia) và bác bỏ sự kết hợp ba ngón tay, đã nói những lời tục tĩu như sau:

Khi đó, dòng dõi theo Nikonius sẽ khóc than vì đã không xưng nhận Đấng Con Một thuần khiết, Đấng mà hai bản tính thần thánh và nhân loại đã hợp nhất vì sự cứu rỗi của chúng ta, mà lại dùng ba ngón tay để biểu thị ba linh hồn ô uế, đó chính là những linh hồn quỷ dữ, giống như những con ếch. Hãy lan tỏa khắp vũ trụ: Phúc cho ai tỉnh thức và giữ gìn áo choàng của mình, để khỏi bị bắt gặp trong tình trạng trần truồng. Này, các cha và anh em của tôi, tà thuyết run rẩy chính là sự trần truồng về tâm hồn và thể xác; chúng ta hãy tự bảo vệ mình khỏi nó bằng mọi cách. Đến đây là lời nói tục tĩu của Avvakum.

Bằng những lời nói đó, Avvakum đã tự bộc lộ mình là kẻ dối trá, dị giáo, xuyên tạc và phỉ báng Thượng Đế, điều này sẽ bị vạch trần bằng lý luận sáng suốt.

Avvakum nói dối khi gọi chúng ta, những Kitô hữu chính thống, là dòng dõi của Nikon. Lẽ nào Kitô giáo Nga lại bắt nguồn từ Nikon? Lẽ nào nhờ đó mà chúng ta được soi sáng qua phép Rửa tội thánh thiêng? Chúng ta nghe nói rằng Đức Thánh Nikon là vị Giám mục vĩ đại của Chúa, Tổng Giám mục Moscow, một người thông thạo Kinh Thánh, đạo đức và có đời sống thánh thiện; nhưng ngài không phải là tổ tiên của chúng ta, cả về xác thịt lẫn tinh thần, vì chúng ta không được sinh ra từ ngài, cũng không nhận đức tin từ ngài. Nhưng về mặt xác thịt, chúng ta xuất thân từ dòng dõi của Iafet – con trai của Nô-ê; còn về mặt thiêng liêng, chúng ta xuất thân từ Thánh Công tước Vladimir, người ngang hàng với các Tông đồ, vì từ ngài mà toàn nước Nga đã nhận được đức tin và phép Rửa tội; còn Vladimir thì nhận được từ người Hy Lạp, người Hy Lạp lại nhận được từ các vị Giám mục và Thầy dạy thánh thiện thời xưa của toàn thể thế giới; các vị Giám mục và Thầy dạy cổ xưa đã nhận từ các Thánh Tông đồ; các Thánh Tông đồ đã nhận từ chính Đức Kitô: vì chúng ta là Kitô hữu, chứ không phải là những người theo Nikon, theo lời của Thánh Tông đồ Phêrô: *"dòng dõi được chọn, hàng tư tế vương giả, dân tộc thánh, dân được tái* tạo" ([604]). Còn Avvakum cùng các môn đệ của ông, những kẻ đã ly khai khỏi Hội Thánh của Đấng Christ và đức tin Chính Thống, thì các ngươi thuộc dòng dõi nào? Chẳng phải là dòng dõi của kẻ thù của Đấng Christ – ma quỷ sao?

Avvakum lại nói dối, vu khống chúng ta, như thể chúng ta không tuyên xưng hai bản tính – thần tính và nhân tính – trong Con Một của Đức Chúa Trời, là Đức Kitô, Chúa chúng ta, đã hợp nhất vì sự cứu rỗi của chúng ta. Chính hắn đang làm điều đó, như đã được chỉ ra trước đây trong phần đầu, tại bài viết thứ hai, nơi mà tư tưởng dị giáo của hắn đã bị vạch trần, khi hắn khẳng định rằng Con Một của Đức Chúa Trời tồn tại riêng biệt trên trời cùng với Đức Chúa Cha, và riêng biệt trong lòng Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm.

Avvakum đã phạm tà giáo khi phỉ báng tư thế chắp tay run rẩy của chúng ta dưới dấu thánh giá, và gọi đó là tà giáo – tư thế mà qua đó chúng ta thành kính và đúng đạo thể hiện Ba Ngôi của Thánh Ba Ngôi, và khi chắp tay run rẩy dưới dấu thánh giá, chúng ta tuyên xưng: "Nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần." Bằng cách bác bỏ tư thế run rẩy đó, hắn cũng bác bỏ sự tuyên xưng về Ba Ngôi.

Avvakum tỏ ra là kẻ xuyên tạc và là kẻ báng bổ lớn, khi giải thích sai lời được chép trong Sách Khải Huyền, chương 16, như sau: *"Ta thấy từ miệng* con rắn, *từ miệng* con thú, *và từ miệng nhà tiên tri dối trá , ba linh hồn ô uế như những con ếch nhảy ra*[605] , v.v." Hắn dùng cách giải thích sai lệch những lời ấy để gieo rắc vào tâm hồn run rẩy của chúng ta, như thể khi chúng ta làm dấu thánh bằng ba ngón tay là đang chỉ vào ba linh hồn ô uế, và ba con

[604] 1 Phi-e-rơ 2:9.
[605] Khải Huyền 16:13.

ếch tràn ra khắp vũ trụ. Bằng cách gieo rắc điều đó, hắn xúc phạm chính Thánh Ba Ngôi, Đấng mà chúng ta làm dấu thánh bằng ba ngón tay, khi chúng ta nói: Nhân danh Cha, và Con, và Thánh Thần. Nhưng hắn lại gọi Cha, và Con, và Thánh Thần – Đấng Thiên Chúa mà chúng ta kêu cầu – là ba linh hồn ô uế và ba con ếch. Ôi, sự phỉ báng nặng nề làm sao! Ôi, sự phỉ báng ghê tởm trước mặt Thiên Chúa! Ôi, sự vô đạo chống lại Thiên Chúa! Từ thuở xưa đến nay, ai đã từng nghe thấy lời phỉ báng như thế này đối với Thánh Ba Ngôi? Chẳng có tà thuyết nào, cũng chẳng có sự vô đạo nào lại phỉ báng Thánh Ba Ngôi như vậy, giống như Abakum, kẻ phỉ báng Thiên Chúa, đã phỉ báng. Những kẻ ly giáo có một vị thầy như thế, họ noi theo người ấy, và đó chính là đức tin chân chính của họ.

Hơn nữa, trong cuốn sách ly giáo đó, có một lời phỉ báng run rẩy trước dấu thánh giá: người ta vẽ một bàn tay với ba ngón tay chụm lại; trên ngón tay thứ nhất viết *chữ "sa",* trên ngón thứ hai *là "ta",* trên ngón thứ ba *là "na",* đó chính là *Satan;* và người ta giải thích rằng đó là tên của kẻ chống Chúa tà ác, Antichrist, người sẽ đặt dấu hiệu này trên tay phải của những ai tin vào hắn. Và nó phỉ báng chúng ta, những người có đức tin chân chính, như thể chúng ta tin vào Antichrist chứ không phải vào Chúa Kitô, và như thể chúng ta mang tên Antichrist trên ba ngón tay, và làm dấu thánh bằng tên Antichrist. Cuốn Sách đó đã gán những lời phỉ báng dâm đãng như vậy lên chúng ta, những người tin vào Đấng Christ (chứ không phải vào Antichrist), và không làm dấu thánh bằng tên của Antichrist, mà bằng danh Thánh Ba Ngôi: Cha, Con và Thánh Thần. Họ lại dẫn chứng sai lầm về cách làm dấu thánh của Thánh Ephrem và Thánh Hippolytus, những người mà họ gọi là "cách làm dấu ba ngón tay run rẩy" là dấu hiệu của Anti-Christ, nhưng ở các thánh đó (như chúng ta đã biết trước đây) điều đó hoàn toàn không tồn tại. Đó chính là sự bịa đặt của ma quỷ, và hơi thở từ miệng địa ngục.

Thay vào đó, những kẻ ly giáo này nên dùng cách xếp hai ngón tay theo phong tục Armenia của họ để viết tên quỷ dữ: ngón này *là "de",* ngón kia *là "mon"*; và như vậy, trên hai ngón tay của họ sẽ ngự *một con quỷ,* kẻ mà họ đã mang trong lòng từ lâu, kẻ mà họ vâng lời, và dưới sự hướng dẫn của tinh thần nó, họ đưa ra những lời phỉ báng và dối trá chống lại Hội Thánh của Đức Kitô. Nhưng Đức Chúa Trời là Đấng báo thù, Chúa là Đức Chúa Trời báo thù, sẽ báo ứng cho họ theo chính việc làm của họ, và sẽ hủy diệt họ vì sự gian xảo của họ.

Trong cuốn Sách ly giáo đó, nơi dạy cách làm dấu thánh giá bằng hai ngón tay theo phong tục Armenia, có ghi như sau:

Trong cuốn Sách Nghi Thức Lớn in ấn, trang 659: "Ai không làm dấu thánh giá bằng hai ngón tay, như Chúa Kitô đã làm, thì sẽ bị nguyền rủa."

Còn tôi thì đã lấy cuốn Sách Nghi Thức in lớn đó, và sau khi xem xét các đoạn trong đó, tôi thấy nó được in khác đi như sau: "Ai không làm dấu thánh giá bằng hai ngón tay, như chính Chúa Kitô đã làm." Và điều này ngay lập tức bộc lộ là lời dối trá của những kẻ ly giáo, vì trong bản in đã ghi rõ: "Ai không làm dấu thánh giá"; còn họ lại thêm vào *"này*, kia", thành "Ai không làm dấu thánh giá". Như vậy, họ lừa dối những người dân thường bằng những lời dối trá của mình, thêm vào những điều không có trong văn bản, giống như việc họ đã thêm vào "này, kia": vì có lúc là làm dấu thánh giá cho người khác, có lúc lại là làm dấu thánh giá cho chính mình.

Hãy suy ngẫm điều này bằng lý trí sáng suốt: Liệu Chúa Kitô, khi còn sống trên đất với loài người, có làm dấu thánh giá không? Ngài có xếp các ngón tay của mình thành hình thánh giá trên thân thể Ngài không? Liệu trước khi Chúa Kitô chịu khổ nạn, dấu thánh giá có được thực hiện nơi các Thánh Tông Đồ đã theo Chúa Kitô, hay nơi các Tiên Tri và các Tổ Phụ trước đó không?

Hơn nữa, còn điều này: Chúa Kitô có làm dấu thánh giá bằng hai ngón tay cho ai không? Điều đó được ghi chép ở đâu? Trong sách Tin Mừng của vị Tông đồ nào? Trong Phúc Âm theo thánh Luca, ở đoạn cuối cùng, có chép rằng khi Chúa Kitô lên trời, Ngài đã chúc lành cho các Thánh Tông Đồ: Ngài giơ hai tay lên và chúc lành cho họ; nhưng ở đó không đề cập đến việc xếp các ngón tay. Ngài đã ban phước cho họ bằng cả bàn tay, bằng tất cả các ngón tay. Việc xếp các ngón tay lại với nhau sau này đã trở thành một phong tục trong các tín hữu, và đó là một phong tục tốt; tuy nhiên, nó không phải là một giáo lý của đức tin.

Nhưng tôi không bàn luận thêm về cách xếp các ngón tay; vì điều đó đã được viết và giải thích đầy đủ trong cuốn "Cây Gậy", trong cuốn "Uvet" được nhắc đến, và trong các Thánh Vịnh đã được hiệu đính; ai muốn thì hãy đọc ở đó.

Chương 27. Về việc họ phỉ báng các mầu nhiệm thiêng liêng

Hơn nữa, những kẻ ly giáo còn phỉ báng những mầu nhiệm thiêng liêng vô cùng tinh khiết: Thân Thể và Máu của Đấng Kitô, được cử hành dưới hình thức bánh và rượu.

Họ phỉ báng và khinh miệt những thánh tích cao quý nhất ấy như thể là những điều ghê tởm, gọi việc rước lễ các mầu nhiệm thiêng liêng là điều ô uế, còn ô uế hơn cả mọi sự ô uế. Ôi sự phỉ báng vô thần, và sự sỉ nhục tàn bạo đối với Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, Đấng được chúng ta tôn kính và đón nhận trong những mầu nhiệm thánh khiết của Ngài! Ôi những nỗi đau đớn nặng nề mà Chúa của chúng ta phải chịu từ những con chó vô liêm sỉ và điên cuồng ấy, đã há miệng sủa vào Ngài, những kẻ từng hô to: "Hãy bắt, hãy bắt, và đóng đinh Ngài!"

Họ phỉ báng và khinh miệt ba bí tích thiêng liêng vì (như chúng ta đã biết) ba lý do:

Vì Thập tự giá bốn đầu, được khắc họa trên bánh thánh:

Thứ hai là vì các sách lễ mới in:

Và vì các linh mục cử hành thánh lễ.

Họ gọi cây thập tự bốn đầu là dấu ấn của Antichrist:

Các Sách Phụng vụ mới in được gọi là "đạo mới":

Còn những người cử hành thánh lễ thì bị chỉ trích vì hai điều: về các khoản thuế theo quy định để trang bị, mà họ gọi là tiền hối lộ của những kẻ ly giáo, và về lối sống trụy lạc,

Và họ lập luận rằng, vì những lý do đó, các linh mục không còn là linh mục; Thánh lễ không còn là Thánh lễ; của lễ không còn là của lễ.

Còn chúng ta sẽ xem xét ba điều sau:

1) Thánh giá bốn đầu, được khắc trên bánh thánh, có phải là trở ngại cho việc dâng của lễ thánh, đến nỗi khiến nó không còn là Thân Thể của Chúa Kitô nữa không?

2) Những cuốn Sách Phụng vụ mới in có phải là trở ngại cho Thánh lễ không, nếu như nó không phải là Thánh lễ đích thực?

3) Lệ phí được quy định cho việc bổ nhiệm và lối sống sa đọa của các linh mục, liệu có cản trở Thánh Thần ngự xuống và thực hiện các mầu nhiệm thiêng liêng khi linh mục cử hành Thánh lễ hay không?

PHÂN TÍCH THỨ NHẤT

Về cây thánh giá bốn đầu trên bánh prosphora; liệu điều này có cản trở đến Thánh Lễ hay không

Tôi xin hỏi:

Trong nghi lễ của các Bí tích thiêng liêng, thứ được dâng lên dưới hình thức bánh mì làm của lễ cho Đức Chúa Cha vì cả thế giới: liệu đó là cây thánh giá được khắc trên bánh thánh, hay chính Chúa Kitô, Đấng bị đóng đinh trên thập giá?

Nếu cây thập tự được dâng làm của lễ, thì đó không phải là Đức Kitô; vì lẽ ra không phải là thân thể Đức Kitô hiện hữu, mà là cây thập tự hiện hữu dưới hình thức bánh, điều đó là vô lý và phi lý.

Còn nếu chính Chúa Kitô được dâng làm của lễ, thì không phải là thập giá; vì không phải thập giá được dâng để cứu rỗi và ban sự sống cho thế gian, mà là Chiên Con của Thiên Chúa, Đấng gánh lấy tội lỗi thế gian, được dâng lên theo hình thập giá.

Và vì không phải Thập tự giá, mà chính Chúa Kitô được dâng làm của lễ; vậy thì có chướng ngại gì cho việc dâng lễ từ Thập tự giá bốn đầu, được khắc hình trên bánh thánh?

Tôi lại hỏi:

Khi Đức Kitô Cứu Thế bị đóng đinh trên thập giá vì chúng ta, Ngài đã dang rộng đôi tay tinh tuyền của Ngài, vậy lúc đó Đức Kitô có phải là thập giá tám cánh hay bốn cánh?

Các ngươi không thể khẳng định Ngài có tám cánh, hỡi Brynyan! Chẳng phải là bốn cánh sao: đầu thánh thiêng ở đỉnh thập tự, thân thể duỗi dài theo chiều dọc, chân ở đáy thập tự, còn hai tay thì ở chiều ngang: chính vì thế mà trên bánh thánh được dâng lên, hình thập tự bốn cánh được khắc họa.

Vậy thì, có gì cản trở việc dâng lễ vật là hình thánh giá bốn đầu trên bánh thánh, vốn tượng trưng cho thân thể Chúa Kitô, Đấng đã bị đóng đinh trên thập giá thành bốn phần?

Một lần nữa:

Khi Chiên Con của Thiên Chúa, được dâng trên đĩa thánh, bị cắt bằng lưỡi dao, thì có phải được dâng theo hình dạng của thánh giá tám cánh hay thánh giá bốn cánh? Thật vậy, theo hình dạng của thánh giá bốn cánh, được cắt dọc và ngang thành bốn phần, chứ không phải thành tám phần.

Và nếu Chiên Con được dâng lễ và chia thành bốn phần theo hình thập tự bốn cánh mà không bị ô uế; thì ô uế và trở ngại nào đối với của lễ thánh từ hình thập tự bốn cánh đó, vốn được in trên phần trên của Chiên Con?

Một lần nữa:

Khi linh mục cử hành thánh lễ, sau khi đọc lời của Chúa Kitô và cầu xin Thánh Thần, nói: "Xin hãy tạo nên…" và tiếp theo, ngài làm dấu thánh giá trên các của lễ thánh; ngài làm dấu bằng thánh giá nào: thánh giá tám cánh hay thánh giá bốn cánh? Quả thật là thánh giá bốn cánh.

Và nếu các của lễ thánh được làm dấu bằng thánh giá bốn đầu không bị ô uế, mà ngược lại được thánh hóa; thì làm sao thánh giá bốn đầu ấy – vốn được khắc hình con Chiên trên đó – lại có thể gây ra sự ô uế hay cản trở nào cho các của lễ được dâng lên?

PHẦN THẢO LUẬN THỨ HAI

Về các Sách Phụng vụ mới in; liệu chúng có phải là trở ngại cho Thánh lễ không?

Tôi xin hỏi:

Trong các Sách Phụng vụ mới in, liệu nghi thức cổ xưa của Thánh lễ có bị thay đổi không? Liệu các lời cầu nguyện, Lời Chúa và lời cầu xin Thánh Thần có bị thay đổi không? Chắc chắn là không: nhưng giống như trong các bản cũ, những điều đó cũng được in lại một cách chắc chắn trong các bản mới.

Nếu trong các Sách Phụng vụ mới in, nghi thức Thánh lễ, các lời cầu nguyện, các lời của Chúa Kitô và lời cầu xin Thánh Thần đều không bị thay đổi; mà giống như trong các bản cũ, thì trong các bản mới cũng được in lại một cách nhất quán: vậy thì điều gì là trở ngại cho Thánh lễ từ các Sách Phụng vụ mới in?

Tôi lại hỏi:

Ai là người cử hành Thánh lễ, ai là người cầu nguyện với Thiên Chúa trong Thánh lễ, ai là người cầu xin Thánh Thần ngự xuống trên các Món Quà Thánh, và ai là người dâng lễ? Là cuốn sách – Sách Phụng vụ cũ hay mới; hay là người được thánh hiến cho việc đó, tức là linh mục?

Nếu là cuốn Sách Phụng vụ – dù cũ hay mới – thì tất cả đều có hiệu lực; vì không cần linh mục, mà chỉ cần đặt chính cuốn sách đó lên bàn thờ.

Còn nếu linh mục chứ không phải cuốn sách cử hành Thánh lễ, thì có gì cản trở khi dùng Sách Phụng vụ mới in, từ đó linh mục đọc những lời cầu nguyện giống hệt như trong Sách Phụng vụ cũ, và nói những lời giống hệt, và thực hiện mọi nghi thức giống hệt như đã được quy định trong Sách Phụng vụ cũ?

Chương 28. Về các khoản phí của linh mục

Phần xem xét thứ ba

Về các khoản phí của linh mục cho việc cử hành Thánh lễ, mà những kẻ ly giáo gọi là "tiền công", và về lối sống sa đọa; liệu những điều đó có cản trở Thánh Thần thực hiện các Bí tích thánh không?

Về các khoản phí.

Tôi hỏi: liệu hai khái niệm này có phải là một không: "phí" và "tiền công"? Nếu là một; thì các linh mục, những người phục vụ bàn thờ, không được phép sống nhờ vào bàn thờ; vì theo thông lệ, các tín hữu thường dâng tiền lễ cho họ trong mọi nghi lễ của Giáo hội: khi rửa tội, khi làm lễ cưới, khi xưng tội, khi cầu nguyện, khi an táng, khi tưởng niệm, khi rước Thánh Thể và các việc khác; và tất cả những điều đó, như là ân huệ của Thiên Chúa, không được phép bán, mà phải được dâng tặng một cách tự nguyện. Và như Thánh Tông Đồ đã dạy rằng những ai làm *việc thánh trong nơi thánh* phải được ăn từ *nơi thánh*, và những ai phục vụ *bàn thờ* phải có phần nuôi sống từ bàn thờ[606] ?

Hãy để mọi người biết rõ rằng: có thứ là "phí", và có thứ là "tiền công". "Phí" do Giáo hội quy định để nuôi sống những người phục vụ bàn thờ; còn "tiền công" thì bị cấm, vì đó là hành vi mua bán thánh vật, được gọi là "simonia", theo tên của Simon, tên phù thủy, người đã muốn dùng bạc để mua ân sủng của Thánh Thần từ các Tông đồ[607] . Thuế là điều công khai trước mặt mọi người, còn tiền hối lộ thì được trao đổi một cách bí mật; chính vì lý do đó mà nó được gọi là tội phạm thánh. Thuế là vô tội, vì đã được Giáo hội hợp pháp hóa; còn tiền hối lộ là tội lỗi, bị Giáo hội cấm đoán. Thuế chỉ là một số tiền nhỏ, còn tiền hối lộ thì được tính bằng số tiền lớn. Phí là khoản nợ phải trả cho Giáo hội, còn tiền hối lộ thì dùng để mua chuộc Giáo hội một cách bí mật. Thuế được coi là tiền bố thí, như có thể thấy qua lời của vị vua Hy Lạp sùng đạo Justinian, trong cuốn "Kormchiya", trang 323, nơi có ghi như sau: "Chúng ta không chỉ không cấm việc này, mà còn ra lệnh cho họ thực hiện điều đó để cứu rỗi linh hồn mình." Chúng tôi chỉ cấm một điều duy nhất, đó là khi ai đó tặng cho một cá nhân riêng lẻ, chứ không phải cho các thánh

[606] 1 Cô-rinh-tô 9:13.

[607] Công vụ 8:18.

đường. Đến đây là lời của Justinian. Và quả thực, khoản đóng góp này là để cứu rỗi linh hồn; bởi vì phần dành cho các linh mục được dùng để nuôi sống họ, còn phần dành cho giám mục thì ngay lập tức được phân phát làm tiền bố thí cho người nghèo . Còn tiền thù lao, vì là lòng tham bạc và lợi nhuận bất chính, cũng như là hành vi tham lam, nên bị coi là tội nặng; và bị trừng phạt bằng việc khai trừ và nguyền rủa; như đã được ghi trong cuốn sách "Kormchiya", chương 1, trong các Quy tắc của các Tông đồ, ở trang 7 mặt sau.

Quy tắc 29 của các Thánh Tông đồ.

Ai là giám mục, linh mục hay phó tế, nếu nhận chức vụ bằng của cải, thì chính người đó và người phong chức cho người ấy đều phải bị truất quyền.

Các trường hợp tương tự khác, xin xem trong cuốn "Kormchiya" nói trên, trang 184 mặt sau, trang 211 mặt sau, và các trang 283, 284, 289 mặt sau, cùng trang 290 mặt sau.

Về các khoản thuế phải nộp một cách chính đáng khi nhậm chức, xin xem trong cuốn sách đó, có tên là "Kormchiya", chương 42; trong các điều răn của Hoàng đế Justinian, số 32 trên trang 319: tại đó nêu rõ rằng phải nộp thuế khi nhậm chức. Hoàng đế Justinian lên ngôi tại vương quốc Hy Lạp vào năm 527 sau Giáng sinh.

Thượng phụ Theodoros của Antioch, còn được gọi là Valsamon, trong các bài giải thích của ngài về các quy tắc Tông đồ và các Công đồng của các Thánh Tông đồ, tại mục 54[608] , đã nhắc đến vị hoàng đế Hy Lạp đạo đức Isaac Komnenos, rằng ngài đã xác nhận bằng sắc lệnh hoàng gia của mình, rằng từ vị linh mục được bổ nhiệm, phải trao cho vị thánh bảy đồng vàng, theo cách phân chia như sau: một đồng vàng từ hàng giáo sĩ, ba đồng vàng từ hàng phó tế, và ba đồng vàng từ hàng linh mục. Isaac Komnenos bắt đầu trị vì ở Hy Lạp vào năm 1057 sau Giáng sinh; còn Theodoros Valsamon đã viết bản giải thích các quy tắc vào năm 1202.

Hãy xem xét kỹ rằng từ thuở xa xưa, các vị vua sùng đạo đã thiết lập khoản phí không thể thiếu dành cho những người được tấn phong trong Giáo hội Hy Lạp; chính từ đó, chúng ta đã tiếp nhận đức tin cùng các quy chế và luật lệ của Giáo hội.

Cũng cần biết rằng, lý do tại sao lệ phí này được thiết lập đối với những người được tấn phong là: Linh mục hoặc phó tế mới được tấn phong, sau khi được tấn phong, phải dâng bữa trưa cho giám mục và hàng giáo sĩ. Tuy nhiên, vì không phải ai cũng có thể chiêu đãi giám mục và hàng giáo sĩ một cách xứng đáng do không đủ điều kiện tài chính; vì lý do đó, người ta đã ra lệnh quy định mức chi phí bữa tiệc là bảy đồng vàng. Nhưng những đồng vàng đó ở Hy Lạp lúc bấy giờ có giá trị cao hay thấp, chúng tôi không biết. Còn ở nước ta, khoản phí này không được thu bằng đồng zlaty, và cũng không có giá trị cao: thay vì đồng zlaty, các giám mục Nga trước đây đã quy định dùng đồng hryvnia. Về điều này có ghi chép như sau: Vào thời Đức Thánh Cyril (người mang tên thứ ba), Tổng Giám mục Kiev và toàn Nga, khi Serapion được bổ nhiệm làm Giám mục Vladimir (vào năm 6782 theo lịch thế gian, tức năm 1274 theo lịch Giáng sinh của Đức Chúa Trời Lời), các vị giám mục sau đây đã tham dự lễ tấn phong: Thánh Ignatius, Giám mục Rostov; Theodotus, Giám mục Pereyaslav; Simeon, Giám mục Polotsk; các vị giám mục này đã cùng với vị giám mục mới được tấn phong nhất trí rằng, vị linh mục mới được tấn phong phải trao cho các ca viên bảy grivna.

Trong cuốn "Bản chép tay cổ chính thống", tại các quy tắc của Công đồng Đại kết lần thứ sáu, theo quy tắc thứ 22 và theo lời giải thích về quy tắc đó, có ghi như sau[609] : Những ai đến tham dự bí tích linh mục để được tấn phong, hãy được dẫn đến gặp giám mục địa phương. Họ *phải cung cấp cho* các vị giám mục những chi phí cần thiết cho *mọi* việc: nến, rượu (của nhà thờ), hương trầm, bánh thánh, chi phí phục vụ các linh mục, các chi phí khác, *và bữa ăn cho giám mục.* Những khoản chi phí này không bị coi là hối lộ hay tham nhũng, vì không có gì sai trái trong đó, và việc phong chức diễn ra ngay lập tức, như Chúa Kitô đã phán: "Các con nhận ngay, thì cũng phải cho đi ngay." Bởi vì có trường hợp nhận tiền thù lao cho việc phong chức, tức là mua bán các chức thánh; còn các khoản chi phí này chỉ là các khoản đóng góp và cúng dường. Vì không có chuyện mua bán nào ở đây, và trật tự này tồn tại khắp nơi; những ai có trí tuệ sẽ không nghi ngờ điều này, như Thánh Tông Đồ đã nói: *"Ai chiến đấu để nhận* tiền lương *của mình khi nào?* Nhưng người ấy nhận mọi thứ từ những người mà mình chiến đấu vì họ." *Hay ai trồng nho mà lại không ăn trái của nó? Hay ai chăn đàn gia súc mà lại không uống sữa của đàn gia súc? Tôi đang nói về thức ăn dành cho con người sao? Chẳng phải chính luật pháp cũng đã nói như vậy sao? Vì trong Luật Mô-sê* có chép: *"Chớ bịt* miệng *con bò đang xay lúa"* (tức là, đừng cấm con vật đang làm việc cho ngươi ăn; hãy cho nó ăn).

---

608 Thư số 15.

609 Tờ 686.

Chúa có ban luật về việc ăn uống cho bò không? Hay Ngài nói mọi điều vì chúng ta? Vì chính vì chúng ta mà những điều này đã được ghi chép[610] . Và một lần nữa: *"Nếu chúng ta đã gieo cho các ngươi điều thuộc linh, thì có gì là quá đáng nếu chúng ta gặt hái điều thuộc xác thịt từ các ngươi[611]* ?"

Hãy nhớ lại điều này:

Vào những năm trước đây, trong thời kỳ các vương quốc Nga còn phân chia, khi còn nằm dưới sự cai trị của Đế chế Mông Cổ, tại thành phố Pskov đã nổ ra một cuộc nổi dậy của một số kẻ dị giáo, được gọi là Strigolniks, (giống như những người "Kapiton" "Brynyane" ngày nay), những kẻ này đã tung ra những lời phỉ báng chống lại Giáo hội của Đức Chúa Trời, ly khai khỏi Giáo hội, và lôi kéo nhiều người theo sự ngoan cố dị giáo của họ. Trong số những lời phỉ báng khác, họ chỉ trích hàng giáo phẩm vì các khoản thuế, như thể các chức vụ giáo phẩm được mua bằng tiền; và vì lý do đó, họ xa lánh các linh mục và Giáo hội. Khi Đức Thánh Philofei, Thượng phụ Constantinople, biết được điều này (vào thời điểm đó, ngài đang có tranh chấp với Thánh Alexius, Tổng Giám mục, và Giám mục Roman về ngai tòa Kiev), Ngài đã viết một bức thư khuyên răn gửi đến người dân Pskov; bức thư này hiện được lưu giữ trong các cuốn sách luật cổ viết tay, được chèn giữa các quy tắc của Công đồng Đại kết lần thứ sáu, giữa quy tắc thứ 22 và thứ 23, và chúng tôi trích dẫn ở đây.

Thư của Đức Thánh Philotheos, Thượng phụ Constantinopolis.

Các quý tộc và các vị quan cao quý, các quý ông Pskov, con trai ta là quan tổng trấn, các quan ngàn, các quan trăm, và tất cả con cái ta là những người mang danh Chúa Kitô, thuộc quyền quản lý của Tổng giáo phận Thánh toàn Nga, tại thành Pskov của Nga, và những ai đang cư ngụ trong phạm vi thành phố này, các con yêu dấu của Chúa, những người được lòng khiêm nhường của chúng tôi yêu mến, vì tôi gọi tất cả các con là con cái! Ngoài ra, cả những ai đã ly khai khỏi Giáo hội Công đồng và rời bỏ sự hiệp thông Kitô giáo do sự xúi giục của ác quỷ. Sau khi biết được sự khiêm nhường của chúng tôi, cùng với các vị Thánh Giám mục vĩ đại và Hội đồng Thánh, một số người trong các con, những người tự xưng là người sùng đạo, tự cho mình là người bảo vệ Kinh Thánh và các quy tắc thánh, đã ly khai khỏi Giáo hội Công đồng Tông đồ, coi tất cả chúng tôi – các vị Thánh, các linh mục, toàn thể giáo sĩ và những người Kitô hữu khác, dù là những người được bổ nhiệm hay những người được phục vụ – đều là những kẻ dị giáo; còn bản thân họ thì tự coi mình là những người chính thống. Khi nghe điều này, chúng tôi vô cùng đau buồn trong lòng và đau đớn tận sâu thẳm vì sự cắt đứt các chi thể của Đức Kitô. Làm sao chúng tôi lại không phải chịu những nỗi đau và buồn phiền, khi nghe tin các chi thể của chúng tôi bị kẻ thù của lẽ thật – kẻ giết người từ thuở ban đầu, kẻ chống lại bản tính loài người – chặt đứt? Bởi vì bản tính của hắn luôn như vậy: khi không thể công khai tấn công, hắn sẽ âm thầm xúi giục những kẻ tự cho mình là thuộc về bên phải. Chính bằng cách đó, hắn đã đưa mọi tà giáo vào Giáo hội của Chúa Kitô; bởi vì sau khi Đức Kitô ngự đến trong xác phàm, mọi hình thức thờ ngẫu tượng đều biến mất, và ma quỷ không còn chỗ nào để lôi kéo con người vào việc thờ ngẫu tượng: nó đã chuyển sang tấn công từ phía bên phải, vì không thể lừa dối một cách công khai, nên nó đã dạy một số người gọi Con Thiên Chúa là một thụ tạo: cũng như vậy, những tà thuyết khác đã được đưa vào từ phía bên phải. Ngày nay, chúng ta cũng thấy điều này đang xảy ra trong các bạn, khiến các bạn dần dần xa rời Kitô giáo và sự thánh hiến của Giáo hội, mà các vị thánh và các linh mục ban cho mọi người; nếu thiếu điều đó, không ai có thể hy vọng được cứu rỗi, dù có sống trên đất như thiên thần đi chăng nữa: nhưng lời vu khống giả dối này đang được gieo rắc trong các ngươi, nhằm khiến các ngươi tin rằng như thể Giáo Hội của Đức Chúa Trời được thiết lập vì lợi ích cá nhân. Và con quỷ xảo quyệt nào đã lừa dối họ đến mức khiến họ chấp nhận điều như vậy? Vì Hội Thánh của Đức Chúa Trời, Hội Thánh của Đức Kitô, Hội Thánh Công đồng và Tông đồ, tồn tại từ đầu này đến đầu kia của trái đất, nhờ ân sủng và quyền năng của chính Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, đã được xây dựng vững chắc và bất di bất dịch trong đức tin chân chính; và sự hiện hữu cùng cấu trúc của Hội Thánh đã được ghi rõ trong các quy tắc thánh thiêng. Còn những kẻ đặt ra các chức vụ vì lợi lộc, như thể bán đi ân sủng không thể bán được của Thánh Thần Toàn Năng, thì chúng ta coi họ ngang hàng với Simon, Macedonia và những kẻ chống lại Thánh Thần khác. Vì Hội Thánh của Đức Kitô luôn hành động như vậy. Nếu có một số người thực hiện sự bất chính này và dám bổ nhiệm vì tiền, thì họ không thuộc về Hội Thánh chung: vì họ chỉ là một số ít, làm điều đó một cách bí mật; nhưng khi bị vạch trần, họ sẽ bị cấm đoán, bị Hội Thánh lên án và bị loại trừ. Dù có một số giám mục đang thực hiện việc bổ nhiệm vì lợi ích cá nhân, thì cũng không nên vì lý do đó mà tách khỏi Giáo hội và coi họ đều là những kẻ dị giáo,

[610] 1 Cô-rinh-tô 9:7, 8, 9 và 10.

[611] Cùng đoạn, câu 11.

nhưng phải đoàn kết và tham dự vào Giáo hội. Còn về vị giám mục nào làm điều ác, hãy báo cáo với tổng giám mục của mình; và nếu ông ta không sửa đổi, thì sẽ bị trừng phạt bởi sự khiêm nhường của chúng tôi, điều mà Thiên Chúa đã thiết lập qua Cha, Thầy, Thượng phụ của toàn thể vũ trụ, Constantinopolis. Vì lý do này, chúng tôi viết thư này và thông báo cho các con với tình thương của người cha, như những đứa con của chúng tôi, như những thành viên của Giáo hội, như những người thừa kế của chính Đức Kitô – Đầu của toàn thể Giáo hội, hãy chấm dứt những mâu thuẫn và sự chia rẽ; và, hãy đoàn kết lại với nhau trong sự đồng lòng với trật tự Giáo hội, cùng nhau dâng lên Thiên Chúa vinh quang. Vì Hội Thánh của Đấng Christ được tôn vinh nhờ đức tin chân chính và đời sống thánh thiện; còn việc bổ nhiệm vì lợi lộc thì rõ ràng là sự bất kính. Những người được bổ nhiệm thường tự tạo ra những khoản thu cho riêng mình, từ nến, rượu, hương trầm, các vật phẩm khác *và bữa ăn.* Những việc như vậy không gây hại cho họ; vì việc phục vụ là để cho đi, như Chúa Kitô đã phán: "Các con đã nhận được, thì hãy cho đi." Có khi là để nhận thù lao cho việc phục vụ, có khi là để đáp ứng những nhu cầu thiết yếu. Chúng ta cũng thấy Chúa Giê-su Ki-tô, Thiên Chúa của chúng ta, khi Ngài cùng các môn đệ vào nhiều nhà, được tiếp đón xứng đáng, dạy dỗ Lời Chân Lý và sự khôn ngoan, và thực hiện nhiều phép lạ, nhận lấy những gì được dâng lên từ họ. Vì khi Ngài vào nhà Ma-thê, người thu thuế, thì người ấy đã dọn tiệc lớn chiêu đãi Ngài. Khi Ngài vào nhà Ma-ri và Ma-tha, Ma-tha bận rộn với nhiều việc phục vụ; và các bạn sẽ thấy nhiều trường hợp tương tự như vậy. Còn Thánh Tông Đồ Phaolô, khi trích dẫn từ Luật Môsê , đã nói: *"Chớ bịt* miệng *con bò đang xay lúa*"[612] . Ngài cũng giải thích ý nghĩa của Kinh Thánh, và nói: *"Chẳng lẽ Đức Chúa Trời lại quan tâm đến thức ăn sao? Nhưng Ngài dạy chúng ta mọi điều."* Cũng như vậy: *những người phục vụ trong nhà thờ được chia phần thức ăn từ nhà thờ, và những người phục vụ bàn thờ được chia phần cùng với bàn thờ. Cũng vậy, Đức Chúa Trời đã truyền lệnh rằng những ai rao giảng* Tin Mừng *phải sống nhờ* Tin Mừng*. Nếu chúng tôi đã gieo cho các bạn những điều thuộc linh, thì có gì là quá đáng nếu chúng tôi gặt hái những điều thuộc xác thịt từ các bạn*[613] ? Có nhiều người mong muốn đạt được điều này, để có được những điều thuộc về Thiên Chúa, những điều được thực hiện với lý trí đúng đắn và lương tâm trong sáng, không cản trở sự sắp đặt của Ngài, vốn được thực hiện một cách vô tư, không vì lợi ích cá nhân: vì vậy, hãy cố gắng sửa chữa những điều xấu xa đã xảy ra. Vì lý do này, chúng tôi khiêm tốn gửi lời này, cùng với Đức Tổng Giám mục Suzdal, người yêu mến Thiên Chúa, Dionysius, một người chính trực, đạo đức, có đức hạnh, và là người bảo vệ các Giáo luật thiêng liêng, để ngài có thể nhìn thấy các ngươi thay mặt chúng tôi, ban phước lành, dạy dỗ, khiển trách, khuyên nhủ, và sắp xếp cũng như hợp nhất Giáo hội Tông đồ của Đức Chúa Trời một cách thích hợp. Hãy biết rằng, ai ly khai khỏi Giáo hội thì chính là ly khai khỏi chính Đức Kitô, Thiên Chúa; họ không có phần, cũng không có số phận, chẳng phải trong đời này, cũng chẳng phải trong đời sau. Họ sẽ gắn bó với Hội Thánh nào? Chẳng có Hội Thánh nào cả. Vì nếu các ngươi tự tách mình khỏi Hội Thánh của mình do lỗi lầm và hình phạt, và tự tách mình ra như những kẻ dị giáo, thì ngay từ hôm nay, theo lời các ngươi, Đức Kitô đã không còn Hội Thánh nào trên đất này nữa, và lời ấy là lời dối trá, khi Ngài phán: *"Ta sẽ ở cùng các con cho đến tận thế."* Nhưng điều đó không phải là dối trá, chớ có như vậy. Vậy, các ngươi, sau khi đã nhận biết con đường cứu rỗi và hiệp nhất với anh em mình, hãy cùng nhau tôn vinh Đức Chúa Trời, để ân sủng và lòng thương xót của Ngài ở cùng tất cả các ngươi. Chúng tôi đã viết những điều này tóm tắt từ nhiều điều khác; còn những điều quan trọng hơn, chúng tôi đã giao phó cho Tổng Giám mục Dionysius. Bất cứ điều gì ngài nói với các bạn bằng miệng, hãy coi đó như lời của chúng tôi. Chúng tôi cũng mong các bạn viết thư cho chúng tôi, để chúng tôi biết rằng sự cải thiện đã xảy ra nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, và chúng tôi sẽ tôn vinh Đức Chúa Trời, và vui mừng về sự trở lại của họ, cũng như về sự ăn năn, điều mà các Thiên thần và loài người đều vui mừng, theo lời của Chúa Giê-su Christ, Chúa chúng ta. Nguyện Ngài ban cho tất cả chúng ta ân sủng và lòng nhân ái trong đời này và đời sau. Đến đây là thư của Đức Thượng Phụ.

Vào năm 6883 kể từ khi thế giới được tạo dựng, tức năm 1375 kể từ khi Đức Chúa Lời nhập thể, những người tín hữu chân chính, nhiệt thành trong sự đạo đức, đã tiêu diệt những kẻ dị giáo Strigolniki: phó tế Nikita, Karpa người bình dân, và một người thứ ba đi cùng họ, rồi ném họ xuống từ cây cầu, những kẻ đồi bại! những người từng là các thánh tử đạo của Chúa Kitô. Tuy nhiên, tà giáo của họ không hề bị tiêu diệt ngay lập tức, mà còn kéo dài cho đến thời của Đức Thánh Photius, Tổng Giám mục toàn nước Nga, người đã lên ngôi vào năm 6917 theo lịch thế gian, tức năm 1409 theo lịch Nhập Thể của Đức Chúa Lời, và ngài cũng đã viết một bức thư khuyên

612 Đệ Nhị Luật 5:4.
613 1 Cô-rinh-tô 9:9, 13 và 11.

răn gửi cho người dân Pskov; chúng tôi không trích dẫn toàn bộ bức thư này ở đây vì lý do dài dòng, mà chỉ tóm tắt một số đoạn chính từ đó.

Đức Thánh Photius, Tổng Giám mục, đã viết những lời sau đây trong thư gửi người dân Pskov:

Chúng tôi đã nghe nói về lòng đạo đức của các con qua các văn thư của các linh mục, và điều đó đã mang lại cho chúng tôi sự khiêm nhường, niềm tin vững chắc và sự an ủi cho tâm hồn; chúng tôi đã nghe và rất vui mừng. Tuy nhiên, về những kẻ ly khai khỏi Luật Chúa và Chính Thống Giáo, được gọi là những người Strigolniki, các con ơi, lòng tôi vô cùng xót xa, và tôi không ngừng suy nghĩ về họ. Và Ta đã tìm kiếm trong các quy tắc thiêng liêng, rồi viết thư cho các con, cũng như để trấn an những người đang ở giữa đức tin Chính thống của các con, những người được gọi là "Strigolnitsy", những người đã bị che mờ bởi sự quyến rũ của ma quỷ, bị mù quáng bởi sự dị giáo xảo trá của nó, không nhận biết ánh sáng chân thật của Đấng Christ, cũng không hiểu được những phán quyết công chính của Ngài, và không nhìn thấy những con đường chân chính của Ngài, v.v. Ngoài ra, văn bản này còn nêu rõ: dù có ai đó nói lời xúc phạm nặng nề nhất đối với giám mục hay linh mục, thì cũng không nên tước quyền rước lễ của họ, cho đến khi có sự kiểm chứng xác thực, v.v.

Về các khoản thuế, ngài nói như sau: Sắc lệnh của Hoàng đế Justinianus vĩ đại quy định phải nộp thuế cho chức sắc giáo hội. Hoàng đế Isaac Komnenos, người được tưởng nhớ mãi mãi, khi viết về vấn đề này cùng với những vấn đề khác, đã nói: Vương quốc của chúng ta, theo các quy định cổ xưa đã được thiết lập, ra lệnh rằng không được thu thêm bất cứ khoản nào ngoài 7 đồng vàng từ chức vụ linh mục. Các quy định cổ xưa này đã được Tòa Thánh xác nhận, thông qua phiên tòa của Thượng Hội Đồng do Đức Thượng Phụ Michael – bậc triết gia tối cao – chủ trì, và cũng đã được thiết lập, xác nhận và đóng dấu. Và một quy định khác của Hội đồng, do Đức Thượng phụ Nikola của Constantinople ban hành, cũng ra lệnh tương tự, và cũng như đã được ghi chép trước đó, quy định mức tiền phải nộp khi bổ nhiệm.

Còn những điều khác được ghi trong văn bản đó, nếu ai muốn biết, hãy đọc nó trong cùng cuốn sách và tại cùng chỗ, nơi văn bản của Đức Thánh Phêrô, vị Thượng phụ, đã được lưu giữ.

Còn chúng tôi, sau khi đã trình bày những bằng chứng về tính vô tội của các khoản thuế do các quan chức quy định, xin tuyên bố: Nếu các vị vua và tổng giám mục Constantinople thuộc Giáo hội Chính thống (như chúng tôi đã nghe), cùng các vị giám mục cổ xưa của Nga đã quy định việc đóng góp cho các nghi lễ; thì khoản đóng góp đó không phải là tiền công, mà là khoản thuế theo quy định. Và vì đó không phải là tiền công; nên cũng không cản trở sự ngự xuống của Thánh Thần trên các Thánh Thể, cũng như việc thực hiện phép biến thể và các bí tích khác.

Chương 29. Về đời sống của các linh mục

Lối sống sa đọa của các linh mục có cản trở Thánh Thần ngự xuống trên các Thánh Thể và thực hiện các Bí tích không?

Tôi hỏi:

Khi cử hành thánh lễ, linh mục dâng chính mình làm của lễ cho Thiên Chúa Cha để chuộc tội cho cả thế giới, hay là dâng Con Thiên Chúa? Thật vậy, là Con Thiên Chúa, chứ không phải chính mình; vì linh mục không thể là của lễ được dâng lên để chuộc tội cho cả thế gian, mà chỉ có chính Con Thiên Chúa mà thôi, Đấng được nhắc đến ngay từ đầu nghi thức thánh hóa bánh: "Chiên Thiên Chúa, Đấng gánh lấy tội lỗi thế gian, vì sự sống và sự cứu rỗi của thế gian, đang bị hiến tế."

Tôi lại hỏi:

Trong Thánh Lễ, khi dâng Con Thiên Chúa làm của lễ cho Thiên Chúa Cha vì tội lỗi của cả thế gian, thì Thánh Thần ngự xuống trên của lễ được dâng lên là vì ai: vì vị linh mục, hay vì Con Thiên Chúa? Quả thật là vì Con Thiên Chúa; vì Thiên Chúa Cha cùng với Thánh Thần nhìn vào Con của Ngài đang được dâng lên nhiều hơn là nhìn vào vị linh mục dâng lễ, dù vị linh mục đó cũng xứng đáng không bị coi là không xứng đáng trước sự nhìn ngắm của Thiên Chúa.

Tôi nói rằng:

Nếu như linh mục dâng chính mình làm của lễ, và Thánh Thần ngự xuống vì linh mục, thì quả thật, lối sống sa đọa của linh mục sẽ là trở ngại cho sự ngự xuống của Thánh Thần. Nhưng vì Con Thiên Chúa được dâng làm của lễ, và Thánh Thần ngự xuống vì Con Thiên Chúa; vậy thì cuộc sống sa đọa của các linh mục có cản trở gì Thánh Thần khi Ngài ngự xuống trên các của lễ được dâng lên, và biến đổi chúng thành Mình và Máu Con Thiên Chúa?

Ngài phán:

Lễ vật của A-vê-l, người công chính, đã được Thiên Chúa chấp nhận, còn lễ vật của Ca-in, kẻ tội lỗi, thì không được chấp nhận. Vậy, linh mục phải sống một đời sống công chính và thánh thiện, để lễ vật mà ngài dâng lên được Thiên Chúa chấp nhận; còn nếu linh mục là kẻ tội lỗi, thì lễ vật đó, dù là lễ vật, cũng không được Thiên Chúa chấp nhận, giống như lễ vật của Ca-in.

Tôi trả lời:

Trong Cựu Ước, Đức Chúa Trời nhìn vào người dâng lễ, chứ không phải vào vật dâng, và Ngài chấp nhận vật dâng dựa trên lòng thành của người dâng; như đã chép: *"Đức Chúa Trời nhìn vào A-vên và các lễ vật của ông;* Ngài nhìn vào A-vên trước tiên, và khi thấy lòng kính mến Đức Chúa Trời chân thật của ông, *Ngài cũng nhìn vào các lễ vật của* ông" ([614]). Còn ở những nơi Ngài không thấy lòng yêu mến Chúa chân thật nơi người dâng lễ, thì Ngài cũng không nhìn đến những của lễ được dâng lên; vì Ngài phán: *"Ta sẽ không nhận những con bò đực từ nhà ngươi, cũng như những con dê từ đàn chiên của ngươi." Ta có ăn thịt bò con hay uống máu dê đâu? Hãy dâng lên Đức Chúa Trời của lễ ngợi khen*[615] : v.v. Và trong Cựu Ước, thầy tế lễ quan trọng hơn của lễ.

Nhưng ngày nay, trong ân sủng mới, không còn như vậy nữa. Không còn là thầy tế lễ quan trọng hơn của lễ; mà là của lễ quan trọng hơn thầy tế lễ. Thầy tế lễ là người; của lễ là Con Thiên Chúa. Thầy tế lễ là con người tội lỗi; của lễ là Chiên Con vô tội và không tì vết – đó là Đức Kitô. Và tất cả sự chú ý của Đức Chúa Cha đều hướng về của lễ, về Con Một duy nhất của Ngài; chứ không phải về cuộc sống của vị linh mục, người dâng và phục vụ của lễ. Và của lễ được dâng lên không phải nhờ cuộc sống công chính của vị linh mục mà được Đức Chúa Trời chấp nhận; nhưng chính bởi vì Con Đức Chúa Trời được dâng lên làm của lễ cho Đức Chúa Cha. Dù linh mục có công chính hay có tội lỗi, thì của lễ ấy vẫn luôn là của lễ đẹp lòng Thiên Chúa, được Thánh Thần ngự trên đó và thực hiện bí tích một cách trọn vẹn.

Thật sự cần thiết phải có sự phục vụ và đời sống đạo đức của linh mục; để như một Thiên Thần hữu hình, cùng với các Thiên Thần vô hình, đứng trước của lễ không đổ máu. Và mỗi linh mục phải nỗ lực hết sức mình về điều này, để được trong sạch và xứng đáng đứng trước bàn thờ của Đức Chúa Trời, để không phải đối mặt với sự phán xét và hình phạt cho chính mình. Vì Thiên Chúa yêu mến các linh mục trong sạch phụng sự Ngài, và đã chuẩn bị phần thưởng cho họ trên trời; còn những ai dám đến phụng vụ trong tình trạng ô uế và không xứng đáng, sẽ phải chịu hình phạt. Tuy nhiên, ngay cả cuộc sống tội lỗi của một linh mục cũng không phải là trở ngại cho hoạt động của Thánh Thần trong việc thánh hóa và cử hành các Bí tích thánh: tất cả các vị thầy trong Giáo hội đều nhất trí khẳng định điều này.

Để làm chứng cho lẽ thật này, thay vì nhiều vị thánh tổ phụ, xin dẫn ra một vị là Thánh Gioan Vàng Miệng. Trong các bài giảng về các thư của Thánh Phaolô, cụ thể là Thư thứ hai gửi Thánh Timôthê, chương 1, bài giảng thứ 2, ngài đã khẳng định[616] : rằng lễ vật là chân thật, dù người dâng lễ có lối sống không trong sạch, và ngài nói: "Chúa đã hành động qua các phép lạ tại Hòm Giao Ước khi Ngài muốn cứu rỗi loài người." Phải chăng đời sống linh mục là như vậy? Phải chăng đức hạnh lại chỉ hỗ trợ điều gì đó như thế? Không thể như vậy, vì những ân sủng mà Thiên Chúa ban tặng, xuất phát từ đức hạnh linh mục, mới thực sự hoàn thành mọi ân sủng; linh mục chỉ cần mở miệng ra, còn mọi việc đều do Thiên Chúa thực hiện; các ngươi chỉ thực hiện vai trò này mà thôi. Và ngài lại nói: "Ta muốn nói điều gì đó rất cao quý, nhưng các ngươi đừng ngạc nhiên, cũng đừng bối rối. Điều đó là gì? Lễ vật vẫn là lễ vật, dù người dâng lễ có là ai đi chăng nữa." Còn chúng ta hãy lắng nghe lời của Thánh Giuse Kim Khẩu: "Dù một người tình cờ (nói rằng) dâng lễ vật này, dù vị linh mục đó có lối sống xấu xa, thì lễ vật đó vẫn là như vậy, vẫn là lễ vật đó chứ không phải lễ vật khác, giống như lễ vật của một vị thánh nào đó; và ngài nói: "Dù là Phaolô, dù là Phêrô, (nếu họ dâng), thì đó vẫn là (lễ vật) mà Chúa Kitô đã ban cho các môn đệ, và chính các linh mục ngày nay đang thực hiện: và lễ vật này không hề kém hơn lễ vật kia, vì lễ vật này cũng *không phải do con người thánh hiến,* mà chính Đấng đã thánh hiến lễ vật kia cũng là Đấng thánh hiến lễ vật này." Vì những lời mà Thiên Chúa đã phán, chính là những lời mà vị linh mục ngày nay cũng đang phán: "Lễ vật này cũng chính là như vậy." Đến đây là lời của Thánh Xa-lô-môn.

---

[614] Sáng Thế Ký 4:4.

[615] Thi thiên 49:9, 13, 14.

[616] Tờ 2556.

Hơn nữa, để củng cố sự thật này, xin được trích dẫn ở đây câu chuyện về vị thánh Mark có khả năng tiên tri, người mà trong Phần Mở Đầu, vào ngày 10 tháng Ba, có ghi chép như sau:

Người ta kể về Thánh Mark, một tu sĩ Ai Cập, rằng ngài đã ở trong phòng tu của mình suốt ba mươi năm mà không ra ngoài. Có thói quen là một linh mục thường đến thăm ngài, và sau khi cử hành thánh lễ, ngài trao cho ngài các Bí tích Thánh Thể. Ma quỷ, khi thấy đức hạnh và sự kiên nhẫn của vị tu sĩ già, đã muốn dồn ông vào chỗ bị kết án; nên đã dẫn đến gặp ông một người bị ma quỷ ám, như thể để nhận lời cầu nguyện và sự ban phước; Người này, được ma quỷ xúi giục, trước hết nói với vị tu sĩ già: "Vị linh mục của ngài đầy dẫy mọi mùi hôi thối của tội lỗi, và ngài đừng để ông ta đến gần ngài nữa." Còn ông Marco, người được Thánh Thần soi dẫn, bèn nói với người ấy: "Hỡi con ơi! Mọi người đều loại bỏ sự ô uế ra khỏi mình; còn con thì đã đến với ta; và có chép rằng: 'Đừng xét đoán, để các ngươi khỏi bị xét đoán'; tuy nhiên, dù người ấy có tội, nhưng Thiên Chúa sẽ cứu rỗi người ấy. Vì có chép rằng: 'Hãy cầu nguyện cho nhau, và các ngươi sẽ được chữa lành.' Nói xong, vị tu sĩ già dâng lời cầu nguyện, xua đuổi quỷ ra khỏi người ấy, rồi cho anh ta ra về trong tình trạng khỏe mạnh. Khi vị linh mục đến, vị tu sĩ già đón tiếp ông với niềm vui. Đức Chúa Trời nhân từ, thấy lòng nhân từ của vị tu sĩ già, đã ban cho ông một dấu hiệu; vì khi vị linh mục định đứng trước bàn thờ thánh, vị tu sĩ già thấy Thiên Thần của Chúa từ trời ngự xuống, đặt tay lên đầu vị linh mục, và ngay lập tức vị linh mục trở nên như một cột lửa. Vị tu sĩ già đang ngạc nhiên trước thị kiến ấy, bỗng có tiếng nói với ông: "Hỡi con người! Sao ngươi lại ngạc nhiên về điều này? Vì nếu vua trần gian cũng không muốn các quan đại thần của mình xuất hiện trước mặt ngài trong tình trạng ô uế, mà phải trong sạch và đầy vinh quang; thì Vua Thiên Đàng lại càng không thể không thanh tẩy những người phục vụ các bí tích thánh và những ai đứng trước ngai vàng của Ngài sao? Quả thật, Ngài sẽ thanh tẩy họ và chiếu sáng họ bằng vinh quang thiên đàng. Thấy điều này, Thánh Mark đã kể lại cho mọi người, để không ai lên án linh mục vì tội lỗi của ông; vì các linh mục là những người đại diện của Thiên Chúa và là những cộng sự của các Thiên thần.

Một câu chuyện tương tự cũng được ghi lại trong "Paterikon của Skete", trong đoạn 9: Có một linh mục từ tu viện đến thăm một ẩn sĩ nào đó để cử hành các Bí tích Thánh cho ông. Nhưng có người đến gặp ẩn sĩ và vu khống linh mục đó là người có tội. Khi vị linh mục đến như thường lệ để cử hành Thánh lễ, người ẩn tu không mở cửa cho ông, vì cho rằng ông không xứng đáng, và vị linh mục đành phải quay về. Lúc đó, người ẩn tu nghe thấy một tiếng nói từ trên cao phán: "Con người đã phán xét Ta." Vị ẩn sĩ bỗng như được ơn sủng, và thấy một giếng nước trong lành, một cái xô bằng vàng, một cái gáo bằng vàng, và nước rất trong: ông thấy một người bị bệnh hủi đang múc nước từ giếng bằng cái xô vàng đó và rót ra. Ông muốn uống khi thấy cảnh đó, nhưng không uống; vì người múc nước là người bị bệnh hủi. Rồi lại có tiếng nói với ông, rằng: "Sao ngươi không uống nước tốt lành này? Có tội gì ở người bị bệnh hủi đang múc nước ấy?" Người ẩn sĩ bừng tỉnh, sau khi suy xét kỹ lưỡng về sức mạnh của thị kiến, đã mời vị linh mục cử hành Thánh lễ như trước đây, và rước Mình Thánh từ tay ngài.

Từ những lập luận và bằng chứng này, rõ ràng cho thấy rằng lối sống sa đọa của các linh mục không phải là trở ngại ngăn cản ân sủng của Thánh Thần đến với các ân tứ thánh và thực hiện chúng.

Chúng tôi đã thực sự tìm hiểu kỹ lưỡng về các Bí tích thiêng liêng của Thiên Chúa, và đã phát hiện ra điều này:

Rằng không phải là hình thánh giá bốn đầu được in trên bánh thánh,
cũng không phải là các Sách Phụng vụ mới được xuất bản,
Cũng không phải là khoản thuế theo sắc lệnh dành cho việc tấn phong linh mục.

Cũng không phải lối sống sa đọa của các linh mục cản trở sự giáng lâm của Thánh Thần trên của lễ được dâng lên.

Thật vô ích khi những kẻ ly giáo phỉ báng những mầu nhiệm thiêng liêng của Đức Chúa Trời, và khinh bỉ chúng như thể chúng là những điều ô uế.

Chương 30. Về Chiên Con Thánh bị hiến tế và bị giết

Còn cuốn sách ly giáo của chúng, thì phỉ báng những mầu nhiệm thiêng liêng, phỉ báng của lễ không đổ máu mà chúng ta dâng lên, và chửi rủa nghi thức bẻ bánh, trong đó chúng ta cắt và giết Chiên Con bằng bánh, và nói rằng: "Chiên Con của Đức Chúa Trời đang bị ăn thịt", v.v. Và lại nữa: "Một người lính đã dùng giáo đâm vào sườn Ngài," v.v. Cuốn sách đáng nguyền rủa của bọn chúng, chế nhạo nghi thức đó, viết như sau: "Chúa (được nói là) trên thập tự giá đã bị đâm vào sườn bằng giáo một lần, lúc đó máu và nước chảy ra; bởi vì Chúa Giê-su đã nếm trải cái chết trên thập tự giá, bị đâm trên thập tự giá, tức là vào sườn. Hãy hiểu rằng, không thể nào một con người

lại bị giết hai lần hay nhiều lần hơn thế: ai cũng chỉ nếm trải cái chết tàn khốc một lần duy nhất. Và tiếp theo dưới đây: "Làm sao có thể giết một người đã bị giết nhiều lần được?" Đến đây là hết cuốn Sách.

Mọi người có đức tin chân chính hãy lắng nghe ở đây, và hãy hiểu tâm trí điên rồ, ly giáo của những kẻ ấy, bằng tinh thần nào, bằng suy nghĩ nào mà họ nói những lời này. Phải chăng họ suy luận bằng tinh thần dị giáo, nhằm phủ nhận sự hiện diện thực sự của Thân Thể Chúa Kitô trong của lễ mà chúng ta dâng lên và cử hành? Như thể Chúa Kitô chỉ bị hiến tế một lần trên thập giá, và sau khi bị đâm bằng lưỡi giáo, Ngài không còn được dâng lên nữa để cứu rỗi thế gian; và của lễ mà các linh mục cử hành không còn là của lễ nữa.

Tôi không muốn đáp lại những suy luận điên rồ của họ, vì thấy mình không xứng đáng; bởi vì có chép rằng: "Ta sẽ không tiết lộ mầu nhiệm của ngươi cho kẻ thù ngươi." Nhưng sự phỉ báng đáng ghét đối với những mầu nhiệm thiêng liêng, do họ thốt ra, đã khơi dậy lòng nhiệt thành trong tôi; và chức vụ giám mục không cho phép im lặng, mà buộc phải bảo vệ danh dự của mầu nhiệm cao quý nhất. Hãy để lời phỉ báng độc ác của họ bị bác bỏ và khiến họ phải xấu hổ; tôi buộc phải – dù không muốn (vì hoàn cảnh cấp bách có thể làm thay đổi cả luật pháp) – tóm tắt cho họ một số bí mật trong những điều diễn ra trong của lễ thiêng liêng, những điều mà họ không xứng đáng được nghe hay biết. Tuy nhiên, hãy để họ biết: ngay cả Balaam, nhà tiên tri và kẻ thờ thần tượng, cũng không xứng đáng với sự hiện ra của Thiên Thần dành cho ông, dù đó là điều cần thiết, để bịt miệng ông, người muốn phỉ báng và nguyền rủa Israel: Thiên Thần của Chúa đã hiện ra trước mặt ông với thanh gươm trần, và cấm ông không được phỉ báng hay nguyền rủa Israel[617] .

Vậy thì, ở đây cũng hãy bịt miệng những kẻ phỉ báng và ly giáo, những kẻ phỉ báng chính Chúa Kitô trong những mầu nhiệm thánh khiết của Ngài: hãy để câu trả lời của chúng ta là việc tiết lộ mầu nhiệm của của lễ thiêng liêng, như thanh gươm phán xét và chặt đứt những lời phỉ báng dị giáo của họ.

1) *Mầu nhiệm của Hy lễ Thần thánh.*

Lễ Tế Thần Thánh được cử hành qua nghi lễ không phải là việc giết chết hay chính cái chết của Đức Kitô, Thiên Chúa bất tử của chúng ta, Đấng được tôn vinh trên trời, Đấng ngự trị cùng Chúa Cha muôn đời; về Ngài, Thánh Tông Đồ đã nói: *"Đức Kitô đã sống lại từ cõi chết, và từ đó Ngài không còn chết nữa; nên cái chết không còn quyền lực trên Ngài nữa[618]* ; mà chỉ là sự tưởng niệm về sự giết hại và cái chết đã xảy ra trước đó của Ngài. Và khi một phần bánh thánh, được lấy ra từ bánh thánh để tượng trưng cho Thân Thể của Đấng Christ và được gọi là Chiên Con, được dâng lên trên đĩa, thì đó là sự tưởng niệm chính Chiên Con của Thiên Chúa là Đấng Christ, Đấng đã bị hiến tế trên thập giá vì chúng ta. Và khi phần bánh được gọi là "Chiên Con" bị đâm bằng giáo trên đĩa thánh, việc đó được thực hiện để tưởng nhớ chính Chiên Con của Thiên Chúa là Đức Kitô, Đấng đã bị đâm bằng giáo vào sườn trên thập giá vì chúng ta. Chính Đức Kitô, Chúa chúng ta, đã truyền cho các Thánh Tông Đồ thực hiện điều này, khi Ngài phán: *"Hãy làm điều này để tưởng nhớ đến Ta"[619]* . Hỡi những kẻ phỉ báng, hãy nghe và chú ý đến những gì Chúa phán: Ngài không nói: "Hãy làm điều này để tưởng nhớ đến sự giết hại lần thứ hai của Ta, đến sự hiến tế của Ta", mà là "để tưởng nhớ đến Ta", tức là để tưởng nhớ đến sự đau khổ và cái chết tự nguyện của Ta, để tưởng nhớ đến sự giết hại và hiến tế mà Ta đã phải chịu trước đó từ tay người Do Thái. Vì lý do đó, Thánh Basil Đại Đế trong Thánh lễ của ngài, nhân danh Chúa Kitô, đã phán: "Hãy làm điều này để tưởng nhớ Ta: vì mỗi khi các con ăn bánh này và uống chén này, các con loan báo cái chết của Ta và tuyên xưng sự phục sinh của Ta." Còn Thánh Xa-lô-môn, trong Thánh lễ của ngài, khi cầu nguyện cùng Chúa Kitô, đã phán: "Vì chúng ta tưởng niệm điều răn cứu độ này, và tất cả những gì đã xảy ra cho chúng ta : thập giá, quan tài, sự phục sinh sau ba ngày, v.v." Vì thế, hỡi những kẻ phỉ báng đáng nguyền rủa, các ngươi hãy thấy rằng của lễ thiêng liêng mà chúng ta dâng lên không giết chết Chúa Kitô, nhưng tái hiện lại sự giết hại Ngài trước đó bởi người Do Thái.

2) *Mầu nhiệm của của lễ thiêng liêng.*

Phần bánh đó, được lấy ra từ bánh thánh ngay từ đầu nghi thức thánh hóa, và được gọi là Chiên Con, rồi được đặt trên đĩa thánh như hình ảnh thân thể Chúa Kitô; khi nó bị cắt và hiến tế, thì không phải chính thân thể Chúa Kitô bị cắt và hiến tế, mà chỉ là bánh mì thông thường, chưa được biến đổi thành thân thể Chúa Kitô, mà chỉ là hình ảnh của thân thể Chúa Kitô mà thôi. Vậy thì, khi hình ảnh của ai đó được khắc trên một vật gì đó, rồi bị cắt và hiến tế, liệu người sống có phải chịu đau khổ về thân xác mình vì việc cắt và hiến tế đó xảy ra trên hình ảnh của

---

[617] Sách Dân Số 22:31.

[618] Rô-ma 6:9.

[619] 1 Cô-rinh-tô 11:24.

mình không? Chắc chắn là không. Cũng vậy, Chúa Kitô, với Thân Thể được tôn vinh của Ngài – Thân Thể không còn phải chịu đau khổ nào nữa và bất tử – không hề chịu đau khổ hay chết, khi hình ảnh Thân Thể Ngài, tức "Chiên Con Bánh Thánh", được cắt và hiến tế trong nghi thức Thánh Thể.

3) *Mầu nhiệm của của lễ thiêng liêng.*

Không chỉ trước khi bánh được dâng trên đĩa được biến đổi thành Thân Thể Chúa Kitô, mà ngay cả khi bánh đó đã được biến đổi, Chúa Kitô vẫn hiện diện trong đó dưới hình ảnh của Ngài – dù bị cắt và hiến tế – Ngài cũng không hề chịu đau khổ; mà khi bánh đó đã được Thánh Thần biến đổi và trở thành Thân Thể Chúa Kitô – không còn là bánh nữa, mà là Thân Thể thật sự hiện hữu dưới hình dạng bánh – thì Chúa Kitô cũng không phải chịu bất kỳ đau khổ nào khi bị bẻ ra và ăn. Vì Ngài chỉ chịu đau khổ một lần duy nhất qua xác thịt của Ngài vì chúng ta trên thập tự giá; còn sau khi phục sinh, Ngài không còn phải chịu đau khổ nữa. Và cũng như lúc bấy giờ, trong thời gian Ngài tự nguyện chịu đau khổ, bản tính Thiên Chúa, vốn luôn hiệp nhất với Ngài, không hề chịu đau khổ gì cả: thì nay, bản tính nhân loại của Ngài, được tôn vinh bởi sự vô cảm và bất tử, trong hy lễ Thiên Chúa đang được cử hành, cũng không hề chịu đau khổ gì cả; vì hy lễ Thiên Chúa của Đức Kitô mà chúng ta cử hành không giết chết Ngài lần thứ hai, cũng không làm Ngài chết đi.

4) *Mầu nhiệm của của lễ Thánh*

Trong Lễ Tế Thần Thánh mà chúng ta dâng lên và cử hành qua nghi lễ thánh, dù Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, không hề chịu đau khổ hay chết đi về phần xác thịt của Ngài; nhưng Ngài vẫn bị đâm thâu, bị giết, và máu Ngài đổ ra mà không hề có bất kỳ sự đau đớn nào, điều này đã được các vị Thánh Tổ tiên xưa kia biết đến qua những mặc khải Thần Thánh. Hãy nghe, Thánh Ephrem trong Bài giảng số 86 đã viết về một vị tu sĩ cao niên, người đã được mặc khải về những mầu nhiệm thiêng liêng[620] : "Ta đã thấy (vị tu sĩ già nói), trời mở ra, và lửa từ trên cao đổ xuống cùng với vô số các Thiên thần thánh thiện; và trên đầu họ là hai khuôn mặt tuyệt đẹp, mà ta không thể diễn tả hết sự tốt lành của chúng, vì ánh sáng của họ chói lọi như tia chớp, và giữa hai khuôn mặt ấy là một thiếu nhi nhỏ bé." Các thiên thần đứng xung quanh bàn thánh, còn hai khuôn mặt kia thì ở phía trên bàn thánh, và cậu bé đứng giữa họ. Và khi nghi thức Thánh Thể sắp kết thúc, các phó tế tiến lại để bẻ bánh dâng lễ, thì tôi (ông lão kể lại) thấy hai khuôn mặt đang ở trên bàn thánh. Họ trói tay và chân của cậu bé đang ở trên đó; họ cầm dao, giết cậu bé, và đổ máu của cậu vào chén đặt trên bàn thánh; rồi xé xác cậu ra, đặt lên bánh, và bánh ấy trở thành thân thể. Và những điều còn lại được ghi chép ở đó, hãy đọc cho đến đoạn viết rằng: sau khi hoàn tất Thánh lễ, người ta đã thấy những sức mạnh thần thánh ấy bay lên trời, và cậu bé ở giữa chúng vẫn còn sống, chứ không phải đã chết. Tương tự như vậy, trong cuốn "Cuộc đời của Thánh Arsenius Vĩ đại" cũng có ghi chép[621] : Đối với một anh em nào đó đang nghi ngờ về những mầu nhiệm thiêng liêng, hai vị trưởng lão vĩ đại đã cầu nguyện với Chúa suốt một tuần liền với lòng khiêm nhường vì người ấy; khi họ cùng đứng với người ấy tại một chỗ trong nhà thờ trong lúc cử hành Thánh lễ, mắt họ bỗng được mở ra, và khi bánh được đặt lên bàn thánh, họ thấy một cậu bé nhỏ; khi vị linh mục giơ tay ra để bẻ bánh, họ thấy Thiên Thần của Chúa từ trời hạ xuống, tay cầm con dao, đã giết chết đứa trẻ và đổ máu vào chén; và khi vị linh mục bẻ bánh, Thiên Thần đã xé xác đứa trẻ thành từng mảnh. Và khi các anh em đến để rước các Bí tích thánh, thì một người anh em không tin cũng đến, và cầm trên tay miếng thịt còn sống và đầy máu, và trong chén cũng thấy máu, nên sợ hãi, kêu lên rằng: "Con tin, lạy Chúa, rằng bánh này là thân thể Ngài, và rượu này là máu Ngài." Và ngay lập tức, thịt biến thành bánh, máu biến thành rượu, và anh ta đã rước lễ trong sự sợ hãi và xúc động sâu sắc. Không chỉ những người xứng đáng, mà cả những người không xứng đáng cũng được ban cho sự mặc khải này theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Trong Phần Mở Đầu, vào ngày 26 tháng 11, có chép rằng: tại thành phố Diospol, anh em họ của vua Saracens là Nunermia đã bước vào nhà thờ Thánh George, và thấy vị linh mục đang cử hành Thánh Lễ, người ấy đã hiến tế con vật, đổ máu của nó vào chén thánh, và băm nhỏ thân thể nó ra đĩa; và sau khi Thánh lễ kết thúc, tất cả mọi người đã ăn thịt và uống máu. Tương tự, trong cuốn " " (Cuộc đời Thánh Basil Đại Đế) cũng có ghi chép[622] : khi ngài đang cử hành Thánh lễ, một người Do Thái, thay vì một Kitô hữu, muốn tìm hiểu về các mầu nhiệm thánh, đã trà trộn vào đám tín hữu và lẻn vào nhà thờ; người ấy thấy Thánh Basil đang cầm một đứa trẻ trong tay và xé xác nó ra; Khi các tín hữu đang rước lễ từ tay vị thánh, người Do Thái ấy đến, và vị thánh đã trao cho anh ta, cũng như cho các Kitô hữu khác, một phần của các ân sủng

---

620 Tờ 184.

621 Ngày 8 tháng 5, trang 514.

622 Ngày 1 tháng 1, trang 330.

thánh; người Do Thái ấy nhận lấy vào tay và thấy rằng đó quả thực là thịt; sau đó, khi đến gần chén thánh, anh ta thấy rằng trong đó quả thực là máu.

Hỡi những kẻ phỉ báng khốn nạn, các ngươi hãy nhìn xem: Đức Kitô, Chúa chúng ta, trong các mầu nhiệm thiêng liêng của Ngài, thực sự hiện diện dưới hình thức bánh và rượu, bị bẻ ra, bị giết, và đổ máu ra vì sự cứu rỗi của chúng ta; tuy nhiên, Ngài không phải chịu đau khổ, không bị giết, cũng không bị tiêu diệt, nhưng hằng sống mãi mãi, và không bao giờ bị chất độc làm hại. Những mầu nhiệm này, dù chỉ là một phần nhỏ trong số rất nhiều điều, đã được tóm tắt và giải thích cho các ngươi về của lễ thiêng liêng, để bịt miệng các ngươi – những kẻ báng bổ, những kẻ ly giáo điên rồ, những kẻ nói lời tục tĩu, như thể chúng ta cử hành Thánh lễ với ý định đó, để một lần nữa hay nhiều lần nữa đâm thâu và giết chết Chúa Kitô: và các ngươi lăng mạ chúng ta, hơn nữa là chính Chúa Kitô trong của lễ thiêng liêng, các ngươi nói: "Ai có thể giết một người đã bị giết một lần, mà lại giết nhiều lần nữa?" Bằng những lời lẽ ấy, các ngươi bày tỏ sự dị giáo của mình, như thể Chúa Kitô đã chỉ hiến tế một lần trên thập giá, và sau khi bị đâm bằng giáo, thì không còn được dâng lên nữa để cứu rỗi thế gian? Và nếu điều đó đúng theo cách suy luận điên rồ và dị giáo của các ngươi, thì vì lý do gì mà Đức Kitô lại truyền lệnh cho các Thánh Tông Đồ, rằng: "Hãy làm điều này để tưởng nhớ Ta"? Vì lý do gì mà Thánh Giacôbê, anh em của Thiên Chúa, Thánh Basiliô Cả, và Thánh Gioan Vàng Miệng (những vị mà chính các ngươi cũng tin theo) lại soạn thảo các Thánh Lễ của họ? Nhưng hỡi những kẻ điên rồ, các ngươi đã lạc lối khỏi con đường chân lý đến cùng cực, và đang đi đến sự hủy diệt, mà lại không muốn nhìn thấy sự hủy diệt của chính mình.

Chương 31. Lại một lời phỉ báng ly giáo đối với các mầu nhiệm thiêng liêng

Chỉ có sự phỉ báng tột độ đối với những mầu nhiệm thiêng liêng của Đức Chúa Trời từ phe ly giáo mới văng đến tai chúng ta, đến nỗi họ thậm chí không ngần ngại gọi đó là sự ghê tởm của sự hoang tàn. Và trong những suy luận điên rồ của họ, không chỉ có một điều ghê tởm của sự hoang tàn được tưởng tượng ra, mà cả Thánh Giá bốn đầu, cả các thánh đường của chúng ta, cả những mầu nhiệm thiêng liêng, đều bị họ gọi là những điều ghê tởm của sự hoang tàn. Đối với những lời phỉ báng đầu tiên của họ, nhắm vào các thánh đường và Thánh Giá bốn đầu, chúng tôi đã phản bác đủ rồi. Còn đối với những lời phỉ báng nặng nề và chống lại Thiên Chúa này, nhắm vào các Mầu nhiệm Thần thánh, chúng tôi sẵn sàng phản bác. Nhưng trước hết, chúng tôi muốn nghe từ họ lý do tại sao họ lại gọi các Mầu nhiệm Thần thánh là "sự ghê tởm của sự hoang tàn"; vì nếu lý do đó chưa được làm rõ, thì ai có thể phán xét được? Hãy để họ nói cho chúng ta biết trước tiên: vì lý do gì mà các mầu nhiệm thiêng liêng lại bị gọi là sự hoang tàn ghê tởm? Phải chăng đó không phải là giáo huấn chân chính của Đức Kitô, được Người truyền lại cho các Thánh Tông Đồ và toàn thể các tín hữu, *và* sẽ tiếp tục được thực hiện *cho đến khi* "[623] " *đến*? Phải chăng quyền năng của Thiên Chúa đã suy yếu, và Thánh Thần đã ngừng hoạt động? Phải chăng Thánh Giuse Kim Khẩu đã nói dối khi ngài khẳng định[624] : "Lễ vật này chính là lễ vật mà Đức Kitô đã ban cho các môn đệ, và hiện nay các linh mục đang cử hành; và lễ vật này không hề kém hơn lễ vật kia, vì không phải con người thánh hiến lễ vật này, mà chính Đấng đã thánh hiến lễ vật kia cũng là Đấng thánh hiến lễ vật này; và những điều khác, như chúng ta đã nói trước đây?" Nhưng những kẻ khốn nạn ấy chẳng thể nói được điều gì như vậy, cũng chẳng thể tìm ra bất kỳ tội lỗi chân thật nào, ngoại trừ những lời dối trá, phỉ báng, vì họ vốn quen nói dối, phỉ báng, và sủa như những con chó điên vào thánh vật của Đức Chúa Trời. Chính Đức Kitô, Thiên Chúa của chúng ta, là Đấng chân thật trong các mầu nhiệm thánh thiêng của Ngài, nhưng khi bị họ phỉ báng một cách đáng ghét, Ngài sẽ tự mình đáp trả họ bằng chính kẻ phỉ báng của họ vào lúc đó, khi những người Do Thái nhìn lên Ngài, Đấng mà họ đã đâm thâu, và những kẻ ly giáo sẽ nhìn lên Ngài, Đấng mà họ đã phỉ báng và sỉ nhục trong những mầu nhiệm thiêng liêng ấy, gọi Ngài là "sự ghê tởm của sự hoang tàn".

Chương 32. Sự phỉ báng của họ đối với chức vụ giám mục

Hơn nữa, những kẻ ly giáo còn phỉ báng chức vụ giám mục, vu khống rằng các giám mục mua chuộc chức thánh cho mình.

Tôi trả lời rằng:

---

[623] 1 Cô-rinh-tô 11:26.

[624] 2 Ti-mô-thê 1, bài giảng, trang 2556.

Về những thời kỳ trước đây, như đã từng diễn ra tại thành phố Moscow, chúng tôi được triệu tập từ vùng Kiev, nên không biết và cũng không tìm hiểu về những điều không liên quan đến chúng tôi. Ngày nay, không nghe nói rằng các nhà cầm quyền và những người đứng đầu đòi hỏi bất kỳ khoản tiền nào từ những người được phong chức giám mục; nhưng nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời, mỗi người đều nhận được chức vụ của mình xứng đáng với phẩm giá của mình. Và tôi, kẻ tội lỗi, dù không xứng đáng với chức thánh giám mục thiêng liêng này, nhưng nhờ ý muốn của Đức Chúa Trời, Tôi đã được ban cho chức vụ này, không phải do ý muốn hay sự cầu xin của tôi, cũng không phải vì tiền bạc*; Đức Chúa Trời là Đấng làm chứng cho tôi* (và tôi xin nói theo lời Thánh Tông Đồ): *"Tôi phụng sự Ngài bằng tinh thần của* tôi" ([625]); nhưng là do sự quan phòng và kế hoạch của Đức Chúa Trời, tôi đã được triệu tập bằng sắc lệnh của Đức Vua vĩ đại. Và khi tôi nói về bản thân mình, thì cũng nói về các anh em giám mục khác của tôi, những người cũng được kêu gọi từ đó và được phong lên hàng giám mục; mọi người đều biết rằng họ đã nhận chức vụ giám mục không phải vì tiền bạc, mà là nhờ ân sủng của Đức Chúa Trời và sự cho phép của Đức Vua, xứng đáng với phẩm giá của họ. Còn nếu có ai trong số những người ở đây, trước chúng tôi, đã tìm kiếm quyền lực bằng cách nhận hối lộ, thì chúng tôi không quan tâm đến họ; chúng tôi chỉ lo cho chính mình. Chúng ta hãy biết rằng, dù chỉ vì một hay hai người đã phạm tội bán thánh chức, thì toàn thể Giáo hội của Đức Kitô cũng không sụp đổ, cũng không suy tàn. Ngay cả trong số các Tông đồ bên cạnh Đức Kitô cũng có Giu-đa, kẻ bán Chúa, nhưng vì thế mà hàng ngũ các Tông đồ không bị tan rã. Cũng như giữa lúa mì, chừng nào nó còn trên đồng chưa được gặt, thì không thể tránh khỏi có cỏ dại lẫn trong đó: tuy nhiên, lúa mì vẫn là lúa mì, và chủ nhân không bỏ nó chỉ vì có ít cỏ dại lẫn trong đó, mà chờ đến mùa gặt; khi đó chủ sẽ ra lệnh cho những người gặt hái thu gom lúa mì vào kho lúa của mình, còn cỏ dại thì ném vào lửa. Cũng vậy, trong Hội Thánh thánh thiện, chừng nào Hội Thánh còn như lúa mì trên cánh đồng trong thế gian đầy đau khổ này, thì không thể tránh khỏi việc có kẻ ác lẫn trong số những người lành. Tuy nhiên, vì những người ấy mà Chúa Kitô không bỏ rơi Hội Thánh của Ngài, và cho đến tận cùng thế gian cũng sẽ không bỏ rơi, như Ngài đã hứa, rằng: *"Ta sẽ ở cùng các con mọi ngày cho đến tận cùng thế* gian" ([626]). Khi ngày gặt hái, tức là ngày phán xét khủng khiếp, đến, thì Ngài sẽ tách biệt kẻ ác khỏi người lành, như tách lúa mì khỏi cỏ dại. Còn chúng ta hãy lưu ý: nếu chính Đức Kitô không bỏ rơi Hội Thánh của Ngài, dù trong đó có những kẻ ác lẫn lộn giữa những người lành; thì càng không thể nào một Kitô hữu trung thành lại rời bỏ Hội Thánh Thánh Thiện vì một số vị giám mục trước đây, những kẻ đã tìm kiếm chức vụ vì lợi lộc, những người mà chúng ta không biết, cũng không muốn biết. Cũng vậy, không ai được phép phỉ báng chức vụ giám mục vì một số giám mục đã phạm tội. Liệu có ai phỉ báng hàng ngũ các Tông đồ chỉ vì Giu-đa đã xuất hiện giữa các Tông đồ không?

Trong cuốn sách ly giáo, những kẻ phỉ báng và lăng mạ chức vụ giám mục đã vẽ hình những con quỷ cầm gậy giám mục, như thể trong thời đại này, không phải các mục tử chân chính đang chăn dắt trong Giáo hội của Đấng Christ, mà chính là những con quỷ đang chăn dắt. Với ý đồ như vậy, họ đã không muốn vạch trần các mục tử của mình – những con quỷ thực sự – những kẻ đang chăn dắt họ trong các tu viện của họ, không phải hướng đến sự sống đời đời, mà là hướng đến sự chết đời đời. Bởi vì mỗi tu viện ly giáo của họ, với niềm tin riêng biệt, chính là một đám đông của Satan, và có một vị mục tử riêng cho mình – một con quỷ. Vì họ muốn vu khống chúng ta, nên chính họ đã tự vạch trần bản thân.

Chương 33. Phản bác hai lời vu khống chính yếu nhất của phe ly giáo đối với Hội Thánh của Đức Chúa Trời

Nhưng chúng ta sẽ không tiếp tục trả lời từng lời vu khống của họ, mà sẽ bỏ qua những lời khác vì chúng không xứng đáng được đáp lại. Chúng ta chỉ nói thêm điều này: trong tất cả những lời vu khống của họ đối với Hội Thánh của Đức Chúa Trời, có hai lời vu khống chính là:

1) Rằng ân sủng của Đức Chúa Trời dường như đã rời bỏ Hội Thánh, và hiện nay Hội Thánh đã không còn ân sủng của Đức Chúa Trời nữa;

2) và như thể Giáo hội đã tràn ngập các tà thuyết.

Về điều này, tôi xin trả lời ngắn gọn như sau:

---

[625] Rô-ma 1:9.

[626] Ma-thi-ơ 28:20.

Nếu ân sủng của Đức Chúa Trời đã rời bỏ Hội Thánh Thánh; thì làm sao những lời chân thật của Đức Chúa Giê-su, Đức Chúa Trời của chúng ta, được phán ra từ đôi môi tinh khiết của Ngài: *"Ta sẽ ở cùng các ngươi mọi ngày cho đến tận thế"?*

Một lần nữa:

Nếu Giáo hội ngày nay tràn ngập tà giáo; thì những lời của Đấng Christ dành cho Thánh Phêrô, người đã tuyên xưng Đấng Christ là Con của Đức Chúa Trời hằng sống, rằng: *"Trên hòn đá này, Ta sẽ xây dựng Giáo hội của Ta, và cửa địa ngục sẽ không thắng được nó*" ([627]), ở đâu?

Vì vậy, tôi hỏi:

Lời của Chúa Kitô có phải là dối trá hay không? Thật sự thì không phải. *Chúa là Đấng trung tín trong mọi lời của Ngài*[628] *. Trời và đất sẽ qua đi,* nhưng *lời của Chúa sẽ không qua đi*[629] , sẽ không bao giờ sai lầm.

Vì ân sủng của Chúa không rời khỏi Hội Thánh, nơi mà Đấng Christ hiện diện cho đến tận thế: vì nơi nào có Đấng Christ, thì nơi đó có ân sủng của Ngài.

Vì Hội Thánh không bị lấp đầy bởi các tà thuyết, nên các cửa địa ngục sẽ không thắng được Hội Thánh ấy. Nếu Hội Thánh chấp nhận bất kỳ tà thuyết nào trong mình, thì các cửa địa ngục đã thắng được Hội Thánh ấy rồi, và Lời của Đấng Christ sẽ không còn đúng nữa. Nhưng Ngài đã ban cho Hội Thánh của Ngài sự bất khả sai lầm vững chắc, như Thánh Tông Đồ đã phán: *"Hội Thánh của Đức Chúa Trời là Đấng Sống, là cột trụ và nền tảng của lẽ* thật" ([630]).

Còn những kẻ khốn nạn thuộc phái Brynyan, những kẻ ly giáo, không ngần ngại biến Lời của Đấng Christ – Lời của Đức Chúa Trời, Lời chân thật – thành dối trá; họ lại đặt những lời nói dối và những lời báng bổ dị giáo của mình lên trên Lời của Đấng Christ: như thể những điều đó chân thật hơn, đất, bụi, tro tàn, còn hơn cả Chúa Kitô, Con Thiên Chúa và Thiên Chúa của chúng ta; và họ cố gắng truyền bá những suy luận điên rồ, thô thiển của mình cho dân chúng, hơn là sức mạnh và sự khôn ngoan của Thiên Chúa. Và ai mà không cười nhạo sự điên rồ của họ? Ai mà không xót xa trong lòng trước những lời phỉ báng đáng ghét nhắm vào Hội Thánh của Đức Chúa Trời, phát xuất từ tâm trí thối nát và miệng lưỡi của họ, như thể từ vực thẳm địa ngục? Hơn nữa, ai mà không xót xa cho chính sự lầm lạc và sự hủy diệt của họ, những kẻ lừa dối và bị lừa dối? Vì Hội Thánh giống như hòn đá cao sừng sững giữa biển khơi, dù ngày đêm bị sóng biển đập vào, vẫn không hề hấn gì; còn những kẻ phỉ báng, giống như những con sóng đập vỡ vào hòn đá, sẽ biến mất không dấu vết. Giáo Hội sẽ được tôn vinh, còn bọn chúng sẽ phải hổ thẹn; Giáo Hội sẽ ngự trị cùng Đấng Christ là Đầu của mình, còn bọn chúng sẽ bị quăng xuống vực thẳm địa ngục cùng với thủ lĩnh của chúng là ma quỷ; Giáo Hội sẽ chiến thắng muôn đời trên trời, còn bọn chúng sẽ khóc lóc và than khóc muôn đời trong những xiềng xích địa ngục dưới lòng đất. Và ai có thể liệt kê và vạch trần chi tiết những lời phỉ báng của họ đối với Giáo hội Thánh, với hàng giáo sĩ và mọi thánh vật của Giáo hội, vốn là vô số? Những điều đã nói trên đủ để phơi bày sự dối trá, tà giáo và lòng độc ác của họ, những điều mà họ đã mượn từ chính ma quỷ.

Này, hỡi những người tín hữu yêu dấu, những con chiên chân chính trong đàn chiên của Đấng Christ, và những con cái chân thành của Giáo hội Thánh của Ngài, chúng ta đã dùng lý luận sáng suốt và trái cây từ vườn Bryn khác – giáo lý của họ – để phân tích, và qua sự điều tra kỹ lưỡng, chúng ta đã tìm ra ba điều sau:

1) Liệu giáo lý của họ có phải là giả dối không?

2) Giáo lý của họ có phải là dị giáo không?

3) Liệu trong giáo lý của họ có chứa sự phỉ báng đối với những điều thánh thiêng hay không?

Và chúng tôi đã phát hiện ra trong thành quả đó, giống như trong quả táo đỏ rực của Sodom, không phải là vị ngọt ngào, mà là bụi bẩn và tro tàn hôi thối; chúng tôi đã phát hiện ra, tôi nói rằng, giáo lý của họ là

dối trá.

tà giáo,

đầy rẫy sự phỉ báng.

Vì giáo lý của họ không mang lại lợi ích cho tâm hồn, mà ngược lại, gây hại cho tâm hồn.

---

[627] Ma-thi-ơ 16:18.

[628] Thi Thiên 144:13.

[629] Ma-thi-ơ 24:35.

[630] 1 Ti-mô-thê 3:15.

Phần III. Về các vụ việc ly giáo

1. Về tính chất nghiêm trọng của các vụ án ly giáo

Điều tra về các vụ việc ly giáo.

Tôi không muốn nói ở đây về những việc làm bí mật và không ai biết của con người, cũng như về những tội lỗi xảy ra do sự yếu đuối hoặc do thiếu hiểu biết, và những điều đó không gây ra xung đột cho Hội Thánh của Đấng Christ. Xin đừng để *miệng tôi* nói *về những việc làm* như vậy *của con người*[631] ; ai đã đặt tôi làm quan tòa xét xử họ? Và chính tôi cũng là kẻ có tội, cũng phải chịu sự yếu đuối của con người; vì nếu Thánh *Ê-li* (theo lời của Gia-cơ) *là người cũng giống như chúng ta*[632] ; thì chúng ta, những kẻ có tội, lại càng hơn thế biết bao. Mỗi người chỉ cần nhìn vào tội lỗi của chính mình là đủ; có một Đấng Phán Xét chung cho tất cả, là Chúa của chúng ta, Đấng sẽ phán xét cả người sống lẫn người chết.

Nhưng điều tôi muốn nói đến là những việc làm đang diễn ra công khai, trái ngược với Giáo hội Thánh của Đức Kitô. Và những việc đó không phải do sự yếu đuối, mà do sự độc ác của ma quỷ; không phải do sự thiếu hiểu biết, mà là do sự cố chấp cố ý; chúng ta cần phải nói về những việc làm như vậy.

Bản chất của những việc đó, như chúng ta đã nghe, bao gồm cả những việc tốt (theo quan điểm của con người): nhiều sự ăn chay, những lời cầu nguyện liên tục, số lần cúi đầu rất nhiều, sự tỉnh táo và kiêng khem rượu chè, cũng như việc ăn thịt và cá, và chính lối sống ẩn dật của họ (như thể đang noi gương các Thánh Tổ Phụ), cùng những công việc và nỗ lực khác, mà họ cho là làm đẹp lòng Chúa, điều mà chúng tôi không chê trách, nhưng chính Đức Chúa Trời Toàn Tri sẽ xem xét.

Nhưng vì chúng tôi nghe nói về sự khoe khoang của họ, khi họ tự cao tự đại trên Hội Thánh của Đức Kitô, khoe khoang về những công đức và nỗ lực cầu nguyện cùng việc ăn chay của mình: còn chúng tôi thì bị họ chỉ trích vì việc ăn uống, và về toàn bộ lối sống của chúng tôi như những kẻ tội lỗi, trong khi họ tự coi mình là thánh nhân. Vì vậy, chúng tôi cần phải xem xét cả những việc lành lẫn những việc ác: bởi vì bằng những việc ác của mình, họ công khai chống lại Hội Thánh thánh thiện của Đức Kitô, trong khi lại tự cho rằng những việc của họ là lành; thật ra, giống như lợn dùng mũi đào bới, họ đang đào xới nền móng của Hội Thánh, và bằng sự giả hình của mình, họ lừa dối nhiều người trong dân chúng.

Vì vậy, khi nói chung về các việc làm, cả việc xấu lẫn việc tốt, chúng ta hãy tiến hành điều tra.

Các việc làm của con người thường được chia thành hai loại: việc lành và việc ác.

Những việc ác luôn luôn là ác, không bao giờ có thể trở thành việc lành, cũng như bồ hóng không thể là tuyết, bùn lầy không thể là vàng, mật đắng không thể là mật ong.

Còn những việc làm tốt thì:

i) Có những việc dường như hoàn toàn tốt, nhưng không biết liệu có làm đẹp lòng Chúa hay không.

2) Có những việc, dù bề ngoài trông rất tốt, nhưng thực chất lại rất xấu và không đẹp lòng Đức Chúa Trời.

3) Có những việc tuy thực sự là thiện, nhưng lại vô ích, không xứng đáng mang lại sự cứu rỗi cho chính mình.

Trước hết, chúng ta hãy xem xét ngắn gọn về những việc làm tốt.

Bài thứ nhất

Về những việc làm tốt.

Chương 2. Về những việc tưởng chừng là tốt, nhưng không biết có làm đẹp lòng Đức Chúa Trời hay không

1) Phân tích về những việc làm có vẻ là tốt, nhưng không biết có làm đẹp lòng Đức Chúa Trời hay không.

Những việc thiện; những việc làm đẹp lòng Chúa đã được ghi chép trong Kinh Thánh: có trong các điều răn của Chúa, có trong các lời khuyên của Phúc Âm và các Tông Đồ, có trong các sách giáo lý và sách về việc ăn chay;

---

631 Thi Thiên 16:4.

632 Gia-cơ 5:17.

và chúng ta có vô số gương mẫu về việc làm đẹp lòng Chúa trong các cuộc đời của các thánh, mà chúng ta phải noi theo theo khả năng của mình, và chúng ta cũng có thể thấy điều đó nơi những người đàn ông có đức hạnh đang sống; nhưng bản thân chúng ta không thể biết chắc chắn liệu những việc chúng ta làm có đẹp lòng Chúa hay không. Vì nếu con người biết rằng những việc làm của mình đẹp lòng Chúa, thì hẳn họ cũng đã biết chắc về sự cứu rỗi của mình. Nhưng cũng như việc làm đẹp lòng Chúa, không ai có thể tự hào rằng mình đã biết chắc về sự cứu rỗi của mình. Chúng ta đừng tuyệt vọng về sự cứu rỗi của mình; chúng ta đặt niềm hy vọng vào Đức Chúa Trời, Đấng muốn tất cả mọi người được cứu rỗi: nhưng không ai trong chúng ta có thể khẳng định: "Tôi đã làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, tôi thuộc số những người được cứu rỗi, những việc làm của tôi là tốt và đẹp lòng Chúa." Thánh Phêrô nói: *Ai dám tự hào rằng mình có trái tim trong sạch? Hay ai dám tự nhận mình vô tội trước* mặt Chúa[633] ? Chúng ta cố gắng hết sức để tránh làm Chúa phật lòng; chúng ta lao động hết khả năng yếu đuối của mình, được sức mạnh của Chúa củng cố, để có thể trở nên xứng đáng trước mặt Đức Kitô. Nhưng tất cả những nỗ lực và công lao của chúng ta không thể tự khẳng định rằng: "Chúng ta đã được Thiên Chúa yêu thương." Vị Giáo sĩ đã diễn giải điều này một cách sâu sắc khi nói: *"Những người công chính, những người khôn ngoan và những việc làm của họ đều nằm trong tay Thiên Chúa;* còn tình yêu và sự ghét bỏ thì *con người không thể nhìn thấy*"[634] . Một bản dịch khác giải thích rõ ràng hơn như sau: "Sự công chính, sự khôn ngoan và các việc làm của họ đều nằm trong tay Đức Chúa Trời; tuy nhiên, con người không biết liệu mình có xứng đáng nhận được tình yêu thương (từ Đức Chúa Trời) hay sự ghét bỏ hay không." Ăn chay là việc lành, nhưng không phải ai ăn chay đến mức kiệt sức về thể xác cũng được Đức Chúa Trời hài lòng và yêu mến; vì đôi khi Đức Chúa Trời phán: *"Ta* không *chọn kiểu ăn chay như vậy*" [635] . Còn Thánh Zlatoust trong tác phẩm "Margarita" đã giải thích như sau: "[636] " Vậy thì, dù chúng ta có ăn chay đi chăng nữa, ăn chay là gì: liệu ăn chay có nghĩa là kiêng ăn thức ăn, hay là kiềm chế dục vọng? Bởi vì nếu chúng ta kiêng ăn thức ăn cho thân xác, nhưng không kiềm chế được dục vọng trong tâm hồn, thì việc kiêng ăn thức ăn sẽ không mang lại niềm vui nào, mà chỉ sinh ra sự cay đắng. Vì nếu tôi kiêng ăn bánh mì, nhưng không kiềm chế được cơn giận đối với người lân cận, thì tôi không còn là con người nữa; bởi vì loài thú cũng làm như vậy: loài thú không ăn bánh mì, mà ăn thịt[637] . Việc không uống rượu say, không ăn thịt hay cá vì mục đích kiêng khem là điều tốt; nhưng người kiêng rượu say, cũng như kiêng thịt hay cá, chưa hẳn đã được lòng và được Chúa yêu mến, như Thánh Zlatoust đã nói khi giải thích: "Nếu ai không uống rượu, cũng không ăn thịt, thì đừng tự hào về điều đó, vì Chúa đã tạo ra loài vật còn hơn thế nữa." Bởi vì mọi loài thú đều không ăn thịt, cũng không uống rượu, dù là bò, lừa hay cừu. Đó là việc tốt khi ai đó làm kiệt sức thân xác mình, nằm ngủ ít trên mặt đất trần trụi, nhưng người ấy không phải là người được Chúa hài lòng và yêu mến; về người như vậy, vị Thầy ấy cũng đã nói trong cùng lời giảng đó: Nếu ai nằm trên đất, không cần giường chiếu, cũng chẳng cần chiếu cói, mà chỉ lấy chính xương cốt thân thể làm giường, thì người ấy chớ khoe khoang về điều đó, chớ tự cao tự đại, như thể tự cho mình là người hoàn hảo hơn tất cả, vì những điều đó vốn thuộc bản tính của loài vật. Vì điều này chẳng có gì là kỳ diệu, mà trái lại còn đáng chê trách; nếu chúng ta là những người tham dự vào Lời Chúa, mà lại trở nên tệ hơn cả loài vật. Đến đây là lời của Thánh Xanh-xô. Việc làm tốt là sự cầu nguyện liên tục; nhưng không phải ai kéo dài lời cầu nguyện trong nhiều giờ liền cũng được Chúa hài lòng và yêu mến, vì chính Chúa đã phán trong Phúc Âm: *"Các con sẽ không được nghe vì nói nhiều*" (*[638]*). Còn Thánh Theophylact, khi giải thích những lời ấy của Chúa, đã nói: "Không nên kéo dài lời cầu nguyện, mà nên cầu nguyện thường xuyên, nhưng nói ít thôi." Và một lần nữa: nói quá nhiều (trong lời cầu nguyện) là nói suông. Nhưng ngay cả trong các bài giảng của Thánh Xa-lô-tô về các Thư Tông Đồ, ở trang 1830, trên lề trang có ghi: "Ai nói quá nhiều trong lời cầu nguyện, thì không phải đang cầu nguyện, mà là nói suông." Đó là việc tốt khi tự đặt ra cho mình nhiều công việc vất vả, sống trong các tu viện hoang dã, và bằng mọi cách làm chết đi xác thịt của mình: nhưng chưa chắc ai làm như vậy đã làm đẹp lòng Chúa, cũng không ai biết rõ rằng bằng công việc nào thì mới làm đẹp lòng Ngài. Bởi vì chúng ta tìm thấy trong các sách của các bậc tiền bối một số người đã sống đời sống ăn chay, ẩn dật, siêng năng lao động, hoàn toàn kìm chế thân xác mình, nhưng lại ra đi mà không biết được sự cứu rỗi của mình từ cuộc sống ấy. Thánh Gioan Thang Bậc đã than khóc về một vị ẩn sĩ

633 Châm Ngôn 20:9.
634 Truyền Đạo 9:1.
635 Ê-sai 58:5.
636 Margarit, bài 12, trang 450.
637 Cùng trang, mặt sau.
638 Ma-thi-ơ 6:8.

tên là Stephanos[639] , người đã dành nhiều năm trong những công việc khổ hạnh ở sa mạc; các loài thú hoang dã trở nên hiền lành với ông, vì ông đã cho con báo ăn bánh mì từ tay mình ngay giữa sa mạc: nhưng khi lâm chung, ngài phải trải qua một thử thách kinh hoàng trước những khuôn mặt đáng sợ hiện ra trước mắt ngài; khi bị tra tấn bởi chúng, ngài trả lời tốt về một số điều, nhưng lại không thể trả lời về những điều khác; và quả thực, đó là một thị kiến đáng sợ và kinh hoàng, (như Thánh Gioan Thang Bậc đã nói) một thử thách vô hình và không thể tha thứ. Ôi kỳ diệu thay! Vị ẩn sĩ im lặng đã nói về một số tội lỗi của mình, rằng: "Tôi không biết phải nói gì để phản bác điều này"; sau gần bốn mươi năm sống đời tu hành, ông khóc than: "Ôi khốn khổ cho tôi, ôi khốn khổ cho tôi!" Và tác giả "Bậc Thang" kết thúc câu chuyện này như sau: "Và như vậy, sau khi trải qua thử thách, ông đã ra đi khỏi cõi đời." Dù là sự phán xét, hay là kết cục, hay là câu trả lời của ngài, hay là sự kết thúc của thử thách, thì rõ ràng là không có gì xảy ra. Đến đây là lời của tác giả cuốn "Bậc Thang".

Còn chúng ta thì từ đây nảy sinh nỗi sợ hãi và lo âu về sự mông lung của sự cứu rỗi, vì chúng ta không biết liệu những việc lành mà chúng ta tự cho là tốt có đẹp lòng Đức Chúa Trời hay không? Liệu chúng ta có xứng đáng nhận được tình yêu thương hay sự ghét bỏ từ Ngài? Lời Đức Chúa Trời trong Thi Thiên này thật đáng sợ: *"Khi đến thời điểm, Ta sẽ xét xử sự công* bình" ([640]). Không có gì lạ khi tội lỗi của chúng ta phải bị phán xét; nhưng điều đáng sợ là ngay cả sự công chính của chúng ta, tức là những việc lành của chúng ta: việc ăn chay, cầu nguyện, kiêng khem, sống tiết độ, tự chế, và nhiều việc lành khác, cũng sẽ bị phán xét như tội lỗi. Tại sao lại như vậy? Bởi vì, nhiều khi ngay cả trong những việc lành của chúng ta cũng ẩn chứa một chút tội lỗi; vì chẳng ai là hoàn hảo cả, và đặc biệt là thường ẩn giấu trong chúng ta, dưới những việc lành đó, một suy nghĩ về bản thân, như thể chúng ta đã làm đẹp lòng Chúa, và đã trở nên công chính và thánh thiện; suy nghĩ ấy, như ngọn lửa dữ dội, thiêu rụi mọi công lao, hành động và mọi công đức của chúng ta. Và không có gì lạ khi một người tội lỗi không được hưởng Nước Trời: điều kỳ lạ là người tự cho mình là công chính và thánh thiện ở đây, nhưng lại bị đuổi ra khỏi Nước Trời khi đến đó. Không có gì lạ khi người đi trên con đường rộng rãi lại không tìm được sự sống: điều kỳ lạ là người đi trên con đường hẹp và đầy gian nan lại rơi vào cái chết thay vì sự sống. Không có gì lạ khi kẻ say sưa, ham ăn lại không được hưởng niềm vui của những ân huệ trên trời: điều kỳ lạ là người ăn chay, người tuyệt đối không nếm thử rượu chè, lại bị tách biệt khỏi những niềm vui trên trời. Không có gì đáng ngạc nhiên khi một người có thân hình mập mạp, lười biếng, béo phì không thể đi qua cánh cửa hẹp của các nơi ở trên trời: Thật kỳ lạ khi người đã làm khô héo và kiệt quệ thân xác mình bởi sự kiêng khem và lao động quá độ, đến nỗi chỉ còn xương bọc da, lại không thể chui lọt qua cánh cửa hẹp ấy, và phải ở ngoài các vùng đất thiên đàng. Vì khi vị Thẩm phán công chính bắt đầu phán xét những việc công chính cũng như những tội lỗi của chúng ta, thì vào lúc đó, ngay cả trong những việc công chính cũng sẽ lộ ra một sự sai trái bí ẩn nào đó, mà chính con người không thể nhìn thấy trong bản thân mình, hay nói đúng hơn, không muốn nhìn thấy: *vì nếu chúng ta tự xét mình* (như Sứ đồ đã nói)*, thì chúng ta sẽ không bị kết án*[641] . Sự sai trái bí ẩn của chúng ta, tôi nói, sẽ bị phơi bày trước Đấng Phán Xét Toàn Tri; vì lúc đó (theo lời Thánh Tông Đồ)*, Chúa sẽ đưa những điều bí ẩn trong bóng tối ra ánh sáng, và bày tỏ những ý định trong lòng*[642] . Khi những điều đó đã được bày tỏ, thì ai trong chúng ta lại không bị phát hiện ra tội lỗi? Có gì trong sạch hơn những tia nắng mặt trời, vốn chiếu sáng khắp không gian? Và khi tia nắng mặt trời lọt vào nhà thờ qua khe cửa hay lỗ hổng, thì biết bao nhiêu bụi bặm đang bay lượn trong đó hiện ra! Cũng vậy, trong những việc lành của chúng ta, vốn sẽ được soi sáng vào Ngày Sau Cùng, biết bao nhiêu sự yếu đuối và thiếu sót của chúng ta sẽ lộ ra! Ai có thể trong sạch khỏi tội lỗi, dù không phải do hành động thực tế, mà chỉ là do những ý nghĩ tự nguyện? Và làm sao ai có thể tỏ ra trong sạch trước mặt Đức Chúa Trời, *Đấng mà* (theo lời Gióp) *ngay cả các vì sao cũng không trong sạch: huống chi con người là chất thối rữa, và con người là con sâu bọ*[643] ? Vậy thì những việc lành của chúng ta mà chúng ta tự hào, cùng việc tự cho mình là thánh thiện và công chính, sẽ được bày tỏ ra là những điều không đẹp lòng Đức Chúa Trời, là điều gớm ghiếc: vì mọi điều mà con người tự cho là cao quý trong lòng mình, thì trước mặt Đức Chúa Trời đều là điều gớm ghiếc. Và mọi sự công chính của chúng ta, được thực hiện với lòng kiêu ngạo, trước mặt Ngài cũng như những mảnh vải rách bị vứt bỏ; chúng ta nghe tiên tri Ê-sai phán rằng: *"Mọi sự công*

---

[639] Bài giảng số 7, trang 118.
[640] Thi thiên 74:3.
[641] 1 Cô-rinh-tô 11:31.
[642] Cũng tại đó, 4:5.
[643] Gióp 23:5 và 6.

chính của chúng ta đều ô uế như *đồ dơ bẩn*"[644] . Và như vậy, những việc lành của chúng ta, mà chúng ta từng tự hào dựa vào sự kiêu ngạo, sẽ bị tính chung với tội lỗi, và sẽ bị đưa vào sự trừng phạt bởi sự phán xét công chính của Đức Chúa Trời; vì lý do đó, Sứ đồ đã khuyên nhủ chúng ta: *"Hãy làm việc cho sự cứu rỗi của mình* với *sự kính sợ và run rẩy"*[645] . Không chỉ với sự kính sợ, mà còn với sự run rẩy: "Hãy *làm việc cho Chúa với sự kính sợ, và hãy vui mừng trước mặt Ngài với sự run rẩy*"[646] . Dù ngươi có biết chắc mình đang đứng trên con đường cứu rỗi, thì hãy vẫn phải sợ hãi, vì có chép rằng: *"Hãy tự coi chừng mình đang đứng vững, để khỏi sa ngã*"[647] . Dù ngươi có đạt đến mức độ cao như vậy nhờ những công đức của mình, đến nỗi được ban ân sủng làm phép lạ, đuổi quỷ, tiên tri về tương lai, chữa lành người bệnh, thì hãy vẫn phải kính sợ; vì chính Chúa đã phán trong Phúc Âm: *"Nhiều người sẽ nói với Ta vào ngày ấy: 'Lạy Chúa, lạy Chúa!' Chẳng phải chúng tôi đã tiên tri nhân danh Ngài, và nhân danh Ngài mà trừ quỷ, và nhân danh Ngài mà làm nhiều phép lạ sao? Rồi lúc đó, Ta sẽ tuyên bố với họ rằng: 'Ta chẳng hề biết các ngươi; hãy lui ra khỏi Ta, hỡi những kẻ làm điều gian ác'*[648] . Ôi những phán quyết đáng sợ của Ngài, lạy Chúa! Ai mà không run sợ trong lòng, ai mà không rùng mình trong tâm hồn khi nghe lời đáp trả đáng sợ của Đức Chúa Trời như vậy, không chỉ dành cho những kẻ tội lỗi, mà còn dành cho một số người làm phép lạ, những kẻ tự cho mình là thánh, những kẻ đã rao giảng về tương lai, đã trừ quỷ, đã làm được nhiều phép lạ, tất cả những điều đó đều không phải do sự lơ là hay lười biếng, mà là nhờ nhiều lời cầu nguyện, sự kiêng ăn và lao động vất vả; cũng như Chúa đã phán về việc trừ quỷ: *"Loại quỷ này không ra đi, trừ khi bằng cầu nguyện và kiêng ăn*"[649] : còn Đấng Phán Xét Công Chính, đối với những lời cầu nguyện, việc ăn chay và những nỗ lực khác của những ai Ngài không ưng thuận, không những không coi đó là việc lành, mà còn gọi đó là sự gian ác, và phán với những người đã ăn chay, lao động và cầu nguyện rằng: "Hãy lui ra khỏi Ta, hỡi những kẻ làm điều gian ác." Tại sao lại như vậy? Phải chăng vì một ý nghĩ kiêu ngạo nào đó về bản thân mình? Nhưng ai có thể biết được điều đó? *Những phán quyết của Chúa là vô cùng sâu thẳm*[650] . *Những phán quyết của Ngài không thể dò xét, và những con đường của Ngài không thể thấu hiểu. Ai có thể hiểu được ý định của Chúa? Hay ai là cố vấn của Ngài*[651] . Vì thế, Đa-vít, khi tránh xa những phán quyết của Chúa, đã cầu nguyện với Ngài: *"Xin* đừng *xét xử tôi tớ Ngài, vì không ai sống sót trước mặt Ngài mà được xưng công* chính[652] .

Vậy nên, đừng tự hào về sự khoe khoang của ngươi, và đừng tự cao trên Hội Thánh của Đấng Christ, hỡi Brynya, kẻ tự cho mình là thánh; cũng đừng nói nhiều về những công đức và công lao của ngươi, về những lời cầu nguyện dài dòng và những lần ăn chay nhiều lần, về việc uống nước không men và uống rượu nho. Khi ngươi không thể biết được liệu những việc làm mà ngươi tự cho là tốt lành ấy có thực sự đẹp lòng Chúa hay không? Xin tha thứ cho tôi, tôi không chê bai những việc làm của các ngươi, những việc được cho là tốt lành; nhưng tôi không ưa sự kiêu ngạo và khoe khoang của các ngươi: các ngươi chưa rời khỏi mặt đất, mà đã tự cho mình đứng cao hơn cả trời, còn chúng tôi thì bị các ngươi đẩy xuống địa ngục.

Chương 3. Về những việc làm giả dối

2) *Phân tích về những việc được cho là tốt, nhưng thực chất lại là điều ác và không đẹp lòng Đức Chúa Trời.*

Những việc thiện được thực hiện một cách giả tạo, đạo đức giả, thì không phải là thiện, mà là ác: cũng như con sói mặc áo cừu không phải là con cừu, mà chỉ là hình dáng của con cừu, bản thân nó về bản chất và tính cách vẫn là con sói; cũng như vậy, những việc làm giả dối này mang hình thức của sự thánh thiện, sự kính sợ Chúa và sự làm đẹp lòng Chúa, nhưng bên trong lại chứa đựng sự ác, sự vô luật pháp và sự xúc phạm đến Chúa.

Vậy thì những điều ác nào đang ẩn náu dưới vỏ bọc của những việc làm tốt giả dối? Tôi sẽ vạch trần chúng ra đây.

---

644 Ê-sai 64, câu 6.
645 Phi-líp 2:12.
646 Thi Thiên 2:11.
647 1 Cô-rinh-tô 10:12.
648 Ma-thi-ơ 7:22 và 23.
649 Mác 9:29.
650 Thi Thiên 35:7.
651 Rô-ma 11:33 và 44.
652 Thi Thiên 142:2.

Tội ác đầu tiên là sự kiêu ngạo và tự mãn.

Sự ác thứ hai là những công việc vô ích.

Tội ác thứ ba là việc phán xét người khác.

Tội ác thứ tư là sự giả dối đối với người khác.

Sự ác thứ năm, cũng là sự ác cuối cùng – đó là sự hủy diệt tàn khốc đối với chính mình và những người bị lừa dối.

Ở đây, mỗi người hãy tự suy ngẫm xem, liệu bản chất của điều ác đó có nhỏ bé hay không, khi nó ẩn mình dưới vỏ bọc của những việc làm giả dối.

Một điều ác lớn lao, ẩn dưới hình thức những việc làm tốt, chính là sự kiêu ngạo; bởi vì chính điều đó chống lại chính Đức Chúa Trời, Đấng chống lại những kẻ kiêu ngạo. Nó chống lại, vì không tìm kiếm vinh quang của Đức Chúa Trời, mà tìm kiếm vinh quang của chính mình; không làm vừa lòng Đức Chúa Trời, mà làm vừa lòng con người; và không làm việc vì Đức Chúa Trời, mà làm việc vì chính mình; để được tôn kính như một người thánh, để con người ca ngợi người ấy như một người được Đức Chúa Trời ưa chuộng. Người ấy, khi ăn chay, làm cho khuôn mặt mình u ám, để tỏ ra là người đang ăn chay; khi cầu nguyện, cầu nguyện công khai, kéo dài lời cầu nguyện của mình, để mọi người thấy rằng người ấy đang cầu nguyện[653] . Và dù làm điều thiện nào, cũng không làm trong bí mật, mà làm công khai, để được mọi người khen ngợi. Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế của chúng ta, đã so sánh những người như vậy với những ngôi mộ được quét vôi, khi Ngài nói với những người Pha-ri-si giả hình trong Tin Mừng: *"Khốn cho các ngươi, những người thông thái và những người Pha-ri-si giả hình, vì các ngươi giống như những ngôi mộ được quét vôi, bên ngoài trông đẹp đẽ, nhưng bên trong đầy xương người chết và mọi thứ ô uế." Cũng vậy, các ngươi, bên ngoài trông có vẻ là những người công chính, nhưng bên trong lại đầy dẫy sự giả hình và sự vô luật pháp*[654] .

Cái ác to lớn, ẩn mình dưới vỏ bọc những việc làm tốt đẹp nhưng đầy giả dối, khiến mọi công lao trở nên vô nghĩa; bởi vì mọi công việc do con người tạo ra, cùng với việc ăn chay, cầu nguyện và mọi hành động cao cả, đều sẽ tan biến. Tại đây, sự ca ngợi của loài người sẽ nhận được phần thưởng của nó, nhưng trong thế giới tương lai thì sẽ không tìm thấy; Thánh Gioan Thang Bậc đã chỉ ra sự vô nghĩa của những công lao đó một cách rõ ràng[655] , khi ngài nói: Sự kiêu ngạo là sự phung phí trong công việc, là tai họa cho mồ hôi, là lời vu khống đối với kho tàng, là bức tường bao quanh sự vô tín, là kẻ đi trước của sự khinh miệt, là sự thiêu rụi nơi trú ẩn, là con kiến trong kho thóc; vì chúng (những con kiến) nhỏ bé nhưng lại phá hoại mọi công việc và làm hư hỏng thành quả. Con kiến mong lúa chín, còn sự kiêu ngạo mong thu thập của cải (tốt đẹp); con kiến ấy vui mừng để ăn cắp, còn kẻ kiêu ngạo thì phung phí. Và lại: Sự ăn chay của kẻ kiêu ngạo không có phần thưởng, và lời cầu nguyện không có lợi ích; vì cả hai đều làm vì sự khen ngợi của con người. Người ăn chay kiêu ngạo gánh lấy tội lỗi gấp bội, vì làm khô héo thân xác mà không nhận được phần thưởng. Ai mà không chế giễu kẻ làm việc vì kiêu ngạo? Đến đây là lời của Thánh Giăng Cầu Thang.

Một điều ác lớn, dưới vỏ bọc của những việc làm giả dối được thực hiện như thể là việc thiện, đó là việc phán xét người khác, như ta thấy ở người Pha-ri-si kiêu ngạo, người đã cầu nguyện trong nhà thờ cùng với người thu thuế, và người ấy đã nói: *Lạy Chúa, con ngợi khen Ngài, vì con không như những người khác: những kẻ tham lam, bất chính, ngoại tình, hay như người thu thuế này*[656] . Vì người thu thuế, người đã bị người Pha-ri-si kết án, lại được xưng công chính trước mặt Đức Chúa Trời; còn người Pha-ri-si, dù đã kết án người khác, chính mình lại bị kết án và ra về, và những việc lành của ông ta trở nên vô nghĩa.

Tội ác lớn lao, dưới hình thức những việc làm tốt được thực hiện một cách giả dối, chính là việc lừa dối người khác để họ tin vào điều dối trá. Và coi những việc làm giả dối như thật, tôn kính kẻ giả hình như vị thánh chân chính, coi lời nói của hắn như lời chân lý, và tuân theo giáo lý của hắn. Bằng cách giả hình như vậy, nhiều kẻ dị giáo đã lừa dối nhiều người rời bỏ đức tin Chính Thống để sa vào tà tín; kẻ ấy giống như Satan, biến hình *thành Thiên Thần Ánh Sáng*[657] ; bóng tối hiện ra dưới hình dạng ánh sáng, để lừa dối con người và lôi kéo họ ra khỏi con đường cứu rỗi.

---

653 Ma-thi-ơ 6:16, 5.

654 Ma-thi-ơ 23:27, 28.

655 Lời 22, trang 180 và 181.

656 Lu-ca 18:12.

657 2 Cô-rinh-tô 11:13.

Còn điều ác cuối cùng và lớn nhất chính là sự hủy diệt vĩnh viễn; vì ai làm việc thiện một cách giả dối, vì sự kiêu ngạo, thì cũng sẽ bị kết án như kẻ làm điều ác; bởi chính sự giả dối và kiêu ngạo vốn là điều ác.

Ai hao mòn sức lực của mình vào những việc giả dối sẽ bị kết án như một tôi tớ gian ác, kẻ đã ăn cắp và phung phí tài sản mà chủ đã giao phó cho mình. Bởi vì người ấy đã dùng những ân tứ mà Đức Chúa Trời ban cho mình không phải để tôn vinh Đức Chúa Trời, mà để tự khoe khoang bản thân.

Ai lên án người khác sẽ bị kết án như chính Anti-Christ. Chẳng phải trong các sách của các vị Thánh Tổ đã chép rằng: "Ai lên án anh em mình thì chính là Anti-Christ" sao? Tại sao Thánh Gioan Savait lại phải chịu khổ? Chính vì một lý do duy nhất – ôi, khi ngài phán xét anh em mình, ngài đã bị Chúa Kitô, Đấng bị đóng đinh trên thập giá, đuổi đi trong một thị kiến, bị gọi là "Antichrist" và bị tước bỏ áo choàng? Ai muốn biết chi tiết về điều này, xin hãy đọc trong Phần Mở Đầu, vào ngày 22 tháng Mười.

Những kẻ dụ dỗ người khác sẽ bị lên án như những kẻ cám dỗ; theo lời Chúa, *họ sẽ bị một hòn đá cối xay đè lên cổ họ, và bị ném xuống biển*[658] .

Người ấy không chỉ tự mình hư mất, mà còn lôi kéo những kẻ bị hắn lừa dối theo mình vào cùng một sự hư mất ấy: cũng như con rắn ấy, mà Thánh Gioan Thần Học đã thấy bị quăng xuống từ trời, không phải tự nó ngã xuống, *mà đã kéo* theo *một phần ba các vì sao trên trời*[659] . Những kẻ bị lừa dối sẽ cùng chung số phận diệt vong với kẻ đã lừa dối họ; Thánh Xê-la-ti-ô đã giải thích điều này trong bài giảng thứ hai về Thư gửi tín hữu Phi-líp[660] , khi ngài nói: Có điều gì tồi tệ hơn ma quỷ, kẻ đã mưu tính ra lời rao giảng, nhằm mang lại sự đau khổ cho những ai vâng phục? Hãy xem, hắn đâm thấu những người của mình bằng bao nhiêu điều ác? Hắn mưu tính mang lại sự đau khổ và dằn vặt cho họ từ lời rao giảng và công việc của chính mình. Đến đây là lời của Thánh Zlatoust.

Chính những điều ác lớn lao và tàn bạo ấy ẩn náu dưới vỏ bọc của những việc lành được thực hiện một cách giả dối.

Ở đây, những kẻ chống đối Hội Thánh của Đấng Christ, những kẻ tự cho mình là thánh thiện, công chính và đáng kính, hãy tự xem xét lương tâm mình, và hãy kiểm tra các việc làm của mình, xem liệu dưới vỏ bọc của những việc lành đó có ẩn chứa năm loại tội ác nói trên hay không. Tôi, kẻ tội lỗi, không lên án họ, nhưng với tư cách là người được Chúa Kitô, Chúa của tôi, giao phó, tôi bảo vệ đoàn chiên của mình, và nói với những con chiên tinh thần của Chúa Kitô những lời của Chúa Kitô: *hãy tự cảnh giác khỏi men của những người Pharisêu, tức là sự giả hình*[661] ; hãy đề phòng những kẻ đạo đức giả đến với các con, những kẻ lừa dối các con bằng những hình thức việc lành giả tạo. *Hỡi những người yêu dấu, đừng tin mọi thần khí, nhưng hãy thử nghiệm các thần khí xem chúng có phải từ Đức Chúa Trời không: vì có nhiều tiên tri giả* (những thầy dạy dối trá) *đã ra đi vào thế gian*[662] .

Chương 4. Về những việc lành nhưng vô ích; vì xuất phát từ lòng kiêu ngạo

3) *Suy ngẫm về những việc lành nhưng vô ích, không xứng đáng mang lại sự cứu rỗi cho chính mình.*

Những việc lành nhưng không mang lại kết quả cứu rỗi là những việc được thực hiện:

Hoặc không xuất phát từ tình yêu dành cho Thiên Chúa, mà từ lòng tự ái.

Hoặc là những việc được thực hiện bên ngoài Giáo hội Công giáo Chính thống.

VỀ NHỮNG VIỆC LÀNH PHÁT SINH TỪ LÒNG TỰ ÁI

Những việc lành không xuất phát từ tình yêu dành cho Đức Chúa Trời, mà xuất phát từ lòng tự ái, được xem xét như sau:

Con người hoặc yêu mến Thiên Chúa hơn chính mình, hoặc yêu mến chính mình hơn Thiên Chúa. Ai yêu mến Thiên Chúa hơn chính mình, thì trong các việc làm của mình, người ấy không tìm kiếm chính mình, mà tìm kiếm chính Thiên Chúa. Ai yêu mến chính mình hơn Thiên Chúa, thì trong các việc làm của mình, người ấy không tìm kiếm Thiên Chúa, mà tìm kiếm chính mình. Người yêu mến Chúa tìm kiếm Chúa trong mọi việc làm của mình; mọi việc lành mà người ấy làm đều vì Chúa, vì tình yêu thiêng liêng, để làm vui lòng Đấng mà người ấy yêu mến. Còn người tự ái thì tìm kiếm chính mình trong mọi việc làm của mình; mọi việc lành mà người ấy làm đều vì chính mình, không vì bất kỳ điều thiện nào cho chính mình, dù là tạm thời hay vĩnh cửu.

---

658 Mác 9:42.
659 Khải Huyền 12:4.
660 Trang 1867.
661 Lu-ca 12:1.
662 1 Giăng 4:1.

Người yêu bản thân làm việc thiện vì lợi ích tạm thời, để tránh rơi vào sự vô ích, sự khinh miệt, hay sự sỉ nhục. như hình phạt và sự trừng trị cho tội ác; hoặc để nhận được lợi ích nào đó, hoặc danh dự và lời khen ngợi từ con người vì việc làm tốt: kẻ ác không làm điều ác vì sợ đau khổ, nhưng sẽ làm điều ác bằng mọi cách nếu không có hình phạt và sự trừng trị. Người tốt làm việc thiện vì lợi ích, hoặc vì danh dự và lời khen ngợi từ con người; nhưng họ sẽ không làm việc thiện bằng mọi cách nếu không mong đợi một phần thưởng nào đó, hoặc sự kính trọng và khen ngợi từ con người. Cả hai hành động đều là việc thiện: người này không làm điều ác vì sợ hình phạt, và người kia làm việc thiện vì phần thưởng và danh dự; tuy nhiên, cả hai đều vô ích trước mặt Đức Chúa Trời, vì không xuất phát từ tình yêu dành cho Đức Chúa Trời, mà từ lòng tự ái, vì lợi ích cá nhân; vì thế, những việc làm ấy vô ích trước mặt Thiên Chúa, không xứng đáng được ơn cứu rỗi vĩnh cửu, nhưng họ vẫn nhận được phần thưởng và lợi ích ở đời này. Vì người không làm điều ác vì sợ hình phạt, thì phần thưởng và lợi ích của họ chính là việc không phải chịu hình phạt. Còn người làm điều thiện vì chính điều thiện đó, thì chính điều thiện ấy là phần thưởng, lợi ích, vinh dự và lời khen ngợi mà họ nhận được, và đó chính là lý do họ làm điều thiện.

Nhưng ai làm việc thiện vì sự cứu rỗi vĩnh cửu, nếu người ấy yêu bản thân hơn là yêu Chúa, thì người ấy sẽ ít kết quả, hoặc hoàn toàn vô ích trong những nỗ lực của mình; vì người ấy xứng đáng rất ít, hoặc hoàn toàn không xứng đáng với sự cứu rỗi, điều này được giải thích như sau:

Có ba lý do khiến con người, mong muốn sự cứu rỗi cho chính mình, tránh xa điều ác và làm điều thiện:

1) Hoặc vì sợ sự đau khổ vĩnh cửu,

2) Hoặc vì mong nhận được Nước Trời,

3) Hoặc vì chính tình yêu thiêng liêng. Người làm việc thiện vì sợ những cực hình vĩnh cửu, thì giống như một nô lệ và người bị bắt làm tù nhân, người làm việc để không bị đánh đập và tra tấn; và nếu không sợ cực hình, người ấy sẽ không làm việc thiện, mà sẽ tránh xa điều ác bằng mọi cách.

Người làm việc thiện vì mong được Nước Trời, thuộc hàng người làm thuê, người làm việc để nhận tiền công: nếu không mong đợi phần thưởng cho mình, thì chắc chắn sẽ không muốn vất vả làm những việc thiện.

Còn việc làm điều thiện chỉ vì tình yêu thiêng liêng thì thuộc về phẩm cách của người con, người làm điều thiện không vì sợ hình phạt, cũng không mong đợi phần thưởng, mà chỉ vì chính tình yêu của Cha; và coi việc làm phật lòng Cha như một hình phạt; còn việc yêu mến Cha và được Cha yêu mến, thì coi đó là phần thưởng và sự giàu có vô cùng lớn lao. Và mọi điều người ấy làm, đều nhằm làm vui lòng người Cha yêu dấu, chứ không phải vì lợi ích hay lợi lộc riêng của mình; vì người ấy coi mọi sự của Cha như của mình, và mọi sự của mình đều thuộc về Cha.

Người tôi tớ làm việc thiện thì không bị chê bai, người làm thuê siêng năng trong việc thiện cũng không bị chỉ trích; nhưng người con lại được khen ngợi và tôn vinh hơn cả, bởi vì ý định của người này khác với ý định của những người kia; người kia mong muốn làm vui lòng cha trong mọi việc, dù phải hy sinh bản thân; còn những người kia thì tìm kiếm lợi ích riêng, ít quan tâm đến việc làm đẹp lòng Chúa: họ có những việc làm tốt, nhưng ý định lại không đáng khen, vì họ không hướng đến mục đích làm vui lòng Chúa, mà chỉ nhằm tìm kiếm lợi ích cho bản thân. Vì nỗi sợ hình phạt giúp người ta giữ gìn sự toàn vẹn, để không phải chịu tổn thương; còn khát vọng Nước Trời lại tìm kiếm lợi ích và lợi lộc cho bản thân. Và những điều thiếu tình yêu ấy giống như cành cây không có rễ, không sinh hoa kết trái, mà khô héo và trở nên vô dụng. Thánh Grêgôriô, nhà thuyết giáo (Đôi Lời), đã giảng giải về điều này trong bài giảng thứ 7 về Phúc Âm: Cũng như nhiều cành cây xuất phát từ một gốc duy nhất, thì nhiều đức tính cũng sinh ra từ một tình yêu thiêng liêng duy nhất. Không có cành nào – tức là việc lành nào – có thể xanh tươi, nếu nó không bám rễ vào tình yêu. Đến đây là lời của Grigori. Từ những lời của ngài, điều này được làm sáng tỏ rõ ràng rằng: bất kỳ việc lành nào, nếu không xuất phát từ tình yêu đối với Thiên Chúa, mà chỉ được thực hiện vì lợi ích riêng của chính mình, thì cũng giống như cành cây đã rụng khỏi cây, không thể sinh hoa kết trái, mà chỉ khô héo và trở nên vô dụng.

Sợ hãi sự đau khổ là điều tốt, và vì nỗi sợ hãi ấy mà tránh xa điều ác, đồng thời làm điều thiện: nhưng nếu nỗi sợ hãi ấy được hòa tan bởi tình yêu thiêng liêng, nếu cành cây ấy vẫn bám rễ vào gốc rễ của tình yêu – tức là vừa sợ hãi vừa yêu mến Thiên Chúa – thì những người làm điều thiện ấy sẽ không bị tước mất thành quả cứu rỗi của mình.

Còn nếu thiếu tình yêu thiêng liêng, thì chính nỗi sợ hãi ấy – nỗi sợ Thiên Chúa như một con thú dữ để không bị nó ăn thịt, như một kẻ tra tấn để không bị nó giết chết – sẽ hủy hoại mọi việc thiện mà người ấy làm; cành cây ấy, không có rễ, sẽ khô héo và không sinh hoa trái: nỗi sợ hãi không có tình yêu không xứng đáng được cứu rỗi.

Làm điều thiện và khao khát Nước Trời, cũng như làm điều thiện để được hưởng ân huệ từ đó, đều là điều tốt; nhưng nếu khao khát ấy được hòa quyện với tình yêu thiêng liêng; và nếu cành cây ấy vẫn bám rễ vào tình yêu, thì khao khát được ở trong Nước Trời. không phải vì niềm vui riêng của mình, mà là vì vinh quang của Đức Chúa Trời, để ngợi khen Ngài đến muôn đời, thì những việc lành của con người đó sẽ không bị tước mất thành quả cứu rỗi của mình. Còn nếu thiếu tình yêu thiêng liêng, thì chỉ riêng khát vọng về Nước Trời cũng giống như cành cây không có rễ, không sinh trái mà chỉ héo tàn; Sứ đồ đã khẳng định điều đó khi nói: *"Dù tôi có đủ đức tin để dời cả núi non, nhưng nếu không có tình yêu, thì tôi chẳng là gì cả. Dù tôi có phân phát hết tài sản của mình; dù tôi có dâng hiến thân thể mình để bị thiêu đốt, nhưng nếu không có tình yêu, thì tôi chẳng được lợi ích gì cả*[663] ."

Chương 5. Về những việc lành nhưng vô ích; vì nằm ngoài Giáo hội Chính thống

Về những việc lành nhưng vô ích, khi ở ngoài Giáo hội Chính thống

Những việc lành được thực hiện bên ngoài Giáo hội Chính thống, dù có tốt đẹp đến đâu, thì cũng vô ích, không xứng đáng được cứu rỗi; bởi vì bên ngoài Giáo hội, nơi mà Đấng Christ là Đầu, đã phán: *"Ai không ở với Ta, thì chống lại Ta; và ai không thu thập cùng Ta, thì phân tán"*[664] . Vì ai gắn bó với Giáo hội của Chúa Kitô, tức là gắn bó với chính Chúa Kitô, Đấng đã tự gắn kết mình với Giáo hội của Ngài, như Đầu gắn với thân thể, và luôn hiện diện trong Giáo hội ấy. Ai xa lánh Hội Thánh của Đấng Christ, tức là xa lánh chính Đấng Christ – Đầu của Hội Thánh; còn ai không có Đấng Christ, dù tự cho mình đang thu thập những việc lành để được cứu rỗi, thì thực ra không thu thập, mà chỉ phung phí, và không xứng đáng được cứu rỗi. Một chi thể, vốn được Đầu ban sự sống và điều khiển, nếu bị cắt rời, liệu có thể còn sống và hoạt động được chăng? Cành nho bị cắt khỏi cây nho, hay cành táo bị gãy khỏi cây táo, liệu có thể sinh trái được chăng? Chắc chắn là không. Cũng vậy, người Kitô hữu, dù có sống đời sống đạo đức đến đâu, nếu tách khỏi sự hiệp nhất với Giáo hội Chính thống của Chúa Kitô, thì không thể đạt được sự cứu rỗi. Hãy lưu ý rằng Đức Thánh Athanasius, Tổng Giám mục Alexandria, trong Tuyên xưng Đức tin của ngài đã nói ngay từ đầu: "Ai muốn được cứu rỗi, trước hết phải giữ vững đức tin Công giáo; ai không tuân giữ đức tin ấy một cách trọn vẹn và không tì vết, thì ngoài mọi sự nghi ngờ, sẽ bị hư mất đời đời." Cũng vậy, ở phần cuối, ngài nói: "Đây là đức tin Công giáo; ai không tin vào nó một cách trung thành và rõ ràng thì sẽ không thể được cứu rỗi." Đến đây là lời của Athanasius. Từ những lời này của ngài, rõ ràng thấy rằng không ai có thể được cứu rỗi bên ngoài Giáo hội Công giáo Chính thống; cũng như vào thời Nô-ê, không ai được cứu khỏi trận lụt nếu ở bên ngoài con tàu của Nô-ê, mà chỉ những ai vào trong con tàu mới được cứu, còn những ai không vào thì đều bị hủy diệt: cũng phải hiểu như vậy về Giáo hội thánh của Đức Kitô (vì Giáo hội này là hình ảnh của con tàu Nô-ê), rằng không một ai trong số họ sẽ được cứu rỗi nếu không ở trong Giáo hội: vì ai không có Giáo hội làm mẹ thì không xứng đáng có Thiên Chúa làm Cha mình (Thánh Cyprian đã nói)[665] . Và Phúc Âm *cũng* phán: *"Ai* không vâng lời *Giáo Hội, thì đối với Ta, người ấy cũng như người ngoại đạo và người thu thuế"*[666] . Đừng nhìn vào những việc lành của người ấy, nếu người ấy không vâng lời Giáo Hội. Trong số những người Hagar cũng có nhiều người đức hạnh, giữ gìn lẽ phải, thể hiện lòng thương xót, không làm hại ai, và thực hành tình yêu thương cùng việc làm thiện không chỉ với người thân mà còn với cả các Kitô hữu; tuy nhiên, những việc lành đó không mang lại sự cứu rỗi cho họ; vì họ xa lạ với Chúa Kitô và Hội Thánh của Ngài. Cũng giống như những người mang danh Chúa Kitô, tự xưng là Kitô hữu, nhưng lại xa lánh Hội Thánh của Chúa Kitô, họ sẽ bị hư mất cùng với những việc lành của mình (nếu họ có). Điều này được Thánh Zlatoust giải thích rõ trong bài giảng về Thư của Thánh Phaolô gửi tín hữu Philippi, Chương 1, Bài giảng thứ 2[667] , ngài nói: "Không có gì xấu xa hơn ma quỷ, vì nó khắp nơi áp đặt và phá hủy những công việc vô ích của mình." Và không chỉ khiến họ không thể nhận được phần thưởng trên trời, mà còn bắt họ phải thực hiện những việc vô ích. Bởi vì không chỉ lời giảng dạy, mà cả việc ăn chay và sự trinh khiết như vậy, nó đều quy định cho họ, điều này không chỉ tước đoạt phần thưởng, mà còn mang lại tai họa lớn cho những ai tuân theo; về họ, ngài nói tiếp: *"Bị thiêu đốt bởi lương tâm của chính mình"*[668] . Đến đây là lời của Thánh Xanh-xô. Còn chúng ta hãy lưu ý rằng, dù là việc ăn chay, sự trong sạch (kể cả sự trinh khiết), lời giảng dạy của những kẻ

---

663 1 Cô-rinh-tô 13:2 và 3.
664 Luca 11:25.
665 Sách về sự hiệp nhất của Hội Thánh.
666 Ma-thi-ơ 18:17.
667 Thư 1867.
668 1 Ti-mô-thê 4:2.

dị giáo, cùng các công việc và nỗ lực khác của họ, không những không mang lại sự cứu rỗi cho họ, mà còn dẫn đến sự đau khổ vĩnh cửu. Môi miệng chân thật của Thánh Xanh-tô đã loan báo điều đó.

Chương 6. Về tính cách của những thầy giáo đạo đức giả

Sau khi trình bày sự phân tích về những việc làm được cho là tốt nhưng thực chất là gây chia rẽ, tôi không thể không đề cập đến tính cách của những nhà giảng dạy đạo đức giả, những kẻ lừa dối tâm hồn của những người hiền lành và đơn sơ; vì chúng ta đã nghe nói rằng những con sói hung dữ ấy xâm nhập vào đàn chiên của Chúa Kitô dưới lớp áo cừu.

Trước hết, họ nhắm đến (như chúng ta đã nghe) những ngôi nhà khá giả, giàu có; còn những ngôi nhà nghèo khó và khốn cùng thì họ không bước vào. Cũng như con sói vậy; nó không đến nơi mà nó không hy vọng cướp được thức ăn cho mình, nhưng nơi nào nó nghe thấy đàn gia súc tụ tập, thì nó sẽ đến đó. Hơn nữa, chúng còn nhắm đến những người dễ bị quyến rũ bởi sự lôi cuốn của chúng, như những người dân thường, và nhất là phái nữ.

Ngoài ra, khi vào một ngôi nhà nào đó, chúng tỏ ra rất kính cẩn, và qua lời nói cũng như cách cư xử, chúng tỏ ra là những tôi tớ của Chúa, những người thánh thiện, công chính và đáng kính.

Họ mang theo bánh mì của mình và không muốn nếm bất cứ thứ gì trong các bữa ăn được dọn ra cho họ, nhằm lừa dối những người trong nhà đó vào sự mê tín của họ. Họ không nếm thức ăn của chủ nhà, một mặt vì coi đó là ô uế, mặt khác để thể hiện sự ăn chay của mình; và họ ăn chay cho đến tối, hoặc suốt cả ngày, thậm chí lâu hơn, chỉ ăn rất ít từ bánh mì mang theo.

Họ tiếp tục cầu nguyện siêng năng với Đức Chúa Trời một cách cảm động, để mọi người nhìn thấy; về những người cầu nguyện như vậy, Đức Kitô đã nói trong Phúc Âm: *"Họ cầu nguyện* lâu mà không rửa mặt*, những người này sẽ nhận thêm sự lên án*"[669] .

Họ đề xuất việc đọc sách thánh, và từ đó mở rộng giáo lý của mình, không phải để dạy con đường cứu rỗi, mà để lôi kéo người ta vào quan điểm nhất trí của họ. Họ trò chuyện với những người nghe mình bằng những tiếng thở dài, lòng thành kính và nước mắt. Họ thể hiện toàn bộ hình ảnh của sự thánh thiện, mọi việc làm để lấy lòng Chúa, nhưng lại có tính cách xảo quyệt, ý định gian trá, giống như những câu chuyện ngụ ngôn mà chúng ta đã đọc trong cuốn "Thang Thiên Đàng"[670] : Con cáo giả vờ ngủ, còn quỷ dữ thì giả vờ sống trong sự trong sạch; con cáo thì muốn có thịt gà, còn quỷ dữ thì muốn hủy diệt linh hồn. Cũng như vậy, những kẻ đạo đức giả này giả vờ sống trong sự trong sạch, thánh thiện, ăn chay, cầu nguyện và những việc làm tốt đẹp giả tạo khác, tất cả đều là sự giả dối, nhằm lừa gạt những tâm hồn vô tội.

Còn con người, vì quá đơn sơ, không nhận ra mưu mô của chúng, nên ngạc nhiên trước lối sống, sự khiêm nhường, lời cầu nguyện và tính cách hiền lành của chúng, và tôn kính chúng như những vị thánh vĩ đại của Đức Chúa Trời, rồi mở miệng ra nghe những lời dạy dỗ của chúng một cách say mê.

Khi đó, đã dọn sẵn con đường đến những trái tim vô minh của con người, họ bắt đầu gieo rắc những hạt cỏ dại dị giáo của mình. Ban đầu, họ phỉ báng Hội Thánh của Chúa, coi như không có đức tin, cùng với hàng giáo sĩ, các sách thánh, mọi thánh vật của Hội Thánh và mọi bí tích.

Họ cũng ca ngợi các tu viện Bryn của mình, cùng với trật tự, đức tin và lối sống của họ bằng những lời khen ngợi cao cả. Đồng thời, họ tiên tri về sự tái lâm lần thứ hai của Đấng Christ, nói rằng khi điều đó xảy ra, thì Anti-Christ cũng sẽ cai trị thế giới. Họ lừa dối những tâm hồn ngây thơ, tách họ ra khỏi Giáo hội của Chúa Kitô, dẫn dắt họ vào sự mê tín của mình, nhận nhiều tiền bố thí từ họ, rồi trở về với lợi lộc của mình, giống như những con sói mang theo con mồi cướp được; hơn nữa, chúng còn lôi kéo một số người theo mình, như thể để được cứu rỗi, nhưng thực chất lại dẫn họ đến sự hủy diệt.

Chương 7. Cuộc sống đạo đức không củng cố đức tin sai lầm

Chúng tôi khuyên nhủ và khẩn cầu các con, hỡi những con chiên của Đấng Christ, hãy đề phòng những kẻ lừa dối, những kẻ đạo đức giả, *những kẻ mang hình thức đạo đức nhưng đã từ chối sức mạnh của nó; hãy xa lánh những kẻ ấy: vì cũng như Iani và Iambri đã chống lại Mô-sê, thì những kẻ này cũng chống lại lẽ thật, là những người có trí óc bị hư hỏng và thiếu hiểu biết về đức tin*[671] . Đừng để bị lừa dối bởi hình thức cuộc sống đạo đức mà

---

[669] Luca 20:47.

[670] Lời 15, trang 108.

họ thể hiện, vì chúng ta biết rõ rằng cuộc sống đạo đức của ai cũng không củng cố đức tin sai lầm. Bởi vì đôi khi người ta cũng có thể tìm thấy sự mê tín trong những người có đời sống đạo đức, cũng như có thể tìm thấy đức tin chân chính trong những người không có đời sống đạo đức; và vì đời sống đạo đức của ai đó không củng cố đức tin sai lầm, điều này rõ ràng được chứng minh từ đây.

Trong cuốn tiểu sử của Thánh Cyril, Thượng phụ Alexandria[672] , (cũng được ghi trong Phần Mở đầu, ngày 25 tháng 2; có kể rằng: Có một vị tu sĩ già sống ở vùng hạ lưu Ai Cập, dù đời sống của ngài rất thánh thiện, nhưng lại thô lỗ và rất đơn sơ; do sự thiếu hiểu biết của mình, ngài đã nói rằng Melchizedek là Con Thiên Chúa. Chuyện này đã được báo cho Thánh Cyril, và ngài đã sai người đi; ngài đã triệu tập vị tu sĩ già đó đến gặp mình; biết rằng vị tu sĩ già này có thể làm ra các dấu lạ, và bất cứ điều gì ông cầu xin từ Đức Chúa Trời, thì Đức Chúa Trời đều ban cho ông; nhưng khi ông nói về Melchizedek, thì đó là do sự thiếu hiểu biết: vị tổng giám mục đã dùng sự khôn ngoan như vậy, và với sự hiền lành, ngài nói: "Avvo, tôi xin ngài, vì một ý nghĩ trong lòng tôi bảo rằng Melchizedek là Con Thiên Chúa, nhưng một ý nghĩ khác lại bảo rằng không, ngài chỉ là một con người và là vị tư tế của Thiên Chúa; và tôi đang băn khoăn về điều này trong lòng, nên tôi đã cố ý mời ngài đến đây để ngài cầu nguyện với Thiên Chúa và cho tôi biết." Vị tu sĩ già, dựa vào kinh nghiệm sống của mình, đã nói một cách dạn dĩ: "Xin ngài cho con ít nhất ba ngày, con sẽ thỉnh cầu Đức Chúa Trời về điều này; và con sẽ báo cho ngài biết khi điều đó được mặc khải cho con." Vị tu sĩ già bèn trở về phòng tu của mình, tự giam mình trong đó ba ngày, cầu nguyện cùng Đức Chúa Trời để Ngài tỏ cho ngài biết về Melchizedek; và sau khi nhận được điều mình xin, ngài đến gặp Thánh Cyril, nói rằng: "Melchizedek là một con người, chứ không phải Con Đức Chúa Trời." Thượng phụ hỏi: "Cha nghĩ sao?" Ông đáp lại: "Chúa đã cho con thấy tất cả các vị Thượng phụ, từng người một, và con đã thấy từng vị đi qua trước mặt con, từ A-đam cho đến Mê-lích-xê-đéc; và Thiên thần đã nói với con: 'Đây chính là Mê-lích-xê-đéc.' Xin ngài hãy biết rằng, thưa ngài, điều đó quả thực là như vậy." Thánh Cyril rất vui mừng vì đã cứu rỗi linh hồn vị tu sĩ già ấy, và sau khi tạ ơn, ngài cho ông ra về. Vị tu sĩ già ấy đi khắp nơi rao giảng với mọi người rằng Melchizedek là một con người, chứ không phải Con Thiên Chúa; bằng sự khôn ngoan ấy, vị thánh Cyril, người được Thiên Chúa yêu mến, đã dẫn dắt người vô minh trở về con đường chân lý.

Còn chúng ta hãy xem: vị lão nhân ấy thật thánh thiện và là người làm phép lạ, đã nhận được mọi điều xin từ Thiên Chúa, nhưng lại vẫn bám giữ niềm tin sai lầm về Con Thiên Chúa; và ông đã suýt bị hủy diệt hoàn toàn, nếu như ông qua đời trong sự mê tín đó. Liệu cuộc đời đạo đức của ngài có thể củng cố niềm tin sai lầm đó, vốn gọi Con của Đức Chúa Trời là Melchizedek, hay không? Và trong cuốn "Limonar", chương 37, chúng ta đọc về một vị tu sĩ sống trên cột, từng ở vùng Hierapolis, người đã theo tà giáo của Seviro, nhưng sau đó đã được Thánh Ephrem, Tổng Giám mục Antioch, dẫn dắt một cách kỳ diệu trở lại đức tin chân chính. Người tu hành trên cột ấy, trước khi được dẫn dắt trở lại đức tin chân chính, dù vẫn còn bám giữ tà thuyết của Seviro, nhưng nhờ đời sống đạo đức của người tu hành trên cột, được dành trọn cho việc ăn chay và cầu nguyện, liệu có thể củng cố đức tin của Seviro mà người đang theo đuổi không? Vậy thì chúng ta sẽ nói gì về Thượng phụ Eudoxius của Constantinopolis, người mà Thánh Đại Tử đạo Theodore Tyron đã hiện ra, ra lệnh tổ chức lễ Kolivo trong Mùa Chay Thánh vì lợi ích của các Kitô hữu, như đã được ghi chép trong Sách Thánh Thứ Bảy đầu tiên của Mùa Chay Lớn. Vị Thượng phụ Evdoksi đó, con trai của Thánh Tử đạo Kesaría, người đã bị thiêu sống vì Chúa Kitô, chẳng phải đã sống một đời sống đạo đức sao? Tuy nhiên, cuộc đời đạo đức ấy không thể củng cố đức tin sai lầm của ông; vì ông theo tà thuyết Arius, và đã chết trong tà thuyết đó, cùng với những kẻ dị giáo, bị các Thánh Tổ phụ nguyền rủa. Cũng vậy, Thượng phụ Sergius, người đã nhúng áo choàng của Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm vào biển, và bằng những lời cầu nguyện của mình đã khiến các con tàu của người Scythia chìm xuống biển gần Constantinople, đồng thời thiết lập việc hát bài ca ngợi Đức Trinh Nữ Maria vào Thứ Bảy thứ năm của Mùa Chay Lớn; chẳng phải ngài cũng đã sống một cuộc đời đạo đức sao? Tuy nhiên, cuộc đời đạo đức đó không thể củng cố đức tin sai lầm của ngài; vì ngài là thủ lĩnh của tà thuyết Monofelit, điều này được ghi chép chi tiết trong tiểu sử của Thánh Maximus, vị Tử đạo, vào ngày 21 tháng Giêng; và trong tà thuyết đó, Thượng phụ Sergius đã qua đời, bị coi là kẻ dị giáo, và bị các Thánh Tổ phụ kết án. Điều này chứng tỏ rằng, dù cuộc đời của ai có đạo đức đến đâu cũng không thể củng cố một đức tin sai lầm. Điều này cũng được xác nhận qua lời dạy của Thánh Gioan Vàng Miệng[673] , khi ngài ra lệnh phải cảnh giác

---

[671] 2 Ti-mô-thê 3:5 và 8.

[672] Ngày 9 tháng 6, trang 55.

[673] Về 2 Ti-mô-thê 1, bài giảng 2, trang 2318.

trước những người sống đạo đức nhưng lại giảng dạy sai lầm, và dạy rằng: "Nếu giáo lý của đức tin bị bóp méo, thì dù đó có là một Thiên thần (bằng lối sống), cũng đừng vâng theo; còn nếu người ấy giảng dạy đúng đắn, thì đừng chú ý đến lối sống, mà hãy chú ý đến lời nói." Đến đây là lời của Vàng Miệng.

Vì những người Brynian, dù tự cho rằng lối sống của họ là đạo đức, cũng không thể củng cố những niềm tin sai lầm của họ. Niềm tin, tôi nói, chứ không phải một niềm tin duy nhất; bởi vì trong họ (như chúng ta đã nói trước đây) không có một niềm tin duy nhất, mà là nhiều niềm tin. Có bao nhiêu tu viện, thì có bấy nhiêu niềm tin; và mỗi tu viện đều muốn tôn vinh niềm tin của mình và khẳng định nó là đúng; và họ gửi ra thế gian những nhà truyền giáo và thầy dạy bí mật, giả dối của mình, như thể là các Tông đồ của Đấng Christ, những lời của các Tông đồ này đề cập đến chính những thầy dạy đó: *"những kẻ giả danh Tông đồ, những kẻ lừa dối, biến hình thành các Tông đồ của Đấng Christ*" ([674]): và điều đó không có gì đáng ngạc nhiên; chính Satan cũng biến hình thành Thiên Thần Ánh Sáng: vậy thì chẳng có gì lạ, nếu ngay cả những kẻ phục vụ nó cũng biến hình thành những người phục vụ sự công chính, những kẻ sẽ phải chịu sự trừng phạt xứng đáng với việc làm của họ.

Bài thứ hai

Chương 8. Về những việc làm xấu xa của những kẻ ly giáo, và về các thầy dạy

Những việc làm xấu xa của những kẻ ly giáo, rõ ràng là chống lại Giáo hội Thánh, như những gì được báo cáo cho chúng ta, là vô số, không thể viết và nói chi tiết về chúng, trừ khi chúng ta trình bày những điều nổi bật nhất ở đây. Chúng tôi không tự mình đưa ra những điều này, vì tôi, một người khiêm tốn, không sinh ra và lớn lên ở những vùng đất này, cũng chưa từng nghe nói về các cuộc ly giáo đang tồn tại ở đất nước này, dù là về các khu rừng Bryn, các tu viện, sự khác biệt trong tín ngưỡng của họ, hay các hành vi của họ; nhưng từ khi đến đây, theo ý muốn của Đức Chúa Trời và theo sắc lệnh của Bệ hạ, tôi đã bắt đầu sinh sống, tôi đã nghe được qua nhiều báo cáo. Vì vậy, tôi sẽ trình bày những điều thực sự (được biết đến), một phần là những gì tôi đã nghe từ những người kể chuyện đáng tin cậy, một phần là những gì tôi đã nghe từ những người tận mắt chứng kiến. Những điều này tôi đã nhận được qua thư từ.

Trước hết, chúng tôi xin trích dẫn một số nội dung từ ba bức thư của Đức Tổng Giám mục Ignatius của Siberia, người được tưởng nhớ với lòng kính trọng, mà ngài đã viết gửi toàn thể giáo phận của mình trong thời gian ngài thi hành chức vụ mục vụ tại Siberia, nhằm vạch trần và tiêu diệt những tác hại của tà giáo ly giáo, đồng thời khuyên nhủ các tín hữu đừng để bị lừa dối bởi những tà giáo gây hại cho tâm hồn.

Trong thư thứ nhất, ngài đề cập đến ba vị thầy tà giáo từng hoạt động tại vùng Tyumen thuộc Siberia, tên của họ là: Oská (Giuse), một tu sĩ giả mạo, biệt danh là Astomen, gốc Armenia, đến từ thành phố Kazan; Rồi Yakunka (Gia-cốp), kẻ bội đạo, biệt danh là Lepikhin; và Avramko (Avram), người Do Thái, biệt danh là Venger, một tu sĩ dối trá. Ba kẻ này xúi giục người ta không đi nhà thờ, không xưng tội, không rước lễ, không làm lễ cưới theo nghi thức nhà thờ để kết hôn hợp pháp; không làm dấu thánh giá trên người theo phong tục cổ xưa được người Hy Lạp chấp nhận, không dùng ba ngón tay đầu tiên của bàn tay phải, mà chỉ dùng hai ngón tay, theo phong tục của tà giáo Armenia. Họ còn rải rác những giáo lý荒谬 khác, trái với Giáo hội Thánh và gây hại cho tâm hồn, giữa dân chúng: họ làm tổn thương Giáo hội của Chúa, lừa dối nhiều người và lôi kéo họ theo mình. Trong số ba vị thầy ly giáo đó, hai người cùng với người thứ ba tuy đồng ý với nhau trong nhiều giáo lý dị giáo của họ, nhưng lại không đồng ý về điểm này, vì Osk và Yakunka dạy người ta tự thiêu, như thể vì Chúa Kitô; và họ đã thiêu sống nhiều người, dẫn họ vào rừng rậm và những nơi hoang vắng; còn Avramko thì phản đối giáo lý và hành động đó của họ, không cho phép người ta tự thiêu, mà chỉ khuyên họ nên xa lánh Giáo hội và các bí tích của Giáo hội. Ngoài ra, Đức Tổng Giám mục Ignatius còn đề cập đến một điểm bất đồng khác của họ trong bức thư thứ ba của ngài, gần phần kết thúc, rằng Yakunka Lepikhin đã được vị "tiên tri giả" Avvakum, một linh mục trưởng, dạy dỗ, người này tuyên bố rằng sự xuất hiện của Antichrist sẽ không diễn ra một cách hữu hình, mà chỉ tồn tại trong thế giới này dưới hình thức tinh thần, và dường như điều đó đã xảy ra: còn Avramko thì dạy cho người Do Thái rằng Antichrist sẽ đến một cách hữu hình vào thời điểm của mình, và sẽ thống trị thế giới; vì đã tách ra khỏi ông cùng các môn đệ của mình,

[674] 2 Cô-rinh-tô 11:13.

những người theo Lepikhin được gọi là những người chính thống, còn những người theo Avramko thì được gọi là những người theo chủ nghĩa cảm tính. Cho đến nay, trong các khu rừng Bryn vẫn còn một tu viện của những người được gọi là "những người theo chủ nghĩa cảm tính", những người được cho là hậu duệ của Avramko, người Do Thái, có biệt danh là "Người Hungary", một tu sĩ dối trá.

Và điều này cần được biết về những kẻ giảng dạy sai lầm ấy, rằng Oskia Astomen, người Armenia, đã bị đày từ Kazan đến các vùng Siberia vào mùa hè năm 7168 (1660), sau khi Abvakum, vị tổng giám mục, qua đời, vào năm thứ tư. Oskia ban đầu ở Tyumen, sau đó bị đưa đến Yeniseysk; ở khắp các thành phố và làng mạc, bất cứ nơi nào con đường đưa ông đi qua, ông đều để lại dấu vết của sự ly giáo trong lòng những người dân chất phác, những người mà ông có thể lừa dối. Còn Yakunka Lepikhin trước đây là một ataman phục vụ tại Verkhoturye; ông ta đã giết người vợ đầu tiên, rồi cưới người vợ thứ hai và sinh với bà ta một cô con gái; sau đó, ông ta cũng sa vào tà giáo, tự xưng là linh mục dù chưa được phong chức, và thực hiện các nghi lễ của linh mục ngoài Thánh lễ: ông làm lễ thanh tẩy cho các bà mẹ khi sinh con bằng lời cầu nguyện, làm lễ rửa tội cho trẻ sơ sinh, nghe xưng tội của mọi người, và ban Thánh Thể bằng một hình thức không rõ ràng, như thể Thánh Thể đó được mang đến từ đâu đó rất xa; ông còn cạo đầu cho những ai muốn gia nhập dòng tu; và khi chôn cất người chết, ông đọc lời cầu nguyện giải thoát cho họ.

Sau khi Oske người Armenia bị đưa từ Tyumen đến Yeniseysk, Yakunka và Avramko ở lại đó, lôi kéo các tín hữu của Chúa ra khỏi con đường chính đạo, và viết ra nhiều lời phỉ báng nhằm vào Giáo hội của Chúa, trong số đó có lời phỉ báng này: Chính Yakunka, một họa sĩ vẽ tranh thánh, đã vẽ trên một tờ giấy hình ảnh nhà thờ và ma quỷ, dưới hình dạng con rắn, quấn quanh nhà thờ, và phun nọc độc ghê tởm của nó lên các bí tích thánh khiết của Chúa Kitô; sau khi vẽ nhiều tờ giấy như vậy, hắn đã phân phát cho mọi người và gửi đi các vùng lân cận, nhằm khiến mọi người ghê tởm Giáo hội và xa lánh các Bí tích thánh khiết của Chúa Kitô.

Trong bức thư thứ hai của mình, Đức Giám mục Ignatius của Siberia đã nói rằng, những kẻ giảng dạy sai lầm đó, những kẻ xúi giục mọi người tự thiêu, đã tập hợp cho mình những môn đệ, những người đồng chí hướng và những kẻ hăng hái thực hiện những việc ác của họ, đã gây ra sự vô luật pháp và sự tra tấn tàn bạo và vô nhân đạo này: họ đã lừa dối nhiều người, và đưa các bà vợ, các thiếu nữ, và các trẻ em vào những nơi hoang vắng ; trước tiên, họ làm ô uế những người đó bằng mọi hình thức dâm dục, rồi nhốt họ trong những túp lều được dựng sẵn trong rừng, khóa chặt cửa ra vào, sau đó thiêu sống họ, và chiếm đoạt tài sản của họ. Và như vậy, họ đã hủy diệt những người bị lừa dối bằng cái chết tàn khốc, giết chết cả linh hồn lẫn thể xác: linh hồn bằng tội lỗi, còn thể xác thì bằng lửa.

Họ khuyến khích người ta sống chung với vợ mà không làm lễ cưới, và ra lệnh cho những người bình thường làm lễ rửa tội cho những đứa trẻ sinh ra từ những mối quan hệ đó, đồng thời cấm các chức sắc tôn giáo thực hiện bất kỳ nghi lễ nào, bao gồm cả lễ cưới, lễ rửa tội hay bất kỳ lời chúc phúc nào.

Chương 9. Về Capiton, Avvakum và những người khác

Trong bức thư thứ ba của mình, Đức Giám mục Ignatius của Siberia, sau khi vạch trần đầy đủ tà giáo của người Armenia và mô tả về những kẻ tà giáo trước đây ở Veliky Novgorod đã sa vào Do Thái giáo, đã bắt đầu kể về những sự chia rẽ và tà giáo hiện nay từ một tên thủ lĩnh tà giáo tên là Kapiton, một tu sĩ, sống tại sa mạc Kolesnikova thuộc huyện Kostroma, và đã thu nạp được các môn đệ cho mình. Một số người trong số họ là dân làng, sau khi chứng kiến lối sống khổ hạnh của hắn, đã đến ở cùng hắn và coi hắn làm người hướng dẫn. Ông lại tuân giữ sự kiêng khem đến mức, dù là vào lễ Giáng Sinh của Chúa Kitô hay lễ Phục Sinh thánh thiêng, ông cũng không cho phép ăn phô mai, bơ hay cá; mà chỉ ăn bánh mì, cùng các loại hạt, quả mọng và các loại trái cây khác của đất trời cùng với các môn đệ của mình. Vào ngày lễ Phục Sinh rực rỡ của Chúa Kitô, thay vì trứng đỏ, Ngài đã ban cho các anh em những củ hành tím. Còn bản thân ngài, vì tự cho mình là vĩ đại và thánh thiện, đã bắt đầu khinh thường hàng giáo sĩ, và không muốn nhận lời chúc lành từ các vị giáo sĩ; ngài cũng bắt đầu sáng tạo ra những giáo lý và đức tin mới theo sự khôn ngoan sai lầm của mình, gây ra sự chia rẽ và bất hòa trong Hội Thánh của Chúa Kitô, ra lệnh phải xa lánh sự hiệp nhất trong Hội Thánh và lời chúc lành của các linh mục; ông ta dạy không được thờ lạy các thánh tượng mới, mà chỉ thờ lạy các thánh tượng cũ; và làm dấu thánh giá theo kiểu Armenia bằng hai ngón tay; và ông ta còn đưa ra những luận điểm trái với chính thống giáo lý, dạy dỗ nhiều người, và trở thành người khởi xướng, được gọi theo tên ông ta là Kapiton.

Tại thành Moscow, thủ đô của vương quốc, những kẻ ly giáo đã nổi dậy: Abvakum, tổng linh mục, và Grigory, tổng linh mục, biệt danh là Neron (người này sau đó đã ăn năn và được tha thứ); cùng với linh mục Lazar, linh mục Nikita, người được gọi là "Pustosvyat", phó tế Fyodor, cùng nhiều người khác thuộc hàng giáo sĩ và thế tục, và một số người từ triều đình Sa hoàng, những người bảo vệ tà thuyết hai ngón tay của người Armenia, và những kẻ gây ra các mâu thuẫn khác.

Chương 10. Cô gái rước lễ bằng nho khô

Cùng thời gian đó, tại các huyện Kineshma, Reshma và Ples, đã xuất hiện những kẻ ly giáo khác, được gọi là "Podreshetniki", được gọi như vậy theo tên thầy của họ, người mà họ có một nông dân tên là Podreshetnikov, người này, theo chân thủ lĩnh dị giáo Kapiton, dạy dỗ mọi người không được đến nhà thờ của Chúa, không được có cha xứ, không được đến nhận phép lành của linh mục, và xa lánh tất cả các bí tích của Giáo hội. Chính những người này đã cử hành các nghi lễ nhà thờ theo nghi thức linh mục ngay tại nhà riêng của họ, dù chưa được phong chức, và họ còn làm phép rửa cho trẻ sơ sinh; còn việc rước lễ của họ thì mang tính phù thủy: không phải bánh mì, mà là những quả mọng và nho khô, được tẩm bùa chú, và họ rước lễ theo nghi thức như sau: họ chọn ra một thiếu nữ trong số họ, dẫn cô vào hầm dưới nhà, mặc cho cô bộ váy sặc sỡ, rồi đến giờ định sẵn, cô bước ra khỏi hầm, đội trên đầu một cái rổ được phủ bằng tấm vải sạch, trong rổ chứa đầy quả mọng và nho khô; còn trong nhà thì có rất nhiều người đàn ông, phụ nữ và trẻ em tụ tập. Khi cô gái mang chiếc rổ trên đầu bước ra khỏi hầm, cô nói theo cách của các linh mục: "Xin Chúa Trời nhớ đến tất cả các bạn trong vương quốc của Ngài, mãi mãi, bây giờ và mãi mãi, cho đến muôn đời"; họ cúi đầu đáp lại: "A-min"; cô gái ấy lặp lại lời ấy ba lần, và họ đáp lại "A-men" ba lần. Sau đó, cô gái ấy trao cho họ của lễ báng bổ, thay vì rước Mình Thánh Chúa: những ai nếm những quả mọng ấy đều khao khát cái chết, như thể vì Chúa Kitô, hoặc bị thiêu sống, hoặc bị siết cổ, hoặc bị dìm chết trong nước, như những kẻ mất trí; và nhiều người trong số họ đã tự hủy hoại bản thân như vậy.

Chương 11. Quỷ dữ vui mừng trước những kẻ tự thiêu

Trong phạm vi thành phố Nizhny Novgorod có các làng thuộc cung điện, được gọi là Knyagino và Murashkino; từ những làng đó, cũng như từ các khu định cư và làng mạc lân cận, một đám đông nam nữ cùng con cái đã tụ tập, chuẩn bị tự thiêu trên một sân thóc trong một kho lúa, và sau khi rước lễ bí tích thần thánh của mình, họ đã buộc mình lại bằng những sợi dây mảnh, mỗi nhóm hai hoặc ba người thành từng bó, đồng thời để lại hai người ở giữa để châm lửa và thiêu sống họ. Còn những người kia, dù đã nhận lễ vật của họ vào tay, nhưng không ăn, vì được Đức Chúa Trời bảo vệ, để làm bằng chứng cho sự diệt vong của những kẻ tử đạo quỷ dữ đáng nguyền rủa ấy. Khi hai người kia châm lửa, ngọn lửa bùng lên bao trùm cả nhà kho, và ngay cả hai người đó cũng định lao mình vào ngọn lửa đang bùng cháy để tự thiêu, thì ngay lập tức họ nhìn thấy trên đỉnh ngọn lửa, trong làn khói, hai con quỷ đen, có hình dáng giống người Ê-thi-ô-pi, đang bay lượn trên không trung, có đôi cánh như dơi (chuột bay), đang hân hoan vỗ tay và la lớn: *"Chúng là của chúng ta, chúng là của chúng ta."* Thấy sự hân hoan quỷ quái đó trước những người đã chết, hai người kia rùng mình và nói với nhau: "Anh có thấy không, anh em ơi, chúng ta đang bị hủy diệt bởi giáo lý của kẻ bị nguyền rủa như thế nào?" Rồi họ bắt đầu làm dấu thánh giá trên người và chạy trốn khỏi đó. Khi đến gặp linh mục của làng mình, họ đã xưng tội và thú nhận mọi điều với ngài; không chỉ với linh mục, mà còn kể lại cho tất cả những người khác trong nước mắt về những gì họ đã chứng kiến trước những người đã chết – sự hân hoan quỷ quái ấy – và họ tạ ơn Thiên Chúa đã cứu họ khỏi sự diệt vong đó.

Chương 12. Về trái tim của một đứa trẻ bị rạch ra trong một nghi lễ phù thủy

Từ thành Vologda, trên con đường dẫn đến Kargopol, ở vùng đất cách xa biển, tại một nơi hoang vắng, có một kẻ thù của Đức Chúa Trời đang sống, một pháp sư và phù thủy, mang danh hiệu người ẩn tu, nhưng lại có đức hạnh giả dối, và được những người dân làng xung quanh coi là thánh thiện và đáng kính; và nhiều người đã đến ở cùng hắn, coi hắn như thầy và người hướng dẫn của mình. Không chỉ có đàn ông, mà cả phụ nữ và thiếu nữ, nơi hoang dã ấy đã chật kín; bởi những lời dạy ngọt ngào và lối sống giả dối của hắn, họ bị lôi cuốn đến với hắn, như thể hắn là một vị thánh vĩ đại của Chúa. Kẻ đáng nguyền rủa tự xưng là thánh nhân ấy đã bí mật dạy dỗ mọi người sống dâm loạn mà không hề hổ thẹn, nói rằng: "Sự giao hợp xác thịt theo sự đồng thuận không phải là tội lỗi, mà là tình yêu; chỉ cần đừng làm lễ cưới, cũng đừng xin phép kết hôn." Có một người đàn ông đến từ thành Vologda, đang mang nặng nhiều tội lỗi, khi tỉnh ngộ đã ăn năn trước mặt Chúa; và ông đã thề hứa rằng sẽ sống trong sự trong

sạch cho đến hết đời, rồi đi vào sa mạc, để sống trong sự im lặng, nhằm nhận được sự tha thứ cho các tội lỗi của mình từ Chúa. Nghe nói về vị ẩn sĩ ấy, rằng có nhiều người tụ tập sống cùng ông trong sa mạc, anh ta bèn đến đó, mà không biết gì về lối sống dâm loạn bí mật của họ. Khi đến gặp vị ẩn sĩ ấy và người đứng đầu nhóm những kẻ sống sa đọa trong sa mạc, anh ta cầu xin ông cho phép mình được sống cùng ông trong sa mạc, giống như những người khác; nhưng ông ấy nói với người đến: "Anh em yêu dấu, anh đã đến với chúng tôi thật tốt, vì giờ đây trên đất này không còn Hội Thánh của Đức Chúa Trời nữa, tất cả đều đã sa ngã và trở nên hư hỏng; bởi vì trong các nhà thờ người ta hát và đọc theo cách mới, còn ở đây ân sủng của Đức Chúa Trời vẫn che chở chúng ta, và chúng ta không chấp nhận bất kỳ sự đổi mới nào, chúng ta làm phép rửa theo truyền thống của Thánh Theodoret, chứ không chấp nhận truyền thống của Nikon; anh đã làm rất tốt khi trốn tránh được Anti-Christ. Người ấy, nghe vậy, đã nói với ngài với lòng cảm động: "Thưa cha đáng kính! Con xin cha hãy chỉ dẫn con trên con đường cứu rỗi; vì lý do này mà con đã đến thánh địa của cha, sau khi nghe về đời sống thánh thiện của cha theo ý Chúa, có thể dẫn dắt các linh hồn đến với Đức Kitô, Thiên Chúa; xin cha cứu rỗi con, kẻ đang khao khát được cứu rỗi." Vị ẩn sĩ đáng thương ấy đáp lại: "Con yêu quý ơi, trước tiên con nên thử thách bản thân bằng việc ăn chay, không ăn cũng không uống trong một số ngày, cho đến khi Đức Chúa Trời báo cho chúng ta biết về con, và khi đó chúng ta sẽ đón nhận con với niềm vui." Người ấy hứa sẽ tuân theo mọi điều được truyền dạy mà không do dự, vì sự cứu rỗi linh hồn mình. Vị ẩn sĩ bèn ra lệnh dẫn cậu vào một ngôi đền nhỏ nằm sâu bên trong, là một trong những căn phòng của ông, nối liền với căn phòng nơi chính ông đang sống; trong ngôi đền nhỏ đó chỉ có duy nhất một ô cửa sổ, nhìn ra con đường, rất nhỏ, chỉ đủ để ánh sáng lọt vào; còn lối vào thì được gia cố rất chắc chắn, đến nỗi một khi đã vào trong thì không thể nào ra khỏi đó được.

Người ấy ở trong nơi ẩn tu đó ba ngày mà không ăn uống gì, bèn bắt đầu đục một lỗ nhỏ trên tường phòng tu của vị ẩn sĩ ấy, giữa những thanh gỗ đã bị rêu bám, và khi đục xong, ông ta quan sát xem vị ẩn sĩ ấy đang làm gì. Khi anh ta đang nhìn qua khe hở đó, thì có hai người đến gặp vị ẩn sĩ và nói: "Thưa cha thánh! Cô gái mang thai kia đã được Chúa tha thứ, và cô ấy đã sinh ra một đứa trẻ trai. Cha muốn chúng con làm gì với đứa trẻ này?" Ngay lúc đó, tên ẩn sĩ giả mạo đáng nguyền rủa ấy nói với họ: "Chẳng phải ta đã bảo các ngươi từ trước rồi sao? Rằng khi cô gái ấy sinh con, các ngươi phải dùng dao rạch ngực đứa trẻ sơ sinh, mổ lấy trái tim ra, rồi mang đến cho ta trên đĩa? Hãy đi và làm như ta đã dặn." Họ liền đi ngay, và sau một lúc ngắn, mang trái tim của đứa trẻ sơ sinh đó trên một cái đĩa gỗ đến cho ông ta. Trái tim vẫn còn sống và đang đập, và họ đưa cho ông ta; ông ta liền cầm con dao, dùng tay mình cắt nó thành bốn phần, rồi nói với họ: "Hãy nhận lấy thứ này, sấy khô trong lò, rồi nghiền nát." Những người đầy tớ xấu xa của vị ẩn sĩ khốn khổ ấy đã đi làm theo lệnh được giao, rồi lại mang trái tim đứa trẻ sơ sinh đã được nghiền thành bột về cho ông. Người ẩn sĩ ấy lấy một tờ giấy viết, xé thành những mảnh giấy nhỏ, rồi cho từng phần nhỏ của trái tim đã nghiền nát vào những mảnh giấy đó, và gọi một số đệ tử của mình lại, nói với họ: "Hãy mang những mảnh giấy này cùng với vật thánh (ông gọi phép thuật của mình là 'vật thánh') và đi đến các thành phố, thị trấn và làng mạc; khi vào nhà người ta, hãy nói với họ rằng tuyệt đối không được đến nhà thờ, không được nhận lời chúc lành từ các linh mục hiện nay, cũng không được xưng tội với họ, cũng đừng rước bất kỳ vật thánh nào của nhà thờ, mà hãy làm dấu thánh giá trên người bằng hai ngón tay, và tuyệt đối không được chấp nhận cách làm dấu ba ngón, vì đó chính là dấu ấn của Antichrist. Và dù họ có nghe theo hay không, các con hãy bí mật trộn thứ thuốc này vào thức ăn, đồ uống, hoặc vào bình đựng nước trong nhà họ, hay vào giếng nước. Khi họ nếm phải thứ đó, họ sẽ quay về với chúng ta trong sự thật, tin vào lời các con, và tự nguyện trở thành những vị tử đạo.

Người đàn ông đang ngồi trong phòng giam, khi nhìn thấy và nghe thấy điều này, đã hoàn toàn cứng đờ vì sợ hãi, và không biết phải làm gì. Anh ta bắt đầu thành kính cầu nguyện với Chúa Trời, Đấng được tôn vinh trong Ba Ngôi Thánh, xin được giải thoát khỏi tai họa này, và bắt đầu làm dấu thánh giá trên người bằng ba ngón tay (vì trước đây anh ta chỉ làm bằng hai ngón tay, như đã được tên ẩn sĩ xấu xa kia dạy). Chúa, Đấng lắng nghe lời cầu nguyện của những ai đang gặp hoạn nạn, đã ban sự giải thoát cho người đàn ông đang ẩn dật trong phòng kín đó như sau: Vào buổi sáng, một số thương gia đi ngang qua căn phòng ẩn tu đó; người ẩn tu, khi nhìn thấy họ, đã vẫy tay ra cửa sổ và bí mật kể cho họ nghe tất cả những gì mình đã thấy và nghe về bản thân cũng như về người ẩn tu kia, đồng thời cầu xin họ giải cứu mình khỏi nơi đó. Hãy chỉ cho họ cách giải cứu ông ta: hãy bảo họ nói rằng một người đầy tớ của họ đã ăn cắp tài sản, bỏ trốn và đang ẩn náu ở đây, rồi xin vị ẩn sĩ trả lại người đầy tớ đó cho họ. Các thương gia, vì thương xót người bị giam cầm ấy, bèn giả vờ như đang tìm kiếm người đầy tớ của họ, kẻ đã ăn cắp tài sản và bỏ trốn; và như thể họ đã biết rằng hắn đang ẩn náu trong sa mạc ấy, nên họ nài nỉ vị ẩn sĩ ấy hãy giao người đầy tớ của họ lại cho họ. Người ẩn sĩ liền gọi người đó ra khỏi nơi ẩn dật và nói với anh ta: "Anh đã làm gì

vậy, hỡi anh em? Anh đã lừa dối chúng tôi, giả vờ như đang tìm kiếm sự cứu rỗi, nhưng thực ra anh đã ăn cắp của chủ mình rồi chạy trốn đến với chúng tôi." Người ấy liền quỳ xuống đất và thưa: "Con đã phạm tội trước mặt Thiên Chúa trên trời và trước mặt cha; những kẻ xấu xa đã xúi giục con làm điều này; nhưng con xin cha đừng giao con vào tay các chủ của con; vì con sẽ không thể sống sót nếu ở lại với họ." Người ẩn sĩ bèn nói: "Hãy đi đi, anh em ơi, và phục vụ họ, như lời Thánh Tông Đồ dạy: 'Hỡi các tôi tớ, hãy vâng lời chủ mình.'" Vị ẩn sĩ bèn cầu xin những chủ nhân giả mạo ấy đừng làm hại người đầy tớ của họ, miễn là anh ta trả lại tài sản cho họ. Họ bèn hứa với vị ẩn sĩ rằng sẽ không làm hại người đầy tớ của mình; rồi họ đưa người đàn ông ấy đi và ra về.

Sau khi những thương gia ấy cùng người đàn ông đó ra đi, người ẩn sĩ được báo tin rằng tất cả những bí mật của ông đã bị tiết lộ cho những thương gia ấy bởi người đàn ông từng ở trong tu viện. Vị ẩn sĩ ấy bèn tập hợp tất cả các đệ tử của mình, cả nam lẫn nữ, đốt cháy các phòng tu của họ, rồi đi đến vùng ngoại ô của thành phố Veliky Novgorod, và định cư trong sa mạc bên một hồ nước nào đó, tại tu viện Paleostrovsky, và chiếm giữ tu viện đó; vì từ đó, nhiều người từ các làng mạc lân cận bắt đầu tụ tập về với ông, bị mê hoặc bởi giáo lý ngọt ngào của ông và bị thu hút bởi những phép thuật. Khi nghe tin về họ, Đức Tổng Giám mục Kornilii của Veliky Novgorod đã cử những người đáng kính thuộc hàng giáo sĩ và giáo dân đến khuyên răn họ theo giáo lý của Giáo hội; nhưng những kẻ sa đọa sống ẩn dật cùng thủ lĩnh của họ không những không nghe lời khuyên răn, mà còn tự đưa mình vào con đường diệt vong. Vì trước đó họ đã nhiều lần phỉ báng Giáo hội Thánh và tất cả các Kitô hữu Chính thống, nên họ đã tự nhốt mình trong tu viện đó, rồi đốt cháy các nhà thờ, các phòng tu và hàng rào xung quanh; và như vậy, cả tu viện cùng với họ đã bị thiêu rụi và diệt vong.

Chương 13. Những người bị thiêu sống kêu gào dưới lòng đất: Ôi, họ đã chết rồi!

Hành động tự thiêu đó còn lan rộng đến tận các vùng Siberia, được nhân lên bởi những kẻ ly giáo bị lưu đày: khi Oskha, một người Armenia giả danh tu sĩ, được đưa đến Tyumen, đã dụ dỗ một linh mục tên là Dometian sa vào sự đồi bại của mình; và cùng với Yakunka Lepikhin, người đã được tiên đoán trước, hắn đã dụ dỗ nhiều người, dẫn họ vào sa mạc và thiêu sống họ. Sau khi Oskya bị đưa đến Yeniseysk, linh mục Dometian đã đi vào sa mạc, và gặp được một tu sĩ tên là Ivanishcha, người có lòng độc ác ngang ngửa với mình; ông đã được Ivanishcha cạo đầu để trở thành tu sĩ, và được đặt tên là Daniel. Sau khi thọ giới, ông dựng cho mình một nơi ở riêng trong sa mạc, không xa lắm so với tu sĩ Ivanishcha kia; khi ra ngoài thế gian, ông rải rác những giáo lý dị giáo của mình khắp các làng mạc, và làm hư hỏng những người thiếu hiểu biết, khiến họ xa lánh Giáo hội Thánh và tất cả các thánh tích cũng như các bí tích của Giáo hội: ông ta nói với họ rằng Antichrist đã đang cai trị thế gian, và rằng Ngày Phán Xét đã đến gần, khiến những tâm hồn đơn sơ phải khiếp sợ; rồi, tập hợp những người nghe theo mình, ông ta dẫn họ vào sa mạc đến nơi ở của mình ở đó. Sau khi tập hợp được khoảng một nghìn bảy trăm người, gồm cả nam, nữ và trẻ em, hắn viết thư cho tu sĩ Ivanishche, xin lời khuyên: "Những người nam, nữ, thiếu nữ và trẻ em có đức hạnh đã tụ tập (hắn nói) đến với tôi ở sa mạc, và tất cả đều xin được rửa tội lần thứ hai bằng lửa mà không bị ô uế: vậy thì thánh địa của ngươi ra lệnh phải làm gì?" Còn tu sĩ Ivanishche đáng nguyền rủa thì trả lời ông bằng những lời đáng cười, rằng: "Ngươi đã nấu cháo rồi, thì cứ ăn đi, tùy ý ngươi." Còn Domitian, tức là Daniel, kẻ bội đạo đáng nguyền rủa và kẻ dâm đãng , bắt đầu chuẩn bị để thiêu sống họ, và xây những căn lều bằng gỗ to; sau khi hoàn tất, hắn ra lệnh mang đến nhựa cây, vỏ cây bạch dương và cây gai dầu, ngoài ra còn chuẩn bị cả lưu huỳnh và thuốc súng, để khi lửa bùng lên, những người đó sẽ lập tức bị ngọn lửa bao trùm. Khi những kẻ đang chuẩn bị thiêu sống đã có đủ thời gian, không những không vội vàng thiêu đốt mà còn tập hợp thêm nhiều người khác về phía mình, Đức Thượng phụ Phaolô (người tiền nhiệm của Ignatius), Tổng Giám mục Siberia, và vì xót thương những người sắp bị hủy diệt, ngài đã nhanh chóng cử các vị thuộc hàng giáo sĩ cùng những người thế tục có đức hạnh và sáng suốt đến với họ, để khuyên nhủ và ngăn cản họ khỏi hành động xấu xa đó. Và khi những sứ giả đến nơi và bắt đầu khuyên nhủ họ, họ lập tức tự nhốt mình trong những căn nhà đã được chuẩn bị sẵn để thiêu đốt, vừa thốt ra nhiều lời phỉ báng nhắm vào Giáo hội và hàng giáo sĩ, rồi tự thiêu. Và ngay lập tức, từ thuốc súng, lưu huỳnh, nhựa thông, vỏ cây bạch dương và cây gai dầu, ngọn lửa bùng lên từ mọi phía và thiêu rụi họ. Tại chính nơi họ bị thiêu sống, mùi hôi thối nồng nặc bốc lên trong một thời gian dài, đến nỗi không ai có thể đi ngang qua nơi đó mà không bịt mũi lại.

Nhiều người, khi tình cờ đi ngang qua nơi đó vào lúc bình minh hay hoàng hôn, đã nghe thấy những tiếng kêu than thảm thiết tại đó, như thể có tiếng kêu gào từ dưới lòng đất: *"Ôi, chúng ta đã bị hủy diệt! Ôi, chúng ta đã bị hủy diệt!"* Và nhiều người đã làm chứng về những tiếng khóc than thảm thiết ấy, vốn là sự mặc khải của Đức

Chúa Trời, nhằm báo trước sự diệt vong của những kẻ bị lừa dối, đồng thời khuyên răn những người khác đừng để bị lừa dối bởi những giáo lý sai lầm của những kẻ ly giáo.

Cũng tương tự như vậy đã xảy ra tại huyện Tomsk: Một kẻ bội đạo tên là Vasya Shaposhnikov đã dụ dỗ nhiều người, cả nam lẫn nữ, và dẫn họ vào sa mạc để thiêu sống họ. Hắn đã dựng lên ba ngôi đền gỗ lớn, và tất cả đều được chuẩn bị sẵn để thiêu rụi ngay lập tức. Thống đốc thành phố Tomsk, nghe tin có nhiều người tụ tập trong sa mạc để tự thiêu, đã cử các linh mục và những người khác đến khuyên can họ, để họ đừng tự hủy hoại bản thân. Khi những người này đến nơi những kẻ bị lừa dối đang tụ tập, Vasya đã nhốt tất cả những người có mặt trong nhà thờ, còn bản thân hắn thì leo lên trên cao và nói với những người đến: "Chúng ta đang bị thiêu đốt bởi ngọn lửa ở đây, còn các ngươi đang bị thiêu đốt bởi ngọn lửa vĩnh cửu ngay lúc này, và sẽ tiếp tục bị thiêu đốt ở đó: hãy rời khỏi đây đi; vì khi thuốc súng và thuốc nổ bắt đầu phá hủy những ngôi nhà này, thì các ngươi cũng sẽ bị những thanh gỗ đó đập chết." Kẻ khốn nạn ấy nói vậy để dọa những người đến, khiến họ phải rời đi; vì họ không có nhiều thuốc súng và thuốc nổ. Những người đến nghe vậy, liền lùi xa khỏi những ngôi đền ấy; còn Vasya, sau khi xuống đền, nói: "Ta sẽ ra ngoài cửa sổ đền, châm lửa đốt đám cây cối xung quanh, rồi lại vào đây." Một cô gái nào đó nói với anh ta: "Đừng đi, hãy cử một cô bé đi đốt đi"; còn anh ta thì muốn tự mình ra ngoài để đốt, rồi dùng chính vật đó để đốt chúng, sau đó tự mình trốn thoát. Bởi vì hắn đã chuẩn bị sẵn một cái hố bí mật giữa các ngôi đền đó và một lối thoát dưới lòng đất ở xa, để hắn có thể trốn thoát cùng với tài sản còn sót lại sau khi đốt cháy. Với ý định đó, tên khốn kiếp này đã lừa gạt mọi người và thiêu sống họ, để chiếm đoạt tài sản của họ; hắn thiêu sống mọi người, còn bản thân thì trốn thoát. Khi tên Vasya khốn kiếp đó định chạy ra khỏi nhà thờ, như thể sắp châm lửa, cô gái ấy cùng những người khác đã lao vào hắn, giữ chặt hắn lại và nói: "Ngươi muốn hủy diệt chúng ta, còn chính ngươi lại muốn trốn chạy." Họ đã đẩy một cô bé nhỏ ra ngoài cửa sổ để châm lửa vào đống củi đã chuẩn bị sẵn; cô bé ấy châm lửa lên, và khi chứng kiến cảnh những người bị thiêu sống, cô đã chạy đến chỗ các linh mục đang đứng từ xa và báo cho họ biết tất cả, rằng Vasya đang bị giữ trong nhà thờ, và tên khốn kiếp ấy cùng tất cả những người bị hắn lừa gạt đều đã chết. Sau khi những người đó bị thiêu rụi, một người dân trong cùng huyện Tomsk đã than khóc và khóc lóc, vì từ nhà ông, tên Vasya khốn kiếp đó đã lừa gạt tám người, cả nam lẫn nữ, dụ dỗ họ vào sa mạc và cùng họ bị thiêu rụi. Khi người dân làng đó đến nơi những kẻ bị lừa dối đã bị thiêu rụi, ông đi lại trên đống tro tàn, khóc than cho những người thân trong nhà; và ngay lập tức nghe thấy những tiếng khóc than phát ra từ đống tro tàn: *"Ôi, họ đã chết rồi! Ôi, họ đã chết rồi!* Anh ta kinh hoàng trước những tiếng kêu đó, đứng lại một lát rồi vội vã rời khỏi đó, và đi báo tin cho thành phố và các làng mạc mà anh ta đã nghe thấy. Đến đây là ba bức thư của Đức Cha Ignatius, Giám mục Siberia.

Tương tự như vậy, một người thuộc đội tiếp đón khách của thành phố Ustyug, Maxim Danilov, biệt danh là Pivovarov, đã kể cho chúng tôi nghe khi ông đến thăm chúng tôi tại Rostov vào năm 1709 này, trong Tuần Thánh của Lễ Phục Sinh rạng ngời của Chúa Kitô, và ông đã kể như sau: Tại thành phố Ustyug vĩ đại, trong văn phòng hành chính, các hồ sơ ghi chép rằng: vào năm 196 hoặc 197 (tôi không nhớ chính xác năm nào), tại huyện Ustyug, xã Cherepovskaya, cách thành phố Ustyug 120 verst, trong rừng có một nhóm ly giáo gồm khoảng 300 người; và theo báo cáo của các quan trưởng xã và nông dân nơi đó, Tỉnh trưởng Timofey Ivanovich Rzhevsky đã biết rằng những kẻ ly giáo đang sống trong rừng; và ngài Tỉnh trưởng đã cử người đến bắt những kẻ ly giáo đó đưa về thành phố; nhưng bọn ly giáo đã tỏ ra bất tuân. Trong những khu rừng đó, những kẻ ly giáo đã xây dựng những ngôi đền lớn, xung quanh có hàng rào, và dưới các ngôi đền, họ đã đào những hang động trong lòng đất. Khi những người được quan tổng trấn phái đi định bắt họ, bọn ly giáo đã chống cự quyết liệt và không chịu đầu hàng; họ đã dùng rơm bao phủ các ngôi đền cùng với đám đông bên trong, rồi châm lửa đốt, và chính họ cũng bị thiêu cháy trong đó, còn những người khác thì bị ngạt thở và chết trong các hang động, nằm ngay dưới các ngôi đền. Và trong nhiều năm liền, tại nơi họ bị thiêu cháy, suốt cả đêm người ta vẫn nghe thấy những tiếng khóc than thảm thiết: *"Ôi, chúng ta đã chết rồi! Ôi, chúng ta đã chết rồi!*" Cho đến nay, tại nơi đó vẫn còn một mùi hôi thối nồng nặc.

Đối với sự tự thiêu và cái chết thảm khốc như vậy, các thủ lĩnh ly giáo không chỉ dụ dỗ bằng những lời lẽ quyến rũ, mà còn thu hút bằng những phép thuật huyền bí; như những gì đã từng xảy ra trước đây, và câu chuyện sau đây sẽ chứng minh điều đó.

Chương 14. Về những phép thuật huyền bí, và về vị linh mục đã bị ném vào lò lửa

Vào những ngày đầu tháng Hai năm 1709 này, tu sĩ Ignatius, một vị tu sĩ cao niên thuộc Tu viện Phục Sinh ở Uglets, đã báo cáo bằng lời nói và bằng văn bản cho chúng tôi; ông đã xuất gia được 26 năm, và tên thế tục của

ông là Jacob; ông từng sống tại huyện Poshekhonsky, xã Beloselskaya; ông từng làm linh mục tại Nhà thờ Thứ Sáu Thánh trong bảy năm; và ông kể rằng, tại giáo xứ của ông, có 1.920 linh hồn thuộc cả hai giới và mọi lứa tuổi đã bị thiêu sống, chưa kể các làng mạc lân cận, nơi vô số người dân đã bị thiêu sống, bị lừa dối và mê hoặc bởi phép thuật từ các thầy giáo ly giáo; và không khí tràn ngập mùi hôi thối nồng nặc từ những thi thể đang cháy trong nhiều ngày liền. Về việc những người bị mê hoặc bởi phép thuật đã tự nguyện lao vào ngọn lửa, tu sĩ Ignatius đã xác nhận điều này là sự thật và gửi cho chúng tôi bức thư như sau: Vào thời điểm đó, khi rất nhiều người ở huyện Poshekhonsky bị thiêu sống, Công tước Ivan Ivanovich Golitsyn từ Moscow đã đến lãnh địa của mình tại xã Beloselskaya, làng Kuzmodemyanskoye, để thuyết phục nông dân của mình ngừng tự thiêu. Còn những nông dân của ông ta thì đang đốt nhà theo lời xúi giục xấu xa của một người nông dân tên là Ivan Desyatina, ở làng Kholma, thuộc điền trang của quý tộc Ivan Maksimovich Yazikov, cũng trong huyện Poshekhonsky. Khi hoàng tử biết về người nông dân xảo quyệt đó, ngài ra lệnh truy tìm hắn, đưa hắn ra trước mặt mình, rồi hỏi về những lời dạy dỗ của hắn, đồng thời khuyên nhủ hắn ngừng ngay những hành vi ác độc và giết người đó; người nông dân Ivan Desyatina đó liền lấy ra từ túi áo ba quả mọng làm từ một loại bột nào đó, những quả mọng ấy trông giống như quả nam việt quất, và bắt đầu dùng chân nghiền nát chúng. Thấy vậy, vị linh mục của hoàng gia (nhưng lão Ignatius không nhớ tên vị linh mục đó) liền lao tới, nắm lấy một quả mọng, nhấc lên, nghiền nát bằng ngón tay trên miếng bánh mì, rồi ném cho con chó. Con chó sau khi ăn miếng bánh đó, liền chạy ra ngoài; lúc đó, trong sân đang có ngọn lửa bùng lên để nấu ăn; con chó chạy thẳng vào ngọn lửa, kêu la thảm thiết, ngã nhào vào lửa và bị thiêu cháy. Còn vị linh mục, sau khi nghiền quả mọng đó trên miếng bánh mì và ném cho con chó, đã đưa những ngón tay mà ông dùng để nghiền quả mọng lên miệng, như thể muốn nếm thử hương vị của nó; và ngay lập tức, ông mất trí, khuôn mặt và đôi mắt ông biến đổi; và tất cả mọi người đều kinh ngạc trước sự thay đổi đột ngột và sự hoảng loạn của ông, và họ cảm thấy kinh hoàng. Còn vị công tước, vì thương xót ông, đã ra lệnh đưa ông xuống hầm; lúc đó, trong hầm, lò đang được đốt để chuẩn bị thức ăn cho vị công tước; và khi vị linh mục được dẫn vào hầm, nhìn thấy ngọn lửa trong lò, ông lập tức lao vào lò lửa, và suýt nữa đã bị thiêu rụi ở đó, nếu như những người của vị công tước không nhanh chóng kéo ông ra khỏi đó bằng cách nắm lấy chân; đầu và mặt ông bị bỏng, tóc và râu cũng bị cháy xém; và ông đã mất trí suốt cả ngày. Sau đó, ông tỉnh táo lại và lấy lại lý trí, bắt đầu khóc lóc cảm ơn những người đã cứu ông khỏi ngọn lửa; và ông báo cho vị công tước biết, đồng thời công khai kể lại cho mọi người nghe: “Khi họ dẫn tôi xuống hầm ngục và tôi nhìn thấy lò lửa đang cháy, lò lửa ấy hiện ra trước mắt tôi như thiên đàng, còn miệng lò lửa thì như cánh cửa thiên đàng.” Trong lò lửa, tôi thấy những chàng trai trẻ rực rỡ đang ngồi đó, họ gọi tôi lại gần, nói: ‘Hãy đến với chúng tôi’; và tôi lập tức chạy đến với họ. Vị linh mục ấy đã kể lại chuyện này cho hoàng tử và mọi người nghe trong nước mắt; và người đã có mặt tại đó, người đã thuật lại chuyện này cho chúng tôi, là tu sĩ Ignatius, lúc bấy giờ vẫn còn mang tên Jacob khi còn là linh mục thế tục, và ông là người tận mắt chứng kiến và tận tai nghe thấy tất cả những điều đó. Và như những gì ông ấy đã thấy và nghe, ông ấy đã thuật lại cho chúng tôi theo lương tâm của một linh mục, và chúng tôi tin tưởng ông ấy, một người đã rất cao tuổi.

Chương 15. Về phép thuật của người Do Thái và những kẻ ly giáo

Từ bức thư của linh mục Giuse, người mà trong những năm gần đây, theo sắc lệnh của Hoàng đế, đã được cử đến vùng Olonets, và đã viết thư cho các thầy dạy ly giáo ở vùng đó: cho Đaniel Vikulin, cho Andrei Dionisov, và cho cả đám đông của họ. Linh mục Giuse ấy, khi vạch trần những kẻ ly giáo về các trò phù phép của họ, đã nêu ra trước tiên một sự việc phép thuật kỳ lạ từng xảy ra đôi khi do người Do Thái thực hiện tại Vương quốc Ba Lan, được trích từ cuốn sách có tên “Gương của Vương miện Ba Lan”, trong điều thứ năm, rằng người Do Thái đã trả một số tiền lớn cho một người phụ nữ Kitô giáo nào đó, để bà ta bán cho họ sữa của người Kitô giáo; người phụ nữ ấy đã kể lại chuyện này cho chồng mình, và theo lời dặn dò của ông, bà đã bán cho họ sữa bò thay vì sữa người Kitô hữu. Người Do Thái vui mừng nhận lấy sữa đó, thuê một người đàn ông, rồi cùng anh ta đến nơi treo cổ, nơi tên ác nhân đã bị treo cổ, và sau khi thực hiện các nghi thức phép thuật lên sữa tại đó, họ ra lệnh cho người đàn ông được thuê, đổ sữa đã được họ yểm bùa vào tai tên ác nhân đang treo cổ, rồi áp tai mình vào tai tên ác nhân đã chết. Khi người đó làm xong, những người Do Thái hỏi anh ta: “Anh nghe thấy gì?” Anh ta đáp: “Tôi nghe thấy tiếng gầm gừ của súc vật.” Người Do Thái buồn bã, liền đến gặp người vợ Kitô hữu ấy; và họ mắng mỏ cô ta vì đã lừa dối họ. Sau đó, trên toàn vương quốc Ba Lan xảy ra một trận dịch lớn tàn phá gia súc; và nếu người phụ nữ Kitô hữu kia bán sữa người Kitô hữu cho họ, thì trận dịch đó lẽ ra đã ập xuống đầu những người Kitô hữu. Vị linh mục Giuse ấy đã dẫn chứng điều này và nói với những kẻ ly giáo: “Các ngươi, những kẻ ly giáo, vì đã từ bỏ đức tin, mà hành

động như người Do Thái dùng phép thuật, đi lang thang trong các nhà, dụ dỗ cả hai giới của những người dân thường; và những ai không theo sự quyến rũ của các ngươi, thì các ngươi dùng phép thuật để mê hoặc họ, như chúng ta đã được biết từ những nhân chứng đáng tin cậy như vậy."

Tại Berezov, thuộc Volok, trong khu vực Kolsky, có một cư dân địa phương, một người không phải là kẻ tầm thường, sở hữu một ngôi nhà đầy đủ và một gia đình đàng hoàng, người này biết rõ những mưu mô quyến rũ của các ngươi, tên là Grigory, người sau này đã theo con đường tu hành, sống một cuộc đời đạo đức và qua đời trong sự thánh thiện; chính ông đã kể về bản thân mình như sau: Khi những kẻ ly giáo cùng các thủ lĩnh của các ngươi tụ tập tại đó, họ đã dựng một pháo đài trên một hòn đảo giữa hồ: một cư dân giàu có ở địa phương, bị họ dụ dỗ cùng cả gia đình mình, khoảng bảy mươi người, đã chuyển đến sinh sống trên hòn đảo đó. Còn không ít người khác cũng theo họ đến định cư tại đó; và từ đó, họ bắt đầu thường xuyên đến nhà của Grigory để dụ dỗ. Còn ông, biết rõ mưu mô của các ngươi, đã không để ý đến những lời dụ dỗ đó, và luôn bảo vệ gia đình mình một cách cẩn trọng. Sau một thời gian, khi những kẻ hung ác ấy nghe tin rằng sắp có một đoàn người từ Olonets được cử đến để trừng phạt họ, thì họ càng thường xuyên đến gặp Grigory hơn, và dùng mọi cách để dụ dỗ ông theo tà đạo của họ; nhưng ông vẫn kiên định, vì ông có một người anh em ở Olonets đang phục vụ trong quân đội, và anh ta đã nghiêm khắc cảnh báo ông tuyệt đối không được chấp nhận giáo lý sai lầm của các ngươi. Một thời gian sau, những kẻ ly giáo ấy đến và ở lại qua đêm tại nhà Grigori; lúc đó, ông càng cẩn trọng hơn trong việc bảo vệ gia đình mình; còn những kẻ khốn nạn ấy cùng với những tay sai của các ngươi, khi thấy ông không lay chuyển trước sự cám dỗ của họ, thì họ đã làm gì? Họ bắt đầu thường xuyên ra khỏi nhà vào khu chuồng trại; ban đầu ông lơ là không để ý đến điều đó, nhưng rồi bỗng nhiên rùng mình tự hỏi tại sao họ lại ra ngoài: ông liền tự mình đi ra và bắt đầu kiểm tra trong khu chuồng trại xem có ai giấu gì không, nhưng không tìm thấy gì cả. Sau đó, vì một số người cần nước, ông lại ra sân, và gỡ nắp khỏi cái bình đựng nước; khi nhìn lên mặt nước, ông thấy có thứ gì đó trôi nổi như bột; ông liền múc một ít vào một cái bình nhỏ để xem cho rõ hơn, thì thấy trong nước có vài mảnh xương đã cháy xém; còn trước đó, vợ và con dâu ông cùng vài đứa trẻ đã múc nước đó để dùng. Đến đêm, những kẻ ác đó đã bỏ đi, nhưng chẳng bao lâu sau, họ lại lo sợ một đạo quân từ Olonets sắp đến tấn công họ. Những người trong nhà Grigoryev, những người đã uống nước bị yểm bùa, bắt đầu nài nỉ ông đưa họ đến pháo đài của những kẻ ly giáo; còn ông thì bằng mọi cách cố giữ họ lại, van nài và khóc lóc: nhưng không thể nào giữ họ lại được, vì họ đã bỏ trốn khỏi ông để đến với những kẻ bị nguyền rủa ấy. Rồi không lâu sau, quân lính được phái đến; những kẻ độc ác, những kẻ gieo rắc tai họa (các thầy giáo ly giáo) đã nhốt tất cả những người mà họ đã lừa dối vào pháo đài đó, rồi đốt cháy họ, còn chính họ thì bỏ trốn. Và như vậy, tất cả những người bị lừa dối đều đã chết trong lửa. Hãy nhìn xem, hỡi những kẻ khốn nạn (linh mục Giuse nói với những kẻ ly giáo): hãy nhìn xem mưu mô lừa dối của các ngươi, nơi mà các ngươi không thể lừa dối bằng lời nói, thì ở đó các ngươi đã dùng phép thuật để mê hoặc và hủy diệt: đó chính là sự thánh thiện của các ngươi. Đến đây là thông điệp của Giuse.

Đó là những lời nói về việc thiêu đốt và các phép thuật của những kẻ ly giáo; còn về cái chết tự nguyện khác của họ, chẳng hạn như họ tự chết đói, thì chúng ta sẽ nghe kể lại từ chính những người chứng kiến.

Chương 16. Về những người Morelits

Họ có một tu viện được gọi là "Những kẻ săn lùng", những kẻ này, cũng giống như những kẻ thiêu sống, lừa gạt những người dân thường, cả nam lẫn nữ, để họ tự giam mình trong tu viện và chết vì ăn chay và đói khát, như thể vì Chúa Kitô vậy: họ lấy các cuộc đời của các thánh làm gương mẫu, rằng có nhiều người yêu mến Chúa Kitô đã tỏa sáng trong việc ăn chay, còn những người khác thì trong cảnh lưu đày và ngục tù, vì đức tin, đã qua đời vì đói khát. Và Kinh Thánh có chép rằng: "Chúng ta phải trải qua nhiều gian khổ mới được vào Nước Trời." Vậy thì sống trong đời này có ích gì? Vì trên đất này đã không còn đức tin chân chính, không còn các vị cha thiêng liêng, các giám mục và linh mục – tất cả đều là những con sói, còn các nhà thờ – chỉ là chuồng trại và sự ô uế của sự hoang tàn; và Antichrist đã cai trị thế gian, và ngày phán xét khủng khiếp đang đến gần. Vì vậy (họ nói), ai thực sự muốn được cứu rỗi thì phải chịu khổ ở đây; và giống như các vị tử đạo và những người làm chứng cho đức tin, họ sẽ chết vì đói khát trong thời gian ngắn ngủi này, để thoát khỏi những cực hình vĩnh cửu và cùng với Chúa Kitô ngự trị. Chúng ta hãy chịu khổ một chút ở đây, để không phải chung số phận với những kẻ đã bỏ đức tin chân chính, và vì đức tin ấy mà chúng ta đang bị bách hại và hành hạ. Vì thà rằng chúng ta phải héo mòn vì đói khát trong một thời gian ngắn, còn hơn là bị kết án cùng với họ vào những cực hình vĩnh cửu. Đó là những gì những kẻ lừa dối đáng nguyền rủa kia nói, với nhiều sự cảm động, thở dài và khóc lóc. Và nếu lừa được ai, chúng sẽ nài nỉ người đó,

để khi vào một căn phòng nhỏ hoặc một hang động, người ấy sẽ sám hối những tội lỗi trước đây của mình, và được đội vương miện ăn chay như một vị tử đạo. Những kẻ Morel này đã chuẩn bị sẵn những nơi đặc biệt trong rừng cho mục đích đó: có nơi là những căn nhà gỗ, có nơi là những hố đào dưới đất. Một số căn nhà có cửa nhỏ, nơi họ nhốt người bị lôi cuốn vào và khóa chặt; một số khác thì không có cửa, nhưng có lối vào từ phía trên. Còn những hố sâu hay hang động thì rất sâu, không ai có thể thoát ra được, và phía trên cũng được bịt kín và gia cố rất chắc chắn. Thỉnh thoảng họ nhốt một người, thỉnh thoảng hai, ba, hoặc nhiều hơn. Những người bị nhốt, ban đầu, rồi đến ngày thứ hai, thứ ba, và thậm chí sau nhiều ngày, vì đói khát, họ kêu gào, la hét, van xin được thả ra khỏi đó; nhưng không ai lắng nghe họ, cũng chẳng ai thương xót họ. Và điều kinh hoàng hơn nữa là nghe nói rằng, bất cứ nơi nào có hai, ba, hay nhiều người bị giam giữ, khi không chịu nổi cơn đói, họ sẽ ăn thịt lẫn nhau, ai có thể chế ngự ai thì sẽ ăn thịt người đó. Và đừng ai nghĩ rằng điều này là không thể tin được, vì trong cảnh bị giam cầm và đói khát, con người sẽ ăn thịt lẫn nhau, ngay cả khi chính bản thân họ cũng phải ăn thịt chính mình trong hoàn cảnh khốn cùng như vậy. Georgy Kedrin Tsaregradets, trong cuốn "Tóm tắt các câu chuyện", đã viết về Zinon, vị vua Hy Lạp bất hạnh, rằng do say rượu quá độ, ông ta thường xuyên bị quỷ ám, ngã xuống đất và nằm bất động như người chết trong một thời gian dài; hoàng hậu Ariadne, vợ ông, đã căm ghét ông và không muốn nhìn thấy ông còn sống, nên đã giết ông như sau: khi Zinon phát điên và ngã xuống đất, trông như đã chết, hoàng hậu bế ông lên, đặt vào quan tài chôn sâu dưới đất, nhưng không lấp đất lên, mà đặt một tảng đá lớn chắn trước cửa quan tài, và cử lính canh gác. Sau một thời gian, vua Zinon tỉnh lại, bắt đầu kêu gào xin được thả ra, nhưng những người canh gác không nghe theo ông; vì họ đã nhận lệnh nghiêm ngặt từ nữ hoàng. Ông sống sót trong quan tài suốt ba ngày, vừa kêu gào vừa khóc lóc, rồi qua đời. Sau khi ông qua đời, quan tài được mở ra, và người ta thấy thi thể ông đã tự gặm nhấm chính mình trên tay, thậm chí đến tận vai vì đói khát; điều này được ghi chép trong các sử sách Hy Lạp. Có lẽ điều này cũng xảy ra với những người Morelitsik ở Bryn, những người bị giam trong các nhà tù bằng đất hoặc gỗ, họ ăn thịt lẫn nhau vì bị đói khát hành hạ. Tiếng kêu thảm thiết kia là gì? Tiếng khóc nào? Tiếng nức nở nào? Nỗi đau đớn và sầu muộn nào? Và đâu là lối thoát khỏi sự hành hình bất đắc dĩ ấy? Và như vậy, khi nguyền rủa ngày sinh của mình, họ phải chịu cái chết kép, cả về thể xác lẫn tâm hồn: linh hồn họ không được vào Nước Trời, mà phải chịu những cực hình địa ngục, như những kẻ tự sát. Và cái chết cay đắng ấy mang lại lợi ích gì cho họ? Bởi vì sự đau khổ ấy không được Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, chấp nhận, đối với những ai tự ý hủy hoại chính mình, như sẽ được giải thích rõ hơn dưới đây.

Chương 17. Không coi đó là tội dâm dục, mà là tình yêu của Chúa Kitô

Và điều này thật kỳ lạ, vì họ tự đưa mình vào cái chết, dù là trong lửa hay vì đói khát, như thể là vì Chúa Kitô; nhưng những ham muốn xác thịt của họ, mà một tôi tớ chân chính của Chúa Kitô chắc chắn phải tiêu diệt, thì họ lại không tiêu diệt, mà sống trong sự dâm dục. Tuy nhiên, tôi không nói điều này về tất cả mọi người; vì nghe nói rằng có nhiều người trong số họ sống trong sạch và tiết độ: nhưng phần lớn những kẻ dâm dục lại không coi đó là tội lỗi, mà những kẻ khốn nạn ấy lại gọi đó là tình yêu của Chúa Kitô, như chúng ta sẽ nghe ngay sau đây.

Thống đốc Rostov, ngài Semen Eremenovich Pashkov, đã kể cho chúng tôi rằng, vào năm 1703, theo Sắc lệnh của Sa hoàng, ngài được cử đi giải quyết công việc tại huyện Balakhon, xã Zauzol; trong thời gian ngài ở đó, các thầy giáo ly giáo đã gây ra sự việc như sau: Có một ngôi làng tên là Bor, nằm gần nhà thờ Thánh Nikola. Tại ngôi làng đó, hai kẻ ly giáo đã dụ dỗ vợ của linh mục Siso bằng tiền bạc, rồi dẫn bà ta đến các khu vực ly giáo ở Bryn; như thể để cứu rỗi. Và trước khi đến sông Kerzhenets, những kẻ ly giáo đó đã dẫn bà vợ linh mục vào một ngôi đền bỏ hoang. Trước khi họ đến, nhờ sự an bài của Chúa, hai người thợ làm tổ ong thuộc khu vực Dvoretskaya của Tolokontsovo đã đến đó; sau khi đốt lò sưởi một chút, họ lên gác nghỉ ngơi và chìm vào giấc ngủ. Khoảng một giờ sau, họ tỉnh dậy, cảm nhận được sự xuất hiện của những kẻ ly giáo cùng bà vợ linh mục; bởi vì những người thợ làm mật ong này biết rõ họ, vì chồng bà ta, linh mục Siso, chính là cha xứ của họ; họ im lặng ngồi trên sàn nhà và lén lút quan sát xem chuyện gì sẽ xảy ra. Những kẻ ly giáo cùng bà vợ linh mục bước vào, thấy nhà thờ ấm áp, liền ngồi xuống; họ nghĩ rằng không còn ai khác trong nhà thờ, vì họ không biết về những người thợ làm tổ ong kia. Rồi họ bắt đầu nói với bà linh mục: "Hãy thực hiện tình yêu của Chúa Kitô cùng chúng tôi, thưa chị." Bà liền hỏi họ: "Tôi phải thực hiện tình yêu của Chúa Kitô nào với các anh?" Họ đáp lại: "Hãy ở cùng chúng tôi qua sự giao hợp xác thịt, vì đó chính là tình yêu của Chúa Kitô." Bà kinh hoàng nói: "Có phải vì điều đó mà các anh đã dụ dỗ tôi rời xa chồng tôi không? "Tôi hy vọng nhờ các anh mà linh hồn tôi được cứu rỗi, nên tôi đã theo các anh như những vị thánh, những người hướng dẫn và thầy dạy có ích cho linh hồn; thế mà các anh lại muốn làm ô uế tôi." Và bà

không chịu đồng ý phạm tội với họ. Họ bắt đầu ép buộc bà phải tham gia vào hành vi phạm pháp của họ; và một trong số họ đã tát vào mặt bà. Lúc đó, những người thợ làm thuyền, đang ngồi lén lút trên các bệ gỗ, dùng súng đã nạp thuốc súng nhưng không có đạn, bắn lên phía trên những kẻ vô pháp đó, rồi hét lớn. Còn những tên tu sĩ khốn nạn ở Bryn, vì sợ hãi tột độ trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời ( ), đã vội vã chạy trốn khỏi nhà thờ, bỏ lại bà vợ linh mục cùng số tiền, và biến mất không để lại dấu vết. Bà vợ linh mục vui mừng vì đã thoát khỏi tay những kẻ gian dâm vô luật pháp, những kẻ gọi sự gian dâm là "tình yêu của Chúa Kitô" và muốn làm ô uế bà. Còn những người thợ làm tổ ong ấy, sau khi cứu được bà vợ linh mục, đã dẫn bà đến gặp chồng bà, tức là cha linh hướng của họ, linh mục Sisa, và giao bà cho ông ấy nguyên vẹn cùng với số tiền và sự trong sạch của bà. Linh mục ấy rất vui mừng, nên đã tặng cho những người thợ làm tổ ong ấy vài rúp tiền vì đã đưa vợ ông đến cho ông.

Chính ông Semen Eremievich cũng kể lại điều này: rằng những người nông dân ở các xã Zauzolskaya và Tolokontsovskaya đưa con gái, em gái và các thiếu nữ họ hàng của họ vào rừng Bryn để gặp các vị thánh cha (họ gọi những thầy giáo ly giáo là các vị thánh cha), và giao họ ở đó như thể vì tình yêu của Chúa Kitô, nhưng thực chất là để dâm ô. Những kẻ khốn nạn đó đã bị quỷ dữ làm mù quáng, đến nỗi họ không chỉ coi dâm ô không phải là tội lỗi, mà còn xem đó là đức hạnh, tôn vinh như tình yêu của Chúa Kitô; còn hôn nhân hợp pháp thì họ gọi là sự vô luật pháp và lao động nô lệ. Khi những cô gái đó mang thai, bọn ly giáo này lại đưa những cô gái mang thai trở về nơi ở cũ của họ, tùy theo nơi họ được đưa đến từ đâu. Và khi họ sinh con tại nhà cha mẹ hoặc họ hàng, và sống ở đó sáu tuần sau khi sinh, họ lại bị đưa trở lại những khu rừng Bryn đó.

Chúng tôi tin vào lời kể của vị quý ông nói trên; bởi vì ngay tại giáo phận của chúng tôi cũng nghe nói về việc này. Gần đây, chúng tôi đã nhận được tin xác thực về một số người ở thành phố Romanov, những người thuộc tầng lớp quý tộc, có tài sản không ít (tôi không nhớ tên họ, nhưng những người sống ở đó đều biết), trong số đó có ba người: Ivan Grigoryev, con trai của Trusov, biệt danh Mylnikov, đã gửi ba cô con gái đi; Vasily Grigoryev, con trai của Trusov, biệt danh Mylnikov, đã gửi một cô con gái đi; Ivan Mikhailov, con trai của Shanin, biệt danh Durakov, đã gửi một cô con gái đi; Fyodor Stefanov, con trai của Lykov, đã gửi một cô con gái đi; mỗi người một con gái; còn người thứ tư là Mylnikov đã gửi ba con gái đến khu rừng Bryn, vào một tu viện nữ nào đó ở đó, với số tiền khá lớn, nhưng với ý định thì không ai biết rõ. Chẳng lẽ trong Giáo phận Rostov lại không có tu viện nữ nào sao, nếu họ muốn gả con gái mình cho Chúa Kitô? Tương tự như vậy, ngay tại Rostov của chúng ta, có một người được cho là tốt bụng tên là Ivan Menkin đã bí mật gửi con gái mình, một thiếu nữ đã đến tuổi kết hôn, đến những nơi cư ngụ của những kẻ ly giáo, còn vì lý do gì thì chỉ có Chúa mới biết.

Chương 18. Về các tu viện Bryn

Để làm rõ hơn nữa những hành vi ly giáo trái với ý Chúa, chống lại Giáo hội Thánh, một số tu viện của họ – đã được đề cập ngắn gọn trong phần đầu – sẽ được nhắc lại ở đây một cách chi tiết hơn một chút.

Các nơi ở của những kẻ ly giáo trong rừng Bryn được gọi cụ thể là: các tu viện nhỏ và các nhóm giải thích. Chúng được gọi là "tu viện nhỏ" vì họ lang thang trong các sa mạc, giống như các vị Thánh Cha thời xưa sống đời ẩn tu. Còn "tolki" được gọi như vậy vì mỗi tu viện đều giải thích Kinh Thánh theo cách hiểu sai lầm và xảo trá của riêng mình, không phù hợp với những người khác; và họ lan truyền những "tolki" của mình ra các làng mạc lân cận, dạy dỗ những người dân đơn sơ theo tín ngưỡng của họ, và lôi kéo họ theo cách hiểu của mình.

Trước hết, hãy đề cập đến phái Kitô giáo.

Trong tu viện hay nhóm giải thích đó có một người đàn ông, được gọi là "Christ", và họ tôn kính ông ta như Chúa Kitô; nhưng họ cúi lạy ông ta mà không làm dấu thánh giá. Nơi cư ngụ của "Chúa Kitô" đó nằm ở làng có tên là Pavlov Perevoz, bên sông Oka, cách thành phố Nizhny 60 verst. Người ta kể rằng tên "Chúa Kitô giả" này gốc là người Thổ Nhĩ Kỳ; hắn dẫn theo một cô gái xinh đẹp, và gọi cô ta là "vợ" của mình, còn những người tin theo hắn thì gọi cô ta là "Đức Mẹ". Còn cô gái ấy (hay nói đúng hơn là một ả điếm) thì gốc gác là người Nga, đến từ huyện Nizhny Novgorod, làng Landyukha, là con gái của một người thuộc tầng lớp quý tộc địa phương. Kẻ tự xưng là Đấng Christ giả này còn có 12 tông đồ, những người đi khắp các làng mạc và thôn xóm để rao giảng về Đấng Christ, như thể Ngài là Đấng thật, cho những người đàn ông và phụ nữ bình dân; và những ai bị lừa dối, họ đều dẫn đến trước mặt hắn để thờ lạy. Tôn giáo đó, được gọi là "Chủ nghĩa Kitô", dù có phỉ báng Giáo hội của Đức Chúa Trời, nhưng lại không cấm người ta vào nhà thờ, chạm vào các thánh tượng và Thánh Giá, cũng như nhận phép lành từ các linh mục; bởi vì tên "Đấng Christ" giả mạo ấy cho phép những người tin vào hắn được giả hình: "Đừng làm ô uế mình, để các ngươi không bị nhận ra." Tu sĩ Pakhomius đã kể lại điều này cho chúng tôi, sau khi

nghe từ một người chứng kiến tận mắt, người đã nhìn thấy tên "Đấng Christ" giả mạo ấy, vì ông đã bị một môn đệ của hắn dẫn đến để thờ lạy. Vào thời điểm đó, vị "Chúa Kitô" giả mạo ấy đã đến vùng sông Volga, tại ngôi làng có tên là Rabotki; cách Nizhny Novgorod 40 verst về phía hạ lưu sông Volga. Ở ngôi làng đó, bên bờ sông có một nhà thờ cũ nát và trống rỗng, và lúc bấy giờ, những người tin vào hắn đã tụ tập tại nhà thờ đó để cầu nguyện.

Vị Chúa Kitô ấy bước ra khỏi bàn thờ đến với mọi người trong nhà thờ và tại bàn tiệc, và người ta thấy trên đầu Ngài có một vật lớn quấn quanh giống như vương miện, như được vẽ trên các bức tranh thánh, cùng với những khuôn mặt nhỏ màu đỏ, giống như những con chim đang bay lượn quanh đầu Ngài, mà người ta gọi là các thiên thần Cherubim; (còn chúng tôi thì cho rằng, hoặc là những con quỷ dưới hình dạng như vậy đã hiện ra trong ảo giác cho mọi người thấy, hoặc là những thiên thần cherubim được vẽ bằng màu trên giấy viết, và được gắn xung quanh vương miện.) Khi Ngài ngồi xuống, tất cả những người có mặt tại đó đều quỳ xuống và cúi đầu thờ lạy Ngài xuống đất, như thể Ngài là chính Đức Kitô; và họ không ngừng cúi đầu cầu nguyện trong nhiều giờ, cho đến khi kiệt sức vì cầu nguyện. Trong lời cầu nguyện, một số người kêu lên với Ngài: "Lạy Chúa, xin thương xót con," còn những người khác thì: "Lạy Đấng Tạo Hóa của chúng con, xin thương xót chúng con." Ngài thì phán với họ những lời tiên tri, báo trước những điều sẽ xảy ra, như sự biến đổi của bầu trời, và củng cố đức tin của họ vào Ngài một cách chắc chắn.

Phái Anufri, hay còn gọi là phái Popov.

Tu viện hay phái này nguy hiểm hơn tất cả, vì tín ngưỡng tà ác của Anufri đang lan rộng khắp nhiều thành phố và cả trong giáo phận của chúng ta. Những người theo phái và tín ngưỡng đó được gọi là phái Popov, còn người đứng đầu là Anufriy thì không được gọi là linh mục, mà chỉ là một vị tu sĩ già bình thường. Phái Popov chấp nhận những người đã được bổ nhiệm trước thời Thượng phụ Nikon, nhưng số lượng những người này không nhiều. Họ tôn vinh Avvakum, một linh mục bị tước phẩm vì dị giáo, người đã bị nguyền rủa và chết, như một vị thánh; họ gọi ông là "vị tử đạo mới", vẽ hình ảnh của ông và thờ lạy như một vị thánh, soạn lễ nghi dành cho ông, cử hành lễ kỷ niệm ông, và lưu giữ các thư từ mang nội dung dị giáo của ông, và họ tin như vậy, đồng thời dạy người khác cũng tin như vậy, và tôn vinh Ba Ngôi Thánh. Và Erofei Andreev, một môn đệ của Avvakum, đã làm chứng về các bức thư của Avvakum như sau: "Các bức thư của Avvakum sáng hơn cả mặt trời, và tất cả đều tốt đẹp." Một kẻ dị giáo làm chứng cho một kẻ dị giáo khác; cả hai, cùng với những người đồng chí hướng của họ, đều nhận được lời khen ngợi từ vị thầy tối cao của họ – quỷ Satan – ở địa ngục.

Lại là chủ nghĩa Popov.

Các phái hay nhóm mà các linh mục hiện nay theo đuổi bao gồm: phái Pavlinov; phái Andreyanov, phái Iosifov, và những phái mê tín dị đoan khác tương tự. Họ tiếp nhận những linh mục đã bị khai trừ và không tuân theo Giáo hội Thánh. Họ làm lễ rửa tội lại cho những người theo tín ngưỡng của họ, những người dưới sáu mươi tuổi; họ gọi lễ rửa tội Chính Thống của chúng ta là lễ rửa tội dị giáo và nói rằng lễ rửa tội dị giáo không phải là lễ rửa tội, mà là sự ô uế; còn những người trên sáu mươi tuổi thì họ không làm lễ rửa tội lại, vì họ cho rằng những người đó đã được rửa tội đúng đắn; bởi vì họ đã được rửa tội trước thời kỳ Thượng phụ Nikon và trước khi các sách thánh được chỉnh sửa; các tu sĩ cũng bị cắt tóc lại. Còn các linh mục hiện nay, những người được chấp nhận, trước tiên họ buộc phải nguyền rủa lễ tấn phong linh mục của chính mình, cũng như vị giám mục đã tấn phong họ. Họ cũng trao cho các linh mục này quyền tự mình cử hành các nghi lễ thánh, và một số linh mục trong số họ thỉnh thoảng cử hành thánh lễ trong các nhà thờ vắng vẻ theo các Sách Phụng vụ cũ với bảy chiếc bánh thánh, nhưng không thường xuyên; họ chỉ làm bánh thánh lớn để dự trữ, nhằm đảm bảo có đủ cho thời gian dài. Còn một số linh mục khác thì khẳng định rằng họ vẫn còn giữ các lễ vật cũ, và dùng những lễ vật đó để ban Thánh Thể. Điều này thực sự đáng cười: Ở một số làng mạc và thôn xóm hẻo lánh, khi người phụ nữ sinh con mà không thể nhanh chóng gọi được linh mục đến bên cạnh – hoặc vì khoảng cách quá xa, hoặc vì linh mục đang phải đi sang các làng khác – họ sẽ vội vàng cử một người mang theo một tấm vải trắng tinh khiết đến gặp linh mục; linh mục sẽ đọc lời cầu nguyện dành cho người sinh con vào tấm vải đó, đặt tên cho đứa trẻ, gấp tấm vải lại và trao cho người được cử đi. Người đó trở về, mở tấm vải ra, vẫy trên mặt người phụ nữ vừa sinh, và nói tên của đứa trẻ: như vậy, người phụ nữ vừa sinh đã được cầu nguyện. Tương tự, khi có ai qua đời, mà linh mục vì khoảng cách xa hoặc vì công việc khác mà không thể đến bên người đã khuất để đọc lời cầu nguyện giải thoát; linh mục sẽ lấy một tấm vải trắng, sạch, đọc lời cầu nguyện giải tội lên tấm vải đó, rồi gấp tấm vải lại và gửi người đi vẫy tấm vải trên khuôn mặt người đã khuất; và như vậy, người đã khuất, như thể đã được tha thứ mọi tội lỗi của mình, sẽ được an táng. Ôi, tâm trí điên rồ của những kẻ ly giáo điên rồ ấy!

Còn điều này cũng đáng cười: nếu ai đó theo tín ngưỡng của họ tình cờ ăn, uống, hoặc vào nhà thờ cùng với những người chính thống của chúng ta; thì họ sẽ đọc lời cầu nguyện đó trên người đó, giống như lời cầu nguyện được đọc trên một cái bình khi có thứ gì đó bẩn thỉu rơi vào.

Phong trào chống linh mục.

Các tu viện hoặc cộng đồng không chấp nhận bất kỳ linh mục nào bao gồm: phái Volosatov, phái Andreev, phái Ilarionov, và những phái khác đồng tình với họ trong sự ly giáo. Những người này không được phong chức, nhưng tự mình thực hiện một số nghi thức của linh mục: làm lễ rửa tội, nghe xưng tội và cắt tóc cho người xuất gia, cầu nguyện cho phụ nữ sau khi sinh và đọc lời cầu nguyện tha tội cho người chết. Thậm chí, cả những người phụ nữ trong số họ cũng làm lễ rửa tội cho trẻ sơ sinh và dựa vào cuốn "Kormchaya", như thể trong đó có quy tắc nào đó của các vị thánh cha cho phép phụ nữ thực hiện bí tích rửa tội. Họ không sống trong mối quan hệ hôn nhân hợp pháp, mà sống trong sự gian dâm trái luật; vợ, thiếu nữ và các nữ tu cùng chung sống với họ trong cùng một phòng, và xảy ra sự hỗn loạn chung. Bởi vì các thầy dạy họ rằng: "Sống mà không làm lễ cưới còn tốt hơn là làm lễ cưới theo cách dị giáo" (họ gọi chúng ta, những người Chính Thống, là dị giáo), và họ khinh bỉ những ai đã kết hôn theo nghi thức của Giáo hội . Và nếu những người đã kết hôn theo nghi thức của Giáo hội và luật Kitô giáo sinh ra một đứa trẻ, thì họ sẽ không ăn, không uống, không trò chuyện, cũng không cầu nguyện cùng những người đó, như thể họ là những kẻ ngoại đạo vậy. Vì lý do đó, các bậc cha mẹ có con gái không gả con mình cho một cuộc hôn nhân hợp pháp, mà cho phép con sống với bất kỳ ai mà con muốn mà không cần lễ cưới. Họ cho rằng việc rước lễ của họ là từ thời xa xưa, đã được thánh hiến từ trước thời Thượng phụ Nikon; và khi không còn bánh Thánh, họ làm bột không men, nghiền nát phần bánh Thánh còn lại thành bột mịn, rắc lên bột đó, rồi làm những chiếc bánh prosphora lớn để dùng lâu dài, và nướng lên; sau đó họ phân phát cho các giáo đoàn của mình, nói rằng đó chính là Thân Thể của Chúa Kitô. Khi Thánh Thể lại cạn kiệt, họ lại làm bánh Thánh theo cách tương tự, rắc phần Thánh Thể còn lại đã nghiền thành bột lên bột mì, và như vậy, Thánh Thể cổ xưa của họ, vốn đã được Thánh Akiba thánh hiến trước thời Thượng phụ Nikon, không bao giờ cạn kiệt. Những giáo phái đó cũng là những kẻ thiêu sống người: Andrei Pomoryanin đã thiêu sống hơn ba nghìn người; Ông lão râu rậm đã thiêu sống hơn hai nghìn người. Họ dựng những ngôi đền lớn đặc biệt trong rừng để thực hiện việc này, nhốt từ một trăm đến hai trăm người, thậm chí nhiều hơn, vào mỗi ngôi đền; còn những đứa trẻ nhỏ, để chúng không trốn thoát, thì bị nhốt trên ghế dài, và quần áo của chúng bị đóng đinh chặt chẽ xung quanh bằng đinh. Sau khi bao bọc căn nhà bằng rơm và cành cây khô, họ sẽ châm lửa; rồi đứng canh gác xung quanh ngọn lửa để không ai trốn thoát khỏi lửa: còn ai trốn thoát được, họ sẽ đánh chết người đó, rồi lại ném vào lửa. Sau khi thiêu sống những người đó, họ lấy đồ đạc của họ làm của riêng.

Các tu viện và giáo phái khác:

Phái Serapion: xuất phát từ tu sĩ Serapion, một kẻ giảng dạy sai lầm, người đã dạy phải nhịn đói đến chết; ông ta đã tập hợp rất nhiều nữ tu về tu viện của mình và trở thành người đứng đầu của họ. Sau khi Serapion qua đời, anh trai ruột của ông là tu sĩ Simeon lên nắm quyền; ông ta đã dụ dỗ tất cả các nữ tu và những người lao động trong tu viện đó tự nguyện chịu tử đạo, rồi để khoảng năm mươi người chết đói trong các phòng giam, chỉ để lại một người duy nhất, người từng là nữ tu trưởng, rồi cùng cô ta đến Kazan và kết hôn với cô ta tại đó.

Phái Stefanov: xuất phát từ Stefan, một phó tế, người đã qua đời, nhưng học thuyết dị giáo của ông vẫn còn tồn tại. Theo giáo lý đó (cũng như trong phái Feodosievshchina, đã được đề cập trong phần đầu), họ gọi hôn nhân là "tội dâm dục", còn tự xưng là "những người trinh tiết"; nhưng họ lại sống chung với phụ nữ và phạm tội dâm dục, họ không coi đó là tội dâm dục mà coi là "tình yêu". Tuy nhiên, họ che giấu điều này trước những người theo đạo chính thống của chúng ta, như thể họ đang sống trong sự trinh tiết. Nhưng chính việc họ ở chung với vợ trong cùng một phòng tu đã vạch trần họ. Làm sao rơm lại có thể hòa hợp với lửa được? Còn những đứa trẻ sinh ra từ họ thì họ mang vào rừng xa xôi, và bỏ rơi chúng ở đó; và những đứa trẻ ấy trở thành thức ăn cho thú rừng, chim chóc hoặc chó. Đó là những gì tu sĩ Makari đã kể cho chúng tôi nghe; ông ấy gốc gác từ huyện Rostov, làng Zverintsa, và đã sống gần các tu viện Bryn giữa những kẻ ly giáo trong khoảng năm năm. Sau đó, ông quay trở lại với Chính Thống Giáo và được tu sĩ Pitirim cắt tóc xuất gia tại Tu viện Uspensky mới được xây dựng. Vào năm 1709, khi ông ở với chúng tôi tại Rostov, vào Tuần Thánh của Lễ Phục Sinh, ông đã kể cho chúng tôi nghe những điều mà chúng tôi đã trình bày ở đây.

Kozminshchina: họ cũng gọi hôn nhân là "tình dục bất chính", không bao giờ nhắc đến các thánh, các linh mục và các bí tích thánh trên mặt đất; và trong các lời cầu nguyện của họ, *họ không cầu xin Thiên Chúa cho nhà vua.* Tình trạng này cũng xảy ra tại các tu viện khác.

Tại tu viện nữ ở thành Rostov, có một nữ tu tên là Anfisa, đã cao tuổi, trước đây từng sống trong rừng Bryn, bà kể lại sự việc như sau: cách đây hơn hai mươi năm, tu sĩ Avrami đã dựng cho mình một tu viện nhỏ bên sông Kerzhenets. Vị tu sĩ Avrami này tự xưng là thầy giảng đạo ly giáo theo cách hiểu riêng của mình, lôi kéo nhiều người theo tà tín của mình, và tỏ ra sống đời tu hành khổ hạnh; những ai đến tu viện của ông đều bị ông làm lễ rửa tội lại. Ông còn tập hợp các nữ tu về với mình, sau khi làm lễ rửa tội lại cho họ thì cắt tóc họ; trong số đó có hai nữ tu xuất sắc nhất mà ông ta đã dụ dỗ về phía mình: Kilikia và Matrona. Với Kilikia, ông ta sống như với một người vợ thực sự, coi sự dâm dục là tình yêu cứu rỗi linh hồn; còn Matrona thì ông ta coi như con gái, và cùng với Kilikia đã sinh ra một đứa con trai. Sau một vài năm, Kilikia mắc bệnh nặng. Khi thấy nàng sắp chết, ông đã tự tay xưng tội cho nàng, ban Thánh Thể và cắt tóc cho nàng để trở thành nữ tu; nhưng chỉ sau vài ngày, nàng bắt đầu hồi phục sức khỏe và đứng dậy khỏi giường bệnh. Khi đã khỏe lại, bà lại muốn tái diễn mối quan hệ tình dục bất chính với ông như trước đây; nhưng ông không đồng ý, nói rằng không thể có quan hệ xác thịt với một nữ tu; và ông đã bắt đầu sống trong mối quan hệ bất chính với Matron, người con gái đã được hứa hôn. Kilikia, vì ghen tuông, tràn đầy cơn giận dữ và phẫn nộ, đã chạy trốn đến một tu viện khác, và thuê hai người đàn ông khỏe mạnh ở đó để cử đi giết Avramiy; họ đã đến và tấn công tu viện của ông. Còn Avramiy, khi nhận ra ý đồ xấu xa của họ, đã chạy trốn khỏi họ; một trong hai người đó đã ném giáo theo anh ta, trúng vào vai và làm anh ta bị thương; tuy nhiên, dù bị thương, anh ta vẫn cố gắng chạy trốn và thoát khỏi đó, còn họ thì đánh Matron đến mức suýt chết, rồi cướp lấy tài sản của họ và trở về nhà.

Sau đó, vị tu sĩ già Avrami cùng với Matrona đã được nhìn thấy tại thành Yaroslavl, nơi họ bí mật giảng dạy và lôi kéo những người dân chất phác theo tà tín của mình. Thật là một cuộc tu hành và hành động phi thường của vị thầy ly giáo đó!

Vào năm 7210 theo lịch thế gian, vào đầu thời gian tôi đến Rostov; từ các khu rừng Brynsky, một kẻ lang thang tên là Fedka hay Fedor, gốc Rostov, đã xuất hiện, cùng với hai nữ tu lừa dối. Người ấy đến tu viện nữ ở Rostov, bắt đầu xúi giục các nữ tu ở đây, nói rằng không thể được cứu rỗi ở thành phố này, và các chị sẽ không được cứu rỗi nếu không chạy trốn vào rừng Bryn và ẩn náu trong sa mạc. Trong khi nói vậy, hắn đưa cho họ những quả nam việt quất từ sa mạc Bryn làm lời chúc phúc, những quả mà hắn mang theo trong một cái rổ; những ai ăn quả nam việt quất đó đều ngay lập tức nảy sinh khao khát mãnh liệt muốn chạy trốn vào rừng Bryn; và các nữ tu sau đây đã chạy theo hắn: Euphrosyne và Mastrigia; cùng hai người khác theo sau họ. Còn Fedka thì đi khắp thành phố và huyện Rostov, quyến rũ nhiều phụ nữ và thiếu nữ; sau khi lấy của cải của họ, hắn dẫn họ vào rừng Bryn. Khi đến được am của mình, hắn đã lấy hết tài sản của họ, còn bản thân họ thì bị phân tán đến các am khác. Những điều này sau đó đã được Ni sư Natalia, người đứng đầu Tu viện Nữ tu Rostov, cùng các chị em khác kể lại cho chúng tôi.

Thực chất, những nơi ẩn dật hay nhóm người này không thuộc về phe có linh mục cũng không thuộc về phe không có linh mục; họ không có nghi thức rửa tội nào cả, và nhiều người trong số họ lớn lên mà không được rửa tội, kết hôn mà không có lễ cưới, sinh con đẻ cái, và hoàn toàn xa lạ với đạo Kitô. Đạo Kitô ở đó còn là gì nữa, khi mà ngay cả nghi thức rửa tội cũng không còn!

Vậy thì chúng ta sẽ nói gì về những người "Subbotnik", những kẻ ăn chay vào ngày Sabát theo kiểu Do Thái? Chẳng phải họ đã làm sống lại những tập tục Do Thái đó sao, vốn đã bùng phát tại Đại Novgorod, dưới triều đại của Đại công tước Ioann Vasilievich, dưới thời Tổng giám mục Novgorod Gennadius, vào thời của Thánh Joseph, vị tu viện trưởng Volokolamsk? Lúc bấy giờ, nhiều người thuộc hàng giáo sĩ lẫn thế tục, bị lôi cuốn bởi một số người Do Thái đã đến thành Novgorod vĩ đại, đã theo đạo Do Thái một cách bí mật mà không qua lễ cắt bì.

Ngoài ra, còn có một trào lưu mới được nghe nói đến, xuất phát từ trường phái Brynsky gần đây, được gọi là "Rogozhniki" hoặc "Rubishchniki", những người này đi lang thang khắp nơi trong bộ quần áo rách rưới và đan lát, tự xưng là thánh; các quy tắc của Giáo hội ra lệnh phải trục xuất những kẻ như vậy khỏi các thành phố. Kormchiya, trang 191 mặt sau, quy tắc 12.

Nhưng ai có thể đếm xuể những sáng kiến điên rồ của họ, những sự khác biệt trong tín ngưỡng tà ác của họ, những suy luận dị giáo, và những hành vi trái ngược với sự sùng đạo chân chính của Giáo hội Chúa Kitô? Còn tôi, ở đây, dựa trên các bằng chứng khác nhau, đã ghi lại những việc làm của họ, để trình bày dưới dạng một danh sách ngắn gọn nhằm thuận tiện cho việc phân tích.

Chương 19. Danh sách những việc ly giáo mà họ tự cho là tốt.

1) Đốt người.
2) Tự thiêu.
3) Trước khi thiêu sống, họ làm ô uế phụ nữ bằng hành vi dâm dục.
4) Cướp đoạt tài sản của những người đã bị thiêu sống.
5) Bỏ đói cho đến chết.
6) Vì lỗi lầm của họ, người kia phải sống trong tù.
7) Một thiếu nữ cho họ ăn nho khô phép thuật.
8) Họ giết chết đứa trẻ sơ sinh.
9) Dùng phép thuật để thu hút người khác về phía mình.
10) Họ gọi hôn nhân hợp pháp là ngoại tình.
11) Họ nói rằng ngoại tình chính là tình yêu của Chúa Kitô.
12) Họ biến một người đàn ông thành Chúa Kitô, và họ cúi lạy người đó như thể đó là Chúa Kitô.
13) Họ giả hình.
14) Avvakum, kẻ dị giáo bị nguyền rủa, lại được tôn kính như một vị thánh.
15) Họ làm lễ rửa tội lại và cắt tóc lại cho các tu sĩ.
16) Các linh mục được họ chấp nhận thì bị chuyển đi nơi khác.
17) Các linh mục của họ đọc kinh cầu nguyện để nhận tiền thù lao.
18) Những người không được thánh hiến, những người đàn ông bình thường, lại thực hiện các nghi thức của linh mục.
19) Họ cử hành lễ rước lễ giả mạo.
20) Họ không cầu nguyện cho Đức Chúa Trời là Vua.
21) Một số người khác thì hoàn toàn không có phép rửa tội.
22) Những người khác giữ ngày Sabát theo phong tục Do Thái.

Tất cả những việc làm này của họ có phải là điều tốt và đẹp lòng Chúa hay không, ai có lý trí sáng suốt hãy suy xét và xem xét.

Chương 20. Phân tích các hành vi ly giáo

Liệu việc thiêu sống một số lượng lớn người thuộc cả hai giới tính và những đứa trẻ vô tội, không làm điều gì sai trái, có phải là việc tốt không? Chẳng phải đó là hành vi giết người rõ ràng sao? Bởi vì, giống như việc giết ai đó bằng gậy hoặc vũ khí nào đó, việc ném họ vào lửa để thiêu sống cũng là hành vi giết người. Còn điều răn của Đức Chúa Trời phán: *"Chớ giết người"* ([675]*);* và luật pháp thành phố cũng xử tử những kẻ giết người; bởi vì chính Đức Chúa Trời đã phán với Nô-ê: *"Ai đổ máu người, thì máu người ấy cũng sẽ bị đổ* ra" ([676]). Và nếu giết một người đã là điều ác lớn lao, thì việc đưa nhiều người vô tội vào cái chết lại càng tàn nhẫn hơn gấp bội. Mauricius, vị vua Hy Lạp đạo đức, là người tốt và rất tốt, không giết ai cả, nhưng chỉ vì không chuộc lại những tù nhân từ Kagan, những người được bán với giá rẻ, nên ông bị kết tội về cái chết của họ: vì thế, theo sự phán xét công minh của Đức Chúa Trời, ngài đã bị giao cho Foke, kẻ hành hình, người trước tiên đã chém chết các con trai ngài ngay trước mặt ngài, rồi cũng chặt đầu chính ngài bằng gươm. Vậy thì các thủ lĩnh ly giáo, những kẻ đã thiêu rụi hàng ngàn người như thế, sẽ phải chịu sự phán xét nào đây? Trong Phần Mở Đầu, vào ngày 3 tháng Hai, có ghi chép rằng một tên cướp đã giết một đứa trẻ vô tội, sau đó ăn năn và trở thành tu sĩ; ông đã sống chín năm trong sự kiêng khem và lao động tu hành nghiêm ngặt, và không hề nghi ngờ về việc được tha thứ tội lỗi của mình, nhờ đặt niềm tin vào lòng thương xót của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, mỗi ngày khi ông đến nhà thờ, đứa trẻ mà ông đã giết lại hiện ra, nói: "Tại sao ngươi lại giết ta?" Và sau chín năm, ông cởi bỏ áo tu sĩ, trở lại đời sống thế tục, rồi đi đến thành phố Diospolis, dù biết rằng theo phán quyết của tòa án thành phố, ông sẽ bị tra tấn vì những tội lỗi của mình; và khi ở đó, ông đã phải chịu án tử hình với tư cách là một kẻ giết người. Vậy thì những kẻ ly giáo sẽ làm gì với hàng ngàn trẻ em vô tội, những đứa trẻ còn đang bú sữa, mà họ đã đẩy vào cái chết trong lửa? Họ sẽ trả lời thế nào trước mặt Đức Chúa Trời? Họ sẽ nói gì với những đứa trẻ bị họ thiêu sống ấy, khi những đứa trẻ đó kêu lên với họ tại tòa án

[675] Xuất Ê-díp-tô Ký 20:13.
[676] Sáng Thế Ký 9:6.

kinh hoàng của Đức Chúa Trời: "Tại sao các ngươi lại thiêu sống chúng ta?" Còn những kẻ ly giáo, hiện đang thiêu sống mọi lứa tuổi, nam lẫn nữ, lại tự cho rằng *mình đang dâng lễ cho Đức Chúa Trời*[677] , và dạy dỗ những người dân thường đừng sợ hãi, đừng nghi ngờ về sự cứu rỗi của mình, mà hãy dũng cảm lao vào lửa như Akiba vì Chúa Kitô, dù bản thân họ chẳng vì lý do gì cả. Và vị thầy ly giáo đã được nhắc đến trước đó của họ, Avvakum, dạy rằng: "Hỡi mọi tín hữu, đừng để ý đến những lời đó, đừng do dự, hãy dũng cảm bước vào lửa, và vì Chúa mà chịu khổ với niềm vui, như một chiến binh tốt lành của Chúa Giê-su Ki-tô, vì công lý, vì các sách thánh cổ xưa." Và một lần nữa, khi an ủi những người tự nguyện bị thiêu sống, ông nói: "Phúc cho những ai chọn điều này vì Chúa[678] ."

Nhưng hỡi Abakum, kẻ dạy dỗ sai lầm điên rồ, hay đúng hơn là kẻ hành hạ! Ngươi có giống như ma quỷ, kẻ giết người từ thuở ban đầu, kẻ vui mừng vì việc giết người, và nỗ lực để giết hại loài người chăng? Vì ngươi dạy dỗ và xúi giục con người tự đưa mình vào cái chết, để cả thân xác lẫn linh hồn đều bị hủy diệt. Ở đây, thân xác họ bị thiêu đốt, còn ở đó, linh hồn họ sẽ bị lửa địa ngục nuốt chửng. Còn ngươi, kẻ có tội trong cả hai cái chết của họ, ngươi sẽ trả lời thế nào trước Đấng Thẩm Phán Công Chính là Đức Chúa Trời về tất cả những người đã bị hủy diệt vì giáo lý và lời khuyên của ngươi?

Liệu có phải là việc tốt khi những ai nghe theo giáo lý và lời khuyên ly giáo, tự đưa mình vào cái chết trong lửa, tự thiêu cùng vợ con, và tự biến mình thành kẻ sát nhân? Đó chính là tự tay giết chính mình, dù bằng cách nào đi chăng nữa: bằng vũ khí, bằng cách siết cổ, bằng nước, hay bằng lửa; tất cả đều là tự sát, và nỗi đau khổ đó chẳng mang lại lợi ích gì, mà chỉ gây hại thêm; bởi vì dù họ có đổ máu mình ra để tự sát, thì máu đó cũng không mang lại sự cứu rỗi cho họ, mà là sự kết án; và sự tử đạo đó không dẫn đến vương miện, mà là hình phạt địa ngục tàn khốc nhất; vì tội tự sát là tội lớn, còn lớn hơn cả tội giết người. Tội giết người đã là tội lớn: nhưng tự sát lại còn lớn hơn cả tội đó. Chúng ta nghe Thánh Gioan Vàng Miệng, trong các bài giảng về Thư của Thánh Phaolô gởi cho các tín hữu ở Galát, nói về những người tự hủy hoại cuộc đời mình bằng cái chết bạo lực, bằng thòng lọng, hay bằng những hình thức chết chóc khác, và ngài phán như sau: Thiên Chúa trừng phạt những kẻ ấy còn nặng nề hơn cả những kẻ giết người, và tất cả chúng ta đều ghê tởm (tức là khinh bỉ những kẻ tự sát); và quả thật, nếu việc giết người khác đã là điều xấu, thì việc tự sát còn xấu xa hơn nhiều[679] . Và một lần nữa, chính vị Thánh này, trong bài giảng về Thư gửi tín hữu Phi-líp (, câu 13), đã phán: Hãy tự đóng đinh chính mình, ta nói, đừng tự giết chính mình: đừng làm thế; vì điều đó là bất chính[680] . Đến đây là lời của Thánh Gioan Vàng Miệng. Các ngươi hãy nghe lời của vị Thánh Giáo Phụ vĩ đại toàn cầu, Thánh Gioan Vàng Miệng, khi ngài bàn luận về những kẻ tự sát: rằng Đức Chúa Trời không thương xót những kẻ ấy sau khi họ qua đời. mà còn trừng phạt họ; và những kẻ ấy là ghê tởm trước mặt Thiên Chúa và loài người, và việc làm ấy không phải là đạo đức, mà là vô đạo. Còn vị thầy ly giáo Avvakum thì dạy các môn đệ của mình tự sát, và ca ngợi việc làm ấy, nói rằng: "Người này được Chúa chọn là hạnh phúc." Nhưng nên tin ai hơn: Đức Thượng phụ Zlatoust của Constantinople, hay Avvakum, kẻ ly giáo ở Moscow? Nên tin vị Thầy chân chính từ thuở xưa của toàn thể nhân loại, hay vị thầy giả dối ly giáo mới xuất hiện? Các ngươi hãy tự phán xét.

Hãy nhớ rằng, xưa kia các thánh nữ tử đạo đã tự ném mình vào lửa vì Chúa Kitô; nhưng khi họ bị những kẻ tra tấn bắt giữ, bị hành hạ vì Chúa Kitô và bị kết án thiêu sống, và khi đã bị dẫn đến nơi lửa, thì họ không chờ đợi bị ném vào mà tự mình nhảy vào lửa: và việc làm ấy của họ đã được Chúa khen ngợi. Còn những người ngày nay, ngoài bàn tay của những kẻ tra tấn ra, họ không tự mình dập lửa lên người, cũng không tự nhảy vào lửa, mà chỉ chờ đợi cho đến khi những kẻ ngoại đạo bắt giữ họ, bắt đầu tra tấn họ, và đốt lửa thiêu họ. Còn những "tử đạo" vô đạo ngày nay thì mang tính ly giáo; dù không có sự bắt bớ vì Chúa Kitô, cũng chẳng ai ép buộc họ từ chối Chúa Kitô, hay ai hành hạ họ vì Chúa Kitô; thế mà họ tự mình châm lửa lên mình, tự thiêu đốt bản thân, và tự cho rằng mình đang chịu khổ vì Chúa Kitô. Nhưng hy vọng của họ là hư không, sự trông cậy của họ là vô ích; vì họ không chịu khổ vì Chúa Kitô, mà vì sự cứng đầu của chính mình, và linh hồn họ không hướng về Chúa Kitô, mà hướng về ma quỷ: vì họ không phải là các vị tử đạo của Chúa Kitô, mà là của ma quỷ; bởi vì ma quỷ cũng có các vị tử đạo của riêng mình. Vậy ai là những vị tử đạo của ma quỷ? Đó là những người (như chúng ta nghe từ Thánh Giuse Vàng Miệng), những kẻ tự sát. Và vì những kẻ ly giáo đang bị thiêu đốt cũng tự sát; nên họ không phải là những vị tử đạo

---

[677] Giăng 16:2.
[678] Habacuc là kẻ dị giáo.
[679] Thư gửi tín hữu Ga-la-ti, chương 1, câu 4, trang 1469.
[680] Thư số 1993.

của Chúa Kitô, mà là của ma quỷ. Các quy tắc của các vị Thánh Tổ phụ cấm cử hành lễ tưởng niệm cho những người như vậy: vì quy tắc số 14 của Đức Thánh Timôthê, Tổng Giám mục Alexandria, có chép rằng: "Nếu ai tự sát, hoặc tự đâm, hoặc tự siết cổ, thì không được dâng lễ tế cho người ấy, trừ khi người ấy thực sự đã mất trí." Xem chi tiết về điều này trong cuốn "Kormchiy", trang 270 mặt sau. Bởi vì những môn đồ ly giáo, tự hủy hoại bản thân bằng lửa, không xứng đáng được tưởng niệm vì cái chết tai hại của họ, giống như những kẻ tự sát. Lễ vật sẽ không được dâng lên cho họ. Ký ức về họ sẽ chìm vào sự hủy diệt.

Liệu có phải là việc làm tốt khi, trước khi thiêu sống họ, lại dụ dỗ các phụ nữ, thiếu nữ và trẻ em sa vào tội dâm ô, như đã xảy ra tại Tyumen? Điều này được Đức Thượng phụ Ignatius, Tổng Giám mục Siberia, người được nhớ đến với lòng kính trọng, làm chứng trong bức thư thứ hai của ngài, như chúng ta đã ghi chép ở phần thứ ba phía trên. Nếu việc cám dỗ một đứa trẻ thôi đã là nỗi đau đớn tột cùng, như chính Chúa Kitô đã phán trong Phúc Âm: *"Ai làm cho một trong những kẻ bé mọn này, là những người tin vào Ta, vấp ngã, thì thà rằng người ấy bị treo một cối xay lúa* (viên đá cối xay) vào *cổ và bị ném xuống đáy biển sâu* còn hơn" ([681]). Huống chi là việc cám dỗ nhiều thiếu niên, thiếu nữ và phụ nữ, những người đã bị ô uế bởi sự dâm dục, bởi kẻ cám dỗ tàn ác ấy; không chỉ một người trong số họ sẽ bị treo một hòn đá cối xay nặng nề vào cổ, mà mỗi kẻ đã cám dỗ bao nhiêu người thì sẽ phải chịu bấy nhiêu; và họ sẽ chìm đắm trong vực thẳm lửa, tức là trong địa ngục. Vì những kẻ dụ dỗ ấy gây ra điều ác tột cùng: chúng hủy diệt cả linh hồn lẫn thân xác; linh hồn bằng tội lỗi, còn thân xác bằng lửa. Thật đáng sợ khi nghĩ đến hình phạt mà họ sẽ phải gánh chịu cho cả hai điều đó.

Liệu có phải là việc tốt khi cướp đoạt tài sản của những người đã bị thiêu sống? Chẳng phải chính vì mục đích đó mà họ dụ dỗ và thiêu sống người ta, để từ tài sản của họ mà trở nên giàu có sao? Và chẳng phải đó là hành vi cướp bóc trắng trợn, giết người bằng lửa chỉ vì tài sản sao? Và quả thực, hành vi cướp bóc tàn bạo này từ những kẻ ly giáo còn khủng khiếp hơn cả những gì bọn cướp đường thường làm. Bọn cướp, khi mai phục trên đường, chỉ muốn cướp đoạt tài sản; còn kẻ ly giáo thì tìm cách hủy diệt cả linh hồn. Bọn cướp dù có giết chết thân xác, nhưng không thể giết chết linh hồn; còn kẻ ly giáo thì giết chết cả linh hồn lẫn thân xác. Bởi vì khi lôi kéo con người vào tà thuyết hủy hoại linh hồn, thì thân xác sẽ bị ném vào lửa, còn linh hồn thì bị ném xuống địa ngục.

Liệu có phải là việc tốt khi nhốt những kẻ bị kết án trong những căn nhà kín mít hay trong những hầm sâu thẳm, rồi để họ chết đói, và trở thành nguyên nhân của sự tra tấn khủng khiếp và chưa từng có từ thuở xa xưa này, khi những người bị giam cầm, không chịu nổi cơn đói dữ dội, sẽ ăn thịt lẫn nhau khi còn sống, ai sẽ là người chiến thắng? Ở đâu trên cõi đời này lại có hình thức tra tấn như vậy? Và từ bao đời nay, ai đã nghĩ ra con đường như thế để làm đẹp lòng Chúa và cứu rỗi? Thật sự, con đường này không phải là con đường làm đẹp lòng Chúa, mà là con đường làm Chúa phẫn nộ; không phải là con đường cứu rỗi, mà là con đường diệt vong. Và những người khốn khổ ấy bắt đầu chịu cực hình ngay từ cuộc đời này, rồi mang theo nỗi đau đó xuống địa ngục vĩnh hằng. Ôi, sự sáng tạo vô thần và hình phạt vô nhân đạo!

Liệu có phải là việc tốt khi cho các thiếu nữ, thay vì rước lễ Kitô giáo chân chính, lại rước những thứ nho khô được tẩm bùa chú, như đã xảy ra ở các huyện Kineshma và Reshma, như chúng ta đã nói ở trên; những ai đã rước lễ phép thuật đó, sau khi mất trí, đã tự hủy hoại bản thân, có người bằng lửa, có người bằng nước, còn những người khác thì bằng cách siết cổ?

Liệu có phải là việc làm tốt khi mổ tim một đứa trẻ sơ sinh, phơi khô nó, nghiền thành bột, rồi trộn vào thức ăn và đồ uống của con người, rắc vào các giếng nước để mê hoặc mọi người, và dùng những phép thuật như vậy để lôi kéo mọi người theo quan điểm dị giáo của mình?

Liệu có phải là việc làm tốt khi coi cuộc hôn nhân hợp pháp, được cử hành theo nghi thức của Giáo hội, là ngoại tình hay không? Điều này có phải là trái với luật pháp của Đức Chúa Trời và luật pháp của thành phố hay không? Ngay cả ở những người không tin, luật hôn nhân vẫn được tuân thủ, nhưng ở những kẻ ly giáo, tự cho mình là người trung thành và thánh thiện, thì luật tự nhiên đó lại bị phá vỡ. Vậy thì làm sao họ có thể phớt lờ Lời Thánh Kinh, những lời chính Chúa Kitô đã phán trong Phúc Âm: *"Các ngươi không biết rằng Đấng đã tạo dựng loài người từ thuở ban đầu thành nam và nữ, chính Ta đã tạo dựng sao?* Và Người phán: *'Vì thế, người nam sẽ lìa cha mẹ mình mà gắn bó với vợ mình, và hai người sẽ trở thành một xác thịt.'" Vì thế, không còn là hai nữa, mà là một thân thể: vì Đức Chúa Trời đã kết hợp, nên con người chớ phân ly*[682] . Và ai trong số những người tin lành dám gọi

[681] Ma-thi-ơ 18:6; và Mác 9:42.
[682] Sáng Thế Ký 2:24; và Ma-thi-ơ 19:4, 5 và 6.

luật pháp của Đức Chúa Trời và luật pháp của bản tính do Đức Chúa Trời tạo dựng là sự ngoại tình, khi chính Sứ đồ cũng làm chứng về điều đó, rằng: *"Hôn nhân là điều đáng kính trong mọi người, và giường ngủ không bị ô uế"*[683] ?

Liệu việc ngoại tình – dù công khai hay bí mật – và gọi ngoại tình là "tình yêu của Chúa Kitô" có phải là điều tốt lành chăng? Chúa Kitô đã ra lệnh về tình yêu như vậy ở đâu? Và ai trong số các Tông đồ, các Tiên tri hay các Thánh Tổ phụ lại dạy phải sống trong ngoại tình? Chẳng phải tất cả đều cấm đoán lối sống dâm dục, trừng phạt một cách nghiêm khắc, và đôi khi còn xử tử bằng cái chết vì những hành vi dâm dục sao? *Chẳng phải trong Luật Mô-sê đã ra lệnh ném đá những kẻ dâm dục và ngoại tình sao*[684] . Còn vị Tông đồ thánh thì nói gì về những kẻ như vậy? *"Mọi kẻ gian dâm và ô uế sẽ không có phần trong Nước Đức Chúa Trời"* ([685]). Và một lần nữa: *"Đức Chúa Trời sẽ phán xét những kẻ gian dâm và ngoại tình"* ([686]). Chính Đức Kitô, Chúa chúng ta, Đấng tinh tuyền và vô tì vết, Đấng được sinh ra từ Đức Trinh Nữ tinh tuyền, và là nguồn mạch của mọi sự tinh tuyền, đã ghê tởm và coi sự dâm ô là điều đáng ghê tởm đến mức nào, điều này có thể thấy rõ qua đoạn Kinh Thánh trong Sách Khải Huyền: Đức Kitô, Chúa chúng ta, đã hiện ra với môn đệ yêu dấu của Ngài là Gioan, và phán cùng ông rằng: *Hãy viết cho thiên thần của Hội Thánh Pergamum; người này nói rằng: 'Ta có thanh gươm hai lưỡi: Ta sẽ trừng phạt ngươi vì ngươi đang giữ giáo lý của Balaam, kẻ đã dạy Balak đặt cạm bẫy trước mặt con cái Y-sơ-ra-ên, để họ ăn thịt hiến tế cho thần tượng và phạm tội tà dâm: Cũng vậy, ngươi đang giữ giáo lý của những người theo Ni-cô-la, mà Ta ghét. Hãy ăn năn: nếu không, Ta sẽ sớm đến và chiến đấu với họ bằng gươm từ miệng Ta*[687] . Đến đây là lời của Đấng Christ. Chúng ta hãy lắng nghe điều này; vì Chúa Kitô ghét giáo lý của phái Nicolaít, mà Ngài đã phán: "Ta ghét nó." Vậy giáo lý của phái Nicolaít là gì? Cũng giống như giáo lý của Balaam; vì xưa kia, Balaam đã dạy Balak dụ dỗ dân Y-sơ-ra-ên bằng những người phụ nữ dâm đãng: cũng vậy, Ni-cô-la, người An-ti-ô-ki-a, vào thời các Tông đồ, đã dạy người ta chung sống với nhiều vợ, và phạm tội dâm dục mà không sợ hãi hay kiềm chế, vì ông ta không coi đó là tội lỗi. Vì Chúa đã mài sắc thanh gươm của Ngài chống lại những kẻ như vậy, và đã công khai tuyên bố rằng Ngài ghét giáo lý của phái Nicolaít, tức là sự dâm dục, và muốn dùng thanh gươm từ miệng Ngài để chiến đấu chống lại những kẻ dâm dục. Nhưng những kẻ ly giáo đáng nguyền rủa ấy lại không ngần ngại gọi sự dâm dục là "tình yêu của Đấng Christ".

Họ nói: "Không phải ai cũng như vậy, không phải ai cũng phạm tội dâm dục, và không phải ai cũng bị quy tội dâm dục." Tôi đáp lại: Chúng tôi không nói về tất cả mọi người; vì chúng tôi tìm thấy trong các sách rằng: ngay cả trong số những người ngoại đạo, có nhiều người nam và nữ vẫn giữ được sự trong sạch và trinh tiết, dù họ thờ lạy thần tượng; thì ở Brynyany lại càng có nhiều người giữ được trinh tiết và sự trong sạch. Tuy nhiên, những gì chúng tôi nghe và thấy, thì chúng tôi nói ra. Vì chúng tôi thường nghe nói có những thiếu nữ và nữ tu chạy trốn khỏi giáo phận của chúng tôi đến đó; còn chúng tôi thấy họ trở về từ đó với bụng bầu, và còn bằng chứng nào rõ ràng hơn thế nữa?

Liệu có phải là việc tốt khi gọi một người nông dân bình thường là Chúa Kitô, tôn kính người ấy như Chúa Kitô, cầu nguyện với người ấy như cầu nguyện với Chúa Kitô, và tin vào người ấy? Chính Chúa Kitô chẳng phải đã tiên báo điều này trong Phúc Âm sao, khi Ngài phán: *"Khi ấy, nếu ai nói với các con:* 'Này*, Chúa Kitô ở đây,' hay 'ở kia,' thì đừng tin; vì những kẻ giả danh Kitô sẽ xuất hiện"?* [688]

Có phải là việc tốt khi giả hình, và tỏ ra là người thánh thiện, công chính và đáng kính không? Vì sự giả hình sẽ không mang lại sự cứu rỗi ngay cả cho người có đức hạnh. Huống chi là kẻ có tâm tư xảo trá dưới vỏ bọc thánh thiện, kẻ che giấu bản chất sói dưới lớp da cừu để lừa dối người khác, thì không phải là sự cứu rỗi mà là sự diệt vong đang chờ đợi, không chỉ cho chính kẻ đạo đức giả ấy, mà còn cho cả những người bị hắn lừa dối.

Liệu có phải là việc lành khi tôn vinh Avvakum, kẻ dị giáo bị nguyền rủa, người đã bị cắt bỏ khỏi Hội Thánh của Đấng Christ như một chi thể thối rữa, để thờ phượng hình tượng của hắn, cử hành lễ kỷ niệm cho hắn, coi các sách dị giáo của hắn như sách Chính Thống, và bám giữ những giáo lý độc hại của hắn?

Liệu có phải là việc tốt khi những người đã được rửa tội theo nghi thức Chính Thống Giáo lại bị rửa tội lại theo tín ngưỡng ly giáo? Các quy tắc Tông Đồ chẳng phải đã cấm điều này sao? Hãy xem trong cuốn "Kormchiya",

---

683 Hê-bơ-rơ 13:4.
684 Hê-bơ-rơ 13:4 và Giăng 8:5.
685 Ê-phê-sô 5:5.
686 Hê-bơ-rơ 13:4.
687 Khải Huyền 2:12, 14, 15 và 16.
688 Ma-thi-ơ 23:23 và 24.

trang 12 mặt sau, quy tắc 47: "Ai rửa tội lần thứ hai cho người đã được rửa tội bằng phép rửa chân chính, thì hãy bị trục xuất."[689] Còn Thánh Zlatoust thì nói gì? "Chúng ta đã chôn vùi chính mình cùng Ngài (Đức Kitô) trong phép rửa tội. Vì chẳng phải việc đóng đinh Đức Kitô lần thứ hai, cũng chẳng phải việc chúng ta chịu phép rửa tội lần thứ hai." Và ở đó Ngài còn nói: "Ai tự rửa tội cho mình lần thứ hai, thì lại đóng đinh Ngài một lần nữa."

Liệu có phải là việc tốt khi thay thế các linh mục, cắt tóc các tu sĩ, và để những người đàn ông bình thường chưa được thánh hiến dám thực hiện các chức vụ của linh mục, làm phép rửa tội và xưng tội? Làm sao một người bình thường, không được trao quyền linh mục, có thể tha tội cho người khác?

Chẳng phải điều đó đáng cười sao, khi một linh mục đọc lời cầu nguyện qua một tấm vải, rồi gửi đến những người vừa sinh con hoặc người đã chết, để vỗ nhẹ tấm vải đó lên mặt họ? Lời cầu nguyện đó có ý nghĩa gì chăng?

Liệu có phải là việc tốt khi những người đàn ông bình thường, chưa được thánh hiến, lại thực hiện việc rước lễ một cách mập mờ, và thay vì Thân Thể Thật của Chúa Kitô, họ lại cho người ta rước lễ bằng một nghi thức rỗng tuếch và giả dối? Còn nếu có một linh mục nào đó, trong số những người đã gia nhập nhóm họ, cử hành Thánh lễ với bảy miếng bánh thánh trong một nhà thờ trống rỗng theo Sách Phụng vụ Cổ: thì việc phụng vụ của người đó ra sao, khi người ấy đã ly khai khỏi Giáo hội Chính thống, đã tự mình nguyền rủa sự thánh hiến linh mục của mình, đã từ chối cả vị giám mục đã thánh hiến mình lẫn mọi thánh vật, và lại nhận lấy quyền hành của việc cử hành thánh lễ từ những người bình thường chưa được thánh hiến? Sự hiện diện của Thánh Thần ở đó ra sao, khi Thánh Thần đã bị xúc phạm?

Có phải là việc tốt khi không cầu nguyện cho Đức Chúa Trời là Vua, Đấng cai trị vương quốc này, và coi thường danh Ngài trong lời cầu nguyện như thể đó là điều dị giáo? Kinh Thánh thánh thiêng còn ra lệnh phải cầu nguyện cho cả những vị vua ngoại đạo nữa. Như vậy, vị tiên tri thánh Baruch đã viết cho dân Giu-đa của mình khi họ đang bị lưu đày tại Ba-by-lôn: "Hãy cầu nguyện cho sự sống của vua Na-bu-cô-đô-nô-xơ của Ba-by-lôn, và cho sự sống của Ba-l-ta-sa-rơ, con trai ngài, để những ngày của họ trên đất được như những ngày trên trời, để chúng ta được sống dưới bóng che chở của Na-bu-cô-đô-nô-xơ, và dưới bóng che chở của Ba-l-ta-sa-rơ, con trai ngài." Nabuchodonosor là ai? Và Balthasar là ai? Chẳng phải họ là những kẻ thờ thần tượng và gian ác sao? Thế mà vị Tiên tri lại truyền dạy chúng ta cầu nguyện cho họ. Cũng vậy, Thánh Tông đồ Phaolô khi dạy chúng ta cầu nguyện *cho vua và cho tất cả những ai đang nắm quyền lực*[690] : vào thời đó, ai là vua? Chẳng phải là Nê-rôn, kẻ vô đạo và thờ thần tượng, kẻ bách hại dữ dội Hội Thánh của Đức Kitô và kẻ hành hạ tàn nhẫn những người trung thành sao? Thế mà Thánh Tông đồ lại truyền dạy chúng ta cầu nguyện cho ông ta. Còn những người Brynyane, dù không phải ở tất cả, nhưng ở nhiều tu viện của họ, lại loại bỏ vị vua Kitô hữu chính thống khỏi những lời cầu nguyện của mình. Chẳng lẽ những lời cầu nguyện của họ, phát ra từ những đôi môi không chính thống, lại không xứng đáng để tên của vị vua Kitô hữu chính thống được nhắc đến trong đó sao? Hãy lắng nghe Thánh Zlatoust dạy như thế nào: Hãy noi gương Thiên Chúa: nếu Ngài muốn cứu rỗi tất cả mọi người, thì chúng ta cũng phải cầu nguyện cho tất cả mọi người; nếu tất cả mọi người đều mong muốn được cứu rỗi, thì chính anh cũng hãy mong muốn điều đó; và nếu anh thực sự mong muốn, hãy cầu nguyện: điều này làm đẹp lòng Thiên Chúa, và vì chúng ta trở nên giống Ngài qua điều này, nên chúng ta cũng phải mong muốn điều Ngài mong muốn[691] . Đừng sợ khi cầu nguyện cho người Hy Lạp, vì Ngài cũng muốn điều đó; chỉ cần đừng cầu nguyện cho họ vì lý do đó, vì Ngài không muốn điều đó. Còn nếu có nên cầu nguyện cho người Hy Lạp hay không; thì rõ ràng là cũng nên cầu nguyện cho những kẻ dị giáo (nên cầu nguyện); vì chúng ta nên cầu nguyện cho tất cả mọi người, chứ không phải xua đuổi họ. Đến đây là lời của Thánh Xê-đô-ni-ô. Chúng ta cầu nguyện cho những người ngoại đạo, để Chúa soi sáng họ bằng ánh sáng của đức tin thánh thiện; chúng ta cầu nguyện cho những kẻ dị giáo đã lìa bỏ Giáo hội, để Chúa dẫn dắt họ trở lại Giáo hội Thánh của Ngài. Còn những người Brynyan thì không muốn cầu nguyện cho những người chính thống.

Liệu có phải là điều tốt khi tự xưng là Kitô hữu, nhưng lại không có phép Rửa tội đích thực theo nghi thức của Giáo hội, mà lại được rửa tội một cách vô cớ bởi những người đàn ông hay phụ nữ bình thường chưa được thánh hiến, hoặc thậm chí không có phép Rửa tội nào cả? Bởi vì bản chất của những người này, như đã nói trước đó, là họ đã trưởng thành và sinh con đẻ cái, nhưng lại không có phép rửa tội.

---

[689] Bài giảng về Hê-bơ-rơ chương 6, bài 9, trang 2857.

[690] 1 Ti-mô-thê 2:2.

[691] Bài giảng về 1 Ti-mô-thê 2, bài 7, trang 2423.

Có phải là điều tốt khi khôi phục việc giữ ngày Sabát theo Cựu Ước của người Do Thái, như có tin đồn về điều này trong số họ? Các vị Thánh Cha có cấm điều này không? Hãy xem trong cuốn "Kormchiya", trang 14, điều 53; trang 18, điều 64; và trang 59, điều 17.

Người Brynya nói: "Không phải tất cả các tu viện và giáo phái đều thực hiện những việc như vậy." Tôi trả lời: "Dù không phải tất cả đều làm cùng một việc, nhưng mỗi tu viện hay giáo phái đều thực hiện một số việc riêng biệt trái với Giáo hội Chính thống, như đã được chỉ ra trước đây." Tất cả đều đồng lòng và nhất trí ly giáo, và phỉ báng Giáo hội của Đấng Christ bằng những lời phỉ báng vô đạo, tất cả đều bị sa vào lưới của ma quỷ theo ý muốn ma quỷ của hắn, và tất cả đều thực hiện ý muốn của ma quỷ.[692] Vì họ đồng thuận với nhau trong sự chia rẽ và những lời phỉ báng chống lại Hội Thánh của Đức Chúa Trời theo ý muốn của ma quỷ, nên họ là những kẻ hứa hẹn những việc xấu xa cho nhau, theo phán quyết của các Sứ đồ: *"Ai phạm tội trong một người thì tất cả đều phải chịu trách nhiệm*."[693]

Chương 21. Mọi việc lành làm tan rã Hội Thánh đều là điều ác

Tuy nhiên, ngay cả trong các giáo phái ly khai, cũng có những việc làm được coi là tốt (theo quan điểm của con người), chẳng hạn như việc ăn chay nhiều lần, cầu nguyện liên tục và những việc tương tự khác; thì tất cả những điều đó trong họ đều là xấu, bởi vì chúng được thực hiện trong sự ly giáo, từ những kẻ đang xé nát Hội Thánh của Đấng Christ; và vì sự chia rẽ này, Đấng Christ – Đầu của Hội Thánh – đã bị phẫn nộ đến tột cùng. Điều gì lại khiến Chúa Kitô, Chúa của chúng ta, phẫn nộ đến thế, nếu không phải là sự ly giáo, chống lại Hội Thánh Thánh của Ngài, đã được cứu chuộc bằng chính Máu thánh của Ngài; và gây ra sự chia rẽ trong các tín hữu, giống như Arius đã xé rách áo của Chúa Kitô, hay thậm chí là chính Thân Thể của Chúa Kitô, tức là Hội Thánh của Ngài, bằng cách cắt đứt sự hiệp nhất? Hãy nghe lời vị Thánh Giáo Phụ vĩ đại Gioan Vàng Miệng phán: "Không có gì làm Đức Chúa Trời phẫn nộ bằng việc Giáo Hội bị chia rẽ; dù chúng ta có làm bao nhiêu việc lành đi chăng nữa, nếu chúng ta là những kẻ cắt đứt Thân Thể Ngài, thì chúng ta sẽ phải chịu hình phạt không kém gì những kẻ cắt đứt sự hiệp nhất của Giáo Hội[694] ." Hãy lắng nghe lời của Thánh Gioan Vàng Miệng: "Dù ai có làm được vô số việc lành đi chăng nữa, nhưng nếu người ấy làm gián đoạn sự hiệp nhất của Giáo hội bằng những mâu thuẫn và chia rẽ, thì người ấy sẽ không được cứu rỗi, mà sẽ bị hủy diệt; bởi vì điều đó làm phật lòng Chúa Kitô không khác gì việc ai đó cắt đứt Thân Thể của Ngài." Và vị Thầy toàn cầu này còn dẫn chứng một lời khác của mình, nhằm răn đe những kẻ gây ra sự chia rẽ, bằng cách trích dẫn vị Thánh Tử đạo vô danh Cyprian, Giám mục Carthage[695] , một trong những vị Thầy cổ xưa nhất của Giáo hội, vì Cyprian đã sống trước Thánh Gioan Kim Khẩu hơn một trăm năm. Thánh Cyprian thành Carthage đã chịu tử đạo vào mùa hè năm 261 sau khi Chúa Giêsu Kitô giáng sinh; còn Thánh Vàng Miệng thì được Tổng Giám mục Meletius tại Antioch phong làm phó tế vào mùa hè năm 382; chính vì thế, khi trích dẫn lời của Thánh Cyprian mà không nêu tên, Thánh Vàng Miệng đã nói: "Một vị thánh nào đó đã nói, điều này có vẻ táo bạo, nhưng lại rất đúng." Điều này là gì? Ngay cả máu của các vị tử đạo cũng không thể xóa bỏ tội lỗi này; ngài nói: "Hãy nói cho ta biết, vì lý do gì ngươi lại trở thành vị tử đạo? Chẳng phải là vì vinh quang của Đấng Christ sao? Ngươi hiến dâng linh hồn mình vì Đấng Christ, như thể ngươi đã phá hủy Hội Thánh, mà chính vì Hội Thánh ấy mà Đấng Christ đã hiến dâng linh hồn Ngài?" Hãy nghe Phaolô nói: *"Tôi không xứng đáng được gọi là Tông đồ, vì tôi đã bách hại Hội Thánh của Thiên Chúa* và phá hủy nó"[696] . Đến đây là lời của Thánh Giuse Kim Khẩu. Các ngươi hãy nghe hai vị Thánh Giáo Phụ của Hội Thánh, Thánh Cyprian và Thánh Giuse Kim Khẩu; những vị đã khẳng định rằng: máu của các vị tử đạo không thể rửa sạch tội ly giáo, vốn là việc xé nát Hội Thánh Thánh. Trong tất cả những điều xấu xa, việc ly giáo là điều xấu xa nhất và độc ác nhất; chính sự chia rẽ mà họ gây ra cho Hội Thánh của Chúa Kitô là điều tồi tệ nhất, và qua đó, ngay cả những việc lành của họ (nếu có) cũng bị hủy diệt. Và ở đây cũng không thể bỏ qua lời dạy của Thánh Cyril thành Alexandria về những kẻ ly giáo, được ghi chép trong bài giảng về sự ra đi của linh hồn, như sau: "Những ai tự tách mình khỏi Giáo hội và Thánh Thể, thì trở thành kẻ thù của Thiên Chúa và bạn của ma quỷ"[697] .

---

[692] 2 Ti-mô-thê 2:26.
[693] Gia-cơ 2:10.
[694] Trong Thư gửi Ê-phê-sô, chương 4, đoạn 11, trang 1692.
[695] Ngày 31 tháng 8.
[696] 1 Cô-rinh-tô 15:9.
[697] Cyril của Alexandria, trong bài giảng về sự ra đi của linh hồn, thư số 495.

Chương 22. Thông báo rõ ràng về các hành vi ly giáo, vì chúng không phù hợp với ý Chúa

Chúng tôi đã nghe nói trước đây rằng Đức Tổng Giám mục Ignatius của Siberia, người được tưởng nhớ với lòng kính trọng, trong bức thư thứ ba gửi đến Giáo phận Siberia của ngài, đã viết rằng tại khu vực Nizhny Novgorod, trong các làng thuộc cung điện, người của Knyaginin và Murashkin, khi cùng vợ con bị thiêu sống trong kho thóc và chuồng gia súc, người ta đã nhìn thấy hai người da đen Ethiopia, bay lượn trong làn khói trên ngọn lửa, vỗ tay vui mừng và hô to: *"Họ là của chúng ta, họ là của chúng ta!"*

Và khi ở Tyumen, rất nhiều người bị thiêu cháy trong rừng, suốt cả đêm tại nơi đó người ta nghe thấy những tiếng khóc than: *"Ôi, họ đã chết rồi! Ôi, họ đã chết rồi!"* Mùi hôi thối nồng nặc từ nơi đó lan tỏa trong một thời gian dài. Điều tương tự cũng xảy ra tại huyện Tomsk, như đã được đề cập trước đó. Điều tương tự cũng xảy ra tại huyện Ustyuzh, trong xã Cherepovsk, như người địa phương tên Maksim Danilov đã kể lại một cách xác thực, như chúng tôi đã ghi chép ở trên.

Ta có thể hiểu rõ sự bất mãn của Đức Chúa Trời đối với các tà giáo ly giáo qua cái chết của linh mục Nikita, kẻ đã bị tước chức, người đã từng ăn năn về tà giáo của mình, nhưng lại quay trở lại với nó, như con lợn quay trở lại vũng bùn; về điều này, Đức Tổng Giám mục Ignatius đã đề cập gần cuối bức thư thứ ba của ngài, rằng vào năm 7190, trong thời gian xảy ra hỗn loạn tại Moscow do các xạ thủ nổi loạn gây ra, Nikita cùng các đồng bọn của mình, lợi dụng thời cơ, và với sự tiếp tay của những kẻ phản loạn đang gây rối thành phố hoàng gia, đã định cư tại khu định cư của lính bắn cung, nằm bên kia sông Yauza, thuộc trung đoàn của Semyon Titov; và từ đó, khi bước ra Quảng trường Đỏ, hắn đã hét lên bằng tiếng la lớn, với sự táo bạo tột độ, nói với dân chúng rằng: "Hỡi dân chúng Chính thống giáo, hãy đứng lên vì đức tin chân chính; vì hiện nay không còn Giáo hội chân chính nào trên đất này, dù ở Nga hay ở Hy Lạp; chỉ có chúng ta vẫn giữ vững đức tin Kitô giáo Chính thống, và làm phép rửa tội, như Thánh Theodoret đã viết, bằng hai ngón tay, tượng trưng cho Thần tính và Nhân tính của Con Thiên Chúa: còn ai làm phép rửa tội bằng ba ngón tay, người đó sẽ phải chịu cực hình vĩnh viễn cùng với Antichrist, vì đó chính là dấu ấn của Antichrist, Kẻ đáng nguyền rủa đó đã nói những lời tục tĩu như vậy, dạy dỗ dân chúng không được vào các nhà thờ hiện nay, và không được nhận bất kỳ vật thánh nào từ Giáo hội. Hắn còn yêu cầu rằng Đức Thượng phụ cùng tất cả các nhà lãnh đạo tôn giáo phải ra đến Quảng trường Lobnoye, và tại đó sẽ diễn ra cuộc tranh luận về đức tin. Cũng vào ngày 5 tháng Bảy, tên dị giáo bị nguyền rủa Nikita cùng những kẻ đồng lõa của hắn, đã ngang nhiên đến các cung điện hoàng gia, táo tợn yêu cầu được tranh luận về đức tin với Đức Thượng phụ và các giám mục. Họ đã dựng các mô hình so sánh gần Nhà thờ Thánh Tổng lãnh thiên thần, đặt các bức tượng thánh mang theo, rồi tự mình đứng trên các bục, la hét phỉ báng Giáo hội, và dạy dân chúng làm dấu thánh giá trên người (theo kiểu Armenia) bằng hai ngón tay, chứ không phải theo hình ảnh của Chúa Ba Ngôi, tức là ba ngón tay. Đức Thượng phụ Gioakim đã sai hai linh mục từ Nhà thờ Chính tòa lớn đến gặp họ, khuyên nhủ Nikita và những người đi cùng ông ta hãy chấm dứt hành động xấu xa đó. Nhưng họ đã xông vào đánh đập hai linh mục đó một cách tàn bạo, đến nỗi các linh mục ấy chỉ vừa kịp thoát khỏi tay những kẻ hành hung. Thấy những lời đồn đại dị giáo và sự nổi loạn ngày càng gia tăng, Đức Thượng phụ đã yêu cầu sự bảo vệ của hoàng gia dành cho Nhà thờ Thánh. Các vị hoàng đế sáng suốt, Ioann Alexeyevich và Peter Alexeyevich đã ra lệnh tổ chức hội đồng tại điện hoàng gia lộng lẫy của họ, nơi mà hội đồng này được chủ tọa bởi hoàng thái hậu, hoàng hậu đức hạnh Natalia Kirillovna, cùng với dì hoàng gia, công chúa cao quý Tatiana Mikhailovna, và các chị em hoàng gia, các công chúa cao quý Sofia và Maria Alexeyevna; ngồi bên cạnh họ là Đức Thượng phụ Thánh nhất Ioakim cùng các giám mục. Khi Nikita, kẻ giả danh thánh, bước vào cùng những kẻ đồng lõa, hắn đã dâng lên một cuộn giấy, trong đó ghi chép tất cả những suy luận điên rồ của hắn. cùng mọi lời phỉ báng nhằm vào Giáo hội Thánh, và bản thỉnh nguyện, qua đó hắn xin các vị hoàng đế sáng ngời ban phán quyết công bằng trong việc cải cách Giáo hội. Sau khi hắn đã hùng hồn diễn thuyết dựa trên các sách thánh, Nikita, sau khi bị vạch trần và sỉ nhục vì tất cả những tư tưởng dị giáo độc ác của mình, đã liều lĩnh lao vào Đức Tổng Giám mục Afanasy của Kholmogory – người đã ngăn cản ông – và đấm vào ngực ngài. Vì sự liều lĩnh và vô lễ đó, ngay lập tức theo lệnh của các vị vua, Nikita cùng những kẻ đi theo ông đã bị trục xuất khỏi cung điện hoàng gia. Họ đi qua thành phố đến Quảng trường Lobnoye; họ la hét bằng giọng lớn như bầy sói: "Chúng ta đã thắng, chúng ta đã thắng!" Bởi vì tại Công đồng, không ai có thể nói được điều gì chống lại chúng ta. Khi họ lên đến Lobnoe Mesto và tiếp tục hô hào trước dân chúng, chính Đức Chúa Trời, không thể chịu đựng được sự phỉ báng của bọn chúng đối với Hội Thánh của Ngài, đã vạch trần tư tưởng dị giáo của chúng bằng một hình phạt bất ngờ: một linh hồn ác quỷ đã đánh trúng Nikita, kẻ cầm đầu dị giáo vô thần, và ngay lập tức Nikita ngã

xuống đất, cứng đờ và điên loạn. Lúc bấy giờ, tất cả mọi người, khi chứng kiến sự trừng phạt của Đức Chúa Trời giáng xuống trên hắn, đều nhận ra rằng Nikita chính là một kẻ dị giáo rõ ràng, kẻ phỉ báng Giáo hội Thánh và kẻ thù của Đức Chúa Trời; và vào buổi sáng hôm sau, khi lòng nhiệt thành đã tràn ngập khắp các trung đoàn bộ binh, họ bắt tên dị giáo bị nguyền rủa đó – những kẻ trước đây từng là đồng phạm của hắn – trói lại và đưa đến tòa án dân sự; theo lệnh của hoàng đế, Nikita đã bị xử tử vì tội dị giáo và gây rối dân chúng.

Từ đó, chúng ta có thể thấy rõ sự bất mãn của Đức Chúa Trời đối với những mưu đồ ly giáo độc ác; vì Nikita, kẻ dị giáo đã công khai phỉ báng Giáo hội của Đức Chúa Trời, đã bị giao nộp rõ ràng cho quyền lực của Satan trước mặt toàn thể dân chúng Moscow. Và sự điên loạn của Nikita đã trở thành bằng chứng rõ ràng về sự mê tín dị đoan của hắn, cũng như của tất cả những kẻ đồng lõa với hắn.

Ngoài tất cả những điều đó, tu sĩ Pakhomii, người mà chúng ta đã nhắc đến trong phần đầu của cuốn sách này, khi còn nhỏ đã bị đưa từ huyện Poshekhonsky vào những khu rừng đó, lớn lên ở đó, và đã hai lần bị những kẻ ly giáo làm lễ rửa tội lại sau khi đã được rửa tội đúng đắn tại đây: lần đầu tiên họ làm lễ rửa tội lại cho ông theo một giáo phái được gọi là "Bespopovshchina"; lần thứ hai theo một nghi thức khác, được gọi là "Phong trào có linh mục", tên thế tục của ông là Panka, tức là Panteleimon. Sau khi quay về với Giáo hội thánh thiện, ông đã được tu sĩ trưởng Pitirim, người đã được nhắc đến trước đó, cắt tóc và thụ phong làm tu sĩ: tu sĩ Pakhomii chính là người đã cung cấp cho chúng tôi thông tin này, mà chúng tôi biết là chính xác, vì vào thời điểm đó, ông đang ở giữa những kẻ ly giáo.

Tại làng Anufriyevsk có một tu viện dành cho các nữ tu do bà Elena đứng đầu, trong đó có hơn một trăm nữ tu. Có một sự việc như sau xảy ra với họ: cách đây khoảng năm năm, một bà lão qua đời và thi thể nằm đó chưa được chôn cất trong hai ngày, vì họ đang chờ vị thầy và người hướng dẫn của mình là Anufrius, nhưng ông ấy lúc đó đang vắng mặt. Và ngay trước khi Thầy Anufri đến để tiến hành lễ an táng cho người đã khuất, bà lão ấy bỗng sống lại và ngồi dậy ngay tại chỗ bà nằm; rồi bà bắt đầu gọi người đứng đầu tu viện, nói: "Mẹ ơi! Hãy đến với con." Tất cả những người có mặt ở đó đều kinh hãi. Nữ tu trưởng bước đến gần bà, người vừa sống lại, bà ra lệnh tập hợp tất cả các nữ tu lại, và nói với tất cả những ai đến gần bà rằng: "Nếu chúng ta đều theo giáo lý của Anuphrius, thì chúng ta sẽ không được vào thiên đàng, mà sẽ phải chịu cực hình." Nói xong, bà lập tức nằm xuống và lại qua đời. Lúc đó, tất cả các nữ tu đều kinh hoàng tột độ, và nhiều người bắt đầu bàn bạc với nhau rằng nên rời khỏi nơi đó và trở về với Giáo hội thánh thiện. Trong lúc đó, Anufri đến, khi biết được phép lạ vừa xảy ra, liền bắt đầu thuyết phục họ, nói rằng: "Đó là do Satan tác động, và những gì các chị thấy chỉ là ảo giác, chứ không phải sự thật."

Ivan Vasilyevich, người theo phái Bespopovshchina, sống tại Yazvitsy (nơi này còn được gọi là Pochinok hoặc làng đó), là chủ điền của gia tộc Sheremetev, đã qua đời cách đây khoảng bốn năm, và thi thể ông được đặt ra để tắm rửa và trang điểm. Mẹ anh ta đang ngồi bên thi thể con trai mình và khóc lóc, thì người chết bỗng sống lại, bắt đầu la lên: "Tôi đang chìm, tôi đang chìm." Người mẹ hoảng sợ, liền chạy trốn khỏi anh ta. Anh ta bỗng tỉnh lại, bắt đầu gọi mẹ mình trong nước mắt. Người mẹ cùng những người đang có mặt trong nhà thờ liền đến bên anh ta, và người vừa sống lại bắt đầu kể lại nơi linh hồn mình đã đến và những gì đã thấy. "Có mấy người Ethiopia đến trói tôi lại, rồi ném tôi xuống một đầm lầy rộng lớn." Sau đó, có một người đàn ông đẹp đẽ đến, bế tôi lên và dẫn tôi đi qua những nơi đáng sợ đầy lửa, rồi chỉ cho tôi thấy tất cả các tu viện và những linh hồn đang bị hành hạ trong địa ngục, bị thiêu đốt bởi ngọn lửa dữ dội; đó là những người mà trước đây tôi từng biết khi họ còn sống, nhưng giờ họ đã qua đời – các vị thầy của các tu viện khác nhau và những người bình thường – tôi đã thấy tất cả họ trong ngọn lửa. Tôi cũng thấy (người ấy nói) một cánh đồng tối tăm, nơi người ta nói với tôi rằng đó là nơi dành cho linh hồn những kẻ vô tín, những người chưa từng biết đến Đức Chúa Trời và chưa từng nghe về giáo lý Kitô giáo. Linh hồn của những người ấy ở trong bóng tối, nhưng không ở trong lửa. Người dẫn đường liền hỏi tôi: "Ngươi có ăn năn không, có bắt đầu đi nhà thờ không, và có đi khắp các tu viện để kể lại những điều ngươi thấy ở đây không? Nếu không, ta sẽ ném ngươi vào lửa cùng với những suy nghĩ của ngươi." Tôi liền hứa sẽ ăn năn và làm theo mọi điều được truyền dạy. Người đàn ông ấy sau khi đưa tôi ra khỏi những nơi đáng sợ đó, đã dẫn tôi đến một vũng bùn và ném tôi xuống đó. Tôi liền kêu lên: "Tôi đang chìm, tôi đang chìm," nhưng rồi tôi lại thấy mình còn sống. Ivan, người đã sống lại từ cõi chết, đã kể lại chuyện này cho mẹ mình và những người có mặt ở đó lúc bấy giờ. Anh ta đi khắp các tu viện, kể lại câu chuyện về bản thân mình: rằng anh đã chết như thế nào, đã bị dẫn đi chịu những cực hình ra sao, đã thấy những gì, và đã được hồi sinh trở lại như thế nào. Nhưng họ không tin lời anh ta, thậm chí còn chế giễu và mắng chửi anh ta. Sau đó, anh ta cùng mẹ rời khỏi đó đến một thành phố nào đó (Pakhomius không nhớ

tên thành phố đó), và sau khi sống một thời gian ngắn giữa những người Chính Thống, anh ta đã qua đời trong sự sùng đạo.

Từ những tin tức chân thực như vậy, ai nấy đều có thể tin chắc rằng những việc làm của những kẻ ly giáo là điều không đẹp lòng Đức Chúa Trời, và họ không được cứu rỗi, mà xứng đáng phải chịu hình phạt.

Hãy để tất cả những ai đang bỏ Giáo hội của Đức Kitô, cùng các mục tử và thầy dạy chân chính của Giáo hội, để theo chân các thầy dạy giả mạo ly giáo, hãy nghe và nhìn xem: họ đang nghe ai, tin ai, và theo ai: những kẻ giết người, những kẻ hủy diệt linh hồn, những thầy bói, những phù thủy, những kẻ dị giáo, những kẻ đạo đức giả, những kẻ dâm dục, những kẻ vô luật pháp, những kẻ bội đạo khỏi đức tin thánh thiện, những kẻ phỉ báng những thánh vật cao quý nhất của Đức Chúa Trời, những kẻ từ chối ân sủng của Đức Thánh Linh; chính bởi họ mà con đường chân lý bị phỉ báng, những kẻ làm ô uế Chúa Kitô, Chúa chúng ta, trong các mầu nhiệm thánh khiết của Ngài, những kẻ khiến danh xưng Kitô hữu bị nhục mạ, những kẻ mà ma quỷ hân hoan vì sự hủy diệt của họ, những linh hồn của họ sau khi chết sẽ bị lửa địa ngục thiêu đốt. Những ai theo chân họ thì có thể trông đợi và hy vọng vào sự cứu rỗi nào cho chính mình? Chẳng phải chính sự hủy diệt đó, mà những kẻ dẫn đầu họ đang phải chịu sao?

Này, hỡi những người tín hữu yêu dấu, những con chiên chân chính trong đàn chiên của Đấng Christ, và những con cái chân thành của Hội Thánh thánh thiện của Ngài! Chúng ta đã phân tích bằng lý trí sáng suốt và quả thứ ba từ vườn Bryn, tức là những việc làm của họ, và đã điều tra kỹ lưỡng:

Về những việc làm mà họ tự cho là tốt lành,

Và về những kẻ xấu xa, những kẻ mà họ tán thành.

Và chúng ta đã tìm thấy trong quả đó, giống như trong quả táo đỏ rực của Sodom, không phải vị ngọt, mà là bụi bẩn và tro tàn hôi thối; chúng ta đã nhận ra rằng:

Những việc làm tốt của họ không đẹp lòng Chúa; vì chúng được thực hiện một cách giả dối. Còn nếu có việc nào trong số đó được thực hiện không giả dối, thì việc đó cũng không đẹp lòng Chúa, cũng không xứng đáng mang lại sự cứu rỗi cho họ: vì chúng được thực hiện bên ngoài Giáo hội Chính thống Công giáo, mà không có Giáo hội này thì không ai có thể được cứu rỗi.

Còn những việc xấu xa của họ, rõ ràng là chống lại Giáo hội Thánh, thì ai có thể chấp nhận được? Chẳng qua chỉ có kẻ thích gọi bóng tối là ánh sáng, đêm là ngày, bùn là vàng, lửa là nước, tro là tuyết, và mật đắng là mật ong: kẻ ấy sẽ gọi điều ác là điều thiện. Nhưng khốn cho kẻ như vậy, như tiên tri Ê-sai đã kêu lên: *"Khốn cho những kẻ gọi* điều ác là điều thiện, và điều thiện là điều ác; *những kẻ coi bóng tối là ánh sáng, và ánh sáng là bóng tối; những kẻ coi đắng là ngọt, và ngọt là đắng*[698] ."

Chương 23. Phần kết của cuốn sách, và lời khuyên nhủ dành cho những người có đức tin

Như vậy, qua cuộc điều tra xác thực, đã được làm rõ:

Tín ngưỡng ly giáo, và

Giáo lý của họ, và

Các việc làm của họ:

Và điều đó đã được chứng minh rõ ràng rằng:

Niềm tin của họ là sai lầm,

Giáo lý của họ gây hại cho tâm hồn, và

Hành động của họ không đẹp lòng Chúa.

Lời khuyên dành cho những người có đức tin chân chính

Hãy xem xét kỹ, hỡi dân của Đức Chúa Trời, và hiểu rõ sự lừa dối và sự độc hại đối với tâm hồn của những kẻ ly giáo, *và hãy đề phòng những con chó, hãy đề phòng những kẻ làm điều ác*[699] . Hãy đề phòng những con sói, những kẻ từ rừng Bryn ra đi, lén lút đến với các ngươi trong bộ lông cừu, và cố gắng lừa dối các ngươi bằng những lời tiên tri và giáo lý dối trá, nhằm lôi kéo các ngươi vào sự hủy diệt của chính mình. Chính những kẻ ấy mới thực sự là những tiên tri giả và những thầy dạy giả, về họ mà Thánh Tông Đồ Phê-rô, vị Tông Đồ tối cao, đã tiên báo, rằng: *"Đã có những nhà tiên tri giả dối trong dân chúng, và cũng sẽ có những nhà giảng dạy giả dối trong anh em, những kẻ sẽ đưa vào những tà thuyết dẫn đến sự hủy diệt, từ chối Đấng Cứu Chuộc của họ, và tự chuốc lấy sự hủy*

---

[698] Ê-sai 5:20.

[699] Phi-líp 3:2.

diệt nhanh chóng cho chính mình: Và nhiều người sẽ theo những hành vi ô uế của họ, khiến con đường chân lý bị phỉ báng; và bằng những lời nịnh hót ngày càng gia tăng, họ sẽ lôi kéo các anh em: sự phán xét dành cho họ từ lâu đã được định sẵn, và sự diệt vong của họ không bao giờ chần chừ[700] .

Đó chính là những người mà Thánh Tông Đồ Phaolô, vị Tông Đồ tối cao, đã ra lệnh phải đề phòng, khi ngài phán: *"Anh em thân mến, tôi khẩn khoản xin anh em, hãy đề phòng những kẻ gây chia rẽ và xáo trộn, ngoài giáo lý mà anh em đã được dạy, và hãy tránh xa họ"*[701] .

Đó chính là *những kẻ dạy dỗ sai lầm, không tuân theo những lời lành mạnh của Chúa Giê-su Christ, cũng như giáo lý dựa trên đức tin chân chính; họ kiêu ngạo, không biết gì, bị bệnh hoạn bởi sự mê tín, tranh cãi và cãi vã*[702] .

Đó chính là *những kẻ từ đó nảy sinh sự ghen tị, sự hăng hái mù quáng, những lời phỉ báng, những lời dối trá xảo quyệt, những cuộc trò chuyện xấu xa của những người bị suy đồi trí tuệ và mất đi lẽ thật, những kẻ không ngừng theo đuổi những lợi ích* ảo tưởng, coi *sự đạo đức* giả của họ là *sự đạo đức* thật[703] . Vì họ sống trong sự gian ác, tự cho mình là người đạo đức, và bằng cách lừa dối người khác, họ chiếm đoạt tài sản của họ, hưởng lợi từ những khoản bố thí của những người giàu có. Phao-lô ra lệnh cho Ti-mô-thê phải tránh xa những kẻ lừa dối như vậy, những kẻ thiếu sự thật, bị suy đồi về trí tuệ, và là những kẻ phỉ báng xảo trá:

Đó chính là những kẻ xâm nhập vào các gia đình và lôi kéo những người trẻ tuổi đang mang nặng tội lỗi, bị dẫn dắt bởi đủ loại dục vọng, luôn luôn học hỏi, nhưng không bao giờ có thể đạt đến sự hiểu biết về lẽ thật[704] .

Đó chính là những kẻ xảo trá và những kẻ phù thủy, ngày càng sa đọa, lừa dối người khác và cũng bị lừa dối[705] .

Chính những kẻ đó là những người mà Thánh Gioan Vàng Miệng đã mô tả tính cách, khi ngài phán: "Họ không chỉ là những con sói, mà còn là những kẻ phán xét sự bất chính, những kẻ chống đối, những kẻ thù, những kẻ vu khống, những kẻ phỉ báng, những kẻ đạo đức giả, những kẻ trộm cắp, những kẻ cướp bóc, những kẻ giảng dạy sai lầm, và những nhà tiên tri giả, những người hướng dẫn mù quáng, những kẻ quyến rũ, những kẻ thù xảo quyệt của Đấng Christ, những kẻ điên rồ, những con cái của kẻ ác, và những kẻ chống lại Thánh Linh, những kẻ đã phỉ báng Thánh Linh đầy ân sủng, những kẻ sẽ không được tha thứ trong đời này cũng như đời sau, vì họ đã dám phỉ báng con đường chân lý[706] . Ngoài *ra, còn có những con cái của ma quỷ xảo quyệt,* như Chúa đã phán với chúng: *"Các ngươi là con cái của cha các ngươi là ma quỷ"*[707] . Và một lần nữa, nhà thần học Gioan đã nói: *"Chúng rõ ràng là con cái của ma quỷ."* Đến đây là lời của Thánh Gioan Vàng Miệng.

Hỡi những người yêu dấu, hãy đề phòng những kẻ như vậy! Tôi khẩn cầu và khuyên nhủ các bạn; đừng để ý đến những chuyện hoang đường của họ. Bởi vì Thánh Phaolô cũng đã khuyên nhủ Timôthê như vậy: *"Hãy từ chối những chuyện hoang đường xấu xa và những chuyện vô bổ của phụ nữ; hãy rèn luyện bản thân để sống đạo đức*" (*[708]*). Hãy đề phòng những cuộc trò chuyện của họ, đừng để ý đến những giáo lý sai lầm của họ; hơn nữa, hãy tránh xa sự giao du với họ, và đừng tiếp đón những kẻ như vậy vào nhà mình, những kẻ đang tìm cách lôi kéo các con ra khỏi con đường chân lý. Hãy lắng nghe lời khuyên hữu ích của Thánh Gioan Thần Học, người đã phán: *"Ai vi phạm và không ở lại trong giáo huấn của Đức Kitô thì không có Thiên Chúa; còn ai ở lại trong giáo huấn của Đức Kitô thì người ấy có Cha và Con*"[709] . Nếu có ai đến với các con mà không mang theo giáo huấn này, thì đừng tiếp đón người ấy vào nhà, cũng đừng chúc mừng người ấy. Vì nếu các ngươi chúc mừng người ấy, tức là các ngươi đồng lõa với việc ác của người ấy. *Cũng như ai chạm vào* lửa địa ngục *(nhựa thông) sẽ bị nhuốm đen* bởi nó (như Sách Sirach đã nói)[710] : vậy ai giao du với những kẻ dị giáo, sẽ bị ô uế bởi họ.

---

[700] 2 Phi-e-rơ 2:1, 2 và 3.
[701] Rô-ma 16:17.
[702] 1 Ti-mô-thê 6:3 và 4.
[703] 1 Ti-mô-thê 6:4 và 5.
[704] 2 Ti-mô-thê 3:6 và 7.
[705] Cùng đoạn, câu 13.
[706] Margarit, đoạn 13 về những kẻ dạy dỗ sai lầm, trang 466.
[707] Giăng 8:44.
[708] 1 Ti-mô-thê 4:7.
[709] 2 Giăng 1:9.
[710] Sách Khôn ngoan 13:1.

Hỡi những người tin lành, hãy biết rằng: bất cứ ai tiếp đón những kẻ ly giáo, là kẻ thù của Hội Thánh Chúa Kitô, kết bạn với họ, và ban phát của cải từ tài sản của mình cho họ, thì người ấy chính là kẻ thù của chính Chúa Kitô, Đấng là Đầu của Hội Thánh Ngài. Vì ai hợp tác với kẻ thù của vua và nuôi dưỡng kẻ ấy, thì không phải là bạn của vua, mà là kẻ thù. Cũng vậy, ai hợp tác với kẻ thù của Giáo hội Thánh, là thân thể của Đầu là Chúa Kitô, thì không phải là tôi tớ trung thành với Chúa Kitô, mà là kẻ thù của Ngài. Và cũng như đứa con yêu mến kẻ thù của cha mình thì thực sự không yêu mến cha mình, và bản thân nó cũng không xứng đáng được cha yêu mến: cũng vậy, người Kitô hữu yêu mến những kẻ thù của Chúa Kitô – những kẻ gây chia rẽ và những kẻ dị giáo – thì thực sự không yêu mến Chúa Kitô, và bản thân họ cũng không được Ngài yêu mến; vì Chúa Kitô yêu thương những ai yêu mến Ngài. Vậy thì làm sao người ấy có thể tự xưng là yêu mến Chúa Kitô, khi lại giao du với những kẻ xé rách áo choàng của Chúa Kitô, và xé nát thân thể Ngài, tức là Hội Thánh thánh thiện hiệp nhất với Ngài? Nếu anh em thực sự yêu mến Chúa Kitô, hãy xa lánh những kẻ phỉ báng Hội Thánh của Chúa Kitô, những kẻ sủa như chó, hú như sói và xé xác Hội Thánh thành từng mảnh. Thật tốt khi noi gương Đa-vít khi ngài nói: *"Chẳng phải những kẻ ghét Ngài, lạy Chúa, là những kẻ tôi đã ghét sao? Và những kẻ thù của Ngài, tôi đã tiêu diệt họ rồi sao?" Tôi đã ghét họ bằng lòng căm thù trọn vẹn, và những kẻ thù ấy đã trở thành*[711]

Hỡi những người tin Chúa, tôi xin dâng lên tình yêu của các bạn! Tôi kết thúc bài giảng của mình dành cho các bạn bằng những lời của Thánh Gioan Thần Học như sau:

Ai biết Đức Chúa Trời thì sẽ vâng lời chúng ta; còn ai không thuộc về Đức Chúa Trời thì sẽ không vâng lời chúng ta: nhờ *điều này, chúng ta nhận biết Thánh Linh của sự thật và Thánh Linh của sự dối trá*[712] .

Còn Đức Chúa Trời, Đấng đầy lòng thương xót, không muốn sự chết cho những kẻ có tội, những kẻ đã sa ngã vào sự chia rẽ và tranh chấp, và những kẻ đã lìa bỏ Hội Thánh thánh thiện của Ngài, xin hãy dẫn dắt họ trở lại con đường chính trực, qua những định mệnh mà Ngài đã sắp đặt cho họ, và xin hãy đưa họ trở lại với đoàn chiên thánh thiện và được chọn của Ngài.

Xin Ngài hãy củng cố và làm vững chắc các con cái của Ngài, những người trung thành với Mẹ Giáo hội Công giáo Thánh thiện và luôn giữ vững đức tin chân chính, để họ trở nên bất khuất trong đức tin thánh thiện; và xin Ngài gìn giữ Giáo hội của Ngài không bị các cổng địa ngục đánh bại cho đến tận cùng thế kỷ, Amen.

Tôi xin dâng cuốn sách nhỏ này, là thành quả khiêm tốn của công sức tôi, lên để các vị Giám mục Thánh Thiện và toàn thể hàng giáo sĩ xem xét. Vì tôi không tự cho mình là người khôn ngoan, cũng không trông cậy vào trí tuệ khiêm tốn của mình. Và nếu trong đó có điều gì sai lầm, xin hãy vui lòng sửa chữa. Còn tôi thì sẵn sàng tuân theo mọi mệnh lệnh của Giáo hội, nơi tôi là thành viên thấp nhất, là người phục vụ và làm việc khiêm nhường nhất.

[711] Thi Thiên 138:21, 22.
[712] 1 Giăng 4:6.